

# Lời Tựa

Hạt giống về quyển sách này đã được gieo trồng và lớn lên trong tâm trí tôi cách đây bốn mươi năm, qua lời nhận định tình cờ từ một diễn giả là Harry Laccy thuộc thủ đô Cardiff, rằng Lu-ca đã sắp xếp sách Phúc Âm của ông trông gần giống như một trật tự mang tính toán học. Kể từ đó, nhiều tác giả từ khắp các lãnh vực khác nhau, phái cổ điển, phái rabi, và Cơ Đốc Giáo đều dự phần đóng góp vào sự phát triển trong suy nghĩ của tôi về bản chất của văn phẩm Lu-ca, nhiều người đã giúp tôi bằng cách kiên nhẫn lắng nghe hoặc tích cực thảo luận để hình thành ý tưởng của tôi, và số người giúp đỡ tôi còn nhiều hơn là số người tôi có thể nhớ ra được. Nhưng nếu tôi có tình đạo văn từ bất cứ tư liệu nào thì tôi thành thật xin lỗi.

Cách đây bốn mươi năm khi học về cấu trúc văn chương của các sách trong Kinh Thánh (hay còn được gọi là ngành phê bình tu từ học như người ta thường gọi tại một số nơi), lúc bấy giờ ngành này chỉ mới được bắt đầu; nhưng trong khoảng một thập niên vừa qua thì đã có vô số ngành nghiên cứu này tràn đến như một trận lụt. Nhưng không cần phải chờ đến khi nước rút thì chúng ta mới có thể thấy rõ ràng hình dạng cố định sau cùng của toàn bộ cảnh vật. Trong lúc đó, một cái nhìn đúng về phương tiện và cứu cánh là để nhắc chúng ta rằng nghiên cứu về cấu trúc văn chương phải luôn được giữ ở vị trí thứ yếu mà nỗ lực chính yếu là phải hiểu được dòng tư tưởng của Lu-ca và sứ điệp mà ông được hà hơi để chuyển tải. Chương giới thiệu sẽ nêu lên lời giải thích phương pháp của tôi về cách nghiên cứu tác phẩm Lu-ca; nhưng có lẽ các độc giả sẽ cảm thấy thích thú hơn nếu bắt đầu trước với phần chú giải theo qui tắc (trang 26), và cứ để phần giới thiệu lại để đọc sau cho đến khi bạn đã đọc hết sách này.

Trừ những chỗ tôi sẽ đánh dấu, ngoài ra tất cả những phần trích dẫn Kinh Thánh đều theo bản dịch của tôi.

Những nhà chủ bút và những nhà tư vấn khác nhau của nhà In đã hỗ trợ tôi với những lời nhận định mở rộng và cần trọng. Tôi xin cảm ơn về tất cả những sự giúp đỡ, khích lệ đầy nhiệt huyết của họ,

họ đã đóng góp không nhỏ trong việc khéo léo thuyết phục và dẫn tôi bước vào văn chương của phần tư cuối cùng của thế kỷ thứ hai mươi. Dĩ nhiên, những lỗi còn lại về ngôn ngữ học, văn chương và thần học thì bạn nên đổ lỗi cho tôi chứ chẳng phải họ đâu.

Việc đánh máy bản thảo đầu tiên do bà Sue Meara thực hiện, phần còn lại của bản thảo ấy và những bản thảo tiếp theo là do bà Barbara Mamilton, trong cả hai lần hai bà đều thực hiện rất giỏi và hoàn hảo. Tôi xin ghi ơn hai bà.

Sách này được tặng cho những người bạn thân trong đời của tôi là Bill và Glenda Cowell. Ông Bill là người đã giúp tôi khám phá nét đẹp phong phú của sách Phúc âm Lu-ca. Suốt nhiều năm, căn nhà của Bill và Glenda từng là nơi để tôi và vô số người khác được nhìn thấy lòng hiếu khách của họ chiếu sáng, mà theo sách Lu-ca, Chúa của chúng ta rất thán phục và hết sức kêu gọi chúng ta có tấm lòng tương tự. Nguyện Ngài sẽ ban cho họ phần thưởng mà Ngài đã hứa.

*David Gooding*

# THEO THÁNH LU-CA

## Nội Dung

Lời Tựa 1

Lu-ca Trình Bày Về Đấng Christ 4

Mục đích, Phương Pháp và Giải Thích 6

### **Phần Một: Ngài Đến** 24

Giai đoạn 1: Ngài Đến 1:5-2:52 26

Giai đoạn 2: Phần Giới Thiệu về Con Đức Chúa Trời 3:1-4:44 76

Giai đoạn 3: Đường Lối của Chúa đối với tội lỗi và tội nhân 5:1-7:1  
108

Giai đoạn 4: Đường Lối Của Chúa Trong Sự Cứu Rỗi 7:2 - 8:56

145.

Giai đoạn 5: Đấng Christ Và Mục Đích Cứu Chuộc 9:1 - 50 183

### **Phần Hai: Ngài Đi** 211

Bản Chất Của Hành Trình 212

Giai đoạn 1: Đường đến vinh hiển 9:51 - 10:37 221

Giai đoạn 2: Căn nhắc những điều đúng đắn về tính cần thiết, tính ưu  
tiên và sự cân đối trong đời sống 10:38 - 13:21 245

Giai đoạn 3: Số phận chờ đợi chúng ta 13:22-17:10 303

Giai đoạn 4: Chuẩn bị đồng trị với Chúa 17:11-19:28 330

Giai đoạn 5: Vua bước vào sự vinh hiển 19:29-24:53 255

Phụ lục 416

# Luca

## Trình Bày Đấng Christ

Được Thánh Linh hà hơi, phúc âm của Lu-ca trình bày về Đấng Christ được sắp xếp thành hai phần chính: Trước hết là Ngài từ trời đến trên đất; và kế đến là Ngài từ đất về trời. Câu Kinh Thánh chuyển đổi hai sự kiện này nằm ở đoạn 9 câu 51.

Một khung cảnh vô cùng đáng nhớ đã đánh dấu giai đoạn bắt đầu của phần ‘Ngài đến’, khi Ma-ri và Giô-sép đến Bết-lê-hem để khai tên mình vào sổ trong đợt thống kê dân số toàn thế giới dưới thời đế quốc Lamã. Không còn một phòng trọ nào để Đấng Cứu Thế của toàn thế giới được sanh ra. Tuy vậy, sự kiện Ngài đến đã được kết thúc trong vinh hiển: tại núi hóa hình Đấng Christ xuất hiện trong uy quyền oai nghiêm và Ngài là trung tâm của vương quốc trên toàn cõi vũ trụ hầu đến của Đức Chúa Trời.

Một sự kiện đáng ghi nhớ tương tự đã đánh dấu giai đoạn bắt đầu của sự kiện ‘Ngài đi’ (xem 9:51-56): những người Sa-ma-ri từ chối đón tiếp Ngài vào làng. Ngài quở trách các môn đồ vì đã muốn trả đũa trong cơn nóng giận, sau đó Đấng Christ nhắc nhở họ (xem 10:20) rằng tên của họ đã được ghi vào sổ công dân của một thành còn vinh hiển hơn. Thật rất thích đáng khi đỉnh điểm của sự kiện ‘Ngài đi’ cho thấy Con Người Jê-sus, đã bị khước từ, bị đóng đinh trên đất, nhưng bây giờ Ngài đã sống lại và thăng thiên, được tiếp đón về trời cách đầy vinh hiển.

‘Ngài đến’ và ‘Ngài đi’: giữa hai phần này là lời tóm gọn sứ điệp cứu rỗi của Lu-ca. Con đời đời của Đức Chúa Trời vốn hiện hữu từ trước đã đến thế gian của chúng ta, trở nên con người như chúng ta để có thể bảo đảm cho chúng ta ngay trên thế giới này về sự tha thứ, tình trạng nguyên lành, bình an với Đức Chúa Trời và bảo đảm rằng cuối cùng ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện dưới đất cũng như ở trời.

Nhưng còn hơn nữa. Bởi sự kiện Ngài đi, Ngài đã mặc lấy sự khiêm nhường ở mức cao nhất trong toàn cõi vũ trụ. Đi theo Đấng

ban sự cứu rỗi trên con đường này, bất cứ ai tin cậy nơi Ngài một ngày kia sẽ được Ngài đem đi và chia sẻ sự vinh hiển của Ngài trong thế giới đầy vinh hiển ấy, và cùng đồng trị với Ngài khi Ngài trở lại.

Và bây giờ tôi xin trình bày giai đoạn đầu của phần 'Ngài đến'.

## Mục Đích, Phương Pháp và Giải Thích

(Chương nằm trong ngoặc đơn này đòi hỏi rất nhiều chuyên môn. Bạn đừng đọc ngay giờ này trừ khi bạn muốn. Nhưng bạn hãy đọc thẳng vào trang 26 và chỉ trở lại với phần này sau khi đã hoàn tất cả quyển sách này.)

Việc nghiên cứu này về sách Phúc Âm Lu-ca là nhằm mục đích khám phá được ý chính và mục đích của từng phần trong lời tường thuật. Vì thế chúng ta hãy bắt đầu giải thích xem chữ ‘ý chính và mục đích’ ở đây có nghĩa là gì.

Thật ra, không cần phải đọc nhiều mới khám phá được mục đích của tác phẩm Lu-ca: vì chính ông đã trình bày mục đích trong phần mở đầu của mình (1:1-4). Ông viết sách này để Thê-ô-phi-lơ biết những điều mình đã học là chắc chắn. Lời công bố này khẳng định rằng điều Lu-ca ghi lại là đáng tin cậy và đầy thẩm quyền; đương nhiên con người vẫn mãi tranh luận về những lời công bố này. Còn chúng ta thì không dự định tiếp tục thảo luận về nó. Bài nghiên cứu này chấp nhận niềm tin theo truyền thống rằng Lu-ca viết sách dưới sự hà hơi của Đức Thánh Linh nên lời tường thuật của ông đáng tin cậy. Nói như thế không có nghĩa là cho rằng việc nghiên cứu của các học giả về tính lịch sử của tác phẩm Lu-ca là không đúng hoặc không ích lợi; nhưng muốn nói rằng độc giả muốn theo dõi những cuộc tranh luận đang diễn ra về lãnh vực này của tác phẩm Luca thì hãy tham khảo các sách chú giải của các nhà uyên bác. Hẳn nhiên Lu-ca muốn chúng ta tin cậy khi ông nói rằng ông đã cẩn thận tra cứu mọi việc từ đầu, và ông mong chúng ta thừa nhận rằng những lời ông nói là đáng tin cậy. Chúng ta đồng ý như vậy và muốn xem ông sẽ nói cho chúng ta nghe điều gì và theo ông điều nào là có ý nghĩa, và tại sao ông cho rằng chúng ta phải biết về điều đó, đồng thời ông mong đợi chúng ta áp dụng điều ấy như thế nào. Ông công bố rằng mục đích viết sách của ông để thuyết phục chúng ta về tính đáng tin cậy của những câu chuyện Kinh Thánh: Vậy ông không có ý định giúp chúng ta thấy được ý chính của những câu chuyện ấy sao?

Đồng thời, việc đề cập đến sách chú giải của những học giả uyên bác là rất đúng đắn để nhấn mạnh rằng chúng tôi không dự định trình bày sách này cho những học giả chuyên sâu về Tân ước. Nhưng nó được viết ra cho vô số những độc giả có lòng, không phải là chuyên gia nhưng rất nghiêm túc nghiên cứu sách Lu-ca, nan đề họ gặp không phải là không hiểu được chính xác điều Lu-ca muốn nói<sup>1</sup> nhưng là không hiểu được tại sao ông nói điều ấy.

Chúng tôi nghĩ có lẽ những độc giả này cảm thấy có thể tin cậy bất cứ sự kiện gì Lu-ca ghi lại cũng xảy ra chính xác y như điều ông đã tường trình; họ cũng cho rằng hầu như Lu-ca không vì bất cứ lý do gì để tường thuật sự việc vượt quá sự thật. Theo bản năng, họ cho rằng chắc hẳn Lu-ca phải nhìn thấy ý nghĩa trong những sự kiện mà ông đã chọn lọc để ghi lại và ông (hoặc Đức Thánh Linh Đấng hà hơi trên ông) có ý định chuyển tải ý nghĩa này cho độc giả. Vì thế khi họ tham khảo với những nhà phê bình bản văn, các nhà dịch Kinh Thánh, các sử gia và các nhà giải kinh, họ hiểu rõ ràng và chính xác điều Lu-ca đã tường trình trong một số sự kiện, nhưng họ vẫn cảm thấy chưa thỏa lòng. Họ cảm thấy có điều gì đó vẫn chưa được phơi bày, và dĩ nhiên, điều gì đó chính là ý nghĩa của sự kiện mà trước giả muốn nói. Nếu được đòi buộc họ có thể viết ra chính xác lời tường trình của Lu-ca; và thậm chí họ còn có thể giảng dựa vào nền tảng của điều Lu-ca trình bày, vì họ là những người thông minh và đầy sáng tạo. Nhưng họ vẫn cảm thấy không chắc, liệu ý nghĩa của bài giảng mà họ trình bày cho người nghe có chính xác là ý nghĩa Lu-ca dự định không. Vậy làm thế nào để chúng ta biết chắc đâu là ý của tác giả Lu-ca?

Đây là lý do mà chúng tôi muốn dùng sách nghiên cứu này để giúp bạn, bằng cách đề nghị những cách thức hoặc phương tiện để

---

<sup>1</sup> Trong các sách chú giải đã có sẵn những phần giải kinh phong phú để hỗ trợ cho những người không chuyên khám phá chính xác những gì Lu-ca trình bày trong bất cứ phân đoạn nào. Bất cứ nơi nào mà ý nghĩa của Lu-ca khó hiểu hoặc dễ gây tranh cãi, thì công việc này sẽ giới thiệu người đọc đến trước hết là sách tham khảo I. Howard Marshall's *The Gospel of Luke*, là một sách chú giải dựa vào Văn Mạch Hi Lạp (Exeter, Paternoster Press, 1978). Không những nhận định trong sách này là vững vàng và công bằng, nhưng sách còn trưng dẫn rộng khắp công việc nghiên cứu của các học giả khác về từng quan điểm của họ. Phần tham khảo của Howard dưới hình thức 'Marshall, trang— là dành cho phần chú thích này.

chúng ta có thể đến gần hơn và nắm bắt được mục đích và ý chính của từng phần trong lời tường thuật của Lu-ca. Chắc chắn trong nhiều phần, ý chính được trình bày rất rõ ràng. Ví dụ như khi Lu-ca ghi lại rất dài về bài dạy dỗ đạo đức của Chúa Jêsus, chẳng nghi ngờ gì mục đích chủ yếu của ông là, như trong đoạn mở đầu của Lu-ca, để bảo đảm với chúng ta rằng đây là lời tường thuật đáng tin cậy về lời dạy dỗ của Đấng Christ. Nhưng bản năng tự nhiên của một tín hữu sẽ cho chúng ta biết, thậm chí nếu ngay cả một nhà giải kinh khó tính không nhìn thấy, rằng đây không phải là mục đích duy nhất của ông: mục đích của ông cũng là dẫn chúng ta đến chỗ tiếp nhận lời dạy dỗ về đạo đức này và áp dụng vào đời sống.

Tuy nhiên, với những loại tường trình khác, không phải lúc nào chúng ta cũng dễ dàng nhìn thấy mục đích và ý chính. Ví dụ, qua lời tường thuật về sự giáng sinh của Chúa. Chúng ta có vài dòng để biết về ông Xa-cha-ri (xem 1:57-66), ông đặt tên cho con trai mình là Giăng trước sự khẳng định của thiên sứ và trước sự chống đối như bão táp của bạn hữu và bà con.

Thế là ngay sau đó ông được cứu khỏi tình trạng câm mà ông phải mang lấy lâu nay vì không tin lời loan báo ban đầu của thiên sứ. Chúng ta sẽ hỏi, 'cái gì!' Liệu chúng ta có bị đặt vào hoàn cảnh giống ông không?

Chắc chắn việc làm theo lời theo lời thiên sứ là rất tốt cho ông Xa-cha-ri. Nhưng tại sao Lu-ca phải kể câu chuyện này cho chúng ta? Hơn nữa, có ảnh hưởng gì đến chúng ta nếu Xa-cha-ri đặt tên cho con mình là Giăng, Ti-mô-thê, A-ghê, hay là Sa-lô-môn?

Hay là chúng ta hãy xem trường hợp Lu-ca chọn ghi lại thời niên thiếu của Đấng Christ (xem 2:41-51). Đây là câu chuyện duy nhất về thời niên thiếu của Đấng Christ, và chúng ta rất biết ơn Lu-ca về điều này, vì Lu-ca khẳng định rằng giai đoạn này thật sự đã xảy ra chứ không phải là chuyện huyền thoại. Nhưng tại sao ông chỉ kể cho chúng ta nghe một câu chuyện này trong cả cuộc đời niên thiếu và thời thanh niên của Ngài? Hẳn nhiên chúng ta sẽ không nói Lu-ca ghi lại vì câu chuyện này đã xảy ra. Chắc chắn là câu chuyện ấy đã xảy ra, nhưng đã xảy ra kèm theo với nhiều câu chuyện khác nữa trong một giai đoạn rất dài. Và thật khó để cho rằng sau khi đã nghiên cứu toàn



bộ thông tin từ lúc ban đầu (xem 1:1-3) thì đây là câu chuyện duy nhất mà Lu-ca được nghe về thời niên thiếu của Ngài. Vậy, tại sao ông chỉ thuật lại một câu chuyện? Mà tại sao lại là chuyện này? Có phải nó được ghi lại vì đó là trường hợp điển hình mà Lu-ca thường nghe người ta nhắc đến nhiều nhất về thời niên thiếu của Ngài không? Hoặc ngược lại, đó là một trường hợp bất thường trong một sự kiện trọng đại? Ai sẽ được ích lợi khi câu chuyện này được kể ra lần đầu tiên? Các thầy Ra-bi? Hay là Ma-ri và Giô-sép? Ma-ri và Giô-sép hầu như không xuất hiện cách xuất sắc trong câu chuyện này: Vì trông họ rất bối rối và lo lắng. Vì thế, có phải chúng ta muốn kết luận rằng bất chấp tất cả những điều Ma-ri được loan báo về sự độc đáo của Con Trẻ, Ma-ri cũng không mong rằng đứa trẻ sẽ cư xử một cách đặc biệt đến thế? Nếu đúng như vậy thì mục đích của câu chuyện là để chúng ta kinh ngạc hay là để cảm thông? Hoặc câu chuyện này kể lại để các diễn giả có thể dùng cảnh báo chúng ta không nên như Ma-ri và Giô-sép, đi một hành trình dài như thế mà không cần trông cứ tưởng Chúa Jê-sus cùng đi trong khi Ngài ở lại. Hoặc có phải tất cả mục đích chỉ là muốn nói về Ma-ri và Giô-sép mà sự lo lắng của họ chỉ là một chi tiết nằm trong hoàn cảnh ấy, còn thực ra mục đích chính của câu chuyện này là để cung cấp cho các nhà thần học bằng chứng về tính tự nhận thức của Con Trẻ Jê-sus, để các nhà thần học có thể sử dụng trong việc giải thích môn Đấng Christ học của họ?

Có lẽ đáp ứng đúng đắn nhất cho tất cả những câu hỏi này là quan sát để thấy rằng đây không phải là chuyện hoang đường, do tác giả hư cấu để chuyển tải một sứ điệp cụ thể. Nhưng nó là một mảnh của lịch sử cũng như bất cứ mảnh nào trong lịch sử (thậm chí còn hơn thế nữa!), và nó có vô số ý nghĩa, vì thế, thậm chí chúng ta mong là từ câu chuyện này chúng ta có thể truy tìm thông tin về bất cứ điều gì cần được truy nguyên cách hợp pháp.<sup>1</sup> Tuy nhiên, với hi vọng rằng Lu-ca sẽ cho chúng ta một số hướng dẫn để biết cách giải thích câu chuyện ông tường thuật, nhưng khi thấy ông chẳng cho chúng ta một lời hướng dẫn nào, chúng ta có thể cảm thấy nản lòng.

---

<sup>1</sup> *Hãy lưu ý đến số lượng của những phân đoạn mà trước giả để lại cho độc giả tự phân tích theo ý chủ quan của mình - là điều khiến người ta sẽ dễ nhớ; nếu sau này có bất cứ ai có khuynh hướng than phiền rằng những phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh của tác giả hiện đại vốn đã rất chủ quan.*

Sự nản lòng của chúng ta xuất hiện một phần từ sự kiện chúng ta là những con người hiện đại và chúng ta rất quen thuộc với cách viết của những sử gia hiện đại. Những sử gia hiện đại không chỉ gom góp và ghi lại sự kiện của một trường hợp, nhưng độc giả còn mong họ phải nêu lên được ý nghĩa của những sự kiện ấy, đưa ra những lời phân tích và bày tỏ quan điểm. Nếu một sử gia không làm được điều này thì người ấy khó được thừa nhận là một sử gia. Nhưng Lu-ca thì không làm như vậy. Thật ra, giống như những trước giả cộng quan khác của sách Phúc Âm, ông là người khá nổi bật trong việc thỉnh thoảng nói lên những lời nhận định mang tính phân tích.<sup>1</sup> Nhưng ông ta lại không phải là sử gia hiện đại, mà là một sử gia xưa. Ông viết theo truyền thống của những sử gia Kinh Thánh rất vĩ đại, là những người nổi tiếng trong việc nối kết sự kiện với lời nhận định ở mức tối thiểu.

Tuy nhiên, nếu trước đây chúng ta đã vội vàng kết luận rằng như thế có nghĩa là Luca đã thụ động trong việc giúp chúng ta hiểu hoặc phân tích những sự kiện mà ông đã ghi lại, thì chúng ta cần quan sát thấu đáo các sử gia Kinh Thánh đầu người đó là ai. Lu-ca có những nét độc đáo giống các sử gia xưa và nhất là với nhà tiền phong vĩ đại của ngành khoa học lịch sử là ông Thucydides. Cách Lu-ca sử dụng văn chương trong sách Công vụ các sứ đồ thường được đem ra so sánh với văn chương lịch sử của Thucydides.<sup>2</sup> Thucydides bảo đảm với chúng ta rằng ông đã nghiên cứu thấu đáo các nguồn tư liệu mà ông có được, nhưng hiếm khi nào ông trích từ những nguồn tư liệu ấy.<sup>3</sup> Lu-ca cũng vậy. Và đây là điều thậm chí còn thú vị hơn, Thucydides có lối viết đặt hai sự kiện bên cạnh nhau hoặc hai bài viết chứa đựng những điều vô cùng tương tự hoặc tương phản đến nỗi độc giả phải suy gẫm về những điểm tương đồng hoặc tương phản này. Từ đó, Thucydides không cần tự do nêu những nhận định của riêng mình mà các độc giả vẫn tự nhận ra tính mỉa mai, tính bi kịch, hoặc bất cứ điều gì trong cảm xúc tự nhiên của một người sau

---

<sup>1</sup> Dĩ nhiên là ông có vài điều. Ví dụ như trong 18:1 và 19:11

<sup>2</sup> Hãy xem chẳng hạn như I. Howard Marshall, sách Công Vụ Các Sứ Đồ: Phần giới thiệu và chú giải TNTC (IVP, 1980) trang 42

<sup>3</sup> Hãy xem H. D. F. Kitto, *Poiesis, Structure and Thought* (University of California Press, 1966) trang 289. 234

khi suy nghĩ thấu đáo về hai câu chuyện hoặc hai bài nói chuyện để so sánh và nêu bật những tương phản. <sup>1</sup>Nội dung bài viết của Lu-ca thì khác nhưng ông dùng cùng một phương pháp.

Ví dụ trong đoạn 7:36-50, ông thuật lại một câu chuyện mà các trước giả khác của sách Phúc âm không đề cập. Một phụ nữ đường phố bước vào nhà của Simôn người Pharisi, nơi Đấng Christ đang ngồi để dự bữa ăn tối, người phụ nữ này bắt đầu quan tâm đặc biệt đến Chúa Jêsus Christ. ‘Người Pharisi thầm nghĩ, nếu người này thật là nhà tiên tri, chắc đã biết người đàn bà chạm đến mình đó là ai,...’ Nhưng Đấng Christ không xuất hiện để quan sát ai là người động đến Ngài- hoặc ít nhất Ngài cũng không quan tâm quá đáng như Simôn. Và câu chuyện cứ thế tiếp tục cho đến khi kết luận.

Trong đoạn kế tiếp, ông lại thuật một câu chuyện nữa (8:34-38): ‘Một người đàn bà đến đằng sau và chạm vào gấu áo Ngài... và Chúa Jêsus phán rằng, “Ai đã chạm đến Ta” không một người nào tự nhận cả, nên Phi-e-rơ nói, “thưa thầy, đoàn dân vây quanh và lấn ép Thầy đó...” Nhưng Chúa Jêsus phán, “Có người nào đó đã chạm đến Ta, vì Ta nhận biết có năng lực từ Ta phát ra.” Và khi người đàn bà thấy mình không thể giấu được nữa...’ Nếu Lu-ca là một sử gia hiện đại, chắc hẳn ông đã giới thiệu rất hay về câu chuyện thứ hai với lời đầy ẩn tượng: ‘Chỉ một vài phút trước chúng ta thấy khả năng tiên tri của Chúa Jêsus đã phát hiện được phẩm hạnh của người đàn bà chạm đến Ngài khiến dấy lên một thắc mắc nghiêm trọng. Bây giờ chúng ta sẽ xem đến một câu chuyện nữa mà ít nhất một phần trong câu chuyện này sẽ trả lời cho những nghi ngờ dấy lên từ câu chuyện trước.’ Và rồi vào cuối câu chuyện, có lẽ ông lại thêm vào lời nhận định mang tính phân tích như sau: ‘Hai câu chuyện này đã dẫn chúng ta vào điều mấu chốt của chức vụ của Chúa Jêsus. Cả hai câu chuyện này đều nói về người nữ, cả hai đều liên quan đến sinh lý, cả hai đều nói về sự rối loạn: câu chuyện đầu liên quan đến rối loạn về đạo đức, nhưng câu chuyện sau liên quan đến rối loạn về cơ thể. Cả hai người phụ nữ này đều bị tổn thương vì bị xã hội chính thống ruồng bỏ,

<sup>1</sup> Ví dụ nổi tiếng nhất về lãnh vực này của Thucydides là hai sự kiện đặt kề cạnh bên nhau của Melian Dialogue và lời tường thuật của Sicilian Expedition (cuối quyển V và đầu quyển VI). Nhưng còn có những chỗ khác nữa. Hãy xem H.D.F. Kitto, *op.tit* trang 333-338 và trọn cả phần này, trang 279-354.

người nữ thứ nhất sợ gây ô nhiễm về đạo đức, người nữ thứ hai sợ gây ô uế về nghi lễ. Đấng Christ đã chấm dứt tình trạng cô độc của họ và công bố rằng thật xứng đáng để đem họ trở lại với xã hội khá sạch và tốt, nhưng để làm điều này Ngài thấy rằng sức mạnh của Ngài về đạo đức và hiểu biết của Ngài về cơ thể bị phê bình là hơi hợt đối với câu chuyện này và cường điệu đối với câu chuyện kia. Tuy nhiên, hãy lưu ý, trong từng trường hợp, lời bênh vực hoàn toàn đúng của Chúa Jêsus Christ đã gặp phải những chỉ trích như thế nào...’ và cứ tiếp tục như thế.

Lu-ca không hề có lời nhận xét mở đầu mang tính quan sát hoặc lời nhận định kết thúc mang tính phân tích; nhưng vì thiếu những lời nhận định ấy của Lu-ca nên chúng ta có thể vội vàng suy diễn rằng Lu-ca, trước giả duy nhất dùng câu chuyện của người đàn bà tại nhà Si-môn, chọn câu chuyện này từ các nguồn tư liệu và đặt nó gần bên câu chuyện của người đàn bà mất huyết, chính ông không nhận xét về tính tương đồng hoặc tương phản, hoặc ông cũng không nói lên rằng ông không nhìn thấy bất cứ ý nghĩa nào về hai câu chuyện này. Dĩ nhiên, chúng ta không thể minh chứng một cách chắc chắn rằng Lu-ca đã nhìn thấy ý nghĩa độc đáo của hai câu chuyện này; nhưng khi chúng ta thấy điều tương tự xảy ra giữa nhiều cặp chuyện trong cả sách Phúc Âm, chúng ta có khuynh hướng cho rằng cách giải thích hay hơn dành cho việc Lu-ca thiếu những nhận định rõ ràng đó là Lu-ca là một sử gia cổ theo truyền thống của các sử gia Cựu Ước và theo truyền thống của Thucydides. Giống như họ, ông cũng rất khó nhọc trong việc điều tra những nguồn thông tin, trong việc chọn lựa các tư liệu của ông, và trong việc sắp xếp các thông tin ấy để chủ đề được liên tục, sao cho sự tương đồng và tương phản về ý nghĩa cần phải rõ ràng đối với những độc giả quan tâm. Nhưng sau đó ông phải thỏa lòng để cho Phúc âm tự truyền đạt và mời gọi sự hợp tác tích cực của độc giả trong việc nhận thức ý nghĩa của phân đoạn đó mà không liên tục can thiệp để giải thích và phân tích. Dĩ nhiên, đây không phải là cách viết sử theo lối hiện đại; đây là cách mà H.D.F. Kitto<sup>1</sup> đã gọi là phương pháp ‘ấn tượng sâu sắc.’<sup>2</sup> Lịch sử được trình bày theo lối văn này sẽ không bị tổn hại. Thucydides đã kết hợp phương pháp này với lòng đam mê tính chính xác của lịch sử: vì thế không có lý do gì cho rằng tác phẩm của Lu-ca còn kém

hơn ông ta.

Nhưng sự tham khảo này về những nghiên cứu của Thucydides có thể đánh thức các độc giả rằng phương pháp viết văn hiện đại sẽ là cách mà một học giả đến với sách Lu-ca qua việc nghiên cứu về các nhà văn cổ điển và thuộc Hi Lạp. Chắc chắn Lu-ca cũng quen thuộc với phương pháp của họ cũng như quen thuộc với lối văn truyền miệng của người A-ram. Đối với Aristotle nhà văn hiện đại thì ông cho rằng<sup>3</sup> đầu một người có thể dùng bất cứ phương pháp nghiên cứu nào để dò tìm ‘sứ điệp’ mà một trước giả như Lu-ca dự định chuyển tải, thì người ấy phải trước hết và trên hết nhìn vào ba nét đặc trưng của tác phẩm của ông. Trước hết, vào việc chọn lựa tư liệu và cân xứng trong việc dùng bao nhiêu tư liệu trong từng phần khác nhau.

Thứ hai, tìm xem bất cứ chủ đề nào hoặc ý tưởng nào tái xuất hiện trong những phần khác nhau hoặc riêng lẻ mà trước giả đã chọn lọc. Chính trong những ý tưởng hoặc chủ đề đã được lập đi lập lại và nhấn mạnh vào ý nghĩa mà trước giả suy nghĩ và nhìn thấu là chỗ mà chúng ta đáng phải dò tìm nhiều nhất. Và thứ ba là phải xem việc sắp xếp tư liệu của trước giả, như cách Aristotle gọi, cách ông sắp xếp từng phần tư liệu của ông sao cho có liên hệ với nhau và đồng thời nối kết với cái tổng thể, và điều này ảnh hưởng đến dòng tư tưởng xuyên suốt của lời tường thuật. Sự hợp lý trong việc sắp xếp của ông ta là gì? Ông ta có sắp xếp các tư liệu của mình cách cẩn trọng theo niên đại lịch sử không, hay ông nhóm các câu chuyện theo chủ đề tương tự? Có câu chuyện nào nối kết tư tưởng của câu chuyện trước không hay là mỗi câu chuyện đều riêng biệt? Có bất cứ câu chuyện nào hoặc nhóm chuyện nào được kể theo dòng tư tưởng của cao trào vừa rồi lên đến đỉnh điểm, buông xuôi, phức tạp rồi đến

---

<sup>1</sup> *Op. tit trang 282ff*

<sup>2</sup> *Không theo cảm nhận của lối viết sống động, nhưng theo cảm nhận của một kỹ thuật riêng biệt của lối văn tự chuyện mà không kèm theo lời giải thích hoặc nhận định của tác giả.*

<sup>3</sup> *Thật là một phương pháp sai trật khi thảo luận về tính khách quan mà sử dụng những bản phê bình văn chương của bản kinh điển Aristotle, được hình thành vào thế kỷ thứ 4 Trước Công Nguyên, dựa vào công việc của trí tưởng tượng như những thảm kịch của Hi Lạp, để có thể giải thích một công việc trái ngược hoàn toàn, tức là lịch sử dựa vào sự kiện đã được viết ra vào thế kỷ thứ nhất sau Công Nguyên, xem phụ lục 1.*

kết thúc không? Trước giả đặt cao trào vào thời điểm mà người ta thường thấy nơi một câu chuyện, hoặc mới vào đã gặp cao trào, là vị trí vô cùng bất ngờ?

Trước hết, chúng ta hãy xem xét việc Lu-ca chọn lọc và làm cho cân xứng các tài liệu của ông. Chắc chắn ông không thuật cho chúng ta nghe tất cả những lời Đấng Christ đã nói và việc Ngài đã làm. Hãy suy xét đến những gì Lu-ca đã thực hiện, trong những trường hợp mà dường như ông và ông Mác dựa vào cùng một nguồn tư liệu, thì thậm chí ông cũng không kể hết cho chúng ta nghe những gì ông tìm thấy trong tư liệu ấy. Hẳn nhiên ông đã chọn lọc những điều ông cho là quan trọng và đưa vào vị trí nào ông muốn theo chủ đề ông chọn lọc. Chúng ta hãy thử bàn về chủ đề sự hoài thai, sự ra đời, thời thơ ấu và niên thiếu của Đấng Christ. Mác thì không cho chúng ta biết chút gì về giai đoạn này. Mathiơ thì đóng góp bốn câu chuyện (hoặc là năm, sáu, tùy vào cách bạn đếm) theo các chủ đề: gia phổ, phản ứng của Giô-sép trước sự hoài thai và sự giáng sanh, cuộc thăm viếng của những nhà thông thái, chuyến đi Ai Cập để tránh cuộc tàn sát của Hê-rốt, và chuyến trở về. Và trong tất cả những điều này, chúng ta cần lưu ý, không có một lời nào đề cập đến Giăng Báp-tít là người mở đường, hoặc cha mẹ của ông. Ngược lại, Lu-ca đã chọn lọc không dưới mười câu chuyện về sự ra đời của Ngài và giai đoạn thơ ấu, năm câu chuyện có liên quan đến những sự kiện trước khi Ngài ra đời, và năm câu chuyện về sự giáng sanh và những sự kiện theo sau. Nhưng không chỉ vậy thôi, các câu chuyện ông chọn lọc đều có những điểm nhấn mạnh khác nhau. Ví dụ, từng câu chuyện trong năm câu chuyện đầu, để tham khảo về Giăng Báp-tít (1:13-17; 1:36; 1:41-44; 1:57-63; 1:76-79). Hầu như là phần kể chuyện về ông ta ngang bằng với phần giới thiệu về sự đến của Đấng Christ, nếu không nói là nhiều hơn. Hẳn nhiên là Luca rất quan tâm đến Giăng Báp-tít và cho rằng chúng ta cũng cần quan tâm y như vậy, tại sao? Để trả lời cho câu hỏi này chúng ta có thể nhìn theo hai hướng. Nếu muốn chúng ta có thể tham khảo bên ngoài sách Phúc Âm Lu-ca; và chúng ta phỏng đoán rằng có thể Lu-ca có một lý do ngoại tại để dùng tất cả những điểm này mà nhấn mạnh đến Giăng Báp-tít. Có lẽ ông có mối quan hệ với nhóm môn đồ của Giăng Báp-tít hoặc chịu ảnh hưởng bởi họ, đây là nhóm người vẫn còn tồn tại thậm chí sau

Lễ Ngũ Tuần, giống như những người mà ông đề cập đến trong Công vụ 18:24-19:7. Có lẽ ông cho rằng chức vụ của Giăng không đáng để nhận lãnh một sự nổi bật như thế, và có lẽ ông muốn làm cho vấn đề trở nên cân đối. Có rất nhiều khả năng và biết đâu một số những dự đoán của chúng ta là đúng.

Tuy nhiên, chúng ta nên nghiên cứu sâu hơn, dùng mọi nỗ lực để xét đến một hướng khác, được gọi là bằng chứng nội tại nằm ngay trong chính những câu chuyện này để xem thử điều gì nơi Giăng Báp-tít khiến Lu-ca rất quan tâm. Để thực hiện điều này, chúng ta cần thay đổi sự tập trung của mình. Như chúng ta đã nói, mặc dù Giăng Báp-tít được đề cập đến ngay trong năm câu chuyện đầu tiên, nhưng sự sắp xếp bên trong câu chuyện cho thấy Lu-ca còn quan tâm đến cha mẹ của Giăng nhiều hơn <sup>1</sup>.

Rồi nếu chúng ta hết sức tìm bắt cứ một chủ đề hoặc những chủ đề nổi bật xuyên suốt năm câu chuyện này thì chúng ta sẽ thấy như sau:

Trong câu chuyện đầu tiên (1:5-25) thiên sứ đến báo tin cho Xa-cha-ri rằng ông và vợ ông sẽ có một con trai, mặc dù họ đã rất cao tuổi; rồi thiên sứ mô tả chức vụ cao trọng mà cuối cùng con trai của ông sẽ nhận lãnh. Lu-ca có thể chấm dứt câu chuyện ngay tại Luca 1:17 nếu ông muốn; nhưng câu chuyện cứ tiếp tục được kể về Giăng Báp-tít và chức vụ sắp đến của ông là người mở đường. Lu-ca không chỉ quan tâm đến Giăng và chức vụ tương lai của ông; còn một điều gì nữa rất ấn tượng đến nỗi ông đã dành ra sáu câu kể tiếp để nói về điều đó. Xa-cha-ri không thể tin được lời thiên sứ loan báo cho ông vì thế ông bị câm vì sự vô tín của mình: 'Này, người sẽ bị câm, không thể nói được, cho đến ngày các điều ấy xảy ra, vì người không tin lời ta, là lời sẽ được ứng nghiệm đúng thời điểm' (1:20). Lu-ca giải thích điều này, khiến sự việc xấu hổ càng hơn, vì lúc ấy Xa-cha-ri đang trong giờ cầu nguyện buổi sáng tại đền thờ, và ông dự định chối dậy để chúc phước cho dân chúng đang chờ đợi bên ngoài, nhưng ông khám phá ra rằng mình không thể nói ra lời chúc phước. Sau khi làm trọn trách nhiệm của mình, ông trở về và ngay sau đó

<sup>1</sup> Ví dụ như, trong câu chuyện đầu tiên Giăng kể bằng năm câu (1:13-17), nói về cha mẹ của ông Giăng là hơn mười sáu câu (1:5-13a, 18-25)

vợ ông mang thai. Câu chuyện dừng lại tại đây và Lu-ca chuyển sang một nhân vật khác. Nhưng chúng ta hãy lưu ý đến cách của Lu-ca: Ông khiến độc giả quan tâm đến câu hỏi về tính đáng tin cậy của lời thiên sứ, ông kể về sự đoán phạt dành cho người có lòng vô tín, rồi sau đó ông muốn chúng ta suy nghĩ về câu: Xa-cha-ri sẽ bị câm cho đến khi..., chúng ta không nên thỏa lòng tại đây mà hãy chờ cho đến khi nghe hết câu chuyện. Lu-ca đã thực hiện bước đầu tiên trong việc xây dựng cao trào.

Câu chuyện thứ 2 (xem 1:26-38) tường thuật lời loan báo cho Ma-ri. Ma-ri cũng thắc mắc như Xa-cha-ri, nhưng không thắc mắc với lòng vô tín. Nan đề của Ma-ri có liên quan đến vấn đề đạo đức: cô không thể chấp nhận một cô gái chưa chồng như cô lại có thể trở thành người nữ mang thai. Thiên sứ đã cho cô câu giải đáp. Và một lần nữa (1:35) câu chuyện có thể kết thúc tại đây, vì ngay tại đây, tất cả những sự vĩ đại mà trước giả cần cho chúng ta biết về Con của Ma-ri và phép lạ về sự hoài thai đã trình bày đầy đủ. Nhưng câu chuyện vẫn tiếp tục, và khi nghe điều này, chúng ta thấy chủ đề khá giống nhau. Rõ ràng là thiên sứ thấy đức tin của Ma-ri cần được hỗ trợ và khích lệ. Vì thế thiên sứ bảo đảm rằng, không việc chi mà Đức Chúa Trời chẳng làm được (1:37). Để có thêm bằng chứng làm mạnh mẽ đức tin của Ma-ri, thiên sứ loan báo về sự hoài thai lạ lùng của Ê-li-sa-bét (1:36).

Câu chuyện thứ 3 (1:39-56) thuật lại rằng lẽ đương nhiên là sau khi nghe thiên sứ loan báo, Ma-ri đã đi thăm Ê-li-sa-bét và đang khi ở tại nhà bà ta, Ma-ri đã dâng lời tạ ơn Chúa. Những tình cảm được bộc phát nơi Ma-ri qua bài ca ngợi quá cao trọng đến nỗi lẽ ra người ta sẽ không ngạc nhiên nếu Lu-ca để nó đứng nổi bật cách riêng biệt, được giới thiệu với chi tiết ngắn gọn nhất của bối cảnh ấy. Nhưng Lu-ca không làm như vậy. Trước hết ông tường thuật Ê-li-sa-bét nói gì về Ma-ri và nói gì với Ma-ri: 'Phước cho cô đã tin, vì lời Chúa phán với cô sẽ được ứng nghiệm (1:45). Lời hứa kỳ diệu đã được ban xuống và Lu-ca ghi chép lại, nhưng tại mỗi sự kiện ông đều cho thấy rằng tin vào lời loan báo kỳ diệu ấy không phải là điều tự phát. Đối với Xa-cha-ri đây là điều ông đã không thể tin được. Vì thế, nếu Ma-ri tin, thì đây không phải là một thái độ mà cô có thường



ngày: nhưng đó là thái độ của sự chúc tụng thánh.

Sau khi Ma-ri trở về nhà thì Ê-li-sa-bét sanh con trai, khi đứa trẻ lên tám ngày thì chịu cắt bì và được đặt tên là Giăng. Bây giờ khi Lu-ca nói đến việc đặt tên cho Con Trẻ của Ma-ri, tất cả những gì ông nói đó là

‘Khi được trọn tám ngày, lúc phải cắt bì cho con trẻ, thì họ đặt tên là Jêsus, là tên thiên sứ đã đặt trước khi Con Trẻ được thai dựng trong bụng mẹ.’ (2:21). Có lẽ Lu-ca ước gì, trong câu chuyện số 4 (xem 1:57-66) ông có thể cho chúng ta lời tường trình gán gọn tương tự như thế về sự ra đời, sự cắt bì và sự đặt tên của Giăng Báp-tít, để ông có thể đi qua luôn mà không bị trì hoãn trong câu chuyện số 5 (xem 1:67-79) là lời tiên tri mà Xa-cha-ri loan báo về chính con trai của mình. Nét vinh quang, rực rỡ ở đây là ngay trong chính lời tiên tri này đã bày tỏ đức tin vào lời hứa của những tiên tri Cựu Ước (xem 1:70), vào Giao ước của Đức Chúa Trời (xem 1:72) và vào lời thề của Đức Chúa Trời (xem 1:73), chúng ta có thể không nhận ra một số điều có ý nghĩa mà Lu-ca nhìn thấy, nếu chúng ta chỉ lướt qua những chi tiết mà Lu-ca đã cẩn thận đưa vào trong câu chuyện số 4. Tám câu nói về sinh hoạt sống động trong vùng đất họ đang sống (xem 1:57-64) đem chúng ta đến cao trào: lời Xa-cha-ri được thông thả trở lại. Chắc chắn sự kiện này khiến chúng ta nhớ lại rõ ràng ông bị câm vì đã không tin vào lời thiên sứ. Kể từ lúc ấy, chúng ta thấy đức tin của ông cũng được khôi phục: ông hành động theo mạng lệnh của thiên sứ và bằng mọi cách bảo vệ cho được tên con trai là Giăng. Lu-ca đóng góp thêm hai câu nữa (xem 1:65-66) để mô tả những ảnh hưởng trên mọi người chung quanh bởi sự chuyển biến của Xa-cha-ri từ chỗ bị câm vì vô tín cho đến chỗ nói năng lưu loát trong đức tin. Theo Lu-ca, chúng ta đang ở cao trào khi ông viết ra câu chuyện số 1 này.

Chúng ta dừng lại một lát để xác định phương hướng. Trong đoạn kế tiếp chúng ta sẽ phải xem cẩn thận hơn ý nghĩa của năm câu chuyện đầu tiên. Còn bây giờ thì năm câu chuyện này được dùng để làm minh họa cho việc làm thế nào để xem xét đến việc chọn tư liệu

và cân đối các tư liệu của Lu-ca, những ý tưởng nào ông lập đi lập lại trong một chuỗi những câu chuyện liên tiếp có thể giúp nhận diện được cách ông nhìn vào những sự kiện này. Trong năm câu chuyện này, ông liên kết phép lạ trong sự ra đời của Giăng với sự hoài thai đồng trinh của Đấng Christ. Theo một ý nghĩa thì tầm quan trọng của hai sự kiện trọng đại này, tự đứng một mình vẫn vượt trội hơn tất cả những chi tiết có liên hệ. Nhưng Lu-ca không chọn để chỉ ghi lại hai sự kiện này với những yếu tố khách quan, rồi để mặc chúng ta tự nhận định. Nhưng ông mời gọi chúng ta nhìn vào những sự kiện này với kinh nghiệm chủ quan của những người được thiên sứ loan báo đầu tiên về sự việc sắp xảy ra, và ông đã nhiều lần nhấn mạnh đòi buộc là những điều này phải được thực hiện theo đức tin của họ. Nói cụ thể là ông truy nguyên chi tiết về sự tranh chiến trong lòng một người trước những nỗi nghi ngờ, từ sự thất bại ban đầu đến đắc thắng sau cùng. Chúng ta không nên ngạc nhiên khi nhớ rằng Lu-ca ghi lại những sự kiện này để Thê-ô-phi-lơ biết 'những điều mình đã học là chắc chắn' (1:4). Có lẽ Thê-ô-phi-lơ được kêu gọi để tin vào những sự việc quá đỗi lạ lùng mà Lu-ca đang ghi lại, vì có lẽ có những lúc ông ta cũng đồng cảm với Xa-cha-ri.

Tại đây vẫn còn câu hỏi về sự sắp xếp tư liệu của Luca. Nói chung, ông đi theo thứ tự thời gian nhưng không phải lúc nào cũng giống nhau hoặc theo từng chi tiết. Chúng ta lấy một ví dụ nhỏ: Trong lời tường trình về chức vụ của Giăng Báp-tít (xem 3:1-20) Luca kể câu chuyện cho đến tận khi kết thúc, là lúc Giăng bị bỏ tù. Rồi sau khi Giăng bị bỏ tù (xem 3:20), ông lại tiếp tục nói về việc Báp-tem của Đấng Christ (xem 3:21-22), dĩ nhiên đây là sự kiện xảy ra trước khi Giăng bị bỏ tù, vì do Giăng thực hiện việc Báp-tem mặc dầu Lu-ca không nói về điều này. Không có gì lạ ở đây. Lu-ca không làm sai lệch lịch sử vì đã không theo sát thứ tự thời gian: ông chỉ đơn giản trình bày hoàn tất một hoạt động lịch sử trước khi nói qua một hoạt động khác, mà không kể đến tính thời gian, và sự kiện thứ nhì lại được tường trình trước khi kết thúc sự kiện thứ nhất.

Tường thuật theo cách này là điều hoàn toàn hợp lý mà nhiều

sử gia hoặc nhiều nhà viết tiểu sử vẫn làm vậy. Nhưng thậm chí khi Lu-ca ghi lại hai câu chuyện theo đúng niên đại, mà trong hầu hết các sự kiện ông đều làm như vậy; rõ ràng là chuỗi niên đại giữa hai sự kiện thường không phải là nét đặc trưng đầy ý nghĩa nhất trong mối liên kết giữa hai sự kiện. Ví dụ, trong đoạn 18:1 Lu-ca nói rằng Chúa kể một câu chuyện ẩn dụ. Trong đoạn 18:9 ông nói Ngài lại kể một ẩn dụ khác. Có thể đoán chừng là câu chuyện sau phải được kể sau câu chuyện trước, đầu sau bao nhiêu, đầu được kể trong cùng một thời điểm hoặc trong hai thời điểm khác nhau, ông không nói. Có lẽ ngay trong thứ tự thời gian mà câu chuyện được kể ra thì Lu-ca cũng bao gồm ý nghĩa; nhưng ý nghĩa rõ ràng hơn nhiều đó là cả hai ẩn dụ đều nói về sự cầu nguyện và đó là điều (mà sau này chúng ta sẽ xem chi tiết, xem trang 239) đầu tiên nhắc nhở chúng ta rằng sự cầu nguyện hoặc sự không cầu nguyện của chúng ta phơi bày suy nghĩ của chúng ta về đặc tánh của Đức Chúa Trời, trong khi câu chuyện thứ hai nhắc nhở chúng ta rằng sự cầu nguyện của chúng ta có thể bày tỏ cách chúng ta suy nghĩ về chính mình.

Hoặc một lần nữa, chúng ta lấy câu chuyện của người ăn xin bị mù (xem 18:35-43) và câu chuyện của Xa-chê kẻ thu thuế (xem 19:1-10). Để giúp chúng ta dễ thăm dò, Lu-ca cho chúng ta cả yếu tố niên đại lẫn yếu tố địa lý có liên hệ giữa hai sự kiện: Sự kiện thứ nhất xảy ra 'khi Ngài đến gần thành Giê-ri-cô', sự kiện thứ hai xảy ra, 'khi Ngài bước vào và đi ngang qua thành Giê-ri-cô'. Đây có phải là điều duy nhất nối kết hai câu chuyện này không? Hầu như là không! Sự kiện đầu nằm trong câu chuyện cứu rỗi: 'đức tin người đã cứu người' (18:42). Câu chuyện thứ hai cũng vậy: 'hôm nay sự cứu rỗi đã vào nhà người' (19:9).

Người thứ nhất là người nghèo, người thứ hai là người giàu. Người thứ nhất kiếm sống bằng nghề ăn xin, là nghề thấp kém mà sự cứu rỗi rất cần thiết cho ông ta. Người thứ hai kiếm sống bằng nghề thu thuế, và thật ra, đương nhiên (xem 19:8) bằng cách tống tiền người khác; là công việc đê tiện mà sự cứu rỗi cũng cần dành cho ông.

Nhưng chưa hết. Lu-ca dùng mười một câu trước câu chuyện của người mù ăn xin, để đặt dòng tư tưởng sau đây: Đấng Christ: ‘thật khó cho người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời biết bao; vì lạt đà chui qua lỗ kim còn khó hơn người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời.’ Cử tọa: “vậy thì ai có thể được cứu?” Đấng Christ: ‘Điều loài người không làm được thì Đức Chúa Trời làm được.’ (18:24-27). Chúng ta không biết thời gian giữa cuộc đối thoại này với sự kiện người ăn xin là bao lâu. Từ lời tường thuật của chính Lu-ca (xem 18:21-34), chúng ta suy luận rằng có một khoảng thời gian nhất định đã trôi qua, còn từ Mác (10:23-45) chúng ta biết rằng khoảng giữa của hai sự kiện này là lời kêu nài của hai con trai Xê-bê-đê. Vì thế, khi quan tâm đến thứ tự thời gian thì có thể các môn đồ có cả một khoảng thời gian dài để quên mất cuộc đối thoại, cho đến khi họ chứng kiến trước hết là sự cứu rỗi dành cho người ăn xin mù và sau đó là Xa-chê. Nhưng tại đây chúng ta đã đi đến điểm chính- Luca sắp xếp tư liệu của ông như thế nào để phần dẫn chuyện chỉ có bảy câu (xem 18:28-34) nằm giữa phần cuối của cuộc đối thoại với phần đầu của hai câu chuyện cứu rỗi. Liệu chúng ta là những độc giả của Lu-ca có thể quên được những gì Lu-ca tường thuật về đêm tối phước hạnh của người giàu được cứu, rồi bảy câu sau ông cho thấy làm thế nào người ăn xin nghèo khổ cũng được cứu và kế tiếp là- điều khiến chúng ta vô cùng thắc mắc- thậm chí con người ti tiện như kẻ đầu thuế giàu có cũng được cứu sao? Nếu chúng ta có quên thì chắc chắn đó không phải là lỗi của Lu-ca.

Thậm chí Lu-ca vẫn chưa hoàn tất câu chuyện của mình. Mác không đưa sự kiện nào vào giữa câu chuyện người ăn xin mù lòa (xem Mác 10:46:52) và sự lên thành Giê-ru-sa-lem (xem 11:1). Còn Lu-ca chen vào giữa hai sự kiện này (xem 18:43 và 19:29) không những câu chuyện của Xa-chê (xem 19:1-10) nhưng cả câu chuyện ẩn dụ về các nén bạc (xem 19:11-28), như thế những câu này là cao trào cho sự sắp xếp cẩn trọng dòng tư tưởng của Lu-ca: thật khó cho người có của hoặc người giàu nhận lấy sự cứu rỗi; tuy vậy Đức Chúa Trời vẫn có thể làm được: Hãy tận mắt nhìn xem sự kiện Chúa cứu cả người nghèo lẫn người giàu, Ngài còn biến đổi con người đầu

thuế công queo thành người nhân đức ngay thẳng; đồng thời dạy các môn đồ hãy xem những của cải họ đang có là một sự uỷ thác thánh mà Chúa giao cho họ, là những gì họ phải khai trình khi Ngài trở lại.

Nếu chúng ta đứng thì tại đây Lu-ca đã đặt những cuộc đối thoại và những lời dạy dỗ trong nhiều trường hợp lại với nhau, đây là những sự kiện mà ít nhiều vốn mang tính độc lập vì những câu chuyện này xảy ra vào những thời điểm khác nhau và ở những nơi chốn khác nhau; với sự chọn lọc và sắp xếp cẩn thận Lu-ca đã dùng những câu chuyện này như những chuỗi bài học phát triển dần lên theo một chủ đề chung. Để làm điều này ông không cần phải hi sinh ý nghĩa hoặc tính quan trọng vốn có của từng phần: mỗi phần đều vẫn giữ ý nghĩa riêng của nó cũng như khi đứng chung trong một tiến trình, tức là ý nghĩa mà ngay khi sự kiện hoặc cuộc đối thoại này xuất hiện lần đầu như một hoạt động độc lập. Như hai mươi viên ngọc riêng lẻ và tách rời, rất có giá trị, đẹp lộng lẫy, vẫn không hề bị mất đi vẻ đẹp và giá trị riêng nào của chúng, nếu có ai đó dùng chỉ kết thành một sợi dây đeo cổ. Mặt khác, một dây đeo cổ lại còn có giá trị hơn một vài viên ngọc rời. Vì thế với sự tiến triển này của từng mục trong sách Lu-ca: Mỗi mục như vậy có thể tự cân đối nhờ những đóng góp, bổ sung và giúp hoàn hảo lời dạy dỗ của từng phần. Vì thế, nếu một người nhìn vào phần này của sách Tin Lành Lu-ca để nhận lấy lời dạy dỗ của Chúa chúng ta về sự giàu có, thì người đó sẽ đứng hoàn toàn nếu nhận ra được sự nhấn mạnh của Ngài trong hầu hết các trường hợp là người giàu không thể vào nước thiên đàng và lấy đó cảnh báo cho tất cả những người giàu có rằng của cải và tài sản của họ là những điều rất nguy hiểm. Thà nghèo còn hơn hụt mất sự cứu rỗi. Một dạng bài giảng như vậy sẽ là đúng hoàn toàn: Nhưng nó vẫn chưa phải là chân lý đầy đủ. Để có thể trình bày một quan điểm cân đối về vấn đề này thì có lẽ người rao giảng phải giảng ngay một bài khác, đó là bài giảng về Xa-chê. Mặc dầu bị xã hội, và những người cùng làng chối bỏ vì cách kiếm tiền không thể chấp nhận được của ông ta, thì ông vẫn được Đấng Christ chấp nhận và vẫn được cứu, hơn nhiều so với những người đạo đức trong thành phố, mà thật đáng tiếc vì nhiều người đạo đức vẫn không được cứu! Dĩ nhiên,

trong bài giảng thứ hai phải cẩn thận dùng câu chuyện của Lu-ca về Xa-chê để khẳng định rằng Đấng Christ không bỏ qua nếp sống cong queo của Xa-chê, nhưng Ngài hết lòng biến đổi ông để có một thái độ đúng đắn hơn đối với của cải. Để làm mạnh mẽ bài giảng này và làm nền để xây dựng bài giảng kế tiếp thì chúng ta nên giảng về các nén bạc để chỉ ra rằng nếu muốn tránh sự nguy hiểm của lối sống giàu có thì không chỉ đơn giản tránh xa đời sống cong queo, cũng không đơn giản là đừng để xu nào dính túi, cứ sống nhờ vả người khác như người mù trước khi được cứu; nhưng điều quan trọng là có trách nhiệm trong việc sử dụng từng đồng xu mà chúng ta có, như một quản gia phải khai trình trước mặt Chúa, là người sống vui thỏa khi Đấng Christ trở lại và gọi chúng ta đến khai trình.

Nhờ sự chọn lọc và bố trí của Lu-ca mà ông đã chuyển đổi các câu chuyện này trở thành những chuỗi bài học tiệm tiến mang tính bổ sung có cùng chủ đề, đây là điều mà ông đã thực hiện trong cả sách Phúc Âm của ông. Có thể có một số phần trong sách Phúc Âm tự nó đã rất đầy đủ ý nghĩa. Đủ bày tỏ tầm quan trọng khi đứng một mình, và không chịu ảnh hưởng trực tiếp của văn mạch trong sách Phúc Âm. Nếu khi nghiên cứu sâu hơn mà chúng ta tìm thấy những phân đoạn như thế, thì không có lý do gì để chúng ta phàn nàn. Nhưng bây giờ chúng ta bắt đầu với giả định rằng thật rất đáng giá để tìm xem có ý tưởng liên kết nào trong phần này của câu chuyện với phần kế tiếp không. Phải thừa nhận rằng rất nguy hiểm nếu một người đi tìm sự nối kết của ý tưởng và cuối cùng tìm ra được ở ngay chỗ mà ý tưởng đó không bày tỏ. Chúng tôi không nghĩ rằng trong công việc hiện tại chúng ta có thể thành công khi né tránh được mỗi nguy hiểm này. Trong ranh giới giữa môn phân tích Kinh Thánh và tuyên đạo pháp thì những lâu đài tưởng tượng của sự thông giải chủ quan là rất có thể được xây dựng thường xuyên hơn là sự nghiêm túc của khoa giải kinh thiếu vắng trí tưởng tượng. Nhưng trước giả lại được an ủi từ những nhận xét có ý nghĩa của độc giả. Trước giả cũng không cho rằng ông ta sẽ thuyết phục độc giả tin rằng chính Lu-ca là người đưa ra tất cả những ý nghĩa và tất cả những ý nối kết mà nhà văn hiện tại gọi ý cho độc giả. Nhưng nếu tại chỗ này chỗ kia trong quyển sách này mà độc giả nhờ đó thấy rõ ràng hơn ý nghĩa của sách

Lu-ca thì tôi thấy cũng đã thỏa lòng rồi.

Tôi sẽ giải thích thêm một phần nữa rồi chúng ta sẽ bước vào công việc chính yếu của mình. Trong việc nghiên cứu, thật quan trọng để chúng ta có thể phân biệt được ý nghĩa mà Lu-ca nhìn thấy trong lời nói và việc làm của Đấng Christ và ý nghĩa sâu xa hơn khi chúng ta nhìn phân đoạn ấy một lần nữa trong ánh sáng của sự bày tỏ càng hơn của Đức Thánh Linh trong các Thư tín. Chắc chắn là các thư tín và các sách Phúc Âm đều đến từ cùng một Đức Thánh Linh. Còn trong công việc hiện tại của phần này, chúng ta không cần thiết phải thường xuyên có khả năng phân biệt ấy.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> Vì đây là sách nghiên cứu, nên sách sẽ đem lại ích lợi nhất cho những ai trước hết đọc nội dung của sách Lu-ca rồi kế đến là thường xuyên tham khảo với phân đoạn Kinh Thánh được sách chú giải như thế nào.

# **Ngài Đến**

## **Khảo Sát Tổng Quát**

### **Các Hoạt Động**

1. Trước Bình Minh (1:5-80)
2. Mặt Trời Mọc (2:1-52)

### **Phần Quan Sát Thêm**



---

*Phần 1*

---

# Ngài Đến

---

## *Giai Đoạn 1*

---

### **Ngài Đến**

#### **Nghiên Cứu Sơ Khởi**

Chúng ta không nghi ngờ gì về mục đích chủ yếu của hai đoạn đầu của Tin Lành Lu-ca là để tường trình sự nhập thể của Con Đức Chúa Trời. Không nhà giải kinh nào có thể trình bày đúng đắn nếu họ làm lu mờ tầm quan trọng vượt trội của sự kiện độc đáo này. Tuy nhiên Lu-ca sẽ không thỏa lòng nếu ông chỉ đơn giản ghi lại sự kiện nhập thể bằng những từ ngữ uy nghiêm theo phong cách của sách Tin Lành thứ tư: 'Và Ngôi Lời đã trở nên xác thịt, ở giữa chúng ta' (1:4). Ông đã xoay quanh câu chuyện của sự nhập thể với một số những câu chuyện khác. Rõ ràng, tóm lại chức năng của những câu chuyện này là để nói về sự chuẩn bị cho Đấng Christ đến, sự hoài thai và ra đời của Ngài, giai đoạn thơ ấu và niên thiếu.

**Chúng tôi đề nghị bao gồm mười câu chuyện  
trong giai đoạn 1:**

1	1:5-25	Xa-cha-ri trong đền thờ
2	1:26-38	Thiên sứ loan báo cho Ma-ri
3	1:39-56	Ma-ri đến thăm Ê-li-sa-bét: Bài ca ngợi của Ma-ri.
4	1:57-66	Sự ra đời và đặt tên của Giăng.
5	1:67-80	Lời tiên tri của Xa-cha-ri.
6	2:1-7	Sự ra đời của Chúa Jêsus tại Bết-lê-hem
7	2:8-21	Thiên sứ dẫn các mục đồng đến máng cỏ
8	2:22-35	Lời tiên tri của Si-mê-ôn
9	2:36-40	Lời tiên tri của Anne
10	2:41-52	Cậu bé Jêsus tại đền thờ

Những chức năng khác của các câu chuyện này sẽ xuất hiện nếu chúng ta xem kỹ nội dung, sự tương xứng và sự sắp xếp. Giữa

câu chuyện số 10 và sự kiện kế tiếp được ghi lại trong Luca 3:1ff thì có một khoảng trống về niên đại khoảng 18 năm. Vậy, rõ ràng là mười câu chuyện này hình thành một nhóm rất chắc chắn. Chúng ta đã có cơ hội để quan sát (từ trang 16-19) sự cân xứng hài hòa bên trong của nhóm chuyện này; vậy bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu cách Lu-ca sắp xếp mười câu chuyện này, xem thử chúng ta có học được điều gì không.

Chúng ta nhận ra rằng mặc dầu mười câu chuyện này trình bày một chuỗi câu chuyện liên tục theo một ý nghĩa; nhưng Lu-ca không cho phép lời tường thuật của mình đi theo một dòng suối không bị chia cắt từ câu chuyện số 1 đến câu chuyện số 10. Thỉnh thoảng ông để dòng tư tưởng dừng lại bằng cách lồng vào một lời nhận định hoặc lời tóm tắt, phần lớn là với một số biểu hiện về thời gian trôi qua giữa một câu chuyện hoặc một nhóm chuyện và phần kế tiếp. Nếu chúng ta đem những câu chuyện này sắp trên một tấm bảng thì nó sẽ như thế này:

**Câu chuyện 1** 1:5-23 Xa-cha-ri trong đền thờ

Khỏi ít lâu, vợ người là Ê-li-sa-bét chịu thai, ẩn mình đi trong năm tháng, mà nói rằng: Ấy là ơn Chúa đã làm cho tôi, khi Ngài đã đoái đến tôi, để cất sự xấu hổ tôi giữa mọi người. (1:24-25)

**Câu chuyện 2** 1:26-38 Thiên sứ loan báo cho Ma-ri

**Câu chuyện 3** 1:39-55 Ma-ri thăm viếng Ê-li-za-bét: Bài Ca Ngợi Của Ma-ri

Ma-ri ở với Ê-li-sa-bét chừng ba tháng, rồi trở về nhà mình. (1:56)

**Câu chuyện 4** 1:57-66 Sự ra đời và đặt tên của Giăng

**Câu chuyện 5** 1:67-79 Lời tiên tri của Xa-cha-ri

Vả, con trẻ ấy lớn lên, tâm thần mạnh mẽ, ở nơi đồng vắng cho đến ngày tỏ mình ra cùng dân Y-sơ-ra-ên (1:80).

**Câu chuyện 6** 2:1-7 Sự ra đời của Chúa Jê-sus tại Bết-lê-hem

**Câu chuyện 7** 2:8-21 Thiên sứ hướng dẫn các mục đồng đến máng cỏ

Đến ngày thứ tám, là ngày phải làm phép cắt bì cho con trẻ, thì họ đặt tên là Jêsus, là tên thiên sứ đã đặt cho, trước khi chịu cơn mang trong lòng mẹ (2:21).

**Câu chuyện 8** 2:22-35 Lời tiên tri của Si-mê-ôn

**Câu chuyện 9** 2:36-39 Lời tiên tri của bà An-ne

Con trẻ lớn lên, và mạnh mẽ, được đầy dẫy sự khôn ngoan, và ơn Đức Chúa Trời ngự trên Ngài (2:40).

**Câu chuyện 10** 2:41-51 Cậu bé Jêsus tại đền thờ

Đức Chúa Jêsus khôn ngoan càng thêm, thân hình càng lớn, càng được đẹp lòng Đức Chúa Trời và người ta (2:52).

Cách sắp xếp này tạo nên một khuôn mẫu đơn giản mà trong đó một chuỗi bốn cặp chuyện được dẫn trước bằng một câu chuyện đứng riêng lẻ và cũng được theo sau bằng một câu chuyện đứng riêng lẻ. Câu chuyện số 1 đứng riêng lẻ không chỉ vì có liên quan đến một sự kiện khác với câu chuyện số 2, nhưng vì lượng thời gian 5 tháng đã tách rời hai câu chuyện (xem 1:24).

Câu chuyện số 2 và 3 cùng đứng chung vì có chủ đề liên quan, và lại không có khoảng cách đáng nói về thời gian phân cách hai sự kiện. Trong câu chuyện số 2, thiên sứ loan báo với Ma-ri về sự mang thai kỳ diệu của bà Ê-li-sa-bét, vì thế ngay sau khi thiên sứ lìa khỏi Mari thì cô đã đi lên thăm Ê-li-sa-bét trong câu chuyện số 3 'trong những ngày ấy' (1:39). Để đối chiếu, rõ ràng là chúng ta thấy đã ba tháng trôi qua giữa phần cuối bài ca ngợi của Ma-ri trong câu chuyện 3 và phần bắt đầu của câu chuyện 4.

Câu chuyện 4 và 5 hình thành một cặp theo tự nhiên. Chủ đề của hai câu chuyện này rất liên quan đến nhau: Trong câu chuyện số 4, Xa-cha-ri không còn bị câm, và trong câu chuyện số 5 ông đã ngay lập tức sử dụng khả năng nói của mình để công bố lời tiên tri quan trọng. Nhưng sau đó khoảng thời gian ngăn cách ở cuối câu chuyện số 5 đã cho thấy phải mất nhiều năm để bắt đầu chức vụ công khai của Giăng Báp-tít; vì thế chúng ta phải lùi lại thật nhiều để bắt đầu câu chuyện số 6.

Một lần nữa câu chuyện số 6 và 7 hình thành một cặp tự nhiên, vì sự ra đời của Đấng Christ tại Bết-lê-hem xảy ra ngay trong chính

đêm ấy bởi sự thăm viếng của các mục đồng tại máng cỏ. Nhưng vào cuối câu chuyện số 7 thì trước hết (xem 2:21) đề cập đến khoảng cách của bảy ngày, và sau đó (2:22) một khoảng cách thời gian dài hơn là ba mươi hai ngày (lễ thanh tẩy là bốn mươi ngày sau khi con trẻ ra đời).

Một lần nữa, câu chuyện số 8 và số 9 không có khoảng cách về thời gian, vì không có khoảng cách thời gian nên An-ne cũng đến đó 'cùng lúc ấy' (2:38)

Si-mê-ôn đang kết thúc lời tiên tri của ông. Nhưng đương nhiên là có một khoảng cách thời gian giữa chuyện số 9 và số 10: khoảng cách đó là khoảng mười hai năm (xem 2:42).

Chúng ta thấy còn lại một câu chuyện đứng độc lập. Tại chỗ kết thúc câu chuyện này, một lần nữa có một câu bình luận chung cho khoảng thời gian mười tám năm, trước khi sự kiện kế tiếp được ghi lại.

Khi quan sát tất cả những điều này, lập tức chúng ta thấy có một điều nổi bật: Đó là sự quan tâm rất nhất quán của Lu-ca để cho chúng ta biết về thời gian rất chính xác và chi tiết của các sự kiện. Hẳn nhiên, ông biết rằng ông đang ghi lại niên đại của những sự kiện lịch sử, chứ không phải những câu chuyện hoang đường hư cấu, cũng không phải ông đang trình bày những chân lý phổ quát dưới hình thức của chuyện hoang đường. Bây giờ, chính sự nghiên cứu này là rất quan trọng, mà lát nữa chúng ta sẽ thấy (trang 39), rằng chúng ta dễ có khuynh hướng cho rằng cách sắp xếp của Lu-ca trong giai đoạn này có thể được xem là ông chỉ quan tâm đến tính chính xác của thời gian và niên đại mà thôi. Nhưng ngay tại điểm này chúng ta hãy nhớ đến những câu hỏi không thể giải đáp nổi về câu chuyện số 10 vẫn còn nằm trong phần giới thiệu (xem trang 12). Tại sao Lu-ca lại chỉ chọn một câu chuyện này trong thời niên thiếu của Ngài và lại để nó đứng một mình vào cuối một chuỗi câu chuyện được xếp theo từng cặp? Kế đến, chúng ta cũng nhớ rằng ông cũng đặt một câu chuyện đứng riêng lẻ vào phần bắt đầu của chuỗi câu chuyện này. Chúng ta nên quan sát kỹ hơn hai câu chuyện đứng riêng lẻ này. Niên đại là quan trọng, nhưng có lẽ đây không phải là điều duy nhất mà Lu-ca quan tâm.

Câu chuyện số 1 nói về một cụ già trong đền thờ, và hầu như toàn bộ ý chính của câu chuyện dựa trên sự kiện rằng ông là một cụ già. Còn câu chuyện số 10 thì nói về một người trẻ ở trong đền thờ, và một lần nữa cả ý chính của câu chuyện dựa vào sự kiện rằng người đã làm cho các thầy dạy luật phải kinh ngạc với những câu hỏi và câu trả lời là một người trẻ, chỉ mới mười hai tuổi. Thật thú vị, nhưng có lẽ nghiên cứu như vậy là còn nông cạn? Vậy chúng ta hãy nhìn sâu hơn. Câu hỏi được đẩy lên trong câu chuyện số 1 là về cương vị của bậc cha mẹ: Liệu một cặp vợ chồng già nua, quá tuổi sinh nở, có thể trở thành cha mẹ được không? Câu hỏi trong câu chuyện số 10 cũng tương tự nhưng rất khác về ý nghĩa. Đó là nguồn gốc của bậc cha mẹ. Bà Ma-ri nói với con trai, “Hỡi con, sao con làm cho hai ta thể này? Đây, cha và mẹ đã khó nhọc lắm mà tìm con. Và người con trả lời... “Cha mẹ kiếm tôi làm chi? Há chẳng biết tôi phải lo việc Cha tôi sao?”<sup>1</sup> Cha của con và mẹ.... Cha tôi...

...Không nghi ngờ gì cả, rõ ràng là đứa trẻ nói về nguồn gốc siêu nhiên của Đấng sinh thành mình. Cương vị cha mẹ thì đầy nhiệm mầu, còn nguồn gốc Đấng sinh thành thì thật siêu nhiên. Rõ ràng là còn nhiều điều nữa chứ không chỉ là sự tương đồng và sự khác biệt ở bề mặt. Qua hai câu chuyện này Lu-ca đang kêu gọi chúng ta lưu ý đến hai loại phép lạ khác nhau được bao gồm trong công tác cứu chuộc. Nói cách khác, những câu chuyện này không chỉ lặp đi lặp lại sự kiện đơn giản rằng có những phép lạ vây quanh sự kiện Đấng Christ đến với thế giới. Những câu chuyện này chỉ mang tính hỗ trợ: Chúng cho thấy rằng những phép lạ thiết yếu của hai độ tuổi khác nhau, đều cần thiết phải dựa phần vào sự cứu rỗi dành cho chúng ta.

Xa-cha-ri và vợ ông đã già. Con người tự nhiên của họ đã yếu mòn. Không còn khả năng sanh sản. Đối với họ có một đứa con có nghĩa là làm đảo ngược tiến trình lão hóa và sự hao mòn tự nhiên đang diễn ra (xem 1:7,18), và phục hồi lại chức năng son sẻ đã diễn ra trong cả cuộc đời của Ê-li-sa-bét. Quả thật là một phép lạ; nhưng nếu một phép lạ như thế mà không thể xảy ra, như Xa-cha-ri vẫn tưởng lúc đầu, thì tất cả những cuộc nói chuyện về sự cứu chuộc chỉ

<sup>1</sup> *Hoặc 'lo việc Cha Con sao'. Cách dịch khác nhau không làm ảnh hưởng điểm chính mà chúng ta đang bàn đến ở đây.*

là vô ích, hoặc may mắn lắm cũng chỉ là dùng sai từ ngữ. Một thân thể mới thì chẳng có liên hệ gì với một thân thể già nua, cũ kỹ, một thế giới mới thì chẳng có quan hệ gì với một thế giới cũ xưa, chắc chắn đây phải là điều rất tuyệt vời- nhưng đó cũng chưa phải là sự cứu chuộc. Chứ cứu chuộc hoặc chuộc lại phải có nghĩa là lấy lại tình trạng hư bại của thân thể, làm mới lại thân thể đang chết dần, làm sống lại con người đã chết, phục hồi lại tâm linh sa ngã.

Nhưng đó chỉ là một nửa của câu chuyện cứu chuộc. Nguồn gốc Đấng sinh thành của Chúa Jêsus bao gồm loại phép lạ khác: không phải là phục hồi lại bản chất để trở lại với tình trạng chưa sa ngã ban đầu, nhưng cấy vào trong bản chất ấy điều mà bản chất ấy chưa hề biết, đó là sanh ra trong dòng dõi loài người một Đấng vừa là Đức Chúa Trời vừa là Người. Một lần nữa, nếu phép lạ về nguồn gốc thiên thượng về Đấng sinh thành của Đấng Christ là không thật thì không có sự cứu chuộc. Không một con người bình thường nào, dầu thánh khiết có thể dâng chính mình làm một cửa lễ thích đáng để gánh lấy tội lỗi của cả thế giới, hoặc chuyển giao sự sống phục sinh vào trong những thân thể đã chết của vô số người tin cậy nơi Ngài.

Vì thế, dường như không thể không dẫn đến kết luận rằng Lu-ca đã chọn câu chuyện số 10 để hoàn tất lời tường thuật của ông về sự nhập thể vì điểm đặc biệt trong yếu tố chủ quan của câu chuyện này đã hỗ trợ cho vấn đề được nêu lên trong câu chuyện số 1.

Lu-ca đã thực hiện rất nhiều sự chọn lọc và sắp xếp tài liệu của mình trong giai đoạn thứ nhất này. Bây giờ chúng ta nên tìm xem có bất cứ một chủ đề hoặc nhiều chủ đề chung nào chạy xuyên suốt loạt chuyện này không. Công việc của chúng ta đã hoàn tất được một nửa. Các câu chuyện từ 1-5, vậy chúng ta hãy lưu ý trong Phần giới thiệu (trang 17), tất cả đều nói về phản ứng của Xa-cha-ri, Ê-li-sa-bét, và Ma-ri trước những lời loan báo về các sự kiện đầy phép lạ sắp xảy đến.

Ma-ri thì tin ngay, nhưng dù sao bà cũng cần bằng chứng để khẳng định và hỗ trợ cho đức tin của bà. Ban đầu Xa-cha-ri không tin; nhưng cuối cùng đức tin của ông đã được phục hồi, trong câu chuyện số 4 và số 5 đức tin ấy đã đến hồi đắc thắng khải hoàn. Trong câu chuyện số 6 - 10, điều tương tự đã xảy ra, mặc dầu khác về ý nghĩa,

chủ đề lặp lại: Phản ứng của Ma-ri trước những sự kiện bắt đầu xảy ra mà bà nghe từ người khác hoặc từ chính con bà. Trong các câu chuyện từ 1-5 cũng như ở đây, chúng ta không hề thấy sự vô tín nơi Ma-ri; nhưng trong câu chuyện từ 1-5 sự thách thức dành cho Ma-ri, cũng như dành cho Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét là phải tin rằng phép lạ sắp xảy ra, trong các câu chuyện từ 6-10 phép lạ đầy uy nghi về sự nhập thể đã xảy ra, và sự thách thức là phải đối diện và cố gắng hiểu cho được hàm ý về phép lạ này khi phép lạ bắt đầu thể hiện. Trong khi Ma-ri chẳng gặp khó khăn gì trong việc tin rằng phép lạ sắp xảy ra, thì bà lại thấy khó hiểu và khó chấp nhận ý nghĩa của sự việc.

Trong câu chuyện số 6 và 7, theo lệnh của Au-gút-tơ, Ma-ri buộc phải sanh Con Trẻ tại Bết-lê-hem, và con trẻ sanh ra không được đặt trong chiếc nôi tại một khách sạn nhưng lại đặt trong máng cỏ. Nhưng chỉ sau vài giờ trong chính đêm ấy, các mục đồng đến bên máng cỏ giải thích bằng những câu chuyện lạ lùng, làm thế nào họ có thể biết chính xác nơi tìm gặp Con Trẻ, và nói những điều hết sức lạ lùng về Con Trẻ. Tất cả những lời họ nói đều đáng kinh ngạc; 'Còn Ma-ri thì ghi tạc mọi lời ấy và suy ngẫm trong lòng' (2:19).

Trong câu chuyện số 8 và số 9, Ma-ri và Giô-sép 'ngạc nhiên về những lời Simêôn nói về con trẻ, rồi Simê-ôn còn nói thêm rằng một ngày kia, vì những gì sẽ xảy ra có liên quan đến con trai cô nên 'một thanh gươm cũng sẽ đâm thấu tâm hồn cô' (2:33-35).

Cuối cùng, như chúng ta đã nhắc đến trước đây, câu chuyện số 10 khiến chúng ta tập trung vào nỗi lo âu của Ma-ri và Giô-sép vì đã lạc mất con mình, vào sự kinh ngạc của họ khi tìm thấy con đang tranh luận, vào lời trách cứ đầy lo âu của Ma-ri với con mình, và cuối cùng là họ không thể hiểu nổi câu trả lời của con mình (xem 2:48-50).

Chúng ta hãy lưu ý mức độ tình cảm gia tăng: từ một câu (2:19) đề cập việc Ma-ri tiếp tục suy ngẫm về những sự kiện này, rồi kể đến là ba câu nói về sự kinh ngạc của cả Ma-ri và Giô-sép và sự đau buồn của Ma-ri (xem 2:33-35), hầu như toàn bộ câu chuyện ghi lại sự phiền muộn, lo âu, kinh ngạc của Ma-ri và Giô-sép và không thể giải đáp nổi những thắc mắc (xem 2:43-51). Chúng ta cũng hãy lưu ý đến hướng chuyển động của dòng tư tưởng. Nếu trong các câu



chuyện từ 1-5 Xa-cha-ri chuyển từ vô tín đến đức tin đặc thẳng khái hoàn, thì trong các câu chuyện từ 6-10 Ma-ri chuyển từ ngạc nhiên và suy ngẫm cách thích thú đến linh tính về một tương lai đau buồn đến hiện tại đầy lo âu và không thể thấu hiểu. Nhưng tại đây còn hơn thế nữa. Ngay giây phút này chúng ta có thể tóm tắt phần tìm kiếm sơ bộ của chúng ta như thế này: trong giai đoạn này chắc chắn Lu-ca đặt trước mặt chúng ta những sự kiện khách quan về sự hoải thai và ra đời của người mở đường cùng với sự hoải thai và ra đời của Chúa Jêsus Christ với thời gian rất chính xác. Nhưng ông còn làm nhiều hơn thế. Sự chọn lọc của ông, việc làm cho cân xứng và sắp xếp các tài liệu đã tạo nên một góc cạnh mà từ đó ông muốn chúng ta nhìn vào những sự việc này bằng cách hết sức chú ý vào những phản ứng chủ quan của Xa-cha-ri, Ê-li-sa-bét, Ma-ri và Giô-sép trước những sự kiện khách quan này. Chúng ta buộc phải nhìn các sự kiện này qua cặp mắt của họ, và bây giờ khi chúng ta phân tích về những phản ứng của họ, chúng ta sẽ thấy chúng ta đang phân tích chính phản ứng của mình. Ngoài ra, đối với chúng ta, phản ứng chủ quan của họ, cũng là những vấn đề của lịch sử, cho nên nó cũng chính là những sự kiện khách quan của lịch sử y như sự ra đời của Giăng và sự ra đời của Chúa Jêsus vậy. Việc đánh giá của chúng ta về bằng chứng của hai sự ra đời đầy phép lạ này phải bao gồm việc đánh giá các nhân vật, động cơ, cách cư xử, đức tin, và sự vô tín của các diễn viên đứng đầu nhân loại trong những sự kiện trọng yếu này.

## Các Hoạt Động

### 1. Thời Khắc Cuối Cùng Trước Bình Minh (1:5-80)

*Câu chuyện 1. Xa-cha-ri trong đền thờ (1:5-25).* Nếu chúng ta mượn phép ẩn dụ trong bài ca của Xa-cha-ri để nói rằng sự ra đời của Đấng Christ là 'ánh bình minh từ trời' (1:78), thì đoạn 1 của sách Phúc Âm đã bao phủ những sự kiện cuối cùng trước khi mặt trời mọc. Đêm đã kéo rất dài, mà đối với người Y-sơ-ra-ên lúc ấy thì bầu trời tối đen như mực. Nhưng qua tất cả những điều ấy- qua những giai đoạn thành công và tai họa của quốc gia, qua sự xâm lược và chế độ quân chủ, qua cuộc lưu đày và trở về- niềm hi vọng vẫn cứ tồn tại rằng đêm đen cuối cùng rồi sẽ chấm dứt và, như Ma-la-chi nói, 'mặt trời

công chính sẽ mọc lên cho các con, trong cánh nó có sự chữa lành.' (4:2). Như Ê-sai đã nói tiên tri (40:3-8) rằng trước khi 'vinh quang Đức Giê-hô-va sẽ hiển hiện, thì một người mở đường sẽ được sai đến để chuẩn bị đường cho Chúa. Ma-la-chi còn nói thêm rằng trước khi ngày lớn của Chúa đến, thì tiên tri Ê-li sẽ được sai đến để 'làm cho lòng cha ông trở về cùng con cháu và lòng con cháu trở lại cùng cha ông, kéo Ta đến lấy sự nguyên rủa mà đánh đất này chẳng.' (4:4-6). Bây giờ sau hơn bốn trăm năm sau giai đoạn của Ma-la-chi thì đêm đen tưởng chừng như không bao giờ kết thúc đã đến chỗ kết thúc: ánh bình minh sắp ló dạng. Đang có một sự chuẩn bị lớn, và những kế hoạch được dự định từ quá khứ đời đời bắt đầu lay động. Người mở đường phải được ra đời. Nhân vật Xa-cha-ri và vợ của ông là Ê-li-sa-bét đã được chọn từ rất lâu để trở thành cha mẹ của Giăng, nay được khuyên bảo về sự sắp ra đời của con trẻ và chỉ cách phải nuôi dưỡng đứa trẻ trong kỷ luật thích đáng với tính độc đáo như chức vụ của Ê-li mà đứa trẻ đã được dự định phải làm cho trọn (xem 1:13-17). Vì thế, vài tháng trước khi mặt trời mọc, thiên sứ Gáp-ri-ên được sai đến để nói cho Xa-cha-ri biết rằng ông và vợ ông sắp có một đứa con. Thế mà Xa-cha-ri lại không tin nổi lời của thiên sứ!

Chắc chắn sự vô tín của Xachari xuất hiện vào thời điểm quyết định này trong lịch sử đã tạo nên một câu chuyện đầy kịch tính; nhưng chúng ta có thể biết chắc rằng không chỉ vì đầy kịch tính mà Lu-ca kể lại câu chuyện này. Cũng không phải vì muốn nối kết cuộc đời của Giăng Báp-tít và chức vụ của ông ta vào bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ mà Lu-ca đã thuật lại câu chuyện vô cùng chi tiết. Nếu Lu-ca không ghi lại những sự sai lầm dẫn đến vô tín của Xa-cha-ri thì tính đòi buộc của việc chép sử về niên đại và sự minh chứng vẫn được chấp nhận; và nếu đòi hỏi tính chân thật trong việc trình bày sự kiện, thì Lu-ca có thể bởi lòng thương xót, chỉ trình bày ngắn gọn mà thôi. Nhưng thật ra, Lu-ca đã thuật chuyện cách rất chi tiết. Tại sao? Có lẽ vì ông cho rằng sự sai lầm dẫn đến vô tín của Xa-cha-ri đã đẩy lên những vấn đề quan trọng mà chúng ta cần suy xét.

Trước hết chúng ta hãy nói đến sự vô tín của Xa-cha-ri, theo như điều Lu-ca đã trình bày. Nan đề của Xa-cha-ri không phải vì ông quá sững sốt bởi lời loan báo bất ngờ của thiên sứ, và lòng khiêm

nhường chân thật của ông khiến ông khó mà tin rằng ông và người vợ hèn mọn đã được Chúa chọn cho một sứ mệnh quá cao trọng đến nỗi trở thành người mở đường cho Đấng Mê-si-a. Nếu đó là nan đề của ông thì chắc ông đã trả lời với thiên sứ như Ghê-đê-ôn đã trả lời trong một trường hợp khác, 'nhưng gia tộc con là nghèo nhất...và con lại là người nhỏ nhất trong gia đình...' (Các quan xét 6:15), hoặc những lời tương tự. Nhưng thật ra ông đã thưa với thiên sứ, 'Làm sao tôi biết việc này sẽ xảy ra? Vì tôi đã già, vợ tôi đã cao tuổi rồi' (1:18). Đây chính là nan đề của ông: để ông và vợ ông có được một đứa con thì có nghĩa là phải có một phép lạ can thiệp từ trời; và Xa-cha-ri cho rằng một phép lạ lớn như thế không thể nào xảy ra, thậm chí được một thiên sứ từ trời thông báo cũng không thể xảy ra- và Xa-cha-ri không tranh luận về điều này- nhưng ông chưa sẵn sàng để tin cậy, hoặc ít nhất ông cũng cần nhìn thấy một bằng chứng nào đó của đức tin hơn là lời nói suông từ thiên sứ.

Bây giờ Xa-cha-ri không có thì giờ để suy nghĩ thấu đáo về phản ứng của mình trước khi ông buột miệng nói ra, và có lẽ đó là lý do vì sao nó bày tỏ một thái độ không nhất quán nghiêm trọng và gần như là phi lý.

Nói cho cùng, Xa-cha-ri không phải là người vô thần hay người theo phái tự nhiên thần giáo. Thậm chí ông cũng không phải là một thường dân nhưng ông là một thầy tế lễ, là người được thiên sứ hiện ra trước sự chứng kiến công khai của mọi người vào giờ cầu nguyện buổi sáng tại đền thờ. Hơn nữa, theo như điều chúng ta biết qua thiên sứ, trong sự cầu nguyện riêng tư, Xa-cha-ri đã nài xin về một đứa con; và thật chẳng ích gì khi cầu nguyện với Chúa về một điều gì đó mà trong lòng lại từ chối sự vận hành của Ngài, và đồng thời lại cho rằng dầu sao Đức Chúa Trời cũng không bao giờ can thiệp vào con người tự nhiên của tôi.

Dĩ nhiên, nếu công bằng mà xét về trường hợp của Xa-cha-ri, có lẽ vợ chồng ông đã cầu nguyện rất lâu về một đứa con từ những ngày mà họ vẫn còn khả năng sinh sản, khi mà tất cả những gì họ nài xin Đấng sáng tạo thực hiện là Ngài chỉ cần hành động thêm một chút nữa trong thân thể để bà có thể thực hiện công việc mà Đấng sáng tạo đã dự định. Lời cầu nguyện đó đã lâu và nay họ đã già. Bây

giờ, đối với họ, để có một đứa con sẽ đòi hỏi sự can thiệp mạnh mẽ của Đấng tạo hóa đến nỗi khiến cho tiến trình lão hóa bị đảo ngược lại. Vậy, có lẽ họ đã ngừng cầu nguyện về một đứa con khi ở tuổi trung niên, khi nghĩ rằng tiến trình lão hóa cũng do chính Chúa thiết lập và Ngài quyết định không can thiệp để làm đảo ngược tiến trình mà Ngài đã dựng nên.

Thật ra, một người phàm mà dám không tin vào lời loan báo của thiên sứ về một vấn đề riêng tư thì thật quá nghiêm trọng; và theo như điều chúng ta đã quan sát, vào thời điểm thiên sứ thăm viếng Xa-cha-ri, ông không chỉ là một người cha, nhưng ông là người có chức vụ giữa mọi người, là thầy tế lễ đại diện cho dân sự của Đức Chúa Trời. Hơn thế nữa, tin vui mà thiên sứ đem đến cho Xa-cha-ri không chỉ là tin vui dành cho một cá nhân, hoặc phúc âm dành cho một cá nhân: nhưng theo như lời giải thích cẩn thận của thiên sứ (xem 1:15-17), đó là một phần khái quát nhưng đầy đủ của chính phúc âm. Tuy nhiên, Xa-cha-ri lại không tin vào phúc âm đặc biệt này, tức là phủ nhận nền tảng của toàn bộ phúc âm. Nếu Đức Chúa Trời không thể phục hồi tiến trình tự nhiên trong thân thể của Ê-li-sa-bét, thì có hi vọng gì cho công trình sáng tạo của Ngài được phục hồi khỏi những mục nát không thể tránh khỏi đang diễn ra? Nếu Chúa không thể làm sống lại thân thể già nua và đang chết dần của Ê-li-sa-bét thì làm sao Ngài có thể khiến thân xác của Chúa Jêsus đã ở trong mồ ba ngày được sống lại? Và nếu sự phục hồi như thế mà Ngài không thể làm được, thì không bao giờ có thể có bất cứ sự phục sinh nào. Xa-cha-ri không hề biết rằng, lý do ông nêu lên cho sự vô tín sẽ lật đổ toàn bộ phúc âm.

Chúng ta được tường thuật rằng thiên sứ đánh người thì người câm. Hành động này có thể là một sự đoán phạt hoặc là hành động ngẫu hứng. Còn vài phút nữa thôi là Xa-cha-ri phải bước ra bên ngoài, nhân danh Chúa để công bố phước hạnh cho đoàn dân đông đang chờ đợi ông, là thầy tế lễ thi hành bốn phạt trong ngày hôm ấy. Nhưng một thầy tế lễ không tin nổi vào lời uy quyền của thiên sứ Đức Chúa Trời, vì không thể chấp nhận sự can thiệp thiên thượng có thể làm đảo ngược bản chất tự nhiên, thì ông đã đánh mất đức tin căn bản của sự mua chuộc. Mà không có sự mua chuộc thì ông không

thể có phúc âm. Mà không có phúc âm thì bất cứ phước lành gì ông công bố trên dân sự cũng chỉ là sự trống rỗng tồi tệ nhất của nghi thức chuyên nghiệp mà thôi. Nếu Xa-cha-ri không thể tin vào phúc âm của thiên sứ, thì tốt hơn ông không nên giả vờ chúc phước trên dân sự. Thật là thích đáng khi thiên sứ khiến ông câm.

Tại đây chúng ta nên lưu ý xem Lu-ca đã công bằng như thế nào đối với Xa-cha-ri. Ông phơi bày toàn bộ câu chuyện về sự vô tín của Xa-cha-ri; nhưng điều đó không có nghĩa là ông chế nhạo lòng trung thành của ông đối với hàng phẩm trật trong giáo hội hoặc vi phạm về chân thật trong đạo đức. Lu-ca cho biết Xa-cha-ri là thầy tế lễ đã cưới một người vợ thuộc gia đình thầy tế lễ A-rôn (1:5), khi nói về đời sống đạo đức và sự thánh khiết riêng tư thì 'cả hai đều là công bình trước mặt Đức Chúa Trời, vâng giữ mọi điều răn và lễ nghi của Chúa một cách không chỗ trách được' (1:6). Nhưng điều quan trọng trong tôn giáo của người Do Thái là nếu chỉ đúng đắn về đạo đức và nghi lễ thôi thì chưa đủ. Những tiên tri của người Y-sơ-ra-ên và chức thầy tế lễ, và chính sự hiện hữu của người Y-sơ-ra-ên đã được Chúa dự định là đại diện như một lời chứng cho sự can thiệp mang tính cứu chuộc của Đức Chúa Trời vào cõi thiên nhiên và trong những vấn đề của thế giới này. Thật ra, mặc dầu Y-sơ-ra-ên đã có những thầy tế lễ trước thời kỳ Xuất Ai Cập, nhưng vai trò đặc biệt của họ giữa các dân tộc là một vương quốc của các thầy tế lễ (xem Xuất 19:4-6) là kết quả trực tiếp của lịch sử về sự can thiệp đầy diệu kỳ của Đức Chúa Trời trên thiên nhiên, trên các tai vạ tại xứ Ai Cập, và trên Biển Đỏ, và sự can thiệp mang tính cứu rỗi của Ngài trên lễ Vượt Qua. Cũng vậy, người Lê-vi là những người giúp đỡ cho các thầy tế lễ, vì thế Đức Chúa Trời nhờ vào sự hiện hữu của họ như là một cơ chế để Ngài can thiệp vào ngày Lễ Vượt Qua tại Ê-díp-tô (xem Xuất 13:11-16 với Dân số ký 3:1-13). Hơn thế nữa, những sự can thiệp lớn lao mang tính lịch sử của Đức Chúa Trời trên dân Y-sơ-ra-ên không chỉ được xem như những sự kiện của quá khứ: vì Y-sơ-ra-ên là bằng chứng và khuôn mẫu của Đức Chúa Trời trong sự can thiệp tương lai cho mục đích của sự phục hồi mọi sự. Mỗi kỳ Lễ Vượt Qua mà Xa-cha-ri dự phần đều là sự ghi nhớ về quá khứ, là một lời tiên tri cho tương lai, đó là sự can thiệp để đem đến sự cứu chuộc.

Vì thế, khi thiên sứ đến và loan báo cho thầy tế lễ Xa-cha-ri rằng Chúa đã nghe lời cầu nguyện của ông và Ngài sắp làm thành lời hứa mang tính tiên tri của Ngài, rằng Đấng Mê-si-a sẽ đến để phục hồi mọi sự, và vì thế Xa-cha-ri được chọn để làm cha của người mở đường, là một thầy tế lễ Xa-cha-ri nên hiểu biết về thời điểm và không nên ngạc nhiên như vậy. Lẽ ra ông nên tin vào thiên sứ với niềm tin rằng sự can thiệp thiên thượng đầy phép lạ là điều thật đáng kinh ngạc, ông đã làm cho chính đức tin của một thầy tế lễ được chỉ định như ông trở nên vô nghĩa- và phải trả giá- để làm người đại diện cho dân Y-sơ-ra-ên và duy trì chức tế lễ.

Nhưng chúng ta không dựa vào đâu để có thể cho rằng sự vô tín của Xa-cha-ri đối với thiên sứ là biểu hiện của một quan điểm đã được suy nghĩ thấu đáo mà ông phải luyện tập để nói ra luận điệu hợp lý của phái vô tín. Nhưng câu nói của ông mang tính bản năng nhiều hơn, một sự nghi ngờ tức thì như thế về Đức Chúa Trời và Lời của Ngài vẫn phủ trên nhân loại kể từ Sự sa ngã, tuy nhiên, nó càng bị đè nén sâu hơn bởi những kỷ luật về tôn giáo, nó sẽ có nguy cơ bày tỏ ra trong những giây phút thiếu cẩn trọng để đòi xác nhận lại. Điều này nhắc nhở chúng ta rằng những sự vô tín ngày nay xuất phát từ cùng một nguồn gốc. Chúng ta tăng bốc chính mình nếu cho rằng sự vô tín ấy cần phải có theo cái nhìn của khoa học. Thật mừng cho Xa-cha-ri, vì sự sai trật của ông chỉ trong một thời gian ngắn, và dầu sao nó cũng không thể làm hỏng mục đích của Đức Chúa Trời. Không bao lâu sau khi ông trở về nhà, khi đã hoàn tất trách nhiệm của một thầy tế lễ, thì Ê-li-sa-bét mang thai.

*Câu chuyện 2 và 3. Sự loan báo và bài ca của Ma-ri (1:26-56).* Bây giờ chúng ta phải tạm rời Xa-cha-ri và sự vô tín lúc đầu của ông về sự can thiệp thiên thượng, mặc dầu lát nữa chúng ta sẽ trở lại với ông và với những nan đề của ông. Bây giờ, Lu-ca muốn chúng ta quay sang Ma-ri và câu chuyện của cô. Theo như lời ghi chép ở đây thì thật ra là có hai câu chuyện về Ma-ri. Lời loan báo của thiên sứ và bài ca của Ma-ri. Một bên là lời giải thích của Ma-ri vì sao cô có thai trước đám cưới và câu chuyện kia là sự đáp ứng của cô khi mang thai. Ít nhất, đây chính là nội dung của hai câu chuyện, nếu Lu-ca đang thực hiện công việc chép sử.

Nhưng có phải ông đang chép sử không? Câu trả lời truyền thống cho câu hỏi này và ngày nay vẫn là vâng, ông đang chép sử. Nhưng trong những thập niên gần đây những biểu hiện về những ý kiến mâu thuẫn ngày càng lớn hơn và thường xuyên hơn. Nhiều người cho rằng lời tường thuật của Lu-ca và Ma-thi-ơ về sự nhập thể rất bị nghi ngờ về giá trị lịch sử; nhưng họ có khuynh hướng thêm vào rằng điều này cũng không sao bởi vì lời tường thuật của họ là những câu chuyện đầy tưởng tượng của chân lý thần học về Chúa Jê-sus; đây không phải là lịch sử mà chỉ là chuyện hoang đường. Vì thế, một người có thể phủ nhận sự nhập thể không phải là một sự kiện lịch sử, nhưng vẫn tin vào sự thật được bày tỏ qua câu chuyện nhập thể “hoang đường”.

Tại đây, [thật vô lý và không thể nào thảo luận, hoặc thậm chí tường trình, một cách chính xác sự thật là gì mà sự thật ấy lại bị tuyên bố là câu chuyện huyền; những học giả giữ quan điểm rằng câu chuyện này là hoang đường cũng không hoàn toàn đồng ý với nhau- và tất cả họ cũng đều không dám quả quyết- rằng sự thật của câu chuyện ấy là gì. Nhưng một số lý do khiến họ không chấp nhận sự nhập thể là sự kiện lịch sử thật rất thích đáng để chúng ta nghiên cứu ngày nay. Sự bất đồng căn bản đó là cho rằng không thể nào có sự can thiệp thiên thượng, vì thế không thể nào có sự nhập thể. Nếu đúng như thế thì nó sẽ dấy lên một số thắc mắc vô cùng nghiêm trọng về bản chất của những lời tường thuật của Luca và Mathiơ. Những câu hỏi này gần đây đã được ông Clifford Longey trình bày rất súc tích và sinh động: <sup>1</sup>

Nếu...không có phép lạ nào xảy ra vào sự kiện hoài thai của Chúa Jê-sus, thì vấn đề ở đây rất to tát...Có nghĩa là Chúa Jê-sus có một người cha thuộc thế. Đó có thể là Giô-sép hoặc một người nào khác. Nếu đó là Giô-sép, thì những phần Kinh Thánh Tân Ước nói về suy nghĩ của ông cho rằng vợ hứa của ông đã có thai với một người đàn ông khác không chỉ là “chuyện thần thoại tôn giáo”, mà đó là những lời dối trá rõ

<sup>1</sup> Bài viết, “A Conservative Case For Christ” trong báo *The Times* (London, 4 tháng 6, 1984, trang 18)

ràng, hoặc do chính Giô-sép nói hoặc do những người khác hư cấu. Nếu người ấy (người cha thuộc thể- phần thêm vào là của tôi) không phải là Giô-sép mà là một người khác thì câu chuyện của Ma-ri là một sự dối trá, Giô-sép đã bị lừa dối (hoặc kẻ đồng lõa của sự dối trá), và những trước giả của các sách Phúc âm đã bị “lừa gạt”.

Câu hỏi ở đây .... là... làm thế nào họ (những nhà thần học tự do hiện đại) né tránh việc bôi nhọ sự chân thật (và trong sạch) của Giô-sép và Ma-ri?

Cách duy nhất để bắt bỏ những lời cáo buộc này là nói rằng những phần tham khảo của Tân ước về Giô-sép chưa bao giờ có bất cứ chỗ nào trong bất cứ trường hợp gì tường trình điều Giô-sép hoặc Ma-ri từng nói hoặc làm; đó là đối với những sự kiện lịch sử, cho rằng dường như Chúa Jêsus được sanh ra cho Giô-sép và Ma-ri theo một cách bình thường sau khi họ đã kết hôn; và vì thế câu chuyện của Ma-thi-ơ ghi lại về Giô-sép, khi được biết Ma-ri có thai bởi một người khác trước khi họ kết hôn chỉ là một phần của câu chuyện hoang đường; rằng Ma-thi-ơ và Lu-ca (hoặc một người khác) thêm dệt câu chuyện này thì sẽ là người đầu tiên thừa nhận rằng nếu xem câu chuyện này là sự kiện lịch sử thì nó là câu chuyện hoàn toàn không thật; nhưng lại không thể buộc tội là nói dối bởi vì họ không bao giờ nỗ lực tạo ấn tượng rằng họ đang viết sử. Theo như lý thuyết này chắc hẳn họ cho rằng bất cứ ai (ngoại trừ những người ngu dốt nhất) cũng sẽ thấy rằng câu chuyện của họ là hư cấu để chuyển tải một lễ thật tôn giáo. (và cho rằng bất cứ ai cũng có thể nhìn thấy sự thật ấy là gì); đầu đó là Ma-ri hay Giô-sép, nếu họ còn sống để đọc câu chuyện này, thì họ cũng sẽ bị xúc phạm hoặc nực cười bởi sự xuyên tạc của họ về những sự kiện lịch sử liên quan đến những lời huyền hoặc của tôn giáo; đến nỗi không ai trong những người đồng thời với họ, kể cả những người Y-sơ-ra-ên, tìm cách phủ nhận sự thật mang tính tôn giáo này chỉ bởi vì lý do rằng các chi tiết của câu chuyện huyền là không đúng với lịch sử. Cuối cùng thì người theo lý thuyết này phải thừa nhận rằng mặc dầu những Cơ Đốc Nhân đầu tiên rất sắc bén và chấp nhận câu chuyện hoang đường, nhưng sau một vài thập kỷ, các Cơ Đốc Nhân đã trở nên kém sắc bén hơn, mà



vẫn nhằm lẫn giữa chuyện hoang đường với sự kiện lịch sử và cứ tiếp tục nhằm lẫn như thế suốt bao thế kỷ.

Dĩ nhiên, toàn bộ lý lẽ của họ thật phi lý; nếu xem xét cẩn trọng cách Lu-ca ghi chép sẽ hoàn toàn đánh bật lập luận của họ. Rõ ràng là Lu-ca xem sự nhập thể là sự việc theo nghĩa đen, là một sự kiện mang tính lịch sử; và ông dự định rằng độc giả của ông cũng phải hiểu như vậy. Trước hết, trong phần mở đầu, ông bảo đảm với độc giả của mình rằng ông đã cẩn thận tra cứu mọi lời truyền khẩu cũng như các tài liệu viết tay, và lời tường thuật của ông là đáng tin cậy. Kế đến, như chúng ta đã lưu ý (trang 30), ông sắp xếp những sự kiện chính có liên quan đến sự nhập thể theo thời gian rất chi tiết. Rồi ông ghi lại hai trường hợp hoài thai đầy phép lạ này còn chi tiết hơn nữa về thời gian. Ông cho chúng ta biết rằng sau khi mang thai, Ê-li-sa-bét đã đi ẩn mình trong năm tháng (xem 1:24), rằng thiên sứ đến thăm Ma-ri khi Ê-li-sa-bét mang thai đã được sáu tháng 1:26), thiên sứ báo tin cho Ma-ri rằng Ê-li-sa-bét nay mang thai đã được sáu tháng (xem 1:36), và sau khi thiên sứ viếng thăm Ma-ri thì Ma-ri đã đi lên thăm Ê-li-sa-bét, ở lại đó khoảng ba tháng, sau đó trở về nhà trước khi con trẻ của Ê-li-sa-bét ra đời (1:56). Cuối cùng, khi con trẻ của Ma-ri ra đời, ông tính niên đại bằng cách liên hệ sự kiện này với lịch sử của thế giới lúc bấy giờ (xem 2:1-2). Vì thế, Lu-ca không chỉ nhắc đến những câu chuyện này và để mặc chúng ta xem chúng là chuyện hoang đường hoặc lịch sử tùy ý. Ông đã có mục đích rằng chúng ta phải xem đây là những sự kiện lịch sử để chúng ta khỏi nghi ngờ. Vì thế, thật là không hợp lý khi lấy những gì Lu-ca đã xem là sự kiện lịch sử; rồi phủ nhận tính lịch sử và giải thích nó như thử chính Lu-ca cũng cho rằng đây là chuyện huyền tôn giáo. Chắc chắn Lu-ca dự định chuyển tải một lẽ thật tôn giáo, đó là Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời; nhưng trong bản tường thuật của ông, rõ ràng lẽ thật tôn giáo được đặt nền tảng trên sự kiện lịch sử: 'Đức Thánh Linh sẽ ngự trên cô, và quyền năng của Đấng Rất Cao sẽ che phủ cô, vì lý do này (cho nên) con Thánh sanh ra, sẽ được gọi là Con Đức Chúa Trời.' (1:35).

Chỉ còn một lối thoát duy nhất mở ra cho loại thuyết hoang đường này. Đó là, đang khi tra cứu các nguồn tư liệu của mình, Luca

có tiếp cận với một câu chuyện hoang đường đã được hư cấu (có lẽ nó đã được hư cấu từ rất sớm). Ông không hề thắc mắc, ông cũng không hề nhầm lẫn mà đã xem đó như một sự kiện lịch sử. Dầu ông là một bác sĩ giỏi, dầu ông là người thường đi nơi này nơi kia với Phao- Lô, nhưng ông không cảm thấy bất an về một câu chuyện đầy phép lạ, về sự hoài thai của nữ đồng trinh khi ông tham khảo với những bạn hữu có học và đầy sắc bén, là những người sẽ ngay lập tức cho ông biết rằng đó là một câu chuyện hoang đường. Lời giải thích này hoàn toàn không chắc chắn đến nỗi cần phải mượn thêm một số từ nửa từ Ông Longley để nói rằng ‘thà tin vào phép lạ còn dễ hơn... tin vào thuyết vô thần’.

Vậy, theo Lu-ca, sự nhập thể là một sự kiện lịch sử, có nghĩa là câu chuyện về thiên sứ loan báo khởi đầu là với Ma-ri rồi lời tường thuật về những bài ca ngợi bắt đầu là của Ma-ri kể đến là của Xa-cha-ri và Êlisabét. Trong khi kể lại những câu chuyện này, Lu-ca kêu gọi chúng ta hãy quan tâm đến hai điều: thứ nhất, như chúng ta vừa thấy, với một số thời gian đầy chi tiết có liên quan đến sự khởi đầu và phát triển của hai trường hợp hoài thai đầy phép lạ, thứ hai là phản ứng đầy thắc mắc của Ma-ri trước lời thông báo quan trọng dường ấy.

Về thời gian chi tiết đầu Lu-ca có dự định hay không, cũng cho phép chúng ta trắc nghiệm Ma-ri lần đầu tiên khi cô kể câu chuyện này. Chắc hẳn là cô phải đi lên và thuật lại ngay với Ê-li-sa-bét về sự loan báo này. Có nghĩa là cô ta không chờ đợi cho đến khi có những bằng chứng không thể phân biệt được buộc cô phải nói thêm những lời phân tích về tình trạng của cô. Vì đến lúc đó thì ai còn tin cô nữa? Cô ta đi ngay lập tức, mặc dầu vẫn chưa có những bằng chứng gì trong thân thể của cô, có lẽ là không có bằng chứng gì khi cô quan sát chính mình, để nói với Ê-li-sa-bét rằng thiên sứ đã thăm viếng cô và loan báo rằng cô sẽ có một đứa con mặc dầu cô chưa lấy chồng.

Cô lấy lý do gì để bịa đặt câu chuyện trong giai đoạn này và thuật lại cho những người khác nếu đây không phải là sự thật? Có thể nói rằng cô Ma-ri cũng giống như bất cứ cô gái Do Thái nào, vô cùng khao khát trở thành mẹ của Đấng Mê-si-a. Nội yếu tố đó đã đầy đầy sự đáng ngờ. Nhưng thậm chí nếu điều đó là thật, thì có

cũng không bao giờ mơ rằng mình sẽ chịu thai theo cách ấy, điều này được thấy qua cách cô ngay lập tức đáp trả với thiên sứ, 'nhưng tôi chưa ăn ở với người nam nào!' (1:34). Chúng ta hãy suy nghĩ về điều không tưởng được trong giây lát, trong trường hợp của cô, cô sẽ cố gắng giải thích với người khác như thế nào về sự mang thai (trong khi chưa hề có một bằng chứng nào) do vô tình quan hệ, bằng cách tự xưng rằng một thiên sứ đã loan báo với cô rằng cô sẽ có thai bởi sự hoài thai thiên thượng, và con trẻ sẽ chứng minh mình là Đấng Mê-si-a? Ai sẽ tin vào câu chuyện của cô? Cô không phải là một cô gái Hi Lạp, đầu óc bị quay cuồng vì đọc quá nhiều chuyện hoang đường cổ Hi Lạp về những vị thần ăn ở với những người nữ. Và chắc chắn người bà con của cô cũng không phải là người Hi Lạp. Câu chuyện duy nhất trong Cựu Ước của họ về những vị thần ăn ở với người nữ là câu chuyện về sự ăn ở trái phép của ma quỷ (xem Sáng 6:4). Là một người nữ Do Thái sống giữa những tín hữu Do Thái đơn sơ, bảo thủ, bản năng sẽ cho cô biết ngay lập tức rằng nếu câu chuyện do cô bịa đặt thì nó sẽ không có một tia hi vọng nhỏ nào được người khác chấp nhận. Chúng ta đã biết Giô-sép nghĩ gì khi ông mới nghe câu chuyện này (xem Mathiô 1:19); và chúng ta đã biết ông ta dự định làm gì. Ông và tất cả tầng lớp của ông, sẽ xem Ma-ri là cô gái tội lỗi vì đã vi phạm luật kết ước của lễ đính hôn, đối với điều này Kinh Thánh dạy (dầu ngày nay không còn thực hiện) phải chịu án tử hình (xem Phục truyền 22:23-24). Chúng ta cũng biết rằng một số người cho rằng Ma-ri đã mang thai Chúa Jêsus trước khi Ma-ri lấy chồng, và họ vẫn tiếp tục nghĩ theo cách ấy trong cả cuộc đời dài của Chúa Jêsus, bất chấp câu chuyện đầy phép lạ của Ma-ri (xem Giăng 8:41). Trong tất cả những điều này, với bản năng tự nhiên của một người nữ, lẽ ra Ma-ri có thể ngay lập tức đoán trước giây phút mà thiên sứ thực hiện lời loan báo. Đức tin và sự tận hiến dâng tràn khiến cô thuận phục chính mình cho ý chỉ và Lời của Đức Chúa Trời (xem 1:38); nhưng điều này cũng làm cho chúng ta hoàn toàn không thể tin được rằng Ma-ri đã bịa đặt câu chuyện.

Vấn đề thứ hai mà Lu-ca bảo chúng ta quan tâm vào chi tiết là phản ứng của Ma-ri trước lời loan báo của thiên sứ. Trước hết là đức tin của cô và sau đó là niềm vui của cô.

Vào cuối lời loan báo, thiên sứ khuyên Mari nên lên thăm Êlisabét để nhận được lời khẳng định cho đức tin của cô. Chúng ta cần một chút tưởng tượng để xem thử vì sao đức tin của cô cần được gây dựng. Cô đã được chọn lựa cho một trọng trách vô cùng lớn lao mà trước chưa hề có và sau cũng không hề thấy: làm thế nào thân xác mỏng mảnh dễ chết của cô có thể chịu nổi sự căng thẳng về tâm lý và thuộc linh trong một thời gian dài chín tháng chờ đợi? Lúc này chúng ta đã suy nghĩ về những con người hiện đại không tin nổi câu chuyện của Ma-ri. Đó không phải là thách thức khiến Lu-ca quan tâm tại đây. Ông quan tâm nhiều hơn về chính Ma-ri, làm thế nào một cô gái tầm thường bằng xương thịt như Ma-ri, đã tin vào lời loan báo, và cứ tiếp tục tin vào lời ấy, mang trong người sự cao trọng không lường trước được, với gánh nặng không đo lường nổi mà không để mất đức tin, giữ sự điềm tĩnh với sự khiêm cung và thánh khiết phải lẽ trong chính thân thể của cô.

Khi thiên sứ lia cô thì có lẽ trước hết cô bị cảm dỗ vì cho rằng toàn bộ sự việc chỉ là tưởng tượng. Nhưng khi cô đến nhà Ê-li-sa-bét, cô khám phá ra rằng không những Ê-li-sa-bét đã mang thai, theo như lời thiên sứ báo, một sự hoài thai đầy phép lạ, nhưng bởi ơn tiên tri, Ê-li-sa-bét còn biết Ma-ri sẽ là mẹ Chúa mà không cần Ma-ri tường thuật. Ê-li-sa-bét đã khẳng định điều Ma-ri tin là thật.

Cho nên bây giờ Ma-ri biết chắc chắn rằng cô sẽ trở thành mẹ của Con Đức Chúa Trời. Cô sẽ phản ứng thế nào đây? Chúng ta hãy hết sức cẩn thận nhìn xem phản ứng của Ma-ri, vì đó là một phần của bằng chứng đã được Kinh Thánh trình bày về sự thật của câu chuyện. Nếu cô ta không bày tỏ tình cảm của mình trong nhận thức về sự tôn trọng lớn lao không đo lường được của điều mà cô nói ra, chúng ta sẽ cảm thấy lo lắng: liệu cô có hiểu được lời công bố của mình không? Mặc khác, nếu cô bày tỏ sự kiêu ngạo hoặc cho mình là trung tâm, chúng ta lại cũng cảm thấy bất an: làm thế nào một người nữ xưng rằng mình sắp làm mẹ của Con Đức Chúa Trời lại kiêu ngạo, không hạ mình, khi thuật lại sự việc? Vì thế, Ma-ri đã bật ra lời ca ngợi và lời tiên tri mà chúng ta phải lắng nghe hết sức cẩn trọng.

Chúng ta để ý cách sử dụng từ của Ma-ri rất trang trọng, rất xưa và mang tính thơ ca, và hầu hết lấy từ Cựu Ước. Đây không phải

là một nghệ thuật pha lẫn giữa cái thật và cái tưởng tượng như một số người qui gán, cho rằng đây là bằng chứng hư cấu của Lu-ca trong một câu chuyện giả tạo. Bất cứ ai từng tham dự những buổi nhóm cầu nguyện tự phát giữa những người không biết chữ của nền văn hóa truyền miệng, thì sẽ biết rằng hầu như họ dùng ngôn ngữ có liên quan đến những chữ rất xưa lấy từ bản dịch Kinh Thánh cũ mà họ đã nghe người khác đọc từ khi còn nhỏ, rồi pha trộn với lời của các bài thánh ca được viết ra cách đó hàng thế kỷ hoặc lâu hơn nữa. Cho nên Ma-ri cũng vậy. Đây là giây phút mà cô muốn tôn cao Chúa với tâm linh mạnh mẽ. Có lẽ ngôn ngữ duy nhất để tôn cao danh Chúa mà cô biết là ngôn ngữ của Kinh Thánh. Chúng ta không ngạc nhiên gì về phong cách này, mặc dầu ngay sau đó chúng ta có thể ngạc nhiên về nội dung.

Cô bắt đầu bằng cách ngợi khen Chúa (xem 1:46)- là cách mở đầu bình thường của bất cứ lời cầu nguyện nào. Sau đó, ngay lập tức (xem 1:47) cô bày tỏ một niềm vui lớn (từ Hi Lạp mà Lu-ca sử dụng để dịch từ ngữ gốc mà cô đã sử dụng trong tiếng A-ram để bày tỏ lòng hân hoan, là tràn ngập vui mừng, niềm vui đến từ Chúa). Sau đó, cô nhận biết được sự diệu kỳ quá đỗi lớn lao về sự việc đang xảy đến cho cô. Cô cũng nhận biết sự tương phản không lường được về tình trạng thấp kém và không biết chắc của hiện tại với sự phô bày lớn lao và vinh hiển cao trọng chắc chắn sẽ thuộc về cô suốt các thế hệ sau này (xem 1:48).

Chúng ta tự hỏi những điều này sẽ đem lại ảnh hưởng gì, tất cả nhân cách của cô, suy nghĩ của cô về chính mình, về địa vị của mình, về mối quan hệ của cô, cô cảm nhận thế nào giữa cô và tất cả những người chung quanh, giữa cô và Đức Chúa Trời?

Đây là điều vô cùng đáng động vào chúng ta: Trong cả bài ca ngợi của Ma-ri, không có một chỗ nào cô đề cập rằng mình sẽ trở thành mẹ của Con Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên đó là sự thật khiến cô vui mừng và ngợi khen, nhưng cách cô nói về sự kiện lớn lao này cho thấy, cô nhìn sự việc như là những điều đáng ghi khắc vào tâm trí.

Cô giải thích rằng cô được vui mừng quá đỗi, bởi vì đang khi hành động trên cô thì Ngài là Cứu Chúa của cô (xem 1:47). Chúng ta hãy lưu ý đến điều này, với cả tấm lòng, cô tự xem mình là người cần

sự cứu rỗi cũng như bất cứ con người nào giữa nhân loại này.

“Từ nay về sau, mọi thế hệ sẽ khen tôi là người có phước.”- nhưng cô không thêm vào rằng ‘bởi vì tôi sẽ là mẹ của Con Đức Chúa Trời’ nhưng ‘Bởi Đấng Toàn Năng đã làm các việc lớn cho tôi’ (1:49). Nói cách khác, những gì Chúa làm chính là điều khiến tâm trí cô phải suy nghĩ chứ không phải vì con người vĩ đại của cô.

Nhưng bây giờ cô nhìn thấy gì trong mối quan hệ của cô với Chúa, trong ánh sáng của tất cả những điều lớn lao mà Chúa đã làm cho cô? Kinh Thánh Cựu Ước luôn luôn nhấn mạnh đến sự cách biệt rất lớn không thể vượt qua được giữa Danh của Đức Chúa Trời với bất cứ danh nào khác: Chỉ một mình Danh Chúa là thánh. Có phải những điều lớn lao đã nâng cô đến một vị trí mà khoảng cách và sự khác biệt giữa cô và Đấng Thiên Thượng đã giảm thiểu đến nỗi biến mất không? Ma-ri không tưởng tượng như vậy. Thậm chí ngay trong giây phút tâm linh mạnh mẽ, cô cũng không sống trong ảo giác, cũng không hề chớm nở một tư tưởng lộng ngôn nào. Tất cả các thế hệ của các tạo vật sẽ khen cô là người có phước; nhưng ngay lập tức cô đứng về phía của mọi tạo vật khác: vì Ma-ri vẫn nói, ‘Thánh thay là danh Ngài’ (1:49).

Bây giờ cô đang xướng lên ba cặp thơ dài bằng nhau, trong cả ba cặp thơ này, cô có nói vài điều về chính mình, mà không nói gì về tầm quan trọng của mình hoặc cho mình là trung tâm. Đây là những lời sau cùng mà chúng ta nghe Ma-ri tự nói về mình. Có hai lần Ma-ri nói về mình trong các cặp thơ sắp đến, nhưng Ma-ri sẽ không nói về chính mình cách rõ ràng.

Điều này có thể đánh động trong chúng ta về sự khiêm nhường vượt trội của cô, nhưng thật ra nó được thốt ra tự nhiên theo cách mà cô nhìn vào sự việc. Trên một phương diện thì hoàn toàn độc đáo, trên một phương diện khác thì Ma-ri xem điều này là không có gì lạ. Vì đó là hành động thương xót của Đức Chúa Trời. Vì ‘Ngài thương xót những người kính sợ Ngài, từ thế hệ này qua thế hệ khác (1:50).

Bất cứ ai trong vô số người của hàng triệu thế hệ ấy đều có thể kể lại về lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Vì thế cô không thấy

trường hợp của mình là đặc biệt, vì cô không chăm mắt nhìn vào chính mình nhưng cô ngắm nhìn sự bất biến của Đức Chúa Trời. Dầu hành động thương xót không hề sai trật của Đức Chúa Trời trên cô là rất lớn lao, nhưng cô cũng chỉ là một thành viên đơn lẻ.

Nhưng chắc chắn thỉnh thoảng sự khiêm nhường cũng có thể xuất phát từ sự ngu dại, và nếu đúng như vậy, thì đây không phải là bài ca ngợi từ lòng chân thật. Có thể nào ban đầu Ma-ri công bố cô là mẹ của Đấng Mê-si-a, là Con của Đức Chúa Trời, rồi sau đó suy nghĩ lại và cho rằng toàn bộ câu chuyện chẳng qua chỉ là một trường hợp nữa về lòng thương xót bình thường của Chúa cho tất cả các thế hệ. Có phải vì không hề biết bất cứ điều gì bên ngoài tầng lớp thợ thủ công thấp kém của mình cho nên cô không có một chút ý niệm gì về các nhân vật có liên quan đang hiện diện, như thầy tế lễ thượng phẩm của dân tộc cô hoặc Sê-sa Au-gút-tơ của thế giới La mã, và cho rằng chỉ một mình Đấng Mê-si-a, Con Đức Chúa Trời sẽ lên ngôi Đavít; và vì không hiểu biết đầy đủ, nên cho rằng Chúa bỏ qua những gia đình giàu sang, cao trọng, có học và quyền thế mà chọn lấy một cô gái thấp kém, làm nghề thủ công từ một gia đình không ai biết đến để trở thành mẹ của Vua của các vua, Chúa của các chúa sao?

Thật là quá dại dột để hỏi câu hỏi như thế; nhưng thật quan trọng để nhìn thấy câu trả lời là không. Ma-ri nhận biết rất rõ sự khác biệt lớn lao trong khả năng, tiềm lực và sức mạnh đã ngăn cách các triết gia, người giàu có và người quý tộc với người thất học, người nghèo và người yếu đuối, và chính cô nhìn thấy vì mục đích của sự nhập thể là Chúa đã bỏ qua các đời trước và dùng người đời sau. Nhưng để giải thích điều này cô ta dùng một chuỗi của động từ trong thể bất định (ngữ pháp Hi Lạp) (xem 1:51-53) mà các nhà giải kinh không quyết định được là cô đang mô tả hành động của Đức Chúa Trời trong quá khứ, hành động của Chúa trong tương lai được nhìn theo cái nhìn tiên tri mặc dầu nó đã được ứng nghiệm hoặc là một hành động theo thói quen của Đức Chúa Trời. Chúng ta không cần quyết định về câu hỏi giải kinh này. Ma-ri có ý nói về cả ba thể. Cô ta nhìn thấy Chúa chọn cô chỉ là một trường hợp về điều Chúa vẫn luôn làm, Ngài đã làm và Ngài sẽ làm. Lý do để chúng ta nói như vậy là vì, như cô đã cho chúng ta biết trong hai cặp câu đầu tiên, điều gì đang

xảy ra cho cô trong sự hành động của Chúa là Đấng Cứu Thế. Trong sự cứu rỗi Ngài luôn làm tan tác những kẻ kiêu ngạo, hạ những kẻ quyền thế, cho người giàu đi về tay không, nhưng tôn cao người thấp kém và nuôi kẻ đói. Đó là lý do vì sao cô dùng ngôn ngữ tiên tri từ bao thế kỷ để mô tả kinh nghiệm của chính cô, vì đây cũng chính là kinh nghiệm của bất cứ ai đã từng kinh nghiệm bất cứ khía cạnh nào của sự cứu rỗi của Chúa. Bà Anne (xem ISamuên 2) cũng thấy như vậy trong hoàn cảnh của gia đình bà, mặc dầu rất khác với trường hợp của Ma-ri. Phao Lô đã quan sát và thấy rằng trong ý nghĩa cao nhất của từ ngữ này, thì đây là nguyên tắc mà qua đó sự cứu chuộc của Đức Chúa Trời hành động (ICôrinthô 1:18-31).

Sau đó Ma-ri trình bày những gì đã xảy ra cho cô vào bối cảnh rộng hơn. 'Ngài đã giúp đỡ Y-sơ-ra-ên, đầy tớ Ngài và nhớ lại sự thương xót Ngài (như Ngài đã hứa với các tổ phụ chúng ta). Với Áp-ra-ham và dòng dõi người đến muôn đời' (1:54-55). Kể từ khi cô còn thơ bé, tại nhà, tại nhà hội, tại các kỳ lễ, đã hằng trăm lần cô nghe giảng về sự kêu gọi của Đức Chúa Trời trên Áp-ra-ham, về sự hình thành đất nước qua Áp-ra-ham, về giao ước vĩ đại của Đức Chúa Trời đối với ông và dòng dõi của ông: về cách mà Chúa đã tôn trọng giao ước của Ngài trong quá khứ, và Ngài còn sẽ tôn trọng giao ước của Ngài nữa. Vì thế, khi sự kiện đầy quyền năng này xảy ra với cô, tâm trí của cô đã có suy nghĩ đúng đắn về bối cảnh này. Những gì đang xảy ra đối với cô, là đang xảy ra với tư cách một thành viên của dân tộc, không phải riêng cá nhân cô, hoặc bản thân cô là một người đặc biệt nhưng đó là vì sự thành tín của Ngài đối với Áp-ra-ham và dòng dõi của ông. Không thể tách rời bối cảnh này ra khỏi điều độc đáo đang xảy ra trong cô và qua cô; nhưng bối cảnh ấy sẽ giúp cô nhìn thấy chính mình là một phần của đường lối Đức Chúa Trời đối với dân tộc của cô, đối với sự chọn lựa, lịch sử và sự dự định của Ngài trên dân tộc ấy, điều đó là chắc chắn. Sự nhận biết ấy về bối cảnh rõ ràng đã nâng đỡ cô trong đức tin và đồng thời giữ cô trong danh phận được tôn cao, khỏi bất cứ cảm nhận quá cường điệu nào về tầm quan trọng của chính mình. Khi chỉ ra được điều này, Ma-ri cũng giúp ích cho chúng ta nữa. Được xem là một phần của dân tộc độc đáo trong một lịch sử độc đáo, thì sự kiện hoài thai đồng trinh độc đáo và sự nhập thể cũng là điều rất tự nhiên.



*Câu chuyện 4 và 5. Sự ra đời và việc đặt tên của Giăng và lời tiên tri của Xa-cha-ri (1:57-80).* Hai câu chuyện sau đây lại trở về với Xa-cha-ri. Câu chuyện thứ nhất (1:57-66) có liên quan đến sự ra đời, cắt bì và đặt tên cho đứa trẻ; câu chuyện thứ hai (xem 1:67-79) ghi lại lời tiên tri mà ông công bố trên con trai ấy.

Trong tiến trình của câu chuyện thứ nhất, Xa-cha-ri được khôi phục khả năng hoạt bát. Vậy chúng ta hãy ôn lại vì sao và ông đã bị câm như thế nào. Thiên sứ phán cùng Xa-cha-ri: 'Này, người sẽ bị câm, không thể nói được, cho đến ngày các điều ấy xảy ra, vì người không tin lời ta, là lời sẽ được ứng nghiệm đúng thời điểm (1:20) Sự vô tín của Xa-cha-ri không kéo dài. Có lẽ nó tồn tại rất ngắn sau khi ông bị thiên sứ đánh cho câm; vì khi ông hoàn tất bốn phần theo phiên thứ của mình và trở về nhà thì Lu-ca viết rất ngắn gọn: 'Sau những ngày ấy, vợ ông là Ê-li-sa-bét mang thai' (1:23-24). Tại đây lời của thiên sứ được ứng nghiệm ngay trước mắt ông: ông không thể nào không tin: Nhưng ông vẫn bị câm. Phần khởi đầu của câu chuyện này bắt đầu (1:57) liên quan đến việc con trẻ ra đời.

Chắc chắn điều xảy ra đã đánh tan bất cứ ý tưởng nghi ngờ vấn vương nào trong tâm trí của ông Xa-cha-ri: nhưng ông vẫn bị câm. Vì thế, rõ ràng là câu chuyện không thể dừng lại ở đây: câu chuyện phải được tiếp tục để chúng ta biết điều gì phải xảy ra trước khi Xa-cha-ri được khôi phục khả năng nói. Tuy nhiên, lẽ ra Lu-ca có thể thông tin ngắn gọn cho chúng ta rằng khi Xachari làm y theo điều thiên sứ đã dặn, và đặt tên cho con mình là Giăng, đó là lúc lưỡi ông được thông thả. Và nếu Lu-ca làm như thế chúng ta có thể kết luận hợp lý rằng điều thiên sứ muốn không chỉ là đức tin mà còn sự vâng lời về phía Xa-cha-ri, và khi sự vâng lời thể hiện, thì câu chuyện đã đạt đến đỉnh điểm.

Nhưng thật ra Lu-ca đã tập trung vào câu chuyện theo một cách khác và cao trào của câu chuyện cũng khác với điều chúng ta suy nghĩ. Dĩ nhiên, đức tin và sự vâng lời của Xa-cha-ri không phải chỉ là điều thứ yếu trong câu chuyện: vì đây là điều chủ yếu. Chúng ta cũng không phủ nhận rằng trong toàn bộ câu chuyện của Xa-cha-ri thì đức tin của ông chính là đỉnh điểm. Nhưng cao trào sẽ xảy ra trong đoạn 1:67-79 đó là khi ông có thể trò chuyện bình thường,

Xa-cha-ri sẽ làm trọn giai đoạn này và chỉ một lần vô tín thôi, rồi sau đó ông sẽ nói ra lời tiên tri bày tỏ sự đắc thắng của đức tin từ đầu đến cuối. Tuy nhiên, tại đây trong đoạn 1:57-66, câu chuyện không tập trung vào Xa-cha-ri hoặc Ê-li-sa-bét, nhưng tập trung vào những người láng giềng và bà con của họ. Khi con trai của Ê-li-sa-bét ra đời, chính vì phản ứng của những người hàng xóm và bà con của họ mà Lu-ca đã trình bày trong cả một câu (xem 1:58). Khi ngày đặt tên con đã đến, chính những người hàng xóm và bà con đến đặt tên cho con trẻ: chính họ đặt tên cho con trẻ là Xa-cha-ri; khi Ê-li-sa-bét không đồng ý thì họ ra dấu cho Xa-cha-ri xem ông muốn đặt tên con là gì; rồi khi ông lấy tấm bảng nhỏ và viết: ‘tên nó là Giăng’, Lu-ca đã dừng lại để nói lên sự kinh ngạc của họ (xem 1:63b) trước khi ông định nói thêm, thì ngay lập tức miệng Xa-cha-ri được thông thả. Khá rõ ràng rằng Lu-ca muốn tập trung vào những người hàng xóm và bà con. Rồi khi Xa-cha-ri có thể nói chuyện trở lại, Lu-ca không kết thúc câu chuyện ngay tức khắc: ông dành ra không dưới hai câu để mô tả kết quả ảnh hưởng trên nhóm người này và trên dân chúng khắp miền Giuđê (xem 1:65-66). Đây chính là cao trào và chúng ta phải chú ý thật cẩn thận ảnh hưởng được trình bày trong câu này: ‘Mọi người nghe đều ghi nhớ trong lòng, và nói: Con trẻ này về sau sẽ ra thế nào?’ Vậy điều kế tiếp chúng ta sẽ hỏi là Lu-ca đã ghi lại điều gì trong câu chuyện khiến nhóm người này vô cùng ấn tượng về đứa trẻ và tương lai của đứa trẻ ấy.

Chúng ta lưu ý rằng không phải chỉ vì sự ra đời của đứa trẻ đã tạo ấn tượng trên họ. Nhưng họ ý thức rằng sự ra đời của đứa trẻ cho một cặp vợ chồng rất cao tuổi như thế là điều thật đặc biệt, và họ đã được chuẩn bị để ngắm xem điều này như là một phước hạnh vượt trội từ Đức Chúa Trời: ‘Nghe tin Chúa đã tỏ lòng thương xót lớn lao với bà, láng giềng và bà con đều đến chung vui với bà’. Nhưng khi họ chứng kiến điều đã xảy ra trong nghi thức đặt tên, thì sự kinh ngạc và sợ hãi lẫn cả nỗi vui mừng lớn của họ. Thậm chí ngay trước khi Xa-cha-ri được phục hồi khả năng nói, thì họ đã nghe câu chuyện gặp gỡ thiên sứ của Xa-cha-ri trong đền thờ qua việc viết tên lên tấm bảng nhỏ của Xa-cha-ri và Ê-li-sa-bét; mà nếu họ chưa được nghe, thì chắc chắn sau này họ sẽ được nghe. Có hai phần. Thứ nhất, thiên sứ đã nói tiên tri về sự ra đời siêu nhiên. Dầu ai có suy nghĩ thế nào

về câu chuyện của Xa-cha-ri đi nữa, thì rõ ràng rành rã đã có một đứa trẻ sống động được ra đời. Nhưng Xa-cha-ri nói, thiên sứ cũng loan báo rằng đứa trẻ đã được ấn định sẽ đi trước Chúa. Đây là một câu chuyện với những thứ tự đảo lộn, như hàm ý về một sự rung động trên đất vậy. Nếu điều này là thật, thì họ đang đứng bên bờ của thời đại Đấng Mê-si-a. Nhưng có thật không? Nói cho cùng, hầu hết các bậc cha mẹ đều cho rằng con đầu lòng của mình là đặc biệt và mơ về những tương lai kỳ diệu của nó. Các bậc cha mẹ cao tuổi thậm chí càng có khuynh hướng như thế hơn. Chẳng phải Xa-cha-ri đã mang trong lòng niềm kiêu hãnh của người được làm cha mẹ đến nỗi cường điệu hoặc thậm chí mơ tưởng viễn vông về con trai mình sao? Trong khi đứa trẻ của ông chỉ là đứa trẻ bình thường.

Dĩ nhiên, thời gian sẽ trả lời, nhưng bây giờ dầu tương lai của đứa trẻ có thể nào, nó cũng cần được đặt tên. Theo lẽ tự nhiên, bà con họ hàng sẽ rất thích thú về điều này. Trong xã hội của họ, người ta quan niệm rằng, sẽ là một tai họa nếu người cha qua đời mà không có con trai để lưu truyền nòi giống.<sup>1</sup> Vì thế, bà con của họ hết sức yên lòng vì gia đình Xa-cha-ri bây giờ đã có một con trai để lưu danh dòng dõi, và họ đã gọi con trẻ là Xa-cha-ri theo tên của cha, nhưng khi bà Ê-li-sa-bét nói rằng, 'không! phải đặt tên cháu là Giảng'. Cả họ bị sốc và cố gắng giải thích cho bà rằng nếu vậy thì bà đã phá vỡ hoàn toàn truyền thống của cả họ tộc (1:61). Nhưng Ê-li-sa-bét rất cương quyết. Họ ra dấu cho Xa-cha-ri để hỏi ông; trước sự kinh ngạc của họ ông đã đồng ý với vợ. Điều này thật trái ngược với lẽ tự nhiên, với những thông lệ được quan tâm và chấp thuận của gia đình. Tại sao họ phải quyết định phá vỡ sự ràng buộc giữa đứa trẻ và truyền thống của gia đình, đặc biệt là nếu theo như điều họ công bố, có phải đứa trẻ đã được dự định để làm người đi trước mình họa cho Đấng Mê-si-a không?

Kể đến là ông Xa-cha-ri bị câm nay đã có thể nói được và giải thích (hoặc giải thích một lần nữa), rằng việc phá vỡ truyền thống của gia đình không phải là ý riêng của ông; thiên sứ đã bảo ông phải đặt tên cho đứa trẻ là Giảng. Những người láng giềng và bà con quá sợ hãi, và khi tin tức lan truyền cả vùng Giu-đê thì mọi người nghe

<sup>1</sup> Đây là điểm vô cùng quan trọng mà cả sách Ru-tơ trong Cựu Ước đề cập đến.

tin ấy đều có phản ứng tương tự; vì tại đây, họ không cần phải tường thuật lại về một câu chuyện quá trái ngược với lẽ tự nhiên, đến nỗi không thể do Xa-cha-ri bịa đặt, vì thế mọi người nghe đều suy nghĩ trong lòng, ‘Con trẻ này về sau sẽ ra thể nào?’

Rồi Giăng lớn lên, tự xưng là người mở đường và thông báo Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a. Giăng đã bị giết, còn Đấng Christ thì bị đóng đinh. Ngày nay chúng ta vẫn còn thắc mắc, có thật Giăng là người mở đường không? Và nếu hỏi câu ấy có nghĩa là còn thắc mắc về nhiều điều khác nữa, động cơ gì khiến Xa-cha-ri đặt tên cho con mình là Giăng.

Còn rất nhiều điều trong câu chuyện số 4; nhưng chúng ta vẫn chưa hoàn tất với những gì xảy ra tại nghi thức đặt tên. Khi đứa bé sơ sinh đang nằm trong nôi ngay trước mặt ông, thì Xa-cha-ri được cảm động bởi Đức Thánh Linh để nói tiên tri, vì thế chúng ta được tường thuật (xem 1:67); và 1:68-79 (chuyện số 5) những gì ông nói. Chúng ta cần nghe thật thận trọng. Liệu điều này có đúng là sự thúc giục từ Đức Thánh Linh không, hay nó trở thành điều còn nhỏ bé hơn là sự phô bày lòng kiêu hãnh của một người cha, sự vinh hiển của đứa con trai, được giả dạng thành từ ngữ chuyên môn của tôn giáo?

Bây giờ trước hết chúng ta hãy xem cảm nhận của Xa-cha-ri trong tính cân đối của bài ca ngợi. Giữa mười hai câu trong lời tiên tri, thì tám câu đầu không hề đề cập đến con trai của ông (1:68-75). Rồi đến hai câu kế tiếp (1:76-77), trong hai câu này ông nhắc đến Giăng và chức vụ đã được định cho Giăng, và cuối cùng là hai câu này (1:78-79) lại nhắc đến điều khác. Phần sắp xếp này rất hay, đồng thời không hàm ý xem thường sự ra đời của Giăng hoặc sự hạ mình giả tạo về phần Xa-cha-ri. Ngược lại, nó cũng bày tỏ Xa-cha-ri đã được thuyết phục rằng Giăng chính là người mở đường cho Chúa, một điều gì đó đang diễn ra, chắc chắn là quan trọng hơn nhiều so với sự ra đời của một nhà tiên tri, tuy nhiên ông bày tỏ Ngài được tôn cao: vì đây là sự can thiệp của Đức Chúa Trời vào lịch sử để xác nhận rằng mỗi lời hứa mang tính tiên tri được thực hiện trong danh của Ngài kể từ khi lịch sử bắt đầu (xem 1:68-70). Một lần nữa, vì Giăng là người mở đường, thì Xa-cha-ri cũng nhận ra rằng chẳng bao lâu sẽ xuất hiện một nhân vật chắc chắn quan trọng hơn Giăng. Trong tâm

trí của Xa-cha-ri, Giăng đã được chiếu sáng rực rỡ bởi ánh mặt trời mọc (1:78). Đức Chúa Trời đã can thiệp. Đêm dài của Y-sơ-ra-ên và của cả thế giới đã kết thúc. Mặt trời mọc từ trên cao sắp tỏa ánh bình minh (1:78). Có nghĩa là sự cứu chuộc (xem 1:68); và sự cứu rỗi; và sự giải cứu khỏi tình trạng nô lệ, để được tự do hầu việc Đức Chúa Trời (1:74-75): Được tha thứ tội lỗi và vì thế được tự do khỏi nỗi sợ chết, và được bình an (xem 1:77-79)

Đức Chúa Trời đã can thiệp. Ngài đã đẩy lên một sừng cứu rỗi là Đấng Cứu Thế đầy quyền năng, trong nhà Đavít (1:69). Sừng cứu rỗi ấy chắc chắn không phải là Giăng mà chính là Chúa Jêsus.

Và bây giờ chúng ta đi đến chỗ nhận biết một điều rất nổi bật. Đó là trong bài ca mang tính tiên tri của mình, Xa-cha-ri toàn dùng thì quá khứ. 'Chúa đã thăm viếng...Ngài đã đẩy lên một sừng cứu rỗi.' Trên một phương diện, dùng như thế là rất chính xác: Vì Đấng Cứu Thế đã đến rồi. Nhưng ngay lúc này Ngài chỉ là một Con Trẻ chưa được ra đời, chưa là một thực thể tồn tại độc lập. Với tình trạng của thế giới, thì mặt trời vẫn chưa được mọc lên. Thế giới vẫn còn tăm tối. Tuy vậy, trong đức tin Xa-cha-ri đã cảm nhận được bằng chứng và sự đắc thắng. Đã từ lâu lắm rồi kể từ khi các nhà tiên tri đầu tiên giảng về lời hứa của Chúa (xem 1:70), và chính Đức Chúa Trời đã hứa một giao ước bằng lời thề với Áp-ra-ham (xem 1:73). Kể từ đó đến nay, đức tin vẫn thường bị thử thách rằng những lời tiên tri xa xưa ấy chỉ là chuyện huyền, rằng biểu hiện của đức tin vào một niềm hi vọng chỉ là nguyên tắc bình thường của đời sống (vì sống mà không có hi vọng thì ai có thể sống được); vì thế không bao giờ nên hiểu về niềm hi vọng ấy theo nghĩa đen, vì sẽ không bao giờ có ánh bình minh thật cho thế giới này; rằng cách duy nhất để đức tin được tồn tại là giải thích rằng bình minh là một cách để cho thấy dầu đêm đen sẽ không bao giờ chấm dứt nhưng vẫn có một phương diện tích cực của nó. Ước gì bạn học biết để chính mình sở hữu một thái độ đúng đắn về điều này. Đó là đức tin phải luôn chiến cự lại với sự vô tín và thừa nhận rằng Đức Chúa Trời không thể nói dối; rằng bất cứ điều gì Ngài đã tuyên bố thì phải xảy ra đúng y như vậy; rằng tiên tri không phải là những con người đại dốt tự lừa dối chính mình, không biết phân biệt giữa ý tưởng của riêng họ với tiếng phán của Đức Chúa

Trời; nhưng chính Chúa đã phán qua các nhà tiên tri độc đáo và liên tục nối kết với nhau; rằng một ngày kia Ngài sẽ tôn cao lời thề hứa của Ngài, và làm vinh hiển đức tin của con người suốt bao thế hệ.

Bây giờ điều này đã xảy ra. Đức tin đã được chứng thực. Nhưng đức tin cũng là điều nghiêm túc và chín chắn. Đức tin đã đủ điều kiện để sự việc xảy ra. Xa-cha-ri nhìn vào chính con trẻ của mình. Vâng, đây là con của tôi, rằng khi chúng ta được giải cứu khỏi kẻ thù nghịch của mình, Ngài sẽ cho chúng ta phục vụ Ngài không sợ hãi gì (xem 1:74), bao gồm cả thế lực đế quốc mạnh mẽ nhất của ngoại bang. Nhưng trước hết Y-sơ-ra-ên phải ăn năn. Sẽ không có sự cứu rỗi theo những ý nghĩa khác cho đến khi Y-sơ-ra-ên học biết con đường của sự cứu rỗi theo ý nghĩa của sự tha tội và phục hòa lại với Đức Chúa Trời. Chỉ một mình điều này thôi là con đường ra khỏi bóng tối của sự chết và bước vào sự bình an. Đó sẽ là trọng trách của Đấng Mê-si-a, Con Đức Chúa Trời, không chỉ tha thứ cho dân sự khỏi tội lỗi nhưng còn để họ hiểu rằng họ đã được tha thứ. Nhưng người phải đi trước và chuẩn bị đường cho Ngài (xem 1:76-79).

Xa-cha-ri biết dân sự của ông. Việc ông làm thầy tế lễ không vô ích. Dân sự ông quan tâm đến sự giải cứu về chính trị nhiều hơn là quan tâm đến sự ăn năn và sự tha thứ tội lỗi. Thật khó cho Giăng có thể xây dựng một con đường để Đấng Mê-si-a có thể đi thẳng vào lòng họ. Nhưng không gì có thể làm thay đổi sự thật và phá hỏng đức tin đặc thẳng của Xa-cha-ri. Vì Đấng Mê-si-a đã đến.

Lu-ca đã trình bày được một nửa về giai đoạn một, đó là lời tường thuật của ông về những thời khắc trước bình minh. Lúc đầu, rõ ràng đức tin của Giăng đã bị lung lay. Nhưng tại đây, thật vui thỏa khi nhìn thấy rằng trước khi Đấng Mê-si-a đến công khai trong thân xác con người vào giữa thế giới này thì đức tin của Xa-cha-ri đã được phục hồi và đặc thẳng. Vì thế, nguyện đức tin của chúng ta cũng được phục hồi và đặc thẳng trước khi Đấng Christ trở lại.

## 2. Mặt Trời Mọc (2:1-52)

Câu chuyện 6 và 7. Sự ra đời của Chúa Jêsus tại Bết-lê-hem và sự viếng thăm của các mục đồng (2:1-21). Câu chuyện số 4 và số 5 đã thuật lại cho chúng ta về sự ra đời, sự cắt bì và đặt tên của người đi

trước Đấng Christ; bây giờ câu chuyện số 6 và số 7 sẽ cho chúng ta biết về sự ra đời, sự cắt bì và đặt tên của Đấng Mê-si-a. Ngay lập tức, chúng ta thấy sự tương phản mạnh mẽ giữa hai chuỗi câu chuyện này: Trong việc đặt tên cho Giăng, điểm nhấn mạnh rất lớn nằm ở việc phá vỡ truyền thống của gia đình; còn trong sự ra đời của Đấng Christ chúng ta thấy Lu-ca nhấn mạnh rất nhiều đến việc duy trì truyền thống gia đình. Sự tương phản này không chỉ nằm trên bề mặt. Là người mở đường cho Đấng Christ thì Giăng chính 'là tiếng kêu trong đồng vắng' (3:4), là một tiếng kêu, chỉ vậy thôi. Chức vụ của ông không liên quan đến việc ông là ai, xuất thân từ gia đình nào. Ngoài ra, là một người mở đường Giăng làm lãnh đạo của một phong trào mà lúc ban đầu đã độc lập với Chúa Jê-sus, và theo một ý nghĩa nào đó thì nó vẫn cứ tiếp tục độc lập thậm chí cho đến sau khi Chúa Jê-sus đã có một chức vụ công khai. Chính ông Giăng không bao giờ là thành viên của một trong các nhóm sứ đồ thuộc Chúa Jê-sus; những người ông chinh phục được xem là môn đồ của ông (xem 5:33); và mặc dầu các môn đồ của Giăng thường xuyên lìa Giăng để gắn bó với Chúa Jê-sus (xem Giăng 1:35-37; 3:25-26), thì Giăng vẫn tiếp tục thân nhận môn đồ (xem Giăng 4:1). Hơn thế nữa, Giăng đã tạo một ảnh hưởng lớn trên dân tộc đến nỗi nhiều người thắc mắc có phải Giăng chính là Đấng Mê-si-a? Nhưng Giăng đã rất rõ ràng và rất cẩn thận phủ nhận điều này, và tuyên bố công khai rằng Chúa Jê-sus chính là Đấng Mê-si-a (xem 3:15-17; Giăng 1:19-34); nhưng nếu có bất cứ sự nghi ngờ gì vào lúc này hoặc về sau, thì thiên sứ đặt tên cho ông đã nhìn thấy rằng truyền thống của gia đình, là điều vô cùng cần thiết với Đấng Mê-si-a, nhưng thiên sứ phải công bố rằng đó là điều không cần thiết đối với chức vụ của Giăng. Cha của ông là ai và gia đình ông thế nào, điều đó không quan trọng.

Ngược lại, đối với Chúa Jê-sus, cần phải duy trì truyền thống gia đình, như chúng ta đã nói, tất cả đều quan trọng với những lý do thật rõ ràng. Công bố Ngài là Đấng Christ tức là công bố Ngài là Con Trai của Đavít và là Đấng kế tự của giao ước và của những lời hứa của Đức Chúa Trời với Đavít. Vì thế trong lời loan báo, thiên sứ Gáp-ri-ên đã mô tả vai trò đã được ấn định của con trai bà Ma-ri như sau 'Chúa là Đức Chúa Trời sẽ ban cho Ngài ngôi Đa-vít, tổ phụ Ngài. Ngài sẽ trị vì đời đời nhà Gia-cốp, vương quốc Ngài mãi mãi trường

tồn. (1:32-33). Vì thế, trong lời tiên tri của mình, Xa-cha-ri nói Chúa Jêsus là sừng cứu rỗi được Đức Chúa Trời đẩy lên trong nhà của Đavít (xem 1:69). Đây cũng không phải là một chút tô vẽ của người địa phương đến từ câu chuyện của người Pa-les-tin về Đấng Christ gốc Do Thái, vì câu chuyện ấy đã biến mất khi phúc âm của người Cơ Đốc được loan truyền trong thế giới ngoại đạo: câu chuyện của Ngài vẫn là phần thiết yếu của phúc âm. Phao Lô là sứ đồ cho người ngoại bang đã mô tả tin lành là ‘...tin lành của Đức Chúa Trời...ấy là tin lành về Con Ngài, là Đấng mà về mặt thể xác được sanh ra từ dòng vua Đa-vít...’ (Rôma 1:1-3). Và nhiều năm sau, khi đang ở tù tại Lamã, Phao Lô viết thư cho Timôthê và nói: ‘Hãy nhớ rằng Đức Chúa Jêsus Christ thuộc dòng dõi Đa-vít, Ngài đã sống lại từ cõi chết theo như tin lành mà ta rao giảng (II Timôthê 2:8). Điều này nhấn mạnh đến dòng dõi theo truyền thống của Đavít từ chính bản chất của Phúc âm. Tin lành không phải là một chuỗi lễ thật mang tính phi thời gian được bày tỏ bằng ngôn ngữ của những câu chuyện hư cấu. Nhưng tin lành tức là Đức Chúa Trời đã bắt đầu một phong trào vĩ đại với Áp-ra-ham và dòng dõi của ông cách đây nhiều thế kỷ, rồi với Đavít, đó là phong trào mà từng chi tiết đều là thật và mang tính lịch sử giống như sự đẩy lên của đế quốc La Mã; và Chúa Jêsus Đấng Mê-si-a, cũng là Đấng Cứu Thế là đỉnh điểm của phong trào mang tính lịch sử ấy, Ngài đến để làm ứng nghiệm mọi lời hứa đã được thực hiện với Đa-vít và qua Đa-vít.

Vì thế, việc duy trì dòng dõi hoàng vương của Ngài là điều vô cùng cần thiết ngay tại thời điểm Ngài ra đời, đặc biệt là điểm quan trọng về dòng dõi của Ngài. Tiên tri Mi-chê đã nói tiên tri rằng Ngài sẽ sanh ra tại Bết-lê-hem (xem 5:2). Vì thế, Chúa Jêsus phải sanh ra tại Bết-lê-hem. Hãy lưu ý ngay lập tức vì sao hai câu chuyện của chúng ta đồng nhấn mạnh đến nơi chốn Chúa sẽ được sanh ra: Tại thành Đa-vít, xứ Bết-lê-hem, trong máng cỏ (xem 2:4,7,11-12,15-16); nhưng hãy lưu ý đến điều mà 2:1-7 (câu chuyện số 6) quan tâm đến rất nhiều, đó là lời giải thích vì sao Ngài phải sanh tại Bết-lê-hem.

Khi ngày ấy đến, không phải Giô-sép hoặc Ma-ri sắp xếp để tạo uy tín, để Đấng Christ được công bố là Con Trai Đa-vít. Nhưng



trong sự tể trị thiên thượng, Ngài đã ra lệnh để một nhân vật có ảnh hưởng lớn của thế giới cổ sắp xếp để Chúa Jêsus phải được sanh ra tại Bết- lê- hem. Vì thế, Sê- sa Au- gút- tơ đã ra lệnh kiểm tra dân số. Theo nguyên tắc của việc kiểm tra thì mọi người nam phải trở về quê quán để đăng ký tên mình vào sổ.

Giô-sép thuộc về gia đình và dòng dõi của Đa-vít, vì thế ông phải trở về thành Đa-vít. Ông không thể nào né tránh việc giữ truyền thống gia đình: việc thống kê dân số đã đòi buộc ông phải trở về <sup>1</sup>. Dĩ nhiên, Au-gút-tơ không hề biết việc thống kê dân số của ông đã tạo nên những ảnh hưởng gì, và điều cuối cùng mà ông hoặc vua chư hầu Hê-rốt của ông đã thực hiện, đó là làm cho gia tăng tính đáng tin cậy của Đấng Mê-si-a thực thi quyền lên ngôi trên Ysơraên. Đối với Au-gút-tơ, thống kê dân số là một trong những cách ông thực hiện để kiểm soát những vùng khác nhau dưới sự thống trị của ông. Nhưng, đây là điều thật trớ trêu của vấn đề, đó là ông ta tưởng rằng trong tiến trình thắt chặt sự kềm kẹp của ông trên đế quốc rộng lớn, thì ông lại sắp xếp để Chúa Jêsus, Con Trai của Ma-ri, Con Đa-vít, Con Đức Chúa Trời đã được ấn định để ngồi trên ngôi của Y-sơ-ra-ên và của thế giới, được sanh ra trong thành của Đa-vít, là thành thuộc dòng dõi nhà vua ngày xưa. Vô tình, ông đã làm ứng nghiệm lời tiên tri của Mi-chê, ông đã hỗ trợ cho chi tiết này trong lời công bố rằng Chúa Jêsus sẽ là Đấng Mê-si-a. <sup>2</sup>

Đây là trường hợp thú vị nhất về sự tể trị của Đức Chúa Trời trên thế giới loài người. Khi Giăng Báp-tít được hoài thai, thì sự tể trị của Chúa được hướng vào thế giới tự nhiên. Còn khi Chúa của chúng ta được hoài thai thì Ngài giới thiệu vào trong thế giới tự nhiên này một điều mà trước đây thế giới này chưa hề biết và trong chính cõi

---

<sup>1</sup> Cuối trang 52: 1 Các sử gia không thể cho chúng ta biết được lý do chính xác vì sao khi Giô-sép thuộc về dòng họ vua Đa-vít thì trong cuộc kiểm tra dân số ông lại bị đòi buộc là phải trở về thành Bết-lê-hem. Có hai hoặc ba lý do, nhưng không có cái nào chắc chắn. Thủ tục rườm rà ở mỗi thị trấn đều khác nhau và những vương quốc chư hầu của đế quốc La-mã dường như cũng phức tạp như thời đại của chúng ta ngày nay. Để thảo luận thêm mời bạn xem Marshall, trang 100-102.

<sup>2</sup> Một trường hợp nữa mà tác phẩm của Lu-ca có đề cập đến về một mạng lệnh rất vô tình của hoàng đế nhưng đem lại sự hỗ trợ cho phúc âm cách đặc biệt, hãy xem Công vụ 18:1ff.

tự nhiên cũng không bao giờ có thể tạo ra được. Khi Con Đức Chúa Trời và Đấng đã được ấn định để cai trị trên các vua của đất này bước vào trong thế giới loài người, thì rõ ràng dầu ý chí của con người, hoặc sự tự do của con người, hoặc bất cứ điều gì cũng không thể can thiệp ý muốn của Ngài được. Vua Au-gút-tơ có những lý do hoàn toàn thích đáng của riêng ông về hành động của mình, và ông đã làm y theo điều mình muốn. Tuy nhiên ông đã làm điều mà nếu ông biết được thì lẽ ra ông không muốn làm: ông đã thiết lập ngai của Con Trai Đa-vít theo lời công bố. Thật ra, ông đã làm theo sự định trước bởi lời tư vấn của Đức Chúa Trời, Đấng thấy trước mọi sự.

Thật có quá nhiều chi tiết trong câu chuyện số 6; còn về câu chuyện số 7 thì sao (xem 2:8-20)? Câu chuyện về các đoàn thiên sứ và các mục đồng đến máng cỏ có lẽ là những câu chuyện nổi tiếng nhất giữa những câu chuyện về sự ra đời của Ngài. Hình ảnh phong phú lạ kỳ trong câu chuyện đã thu hút được những cảm xúc sâu xa nhất trong tấm lòng con người: Những người chăn đang chăn bầy, người mẹ đang chăm sóc con, bất ngờ ca đoàn thiên sứ đến phá vỡ đêm đen trên đất, báo hiệu mặt trời sẽ mọc lên sau những ngày dài chờ đợi, để bảo đảm cho những người nghèo khó đơn sơ rằng dầu các vua đầy quyền lực của thế gian này đang thực hiện bất cứ điều gì, thì Đức Chúa Trời vẫn quan tâm đến dân sự của Ngài, và với tấm lòng của Đấng Chăn Chiên Trưởng, Ngài đã chọn để Con Ngài không ra đời tại cung điện nhưng tại máng lừa. Chúng ta cũng không cần phải phủ nhận tính biểu tượng của câu chuyện này vì e rằng sẽ làm mất đi tính lịch sử. Tính lịch sử là điều vô cùng cần thiết, nhưng nếu không có thơ ca, thì lịch sử sẽ rất khô khan và có nguy cơ trở nên vô nghĩa: thơ ca rất đẹp đẽ, nhưng nếu không phải là lịch sử, thì nó không phải là sự thật. Lịch sử của Đấng Christ bao gồm cả hai điều này. Chỉ có tâm trí của những người đại dột và không biết thưởng thức mới khẳng khẳng rằng một sự kiện thì phải hoặc là thơ ca, hoặc là lịch sử, chứ không thể kết hợp cả hai.

Tuy nhiên, điều quan tâm hơn hết của chúng ta trong câu chuyện số 7 là, nếu có thể được chúng ta hãy khám phá xem câu chuyện này đã ăn khớp thế nào với bối cảnh mà Lu-ca đang tường thuật. Tại đây có những manh mối. Chúng ta đã lưu ý rằng làm thế nào cả câu chuyện số 6 và số 7 đều giải thích về những giờ đồng hồ

sau khi Ngài ra đời, những mục đồng biết chính xác nơi Ngài ra đời và đến tìm Ngài: họ nói rằng một thiên sứ đã cho họ biết. Kể đến, chúng ta hãy lưu ý xem ảnh hưởng của toàn bộ sự việc mà Lu-ca muốn đưa vào. Theo như điều chúng ta biết, thì các mục đồng là những người duy nhất được nghe tiếng thiên sứ và nhìn thấy thiên sứ. Sau khi họ đã đến máng cỏ và tường trình mọi việc, thì họ đi ra và ngợi khen Đức Chúa Trời, rồi chúng ta không bao giờ nghe về họ nữa. Những người đứng chung quanh nghe câu chuyện các mục đồng đã thuật lại với Ma-ri và cả những người sau này nghe chuyện đều 'ngạc nhiên' (2:18); nhưng chúng ta cũng không nghe thêm về nhóm người này. Rồi sau đó chúng ta được tường thuật về phản ứng của Ma-ri, là phản ứng mà chúng ta cũng được nhìn thấy trong cặp chuyện kế tiếp (xem 2:33-35), và thậm chí còn nhìn thấy nhiều hơn nữa trong câu chuyện cuối cùng (xem 2:43-51; xem trang 61-62): 'Ma-ri thì ghi tạc mọi lời ấy và suy nghĩ trong lòng' (2:19).

Thật không ngạc nhiên, chắc hẳn những điều này đã an ủi lòng Ma-ri rất nhiều. Hầu hết các bà mẹ đều cảm thấy nặng gánh khi chuẩn bị cho một đứa con ra đời, đặc biệt là con đầu lòng. Nhưng Ma-ri đã được báo trước rằng bào thai đầy phép lạ cô đang mang chính là Con Đức Chúa Trời. Nhưng kể từ khi thiên sứ đến loan báo, thiên sứ không còn thỉnh thoảng xuất hiện thêm vài lần nữa để hướng dẫn Ma-ri phải chuẩn bị cho con trẻ hoặc sắp xếp như thế nào cho xứng hợp với Con Đức Chúa Trời. Hãy tưởng tượng xem cô lo âu biết bao! Làm sao cô biết được những gì mình đang thực hiện là đúng, là điều cô đáng phải làm?

Nếu ở nhà tại Na-za-rét, cô sẽ chuẩn bị tốt nhất cho sự ra đời của con trẻ, nhưng trước những đòi buộc của cuộc tu bộ, mọi kế hoạch của cô đành bị hỏng. Nếu phải đi một hành trình gian nan như thế và được ở trong một khách sạn thì chúng ta còn mệt mỏi lắm thay! Hãy tưởng tượng xem cô khổ sở như thế nào khi đến nơi và biết rằng mọi phòng trọ đều đã có người ở. Nhà của họ tại Na-za-rét không phải là cung điện; nhưng Giô-sép là thợ mộc rất giỏi và chắc chắn họ cũng có được những tiện nghi kha khá. Bây giờ, có lẽ cô phải sinh con ở một góc phố nào đó mà cô tự che lên. Vậy cô sẽ đặt con trẻ nằm đâu? Lại là con đầu lòng! Là Con Đức Chúa Trời! Làm thế nào cô có thể đặt Con Đức Chúa Trời vào một máng cỏ đầy rơm rạ?

Thế rồi các mục đồng xuất hiện, dò tìm chỗ con trẻ nằm. Khi hỏi làm thế nào họ biết chỗ con trẻ nằm mà đến, họ trả lời rằng một thiên sứ của Chúa đã nói với họ Đấng Cứu Thế, là Đấng Christ, đã ra đời trong chính đêm nay tại thành Đa-vít.

Những điều này bắt đầu trở nên có ý nghĩa đối với Ma-ri. Thiên sứ Gáp-ri-ên đã nói với cô rằng con trẻ sẽ lên ngai của cha Ngài là Đa-vít; và ở đây đã có một thiên sứ sai các mục đồng đến thành Đa-vít. Cô ta và Giô-sép không dự định đến Bết-lê-hem nhưng vì Au-gút-tô, hoặc dường như đến thời điểm ấy, buộc họ phải đi lên thành Đa-vít. Nhưng còn một câu hỏi nữa. Có lẽ vì dân số bất ngờ tăng vọt nên mới có cuộc kiểm tra này, và có lẽ ngay đêm ấy có vài con trẻ được sanh ra tại thành Đa-vít. Làm thế nào các mục đồng biết rằng con của Ma-ri chính là Con Trẻ ấy? Câu trả lời rất đơn giản: thiên sứ đã cho họ một dấu: từ khắp mọi nơi, họ có thể gặp đúng con trẻ ấy, nhờ nhận biết con trẻ đang nằm trong máng cỏ.

Những người phụ nữ bình thường tại Bết-lê-hem không đặt con sơ sinh đầu lòng của mình vào một máng cỏ, chúng ta có thể biết chắc rằng không còn chọn lựa nào khác họ mới phải đành lòng làm vậy. Đối với Ma-ri, thật là nổi đau vô tận không thể tả bày. Tuy nhiên, theo những mục đồng thì thiên sứ đã cho biết Con Đức Chúa Trời được đặt trong máng cỏ, và họ rất vui vì sự kiện ấy: họ có thể dùng dấu hiệu này để hướng dẫn những mục đồng đơn sơ đến chỗ gặp Đấng Cứu Thế. Chắc chắn là từ đó, vô số triệu người đã biết ơn Ngài về dấu hiệu này, vì với một ý nghĩa sâu sắc hơn nữa thì việc Ngài được sanh ra tại máng cỏ đã hướng dẫn họ tỏ tường hơn để nhận diện Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời, là Đấng Cứu Thế còn hơn là sự kiện Ngài được sanh ra tại một cung điện. Dĩ nhiên, Ma-ri không thể thấy trước điều đó; nhưng chắc chắn cô đã nhìn thấy điều này: đó là bây giờ thiên sứ rất vui lòng sử dụng máng cỏ như một dấu hiệu cho những mục đồng, cho nên trước đó Đấng chăn chiên trưởng đã dẫn dắt cô, Giô-sép và con trẻ đến với máng cỏ. Tất cả mọi sự đều tốt lành và sẽ được tốt lành: trách nhiệm chăn dắt con trẻ sơ sinh là Con Đức Chúa Trời đang nằm trong đôi tay của Đấng vĩ đại là điều tuyệt vời gặp nhiều lần so với đôi tay bé bỏng của cô.

*Câu chuyện số 8 và số 9. Lời tiên tri của Si-mê-ôn và An-ne*

(2:22-40). Cho đến lúc này, chúng ta đã quên mất câu chuyện này, nhưng trong câu chuyện số 2 và 3, chúng ta nghe Ma-ri bày tỏ sự vui mừng của cô: 'linh hồn tôi tôn ngợi Chúa, tâm linh tôi mừng rỡ trong Đức Chúa Trời là Cứu Chúa tôi (1:46-47). Trong câu chuyện số 8 và 9 (xem 2:22-39) chúng ta phải nghe về nỗi đau đớn của Ma-ri: '...một thanh gươm cũng sẽ đâm thấu tâm hồn cô (2:35). Câu chuyện này cứ tiếp diễn mà không hề giải thích rằng sự tương phản này là một loại văn chương giả tạo do Lu-ca dựng nên; lại càng không giống với sản phẩm do trí tưởng tượng chủ quan của các nhà văn đương đại. Sự tương phản đã vốn có trong hai yếu tố thiết yếu của chương trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời: sự nhập thể với niềm vui mừng gắn liền và thập tự giá với nỗi thống khổ không thể tránh khỏi. Điều quan tâm nhất của hai câu chuyện này là muốn kể cho chúng ta bằng cách nào, khi nào và trong hoàn cảnh nào mà lời cảnh báo về nỗi thống khổ đã được truyền đạt cho Ma-ri. Trước đây (trang 41) chúng ta phải thắc mắc làm thế nào Ma-ri, một con người tầm thường, dễ chết, bằng xương bằng thịt, lại có thể chịu đựng được sự căng thẳng lớn lao của viễn cảnh làm mẹ của Con Đức Chúa Trời. Bây giờ chúng ta cũng có thể hiểu được khi cô nhìn thấy đứa con mà cô tin chắc sẽ trở thành Con Đức Chúa Trời, sẽ bị dân tộc cô chối bỏ và bị đóng đinh, chắc hẳn đức tin của cô bị lấn át với nỗi hoang mang và hoảng sợ không thể diễn tả nổi, nếu cô không được chuẩn bị một cách đầy đủ. Rồi câu chuyện số 8 và số 9 nói về sự chuẩn bị ấy. Về sự nhập thể, trước hết Ma-ri đã được thiên sứ chuẩn bị và sau đó Ê-li-sa-bét đã thêm đức tin cho cô; về thập tự giá, trước hết Ma-ri đã được chuẩn bị bởi ông Si-mê-ôn, sau đó được bà An-ne khích lệ và an ủi. Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách nghiên cứu về hai nhân vật này.

Cả Si-mê-ôn và An-ne đều có đức tin mạnh mẽ và sống động trong những điều họ tin để trở thành chương trình mang tính tiên tri được hạ hơi từ thiên thượng cho sự phục hồi của dân Ysơ-ra-ên. Simêôn được mô tả là người 'trông đợi sự yên ủi của dân Y-sơ-ra-ên (2:25). Cụm từ được ưa thích là 'sự yên ủi của dân Ysơ-ra-ên' cho rằng lòng mong đợi của ông dựa vào một chương trình đã được công bố rõ ràng trong những phân đoạn như Ê-sai 40ff. Ông đang trông đợi một ngày mà tình trạng xung đột và bị đoán phạt trong Y-sơ-ra-ên không còn nữa, và Chúa sẽ 'yên ủi dân Ngài'. Si-mê-ôn cũng không

giới hạn tâm trí mình để chỉ quan tâm cho tương lai của Ysoraên mà thôi.

Ông lại dựa vào lời tiên tri của Ê-sai (như 42:6;49:6) ông đã nhìn thấy trước giai đoạn ánh sáng của sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời sẽ được chiếu rạng đến tận cùng trái đất (xem 2:31-32).

Còn về phần An-ne, bà được mô tả là người nói về Chúa Jêsus cho 'mọi người đang trông đợi sự giải cứu thành Giê-ru-sa-lem (2:38). Một lần nữa, sự mong đợi ấy không chỉ là một niềm mơ ước của tâm trí hoặc một suy nghĩ hẹp hòi của chủ nghĩa sô-vanh hiếu chiến. Nhưng sự trông đợi ấy rất vững vàng, dựa vào những lời hứa được lập đi lập lại của các tiên tri. Giê-rê-mi (xem đoạn 33) đã nói về vấn đề này. Đa-ni-ên (xem đoạn 9) đã đưa ra niên đại về thời kỳ mà Giê-ru-sa-lem được khôi phục từng phần, dẫn đến việc làm mới lại tình trạng hoang vu, và sau đó là sự hoàn tất trọn vẹn. Sau thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn, tiên tri Xa-cha-ri đã nhiều lần lập đi lập lại (xem 1:12-2:13; 8:1-23; 9:9; 12:1; 14:1-21) khẳng định rằng một ngày kia, cuối cùng Giê-ru-sa-lem sẽ được mua chuộc vĩnh viễn, và ngôn ngữ ông trình bày cho thấy rõ ràng ông đang suy nghĩ về một sự phục hồi vinh hiển hơn nhiều so với những gì đã đạt được khi Nê-hê-mi xây lại tường thành. Kể từ đó Giê-ru-sa-lem đã bị Antiochus Epiphanes làm cho hoang vu và bây giờ thì bị người La-mã chà đạp. Nhưng An-ne và những người giống như bà không mệt mỏi trong đức tin: Đa-ni-ên đã nói rằng sau sự phục hồi một phần thì sẽ đến sự lưu đày, sự hoang tàn sẽ bao phủ cho đến khi có sự phục hồi sau cùng. Trong suy nghĩ của bà An-ne, mọi sự sẽ diễn ra theo một kế hoạch. Tình trạng 'góa bụa' của Giê-ru-sa-lem (Ca thương 1:1) đã kéo dài rất lâu; và theo nghĩa đen, An-ne cũng đã kinh nghiệm tình trạng góa bụa trong một thời gian dài, theo một ý nghĩa nào đó thì kinh nghiệm của cá nhân bà phản ánh tình trạng ấy của thành. Thường xuyên trong lời cầu nguyện và khẩn đảo của bà, bà đã không sợ hãi nhưng tin chắc rằng sự buồn thảm và hoang vu của thành một ngày kia sẽ trở thành chuyện của quá khứ, và Giê-ru-sa-lem sẽ được mua chuộc (xem 2:37-38). Nếu Ma-ri cần được yên ủi và được vững lòng để đối diện với viễn cảnh Đấng Mê-si-a 'bị cắt khỏi', như Đa-ni-ên đã nói (xem 9:26), thì không ai phù hợp cho trọng trách này hơn là An-ne.

Chúng ta hãy trở lại với ông Si-mê-ôn. Ông không chỉ có đức tin vững vàng trong chương trình tiên tri nói chung, nhưng ông đã được ban cho một sự mặc khải riêng tư có liên quan đến thời điểm của sự ứng nghiệm một số chi tiết của chương trình ấy: Đức Thánh Linh đã cho ông biết trước rằng ông sẽ không chết trước khi thấy Đấng Christ của Chúa (2:26). Từ sự mặc khải ấy, một người có thể vội vàng kết luận rằng chắc hẳn Si-mê-ôn phải sống để nhìn thấy vương quốc của Đấng Mê-si-a được thiết lập và nhìn thấy sự an ủi của Y-sơ-ra-ên, vì những điều ông trông đợi đã được nhận diện đầy đủ. Nhưng điều đó không đúng với Si-mê-ôn.

Ông thừa nhận trong Chúa Jêsus có sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời (xem 2:30). Dĩ nhiên, ông không có ý nói rằng, sự cứu rỗi đã hoàn tất: Đấng Cứu Thế vẫn chỉ là một bé sơ sinh; ông có ý nói, 'Ngài là phương tiện, hoặc công cụ của sự cứu rỗi'.<sup>1</sup> Hẳn nhiên con trẻ phải lớn lên trước khi Ngài có thể hoàn tất sự cứu rỗi. Tuy vậy, được nhìn thấy công cụ của Đức Chúa Trời thật sự được sanh ra vào trong thế giới này, Si-mê-ôn không xem đó là nền tảng cho sự cầu nguyện của mình và cho phép mình dựa vào lời cầu nguyện ấy để sống mà nhìn thấy sự cứu rỗi hoàn tất; thật ra ông xem đó là bằng chứng rằng ông sẽ được phép qua đời bình an. Ông có thể qua đời bình an, trong sự hiểu biết chắc chắn rằng nếu Đấng Cứu Thế đã đến, thì sự cứu rỗi cuối cùng sẽ được hoàn tất, dầu phải mất bao lâu chăng nữa. Nhưng ông được vui mừng mà qua đời bởi vì ông cũng biết rằng- và đây là điều mà ông bắt đầu nói với Ma-ri- thậm chí sau khi đứa trẻ đã lớn lên, Đấng Cứu Thế sẽ không được dân tộc này chào đón ngay lập tức, cũng không đuổi quỷ ngay và giải phóng thành Giê-ru-sa-lem ngay, 'yên ủi' dân Y-sơ-ra-ên và sửa lại toàn bộ thế giới này ngay lập tức. Trái lại, Đấng Cứu Thế sẽ gặp sự chống đối và sự đối đầu cay đắng, và Ma-ri sẽ đau đớn vì phải chứng kiến điều ấy, đến nỗi giống như một lưỡi gươm lớn sẽ đâm thấu vào linh hồn cô.

Si-mê-ôn cũng không nhận lấy tất cả những sự báo trước này từ khải tượng dành riêng cho ông. Ông nói, 'con trẻ này đã được chỉ

---

<sup>1</sup> Trong tiếng Hilạp chữ *Soterion* có thể có nghĩa là, cũng như nó cùng họ với chữ *Soteria*, 'sự cứu rỗi đã được hoàn tất'. Nhưng ý nghĩa chính của nó là 'phương tiện hoặc công cụ của sự cứu rỗi, và đó là ý nghĩa mà nó được sử dụng tại đây.

định để làm cho nhiều người trong Y-sơ-ra-ên vấp ngã hoặc trở dậy và là một dấu hiệu gây nên sự chống đối ‘...để tư tưởng sâu kín của nhiều người phải lộ ra’ (2:34-35). Cả ngôn ngữ lẫn ý tưởng ở đây đều lấy từ Cựu Ước. Êsai đã nói tiên tri từ trước rằng Chúa sẽ trở thành ‘hòn đá vấp chân và là tảng đá vấp ngã cho cả hai nhà Y-sơ-ra-ên, cũng là lưới bẫy cho dân cư thành Giêrusalem...’ (8:14) Tương tự với cụm từ này ‘là một dấu hiệu gây nên sự chống đối’ mang càng thêm nhiều ngụ ý từ Cựu Ước. Thể danh từ (antigogia) của động tính từ mà Lu-ca sử dụng cho chữ ‘gây nên sự chống đối’ (antilegomenon) là từ ngữ được sử dụng trong bản dịch Hi Lạp của Cựu Ước, để ghi lại sự phản loạn của Y-sơ-ra-ên đối với Đức Chúa Trời tại đồng vắng (xem Dân 20:13) <sup>1</sup> Rồi khi Si-mê-ôn giải thích rằng mục đích nằm đằng sau việc Đấng Christ trở thành ‘một dấu hiệu gây nên sự chống đối’ đó là ‘tư tưởng của nhiều tấm lòng sẽ bị lộ ra’, lời của ông dẫn chúng ta trở về với lời giải thích mà Chúa ban cho người Y-sơ-ra-ên tại sao Ngài cho phép họ trải qua những kinh nghiệm đau thương trong đồng vắng: ‘...Ngài hạ anh em xuống và thử thách anh em để biết rõ lòng anh em thế nào, có tuân giữ điều răn của Ngài hay không?’ (Phục Truyền 8:2).

Y-sơ-ra-ên chưa bao giờ là một dân tộc được đánh dấu là vâng lời Chúa hơn bất cứ dân tộc nào. Khi bước ra khỏi xứ Ê-díp-tô, họ đã ca hát vì được cứu chuộc, không ai có thể tưởng được rằng ẩn giấu trong lòng của nhiều người giữa vòng họ, đã có những ý tưởng phản loạn nghịch lại với Đấng Cứu Chuộc. Nhưng tại đồng vắng, bởi kế hoạch đã được định trước của Chúa, lòng họ đã bị phơi bày. Si-mê-ôn cũng biết điều mà Ê-sai đã biết, đó là nhân loại qua các thời đại thay đều giống nhau. Vì thế, khi ông trông chờ sự an ủi của Y-sơ-ra-ên, ông biết bên dưới những hình thức bề ngoài của tôn giáo, trong lòng họ vẫn rập rình tinh thần nổi loạn của ngày xưa, cho nên ảnh hưởng đầu tiên của việc Chúa đến sẽ chọc giận tấm lòng nổi loạn ẩn giấu bên trong khiến sự phản kháng bùng nổ. Theo ý nghĩa nào đó thì Đấng Christ phải phơi bày họ, vì sẽ không có sự yên ủi cho dân Y-sơ-ra-ên cho đến khi sự chống đối Chúa ngấm ngầm phải được phơi lộ ra, phải được thừa nhận đó là gì, phải ăn năn và được tha thứ.

<sup>1</sup> Cf cách nó được sử dụng trong Hê-bơ-rơ 12:2-3: ‘Đấng đã chịu sự chống đối (antilogia) của những kẻ tội lỗi đường ấy...’



Si-mê-ôn không phải là người bi quan: ông tin rằng Đấng Christ không chỉ là nguyên nhân để nhiều người bị vấp ngã mà Ngài còn là lý do để nhiều người được dấy lên. (xem 2:34). Phơi bày, xưng nhận và ăn năn phải có đủ trong tiến trình phục hòa này. Nhưng Si-mê-ôn là người có óc thực tế. Đối với ông, việc được giao cho một trọng trách nhẹ nhàng với lời cảnh báo dịu dàng dành cho Ma-ri rằng trước khi sự yên ủi của Y-sơ-ra-ên đến thì phải có sự thống khổ cay đắng, cho Con Trai cô và cho chính cô.

Có lẽ lúc bấy giờ Ma-ri chưa thể hiểu hết những gì Si-mê-ôn nói; nhưng sau này khi những sự chống đối Chúa Jêsus gia tăng, người ta càng cứng lòng hơn và ngày càng phổ biến hơn, có lẽ mỗi khi Ma-ri bị cám dỗ để nghĩ rằng Chương trình và thời điểm cứu rỗi của Chúa đã bị lệch quá mức, lúc ấy cô có thể nhớ lại buổi gặp gỡ với ông Si-mê-ôn và bà An-ne trong đền thờ và được yên ủi. Có lẽ cô sẽ nghĩ lại về sự xấp xệ thiên thượng về thời điểm thật chi tiết đã đem Si-mê-ôn vào đền thờ ngay chính giây phút và cũng vào đúng ngày để gặp gỡ cô và con trẻ. Và thậm chí cô có thể suy ngẫm bằng cách nào mà cô và con trẻ lại có thể đến đền thờ vào chính ngày ấy để nghe Si-mê-ôn nói về chương trình cứu chuộc- nếu cô không được yên ủi về những điều này thì Lu-ca cũng muốn bảo đảm rằng ít nhất chúng ta phải được yên ủi. Hơn năm lần (xem 2:22, 23, 24, 27,39) Lu-ca đã cho chúng ta biết những lý do và thời điểm cô viếng thăm đền thờ là nằm trong sự kiểm soát bởi luật pháp của Chúa.

Luật này đòi hỏi hai điều nơi cô: việc dâng của lễ phải nối liền với lễ thanh tẩy của người phụ nữ sau khi sinh con, và việc dâng con đầu lòng lên cho Chúa. Vì đứa trẻ là con trai, cho nên cô phải trải qua bốn mươi ngày thanh tẩy rồi mới được phép vào đền thờ và dâng của tế lễ (xem Lu-ca 12:1-8); vì thế, 'khi những ngày thanh tẩy của họ đã hoàn tất' (2:22) Ma-ri đem Chúa Jêsus vào đền thờ và dâng Ngài lên cho Đức Chúa Trời. Thời điểm mà cô đến đền thờ không phải là sự tình cờ: trong trường hợp đặc biệt này, cô đã được kiểm soát bởi thời điểm theo luật pháp của Đức Chúa Trời.

Việc dâng con trai đầu lòng của cô cũng không phải là một nghi thức vô nghĩa hoặc chỉ vì mê tín. Khi nói về luật pháp (2:23) trong thời kỳ Chúa mua chuộc dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô, dưới

sự đoán xét của Chúa, mọi con đầu lòng của người Ê-díp-tô đều ngã chết, nhưng các con trai đầu lòng của Y-sơ-ra-ên đều được cứu bởi huyết con sinh trong Lễ Vượt Qua (xem Xuất 12; 13:11-16). Kể từ sự kiện đó trở đi, mọi con trai đầu lòng của Y-sơ-ra-ên, đều biệt riêng cuộc đời mình để phục vụ Chúa, vì thừa nhận rằng tổ phụ của họ đã mắc nợ Chúa về mạng sống khi được Chúa giải cứu đầy thương xót. Sự thánh hóa như thế có nghĩa là đời sống phục vụ Chúa mang tính tôn giáo, giống như ngay lập tức điều đó xảy đến trên Sa-mu-ên (xem I Samuên đoạn 1 và 2) hoặc đối với toàn bộ chi phái Lê-vi cũng vậy, thông thường cha mẹ được phép chuộc con trai mình khỏi đời sống phục vụ ấy bằng cách đóng mười lăm gram bạc (Dân số ký 18:15-16)<sup>1</sup>. Nhưng thông thường, mọi con trai đầu lòng đều phải được dâng lên cho Chúa; và thông lệ thường xuyên dâng con của mình lên cho Chúa nhắc nhở người Y-sơ-ra-ên rằng sự cứu chuộc ấy là nền tảng của sự giải cứu của Đức Chúa Trời cho dân tộc Ngài. Cùng lúc ấy, họ phải luôn ghi khắc bằng ý thức của cả một dân tộc về nguyên tắc cơ bản và chương trình cứu chuộc của Chúa là: giá phải trả cho sự cứu chuộc là của tế lễ của vật thay thế.

Vào ngày Ma-ri đến để dâng con trai đầu lòng lên cho Chúa và đứng đó với của tế lễ cầm trong tay, đó chính là lúc ông Si-mê-ôn đến bên cô và dịu dàng bày tỏ rằng để Y-sơ-ra-ên được mua chuộc thì con trai đầu lòng của cô phải chịu khổ. Sứ điệp ấy lúc bấy giờ đã phủ lên những sự nghi ngờ, khó hiểu, nhưng có một điều tốt lành đó là: cuối cùng khi Ma-ri hiểu đầy đủ những lời ngụ ý ấy, thì cô nhận ra rằng Chúa đã kiểm soát cả thời điểm lẫn cơ hội mà sứ điệp này được bày tỏ ra, và cô sẽ nhận biết rằng việc Con Trai phải chịu thống khổ và chịu chết không phải là mục tiêu tối hậu, một tai nạn thảm khốc: Nhưng đó là những điều cần thiết phải xảy ra để hoàn thành mục đích đời đời.

Một chi tiết nhỏ nữa về thời điểm tại đền thờ ngày hôm ấy đã

---

<sup>1</sup> Lu-ca không đề cập rõ ràng đến việc trả 5 siếc-lo để chuộc Chúa Jê-sus, và các nhà giải kinh bất đồng với nhau về vấn đề Mari và Giô-sép đã quyết định hoặc không quyết định rằng con trẻ phải được biệt riêng ra thánh hoàn toàn cho sự phục vụ Đức Chúa Trời và không cần được chuộc (mặc dầu không giống như Sa-mu-ên, vì về sau Ngài đã phải làm công việc mua bán đời thường của một thợ mộc: Mác 6:3. Chúng ta không nên ráng quyết định về vấn đề ở đây.

xảy ra rất tuyệt, có thể là chi tiết khiến cô nhớ mãi. Trước đây, bà Anne đã từng nói về Chúa Jê-sus cho những người đang trông chờ sự cứu rỗi của Giê-ru-sa-lem. Bây giờ nếu bà Anne xuất hiện trước, bày tỏ sự điệp rồi sau đó để cho ông Si-mê-ôn hoàn tất câu chuyện, lúc ấy Ma-ri có thể kết luận rằng lời loan báo của Si-mê-ôn đã đánh sập sự điệp quá sức tuyệt vời của Anne; rằng sự chống đối của Y-sơ-ra-ên đối với Con Đức Chúa Trời, mặc dầu điều đó có nghĩa là sự cứu rỗi sẽ đến với Dân Ngoại, vẫn khiến cho chúng ta nghi ngờ rằng có lẽ thành Giê-ru-sa-lem sẽ không bao giờ được phục hồi. Nhưng bà Anne đã đến sau ông Si-mê-ôn; và bất chấp những gì ông Si-mê-ôn đã nói, bà Anne vẫn bảo đảm với những người đang nghe rằng thành Giê-ru-sa-lem sẽ được chuộc lại. Hãy nhớ điều này, Ma-ri đã được chuẩn bị để nghe điều tệ hại nhất mà vẫn không bị nản lòng.

Một ngày kia, cô sẽ nghe rằng Con Trai của cô sẽ đứng lên và than khóc cho thành Giê-ru-sa-lem, 'Hỡi Giê-ru-sa-lem, đã bao lần Ta muốn... mà các ngươi không muốn! Nay, nhà của các ngươi sẽ bị bỏ hoang (13:34-35). Một ngày kia cô sẽ nghe đến nỗi phải lạnh người, rằng Ngài đã cảnh báo thành Giê-ru-sa-lem sẽ bị quân thù bao vây, dân cư trong thành sẽ bị ngã dưới lưới gươm, hoặc bị đem đi lưu đày, và thành sẽ bị giày đạp cho đến khi các thời kỳ Dân Ngoại được trọn (20:21-24). Nhưng cô vẫn không nản lòng hoặc mất đức tin; vì về sau, cô cũng được nghe Ngài nói trong những câu sau, 'Bấy giờ thiên hạ sẽ thấy Con Người lấy đại quyền đại vinh mà ngự đến giữa đám mây. Khi nào các việc đó bắt đầu xảy đến, hãy đứng thẳng, ngược đầu lên, vì sự cứu rỗi của các con đang đến gần.' (21:27-28). Khi nghe điều này, cô sẽ nhớ lại lời của Si-mê-ôn và bà Anne.

*Câu chuyện số 10 Cậu bé Jê-sus trong đền thờ (2:41-52).* Chúng ta đã suy xét về câu chuyện cuối cùng này trong những phần nối kết khác nhau (trang 12 và 32) và tại đây không cần phải lặp lại những gì chúng ta đã khám phá. Có lẽ tại đây đã đủ để chúng ta quan sát lời tường thuật của Lu-ca là rất tự nhiên và rất thật và bằng cách rất khéo léo ông vẫn giữ được tính hấp dẫn của câu chuyện.

Là những khách đi viếng đền thờ, Ma-ri và Giô-sép đồng đi với một đoàn lũ hành rất đông bao gồm bạn hữu và bà con (xem 2:44). Không phải vì họ cầu thả nhưng đây là điều rất tự nhiên, đó là trong

ngày đầu của chuyến về, họ không biết chính xác cậu bé Jêsus đang ở đâu. Cậu có thể đang ở với bất cứ thành viên nào trong đại gia đình của họ, hoặc thậm chí đang ở với bạn hữu; dầu sao cậu đã mười hai tuổi và có thể tự lo liệu cho mình trong ngày hôm ấy.

Điều này cũng rất tự nhiên và rất điển hình cho hàng ngàn bậc cha mẹ lạc con mình trong chốc lát, và cuối cùng thế nào cũng tìm ra chúng. Nỗi lo âu bị đè nén nay bất ngờ gặp lại con khiến Ma-ri bộc lộ sự nhẹ nhõm, thậm chí trước mặt một nhóm người đặc biệt như thế, rõ ràng là nếu cầm giữ, cô sẽ không rầy đứa trẻ.

Nhưng bây giờ, hãy lưu ý đến cách Lu-ca dẫn câu chuyện đến cao trào. Trong 2:46a ông cho biết cha mẹ đang đi tìm đứa trẻ; nhưng ông không ngay lập tức cho chúng ta biết lời quở trách của Ma-ri. Ngay tại chỗ này, ông đổi tầm nhắm để chúng ta quan tâm đến Chúa Jêsus đang ngồi giữa các thầy dạy luật, khiến mọi người phải ngạc nhiên vì sự am hiểu sâu sắc cùng những câu trả lời đầy am hiểu của Ngài. Trong một tình huống mà một đứa trẻ được tìm thấy ngồi một mình, giữa một tòa nhà, thì câu hỏi tự nhiên của những người lãnh đạo sẽ là, 'Này con, con đi có một mình sao? Ba con đâu? Ba con là ai? Nhưng ngược lại, đứa trẻ đã đưa ra những câu trả lời đặc biệt cho những câu hỏi này thậm chí khiến tâm trí của các nhà thần học quan tâm càng hơn. Vì thế, khi cha mẹ của Chúa Jêsus bước vào và tự nhận mình là phụ huynh của đứa trẻ qua lời quở trách của Ma-ri: 'Hỡi con, sao con làm cho hai ta ra nông nổi này? Cha con và mẹ... chắc hẳn những nhà thần học phải quan sát và lắng nghe từng chi tiết: 'Ô, vậy đây là cha của đứa trẻ, ta tự hỏi không biết có đúng là ông ta.'

Ngay giây phút đầy kịch tính ấy, đứa trẻ trả lời: 'Sao cha mẹ lại tìm con, cha mẹ không biết rằng con phải lo việc nhà Cha con sao? (2:49) 'Nhà Cha con?' Đây là những tiến sĩ am tường từng chi tiết của Kinh Thánh Cựu Ước. Họ biết trong tất cả những phần Kinh Thánh rất dài được ghi lại, ngay cả Môi-se là người đã xây đền tạm, hoặc Đa-vít là người khao khát được xây đền thờ, hoặc Sa-lô-môn là người đã chính thức xây đền thờ; cũng không có tiên tri nào, một vị vua nào, hoặc bất cứ một người thường nào, hoặc bất cứ một nhân vật cao trọng nhất nào giữa vòng họ từng dùng chữ 'nhà Cha tôi, hoặc nhà Cha con' để chỉ về đền thờ hoặc đền tạm. Đứa trẻ ý thức rằng mình có

một mối quan hệ với Đức Chúa Trời mà không ai từng có, hoặc từng bày tỏ trước đây. Và với mối quan hệ ấy, có một sự tận hiến theo sau, 'con phải ở trong nhà Cha con.'

'Cha mẹ không biết điều đó sao?' Cậu bé hỏi Ma-ri và Giô-sép. Cậu ấy được hỏi với tất cả sự đơn sơ sung sướng của một đứa trẻ. Ít nhất là Ma-ri phải nhận ra điều ấy, và phải suy nghĩ nhiều về một số hàm ý mà thiên sứ Gáp-ri-ên đã nói với cô; nhưng để bênh vực cô, có thể nói rằng cô ta không phải là người sau cùng tin rằng Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời, mà sau đó với sự không nhất quán một cách đáng tiếc đã bày tỏ những tư tưởng hoặc những quan điểm hàm ý rằng Chúa Jêsus đã sai trật trong một số điều. Hơn nữa, cô có quá ít thời gian để suy nghĩ thấu suốt về những lời đầy hàm ý ấy; thậm chí chúng ta là những người đã biết kết cuộc của câu chuyện về sự sống, sự chết, sự phục sinh, sự thăng thiên của Ngài, và tin rất mạnh mẽ vào sự nhập thể, mà cũng không thể hiểu thấu suốt tất cả những lời hàm ý ấy.

Nhưng bây giờ, cả Ma-ri và Giô-sép đều bối rối, họ không thể hiểu con mình nói gì (xem 2:50). Có phải cậu bé có ý nói rằng từ nay trở đi con sẽ thường xuyên đòi quyền độc lập với cha mẹ không? Nếu thế thì sẽ rất khó nuôi dưỡng đứa trẻ này; mà nói cho cùng cậu ta chỉ là một đứa trẻ. Cậu vẫn cần tăng trưởng trong thân thể và trong sự khôn ngoan (xem 2:52). Không, đứa trẻ không đòi quyền độc lập trước tuổi trưởng thành. Ma-ri và Giô-sép vẫn phải làm trọn trách của bậc cha mẹ đối với con (xem 2:51). Vì cậu ta vẫn là một đứa trẻ.

Nhưng trước đây họ đã nghe lời cảnh báo; vì thế Ma-ri và Giô-sép giữ mọi lời ấy và suy ngẫm trong lòng (2:51). Sẽ đến thời điểm Ma-ri phải để cho con mình ra đi. Lúc ấy trọng trách đặc biệt của cô sẽ kết thúc. Lúc ấy cô sẽ để cho Ngài ra đi ở mức độ chỉ là mối quan hệ cha mẹ bình thường với con cái, để cô sẽ nhận lấy Ngài như là Đấng Cứu Thế, là Chủ, là Chúa. Khi cô suy nghĩ xuyên suốt vấn đề này, cô sẽ được chuẩn bị, để khi thời điểm ấy đến, cô sẽ không quá đau đớn đến nỗi làm che khuất niềm vui mừng và trách nhiệm lớn lao, sự thờ phượng và sự vâng lời trọn vẹn.

Trong cả sách tin lành của Lu-ca, ông sẽ chỉ đề cập đến Ma-

ri thêm một lần nữa (xem 8:19-21), và sau đó là có đề cập nhưng không nhắc đến tên của bà. Đến thời điểm ấy những mối quan hệ con người giữa mẹ con và anh em đối với Đấng Mê-si-a sẽ bắt đầu nhường chỗ cho mối quan hệ thuộc linh thiêng liêng hơn với Đấng Christ của những người nghe Lời Ngài và làm theo.

### **Phần Quan Sát Thêm**

Chúng ta đã xem xét việc chọn lọc tài liệu, ý nghĩa của việc sắp xếp, những ý tưởng và chủ đề được lập đi lập lại, dòng tư tưởng, văn chương và cấu trúc trong phần đầu quan trọng của sách Lu-ca. Chúng ta đã lưu ý từ ban đầu rằng ông đã chọn năm câu chuyện về những sự kiện trước khi Đấng Christ ra đời, và năm câu chuyện có liên quan đến sự ra đời và những phần sau đó. Nội điều này thôi cũng cho thấy Lu-ca có một sự hiểu biết rất cẩn trọng về sự cân đối trong văn chương. Sau đó chúng ta lưu ý (trang 30) rằng câu chuyện số 10 chứa đựng những điểm tương đồng và khác biệt đáng nói với câu chuyện số 1; và chúng ta kết luận rằng câu chuyện số 10 được Lu-ca chọn lọc bởi vì chủ đề của nó hỗ trợ cho chủ đề của câu chuyện số 1.

Từ đó chúng ta đã lưu ý rằng chủ đề chính của câu chuyện số 6 và 7 tương phản rõ ràng với chủ đề chính của câu chuyện 4 và 5; và tương tự như vậy trong câu chuyện số 8 và số 9 cũng đánh dấu sự tương phản với các câu chuyện số 2 và số 3.

Điều này cho thấy Lu-ca không chỉ sắp xếp những tài liệu được chọn lọc của ông một cách cẩn trọng trong một cấu trúc được soạn thảo, mà thật ra ông chọn để dùng cấu trúc đối xứng. Vấn đề này có thể được trình bày rõ ràng nhất qua bảng:

- i** *Câu chuyện 1* Ông cụ già trong đền thờ. Câu hỏi Phép lạ vì được làm cha mẹ? Sự vô tín của Xa-cha-ri
- ii** *Câu chuyện 2 và 3* Sự vui mừng của Ma-ri về sự kiện nhập thể: Lời của Gáp-ri-ên và Ê-li-sa-bét: thời điểm Ma-ri viếng thăm Ê-li-sa-bét.
- iii** *Câu chuyện 4 và 5* Truyền thống gia đình phải được dứt bỏ trong sự ra đời, đặt tên và cắt bì của Giăng.
- iv** *Câu chuyện 6 và 7* Truyền thống gia đình phải được giữ gìn cẩn thận trong sự ra đời, đặt tên và cắt bì của Chúa Jêsus.
- v** *Câu chuyện 8 và 9* Nỗi đau đớn của Ma-ri trước thập tự giá: Lời của Si-mê-ôn và An-ne: thời điểm Ma-ri viếng thăm đền thờ.
- vi** *Câu chuyện số 10* Cậu bé tại đền thờ. Câu hỏi: Nguồn gốc siêu nhiên của Đấng sinh thành? Ma-ri và Giô-sép rất thắc mắc.

Sự quan sát này đòi hỏi phải có những nhận xét, nếu không thì vì sao nhiều người tự nhiên có ác cảm với lối cấu trúc đối xứng như vậy. Trong một tác phẩm hoàn toàn mang tính văn chương, thì người ta sẽ xem cấu trúc đối xứng là cấu trúc rất tầm thường, có khuynh hướng nói những điều chẳng có giá trị, là dấu hiệu của một tác phẩm dở. Họ không thể nghĩ ra rằng một nhà văn của Đức Thánh Linh đã hết sức hạ mình để làm công việc này. Trong một số công việc chép sử nghiêm trọng, người ta cho rằng lối chép sử đối xứng là không thể thực hiện được. Họ tranh luận rằng, trong bản chất của lịch sử, không có tính đối xứng, vì thế không một lời tường trình nào về lịch sử ghi lại theo kiểu đối xứng mà không bóp méo tính nghiêm trọng của sự kiện lịch sử ấy. Hơn nữa, trong những năm gần đây, nhiều học giả xưng rằng họ đã phát hiện ra những cấu trúc đối xứng trong các tác phẩm của Lu-ca; nhưng ý đồ của họ thường loại bỏ lẫn nhau.

Điều này chứng tỏ, những lời tranh luận mang tính chỉ trích của họ, cho rằng những phần đối xứng này không được trình bày một cách khách quan trong tác phẩm của Lu-ca: Nó được vẽ ra từ

những sự tưởng tượng mang tính chủ quan của những nhà chú giải Kinh Thánh.

Khi mới nhìn vào thì chúng ta có thể cho rằng đây chỉ là vấn đề thị hiếu về văn chương và không nghiêm trọng. Nếu cho rằng cấu trúc theo kiểu đối xứng trong văn chương là không làm hài lòng thị hiếu hiện đại, thì có vô số bằng chứng cho thấy đây chính là thị hiếu của những nhà văn cổ xuất sắc bậc nhất. C. H Talbert đã trưng dẫn trong phần nối kết này với các nhà văn Homer, Aeschylus, Euripides, và Plutarch.<sup>1</sup> Thị hiếu của Lu-ca dường như có khuynh hướng giống văn chương xưa hơn là văn chương của chúng ta ngày nay.

Nghiêm trọng hơn là lời buộc tội rằng việc dùng cấu trúc đối xứng sẽ khiến người ta phải lo ngại đến tính chính xác của lịch sử. Chúng ta đã nói gián tiếp về vấn đề này (trang 15) rằng lời buộc tội này là sự nhầm lẫn; chúng ta sẽ thảo luận về vấn đề này đầy đủ hơn trong Phụ Lục 2, trang 358.

Sự chống đối thứ ba nằm ở tất cả những phần quan sát quá thật, nhưng theo lối suy diễn sai trật. Cho rằng những sự khác biệt giữa phép đối xứng mà những học giả văn chương từng công bố là đã phát hiện ra trong sách Lu-ca - Công vụ là quá lớn đến nỗi những phần đối xứng ấy không thể đúng hết, mà lại có thể sai hết. Lập luận y như vậy có thể đủ để nói về những quan điểm uyên thâm của những nhà giải kinh và sử gia. Chúng ta sẽ không dựa vào luật của văn tường thuật với tất cả nỗ lực của nhà giải kinh hoặc môn phê bình lịch sử. Nhưng chúng ta sẽ kiên nhẫn tìm kiếm những tiêu chuẩn đầy đủ và hoàn chỉnh để nhận xét giữa những quan điểm xung đột đã trình bày. Vì thế, chúng ta sẽ thảo luận điều này trong Phụ Lục số 3.

Tuy nhiên, ngay lúc này có những suy xét thực tiễn mà chúng ta phải quan tâm. Trong phần còn lại của sách Phúc âm, Lu-ca thường xuyên sắp xếp văn chương theo cách mà chúng ta thấy trong phần đầu tiên. Ông sẽ gom từng nhóm phân đoạn theo từng chủ đề chung, và ông sẽ kể một câu chuyện để bày tỏ một lãnh vực của một vấn đề và sau đó làm cho cân đối vấn đề ấy bằng một câu chuyện mà nó sẽ

<sup>1</sup> Những lối viết văn, những Chủ Đề về thần học và Thế Loại của Lu-ca - Công vụ, (Scholars Press, 1974), trang 67. Những nhà văn hiện đại sẽ không đồng ý với tất cả những cấu trúc mà tiến sĩ Talbert đưa ra.



hỗ trợ hoặc trình bày một lãnh vực hoàn toàn trái ngược của cùng một vấn đề mà ông đã nêu. Ông sẽ làm như thế vì ông ao ước được trình bày lời tường thuật hết sức cân đối về đời sống, công việc và lời dạy dỗ của Chúa Jêsus. Dầu cố ý hay không thì kết quả là tác phẩm của ông sẽ thường mang ấn tượng về một cấu trúc đối xứng. Tại một số chỗ, sự nhấn mạnh đối xứng rất nổi bật, những chỗ khác lại không rõ lắm; có lẽ người ta mong rằng nếu có dùng phép đối xứng, thì ông nên dùng nó trong việc sắp xếp sự kiện và những ẩn dụ hơn là trong phần tường thuật dài của một bài dạy đầy chi tiết. Nhưng – đây là phần xem xét thực tiễn đầu tiên của chúng ta- câu hỏi Lu-ca có dùng cấu trúc đối xứng không và dùng đến mức độ nào chưa phải là quan tâm chính của chúng ta. Điều chính mà chúng ta quan tâm là nắm bắt được dòng chảy và sự cân đối trong dòng tư tưởng của Lu-ca. Nếu thấy có phép đối xứng hiện hữu, thì nó không hiện hữu chỉ để hiện hữu: nhưng nó chính là kết quả của tư tưởng cân đối của Lu-ca. Có thể đi theo dòng chảy và sự cân đối của ý tưởng mà không cần phải khẳng định là liệu cấu trúc văn chương của ông có khuynh hướng trở thành phép cân đối hoàn hảo hay không?

Phần kiểm tra thứ hai mà chúng ta cần xét đến là tránh tình trạng chán ngắt của phần sau đây, chúng ta không cần phải tham khảo chi tiết để suy xét về sự chọn lọc, sắp xếp, sự lặp lại các ý tưởng, dòng tư tưởng, cách hành văn và cấu trúc mà đã dẫn việc giải kinh của chúng ta vào trong những trường hợp có bằng chứng nội tại.

Và một phần xem xét cuối cùng là, quan tâm đến thiết bị giúp tiết kiệm công sức. Ngay những phần đầu của mỗi giai đoạn, chúng ta nên đặt bảng nội dung trên một mặt phẳng, được vẽ ra với mục đích nêu lên những ý chính và mục đích chính của giai đoạn đó là gì và những ý đó có liên quan với nhau như thế nào. Có một số phần sẽ thể hiện phép đối xứng rất rõ ràng, chi tiết và hoàn hảo; một số phần khác sẽ rất ít hoặc không có. Hãy để cho mỗi độc giả nhìn vào những phần này và tự nhận xét xem họ thích có nhiều hay ít phần đối xứng.<sup>1</sup>

---

<sup>1</sup> *Hãy xem phần nhấn mạnh của C. H. Talberr khi nói đến việc không ưa thích sự hoàn hảo, thể đối xứng không bị gián đoạn giữa thời cổ đại của cả những nhà cổ điển lẫn thế giới Cận Đông, op. cit, trang 78-9. Lời nhấn mạnh của ông cứng vững đủ, thậm chí ngay cả trong ngành phê bình văn học thực tiễn cũng rất dễ để phôi bày nguyên tắc này để công bố về sự đối xứng từng phần trong những phân đoạn đầy tính nghi ngờ!*

Nhưng đầu đối với những người không thích bất cứ phần đối xứng nào chẳng nữa, thì có lẽ họ vẫn thấy được ích lợi khi thỉnh thoảng họ xem lại bảng nội dung và dùng phần này như là bản đồ để giúp họ có một cái nhìn của một con chim nhìn vào địa hình tổng quát từ trên cao, đang khi việc chú giải chuyển động dần dần từng bước xuyên suốt địa hình ấy trong thói “phong lưu đài các chán ngắt” nhưng lại rất cần thiết.

## **Phần Giới Thiệu Con Của Đức Chúa Trời**

### **Khảo Sát Tổng Quát**

#### **Các Hoạt Động**

1 Giảng trong đồng vắng và tại sông Giô-đanh (3:1-20)

2 Đấng Christ tại sông Giô-đanh và trong đồng vắng (3:21-4:13)

3 Đấng Christ tại Thành Na-za-rét (4:16-30)

4 Đấng Christ tại Thành Ca-bê-na-um (4:31-43)

---

## *Giai Đoạn 2*

---

# Giới Thiệu Con Đức Chúa Trời

### Khảo Sát Tổng Quát

Nếu chủ đề chính của đoạn 1 và đoạn 2 là Con Trai của Đức Chúa Trời Đến Thế Gian, thì rất dễ để nhìn thấy rằng chủ đề chính kế tiếp sẽ chính thức giới thiệu Ngài với thế giới loài người và giai đoạn bắt đầu của chức vụ công khai. Tuy nhiên, câu hỏi được nêu lên đó là Lu-ca có dự định cho chúng ta đọc luôn một mạch tất cả những đoạn tiếp theo không, hay là cũng như giai đoạn 1, tại đây ông đã tập hợp những câu chuyện của mình để chúng ta có thể nhìn thấy rõ hơn ý nghĩa của những câu chuyện này. Vì thế, chúng ta hãy bắt đầu bằng cách vạch ra những hoạt động liên tiếp nhau mà chúng ta đang bước vào.

Đoạn 3 bắt đầu bằng cách đề cập đến niên đại khởi đầu chức vụ của Giăng, sau đó cho biết vai trò của ông và đưa ra những ví dụ về bài giảng của ông cho đến đoạn 3:20, Hêrốt đã kết thúc chức vụ của Giăng bằng cách bỏ Giăng vào tù. Chúng ta không nghe nói gì về Giăng mãi cho đến đoạn 7:18ff. Vì thế chúng ta hãy gọi đoạn 3:1-20 là hoạt động 1.

Kể đến, Luca tiếp tục tường trình, nhưng ông không tường trình chức vụ công khai của Chúa Jêsus, mà mãi cho đến đoạn 4:14 ông mới đề cập, nhưng còn có ba điều khác nữa được nối kết lại với nhau với một chủ đề chung rất rõ ràng. Trước hết là lễ báptem (3:21-22) trong lễ báptem có tiếng phán từ trời công bố: “Ngươi là Con Yêu Dấu của Ta”. Kế đến là gia phả (3:23-38) để minh chứng Chúa Jêsus là...Con trai của A Đam, Con của Đức Chúa Trời”. Kế đến là sự cám dỗ (4:1-13) trong đó hai lần Satan hỏi Ngài, “nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời...”. Khi trình bày hết về sự cám dỗ, Lu-ca đã kết thúc phần này với một lời nhận xét gây chú ý: Sau khi dùng hết cách cám dỗ Ngài,

ma quỷ bỏ đi, chờ cơ hội khác.” (4:13). Vậy, chúng ta hãy đặt tên cho đoạn 3:21- 4:13 là hoạt động số 2.

Vào lúc này Lu-ca kêu gọi chúng ta quan tâm đến gia phả. Tất cả những sự kiện của hoạt động 1 và 2 đều xảy ra tại phía Nam của đất nước này: Trong đoạn 3:2-3 Giăng ra khỏi đồng vắng để đi đến sông Giô-đanh; trong đoạn 4:1 Chúa Jesus lại trở về sau khi chịu báp-tem tại sông Giô-đanh, kể đến Ngài đi vào đồng vắng và sau đó trong đoạn 4:9 Ngài trở về Giê-ru-sa-lem. Nhưng bây giờ để bắt đầu chức vụ công khai, Chúa Jêsus đi về phía Bắc của vùng Ga-li-lê và Lu-ca bắt đầu lời tường thuật về chức vụ ấy với một lời khái quát khá dài: “Đức Chúa Jêsus được quyền phép Đức Thánh Linh, trở về xứ Ga-li-lê, và danh tiếng Ngài đồn khắp các xứ chung quanh. Ngài dạy dỗ trong các nhà hội, ai nấy đều khen ngợi Ngài.” (4:14-15). Sau lời mô tả tổng quát, Lu-ca đưa ra một trường hợp cụ thể: việc Ngài dạy dỗ trong nhà hội tại Na-za-rét (xem 4:16-30). Sự kiện này đã dẫn đến một hậu quả rõ ràng: dân chúng nổi giận và muốn giết Ngài; nhưng “Ngài lánh khỏi họ và đi nơi khác” (4:30). Chúng ta hãy gọi sự kiện rắc rối này là hoạt động số 3.

Một ghi chú mang tính địa lý đã cắt ngang hoạt động 3 với lời tường thuật: “Ngài xuống thành Ca-bê-na-um thuộc miền Ga-li-lê.” Tại đây tinh thần đón nhận Ngài rất khác: khác hẳn với tinh thần muốn đuổi Ngài đi, họ lại xin Ngài ở thêm với họ; nhưng Ngài nhất định ra đi để còn có thể giảng dạy ở nơi khác (xem 4:42-43). Chúng ta có thể gọi sự kiện tại thành Ca-bê-na-um (4:31-43) là hoạt động số 4.

Bây giờ chúng ta hãy lưu ý đến điều Lu-ca thực hiện vào lúc này. Thay vì đi tiếp qua một sự kiện khác thì ông ra lệnh tạm dừng bằng cách chèn vào một lời nhận định tóm tắt: “Vậy, Ngài rao giảng trong các nhà hội miền Giu-đê.”<sup>1</sup> Câu tóm tắt này hầu như lặp lại lời tóm tắt trong đoạn 4:15, với hai câu tóm tắt này, một câu thì đứng đầu của hoạt động 3, một câu thì đứng vào cuối của hoạt động 4, đã gom hai hoạt động này lại với nhau. Nói cho cùng, hai hoạt động đã nêu lên hai trường hợp rất cụ thể về sinh hoạt tổng quát được mô tả

<sup>1</sup> Dường như điều này (và không phải thuộc Ga-li-lê) đọc đúng là 'Judaea' dường như có ý nghĩa như trong 1:4 'cả xứ Pa-les-tin', hãy xem Marshall trang 199

bởi câu tóm tắt: Đấng Christ giảng và dạy dỗ trong nhà hội. Hơn thế nữa, khi chúng ta nhìn vào lời tóm tắt trong 4:44 mà đọc xa hơn nữa trong đoạn 5 thì chúng ta thấy trước giả không còn đề cập đến nhà hội: Chúng ta sẽ không tìm thấy những Cơ Đốc Nhân ở trong nhà hội mãi cho đến đoạn 6:6.

Vì thế, chúng ta hãy nắm lấy ẩn ý này, hãy dừng lại 4:44, và nhìn vào bốn hoạt động mà nãy giờ chúng ta đã bàn đến. Hầu hết thông tin trong những hoạt động này đều được các sách phúc âm khác ghi lại. Chắc chắn ông muốn bao gồm những sự kiện này vì có lý do riêng của ông cũng như các trước giả khác. Nhưng với riêng trước giả Lu-ca thì còn có những nét độc đáo riêng biệt, nét độc đáo này sẽ giúp chúng ta nhanh chóng nắm bắt được dòng ý tưởng của ông. Chúng ta hãy xem vài nét.

Ngoài một vài cụm từ và ý tưởng về sự kiện xảy ra tại Na-za-rét trong đoạn 4:16-30 (hoạt động 3) là điều rất độc đáo đối với Lu-ca. Thì sứ điệp chính và đầu tiên là rất rõ ràng và dứt khoát: Đấng Christ tự nhận Ngài là ai và chức vụ của Ngài là gì bằng cách đọc một phân đoạn trong Ê-sai 61 rồi công bố hôm nay lời ấy đã được ứng nghiệm. Điều này lập tức khiến chúng ta nhớ lại đoạn 3:2-6 (hoạt động 1) khi Giảng Báp-tít được giới thiệu và chức vụ của ông được nhận diện bởi một lời trích dẫn từ sách Ê-sai cũng với độ dài tương tự (xem Êsai 40:3-5). Khó có thể nói đây là sự tương xứng tình cờ; và chắc chắn không thể là điều vô nghĩa.

Hoạt động số 1 cũng thể hiện nét độc đáo riêng của ông. Cũng giống như Ma-thi-ơ, Lu-ca cũng trình bày lời kêu gọi của Giảng Báp-tít đối với quần chúng rằng họ phải có những bằng chứng cụ thể để chứng tỏ lòng ăn năn thật, đừng né tránh trước lời giảng mạnh mẽ của ông ta bằng lời biện hộ sai trật, “Áp-ra-ham là tổ phụ của chúng tôi.” (3:7-8; Ma-thi-ơ 3:7-10). Tuy vậy, khác với Ma-thi-ơ, Lu-ca đã chọn nhấn mạnh đến việc phải có những bằng chứng thực tiễn: chỉ một mình Lu-ca ghi lại có ba nhóm người đã đến hỏi Giảng, họ phải làm gì để chứng tỏ sự ăn năn thật (xem 3:10-14). Nhưng lúc này chúng ta cần xem lại sự kiện tại Na-za-rét. Ở đó, trong đoạn 4:23 sự việc lại trái ngược, với đám dân đông đang đòi hỏi Chúa Jêsus phải thực hiện thêm nhiều điều để chứng tỏ lời công bố của Ngài là thật,

Ngài phán, “chắc chắn các người muốn nói với Ta câu tục ngữ này: ‘Hỡi thầy thuốc, hãy tự chữa lành mình! Mọi điều chúng tôi nghe ông đã làm tại thành Ca-Bê- Na- Um, hãy làm tại đây, nơi quê hương ông.’ Dĩ nhiên, Đấng Christ xem việc họ đòi thêm bằng chứng là không quan trọng, nhưng điều quan trọng là họ đang biện hộ cho sự không sẵn lòng tin cậy nơi Ngài, vì thế Ngài dành thì giờ còn lại trong nhà hội để chứng minh. Nhưng điều chúng ta quan tâm vào giây phút này là ý tưởng dẫn đến hoạt động 3 là cân xứng và bổ sung cho ý trong hoạt động 1. Về sau, chúng ta phải xem xét tại sao những phần này lại được sắp xếp như thế. Nhưng thực tế là nó đã được sắp xếp, vì thế chúng ta đoán rằng có lẽ chúng ta đã mắc nợ Lu-ca về cách ông vô cùng cẩn thận chọn lọc và sắp xếp sách Phúc âm của ông.

Hoặc chúng ta sẽ xem đến một nét độc đáo nữa của Lu-ca. Trong đoạn 3:23-38 ông ghi lại gia phả của Chúa Jêsus Christ. Ma-thi-ơ cũng ghi lại gia phả của Đấng Christ, nhưng ông đặt gia phả ấy ngay tại phần đầu của câu chuyện Ngài giáng sanh (1:1-17), chứ không phải nằm giữa phép báp-tem và sự cám dỗ như Lu-ca. Hơn nữa, gia phả của sách Ma-thi-ơ là từ Áp-ra-ham đến Đấng Christ, chứ không phải ngược lại từ Đấng Christ đến ‘A-đam, con Đức Chúa Trời’ (3:38). Về sau chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn về những lập luận của Lu-ca đằng sau những sự sắp xếp này; nhưng chúng ta đã lưu ý đến những ảnh hưởng có thể nhìn thấy ngay (trang 67): nó dẫn chúng ta đến hoạt động 2 của Lu-ca (3:21-4:13) khi so sánh với phân đoạn tương ứng của Ma-thi-ơ, một ví dụ xa hơn về cụm từ ‘Con Đức Chúa Trời’ và thêm một nhận biết về bối cảnh mà cụm từ ấy được sử dụng (phần thêm vào đó là, trong bối cảnh mà từ ngữ này được sử dụng trong lễ báp-tem và khi bị cám dỗ). Nhưng với sự so sánh này về một trong những nét độc đáo của Lu-ca trong đoạn 4:41 (hoạt động 4). Trong Mathiơ 8:16, khi nói về sự việc xảy ra tại Ca- bê- na- um khi mặt trời đã lặn, ông chỉ đơn giản nói, “...Ngài dùng lời phán đuổi quỷ ra...” Mác trong đoạn 1:34 thì nói thêm: ‘Ngài chữa lành nhiều người đau yếu, mặc dù các chứng bệnh khác nhau, và đuổi nhiều quỷ nhưng không cho phép quỷ lên tiếng vì chúng biết Ngài là ai. Nhưng Luca 4:41 vẫn nói chi tiết hơn, ‘các quỷ cũng ra khỏi nhiều người và la lớn: “Ngài là Con Đức Chúa Trời.”’ Cụm từ ‘Con Đức Chúa Trời’ không tìm thấy ở bất cứ nơi nào trong sách Lu-ca cho mãi đến đoạn 8:28 và

<b>Giai Đoạn 2 NGÀY ĐẾN 3:1-4:44</b>	
<p style="text-align: center;"><b>Chuẩn bị cho chức vụ công khai 3:1-4:13</b></p> <p style="text-align: center;"><b>I. Giảng trong đồng vắng và bên sông Giô Đanh: 3:1-20</b></p> <p><b>1. Xuất xứ và chức vụ của Giảng</b> 3:4-6 Sự ứng nghiệm của Ê-sai 40:3-5</p> <p><b>2. Đòi hỏi bằng chứng từ dân chúng</b> Vậy, hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn; đừng tự như: ‘Áp-ra-ham là tổ phụ chúng tôi...’ (3:8).</p> <p><b>3. Phản ứng của quần chúng...</b> Tất cả dân chúng đang trông đợi và tự hỏi trong lòng: ‘Phải chăng Giảng là Đấng Christ?...’ (3:15)</p> <p>4. Vua Hê-rốt bắt Giảng bỏ tù (3:20-21)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Khởi đầu của chức vụ công khai 4:14-44</b></p> <p style="text-align: center;"><b>III. Đấng Christ tại Na-za-rét 4:16-30</b></p> <p><b>1. Xuất xứ và sứ mạng của Đấng Christ</b> 4:17-19: Sự ứng nghiệm của Ê-sai 62:1-2</p> <p><b>2. Đòi hỏi bằng chứng từ Đấng Christ:</b> ‘‘Chắc các người muốn nói với Ta câu tục ngữ nầy: ‘Hỡi thầy thuốc, hãy tự chữa lành mình! Mọi điều chúng tôi nghe ông đã làm tại thành Ca-bê-na-um, hãy làm tại đây, nơi quê hương ông.’ (4:23)</p> <p><b>3. Phản ứng từ dân chúng:</b> 22Mọi người đều làm chứng tốt về Ngài, và kinh ngạc trước những lời đầy ân huệ từ miệng Ngài. Họ hỏi: ‘‘Chẳng phải người nầy là con Giô-sép sao?’’ (4:22)</p> <p>4. Dân chúng muốn giết Ngài (4:28-30)</p>
<p style="text-align: center;"><b>II. Đấng Christ bên sông Giô-Đanh và trong đồng vắng 3:21-4:13</b></p> <p><b>1. Xuất xứ của Đấng Christ:</b> ‘Con Yê-đu của Ta’ (3:22); con của A-đam con Đức Chúa Trời (3:38); ‘Nếu người là Con Đức Chúa Trời...’ (4:3,9)</p> <p><b>2. Đòi buộc bằng chứng từ Đấng Christ:</b> ‘Nếu người là Con Đức Chúa Trời, người hãy khiến đá này thành bánh đi...hãy từ đây nhẩy xuống đi’ (4:3,9)</p> <p><b>3. Một thách mắc về uy quyền:</b> Ma-quí nói và nói: ‘‘Ta sẽ cho người tất cả thẩm quyền và vinh quang của chúng...’. ‘‘Vậy, nếu người thờ lạy ta, thì tất cả sẽ thuộc về người...’’ (4:6-7)</p>	<p style="text-align: center;"><b>IV. Đấng Christ tại Ca-bê-na-um 4:31-43</b></p> <p><b>1. Xuất xứ của Đấng Christ:</b> Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (4:34); Con Đức Chúa Trời (4:31); Đấng Christ (4:41)</p> <p><b>2. Phủ nhận bằng chứng từ các quí:</b> Chúa Jêsus quả chúng ta rằng, ‘hãy im đi!...và trong khi quả trách như vậy, Ngài không cho chúng nói ra bởi chúng biết rằng Ngài là Đấng Christ (4:35; 41)</p> <p><b>3. Một thách mắc về uy quyền:</b> Mọi người đều sợ hãi, nói với nhau: ‘‘Đạo gì vậy? Ông ấy lấy uy quyền và năng lực mà truyền lệnh cho các quỷ và chúng phải ra khỏi!’’ (4:36)</p>



sau đó thì rất ít nhắc đến. Để giải kinh thì chúng ta phải đặt câu hỏi vì sao trước giả nhấn mạnh rất nhiều đến cụm từ này cả trong hoạt động 2 và 4.

Chúng ta đã lưu ý đến tính tương đồng giữa hoạt động 1 và 3 và sau đó lại lưu ý đến tính tương đồng giữa hoạt động 2 và 4, chúng tôi cho rằng bốn hoạt động này được dự định để gom lại thành một nhóm rất đan khít với nhau. Chúng ta xem những hoạt động này là giai đoạn 2 của sách Phúc Âm. Dĩ nhiên, nếu có thể chúng ta muốn vượt qua được những nét tương đồng bên ngoài để đi sâu vào bên trong và phân tích cho được những ý định mà Lu-ca muốn bày tỏ khi ông chọn lọc và sắp xếp sách Phúc âm của ông. Để có thể giúp chúng ta làm điều này, chúng ta hãy lập lên một biểu đồ về nội dung để nó sẽ trình bày ra những nét đặc biệt quan trọng của bốn hoạt động này (xem trang đối diện).

## **Các Hoạt Động**

### **Giảng Tại Đồng Vắng và Bên Sông Giô Đanh (3:1-20)**

Giai đoạn 1 ghi lại việc Con Đức Chúa Trời đến giữa thế giới của chúng ta trong hình hài của bé sơ sinh khiêm nhường và sau đó Ngài lớn lên thành một con trẻ. Dầu sự ra đời của Ngài đã được chuẩn bị từ trước cùng với sự loan báo của thiên sứ, được chúc tụng bởi thiên binh thiên sứ trên trời, nhưng dưới đất này dường như chẳng ai quan tâm đến Ngài. Người ta cố tình xem sự kiện này là chuyện riêng tư của một gia đình. Về xuất xứ của con trẻ, chỉ vài người ngoài gia đình của Ma-ri và Ê-li-za-bét biết, hoặc họ chỉ biết về Ngài nhiều hơn là một đứa trẻ đặc biệt. Còn các kẻ chần chừ ở ngoài đồng tại Bết-lê-hem cùng những bạn hữu và những người quen biết trong phạm vi giới hạn của họ thì cũng biết chút đỉnh. Si-mê-ôn và bà An-ne thì biết nhiều hơn. Những bác sĩ có học trong đền thờ thì cảm thấy rất tò mò và nêu lên nhiều câu hỏi cần được trả lời. Ngoài ra thì hầu như vấn đề vẫn là chuyện riêng tư, như sự ra đời của bất cứ đứa trẻ bình thường khỏe mạnh nào.

Nhưng mọi sự đã thay đổi trong giai đoạn 2. Mãi mãi không còn là chuyện bí mật nữa. Đã đến thời điểm Con Đức Chúa Trời được giới

thiệt cách công khai và mở rộng cho thế giới. Bây giờ có hai câu hỏi cần được trả lời: Ngài thật sự là nhân vật nào và Ngài đến trần gian để làm gì? Lẽ ra những người trong thời của Ngài cần được nghe lời giải thích và minh họa một cách hết sức cẩn thận, vì sự mong đợi của họ về một Đấng Mê-si-a rằng Ngài là ai, sẽ như thế nào, Ngài sẽ làm gì khi Ngài đến...vẫn chưa rõ ràng, nhưng họ thường bị bối rối và gặp nhiều xung đột. Ngày nay người ta cũng không biết rõ hơn về Ngài: Người ta cũng cảm thấy thắc mắc và bối rối về những người Cơ Đốc với hai câu hỏi này. Vì thế Lu-ca sẽ không để chúng ta phải nỗ lực nghiên cứu vô số sự kiện của từng cá nhân và nói rằng, đó là Chúa Jê-sus và lý do Ngài đến. Nhưng ông sẽ ghi lại những gì được công bố trong buổi giới thiệu chính thức, từ người mở đường đã được thiên đàng chỉ định, từ Đức Chúa Cha, từ chính Chúa Jê-sus, và thậm chí bởi thế giới của Satan nữa. Hơn thế nữa, chính cách giới thiệu trang trọng của Lu-ca về Ngài sẽ chuyển tải nội dung của lời giới thiệu. Đây không phải là sự gom góp tư liệu cách bừa bãi, là những tư liệu không có cấu trúc và thiếu cân đối, hoặc dành sự nổi bật không đáng cho một số sự kiện và lại trình bày không đủ trong những phần khác. Lu-ca đã quyết tâm vẽ ra cho chúng ta một bức tranh hoàn hảo và đầy đủ, những yếu tố vô cùng thiết yếu được trình bày một cách quân bình đầy cẩn trọng, với sự cân xứng và nhấn mạnh cách phải lẽ.

Hoạt động 1 (3:1-20) mô tả chức vụ của người mở đường. Chúng ta hãy lưu ý đến danh sách tên tuổi đầy ấn tượng được bắt đầu với: Dưới triều Sê-sa Ti-be-ri-ơ — khi Pôn-xơ Phi-lát làm tổng đốc xứ Giu-đê; Hê-rốt làm vua chư hầu xứ Ga-li-lê; Phi-líp, em vua ấy, làm vua chư hầu xứ Y-tu-rê và Tra-cô-nít; Ly-sa-ni-a làm vua chư hầu xứ A-by-len; 2An-ne và Cai-phe làm thầy tế lễ thượng phẩm. Danh sách này giúp chúng ta biết được niên đại mà Giăng Báp-tít bắt đầu chức vụ; nhưng còn ích lợi hơn nữa vì nó giúp chúng ta biết được tầm cỡ của Giăng. Nếu những con người này sở hữu những uy quyền cao nhất ở trong đất nước của họ thì Giăng còn xuất hiện với một uy quyền cao hơn. Họ là những người có ảnh hưởng từ tổ chức xã hội; còn Giăng xuất thân từ đồng vắng. Nhưng trong đồng vắng đó Lời Chúa đã đến với Giăng con trai của Xa-cha-ri (hãy lưu ý đến tên gọi theo đúng nghi thức) và ông đã được chỉ định làm tiên tri theo thứ tự của những nhân vật như Ê-sai, Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên là người ở

dưới sự hướng dẫn trực tiếp từ Đức Chúa Trời cho nên thỉnh thoảng họ đã quở trách hoặc tố cáo những vị hoàng đế, những vị vua, thầy tế lễ cũng như cả một dân tộc. Lu-ca nói rằng Giăng đã đến rao giảng về phép báp-tem như là một biểu lộ của lòng ăn năn thật để được tha tội (3:3). Dĩ nhiên, trên một phương diện, kêu gọi ăn năn là một sự hoán đổi đối với bất cứ tiên tri hoặc nhà giảng đạo nào; nhưng sự kêu gọi ăn năn của Giăng lại khác hẳn với mọi người; khác như thế nào, bây giờ Lu-ca cho chúng ta thấy bằng cách trích một phân đoạn từ lời tiên tri của Ê-sai (40:3-5). Điều cốt lõi của lời tiên tri này là một ẩn dụ rút ra từ một phong tục cổ xưa, đó là khi một hoàng đế hoặc bậc vua chúa hoặc một nhân vật ở địa vị cao trọng chuẩn bị đến thăm một thành phố, thì dân chúng được yêu cầu phải chuẩn bị bằng cách xây một con đường thật tốt để ông có thể oai phong đi qua, phô trương sự rực rỡ cùng địa vị của mình mà bước vào thành phố. Tiên tri Ê-sai đã dùng ẩn dụ này để nói tiên tri rằng một ngày kia dân Y-sơ-ra-ên được kêu gọi chuẩn bị một con đường để đón vị vua quan trọng hơn thế. Vị khách đó là ai? Ê-sai không để độc giả của mình phải nghi ngờ: “Có tiếng kêu lên trong hoang mạc: hãy mở một con đường cho Đức Giê-hô-va. Hãy dọn thẳng đường cái trong đồng hoang cho Đức Chúa Trời chúng ta...hãy bảo các thành của Giu-đa rằng, ‘Đây là Đức Chúa Trời của các ngươi. Này, Chúa Giê-hô-va sẽ đến trong quyền năng, Ngài dùng cánh tay Ngài mà cai trị. Này, sự ban thưởng Ngài ở với Ngài’” (40:3, 9-10).

Cũng giống như Ê-sai, bây giờ Lu-ca dùng lời của Ê-sai để mô tả chức vụ của Giăng Báp-tít và để nhận diện nhân vật mà Giăng công bố. Đây là điều quan trọng nhất, vì vậy chúng ta cần lưu ý rằng Lu-ca không chỉ mượn một hoặc hai cụm từ rất phù hợp từ sách Ê-sai để mô tả chức vụ của Giăng trên những vùng đất mà chức vụ của Giăng làm phiền một vài nhân vật ở chỗ này, chỗ kia có nét tương đồng với điều mà Êsai đang đề cập. Lu-ca nói rằng chức vụ của Giăng là sự ứng nghiệm lời tiên tri của Ê-sai. Giăng là tiếng kêu mà theo sách Ê-sai thì đã được định trước để kêu gọi dân chúng chuẩn bị một con đường để Ngài có thể đi qua; và vị khách mà Giăng thông báo chính là vị khách đã được Ê-sai thông báo: Chính là Đức Giê-hô-va.

Dĩ nhiên, Lu-ca đã trích lời tiên tri của Ê-sai từ bản dịch Hilạp.

Vì trong bản của Ê-sai “Hãy mở một con đường... cho Đức Giê-hô-va”, thì ông nói, “Hãy mở một con đường cho Chúa (tiếng Hilạp:kyriou); ông cũng nói chính xác như Ê-sai: trong tiếng Hilạp chữ kyrious là bản dịch đúng chuẩn của từ Đức Chúa Trời trong Cựu ước tiếng Hi Lạp. Còn trong bản của Ê-sai thì nói, ‘Hãy dọn thẳng đường cái trong đồng hoang cho Đức Chúa Trời chúng ta’, Lu-ca nói ‘Hãy làm thẳng các lối Ngài’. Nhưng không có nghĩa là Lu-ca làm giảm giá trị lời tiên tri của Ê-sai để đem lời ấy áp dụng cho một nhân vật kém quan trọng hơn: văn phạm cho thấy rằng Đại danh từ ‘của Ngài’ để chỉ về Chúa-Đức Chúa Trời của dòng trên; và được xem là thể đối xứng trong lối thơ ca thì sẽ tạo nên cùng một lời nhận định. Vậy, đối với Lu-ca, Đấng sẽ đến được Giăng loan báo không ai khác hơn là nhân vật đã được Ê-sai nói tiên tri: đó chính là Chúa, Đức Chúa Trời, đến với dân Ngài, nhập thể trong thân vị của Chúa Jêsus Christ. Chắc chắn người ta sẽ không đánh giá quá cao tầm quan trọng của chức vụ mở đường của Giăng cho Đấng quá vĩ đại như thế.

Nhưng Luca vẫn chưa hoàn tất với ẩn dụ của Ê-sai. Ngôn ngữ cổ của người Hêbơơ nói thế này: Bấy giờ, vinh quang của Đức Giêhôva sẽ hiển hiện và mọi người đều sẽ xem thấy, vì chính Đức Giê-hô-va đã phán vậy (Ê-sai 40:5). Bản Bảy Mươi đã sử dụng một bản dịch diễn ý như thế này: ‘và sự vinh hiển của Chúa sẽ được nhìn thấy trong mọi loài xác thịt có thể nhìn thấy sự cứu rỗi của Chúa’; và từ đó Lu-ca được thỏa lòng để trích lời phần thứ hai của hai mệnh đề. Đối với ông, sự cứu rỗi chắc chắn là hình thức để sự vinh hiển của Chúa được bày tỏ đặc biệt là qua việc Chúa Jêsus đến; và chúng ta có thể thấy dòng chảy của ý tưởng này: Giăng rao giảng phép báp-tem về sự ăn năn để được tha tội, như lời đã chép ... “và cả nhân loại sẽ thấy ơn cứu rỗi của Chúa.” (3:3,5). Rõ ràng chủ đề của sách Phúc âm Lu-ca là Chúa của chúng ta sở hữu sự vinh hiển, Ngài có thẩm quyền thiên thượng để ban sự tha thứ tội lỗi cách trọn vẹn và sử dụng thẩm quyền ấy để ban tặng sự cứu rỗi cho loài người (xem 5:20-24; 7:48-50). Nhưng Ê-sai đã nói rằng để nhìn thấy sự vinh hiển của Chúa thì người ta phải mở một con đường để Ngài có thể đến với họ; và Giăng, cùng với Lu-ca là một sử gia, cũng đưa ra cùng một điều kiện: nếu con người muốn nhìn thấy sự cứu rỗi của Chúa dưới hình thức của sự tha thứ tội lỗi thì họ phải xây cho Chúa một con đường mà

Ngài có thể đi qua: con đường ấy có tên là ăn năn. Sự cứu rỗi và sự tha thứ của Chúa sẽ không xảy ra một cách tự động theo sau sự Chúa đến và sự hiện diện của Chúa trong sự nhập thể để người ta có thể tự do nhìn thấy và vui hưởng; nhưng chỉ có những người ăn năn trong lòng và mở một con đường để Ngài có thể bước vào thì mới có thể nhìn thấy và vui hưởng những sự ban cho thiên thượng này.

Vì thế, bây giờ Lu-ca dành ra không dưới tám câu (xem 3:7-14) mô tả sự khó khăn và cần trọng mà Giăng phải nỗ lực để thuyết phục con người xây dựng con đường. Ông chỉ ra rằng Cựu Ước không chỉ nói về việc Chúa đến mà còn nói về cơn thịnh nộ sẽ đến (3:7, cũng xem Ma-la-chi 4:1). Ăn năn là điều vô cùng khẩn cấp và cần thiết. Vì thế, bây giờ con người hãy nhanh chóng hết lòng ăn năn về mọi tội của mình. Ông nói họ phản ứng giống như rắn độc đang đứng trước đám lửa: cố tránh xa ngọn lửa mà không hề muốn bản chất tội lỗi của mình được thay đổi. Họ cư xử như muốn chạy trốn khỏi cơn thịnh nộ, cho nên họ cho rằng điều cần làm là cứ thuận phục nghi thức báp-tem bề ngoài mà không cần phải có bất cứ bằng chứng thực tiễn nào về sự ăn năn thật. Giăng quả quyết rằng ông không hề dạy họ đi theo những con đường trốn tránh ấy, có lẽ ai đó đã dạy họ (3:7). Hoặc thay vì ăn năn, họ lại cố giấu mình đằng sau sự kiện rằng về xác thịt họ chính là con cháu của Áp-ra-ham và Giăng phải cảnh báo rằng dòng dõi Áp-ra-ham theo xác thịt cũng không thể né tránh cơn thịnh nộ, không thể bào chữa gì về cơn giận sắp đến (xem 3:8). Giống như một cây ăn trái, không đáng giá nhờ mang nhãn hiệu của một ngành thực vật nhưng nhờ nó sanh được trái xấu hay trái tốt, thì một ngày kia đời sống của họ cũng sẽ sớm bị phơi bày. Nếu đời sống họ không sinh trái tốt, họ sẽ bị đốn và ném vào lửa (3:9) dầu họ là con cái của ai, chỉ trừ khi họ ăn năn, và sản sinh ra những bằng chứng thực tiễn để chứng tỏ sự ăn năn thật.

Nhiều người bất an và lo lắng bởi cách rao giảng này nên đã đến hỏi Giăng, trong trường hợp của họ phải ăn năn như thế nào (xem 3:10-14). Dân chúng thì được Giăng bảo ăn năn tức là hãy sẵn lòng chia sẻ thức ăn, quần áo cho những người đang có nhu cầu; đối với người thu thuế ông bảo, hãy chấm dứt việc thu thuế quá mức qui định; và đối với những người lính, ăn năn có nghĩa là đừng hăm

dọa hoặc vu khống ai để tống tiền; họ phải thỏa lòng với đồng lương và sự chu cấp của quân đội.

Như thế, trước hết Lu-ca đã thừa nhận vị khách mà con người phải xây đường cho Ngài, và sau đó cho chúng ta thấy rằng xây con đường ấy phải có những đòi buộc gì. Bây giờ trong ba câu kế tiếp (xem 3:15-17) ông chuyển qua chủ đề về sự vĩ đại không đo lường được của Đấng sẽ đến. Lẽ đương nhiên chức vụ tiên tri đầy uy quyền và độc đáo của Giăng đã tạo nên sự mong đợi vô cùng lớn lao nơi dân chúng, quá lớn đến nỗi họ bắt đầu hỏi có phải Giăng chính là Đấng Christ. Dĩ nhiên, Giăng phủ nhận, nhưng ông bắt lấy cơ hội này để chuẩn bị dân chúng cho sự kiện rằng, chắc chắn khi Ngài đến, Ngài sẽ là Đấng vĩ đại hơn Giăng, và điều ấy sẽ được bày tỏ qua chức vụ hết sức vượt trội của Ngài. Ngài sẽ vĩ đại hơn Giăng, nhưng không chỉ vĩ đại hơn theo nghĩa là Ngài có quyền năng hơn Giăng: nhưng thật ra đó là một phạm trù hoàn toàn khác biệt giữa quyền năng của Giăng với quyền năng của Đấng Christ. Giăng làm báp-tem bằng nước; nhưng Chúa Jêsus sẽ làm báp-tem bằng Thánh Linh và bằng lửa (xem 3:16). Vì thế, Chúa Jêsus sẽ thực hiện hai điều mà Giăng hoặc bất cứ con người nào dầu được tôn cao đến đâu, cũng không có quyền năng hoặc uy quyền để thực hiện: đó là Ngài sẽ chuyển giao sự sống thuộc linh cho những người ăn năn và tin nhận Ngài, và Ngài sẽ thi hành cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trên những người không tin và không ăn năn. Chúng ta không biết Giăng hiểu đến mức nào về những điều cuối cùng sẽ được minh chứng trong phép báp-tem bằng Thánh Linh; nhưng chắc chắn là ông thừa hiểu rằng Đức Thánh Linh không chỉ là một lực, nhưng Ngài chính là sự sống của Đức Chúa Trời. Theo một ý nghĩa nào đó, thì Giăng hoặc bất cứ ai cũng có thể đặt một người đã ăn năn xuống nước để làm báp-tem. Nhưng chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có thể đặt Đức Thánh Linh vào trong lòng người, hoặc đặt con người vào trong Đức Thánh Linh.

Giăng có thể quở trách những tội nhân không chịu ăn năn và cảnh báo về cơn thịnh nộ sẽ đến (3:7) và ông vẫn thường làm điều đó. Nhưng Giăng không được giao uy quyền để thực hiện sự đoán xét sau cùng, để có khả năng phân biệt tuyệt đối giữa con người, để gom lúa mì vào kho của thiên đàng, và thi hành cơn thịnh nộ của

Chúa trên rơm rạ (xem 3:17) và Giăng biết điều đó. Nhưng thật là điên rồ và ngạo mạn cho Giăng hoặc cho bất cứ một con người bình thường nào nếu họ dám xưng nhận mình đang sở hữu chức vụ của Đấng sẽ đến.

Qua những gì Lu-ca trình bày, cách mà chức vụ của Giăng được kết thúc thật vô cùng ý nghĩa, và có lẽ nó cũng mang tính biểu tượng. Ông đã công bố về vị khách sẽ đến, và kêu gọi mọi người chuẩn bị chào đón Ngài. Hê-rốt không những cương quyết không ăn năn mà còn cản trở Giăng không được tiếp tục rao giảng. Vì thế Hê-rốt nhốt Giăng vào tù. Điều đó cũng giống như đóng cửa lại thậm chí trước khi vị khách xuất hiện. Vì thế, một lần kia Lu-ca thuật lại với chúng ta (xem 23:8-9), rằng Hê-rốt nghĩ rằng mình đã có cơ hội để thỏa mãn tính tò mò bấy lâu nay để hỏi Ngài nhiều câu hỏi. Nhưng Ngài chỉ yên lặng.

## **2. Đấng Christ bên sông Giô Đanh và trong đồng vắng (3:21-4:13)**

Bây giờ, vị Khách đã đến. Giăng công bố Ngài không ai khác hơn là Đức Giê-hô-va, Đấng ban sự tha thứ, Đấng làm báp-tem bằng Thánh Linh, Đấng thực hiện sự đoán xét sau cùng trên nhân loại, Đấng thi hành cơn đoán phạt sẽ đến. Để hoàn tất lời tường trình Ngài là ai, chúng ta cần nghe về hoạt động 2. Tại lễ báp-tem sẽ cho chúng ta biết Ngài là Đấng có một không ai, là Con Đức Chúa Trời. Qua gia phả chúng ta sẽ biết Ngài là ai, theo ý nghĩa thông thường đối với mọi người, Ngài là con của A-đam, tức là con của Đức Chúa Trời. Và rồi trong sự cám dỗ thì cho chúng ta thấy Ngài minh chứng Ngài thật là Con Đức Chúa Trời bằng sự trung thành tuyệt đối của Ngài đối với nguyên tắc thiết yếu của quyền làm con.

Lu-ca chỉ dành ra hai câu (xem 3:21-22) để nói về lễ báp-tem: Giăng cố ý loại bỏ hoặc làm giảm thiểu đến mức tối đa mọi chi tiết không cần thiết, ngoại trừ những nét đặc trưng mà ông muốn chúng ta phải tập trung. Dĩ nhiên, đó là những điều siêu nhiên không thể tả xiết. Ông không đề cập đến người làm báp-tem: Lu-ca đã chọn để đi theo chức vụ công khai của Giăng đến cuối cùng, trước khi ông chuyển đề tài để nói về phép báp-tem của Đấng Christ.

Lu-ca không dự định phủ nhận hoặc che giấu sự kiện Giăng là người thực hiện lễ báptem: Nhưng ngay cả người thi hành báptem hoặc tiến trình báptem cũng nằm bên ngoài điều mà Lu-ca quan tâm nhất, đó là Chúa Jêsus đang cầu nguyện và đang chịu báp-tem. Cho đến thời điểm này, Ngài cũng chỉ là một người tầm thường giữa hàng ngàn người khác. Nhưng rồi điều siêu phàm đã xảy ra công bố và minh chứng bằng tiếng phán rằng Ngài là Đấng độc nhất vô nhị: ‘trời mở ra, và Đức Thánh Linh ngự xuống trong hình thể giống như chim bồ câu đậu trên Ngài; lại có tiếng từ trời phán: “Con là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta hoàn toàn.” Chúng ta được cho biết về ba sự kiện, và chỉ trong chốc lát có Ba Thân Vị, trong sự vinh hiển chói lòa độc nhất từ trời, tạo nên một hình ảnh rực rỡ trước mắt chúng ta.

Có hai điều được phô bày ra khi trời mở ra, đó là Đức Thánh Linh và tiếng phán. Cả hai đều dành trực tiếp cho Chúa Jêsus. Đức Thánh Linh lấy hình chim bồ câu đậu trên Ngài. Tại sao lại là chim bồ câu? Có lẽ để nhắc chúng ta nhớ lại chim bồ câu của Nô ê: ‘không tìm được chỗ đáp vì nước còn phủ khắp mặt đất’ và để nhấn mạnh bằng cách nêu lên sự tương phản rằng Con Đức Chúa Trời đã vượt qua dòng nước sông Giô-đanh trong lễ báp-tem, thì Ngài chính là chỗ thật xứng đáng để Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống. Có lẽ không cần phải nhắc lại những tiếng vang từ quá khứ. Khi Đức Thánh Linh đến trong lễ ngũ tuần (xem Công vụ 2) thì chính những lưỡi bằng lửa là bằng chứng tượng trưng cho sự ban quyền năng từ trời để nói các thứ tiếng mà ngay giây phút đó Kinh Thánh nói Thánh Linh được ban xuống cho các môn đồ. Vì thế, tại đây, chúng ta có thể tin rằng sự giáng xuống như hình chim bồ câu của Đức Thánh Linh có thể là sự bày tỏ mang tính biểu tượng về sự hết sức thỏa lòng của Đức Chúa Trời trên Con Ngài, đến nỗi tiếng nói từ trời cùng một lúc loan báo. Dầu sự thật là thế nào chăng nữa, điều chính yếu mà chúng ta phải nắm bắt khi Lu-ca muốn nhấn mạnh đó là Đức Thánh Linh giáng xuống trong hình hài mà người ta có thể nhìn thấy được. Tại đây, chúng ta không bàn đến kinh nghiệm riêng tư của Đấng Christ, mà những người chung quanh không hề biết, nhưng nếu họ biết là vì sau này chính Đấng Christ nói với các môn đồ. Điểm chính của lời tường thuật của Lu-ca đó là sự thể hiện của Đức Thánh Linh từ nơi Đức Chúa Cha đến với Con Ngài trong dịp này đã rất rõ ràng và có



thể nhìn thấy được (trong Giăng 1:32-34) Lu-ca ghi lại Giăng Báp-tít xưng rằng mình đã chứng kiến sự kiện ấy. Với sự hiện diện của Đức Thánh Linh người ta đã có thể như thấy được sự hiện diện của Đức Chúa Cha khi Ngài công bố bằng giọng nói tỏ tường ‘Người là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng.’ Những lời này được nói trực tiếp với Con Trai: ‘Con là ....’ Theo như Mathiơ 3:17, những người khác nghe tiếng nói ấy và ngay lập tức giải thích rằng tiếng nói ấy là để họ hiểu rằng Ngài là Con Yêu Dấu của Đức Chúa Trời.

Nhưng trong trách nhiệm của mình, Lu-ca vui lòng giúp chúng ta chỉ tập trung vào ba ngôi để có thể nhìn thấy Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời trong mối quan hệ độc nhất với Cha và với Đức Thánh Linh. Tại đây không trình bày về giáo lý ba ngôi bằng những thuật ngữ thần học triết học đầy phức tạp, thích đáng và cần thiết như về sau này. Nhưng ở đây là một sự mặc khải và sự chứng minh khi trời mở ra, tính uy nghiêm của thiên thượng được bày tỏ cách đơn giản, về những mối quan hệ đầy thỏa lòng của ba Thân Vị trong Ba Ngôi. Điều ấy chỉ cho chúng ta về ý nghĩa độc đáo mà trong đó Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời.

Dĩ nhiên, còn có một ý nghĩa nữa trong việc Ngài là Con Đức Chúa Trời; và Lu-ca là người luôn thận trọng để duy trì một chân lý cân đối, bây giờ lại lồng vào gia phả của Chúa Jêsus để chứng tỏ rằng Ngài là ‘... con của A-đam, con của Đức Chúa Trời, vì thế Ngài là con của Đức Chúa Trời theo ý nghĩa vì A-đam là con Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus thật sự là con người. <sup>1</sup> Ngài là Đức Chúa Trời và là người: Ngài không thể có phần này mà thiếu phần kia, Ngài mang cả hai. Ngài là con người thật, nhưng không chỉ là con người.

Với phần giải thích ấy Lu-ca dẫn đến sự cám dỗ của Ngài. Dòng chảy của câu chuyện ở đây- Ngài là con của A-đam, con của Đức Chúa Trời, và giữa bao nhiêu lãnh vực của đời sống, Ngài lại bị ma quỷ cám dỗ trong lãnh vực ăn uống- khiến chúng ta nhớ lại câu chuyện

<sup>1</sup> Nếu bạn gặp khó khăn trong việc nối kết với những chi tiết trong gia phả, hãy xem Marshall trang 157-165. Dầu những điều khó hiểu của bạn được giải thích bằng cách nào đi chăng nữa, thì phân đoạn này cũng không hề nói rằng đang khi tường thuật Chúa Jêsus là con, như đã nói Ngài là con của Giô-sép, thì Lu-ca vẫn không quên hoặc cũng không tự mâu thuẫn với lời tường trình của ông về sự Ngài được hoài thai bởi một trinh nữ.

về sự không vâng lời đã ăn trái cấm của A-đam-, tại đây chúng ta có thêm ánh sáng cho hai câu hỏi rất nền tảng của chúng ta: Chúa Jê-sus là ai và Ngài đến trần gian để làm gì? Ngài là người nam thứ hai đến để thực hiện sự đắc thắng tại ngay chỗ người nam thứ nhất đã thất bại, đã được định trước trong sự sống lại để trở thành trái đầu mùa và Đấng làm đầu của dòng dõi nhân loại mới, y như A-đam đã là khởi đầu và là đầu của dòng dõi cũ. Tuy vậy, cám dỗ đầu tiên cho thấy sự khác biệt giữa Ngài và người nam đầu tiên. Ma quỷ nói rằng, “Nếu ngươi là Con Đức Chúa Trời, thì hãy khiến đá này trở nên bánh đi” (4:3). Không cần nói chúng ta cũng biết một lời đề nghị như thế không bao giờ là cám dỗ đối với A-đam, và lời ấy cũng không bao giờ là lời cám dỗ đối với bất cứ người nào trong chúng ta. A-đam đâu có quyền năng để hóa đá thành bánh, và từ đó đến nay cũng chưa có con người bình thường nào có khả năng ấy. Ngược lại, đối với Đấng Christ, tất cả áp lực của sự cám dỗ tập trung vào sự kiện Ngài là Con Đức Chúa Trời, và Ngài có quyền năng để hóa đá thành bánh nếu Ngài muốn. Ngài không trả lời ma quỷ- chúng ta hãy giả sử Ngài nói theo cách đầy tôn trọng, ‘Hỡi kẻ đại, ta không có quyền năng để khiến đá thành bánh đâu.’ Nhưng Ngài phán rằng, ‘Người ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi.’ Từ Hi-lạp mà Lu-ca sử dụng để chỉ về một người nam (anthrōpos) là một từ ngữ để chỉ về người nam theo nghĩa loài người. Vì thế, Đấng Christ trả lời, để chứng tỏ rằng mặc dầu Ngài thật là Con Đức Chúa Trời nhưng Ngài cũng là loài người, và cũng sống một đời sống đúng nghĩa và phải lẽ của một con người, con trai của A-đam.

Thế là Ngài đã đắc thắng đợt cám dỗ thứ nhất. Tuy nhiên, Ngài không chỉ sự đắc thắng sự đói thiếu thôi đâu. Trong đời sống, nếu một người có cuộc sống phong phú đầy ý nghĩa, không phải sống mà như chết, thì có nhiều nhu cầu cần được duy trì chứ không chỉ có gạo cơm: nó còn dựa vào Lời của Đức Chúa Trời và dựa vào mối thông công đầy yêu thương với Ngài để giữ theo Lời ấy. A-đam trong vườn Ê-đen, được vây quanh với muôn vàn hương thơm quả ngọt, đã bị cám dỗ để bất tuân lời Chúa, không vâng lời và phát hiện ra rằng không vâng lời sẽ dẫn đến sự chết. Dân Ysoraên trong đồng vắng được Chúa cho phép trải qua sự đói thiếu (Phục Truyền 8:3), rồi sau đó được nuôi bằng ma-na để Ngài có thể dạy họ rằng người

ta sống chẳng phải chỉ nhờ bánh mà thôi, nhưng nhờ mọi lời nói ra từ miệng Đức Chúa Trời. Bây giờ thì Chúa Jêsus bị đói sau bốn mươi ngày không ăn trong đồng vắng, Đấng Christ bằng lòng thuận phục trước lời thành văn của Đức Chúa Trời – ‘Lời ấy vẫn đứng vững’ và từ chối không ăn những gì trái với Lời đã được phán vào trong lòng của Ngài.

Trong sự cám dỗ lần thứ hai, sức mạnh không dựa lẫm vào Chúa Jêsus là ai nhưng dựa nhiều hơn vào uy quyền mà ma quỷ công bố rằng nó đang sở hữu: “Tất cả quyền phép.....đã ban cho ta và Ta sẽ ban cho kẻ nào mà Ta muốn cho’. Chúng ta không cần phải thử xem câu nói này đúng đến mức độ nào. Chắc chắn là đúng ở vài mức độ. Hãy so sánh câu này với Khải Huyền 13:2, chỗ Kinh Thánh nói về con thú ‘Con rồng đã ban cho nó quyền lực, ngai báu và thẩm quyền lớn.’ Phải thừa nhận rằng, chính cụm từ ‘tất cả quyền phép...đã ban cho ta’ đã cho ma quỷ một cảm nhận trong sâu xa rằng nó là một tạo vật và quyền phép của nó hoàn toàn đến từ Đấng Tạo Hóa. Nhưng trong chính sự kiện này cho thấy sức mạnh của sự cám dỗ: Tại sao Chúa lại cho ma quỷ có một quyền năng dường như đặc thắng trong suốt một thời gian dài đến như vậy? Nếu sự cám dỗ đầu tiên thử nghiệm đức tin nơi Đức Chúa Trời là Đấng chu cấp những nhu cầu thiết yếu của đời sống, thì cám dỗ thứ hai sẽ thử nghiệm đức tin nơi Đức Chúa Trời là Đấng đạo đức đang tể trị trên vũ trụ, và trong lời hứa của Ngài rằng ‘Con Đức Chúa Trời và các thánh đồ’ (xem Đaniên 7) sẽ được ban quyền thống trị cả vũ trụ.

Sự thờ phượng mà Satan đòi hỏi có lẽ không bao gồm yếu tố chiêm ngưỡng và ngợi khen như sự thờ phượng thường dành cho Đức Chúa Trời. Nhưng điều Satan đòi hỏi là Đấng Christ phải thừa nhận rằng nó đang hiện hữu và có uy quyền tối cao mà không ai có thể đánh bại nhưng người ta phải suy tính để thỏa hiệp với nó. Nói theo từ ngữ này thì ma quỷ đã được chuẩn bị để Đấng Christ nhận lấy quyền trên toàn thế giới này cách thành công. Nhiều phong trào từ đó đến nay, cả về tôn giáo và chính trị đã đem đến sự thành công cho những từ ngữ ấy, người ta sửa lại những thái độ của họ là vì những thủ đoạn hoặc vì chủ nghĩa hiện thực hoặc vì bất đắc dĩ.

Hậu quả là nhân loại đã bị nô lệ cho thế lực của ma quỷ trong

cả đời sống cá nhân của họ lẫn trong xã hội và cơ chế chính trị, mặc dầu xã hội con người trông dường như rất tiến bộ. Đấng Christ trích lời Kinh Thánh một lần nữa để bày tỏ uy quyền tối cao của Đức Chúa Trời (xem 4:8), từ chối không qui lạy trước thần nào ngoài Đức Chúa Trời. Trong sự mầu nhiệm của mục đích và sự cai trị của Đức Chúa Trời trên cả vũ trụ này, lời từ chối này đã khiến Đấng Christ trả bằng chính thập tự giá; nhưng đó là sự đắc thắng cho cả nhân loại để họ được tự do khỏi điều mà chẳng bao lâu chúng ta sẽ nghe Ngài phán khi Ngài bắt đầu chức vụ công khai (xem 4:18).

Một lần nữa, sức mạnh của sự cám dỗ lần thứ ba nhắm vào yếu tố Chúa Jêsus là Con Đức Chúa Trời, nhưng cũng nhắm vào sự khẳng định đầy minh chứng rằng Ngài tin vào Đức Thánh Linh và vâng lời Đức Chúa Trời. Vì thế, ma quỷ đã trích Kinh Thánh về lời hứa thiên sứ sẽ bảo vệ Đấng Mê-si-a, và thách thức Chúa Jêsus không chỉ tin lời ấy mà chứng tỏ lòng tin cậy bằng cách hành động. Sự cám dỗ càng lúc càng tinh vi. Chúng ta nhớ lại, Giăng Báp-tít đã rất đúng khi kêu nài dân chúng, thật chẳng ích gì khi họ chỉ xưng nhận mình là con cháu Áp-ra-ham: nhưng họ phải hành động, họ phải có những bằng chứng thực tiễn đáng tin cậy về lời công bố của họ. Hơn thế nữa, đối với một tâm trí tin kính thì lời thách thức tin cậy vào lời Đức Chúa Trời và 'bước ra trong đức tin' có một thu hút đầy sức mạnh, nhưng từ chối, hoặc thậm chí chần chừ hành động có thể được xem là thiếu đức tin. Nhưng Đấng Christ nhìn thấu suốt sự lừa dối này: thật ra đây là sự thách thức không tin vào Đức Chúa Trời và thử Ngài, không phải để chứng tỏ quyền làm Con, nhưng là để sỉ nhục quyền làm Con ấy. Không có Lời nào đến từ Đức Chúa Trời ra lệnh cho Đấng Christ hãy nhảy xuống từ nóc đền thờ; không công việc nào của Đức Chúa Trời hoặc loài người đòi hỏi điều ấy. Động cơ duy nhất để thực hiện điều ấy là do sự khoe khoang hoặc ao ước muốn thử Chúa xem Ngài có giữ lời hứa hay chẳng; và Kinh Thánh cấm loài người thử Chúa theo cách ấy. Chúa không cần người ta thử Ngài; có điều gì phải nghi ngờ gì về sự thành tín của Ngài đến nỗi cần làm cho sáng tỏ bằng cách thử nghiệm Ngài! Đứng trên nóc đền thờ mà nhảy xuống là khởi xướng và ép Đức Chúa Trời vào hoàn cảnh mà Ngài không có quyền chọn lựa nhưng bị buộc phải hỗ trợ để ngăn chặn tai họa, nếu không Ngài sẽ bị kết tội là không thành tín. Như thế là hoán đổi vai trò giữa

con người với Đức Chúa Trời, giữa Con với Cha. Sự đòi buộc của Satan về hành động để chứng tỏ quyền làm Con của Đấng Christ là sai trật, và Đấng Christ từ chối hành động ấy. Tất cả những gì Satan đã thành công trong sự cám dỗ đó là nó đã chứng minh rằng Chúa Jêsus thật sự là Con Đức Chúa Trời.

### **3. Đấng Christ tại Na-xa-rét (4:16-30)**

Đây là hình ảnh đầu tiên đáng ghi nhớ về tấm gương quan trọng trước hết trong chức vụ công khai của Ngài. Lẽ ra, Lu-ca nên chọn một sự kiện mà dân chúng vô cùng chống đối Ngài, và sự phản kháng tiêu cực của họ trước lời công bố của Ngài. Phải thừa nhận, Lu-ca đã hết sức cẩn thận để trình bày rằng trước khi Đấng Christ gặp phải những đáp ứng tiêu cực tại Na-xa-rét, Ngài đã được chào đón trong cả vùng Ga-li-lê (xem 4:14-15); và ngay lập tức ông làm cho sự chống đối được cân bằng với sự nhiệt thành chào đón tại thành Ca-bê-na-um (xem 4:31-43). Tuy nhiên, tại sao ông lại muốn làm cho sự kiện tại thành Na-xa-rét quá nổi bật?

Một lý do có thể là vì bài giảng của Ngài đã được lên kế hoạch. Vì thế, bài giảng ấy rất phù hợp cho phần giới thiệu về chức vụ công khai của Ngài là Đấng Christ. Để thừa nhận chính mình và chức vụ của mình, Đấng Christ đã trích lời trong Ê-sai:1-2 và 58:6, điều này khiến chúng ta nhớ lại cách Lu-ca thừa nhận Giảng và chức vụ của ông trong 3:4-6, bởi một lời trích dẫn tương tự trong sách Ê-sai. Một phần rất thiết yếu của phúc âm đó là Giảng hoặc Chúa Jêsus không đến để khởi xướng một tôn giáo mới hoặc một phong trào mà người ta chưa hề nghe đến. Nhưng cả hai đều đến để làm ứng nghiệm lời tiên tri mà Kinh Thánh đã lên kế hoạch. Đương nhiên, không một người có tinh thần trách nhiệm nào lại tiếp nhận lời công bố của Đấng Christ mà không tra xét bằng chứng của lời ấy. Tuy nhiên, dân thành Na-xa-rét vẫn quả quyết bằng chứng như thế là chưa đủ và lời công bố của Ngài là giả mạo. Trong khi ghi lại quyết định của họ, hẳn nhiên Lu-ca không dự định sẽ thừa nhận quyết định ấy là công bằng; nhưng ông đã mạnh dạn thông báo lời nói của họ cách rộng rãi. Chúng ta có thể đoán rằng, Luca phải đau đớn lắm để cho chúng ta thấy vì sao quyết định của họ là sai trật.

Tuy nhiên, trước khi chúng ta suy xét vì sao dân thành Na-xa-rét cương quyết chống lại lời công bố của Ngài, chúng ta nên xem chính xác lời công bố của Ngài là gì. Trước hết Ngài công bố Ngài là Đầy tớ được xức dầu của Chúa: “Thánh Linh của Chúa ngự trên Ta và Ngài đã xức dầu cho Ta....” (4:18). Thứ hai, Ngài mô tả chức vụ của Ngài như là chức vụ rao giảng: ‘để giảng tin lành cho người nghèo.’ Nghèo theo ý nghĩa nào? Không có lý do gì để cho rằng từ ngữ này không dùng để chỉ tình trạng nghèo về tài chánh; nhưng chắc chắn còn có nghĩa là nghèo về những lãnh vực khác nữa. Trước khi bài giảng của Đấng Christ kết thúc, Ngài phải kể lại về hai trường hợp của hai người trong quá khứ đã từng nhận được ơn Chúa: thứ nhất là một bà góa nghèo (xem 4:26), nhưng trường hợp thứ hai là một người vô cùng giàu có sang trọng, một vị tướng của quân đội A-sy-ri, sự nghèo khó của ông ta không nằm ở chỗ thiếu tiền bạc nhưng ở tình trạng bệnh phung vô phương cứu chữa (xem 4:27).

Rồi đi xa hơn trong đoạn kế tiếp, 5:27-30, một người nhận được lợi ích từ phúc âm chính là những người thu thuế giàu có. Sự nghèo nàn của họ nằm ở chỗ đạo đức và tâm linh. Thật ra, đây chính là khuôn mẫu chạy xuyên suốt sách Phúc âm: chữ ‘nghèo’ bao gồm tình trạng nghèo thiếu về mọi mặt, nhưng biểu hiện vượt trội hơn hết là tình trạng nghèo thiếu tâm linh mà tất cả mọi người đều đang phải gánh chịu.

Vậy tin lành dành cho người nghèo là gì. Có lẽ trong mệnh đề và cụm từ kế tiếp của lời trích dẫn sẽ cho chúng ta biết. Một yếu tố nữa, đó là chữ ‘phóng thích’ có một sự nhấn mạnh gấp đôi: ‘những người giam cầm được phóng thích...và người áp bức được tự do (theo nghĩa đen, là được phóng thích)’. Chữ ‘phóng thích’ trong tiếng Hi Lạp ở cả hai trường hợp là chữ ‘aphesis’. Động từ liên hệ của nó mang một ý nghĩa rất rộng: ‘thả về, tha, cho đi, trả tự do’ theo nghĩa chung hoặc ‘tha thứ’. Ý nghĩa của phân đoạn này sẽ tùy thuộc vào ý nghĩa mà tác giả dự định để sử dụng là ‘giam cầm’ hoặc ‘hành hạ’. Bây giờ chúng ta hãy lưu ý đến chữ ‘giam cầm’ (aichmalōtos) trong tiếng Hi Lạp có nghĩa gì, theo nghĩa đen là ‘tù binh’. Đó không phải là từ ngữ được sử dụng để chỉ về một người bị bỏ tù vì là tội phạm hoặc vi phạm chính trị (mà Tân Ước thường dùng chữ desmios). Vì thế, chắc

hẳn Chúa chúng ta không sử dụng từ ngữ này theo nghĩa đen trong nhà hội tại Na-xa-rét. Hôm ấy, Ngài công bố rằng lời tiên tri của Ê-sai mà họ vừa nghe đã được ứng nghiệm. Hẳn nhiên, Chúa không nói theo nghĩa đen về những tù binh. Trái lại, theo nghĩa ẩn dụ, thì có vô số những ví dụ trong các sách Phúc âm mà Đấng Christ đã buông tha người ta được tự do khỏi tội lỗi (xem 7:41-50), khỏi sự hành hại và đau đớn từ Satan (8:26-39), khỏi lòng tham mê tiền bạc (19:1-10) và còn nữa. Vì thế, có thể kết luận rằng, đây chính là ý nghĩa của chữ ‘giam cầm’ mà Ngài đã giảng.

Một yếu tố nữa của tin lành cho người nghèo là phục hồi sự sáng cho người mù. Hẳn nhiên cũng bao gồm ý nghĩa ban ánh sáng cho người mù thuộc thể, vì có nhiều trường hợp của người mù chữa lành được ghi lại trong sách Phúc âm (xem 7:21; 18:35-43). Nhưng một lần nữa, không thể nào cho rằng Ngài chỉ ban ánh sáng cho người mù thuộc thể. Kế hoạch nào của Đức Chúa Trời đã được công bố là Ngài quan tâm nhiều nhất đến hai loại người: ban sự tự do cho những người bị cầm tù và sự sáng thuộc thể cho những người mù? Tuy nhiên, nếu hiểu trong ý nghĩa thuộc linh, sự ban cho song hành này là một câu trích dẫn tóm tắt của toàn sách phúc âm như chúng ta nhìn thấy một thực tế là, cũng hai yếu tố này được bày tỏ bằng những từ ngữ khác nhau, được lập lại trong những lời tóm tắt về phúc âm của các sứ đồ sau này. Ví dụ Lu-ca ghi lại lời giải thích của Phao Lô trước mặt vua A-c-ríp-ba về chức vụ của ông: để mở mắt họ, chuyển họ từ tối tăm qua sáng láng (hoặc là để phục hồi ánh sáng cho người mù), từ quyền lực Satan trở về cùng Đức Chúa Trời; hầu cho bởi đức tin nơi Ta, họ nhận được sự tha thứ (aphesis) tội (hoặc giải phóng kẻ bị giam cầm) và hưởng phần gia tài cùng với các thánh đồ... (Công vụ 26:18). Hơn thế nữa, hiểu điều này theo ý nghĩa thuộc linh thì ngay lập tức, sự ban cho này trở nên rất phù hợp với hội chúng trong nhà hội tại Na-xa-rét- là điều phức tạp mà lát nữa đây chúng ta sẽ nhìn thấy.

Yếu tố cuối cùng trong kế hoạch của Chúa là thời điểm. Lời tiên tri của Ê-sai đã báo trước rằng Đấng chịu xúc dầu của Ngài sẽ ‘công bố năm thi ân của Đức Giê-hô-va, và ngày báo thù của Đức Chúa Trời chúng ta.’ (Ê-sai 61:2); và hẳn nhiên Lu-ca quan tâm đến việc ông

cần phải bảo đảm rằng chúng ta hiểu chính xác bao nhiêu phần trăm điều mà Ngài công bố đã được ứng nghiệm ngày hôm ấy tại Na-xa-rét. Ông vẽ bức tranh ấy thật chi tiết sống động. Đấng Christ đứng dậy để đọc; có người phụ lễ trao cho Ngài cuộn sách, Ngài mở ra tìm thấy phân đoạn trong sách Ê-sai và đọc hết cho đến chỗ nói về chức vụ song hành này; Ngài đọc phần đầu tiên đến chỗ ‘năm thi ân của Chúa’, Ngài dừng ở giữa câu, cặp mắt của mọi người trong nhà nhà hội đều chăm chú nhìn Ngài, Ngài quán sách lại, trả cho người phụ lễ, ngồi xuống, và bắt đầu nói, ‘hôm nay, lời Kinh Thánh mà các người vừa nghe đã được ứng nghiệm.’

Không cần cường điệu về tầm quan trọng của điểm chính mà Chúa đã muốn tạo sự chú ý nơi đám đông: Ngài là Đấng Mê-si-a, việc Ngài đến đã bắt đầu năm ban ơn của Chúa; nhưng Ngài chưa bắt đầu ngày báo thù: Ngài chưa hề có dự định tuôn đổ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trên những con người gian ác hoặc cộng đồng hoặc những guồng máy gian ác vào giai đoạn này trong lịch sử.

Đối với nhiều người, đặc biệt là đối với những người tin cậy nơi Ngài, đây là một cú sốc đồng thời là sự thất vọng, nhất là khi họ hiểu Ngài không đoán phạt kẻ ác có nghĩa là gì. Hãy nhớ lại Giăng Báp-tít, ông thông báo rằng Đấng Christ sẽ thực hiện hai điều: Ngài không chỉ ban Thánh Linh cho những người tin cậy Ngài; nhưng Ngài cũng thiêu đốt rơm rạ trong lửa chẳng hề tắt nữa (xem 3:16-17). Sự mong đợi ở đây là rất đúng: Một ngày kia Đấng Christ sẽ tuôn đổ cơn thịnh nộ của Ngài (xem II Têsalônica 1:7-10). Vì thế, Giăng Báp-tít đã bày tỏ sự thất vọng, vì ý tưởng nhằm lẫn rằng Đấng Christ sẽ ngay lập tức nổi giận với kẻ ác và hủy diệt những con người không chịu ăn năn.

Trong danh của Đấng Christ sẽ đến, Giăng đã tố cáo tội lỗi của Hê-rốt, nhưng Hê-rốt không ăn năn, mà còn bỏ tù Giăng. Vì thế, dường như Giăng đang mong đợi Đấng Christ đến, trừng phạt Hê-rốt và giải cứu ông; nhưng khi Đấng Christ không hề nỗ lực để thực hiện điều ấy, Giăng thật quá thất vọng (xem 7:18-23), và ông phải tái khẳng định rằng sự ứng nghiệm của kế hoạch tiên tri không bị thất bại, không bị dừng lại hoặc đi sai đường. Không phải là kẻ ác đã được phòng vệ quá vững chắc còn Đấng Christ cùng những người theo



Ngài quá yếu và quá ít đến nỗi sẽ không khôn ngoan nếu tấn công Hê-rốt và ra sức bẻ gãy thế lực của ông. Đấng Christ không hề có ý định lật đổ quyền lực chính trị của Hê-rốt để có thể mở cửa tù cho Giăng, hoặc thi hành sự đoán xét của Ngài trên Hê-rốt hoặc bất cứ kẻ gian ác nào. Nhưng Ngài đến để công bố năm thi ân của Chúa, với mục đích là sự công bố của Tin lành và sự chu cấp một lối thoát để né tránh khỏi cơn thịnh nộ sẽ đến. Khi năm ban ơn của Chúa chưa kết thúc- và lòng thương xót chịu đựng quá lâu dài của Chúa đến nỗi người ta thấy đó là một năm rất dài- thì ngày báo thù ngắn và thành linh chắc chắn sẽ đến.

Đó chính là sự công bố và chương trình của Chúa. Hội chúng phải thừa nhận về lời đầy ân huệ của Ngài đến nỗi ai cũng ngạc nhiên. Nhưng trái lại, trước mặt những người bà con, bạn hữu và hàng xóm, nói cho cùng họ chỉ xem Ngài là con trai Giô-sép (4:22). Và đâu là bằng chứng đầy đủ để bệnh vực cho lời công bố lớn lao vừa rồi của Ngài?

Đấng Christ đọc được ý tưởng của họ, cho nên Ngài nói, “Ta biết, chắc các ngươi muốn nói với Ta câu tục ngữ này: ‘Hỡi thầy thuốc, hãy tự chữa lành mình.’ Thật quá rõ thái độ của họ qua câu tục ngữ họ chưa nói ra; đó là lời bào chữa để bệnh vực cho sự vô tín của họ. Họ không tin Ngài, đó là điều họ đã thừa nhận. Sự chữa lành nằm trong chính đôi tay của Ngài. Và thật không tốt lành gì nếu quyết tìm cho ra lỗi lầm trong sự vô tín của họ. Họ đã chuẩn bị để tin Ngài nếu Ngài đưa ra những bằng chứng đáng tin cậy. Cho nên đây là điều tùy Ngài quyết định. Họ đã nghe Ngài từng làm vô số điều kỳ diệu tại Ca-bê-na-um. Nhưng như thế chưa đủ; nếu Ngài muốn họ tin vào lời công bố của Ngài, thì Ngài phải chứng tỏ bằng cách làm thêm nhiều điều kỳ diệu như thế nữa trên chính quê hương của Ngài.

Hãy lưu ý chính Chúa Jêsus nói điều này (xem 4:23) điều họ đòi hỏi trông có vẻ rất có lý. Chẳng phải Giăng đã tranh luận theo cùng một cách ấy với dân chúng rằng thật chẳng ích lợi gì nếu chỉ xưng họ là con cháu thật của Áp-ra-ham mà không chịu ăn năn sao: họ phải có những bằng chứng thực tiễn hỗ trợ lời công bố của họ là thật chứ? Vì thế, sẽ rất lạ nếu có những nhà bình luận dường như cho rằng, Đấng Christ không những từ chối đưa ra bằng chứng cho đòi

hỏi rất hợp lý, mà Ngài còn nói nhiều điều hoàn toàn không phù hợp nhưng chỉ khiến họ tức giận vượt quá mức mà họ có thể chịu nổi. Thật ra, điều Đấng Christ nói không vô lý cũng không khiếm nhã. Mà đó là một nỗ lực để khiến họ nhìn thấy, trước hết, loại bằng chứng họ đòi hỏi không phải là bằng chứng mà lúc nào cũng có thể đưa ra để minh chứng cho lời công bố của Ngài; thứ hai, bằng chứng mà Ngài có thể đưa ra để bảo đảm hoàn toàn cho lời công bố của Ngài thì đã có sẵn cho họ rồi; và thứ ba, họ có nắm lấy những bằng chứng có sẵn này hay không là tùy vào họ chứ không tùy vào Ngài. Để mượn ẩn dụ của họ: là một thầy thuốc, Ngài có thể chữa lành cho họ, nhưng tình trạng sức khỏe của họ là một chứng cứ rành rành rằng lời công bố của Ngài là thật; nhưng họ có thừa nhận rằng họ đang đau bệnh và cần sự chữa lành, và họ có cho phép Ngài chữa lành họ và chu cấp cho họ những bằng chứng theo như họ ao ước hay không thì cũng tùy nơi họ, chứ không tùy nơi Ngài.

Trước hết, Đấng Christ nhắc nhở họ về những phép lạ Ngài thực hiện tại Ca-bê-na-um mà họ đã nghe. Họ đã có được những bằng chứng rất cụ thể (*prima facie*) rằng lời công bố của Ngài không vô nghĩa, nhưng có bằng chứng xác thực. Tuy nhiên, nếu Ngài chỉ đơn giản lập lại những bằng chứng quá cụ thể ấy tại Na-xa-rét thì lòng tin của họ cũng chẳng gia thêm.

Thứ hai, Ngài chỉ ra rằng việc họ cảm thấy khó chấp nhận lời công bố của Ngài không chỉ nằm ở chỗ thiếu những bằng chứng cụ thể. Nhưng còn một yếu tố nữa kèm theo, nan đề này mang yếu tố tâm lý chủ quan quá rõ ràng và mang tính toàn cầu đến nỗi được bày tỏ qua một câu thành ngữ: không một nhà tiên tri nào được chấp nhận tại quê hương mình (xem 4:24). Nan đề này không liên quan gì đến tính thỏa đáng của bằng chứng. Nan đề này cũng chẳng liên quan gì đến tính hợp lý. Nó là điều rất vô lý hoặc ít nhất nó cũng là sự vô lý của bản năng, là thành kiến đầy cảm xúc. Thật khó để họ có thể vượt qua thành kiến đầy cảm xúc này; nhưng nan đề nằm về phía họ chứ không phải Ngài. Họ phải thừa nhận sự hiện hữu của nó, và đả tấu nó khi công bằng mà xét về những bằng chứng. Nếu họ không thừa nhận yếu tố này trong chính họ, thì lời phàn nàn rằng không đủ bằng chứng chỉ là sự giải thích duy lý về thành kiến của họ mà thôi.

Thứ ba, Đấng Christ nêu lên hai trường hợp mang tính lịch sử của Cựu Ước- nhưng tại điểm này chúng ta phải tiếp tục đi một cách rất cẩn thận, vì có nhiều nhà bình luận cảm thấy rất khó nhìn thấy tính liên quan giữa hai câu chuyện với thắc mắc mà hội chúng đòi phải có bằng chứng và Đấng Christ dự định đem ra bàn bạc. Thật ra, có một số người cho rằng hai câu chuyện này chẳng liên quan gì đến phần thảo luận kế tiếp: Chẳng qua Lu-ca đã thực hiện phần cắt-dán rất dở giữa những nguồn tư liệu của ông và đã dán hai câu chuyện này vào đây mà ban đầu nó chẳng có liên quan gì đến sự kiện tại thành Na-xa-rét. Còn những người khác thì quan sát thấy rằng, Đấng Christ nhấn mạnh trong cả hai câu chuyện rằng tiên tri của Đức Chúa Trời được sai đến để chúc phước cho dân Ngoại chứ không cho người Ysoraên, với suy nghĩ rằng Đấng Christ đang phê phán tâm trí hẹp hòi của hội chúng Do Thái. Chắc chắn lời giải thích sau là hay hơn lời giải thích trước, và nêu lên được dòng tư tưởng hợp lý của văn mạch; rằng Chúa Jêsus đang tự bênh vực mình trước sự vô tín của người Do Thái, bằng cách Ngài dùng hai câu chuyện này trong Cựu Ước như một dạng của lời tiên tri để tiên báo rằng, mặc dầu Ngài bị chính dân mình chối bỏ, nhưng một ngày kia sẽ có hàng triệu người Ngoại Bang tin cậy nơi Ngài. Nhưng lời giải thích này vẫn chưa đi vào trọng tâm của vấn đề. Hội chúng đang phàn nàn rằng bằng chứng về lời công bố của Ngài là chưa thỏa đáng. Thật quá khó để trả lời rằng, 'không sao, hàng triệu dân Ngoại sẽ tin Ta, y như trong quá khứ người Ngoại Bang đã tin vào lời tiên tri của Chúa mà Y-sơ-ra-ên thì không'. Câu hỏi ở đây là dựa vào đâu mà dân Ngoại trong quá khứ đã tin và dựa vào đâu mà hàng triệu dân Ngoại trong tương lai sẽ tin vào Ngài? Nếu người Do Thái tại Na-xa-rét thấy rằng bằng chứng không đủ cho đức tin của họ, làm thế nào mà những bằng chứng ấy có thể đầy đủ cho đức tin của dân Ngoại? Có phải dân Ngoại là những người ngu dốt nhẹ dạ? Hẳn nhiên, chúng ta phải nghiêm túc nhìn vào phần trưng dẫn của Đấng Christ về hai câu chuyện Cựu Ước và xem chi tiết hơn nữa.

Theo điều chúng ta biết, khi người đàn bà góa của thành Sa-rép-ta gặp Ê-li thì trước đó bà chưa hề quan tâm đến ông ta (xem I Vua 17:8-16); và đòi hỏi của ông đối với bà thật vô nhân đạo. Bà chỉ còn một nắm bột bằng nhúm tay, thế mà ông cứ nhất định phải làm

cho ông một cái bánh. Dĩ nhiên, ông còn nói thêm rằng, nếu trước hết bà làm cái bánh và đưa cho ông, thì sau đó sự chu cấp về các bữa ăn cho bà sẽ dư dật đầy phép lạ. Nhưng bà phải dùng một chút bột còn lại mà làm cho ông một cái bánh trước. Vậy, vì sao bà lại tin ông? Ông xưng rằng mình là nhà tiên tri, nhưng có bằng chứng gì để xác nhận lời công bố ấy là thật? Nếu bà giống như dân thành Na-xa-rét, chắc hẳn bà đã đòi buộc Ê-li trước nhất phải thực hiện một phép lạ-làm đầy bột trong vò của bà sẽ là một phép lạ hết sức thích đáng- và sau đó bà sẽ tin cậy ông và làm cho ông một cái bánh. Nhưng Ê-li đòi buộc rằng thứ tự của nó phải ngược lại. Chẳng có bằng chứng gì cả, ngoại trừ lời hứa long trọng của Ê-li trong danh Đức Chúa Trời, bà phải dùng phần bột cuối cùng còn lại trong vò để trước hết làm cho ông một cái bánh, và sau đó, theo như điều ông đã tuyên bố, phép lạ sẽ xảy ra.

Thật may mắn thay, bà đã tin cậy ông, làm cho ông cái bánh và phép lạ xảy ra: bà và con trai đã được chu cấp những bữa ăn từ lúc ấy cho đến khi hết con đói kém. Bà đã chứng minh bằng kinh nghiệm rằng lời Ê-li nói là thật. Bây giờ bà đã có được bằng chứng rành rành. Nhưng điều gì khiến bà đã tin cậy ông ngay từ đầu? Câu trả lời rất đơn giản: đó là sự vắng lời khi đứng trước cơn nghèo đói cùng cực và thiếu lương thực sẽ dẫn đến cái chết. Nếu bà từ chối tin cậy nơi ông, bà sẽ giữ một chút bột còn lại đó cho bà và con trai, họ sẽ ăn bột đó trong vài ngày và sẽ chết. Nếu bà cho Ê-li nhúm bột cuối cùng ấy và trở thành một người bị lừa gạt thì nó sẽ nghiêm trọng đến mức độ nào? Bà sẽ chết sớm hơn vài giờ đồng hồ, thế thôi. Còn nếu bà tin vào ông và đột nhiên lời ông trở thành sự thật, thì bà và con trai sẽ được cứu. Thật ra, tình trạng vô cùng nghèo thiếu của bà khiến bà rất dễ nhìn thấy sự thật của vấn đề. Nếu khi gặp Ê-li mà bà còn đầy nửa thùng bột, có lẽ bà sẽ bị cám dỗ để không dám liều mình tin nơi ông, với niềm hi vọng hão huyền rằng biết đâu, nửa thùng bột này sẽ nuôi bà được đến hết cơn đói kém.

Thật không khó để hội chúng tại Na-xa-rét nhận ra tính liên đới của câu chuyện này. Họ muốn có bằng chứng rằng lời công bố của Ngài là thật. Còn Đấng Christ thì nói rằng bằng chứng đầy thuyết phục đã sẵn có và vừa mới xảy ra. Vậy, nói cho cùng lời công bố của

Ngài là gì? Đó là Ngài đã đến, là Đầy tớ được xúc dầu của Đức Chúa Trời để ban sự cứu rỗi, sự tha thứ, giải phóng khỏi tội lỗi và ách nô lệ tâm linh cho những người đang bị giam cầm về tâm linh, nghèo khó, và vô phương cứu chữa. Nếu họ nghèo khó và vô phương cứu chữa, thì họ sẽ chỉ kêu cầu Ngài và Ngài sẽ minh chứng cho họ trong chính kinh nghiệm riêng tư chủ quan của họ rằng lời công bố của Ngài là thật. Họ hãy áp dụng câu chuyện này vào trường hợp của Ngài. Nếu một cuộc họ bị lừa dối, thì họ chẳng mất mát gì.

Nhưng dĩ nhiên, nan đề là ở chỗ họ không nghèo, ít nhất là theo sự đánh giá của họ. Họ là những con người được tôn trọng, hiểu biết về thuộc linh, những bậc cha mẹ tốt, những công dân trung thành, những người mua bán chân thật, những người thường xuyên đến nhà hội. Lời công bố của Ngài là Đấng Mê-si-a đến để sửa lại thể giới này là lập dị quá đủ của một chàng thanh niên mà họ đã biết từ thời anh ta còn nằm nôi; nhưng họ đã được chuẩn bị để suy xét về những bằng chứng mang tính khách quan đây phép lạ hơn nữa nếu Ngài có thể lập lại những gì Ngài đã thực hiện tại thành Ca-bê-na-um.

Nhưng cá nhân họ không có nhu cầu khẩn cấp nào. Cho nên nếu bảo họ giống hoặc phù hợp với người đàn bà góa Ngoại Bang trong câu chuyện này ở bất cứ mức độ nào thì sẽ là sự sỉ nhục đối với họ. Có phải Ngài nghĩ rằng những người này, nào cô dì, cậu, chú, anh em, chị em, bà con, bạn hữu và hàng xóm của Ngài sẽ thừa nhận với Ngài rằng họ rất nghèo nàn về đạo đức và tâm linh, thiếu thốn và tuyệt vọng và nài xin Ngài là niềm hi vọng duy nhất của họ sao? Hẳn sẽ là điều vô cùng xấu hổ và kinh khủng đối với họ.

Nhưng vì sao câu chuyện của Na-a-man lại rất thích hợp? Vì khi Na-a-man nghe Ê-li-sê nói về những điều ông phải làm để được khỏi bệnh phong, ông cảm thấy quá xấu hổ đến nỗi ban đầu ông bỏ đi trong cơn tức giận (xem II Vua 5:9-14). Điều gì đã khiến ông nghĩ lại và chịu thuận phục? Điều đơn giản nhưng là yếu tố rất khó chấp nhận, vì ông đang mắc bệnh phong. Đầy tớ của ông đã chỉ ra rằng nếu trăm mình xuống sông Giô- Đanh mà ông xem là sự xấu hổ, thì thà chịu xấu hổ mà được chữa lành còn hơn là để cho bệnh ung thư lan tràn và cuối cùng phải khốn khổ vì sự xấu hổ do chính căn bệnh ấy gây ra.

Nhưng hội chúng tại Na-xa-rét đã nghe quá đủ. Họ bị nói là những người mù lòa thuộc linh, vô phương cứu chữa và nghèo xơ xác là quá đủ rồi. Bây giờ Ngài còn nói họ là những người kém khôn ngoan hơn tên Ngoại Bang bị phung là điều không thể chịu nổi. Vì vậy, họ ra sức giết Ngài.

Bây giờ, chúng ta có thể thấy có lẽ vì sao Lu-ca lại tường trình về câu chuyện tại Na-xa-rét theo cách nổi bật đến như vậy. Ban đầu, vì đây là lời công bố quan trọng của Đấng Christ. Nhưng Lu-ca cũng nhận biết rằng chỉ nêu lên lời công bố của Ngài không thì chưa đủ: mà phải có những bằng chứng hỗ trợ cho lời công bố ấy. Rõ ràng là thật đáng buồn khi phải tường trình rằng chính những người bà con của Đấng Christ và dân chúng tại quê hương Ngài bác bỏ lời Ngài. Nhưng cũng thật quan trọng vì ông đã có thể cho Thê-ô-phi- lơ và chúng ta biết dựa vào đâu mà họ chối bỏ Ngài. Có lẽ dân thành Na-xa-rét cứ tiếp tục tranh luận rằng họ không tin Ngài là bởi vì những bằng chứng không thỏa đáng; bây giờ chúng ta có thể thấy rằng bằng chứng không thỏa đáng chỉ là vấn đề nhỏ, nhưng mọi sự có liên quan đến việc từ khước đều vì họ không muốn đối diện với tình trạng tâm linh của chính họ; nói theo một từ ngữ khác thì sự từ khước của họ là vì họ không muốn ăn năn. Họ không thể nhìn con trai của Giô-sép là Đấng Mê-si-a. Nhưng khi Ê-sai đã nói, và Giảng Báp-tít lập lại lời ấy, rằng nếu người ta nhìn thấy sự vinh hiển của Chúa khi Ngài đến, và sự vinh hiển của sự cứu rỗi Ngài, thì họ sẽ dựng cho Ngài một con đường.

#### **4. Đấng Christ tại Ca-bê-na-um (4:31-43)**

Đối với hoạt động sau cùng trong phần 'Giới Thiệu Con Đức Chúa Trời', hầu như Lu-ca đã chọn tư liệu giống như Mác đã đưa vào trong đoạn đầu tiên, Mác 1:21-39. Dĩ nhiên, sự kiện ông có chung nguồn tư liệu với sách Mác không có nghĩa là ông không có quyền nói những điều ông muốn nói trong hoạt động này như mức độ mà ông đã nói về hoạt động 3, là hoạt động rất đặc biệt đối với ông. Khi Lu-ca dùng nguồn tài liệu từ chỗ này hoặc chỗ kia, là do chính quyết định của ông muốn biến tư liệu ấy thành của riêng ông. Nếu ông nói những lời giống Mác là vì ông muốn nói như vậy. Khi ông muốn nhấn mạnh đến một số điểm đặc biệt nào đó hơn Mác, thì chắc chắn ông được tự

do để làm điều đó như chúng ta đã thấy (trang 70). Trách nhiệm của chúng ta bây giờ là nếu có thể, hãy xem thử vì sao Lu-ca đã dùng tài liệu này để hoàn tất phần tường trình mang tính giới thiệu về Chúa Jêsus là ai và Ngài đến để làm gì.

Vậy, hoạt động 4 cho chúng ta biết rằng khi Chúa Jêsus bước vào thành Ca-bê-na-um Ngài đã dạy dỗ trong nhà hội (4:31) như Ngài đã làm tại Na-xa-rét. Nhưng trong lần này, chúng ta không biết nội dung bài giảng của Ngài là gì. Thay vào đó, Lu-ca tập trung vào uy quyền của Lời Giảng Ngài và kết quả của lời giảng ấy; và giữa những kết quả khác nhau trong chức vụ của Ngài, Lu-ca một lần nữa tập trung vào một điều nhiều hơn những điều khác: đó là quyền năng của Ngài trên ma quỷ. Trong nhà hội, Ngài đã đuổi con quỷ ô uế ra khỏi một người đàn ông, và điều này đã hình thành trong sách Lu-ca chủ đề ông quan tâm hàng đầu (xem 4:33-36). Rời nhà hội, Ngài đến nhà của Phi-e-rơ và tại đây Ngài chữa bệnh cho bà gia Phi-e-rơ (xem 4:38-39), và buổi chiều tối hôm ấy Ngài chữa lành cho nhiều người với đủ các chứng bệnh khác nhau (không rõ bệnh gì) (xem 4:40). Nhưng đã vậy mà Lu-ca còn nhắc lại một lần nữa về quyền năng của Chúa trên các quỷ và dành ra nguyên một câu để mô tả về uy quyền ấy (xem 4:41). Đối với Lu-ca, rõ ràng là sự chống đối của ma quỷ và sự đắc thắng của chức vụ Chúa Jêsus trên chúng không phải là chuyện tình cờ trong chức vụ của Ngài. Nhưng đây là vấn đề trọng tâm của chức vụ Ngài. Những sự nhấn mạnh của hoạt động 4 tự nó đủ để chúng ta hiểu điều ấy; nhưng khi chúng ta nhắc lại những gì chúng ta vừa được nghe tường trình trong hoạt động 2, về việc Satan tấn công Đấng Christ trong sự cám dỗ thì chúng ta không còn nghi ngờ gì về vấn đề này. Thật ra, chúng ta phải nhận biết điều này khi suy nghĩ về của quyền năng Chúa trên Satan, chúng ta sẽ thấy chủ đề chính chi phối cả hoạt động 2 này: bản chất và mục đích của chức vụ của Đấng Christ, uy quyền của Lời Ngài, lời tự giới thiệu về Chúa Giê-xu cùng với bằng chứng của lời công bố của Ngài.

Bây giờ, trước hết hãy nói về bản chất và mục đích của chức vụ của Chúa Giê-xu. Trong sự cám dỗ tại đồng vắng, Sa-tan đã cám dỗ để Con của Đức Chúa Trời phải thất bại; bây giờ trong hoạt động 4, chúng ta thấy Con Đức Chúa Trời quay lại tấn công chúng.

Lu-ca tường trình làm thế nào một người đàn ông bị quỷ ám trong nhà hội tại Ca-bê-na-um đã la lớn tiếng 'Sao, chúng tôi với Ngài có can hệ gì mà Ngài đến để tiêu diệt chúng tôi? Tôi biết Ngài là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời!' (4:34). Đây là một câu hỏi tu từ; nhưng nếu phải trả lời câu hỏi này, thì chúng ta sẽ trả lời rất hay nếu mượn lời của ông Giăng: 'Vì mục đích này mà Con Đức Chúa Trời đã hiện ra, là để hủy phá công việc của ma quỷ.' (IGiăng 3:8). Chính tại mức độ này mà trận chiến thuộc linh để con người nhận sự cứu rỗi phải được chiến trận cao nhất.

Chắc chắn là không đúng đắn khi cho rằng bất cứ con người nào cũng bị ám bởi một loại linh nào đó, đây còn là cách nói nguy hiểm và đại dột nữa. Theo Kinh Thánh Tân Ước, bị quỷ ám là một hình thức bị linh thống trị nghiêm trọng nhất. Nói cách khác, các trước giả của Tân ước, rất nghiêm túc khi khẳng định rằng mỗi một người chưa được tái sinh thì quả thật đang ở dưới quyền lực của Sa-tan (ví dụ, xem Công vụ 26:18, IICô 4:3-4; Ê-phê-sô 2:2; Cô-lô-se 1:13; I Phierơ 2:9), những người ấy cần mở mắt để Chúa đem mình ra khỏi sự tối tăm thuộc linh và ách nô lệ để bước vào sự tự do sáng láng của Đức Chúa Trời. Dĩ nhiên, đây là điều mà Đấng Christ khẳng định tại Na-za-rét khi Ngài nói rằng Ngài đến để đem những kẻ phu tù được tự do và phục hồi ánh sáng cho kẻ mù lòa. Hội chúng lúc bấy giờ, không những không thể nhận biết Ngài là Đấng Mê-si-a, mà thật sự còn tức giận và trong cơn điên cuồng còn muốn giết Ngài nữa. Đó là tất cả những bằng chứng quá rõ ràng rằng họ đang bị nô lệ cho ma quỷ, mù lòa về tình trạng của chính mình và không biết nhờ đâu mình nhận sự cứu rỗi. Nếu có bất cứ lúc nào những người này cần được phóng thích, đó chính là lúc Đấng Christ phải phá vỡ quyền lực của Sa-tan trên họ.

Trong trận chiến thuộc linh lớn lao này có hai yếu tố vô cùng quan trọng: uy quyền của Lời Chúa, cả lời thành văn lẫn lời được công bố, và thân vị của Đấng Christ. Ba hoạt động đầu không ngừng nhấn mạnh đến uy quyền của Lời Chúa, việc cần thiết phải vâng lời Chúa, và chiến lược quan trọng của việc công bố lời ấy (3:2,3-4:4,8,12,15,16-21). Bây giờ, hoạt động 4 tóm tắt câu chuyện này. Câu chuyện cho chúng ta thấy Đấng Christ đã chống cự lại với quyền lực



của sự tối tăm như thế nào. Ngài đã tiến hành ra sao? Ngài đã dùng vũ khí gì, phương pháp gì? Theo Lu-ca, đó là đang khi 'Ngài dạy dỗ... trong ngày Sa-bát, mọi người đều kinh ngạc về sự giảng dạy của Ngài vì lời Ngài đầy uy quyền (4:32). Một người bị quỷ ám có mặt trong nhà hội la lớn thừa nhận uy quyền siêu nhiên của Ngài. Lu-ca cũng không bằng lòng khi ông chỉ ghi lại sự kiện Đấng Christ đuổi quỷ: Nhưng Lu-ca còn phải ghi lại ảnh hưởng ấy trên dân chúng: Mọi người đều sợ hãi, nói với nhau: 'Đạo gì vậy? Ông ấy lấy uy quyền và năng lực mà truyền lệnh cho các quỷ và chúng phải ra khỏi.' (4:36).

Điểm nhấn mạnh ở đây là không ai có thể phớt lờ được. Khi bị cám dỗ, Đấng Christ đã chống đối uy quyền giả mạo mà ma quỷ ban cho Ngài nên trước mọi cám dỗ Ngài đã trích lời thành văn đầy uy quyền của Đức Chúa Trời. Bây giờ, sự đắc thắng được bày tỏ khi Ngài công bố chính lời đầy uy quyền của Đức Chúa Trời qua lời phán của Ngài. Ngài cũng không chỉ chống lại ma quỷ. Vì khi Lu-ca ghi lại cách Ngài giải cứu bà gia Phi-e-rơ khỏi cơn sốt, ông chỉ đơn giản lập lại cụm từ mà Đấng Christ đã sử dụng với ma quỷ: 'Ngài quở cơn sốt' (4:39; 4:35 và 4:41).

Sứ điệp của hoạt động 4 rất rõ ràng. Dĩ nhiên chúng ta biết rằng để nhân loại được cứu và được chuộc, sau này Đấng Christ lại phải chiến đấu trong một trận chiến loại khác nữa tại Đồi Gô-gô-tha. Nhưng điều đó không làm giảm nhẹ tầm quan trọng của điểm chính mà hoạt động 4 muốn nhấn mạnh: trong trận chiến để con người được giải cứu khỏi quyền lực của Sa-tan, phương thức đầu tiên và quan trọng bậc nhất là công bố uy quyền tối thượng của Lời Đức Chúa Trời. Vì thế, xao lãng trong việc rao giảng Lời Chúa, hoặc làm cho người khác nghi ngờ uy quyền và tính đáng tin cậy của Lời Chúa bằng bất cứ cách nào tức là đang đùa giỡn trực tiếp trước mặt Sa-tan và "giúp" người khác cứ ở dưới ách nô lệ của Sa-tan. Cần nhận biết rằng Lời uy nghiêm của Chúa cần được rao giảng cho càng nhiều người càng tốt, như Lu-ca trình bày (xem 4:42-44), điều đó khiến Ngài phải rời Ca-bê-na-um, để đi đến một vùng khác rao giảng, đầu tại Ca-bê-na-um Ngài rất được yêu mến.

Yếu tố tối thượng quan trọng thứ hai trong trận chiến chống lại với quyền lực gian ác chính là thân vị của Chúa Jêsus. Chúng ta

được thuật lại, hơn hai lần (xem 4:34 và 41) rằng khi Sa-tan ra khỏi một người thì nó la lớn tiếng thừa nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời. Trong mỗi trường hợp Chúa đều bảo chúng hãy im đi. Mới nghe, có lẽ chúng ta sẽ ngạc nhiên. Xuyên suốt giai đoạn này, câu hỏi về tính cần thiết của việc nêu lên bằng chứng, chứng minh Chúa Jêsus là ai là rất quan trọng. Vì thế, có thể chúng ta mong đợi Chúa Jêsus kêu gọi mọi người hãy quan tâm đến lời chứng về các thể lực ma quỷ đã bị đánh bại. Nhưng dĩ nhiên là Ngài không kêu gọi như vậy. Trong tiến trình của một trận chiến lớn, Sa-tan và những quỷ dữ của nó, vì những lý do về chiến thuật, thỉnh thoảng cũng nói ra lẽ thật- trong cảm dỗ lần thứ ba, thậm chí Sa-tan còn trích dẫn Lời Chúa- hoặc thậm chí chúng có thể nói nghịch lại khuynh hướng của chúng bằng cách đưa ra chân lý: nhưng chúng không bao giờ tuyên bố là trung thành với chân lý hoặc có ý định dẫn dắt con người đến chỗ tin vào chân lý.

Xét cho cùng thì chân lý chính là một Thân Vị; trong trận chiến lớn của các thời đại, thân vị của Ngài là quan trọng nhất. Đó là thái độ của những người tin cậy nơi Ngài, theo một ý nghĩa cao nhất, là những người công bố trung thành với Ngài. Dĩ nhiên, những người phủ nhận Chúa Jêsus là Đấng Christ, là Con Đức Chúa Trời tức là đang ở phía đối địch chống lại Ngài.

## **Đường Lối Của Chúa Đối Với Tội Lỗi Và Tội Nhân**

### **Khảo Sát Tổng Quát**

#### **Các Hoạt Động**

1. Đấng Christ và Giới Lãnh Đạo (5:1-26)
2. Nguyên tắc của Đấng Christ về sự kỷ luật thuộc linh (5:27-39)
3. Đấng Christ và Giới Lãnh Đạo (6:1-19)
4. Nguyên tắc của Đấng Christ về Đạo Đức (6:20-49)

---

## *Giai Đoạn 3*

---

# **Đường Lối Của Chúa Đối Với Tội Lỗi Và Tội Nhân**

### **Khảo Sát Tổng Quát**

Trong những đoạn tiếp theo, có một chủ đề nổi bật hơn các chủ đề khác: Lời dạy của Chúa về đạo đức. Ví dụ, đoạn 6 chứa đựng bản đối chiếu của Lu-ca (6:20-49) với bài giảng trên núi của Ma-thi-ơ. Chúng ta không nên quyết định cho câu hỏi, liệu bài giảng mà Lu-ca ghi lại có cùng thời điểm với bài giảng trên núi của Ma-thi-ơ không; hoặc có phải Đấng Christ cũng giống như những diễn giả khác đã giảng một bài giảng tương tự, nhưng không y hệt vào những trường hợp khác nhau không. Hoặc ngay giây phút này, chúng ta cũng không cần ngồi lại để suy xét sự khác biệt trong cách sắp xếp: Bài Giảng Trên Núi trong sách Ma-thi-ơ chứa đầy cả 3 đoạn (từ 5-7), trong khi đó bản đối chiếu của Lu-ca chỉ có ba mươi câu (6:29-49). Nói chung, điểm giống nhau giữa tài liệu của Lu-ca trong phần này với bài Giảng trên núi đủ để nhắc nhở chúng ta rằng hai đoạn kế tiếp sẽ dành phần lớn là lời dạy dỗ của Đấng Christ về vấn đề đạo đức.

Rõ ràng, xuyên suốt cả hai đoạn này, có một sự lặp lại đồng đều về ba từ tội lỗi, tội nhân và tình trạng tội lỗi. Câu chuyện đầu tiên trong đoạn 5 là rất đặc biệt đối với Lu-ca, chúng ta có thể cho rằng ông đã chọn nó để đứng ở vị trí hàng đầu bởi vì ông đã xét thấy sứ điệp của câu chuyện này đặc biệt phù hợp với phần khởi đầu của một phần mới của sách Phúc âm: Đây là cao trào của câu chuyện, được bày tỏ bằng chính ngôn ngữ của Lu-ca: “Thấy vậy, Si-môn Phi-e-rơ quì xuống ngang đầu gối Đức Chúa Jê-sus và thưa, “Lạy Chúa, xin làm ơn cứu con, vì con là người có tội.” (5:8)

Trong câu chuyện số 3 (xem 5:17-26), người ta đem một người bại đần đến cho Chúa Jê-sus để Ngài chữa lành, ông ta được ban cho một điều trước khi nhận sự chữa lành khiến ông ngạc nhiên, “Hỡi con, tội

lỗi người đã được tha' (5:20).

Và khi những thầy thông giáo chống đối, "Ngoài Đức Chúa Trời, ai có quyền tha tội." Chúa Jêsus trả lời, 'Giữa hai cách nói: 'Tội lỗi con đã được tha,' hoặc: 'Hãy đứng dậy bước đi,' cách nào dễ hơn? Nhưng để các người biết rằng Con Người ở thế gian có thẩm quyền tha tội..." (5:22-24)

Một lần nữa, trong 5:30-32, chúng ta thấy ảnh hưởng sau đây: 'Những người Pha-ri-si ...phản nản... rằng: "Sao các ông lại ăn uống với phường thu thuế và bọn người tội lỗi?" Đức Chúa Jêsus đáp: "Ta không đến để gọi người công chính, nhưng gọi kẻ có tội ăn năn."

Một lần nữa, trong 6:32-34, chúng ta thấy Đấng Christ nhắc nhở các môn đồ rằng, Nếu các con yêu mến những ai yêu mến mình, thì có ơn nghĩa gì đâu? Ngay cả kẻ tội lỗi cũng yêu mến những ai yêu mến họ. Nếu các con làm ơn cho người làm ơn cho mình, thì có ơn nghĩa gì? Ngay cả kẻ tội lỗi cũng làm như vậy. Nếu các con cho ai mượn mà mong họ trả lại, thì có ơn nghĩa gì? Ngay cả kẻ tội lỗi cũng cho kẻ tội lỗi mượn...'

Nếu chúng ta thấy những chữ 'tội lỗi' và 'kẻ tội lỗi' đầy dẫy trong những đoạn này, thì chúng ta sẽ còn thấy những chữ khác nữa nhưng vẫn có cùng một ý nghĩa. Trong 6:2, Những người Pha-ri-si buộc tội các môn đồ của Chúa Giê-xu vì đã "làm điều không được phép làm trong ngày Sa-bát." Đấng Christ đối diện với những lời cáo buộc của họ bằng cách chỉ ra rằng một lần kia Đa-vít cùng những người đi theo đã ăn 'bánh ấy chỉ thầy tế lễ mới được phép ăn.' (6:4)

Tương tự như vậy, cả câu chuyện nan giải về người đàn ông bị teo tay (6:6-11) là "Trong ngày sa-bát, được phép làm việc lành hay việc dữ? (6:9)

Hơn nữa, còn có những chỗ khác trong đoạn này, không thật sự dùng chữ sai trật, vi phạm luật pháp, hoặc tội lỗi, thì những người Pha-ri-si cũng hàm ý qua câu hỏi của họ rằng những gì Chúa Jêsus đang làm là sai trật. Trong 5:30 câu hỏi của họ là "Sao các ông lại ăn uống với phường thu thuế và bọn người tội lỗi?" hàm ý rằng ăn uống với họ như vậy là sai. Trong 5:33 họ nói, 'môn đồ của Giăng... thường kiêng ăn cầu nguyện, nhưng môn đồ của Thầy lại ăn và uống!' hàm ý

rằng Chúa Jêsus đã sai trật khi không bảo các môn đồ của Ngài kiêng ăn.

Vậy, rõ ràng những đoạn này là lời dạy dỗ của Chúa Jêsus về điều đúng hoặc sai, về những gì đúng luật pháp và vi phạm luật pháp, về những điều tốt và điều xấu, về tội lỗi và tội nhân và cách đối xử với họ, về sự công chính và sự tha thứ; về sự ô uế và sự thanh tẩy, nói cách khác là về đời sống đạo đức.

Nếu có thể được thì công việc đầu tiên của chúng ta là hãy khám phá, chủ đề này kéo dài bao xa trong những đoạn kế tiếp trước khi Lu-ca để cho một chủ đề khác chi phối lời tường thuật của ông. Công việc của chúng ta rất dễ dàng: vào phần cuối của bài giảng dài về đạo đức, theo phong cách rất điển hình của mình, Lu-ca đã đặt một câu là đem giai đoạn 3 đến chỗ kết thúc và phân cách nó với giai đoạn 4, 'Sau khi rao giảng mọi lời ấy cho dân chúng nghe rồi, Đức Chúa Jêsus vào thành Ca-bê-na-um.' (7:1).

Kể đến, chúng ta nên xem xét cách chọn lọc và sắp xếp tài liệu theo thứ tự của Lu-ca. Hầu hết những tài liệu mà Lu-ca đã đưa vào trong giai đoạn này đều giống nhau giữa ông với Ma-thi-ơ và Mác; nhưng có những sự kiện đặc biệt nổi trội đối với Lu-ca. Như chúng ta đã để ý, câu chuyện đầu tiên trong giai đoạn này đã rất đặc biệt đối với Lu-ca (xem 5:1-11). Mác không ghi lại bài giảng trên núi dài như Ma-thi-ơ; Luca thì dài tương tự nhưng ông sắp xếp khác với Ma-thi-ơ: Ma-thi-ơ sắp xếp bài giảng trên núi trước sự tẩy sạch người phong (8:1-4), sự chữa lành người bại (9:2-8), sự kêu gọi Lê-vi, và những lời phê bình của Môn đồ của Giảng (9:14-17), việc chọn các sứ đồ (10:1-4) câu chuyện trên cánh đồng lúa mì (12:1-8), và người đàn ông bị teo tay (12:9-14), Lu-ca cũng sắp đặt tương tự như vậy nhưng bài giảng của Chúa Jêsus nằm sau tất cả những sự kiện này, và giữa các sự kiện này, có một số câu chuyện ông sắp xếp vị trí khác với Ma-thi-ơ. Cách chọn lọc và sắp xếp của Lu-ca về căn bản là giống Mác, nhưng việc ông bao gồm sự đánh cá diệu kỳ (5:1-11) và sự tương đồng về độ dài của bài Giảng Trên Núi cho thấy rõ ràng dòng tư tưởng của ông khác với Mác. Vì thế, chúng ta hãy xem sự sắp xếp tư liệu của Lu-ca đem lại ích lợi gì cho chúng ta trong việc lĩnh hội được cách nhìn sự kiện rất độc đáo của ông.

Ông bắt đầu vào đoạn 5 với ba câu chuyện và mỗi câu chuyện được giới thiệu bởi một câu 'khi đã xong',<sup>1</sup> mỗi câu chuyện đều tường thuật về phép lạ. Trong câu chuyện đầu tiên, Phi-e-rơ đã tỉnh ngộ và xưng nhận tội lỗi của ông, và ông trở nên 'tay đánh lười người.' Trong câu chuyện thứ hai, một người đàn ông được tẩy sạch khỏi bệnh phong hủi và làm chứng lại với các thầy tế lễ. Trong câu chuyện thứ ba (xem 17-26) một người đàn ông được tha thứ tội, được chữa lành khỏi bệnh bại và biến thành bài học cụ thể cho những thầy dạy luật. Dầu đọc lướt qua, chúng ta vẫn thấy những nét đặc trưng giống nhau, vì thế chúng ta hãy đặt tựa cho ba câu chuyện này là hoạt động 1.

'Sau đó, Đức Chúa Jêsus đi ra ngoài', Lu-ca tường thuật trong (5:27) và theo sau đó là cuộc thảo luận, bị khiêu khích bởi việc ông Lê-vi được thay đổi, về vấn đề kỷ luật thuộc linh mà Đấng Christ đã đòi buộc trên những 'tội nhân trở lại đạo' và trên chính Ngài khi tiếp xúc với họ (xem 5:27-35). Đấng Christ kết thúc cuộc thảo luận bằng một ẩn dụ có ba mặt: áo mới và áo cũ, bầu da mới và bầu da cũ, rượu mới và rượu cũ (xem 5:36-39). Chúng ta hãy gọi cuộc thảo luận này là hoạt động 2.

Đoạn 6 bắt đầu với ba câu chuyện, mỗi câu chuyện được giới thiệu với cụm từ 'khi các việc ấy đã xong rồi'. Trong câu chuyện thứ nhất (6:1-5), người Pha-ri-si chỉ trích Ngài và các môn đồ của Ngài vì đã ngắt và vò bông lúa mì rồi ăn trong ngày Sa-bát. Đấng Christ không chấp nhận lời chỉ trích ấy. Trong câu chuyện số 2 (6:6-11), các thầy thông giáo và người Pha-ri-si bị xúc phạm khi Đấng Christ chữa lành cho người đàn ông bị teo tay ngay trong nhà hội vào ngày Sa-bát. Vì thế họ vô cùng tức giận và lập mưu báo thù. Trong câu chuyện thứ ba (xem 6:12-19), Đấng Christ cẩn thận chọn lựa mười hai môn đồ đặc biệt, Ngài gọi họ là sứ đồ, công khai để họ cùng đồng hành với Ngài, tiếp tục công việc chữa lành trước những đoàn dân đông từ khắp đất nước. Dòng tư tưởng về sự nhận biết tường tận chạy xuyên suốt trong ba câu chuyện này. Vì thế, chúng ta hãy gọi đây là sinh hoạt 3.

---

<sup>1</sup> Cụm từ này bị thiếu vì có một thành ngữ trong tiếng Anh trong nhiều bản hiện đại. Trong các bản của sách Phúc Âm Lu-ca thì điều này là bình thường, nhưng nó không phải lúc nào cũng vậy khi được sử dụng để giới thiệu từng trường hợp.

‘Đức Chúa Jêsus ngưng mắt nhìn môn đồ’ Lu-ca ghi lại trong 6:20, và tiếp theo là một bài giảng dài của Chúa Jêsus về đạo đức (xem 6:20-38). Đấng Christ kết thúc bài giảng với một ẩn dụ gồm 3 mặt: tùy vào cái nhìn của một người (xem 6:39-42) cây ăn trái và trái (xem 6:43-45)<sup>1</sup>, và việc xây dựng (xem 6:46-49). Chúng ta hãy gọi lời dạy dỗ của Đấng Christ về đạo đức là sinh hoạt 4.

Nếu chỉ phê bình dựa vào quan điểm cách thức bề ngoài mà thôi thì tư liệu trong giai đoạn này chắc chắn đã được sắp xếp rất khéo léo và theo đúng nguyên tắc về thứ tự. Nhưng để giải kinh, thì chúng ta phải chăm chú vào cách sắp xếp của Lu-ca, biết đâu có những trường hợp Lu-ca sử dụng chúng để giúp chúng ta thấy được ý nghĩa của sự kiện mà ông ghi lại. Tại đây, chỉ cần nhìn lướt qua bảng sẽ giúp chúng ta thấy được nội dung của cả một giai đoạn.

### Các hoạt động

Điểm quan trọng chủ yếu trong bài giảng về đạo đức của Đấng Christ, chính Ngài là tiêu chuẩn và nền tảng của điều đúng, sai của chúng ta. Đây là điều không thể bất bỏ được.

Vào đầu của giai đoạn này (xem 5:5), Chúa phán tỏ tường với Phi-e-rơ là người quen thuộc với công việc đánh cá mỗi ngày rằng ông phải vâng lời Ngài nếu muốn thành công, mà không cần tham khảo ý kiến nào khác. Vào cuối giai đoạn này (xem 6:46-49), thật giả hình khi cứ gọi Ngài là Chúa, Chúa mà lại không làm theo điều Ngài dạy, chắc chắn điều đó sẽ dẫn đến bất hạnh.

Trong 5:21-25, bởi vì Chúa Giê-xu là Con Người nhưng Ngài có uy quyền mà chỉ một mình Đức Chúa Trời có (xem 5:21), để tha thứ tội lỗi theo ý nghĩa tuyệt đối nhất. Trong đoạn 6:5, vì Ngài là con người nên khi các môn đồ làm việc cho Ngài trong ngày Sa-bát là rất đúng luật. Trong 6:22, vì Ngài là Con Người nên vì có Ngài mà chịu bắt bớ thì đó là phước hạnh lớn lao.

---

<sup>1</sup> Việc đề cập đến của cải trong 6:45 không giới thiệu về một ẩn dụ khác dựa vào việc chất chứa của cải. Nó chỉ là một cụm từ mang tính ẩn dụ được sử dụng một cách tình cờ để giúp ứng dụng câu chuyện ẩn dụ về cây ăn trái: cây tốt sanh trái tốt; một người tốt xuất phát từ kho báu tốt lành là tấm lòng của mình sẽ sanh ra trái tốt.



Nét đặc trưng chủ yếu trong lời dạy về đạo đức của Ngài khiến chúng ta hết sức kinh ngạc, khi chúng ta nhớ lại rằng không phải Ngài đang dạy dỗ cho những con người rất lạc hậu về đạo đức và tôn giáo: nhưng Ngài đang sống và dạy dỗ cho một dân tộc mà đạo đức và tôn giáo của họ được xem là tiến bộ vượt trội hơn bất cứ dân tộc nào trên thế giới. Tuy nhiên, sự tiến bộ của thế giới cổ không thể sánh kịp với lời dạy dỗ của Cựu Ước, không phải chỉ vì Kinh Thánh trình bày về Đấng độc thần cao cả và đạo đức, nhưng cũng vì tính khẳng định của Kinh Thánh rằng tôn giáo và đạo đức phải là hai mặt không thể tách rời của một đồng tiền. Khi Chúa đến, những thầy tế lễ quá sức tì mĩ của Do Thái Giáo, là những người cẩn thận giải kinh và những nhà thần học rất giỏi đã nêu lên vô vàn ý tưởng được diễn giải từ Kinh Thánh thế nào là sai hoặc đúng cho những tình huống khác nhau, và ngày nay họ vẫn tiếp tục làm điều ấy. Do Thái Giáo không hề thiếu những chuyên gia. Hầu hết họ đều chấp nhận Kinh Thánh Cựu Ước là lời Đức Chúa Trời, vì thế Cựu ước là uy quyền căn bản cho tất cả những vấn đề về đạo đức và tôn giáo. Nhiều người trong số họ theo quan điểm rằng truyền thống của những trưởng lão phải được ràng buộc vào đời sống con người y như Lời Chúa vậy. Những người khác thì không đồng ý và đương nhiên dẫn đến nhiều tranh cãi giữa những trường phái tư tưởng khác nhau. Nhưng khi họ quan sát Chúa Jêsus hành động và nghe Ngài giảng, hầu hết các chuyên gia này đều nói rằng Ngài phạm thượng (xem 5:21), lộng lẽ và cầu thả (5:30,33) và “vô luật cách tích cực” (xem 6:2); họ tìm cách để buộc tội Ngài (xem 6:7), họ nhất định bàn xem cách nào để ngăn chặn Ngài (xem 6:11), tẩy chay các môn đồ của Ngài như những người gian ác (xem 6:22). Dĩ nhiên, Đấng Christ tự bênh vực mình và bênh vực các môn đồ và có những trường hợp Ngài tấn công và phê phán những chuyên gia vì những gì mà Ngài đang bảo dưỡng thì họ ra sức bóp méo cả về tôn giáo và đạo đức. Không ngạc nhiên gì khi giai đoạn này đầy đầy những sự tranh cãi (xem 5:21-24, 30-32, 33-35; 6:2-5, 7-11, 22-23); và Lu-ca không sợ khi tường thuật cho chúng ta nghe về sự thật ấy. Thà có một ý thức mạnh mẽ về đạo đức, thậm chí dẫn đến vô số tranh cãi, còn hơn là bình an vì thờ ơ.

Kể đến, Lu-ca cho chúng ta thấy sự tương phản giữa Đấng Christ và Do Thái Giáo và những chuyên gia của Do Thái Giáo ở hai

### Giai Đoạn 3

#### Con Đường Mới 5:1-39

#### 1. Đấng Christ và Giới Lành Đạo (5:1-26)

**1. Trên chiếc thuyền đánh cá** 5:1-11: Đấng Christ là Chủ của công việc hằng ngày. Phi-e-rô là chuyên gia đánh cá, được thuyết phục mình là người tội lỗi, nhưng đã được biến đổi thành tay đánh lưới người.

**2. Người phung bị ô uế** 5:12-16: Đấng Christ đưa tay ra và rờ ông ta! Ngài bảo người phung được sạch hãy đi trình diện các thầy tế lễ như một lời chứng.

**3. Sự chữa lành người bại** 5:17-26: Có sự hiện diện của Đấng Christ và người Pha-ri-si cùng các thầy dạy luật từ khắp miền Ga-li-lê, cả xứ Giu-đê và Giê-ru-sa-lem, 'và quyền năng của Chúa ở với Ngài để chữa lành bệnh tật.' (5:17). Người bại trở thành lời chứng cho các nhà thần học.

#### 2. Nguyên tắc của Đấng Christ về sự kỷ luật thuộc linh 5:27-39

**1. Thái độ của Ngài đối với người thu thuế giàu có đầy tội lỗi và bị xã hội loại bỏ** 5:27-28. Đấng Christ đã biến đổi Lê-vi, người thu thuế, ông đã từ bỏ lối kiếm tiền sai trật và đi theo Chúa Jêsus.

**2. Thái độ hòa nhập trong xã hội với các tội nhân** 5:29-32: Người Pha-ri-si chỉ trích Chúa Jê-sus vì đã tham dự bữa tiệc tối với những người thu thuế giàu có và tội lỗi. Đấng Christ cho biết lý do: Người bệnh cần bác sĩ.

**3. Thái độ đối với sự kiêng ăn và những sự rèn tập thuộc linh** 5:33-35: Cách cư xử của các con trai chàng rể là tùy thuộc vào sự hiện diện hoặc sự vắng mặt của chàng rể.

**4. Một ẩn dụ ba mặt** 5:36-39: (a) áo cũ và áo mới, (b) bầu da cũ và bầu da mới, (c) rượu mới và rượu cũ.

## Ngài Đến 5:1 - 7:1

### Con Đường Duy Nhất 6:1-49

#### 3. Đấng Christ và Giới Lãnh Đạo 6:1-19

**1. Tại cánh đồng lúa mì** 6:1-5: Đấng Christ là Chúa ngày Sa-bát. Các môn đồ bị buộc tội, nhưng Đấng Christ đã bênh vực và xưng họ là công bình.

**2. Người đàn ông bị teo tay** 6:6-11: Đấng Christ phán rằng, 'hãy đưa tay ngươi ra'. Sự chữa lành người đàn ông này trở thành bài học cho những thầy thông giáo và người Pha-ri-si.

**3. Sự chữa lành đoàn dân đông** 6:12-19: Đấng Christ hiện diện cùng với các sứ đồ vừa được chọn. Một đoàn dân đông đến từ Giu-đê, Giê-ru-sa-lem, Ty-rơ và Si-đôn 'vì quyền năng lưu xuất từ Ngài và chữa lành cho mọi người.' (6:19).

#### Nguyên tắc của Đấng Christ về Đạo Đức 6:20-49

**1. Thái độ đối với người nghèo khó, đói khát, đau buồn và bị xã hội loại bỏ** 6:20-23 'Phước cho các người là kẻ nghèo khó...phước cho các người khi người ta vì cơ Con Người mà loại bỏ các người...'

**2. Thái độ đối với người giàu có, no đủ, đang cười và được xã hội chấp nhận** 6:24-26 'Khốn cho các người là những người hiện đang giàu có... các người hiện đang no... khi các người được mọi người khen tặng... 'vì các người đã nhận lãnh tất cả những phước hạnh mà các người sẽ được nhận lãnh.'

**3. Thái độ đối với kẻ thù và người vay mượn chúng ta** 6:27-38: Cách cư xử của 'con cái của Đấng Chí Cao' phải giống như cách cư xử của Cha mình.

**4. Một ẩn dụ ba mặt** 6:39-49 (a) thị lực tốt và xấu (b) cây ăn trái tốt và xấu (c) tòa nhà tốt và xấu.

mức độ khác nhau. Nói chung, trong Lu-ca đoạn 5, Lu-ca chỉ ra rằng Do Thái Giáo là một hệ thống chỉ tốt lành vào thời điểm của nó, vì thật ra đây còn là hệ thống mà Đức Chúa Trời ban xuống; không lời phê phán nào có thể phá đổ hệ thống này ngoại trừ việc Do Thái Giáo bây giờ đã cũ và bắt đầu lỗi thời. Ngược lại với hệ thống này, Lu-ca trình bày Đấng Christ sẽ đem đến điều mới mẻ hoàn toàn, cao trọng hơn và tốt lành hơn. Ngược lại, trong đoạn 6, nói chung Lu-ca trình bày Do Thái Giáo như là một hệ thống đã bị bóp méo bởi những lời giải thích cố ý xuyên tạc của những nhà lãnh đạo tôn giáo và những nhà thần học. Đấng Christ đã phơi bày những sự bóp méo ấy là gì, và tại nơi đó Ngài trình bày chính Ngài, là tấm gương và lời của Ngài là uy quyền duy nhất và tối hậu.

Bây giờ là lúc để chúng ta xem chi tiết vào lời tường thuật của sách Lu-ca.

### **1. Đấng Christ và Những Chuyên Gia Kinh Luật (5:1-26)**

Từ những vị trí khác nhau, ba câu chuyện đầu tiên của giai đoạn 3 đã được nối kết lại thành một nhóm. Trong mỗi câu chuyện chúng ta thấy Đấng Christ đều có liên hệ đến các chuyên gia trong lãnh vực của họ. Trong câu chuyện số 1, (xem 5:1-11, về vấn đề đánh cá, và vị chuyên gia đầy hiểu biết này chính là Phi-e-rơ, một người chuyên đánh cá. Trong câu chuyện số 2 (5:12-16) lãnh vực ở đây là lễ thanh tẩy và sự ô uế, và những chuyên gia đầy hiểu biết là những thầy tế lễ. Rồi trong câu chuyện số 3 (xem 5:17-26) lãnh vực ở đây là về việc phân tích Kinh Thánh và những chuyên gia là những tiến sĩ dạy luật (xem 5:17).

Trước sự kinh ngạc của mọi người (xem 5:9-10, 15, 26), trong mỗi lãnh vực Đấng Christ đều thực hiện tốt hơn các chuyên gia, thật ra tốt hơn mức độ mà bất cứ con người nào có thể tưởng tượng. Khi nói rằng không bắt được con cá nào (xem 5:5), vị thầy bậc nhất của các ngư phủ đã vâng lời Chúa mà thả lưới xuống, và ông đã kéo được một mẻ cá lớn (xem 5:6). Rồi đến các thầy tế lễ là chuyên gia chẩn đoán bệnh phong hủi (xem Lê-vi-ký đoạn 13 và 14), họ có uy quyền để công bố một người phong đã được sạch, nếu người ấy lành. Nhưng các thầy tế lễ không chữa được bệnh phong hủi. Đấng Christ

có thể chữa và Ngài đã chữa lành. Còn các tiến sĩ dạy luật là chuyên gia về thần học. Họ có thể thuyết giảng thật dài và kiếm được nhiều lợi nhuận từ giáo lý Cựu ước về sự tha thứ thiên thượng. Nhưng dĩ nhiên là họ không thể vận hành sự tha thứ thiên thượng và giải phóng tội nhân khỏi những mặc cảm tội lỗi. Nhưng Đấng Christ công bố rằng Ngài có uy quyền để thực hiện tất cả những điều ấy, Ngài còn bổ sung cho lời công bố của Ngài bằng cách thực hiện một phép lạ nữa (xem 5:20-26).

Thật ra, mỗi câu chuyện này đều gắn liền với một phép lạ, và theo như những gì chúng ta đã quan sát, những người nhận được phép lạ từ nơi Chúa đã trở thành lời chứng cho những người khác. Phi-e-rơ thì được ban cho một chức vụ trên mọi người: 'kể từ nay, con sẽ trở nên tay đánh lười người.' (5:10), còn người phung thì được đưa đến thầy tế lễ để kiểm tra, 'như một lời chứng cho họ.' (5:14). Người bại và sự tha thứ dành cho ông ta cùng với sự chữa lành đã trở thành lời chứng cho cả những nhà thần học (xem 5:17) và cho dân chúng (xem 5:26).

Nhưng những phép lạ này không chuyển tải một sứ điệp ngầm phê phán các chuyên gia Do Thái Giáo, thật quan trọng để lưu ý đến vấn đề này ngay tại đây, vì trong đoạn 6, Đấng Christ sẽ phê phán nặng nề một số chuyên gia. Phép lạ về sự đánh cá thì không với hàm ý rằng những ngư phủ người Do Thái sẽ có năng xuất hơn nếu tàu cá của họ luôn phải nối đuôi nhau. Phép lạ về sự tẩy sạch người phung thì không hàm ý rằng nếu những thầy tế lễ của Do Thái Giáo thánh khiết hơn nữa thì họ cũng có thể chữa lành những người phung. Và phép lạ về sự chữa lành người bại thì không có ẩn ý minh họa rằng nếu những thầy dạy luật của Do Thái Giáo chỉ cần có kiến thức nhiều hơn hoặc chính xác hơn nữa trong việc giải kinh thì chính họ cũng có thể vận hành đặc quyền tha thứ tội cho dân chúng. Chắc chắn là không rồi. Những phép lạ chỉ đơn thuần là phép lạ. Nhưng phép lạ bộc lộ nét độc đáo của Chúa Jêsus; Ngài là Con Người, và những phép lạ ấy minh chứng rằng Con Người đến để bắt đầu một thời đại mới, và một phương cách mới để giải quyết những nan đề tội lỗi và kẻ phạm tội của thời đại cũ. Sự minh họa ấy sẽ bày tỏ ba lãnh vực: công việc hằng ngày và động cơ của nó, sự kỷ luật tôn giáo có liên

quan đến đời sống thánh khiết cá nhân. Sự giải thích Kinh Thánh liên quan đến đời sống thực hành.

Chúng ta hãy nhìn vào từng câu chuyện.

*a. Trên thuyền đánh cá (5:1-11)* Câu chuyện này đã tạo nên một ý nghĩa tuyệt vời giữa một loạt câu chuyện và bài giảng về chủ đề tội lỗi, và câu chuyện đầu tiên sẽ nói về khả năng Đấng Christ có thể làm cho một người nhận biết tội lỗi. Làm thế nào một người có thể sửa lại thái độ tội lỗi nếu không nhận biết những tội lỗi ấy? Cũng thật có ý nghĩa khi câu chuyện đầu tiên giải quyết tình trạng tội lỗi trong phạm vi rộng lớn nhất, đó là trong công việc hằng ngày.

Câu chuyện thuật lại rằng một ngày kia, Đấng Christ dùng chiếc thuyền của Phi-e-rơ như một tòa giảng. Phi-e-rơ ngồi cạnh bên Chúa suốt bài giảng hôm ấy, nhưng theo chúng ta biết, không hiểu vì sao mà bài giảng không đem lại sự cáo trách tội lỗi trên ông. Sau khi bài giảng kết thúc, Đấng Christ bảo Phi-e-rơ hãy chèo ra ngoài sâu và thả lưới. Có lẽ Phi-e-rơ không thích nghe giảng cho lắm nhưng chuyện đánh cá thì ông thích. Đây là lãnh vực mà ông có uy quyền, từ những kiến thức của một nhà chuyên môn đến kinh nghiệm gần đây, ông biết rằng thả lưới xuống lúc này chẳng ích lợi gì, vì không có cá, vì cả một đêm đánh cá vô ích đã cho ông biết điều đó, và ông nói như thế với Chúa Jê-sus (xem 5:4-5). Tuy nhiên, ông thực hiện một quyết định đã làm cách mạng hóa trọn cả thái độ của ông đối với công việc hằng ngày: ông thưa với Chúa “nhưng vâng lời Thầy, con sẽ thả lưới.” (5:5). Trước đó, động cơ đánh cá của Phi-e-rơ luôn là hi vọng kiếm được lợi nhuận, điều đó là rất hiển nhiên và tự nhiên. Tại sao lại không vì lợi nhuận?

Nhưng ngày hôm ấy, không vì hi vọng bắt được cá mà cũng không vì lợi nhuận, ông đã thả lưới vì một lý do và động cơ hoàn toàn khác: đơn giản chỉ bởi vì Chúa Giê-xu bảo ông làm, để vâng lời Chúa Giê-xu, để làm đẹp lòng Ngài. Kết quả là ông được một mẻ cá lớn, lớn hơn sức chịu đựng của phương tiện giải quyết vấn đề của ông.

Ảnh hưởng của phép lạ trên Phi-e-rơ là điều có thể hiểu được. Phép lạ không xảy ra để dạy ông kỹ thuật đánh cá cao hơn để cải thiện lợi nhuận nếu ông làm theo: Nhưng là lời kêu gọi ông hãy quan

tâm đến chính Ngài là Chúa Jêsus. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, Phi-e-rơ chỉ hiểu lầm Chúa Jêsus là ai, thật ra ông đã khám phá ra Ngài là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời. Ngài là Đấng Chủ Tể của những con cá và các ngư phủ, là Chủ của cả thiên nhiên, Chủ của loài người và Chủ của công việc hằng ngày của họ. Tại đây, Đấng Christ không chỉ giảng một bài tại tòa giảng nhưng bên cạnh là Phi-e-rơ với chiếc thuyền của ông cho công việc hằng ngày, cho nên Ngài đang tìm cách để không chỉ trở thành Đấng chỉ huy công việc của ông mà còn là Đấng mà Phi-e-rơ muốn hết sức làm vui lòng đang khi thực hiện công việc ấy. Hãy suy nghĩ cách đây vài phút, Phi-e-rơ còn dựa vào khả năng chuyên môn của mình, dự định nói với Ngài rằng lệnh truyền thả lưới của Ngài là sai lầm. Điều đó khiến Phi-e-rơ nhận biết quá rõ về tình trạng tội lỗi của ông đến nỗi ông quì xuống trên chính chiếc thuyền ấy và từ đó dự phần vào chính công việc mà Chúa Jêsus đang thực hiện. Ông nói, 'Lạy Chúa, xin lìa khỏi con, vì con là người có tội.' (5:8)

Dĩ nhiên Đấng Christ không lìa khỏi ông, hoặc thậm chí cũng không lên án ông. Cho đến thời điểm này thì đánh cá chỉ để kiếm sống và vui thích trong công việc đánh cá không phải là tội lỗi của Phi-e-rơ. Trước đó, ông chưa ý thức Chúa Jêsus là ai, và trước đó Chúa Jêsus cũng chưa hề bày tỏ Ngài muốn làm vị chỉ huy trên công việc của ông. Khi Chúa hỏi, ông đã sẵn lòng đồng ý cho Ngài mượn phương tiện làm ăn của ông vì ích lợi của sự nghiệp tôn giáo của Đấng Christ; nhưng thậm chí ngay lúc ấy ông cũng chưa ý thức rằng điều đó đã mở ra cho ông cơ hội làm việc vì cơ Đấng Christ trong mọi sinh hoạt. Nhưng ngay khi ông ý thức điều ấy, thì ít nhất ông đã bày tỏ sự sẵn lòng đáp ứng trước thách thức ấy.

Tuy nhiên, đối với chúng ta là những người khao khát muốn biết Chúa Jêsus là ai, và Ngài đòi buộc điều gì nơi chúng ta trong phạm vi của công việc hằng ngày, có lẽ chúng ta còn cảm thấy mình tội lỗi còn nhiều hơn Phi-e-rơ. Tội lỗi của chúng ta trong cương vị của một Cơ Đốc Nhân, hầu như không phải là những lúc thỉnh thoảng cư xử quá xấu xa đến nỗi cảm thấy mặc cảm về nó, nhưng trong chất lượng tiêu chuẩn của động cơ đã ăn sâu vào tâm trí chúng ta về công việc hằng ngày. Đã bao lâu kể từ khi chúng ta bước ra làm việc hằng

ngày, không phải chủ yếu vì lợi nhuận vật chất quá thiết yếu, hoặc cũng không phải vì yêu thích được tiếp cận bên ngoài với công việc ấy, nhưng chủ yếu là để làm đẹp lòng Chúa và vâng lời Ngài? Nếu đây là tội lỗi đối với một Cơ Đốc Nhân vì có những động cơ tốt trong công việc hằng ngày nhưng lại không phải là để đẹp lòng Ngài (xem Mathiơ 6:31-32; Cô-lô-se 3:23), thì bao nhiêu ngày chúng ta đã làm việc hoàn toàn trong tội lỗi!

Tuy nhiên, lời xưng tội của Phi-e-rơ không được Chúa đáp trả bằng một cụm từ như, 'đừng sợ, tất cả những tội lỗi của ngươi đều đã được tha thứ hết rồi.' Phi-e-rơ không nghĩ ra được bất cứ tội nào cụ thể nào mà ông đã phạm, nhưng nói chung ông thấy mình tội lỗi và là một người không xứng đáng: 'Vì tôi là một người có tội.' Câu trả lời của Đấng Christ là, 'đừng lo; bất chấp điều ấy Ta vẫn có thể lấy ra từ nơi con điều tốt lành và sử dụng con: từ nay trở đi con sẽ trở nên tay đánh lưới người.' Cụm từ 'đánh lưới người' là một lời dạy dỗ. Trong công việc hằng ngày ông đánh bắt cá, và đó là công việc cần sự khéo léo. Bây giờ, những kỹ năng ấy không trở nên vô dụng, nhưng được áp dụng ở một mức độ cao hơn. Công việc hằng ngày của Phi-e-rơ bây giờ được nâng lên thành một công việc thuộc linh ở mức độ cao hơn nhưng vật liệu để xây dựng phần bên dưới không gì khác hơn là nền tảng thực tế, thiết yếu của nếp sống hằng ngày. Để sống thì chúng ta phải ăn, và cá là thức ăn cũng như bất cứ thức ăn nào khác. Nhưng đời sống còn cần những thứ khác hơn là chuyện ăn uống; và vì thế thậm chí trong việc đánh cá, nếu được thực hiện với một mục tiêu đúng đắn, sẽ đạt đến mục đích cao nhất và vượt xa việc chỉ đủ sống cho một người. Vì thế, Chúa là Đấng Chủ Tể của công việc hằng ngày đã dạy Phi-e-rơ hãy thực hiện công việc ấy với động cơ đúng đắn ('nhưng vâng lời Thầy, con sẽ thả lưới.'), bây giờ Ngài kêu gọi Phi-e-rơ hãy phục vụ ở mức độ tận hiến cao nhất trong đời sống này. Ngài phán, 'từ nay trở đi, ngươi sẽ trở nên tay đánh lưới người, dĩ nhiên 'đánh lưới người' cho Đức Chúa Trời và cho vương quốc của Ngài. Với lời kêu gọi ấy, Phi-e-rơ đã bỏ nghề nghiệp của đời này để tận hiến chính mình cho công tác thuộc linh (xem 5:11). Nhưng phải nhớ rằng kinh nghiệm đã đưa ông bước vào công việc thuộc linh nặng nhọc lớn lao chính là kinh nghiệm mà ông đã có được với Đấng Christ trong đời thường. Vì công việc đời thường và công việc thuộc



linh của một tín hữu chỉ là những mục tiêu khác nhau của một tổng thể không bị chia cắt, và chúng ta phải xem công việc đời thường ấy là công việc có cùng một mục tiêu, và thật ra là phải có cùng một mục tiêu tuyệt đối y như công việc thuộc linh vậy. Nguyên chúng ta sẽ không còn thỏa lòng nếu phải nhắm vào một mục tiêu nào thấp hơn là phục vụ Ngài và vì cố Ngài trong công việc đời thường, vì Ngài là Đấng Mê-si-a đã đến.

*b. Người phung đầy ô uế (5:12-16).* Sau khi tình trạng tội lỗi của Phi-e-rơ được phơi bày, bây giờ một người phung hủi đến với Đấng Christ (5:12). Chúng ta không cần nói sâu về tình trạng ô uế của ông ta: đã lâu từ khi thầy tế lễ kiểm tra về căn bệnh của ông, đi đâu ông cũng phải la lên, ‘Ô uế! Ô uế!’ (Lê-vi-ký 13:45-46). Dầu sao tình trạng phung hủi của ông cũng quá rõ trước mắt mọi người: vì người ông đầy phung.

Chúng ta không biết chính xác đó là căn bệnh gì, hoặc đó là hội tụ của nhiều chứng bệnh, nhưng trong thời của Kinh Thánh được gọi bằng từ ngữ ‘phung hủi’. Dầu đó là căn bệnh gì, thì thỉnh thoảng người ta vẫn xem bệnh phung là căn bệnh Trời phạt vì tội lỗi của họ (ví dụ trường hợp của vua Ô-xia II Sử 26:16-21); nhưng không phải lúc nào cũng nên suy nghĩ theo cách ấy<sup>1</sup>. Trong thời Cựu Ước, bệnh phung cũng giống như bệnh lậu trong thân thể hoặc những chứng lây nhiễm khác trong cơ thể (xem Lê-vi-ký 15) được xem là cần phải tách rời, không những vì thân thể ô uế mà còn vì ô uế về nghi thức nữa; và tình trạng ô uế về nghi thức lẫn thân thể bị xem là một chứng bệnh lây lan. Vì thế, căn bệnh đó phải được thầy tế lễ khám nghiệm, và tùy vào kết quả khám nghiệm mà nạn nhân phải được chính thức công bố là ô uế và phải bị tách rời khỏi sự hiện diện của Chúa trong đền thờ hoặc trong các mối quan hệ xã hội. Tuy nhiên, nếu cơ thể của người phung được sạch hoàn toàn, thì người đó cần trình diện thầy tế lễ một lần nữa để chứng nhận cho sự chữa lành thân thể, thêm vào đó, ông ta phải dâng những của lễ nhất định và thực hiện những nghi thức thanh tẩy trước khi được chính thức thông báo là được thanh

---

<sup>1</sup> *Tân ước cũng dạy rằng mặc dầu bệnh tật có thể là sự sửa phạt thiên thượng đối với một tín hữu vì có tội lỗi của người ấy (ICô 11:29-32), tuy nhiên không phải lúc nào bệnh tật cũng là hậu quả của tội lỗi của chính người ấy (Giăng 9:1-3)*

tẩy về nghi thức (Lê-vi-ký 14). Những qui định này rất khắt khe đối với người mắc bệnh: vì đó là điều cần thiết cho sự bảo vệ và sức khỏe chung của cả một dân tộc.

Cách xử lý đầy phức tạp về nghi thức đối với căn bệnh phong và sự tẩy uế của căn bệnh này tự nhiên đã khiến Cơ Đốc Nhân suốt bao thế kỷ xem căn bệnh phong như là một hình ảnh ô uế của tội lỗi, và sự tẩy sạch của Đấng Christ đối với bệnh phong là một ẩn dụ về việc Ngài có thể tẩy sạch cho cuộc đời của một người. Đúng là trong những thời kỳ gần đây, một số người nhạy cảm đã chống đối ý tưởng này dựa vào lý lẽ rằng chúng ta đã tạo một sự sỉ nhục kinh khủng trên những người phải khổ khổ vì mắc phải bệnh phong. Chúng ta có thể cảm thông với sự chống đối như thế, nhưng nếu một người nói về bệnh phong với sự đầy tôn trọng, là không hợp lý. Bệnh bại (xem Hêborơ 12:12), sự mù lòa (xem Giăng 9:1-3), 40-41), chúng hoại tử (xem II Timôthê 2:17) đều được sử dụng trong Tân Ước như là ẩn dụ về tình trạng bất ổn thuộc linh. Tuy nhiên, căn bệnh phong cũng là một trong những chứng bệnh của thân thể, trở nên rất dễ hiểu khi được sử dụng như một ẩn dụ, hoặc ẩn ý về căn bệnh đạo đức và thuộc linh; mà thật ra thì tất cả chúng ta đều ô uế trước mặt Chúa về đạo đức và thuộc linh. Càng là thánh nhân bao nhiêu thì lại càng ý thức được tình trạng tội lỗi của mình bấy nhiêu (Êsai 6:5). Nhưng chỉ cần kinh nghiệm thông thường cũng cho chúng ta biết rằng tình trạng ô nhơ về đạo đức và thuộc linh không phải là điều tưởng tượng, cũng không phải là mối nguy của một căn bệnh lây lan. Những điều này ngày nay vẫn đang làm phiền nhiều thế giới hiện đại của chúng ta, vì thế, với cả sự thích thú chúng ta hãy xem Đấng Christ đã có thái độ gì đối với cả người bị ô uế lẫn luật pháp của người Giu-đa về tình trạng ô uế.

Sự tẩy sạch của Đấng Christ đối với người phong chứng minh hai điều cùng một lúc: lòng thương xót thiên thượng của Ngài và quyền năng đầy phép lạ của Ngài. Ngài có thể chữa lành cho ông ta bằng cách phán một lời, 'hãy được sạch'; nhưng trong sự thương xót của Ngài, Ngài đã đưa tay ra và sờ đến người phong (xem 5:3). Điều này đòi hỏi một chút nỗ lực để tưởng tượng xem sự đụng chạm của đôi tay Ngài có ý nghĩa gì đối với một người đàn ông đã bị cô lập khỏi

xã hội đến nỗi không ai dám đụng đến. Nhưng chúng ta đừng quên nói về lòng thương xót của Ngài: lòng thương xót ấy không mang theo lời phê phán của các thầy tế lễ Do Thái. Sự đụng chạm của Đấng Christ có quyền năng để xóa sạch bệnh phung. Còn những thầy tế lễ không có quyền năng ấy. Đối với họ phải đụng chạm đến người phung có nghĩa là đã làm lây lan sự ô uế; cho nên nếu họ đụng đến người phung cũng chỉ là lòng thương xót giả tạo. Bốn phận mà Đức Chúa Trời đã ủy thác cho họ là duy trì tiêu chuẩn của sự tẩy sạch, là kiểm tra người phung, là công bố người phung ô uế, và thật là đau đớn nhưng dầu vậy phải quyết liệt, đó là xa lánh họ. Khi chạm đến người phung, Đấng Christ không làm giảm giá trị tiêu chuẩn của các thầy tế lễ về sự ô uế; nhưng ngược lại, Ngài ủng hộ uy quyền của họ: vì khi Ngài đã tẩy sạch người đàn ông này, Ngài truyền cho ông hãy đi trình diện các thầy tế lễ để được họ chuẩn nhận, Ngài bảo ông ta hãy dâng của tế lễ theo yêu cầu của luật pháp Môi-se (xem 5:14).

Sự ô uế về đạo đức và ô uế về thuộc linh cũng tương tự như vậy. Nhiều người ngày nay dường như tưởng tượng về lòng thương xót ấy của Đấng Christ đối với người ô uế để bào chữa cho sự dễ dãi. Nhưng đó là điều sai lầm và vô cùng nguy hiểm. Luật pháp của Đức Chúa Trời định tội cho sự ô uế, và cảnh báo rằng nếu cứ ở trong tội thì sẽ dẫn đến sự xa cách đời đời (xem Khải Huyền 21:27). Chắc chắn Đấng Christ có thể làm điều mà luật pháp không làm được: Đó là Ngài có thể tẩy sạch một người. Nhưng điều này không có nghĩa là Ngài không đồng ý với luật pháp. Tẩy sạch cho một người khác với việc cho rằng trong lãnh vực của sự thương xót thì bụi đất không còn bị xem là dơ bẩn một cách quá nghiêm khắc. Nhưng trong nguyên tắc của sự tẩy sạch thì bụi đất vẫn là dơ bẩn, nguy hiểm và không thể chấp nhận được. Thật ra Kinh Thánh ghi lại về Đấng Christ (xem 16:14-18) rằng Ngài đã phủ nhận một cách dứt khoát rằng Ngài không đến để khích lệ người ta có thái độ dễ dãi trước những đòi buộc của luật pháp về đạo đức; và sau này các sứ đồ của Ngài cũng cảnh báo chúng ta về những hình thức đạo đức vô luân khác nhau sẽ dẫn đến sự lây nhiễm (xem I Cô-rinh-tô 5:6; Hê-bơ-rơ 12:14-15).

Ngược lại, khi Chúa bảo người phung đã được sạch hãy đi trình diện những thầy tế lễ để trở thành 'một lời chứng cho họ', Đấng

Christ đang thực hiện điều thứ hai, cực kỳ quan trọng. Ngài đang mời họ quan sát điều mà Đấng siêu nhiên đã thực hiện bằng một quyền năng chắc chắn là cao hơn chính họ hoặc lớn lao hơn những nghi lễ mà họ đang nắm giữ. Họ không thể chữa lành cho một người phong: Nhưng Ngài làm được!

Một lần nữa sự tương đồng nằm ở mức độ đạo đức và thuộc linh, và ở đây là sự vinh hiển của quyền năng Đấng Christ. Vấn đề ở đây không phải chỉ là những ý niệm của Do Thái Giáo về lễ tẩy uế và những nghi thức, những của lễ và sự tắm mình trong nước cuối cùng sẽ phải qua đi như những điều sơ học về tin lành, là những biểu tượng bên ngoài không còn phù hợp cho một thế giới ngày càng già cỗi. Mà là luật pháp đã được ban cho Y-sơ-ra-ên, đầu là luật pháp đến từ trời, đầu ở mức độ thuộc linh sâu nhất vẫn không thể đem đến sự tẩy sạch theo đúng đòi buộc trong lòng của một người. Nhưng những gì luật pháp đã và đang không thể làm, thì Đấng Christ có thể làm. Đây là chủ đề cứ được lập đi lập lại của cả Tân Ước (xem Công vụ 15:8-9; Rôma 7:7-8:11; Tít 3:3-7; Hê-bơ-rơ 9:9-14).

*c. Sự chữa lành người bại (5:17-26).* Cả Ma-thi-ơ (xem 9:1-8) và Mác (xem 2:1-12) đều ghi lại sự chữa lành của người bại mà bây giờ Lu-ca đang trình bày (xem 5:17-26); nhưng chỉ có một mình Lu-ca cho chúng ta biết trong phần mở đầu rằng có những 'người Pha-ri-si và các tiến sĩ dạy luật từ các làng trong miền Ga-li-lê, Giu-đê và từ thành Giê-ru-sa-lem đến...' (5:17). Thật ra, cụm từ 'tiến sĩ dạy luật' (nomodidaskalos) chỉ xuất hiện đầu đó hai lần trong cả Tân Ước; dường như điều đó cho thấy Lu-ca ước gì ông có thể nhấn mạnh rằng, trong lần này những giáo sư hợp pháp Của Do Thái Giáo chuyên dạy Cựu Ước cũng có mặt. Những người này khác với những thầy tế lễ mà chúng ta vừa đề cập: thầy tế lễ là những chuyên gia về thực hành nghi thức Do Thái Giáo, còn các tiến sĩ dạy luật thì chuyên về thần học của Do Thái Giáo.

Bây giờ bài học mà Đấng Christ dạy họ không phải là Đức Chúa Trời Đấng hay tha thứ vui lòng tha thứ cho tội nhân chịu ăn năn. Rằng những nhà thần học Do Thái (có người đoán rằng ngay cả những trẻ em được đến trường của người Do Thái) vốn cũng biết điều này từ Cựu Ước. Điều Đấng Christ dạy họ là mới mẻ với đầy

kinh ngạc; chính Ngài đã giải phóng một người ra khỏi những mặc cảm tội lỗi (xem 5:20). Ngay lập tức những nhà thần học bắt lấy hàm ý của lời công bố này. Cựu ước không hề ban uy quyền như thế cho bất cứ thầy tế lễ nào, tiên tri nào, hoặc nhà thần học nào. Họ có thể công bố trong danh Đức Chúa Trời rằng Ngài đã tha thứ hoặc sẽ tha thứ tội; nhưng không ai dám dùng chính danh mình để công bố như Đấng Christ về sự tha tội. Họ buộc tội Ngài là phạm thượng, tự cho mình bằng Đức Chúa Trời (xem 5:21). Đấng Christ không giải thích rằng họ đã hiểu nhầm câu nói của Ngài. Nhưng Ngài đã tiếp tục thực hiện phép lạ để cho thấy Ngài là Con Người có uy quyền ngay trên đất này, không cần phải chờ đến sự đoán xét sau cùng, mới có thể nhân danh chính Ngài mà công bố sự tha thứ sau cùng và tối hậu cho một người. (xem 5:22-25).

Sự kiện này đã khiến các nhà thần học hết sức kinh ngạc, và thậm chí với câu nói đầy đủ hơn về yếu tố mới mẻ diệu kỳ mà Đấng Christ đã giới thiệu vào ý niệm này và vui mừng vì được tha thứ, cùng với sự chết, sự phục sinh và sự về trời của Đấng Christ. Còn đạo Do Thái Giáo, cũng tương tự như vậy, cũng được biết và vui hưởng sự tha thứ thiên thượng. Nhưng đó là sự tha thứ chưa trọn vẹn, thậm chí vị thánh nhất giữa vòng họ vẫn mang một lương tâm 'chưa trọn vẹn' (Hê-bơ-rơ 10:1-23) mà không hề có một chút cảm nhận rằng cuối cùng thì tội lỗi phải hoàn toàn bị loại bỏ, do đó họ cứ phải dâng tế lễ càng hơn để đẩy tội lỗi càng xa hơn. Vì thế, những thắc mắc về sự tha tội đối với họ lúc nào cũng chưa hoàn tất. Họ không có được sự tự do để bước vào nơi chí thánh, và việc họ được Chúa hoàn toàn chấp nhận vẫn là một dấu hỏi. Ngược lại, sự tha thứ mà Đấng Christ ban cho đã khiến cho lương tâm được 'trọn vẹn', với sự nhận biết rằng Đấng tha tội đã bảo đảm rằng Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ 'nhớ đến tội của tôi dựng chống lại tôi.' Và trước tòa án tối cao, Ngài sẽ không bao giờ lập lại vấn đề tội lỗi của một người và án phạt hợp pháp mà người ấy phải chịu. Vì thế, người ấy được tự do khỏi tội và không cần phải dâng thêm sinh tế vì tội của mình, mà người ấy vẫn được ban cho sự tự do trọn vẹn để bước vào, thậm chí được chào đón để bước vào sự hiện diện của Chúa ở đây, ngay bây giờ, và trong đời sau.

Tuy nhiên, chúng ta phải lưu ý ngay lập tức, khi các nhà thần học chống đối rằng lời công bố của Đấng Christ là phạm thượng thì họ không (ít nhất là vào giai đoạn này) phải là người ngoan cố. Nếu Ngài không phải là Con Người, thì lời công bố của Ngài là phạm thượng; tuy nhiên, họ có ít bằng chứng (vì nhiều người trong số họ đến từ miền Nam (xem 5:17) để chứng minh rằng lời công bố này là thật. Vì thế, để tâm trí họ được yên ổn, Đấng Christ thực hiện phép lạ ngay sau đó. Dĩ nhiên không phải là bất cứ phép lạ nào, nhưng một phép lạ đã được dự định để cho thấy rằng sự tha thứ mà Ngài vừa công bố không phải là không có thật hoặc là thuyết chống đạo lý, nhưng là sự tha thứ thật đến từ thiên thượng. Sau khi đã tha thứ cho người bại, Ngài giải phóng ông ta khỏi tình trạng bại liệt và ban cho ông sức lực để bước đi trong sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Lu-ca tường trình rằng, người đàn ông trở về nhà và làm sáng danh Đức Chúa Trời; bất cứ ai nhìn thấy phép lạ ấy đều kinh ngạc và họ cũng ngợi khen Đức Chúa Trời trước mặt người đã từng bị bại mà nay bước đi (xem 5:25-26).

Thật tình cờ vì trong tiếng Hê-bơ-rơ, chữ ‘bước đi’ là một ẩn dụ rất chuẩn để nói về cách sống và cách cư xử của một người (ví dụ Ê-phê-sô 4:17). Vì thế đối với chúng ta, minh họa của Đấng Christ đương nhiên trở thành ẩn dụ mà các sứ đồ của Ngài hàm ý khi họ đề cập về sự chu cấp mà Ngài thực hiện cho những người Ngài tha thứ và ban khả năng để họ ‘bước đi trong đời sống mới’ (Rô-ma 6:4).

## **2. Những Nguyên Tắc Của Đấng Christ về Sự Kỷ Luật Tâm Linh (5:27-39)**

Sau khi ghi lại ba ví dụ, được rút tĩa từ những lãnh vực điển hình khác nhau, về những phương cách mới mẻ của Đấng Christ đối với tội lỗi và tội nhân, bây giờ Lu-ca quay lại với việc kỷ luật tâm linh mà Đấng Christ mong đợi nơi những người đến với Ngài và mong đợi mà Ngài tự đặt trên chính Ngài và trên những môn đồ trong cách đối xử với họ. Để minh họa cho thắc mắc này cách rõ ràng, Lu-ca đã trích dẫn từ một số trường hợp cụ thể.

*a. Thái độ của Đấng Christ đối với những người thu thuế giàu có, đầy tội lỗi, và bị xã hội tẩy chay (5:27-28). Mọi người đều là tội nhân,*

nhưng đối với người Do Thái thì những người thu thuế là xấu xa gấp ba lần. Thứ nhất, họ làm việc cho những tên đế quốc đáng ghét, và trong mắt của nhiều người họ bị xem là những tên phản bội. Thứ hai, họ thuộc thành phần cắt cổ và lừa dối: tầng lớp của các ra-bi xem họ như những tên cướp. Thứ ba, vì nghề nghiệp của họ khiến họ phải thường xuyên tiếp xúc với người Ngoại Bang, nên họ bị người Do Thái xem là thành phần mãi mãi không thể tinh sạch về nghi thức. Cộng tất cả những điều này lại thì người thu thuế bị xem là thành phần thấp kém nhất giữa vòng những người đỗi bại và bị xếp chung với tầng lớp 'tội lỗi' như gái mãi dâm, và thành phần loại bỏ của xã hội.

Ông Lê-vi là một người thu thuế: vậy Chúa Giê-xu đòi buộc ông phải thực hiện những gì khi trở lại đạo?

Chúng ta có thể nhớ lại Giảng Báp-tít đã dạy rằng không có gì sai về đạo đức khi làm công việc thu thuế cho đế quốc; nhưng sự sai trật nằm ở chỗ lừa dối và thu quá mức qui định mà những người thu thuế nói chung thường mắc phải. Vì thế theo Giảng, ăn năn thật không có nghĩa là phải bỏ nghề thu thuế, nhưng có nghĩa là phải từ bỏ hoàn toàn việc nói dối và thu quá mức qui định (3:12-13). Dường như Chúa Jê-sus cũng theo quan điểm nền tảng này. Ví dụ, nhân vật mới trở lại đạo là Xa-chê, từ bỏ sự lừa dối và thu trộm, hứa bồi thường thiệt hại nhưng không hứa bỏ nghề thu thuế; Đấng Christ cũng không đòi buộc họ phải bỏ nghề (xem 19:1-10).

Nhưng đối với Lê-vi, thì không có vấn đề gì ngoại trừ việc ông cần làm thỏa mãn những đòi buộc tối thiểu cần thiết về đạo đức.

Đấng Christ kêu gọi ông đi theo Ngài và 'ông bỏ mọi sự và đứng dậy mà theo Ngài.' Đấng Christ không làm gì cả ngoài việc đập vỡ tấm lòng yêu mến tiền bạc và biến ông trở thành một người đi theo Đấng Christ đầy lòng vị tha. Đó là điều mà dầu nhiều năm bị nhà hội ký luật và xã hội ruồng bỏ cũng không thể có được.

*b. Thái độ của Đấng Christ trước vấn đề hòa nhập với tội nhân (5:29-32).* Việc trở lại với Đấng Christ đã ngay lập tức khiến ông Lê-vi có tình yêu thương và lòng quan tâm đến những bạn tội trước đây của ông, là điều ông chưa hề dành cho họ cũng như dành cho bất cứ ai:

đó là lòng ao ước muốn họ cũng được biến đổi như ông. Liệu một người có thật sự được Chúa biến đổi không, nếu họ không bắt đầu có lòng muốn người khác cũng được biến đổi? Ao ước của ông Lê-vi đã dẫn đến hành động: Ông tổ chức một bữa ăn tối thật lớn để những người bạn trước đây của ông đến gặp gỡ Chúa Jê-sus và nghe Ngài giảng.

Tuy nhiên, những người Pha-ri-si và các chuyên gia của họ đã phê phán Chúa Jê-sus và các môn đồ của Ngài vì đến dự buổi tiệc ấy. Theo lối suy nghĩ của họ, hòa nhập như thế về mặt xã hội với hạng người hết sức bị xã hội loại bỏ tức là bỏ qua tội lỗi của họ và làm cho chức vụ truyền giáo của Ngài bị tai tiếng. Có lẽ những người Pha-ri-si đến dự buổi tiệc hôm ấy phạm loại tội có thể tha thứ được. Vì họ không có Phúc Âm, họ không có quyền năng của Đấng Christ để có thể biến đổi những tội nhân, họ cũng không phải là Thầy Thuốc Đại Tài như Ngài. Thậm chí họ đang trong mối nguy vì chính mình sẽ bị lây nhiễm tình trạng suy đồi đạo đức. Đấng Christ không buộc họ phải tham dự những bữa tiệc như thế. Nói cho cùng, không phải ai cũng được sai đến để chăm sóc một bệnh nhân đang chịu khổ vì bệnh đậu mùa. Trái lại, nếu không có bác sĩ nào hoặc y tá nào thăm viếng và chăm sóc cho một bệnh nhân như thế thì bệnh nhân sẽ chết và không có cơ hội phục hồi. Vì thế, cần có ai đó đến chăm sóc người bệnh. Chúa Jê-sus phán, 'Người khỏe mạnh không cần thầy thuốc đâu, nhưng là người đau ốm.' Ta không đến để gọi người công chính, nhưng gọi kẻ có tội ăn năn' (5:31-32).

Chắc chắn sẽ rất lạ lùng nếu có một bác sĩ cho rằng ông ta sẽ hết sức chống lại các căn bệnh bằng cách giảng cho bệnh nhân nghe về sức khỏe khi họ mắc phải những căn bệnh hiểm nghèo, và khuyên họ không bao giờ đến gần những bệnh nhân khác. Một lần nữa, người công chính và tội nhân, chẳng phải đó là những từ có liên hệ trong văn mạch này sao? Chẳng lẽ tất cả những người Pha-ri-si đều công chính và không ai trong họ cần Bác Sĩ hết sao?

*c. Thái độ của Đấng Christ đối với việc kiêng ăn và những sinh hoạt thuộc linh (5:33-35).* Nhưng những người phê bình Đấng Christ còn phê phán Ngài về một điều nữa, và lần này, điểm chú trọng không phải là việc Ngài chuẩn bị để biến đổi người khác, nhưng là những gì



Ngài cùng thực hiện với họ sau khi đã biến đổi họ.

Những người phê bình Ngài nói, 'Môn đồ của Giảng cũng như môn đồ của người Pha-ri-si thường kiêng ăn cầu nguyện, nhưng môn đồ của Thầy lại ăn và uống!' Họ thấy sự lỏng lẻo gây phiền toái: dường như môn đồ của Ngài đã lấy đi tính nghiêm túc khỏi một tôn giáo thật.

Đấng Christ trả lời với câu chuyện minh họa: 'Các người có thể buộc các con trai của chàng rể, tức là khách của chàng rể, kiêng ăn trong khi chàng rể còn ở với họ sao? (5:34). Không, dĩ nhiên là không. Buộc người khác kiêng ăn trong những cơ hội như vậy rõ ràng là không đúng đắn mà còn rất lỗ bịch.

'Nhưng' Đấng Christ phán, 'đến lúc chàng rể được đem đi khỏi họ, thì trong những ngày ấy họ mới kiêng ăn (5:35). Nhưng ngay tại đây điểm tương đồng bắt đầu nổi lên trong ẩn dụ. Đấng Christ là Chàng rể. Đối với các môn đồ thì sự hiện diện của Ngài, sự tha thứ, sự giải cứu khỏi những ách khống chế của tâm linh, và những viễn cảnh mới mà Ngài mở ra cho họ, khiến cho họ vui mừng giống như dự tiệc cưới. Nếu ép buộc họ kiêng ăn trong giai đoạn vui mừng này của kinh nghiệm thuộc linh là điều vô cùng phi lý và giả tạo.

Điều đó không có nghĩa là họ sẽ không bao giờ kiêng ăn. Nhưng họ sẽ kiêng ăn khi chàng rể được đem đi khỏi họ. Theo lịch sử, sự kiêng ăn ấy đã xảy ra khi Ngài bị đóng đinh, mặc dầu nỗi đau buồn của họ được cất đi ngay bởi sự phục sinh của Ngài, sự thắng thiên, và sự ban xuống của Đức Thánh Linh (xem Giảng 16:19-22). Về phương diện thuộc linh, một tín hữu có thể đánh mất không phải là sự hiện diện của Chúa, mà là một cảm nhận về niềm vui tràn dâng vì được ở trong sự hiện diện của Chúa. Hoặc người ấy có thể thấy mình đang bị bủa vây với trận chiến thuộc linh. Đó đúng là lúc cần phải kiêng ăn.

Có hai điều cần đánh mạnh vào chúng ta về câu trả lời của Đấng Christ đối với những người chỉ trích: Điều đầu tiên chỉ là một cảm nhận rất bình thường: Không hề có một chút tính tôn giáo nào ở trong Ngài. Điều thứ hai là một vấn đề quan trọng hơn nhiều. Một lần nữa, việc này thường xảy ra trong giai đoạn này, Ngài tự đặt Ngài trong tầm hướng đến là điều mấu chốt, yếu tố được kiểm soát, Đấng

điều chỉnh đời sống tâm linh đúng nghĩa. Ưu tiên trong đời sống của các môn đồ Ngài không dựa nhiều vào luật pháp và những qui định cho bằng đời sống thực tiễn trong mối quan hệ với Đấng đang sống động. Đối với họ, nào là sự tha thứ, sự cứu rỗi, đạo đức, những kỷ luật thuộc linh đều xoay quanh mối quan hệ riêng tư với Đấng Christ.

Đây là điều rất mới mẻ trong Do Thái Giáo. Bây giờ Đấng Christ sẽ chỉ cho chúng ta biết mối liên hệ giữa điều cũ và điều mới.

*d. Một ẩn dụ có ba mặt (3:36-39).* Càng lúc chúng ta càng thấy rõ khi chúng ta tiến đến phần một của giai đoạn 3, trong đường lối của Chúa đối với tội lỗi và tội nhân, Ngài không kêu gọi họ trở lại với sự vâng lời nghiêm khắc và tận hiến đối với Do Thái Giáo là điều họ đã biết. Nhưng hơn thế nữa, Ngài đến để giới thiệu cho họ mọi sự mới hơn và tốt hơn. Như một người đã nói, trong Ngài, 'Đức Chúa Trời đã cung cấp điều tốt hơn cho chúng ta.' (Hê-bơ-rơ 11:40).

Để giải thích mối quan hệ giữa điều mới và điều cũ, bây giờ Đấng Christ sẽ kể về ẩn dụ (xem 5:36-39). Đây chỉ là một ẩn dụ nhưng có ba phần; và trong cả ba phần này đều có điểm giống nhau, điều cũ luôn tượng trưng cho Do Thái Giáo và điều mới luôn tượng trưng cho Đấng Christ và Cơ Đốc Giáo.

*Áo cũ và áo mới.* Những nghi thức và kỷ luật của Do Thái Giáo 'sự công chính đến từ luật pháp' Rô-ma 10:5, tuy ban đầu luật pháp là tốt nhưng bây giờ nó đã như cái áo cũ. Thật không thể nào ráng giữ lại những điều hữu ích của luật pháp bằng cách ra sức vá vào áo cũ vài yếu tố mới mẻ lấy từ Phúc Âm của Đấng Christ. Áo cũ sẽ rách và mảnh vải mới cũng không xứng hợp với áo cũ.

Điều này minh chứng một bài khó học cho những tín hữu Do Thái. Còn những người như Phao-lô và Ba-na-ba thì tiếp nhận điều này ngay lập tức (xem Công vụ 15; Ga-la-ti 5:3-4; Phi-líp 3:2-14) Còn như Phi-e-rơ đã chấp nhận (xem Công vụ 15:7-11), nhưng thỉnh thoảng cũng bị cám dỗ để thỏa hiệp (xem Ga-la-ti 2:11-21). Không phải lúc nào những người theo Cơ Đốc Giáo cũng chống lại cám dỗ của việc tưởng tượng rằng Phúc âm của người Cơ Đốc có thể được bày tỏ qua các lễ nghi, nghi thức, việc dâng con sinh và những thứ tự

phẩm trật lấy từ Do Thái Giáo. Vì lời cảnh báo của Đấng Christ vẫn đứng vững: Cố gắng xé một mảnh áo mới mà vá vào áo cũ, thì cả hai áo đều sẽ bị rách và sự nỗ lực ấy sẽ trở nên vô ích.

*Bầu da mới và bầu da cũ.* Đấng Christ giới thiệu một chất men mới của sự vui mừng trong lòng của các môn đồ Ngài. Những hình thức truyền thống Do Thái để bày tỏ đời sống tôn giáo đã trở nên cứng ngắt và không có sức thu hút. Rượu mới của đời sống mới trong Đấng Christ không thể nào thuận phục dưới những cấm đoán không có sức thuyết phục. Không phải niềm vui và sự hăng hái của người Cơ Đốc là không cần kết hợp với kỷ luật và những hạn chế; nhưng những hình thức mới cần phải được thiết lập và có sức thu hút và tự nhiên, kết quả là đem lại sức mạnh càng hơn.

*Rượu mới và rượu cũ.* Rượu của Do Thái Giáo đã mất chất men và cũ kỹ bởi kinh nghiệm của hàng thế kỷ và ngày càng thêm vào truyền thống. Còn Phúc âm của Đấng Christ và sự cứu rỗi thì chu cấp chất rượu mới. Một người đã nuôi dưỡng mình bằng hương vị của truyền thống và chân giá trị đặt nền trên Do Thái Giáo thì không thể ngay lập tức tận hưởng Cơ Đốc Giáo; thậm chí người ấy còn có thể tức giận trước những điều lạ thường của Cơ Đốc Giáo. Nhiều người đã chấp nhận, và một số người vẫn đang cố gắng.

Tuy nhiên, chúng ta hãy lưu ý, mặc dầu có sự so sánh xuyên suốt giữa Do Thái Giáo và Cơ Đốc Giáo cho đến khi Tin lành được lan rộng, nhưng không hề có bất cứ điều gì thiếu tôn trọng đối với Do Thái Giáo. Bây giờ, chiếc áo của Do Thái Giáo đã cũ; nhưng không thể phủ nhận rằng đây là chiếc áo rất tốt, được Đức Chúa Trời ban cho trong thời kỳ ấy. Bầu da của Do Thái Giáo đã quá cũ và quá chật đối với rượu mới; nhưng nó lại rất tốt để đựng rượu cũ. Thật ra, cuối cùng phải thừa nhận rằng đối với một số người thì hương vị ban đầu của Do Thái Giáo vẫn “ngon” hơn là Cơ Đốc Giáo. Nói thẳng ra, phúc âm của người Cơ Đốc được so sánh với một Do Thái Giáo tốt đẹp và lành mạnh do chính Đức Chúa Trời thiết lập để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu cho đến khi Đấng Christ đến.

### **3. Đấng Christ và Giới lãnh đạo (6:1-19)**

Chúng ta đã đi được nửa đường của giai đoạn này và sự việc bắt

đầu càng nghiêm trọng hơn. Phúc âm của Đấng Christ không còn so sánh với những nét đặc trưng của Do Thái Giáo, là tôn giáo rất tốt trong giai đoạn xưa nhưng bây giờ đã trở nên cũ kỹ và lỗi thời. Nhưng hơn thế nữa, phúc âm bị đòi buộc phải đứng lên chống lại với những sự phân tích Kinh Thánh sai trật và sau đó là chủ ý xuyên tạc của Do Thái Giáo. Trong câu chuyện đầu tiên của hoạt động này, những người Pha-ri-si đã buộc tội Chúa Jê-sus và các môn đồ Ngài vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời, và Đấng Christ đã phải chỉ ra rằng sự buộc tội của họ dựa vào cách giải thích sai trật lời thánh của Đức Chúa Trời. Trong câu chuyện thứ hai, Đấng Christ phải phản đối lối giải nghĩa luật pháp về ngày Sa-bát của người Pha-ri-si là không những sai trật mà còn thiếu đạo đức nữa. Trong câu chuyện thứ ba, Chúa Giê-xu với tư cách là Đấng Mê-si-a của dân Y-sơ-ra-ên, đã không muốn sử dụng tất cả những nhà lãnh đạo tôn giáo theo truyền thống mà chỉ định mười hai môn đồ trở thành những người đại diện cho uy quyền của Ngài giữa dân tộc này. Thế là Ngài đã thực hiện bước đầu tiên trên con đường mà cuối cùng sẽ dẫn đến việc phân rẽ hoàn toàn giữa Cơ Đốc Giáo và Do Thái Giáo. Vậy chúng ta hãy đi vào chi tiết của những câu chuyện này.

*a. Tại cánh đồng lúa mì (6:1-5)* Luật Sa-bát của Cựu Ước (xem Xuất 20:8-11) cấm làm việc trong ngày Sa-bát. Đến đây thì không có gì để tranh cãi. Vì thế, các môn đồ của Chúa đã bứt bông lúa mì trong ngày Sa-bát, vò nó trong tay và ăn những hạt bên trong, thế là một số người Pha-ri-si buộc tội họ vi phạm luật Sa-bát (xem 6:1-2). Nếu sự buộc tội này là vững vàng, thì lẽ ra các môn đồ phải bị cáo trách về tội lỗi và hàm ý này cũng dành cho Đấng Christ nữa.

Ma-thi-ơ cũng có ghi lại sự kiện này (xem 12:1-8) và Mác (xem 2:23-28), cả hai đều thông tin cho chúng ta rằng, Đấng Christ nêu lên những lý do khác nhau để bào chữa cho cách cư xử của các môn đồ Ngài. Lu-ca chỉ chọn để ghi lại một trong những lý do ấy, vì thế tại đây chúng ta chỉ quan tâm đến một lý do ấy mà thôi. Chúa của chúng ta không chọn - là điều lẽ ra Ngài có thể làm- để chỉ cho họ thấy rằng cách định nghĩa của họ về việc phạm luật trong ngày Sa-bát là quá tùy tiện và không có uy quyền của Lời Chúa. Nhưng Ngài đã chỉ ra rằng cách áp dụng của họ về nguyên tắc chung của luật Sa-bát là sai

trong trường hợp cụ thể này: họ không quan tâm rằng chính Kinh Thánh cho phép áp dụng định chế của tôn giáo trong những trường hợp và hoàn cảnh nhất định, là một tiền lệ đã được thiết lập bởi việc Đa-vít ăn bánh thánh (xem 6:3-4 và I Samuên 21).

Luật về bánh thánh không phải là luật đạo đức mà chỉ là những qui định về tôn giáo. Việc bánh thánh chỉ dành riêng cho Đức Chúa Trời và các thầy tế lễ của Ngài được thiết lập để dạy dân Ysoraên về sự thánh khiết của Ngài, sự thánh hóa trong sự phục vụ Ngài và sự nên thánh của những người được Ngài chọn để thi hành chức vụ trước mặt Ngài trong chức vụ tế lễ đặc biệt. Nhưng trường hợp được ghi lại trong I Sa-mu-ên không phải là trường hợp bình thường. Trước hết, Đa-vít không phải là thường dân. Ông là người được Chúa xúc dầu (I Sa-mu-ên 16), ông là vua được Chúa chọn trên dân Y-sa-ra-ên. Hơn thế nữa, lúc bấy giờ ông đang chạy cứu mạng khỏi vị vua gian ác là Sau-lo, và ông đang rất đói bụng. Điều vô cùng quan trọng đối với Chúa là người được Ngài xúc dầu phải được nuôi dưỡng; và điều này là hoàn toàn đúng, vì thế, đó là một biểu tượng về sự thánh hóa chuẩn mực của một người được thiết lập để dạy dân Ysoraên về sự tôn kính chức vụ hầu việc Chúa, chức vụ ấy phải được sử dụng để phục vụ cho nhu cầu của người được Chúa xúc dầu, vì thế, không có gì sai trật trong điều này.

Bây giờ nói đến điểm tương đồng giữa luật về bánh thánh và luật Sa-bát, giữa Đa-vít là người được Chúa xúc dầu với Chúa Giê-xu là Con người. Ngày Sa-bát được thiết lập vì lý do chủ yếu này giữa nhiều lý do khác, để dạy con người phải nghỉ một ngày trong tuần, không phục vụ chính mình nữa mà dâng ngày ấy lên để phục vụ Chúa. Nhưng Chúa Jêsus không phải là con người bình thường. Ngài là Đấng Christ, Con trai Đa-vít (xem 1:32), Đấng được xúc dầu (xem 4:18), Ngài chính là Con Người trong ý nghĩa đầy trọn nhất và là Con Người thì Ngài công bố rằng chính Ngài là chủ ngày Sa-bát. Ngài có quyền nhận lấy sự phục vụ không ngừng của các môn đồ. Nếu bút bông lúa mì là để phục vụ Ngài, thì đây là điều đúng đắn hoàn toàn, thậm chí nếu điều ấy được thực hiện trong ngày Sa-bát.

Nếu khách du lịch nhìn chung quanh một căn nhà thật đồ sộ và đi ngang qua tấm bảng có đề chữ nhà riêng, thì người ấy phải

tôn trọng luật giới hạn của chủ nhà. Nhưng nếu con trai của ông chủ bước ra và mời anh ta vào ăn tối thì vị khách sẽ không bị xem là không tôn trọng chủ nhà khi đi theo đứa con trai vượt qua cửa có đề chữ nhà riêng. Chúng ta phải thừa nhận rằng người Pha-ri-si không hề nhận biết rằng Chúa là Đấng rất siêu phàm và Ngài vượt trội hơn danh hiệu Con loài người (xem Đa-ni-ên 7:13-14) Tuy nhiên, đây là sự áp dụng luật Sa-bát cách sai trật, đầu áp dụng trong sự thiếu hiểu biết, buộc tội các môn đồ vi phạm vì đã làm việc cho Con Đức Chúa Trời trong ngày Sa-bát của Đức Chúa Trời.

Trước khi rời khỏi sự kiện này, chúng ta hãy suy ngẫm lại tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời mong đợi nơi Y-sơ-ra-ên đã được nâng lên, chứ không hề bị hạ thấp xuống như thế nào. Họ được dạy dỗ là phải làm công việc của mình trong sáu ngày một tuần, và phải dành riêng ngày thứ bảy là ngày thánh cho Chúa. Thật là nguy hiểm trong thế giới trần tục này, Cơ Đốc Nhân rất dễ nhầm lẫn vì tưởng rằng trong sự tự do của người Cơ Đốc, chúng ta có thể hạ thấp tiêu chuẩn này, cho đến nỗi chẳng có ngày nào là thánh cho Chúa; thật ra Lời dạy của Chúa chúng ta là, đối với người thuộc về Chúa thì mỗi ngày đều phải thánh cho sự phục vụ Ngài. Chúng ta có thể nhớ lại điều này qua 5:1-11, Ngài dạy Phi-e-rơ rằng Ngài là Chủ của công việc hằng ngày của các tín hữu; tại đây Ngài dạy các môn đồ Ngài rằng Ngài cũng là Chủ ngày Sa-bát của họ nữa.

*b. Người đàn ông bị teo tay (6:6-11)* Kế tiếp là sự đối đầu vào một ngày khác giữa Đấng Christ và những người giải thích Kinh Thánh theo phái Pha-ri-si. Câu chuyện này xảy ra tại nhà hội vào một ngày Sa-bát. Trong nhà hội có một người đàn ông bị teo bàn tay và mấy người Pha-ri-si đang theo dõi xem Đấng Christ có chữa lành cho ông ta không; họ sẵn sàng để buộc tội Ngài nếu Ngài thực hiện sự chữa lành, vì đối với họ, chữa lành là một công việc, vì thế họ cấm chữa lành trong ngày Sa-bát.

Đấng Christ (5:14) rất cẩn thận trong việc tán thành thẩm quyền của các thầy tế lễ, và Ngài xem thường cái mà họ gọi là uy quyền. Vì đọc được ý tưởng của họ nên Ngài mời người bị teo bàn tay bước ra để mọi người có thể nhìn thấy ông ta. Chắc chắn mọi người phải tập trung vào người đàn ông tội nghiệp, đôi tay co quắp

và vô dụng. Có ai chịu suy nghĩ rằng giữ ngày Sa-bát có nghĩa là giữ tình trạng đau khổ của ông ta dài hơn. Với lòng thương xót lớn lao của Ngài, Đức Chúa Trời đã ấn định ngày Sa-bát để đôi tay của con người được nghỉ ngơi và bồi dưỡng sức lực để càng có sức làm việc, chứ không phải kéo dài tình trạng tật nguyền để con người không được làm việc. Đấng Christ bởi lòng thương xót đã đưa tay chạm đến người phung (xem 5:13), bây giờ Ngài yêu cầu người đàn ông hãy đưa tay ra để Ngài chữa lành.

Nhưng không phải chỉ bởi lòng thương xót làm cảm động lòng Ngài, trong lần này Ngài cũng không kêu gọi người ta phải quan tâm về địa vị đặc biệt và quyền hạn của Ngài là Con loài người và là Chủ ngày Sa-bát, cũng không phải vì Ngài muốn bày tỏ uy quyền về một phân đoạn Kinh Thánh cụ thể. Nhưng thật ra Ngài đang kêu gọi về uy quyền đạo đức, và tranh luận rằng phân tích Kinh Thánh về luật Sa-bát mà đi ngược lại với nền tảng đạo đức là sai, vì như vậy là phỉ báng đặc tánh của Đức Chúa Trời là Đấng thiết lập ngày Sa-bát. Cấm không cho chữa lành người đàn ông bị teo bàn tay tức là làm tổn hại đến ông ta. Chúa Jêsus phán, Ta hỏi các ngươi: Trong ngày sa-bát, được phép làm việc lành hay việc dữ, nên cứu người hay giết người?" (xem 6:9)

Tuy nhiên, khi Đấng Christ khiến những thầy thông giáo và Pha-ri-si bị xấu hổ khi Ngài chữa lành cho người teo tay 'họ giận dữ và bàn với nhau xem có thể làm gì với Đức Chúa Jêsus (6:11). Tâm trí của những nhà lãnh đạo này thật quái lạ. Họ cho rằng không cần thiết phải quan tâm đến đạo đức thông thường; và họ càng thiếu lòng quan tâm hơn nữa về việc làm giảm thiểu những đau khổ và bệnh tật của nhân loại. Họ chỉ quan tâm đến việc giữ luật pháp; đặc biệt là những luật nào phát sinh do cách phân tích Kinh Thánh hoặc những truyền thống mà họ yêu mến; và những nhà giải kinh theo cách ấy là đã qui tội cho uy quyền bất di bất dịch của Đức Chúa Trời. Hãy để Đức Chúa Trời Đấng nhập thể, phủ nhận lời giải thích của họ, và Ngài can thiệp bằng một phép lạ đầy nhân từ với sự tốt lành thiên thượng, giải phóng nhân loại khỏi nỗi khốn khổ, nhưng thay vì sửa lại lời phân tích Kinh Thánh, họ lại lên kế hoạch để chấm dứt những phép lạ ấy và không muốn nó xảy ra một lần nữa. Lu-ca đã thẳng

thần mô tả thái độ này là đại dột, thiếu suy xét (6:11) Lu-ca cứ tường trình tiếp mà không hề dừng lại để giải thích rằng đây không phải là Do Thái Giáo thật, nhưng chỉ là sự xuyên tạc của Do Thái Giáo, ông cũng không hề nói rằng không phải lúc nào Cơ Đốc Giáo cũng tránh đối đầu với những lời giải thích sai trật.

*c. Chữa lành cho đoàn dân đông (6:12-19).* Các thầy thông giáo và người Pha-ri-si tức giận vì trước mặt mọi người uy quyền của họ bị xúc phạm và Chúa phơi bày sự đại dột của họ, vì lúc này lời giải thích Kinh Thánh theo ý riêng còn nguy hiểm hơn lúc nó mới xuất hiện. Sự đại dột của họ cuối cùng sẽ dẫn họ đến chỗ giết Ngài. Vì thế Lu-ca nói, 'Trong những ngày đó,' Chúa thức thâu đêm cầu nguyện ở trên núi, và sau đó Ngài thực hiện hai điều.

Thứ nhất, Ngài cẩn thận chọn mười hai người giữa vòng các môn đồ và chỉ định họ trở thành các sứ đồ. Những người này sẽ trở nên những con người thế nào và thực hiện công việc gì thì sau này chúng ta sẽ học từ Lu-ca và từ những phần còn lại của Tân ước.

Chẳng bao lâu, họ sẽ được sai phái như những người chính thức đại diện cho Đấng Mê-si-a để đến với các dân tộc. Chính con số mười hai của họ rất phù hợp với con số mười hai chi phái Ysơraên. Ngài sẽ ủy thác quyền năng và uy quyền của Ngài cho họ (xem 9:1). Sau lễ Ngũ Tuần, họ chính thức là những chứng nhân của Ngài (xem Công vụ 1:8,22) và làm lãnh đạo của cộng đồng mới, là hội thánh Cơ Đốc. Từ giữa vòng họ, sẽ có những người được Chúa chọn trở thành những trước giả được hà hơi viết ra Tân Ước, là phương tiện chính thức chuyển tải sự mặc khải của Đấng phục sinh bởi Thánh Linh ban cho Hội Thánh (xem Giăng 14:26; 15:27; 16:13-15).

Thứ hai, sau khi chọn lựa, Ngài cùng họ xuống khỏi núi nơi Ngài cầu nguyện, và đứng trên một vùng đất bằng, trước sự nhóm lại của các môn đồ và đông đảo quần chúng đến từ khắp đất nước, từ Bắc chí Nam (xem 6:17). Đây là lần đầu tiên mà những người này cùng đứng với Ngài trước mặt công chúng là một đoàn người đông đảo gồm có đại diện từ mọi miền đất nước. Họ sẽ không bao giờ quên được sự kiện ấy hoặc phần minh họa về lời dạy dỗ mà Ngài ban cho họ trong ngày hôm ấy. Lu-ca thuật lại cho chúng ta, họ kéo đến, để nghe Ngài dạy và để được chữa lành bệnh...vì quyền năng từ Ngài



phát ra và chữa lành mọi người. Chúng ta nhớ lại về một lần nhóm lại khác mà Lu-ca đã tường trình (xem 5:17), lúc bấy giờ có những người Pha-ri-si và các thầy dạy luật từ các làng trong miền Ga-li-lê, Giu-đê và từ thành Giê-ru-sa-lem đến ngồi tại đó. Trong lần đó, Chúa Jê-sus đã cho các vị giáo sư ấy một minh họa về chức vụ giảng dạy đầy ý nghĩa của Ngài. Quyền năng của Chúa ở với Ngài để chữa lành bệnh tật, và nét đặc trưng trong lời dạy dỗ về sự chữa lành của Ngài được bày tỏ trước hết là Ngài tha tội cho người bại và sau đó công bố ông được tự do khỏi chứng bại liệt và ban cho ông quyền năng để bước đi trong sự vinh hiển của Chúa. Vì thế, với sự hiện diện của những sứ đồ vừa được chỉ định đang đứng với Ngài trên vùng đất bằng, quyền năng từ Ngài lưu xuất ra và Ngài chữa cho đám đông, và trong bối cảnh ấy của sự chữa lành, Ngài đã 'ngước mắt nhìn môn đồ' (6:20) và dạy họ điều mà sau này các thư tín mục vụ đã mô tả là 'khỏe mạnh', là một từ ngữ đầy trọn, thậm chí là lời chân chính và giáo lý tin kính của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jê-sus Christ (I Timô-thê 6:3).

#### **4. Nguyên Tắc của Đấng Christ về Đạo Đức (6:20-49)**

Bây giờ chúng ta đến với phần tương đương với bài giảng trên núi trong sách Lu-ca. Chúng ta không cần trả lời câu hỏi có phải tài liệu được Lu-ca ghi lại chính là bài giảng mà Chúa Jê-sus đã giảng trên núi, và vào cùng một sự kiện mà Ma-thi-ơ ghi lại hay không.

Nhiều diễn giả đã giảng những bài giảng nói chung là giống nhau, nhưng tại mỗi nơi thì có khác một chút, và chúng ta nghĩ rằng có thể nghĩ rằng tài liệu được lấy từ những nguồn khác nhau. Có thể Đấng Christ đã giảng hai lần khác nhau. Nhưng đối với mục đích của chúng ta thì những sự khác biệt giữa cách trình bày của Lu-ca với Ma-thi-ơ là vô cùng ích lợi. Chúng ta không dám hi vọng có thể đánh giá đúng toàn bộ bài giảng về đạo đức của Chúa chúng ta đã được Lu-ca ghi lại; điều đó đòi hỏi công việc giải kinh kỹ lưỡng về từng chi tiết và sự thảo luận rộng khắp trong nhiều lãnh vực áp dụng. Một sự nghiên cứu như thế có thể dẫn chúng ta đi vượt quá xa công việc sắp xếp hiện tại của chúng ta. Chúng ta phải thỏa lòng để quan sát dòng tư tưởng chính của Lu-ca, và với mục đích ấy thì những nét đặc trưng đã tạo khác biệt giữa phần tường trình của Lu-ca với bài Giảng Trên Núi của Ma-thi-ơ sẽ cho chúng ta một lời hướng dẫn rất ích lợi.

a. *Thái độ đúng đắn đối với người nghèo khó, người đói kém, đau buồn và người bị xã hội loại bỏ (6:20-23).* Trước hết, chúng ta hãy lưu ý rằng trong khi Bài Giảng Trên Núi của Ma-thi-ơ có chín phúc lành, thì Lu-ca chỉ có bốn mà thôi (xem 6:20-23). Tại đây, không hề công bố phúc lành dành cho người nhu mì, người hay thương xót, người có lòng trong sạch, kẻ làm cho người được hòa thuận; mà chỉ đề cập đến tình trạng tiêu cực của người nghèo khó, người đói khát, kẻ hay than khóc, và những người phải chịu khổ này được công bố là được phúc vì sự đền bù mà họ sẽ được nhận lãnh, vì thế hãy vui cười. Kế đến là một phúc hạnh còn nổi bật hơn ba phúc hạnh kia kết hợp lại. Ngài công bố phúc hạnh trên những người vì có Đấng Christ mà bị người ta ghen ghét, xua đuổi, mắng nhiếc, bị loại bỏ như kẻ gian ác: nói tóm lại, là không phải bất cứ ai vì bất cứ lý do gì mà bị xã hội loại bỏ cũng được phúc nhưng chỉ những người vì có danh Đấng Christ.

b. *Thái độ đúng đắn đối với những kẻ giàu có, kẻ đang no đủ, những kẻ hiện đang cười, những kẻ được mọi người khen tặng (6:24-26).* Những chữ 'khốn cho các ngươi' mà Đấng Christ công bố trong những câu này không phải là phần tương đương với Bài giảng trên núi của Ma-thi-ơ. Đây là phần riêng biệt của Lu-ca. Đây là sự pha trộn giữa phần nô và đau buồn, mà đau buồn nhiều hơn là phần nô. Chúng được lập lại bằng những từ ngữ đảo ngược lại; vì thế, đây là điều cần được nhấn mạnh, thế nào là 'những người được phúc'. Bây giờ sự nhấn mạnh lớn nhất giữa vòng những người được phúc, như chúng ta vừa mới để ý, tập trung vào những người bị ghét bỏ, bị loại khỏi xã hội và bị sỉ nhục vì có Con Người. Đấng Christ giải thích rằng họ chịu khổ giống như các tiên tri từng chịu khổ vậy (xem 6:23). Vì thế, tại đây có phần đối ứng 'khốn cho các ngươi' (6:26) khi được mọi người khen tặng, vì tổ phụ họ cũng đối xử với các kẻ tiên tri giả như vậy! Vì thế, Lu-ca không để chúng ta phải thắc mắc về những gì mà Đấng Christ đang suy nghĩ. Ngài đang suy nghĩ về lời chỉ trích đầy cay đắng dành cho lời dạy dỗ của Ngài, là những tấm gương cụ thể mà chúng ta đã gặp trong giai đoạn này, và thậm chí sự thù địch càng gia tăng đã hé lộ khi Ngài phơi bày sự dạy dỗ sai trật của người Pha-ri-si.

Chúng ta đã gặp một trường hợp không vui trong 6:11, như

chúng ta đã biết, cuối cùng đã dẫn đến việc họ giết Ngài, như Lu-ca đã ghi lại trong Công vụ về một cơn bắt bớ bùng nổ chống lại Hội Thánh.

Thêm một điều khác biệt nữa của Lu-ca, nhỏ thôi nhưng rất có ý nghĩa và rất đáng giá để chúng ta lưu ý. Trong Ma-thi-ơ, chính Đấng Christ nói, 'Phước cho những người nghèo khó tâm linh, vì vương quốc thiên đàng thuộc về họ!' (5:3), còn trong Lu-ca thì Đức Chúa Jêsus ngược mắt nhìn môn đồ và phán: 'Phước cho các con là những người nghèo khó, vì vương quốc Đức Chúa Trời thuộc về các con' (6:20). Ở đây dùng ngôi thứ hai số nhiều chứ không phải dùng ngôi thứ ba như bài dạy đang tiếp tục, phước cho những kẻ... và khốn thay cho các người...

Điều đáng nói ở đây là Đấng Christ chia đám người đông đảo đang nghe Ngài giảng dạy thành hai nhóm: các người là những người nghèo khó, hiện đang đói và khát lóc, các người là những kẻ giàu có, hiện đang no đủ và cười đùa; các người là những người được mọi người khen tặng, và những người phải chịu đau buồn. Sự khác biệt sau cùng là có ý nghĩa đặc biệt. Không phải giữa người bị chỉ trích với người được mọi người khen tặng. Nhưng là sự khác biệt giữa người bị chỉ trích vì có Con Người với người được mọi người khen tặng. Cùng nguyên tắc này áp dụng cho tất cả những điều tương phản còn lại. Nói cách khác, sự khác biệt giữa hai nhóm người này không phải là nghèo thiếu, đói khát đau buồn vì bất cứ lý do gì, hoặc giàu có, no đủ và cười đùa vì bất cứ lý do gì. Tiêu chuẩn căn bản chia đôi hai nhóm người đông đảo này chính là họ có phải là môn đồ thật của Ngài hay không.

Trường hợp của Lê-vi người thu thuế (xem 5:27-32) sẽ minh họa điều này. Trước khi tiếp nhận Chúa, ông cũng giống như những bạn thu thuế khác, bị người ta ghét, là tầng lớp bị xã hội loại bỏ, bị người ta phê bình, chỉ trích. Dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là ông hãy vui mừng hưởng lấy phước hạnh mà Đấng Christ đề cập đến ở đây. Vì ông không gánh chịu tất cả những điều này vì có Đấng Christ. Thật ra ông ở giữa vòng những người giàu có, no đủ, những người cười đùa- là lời mô tả rất phù hợp dành cho những khách mời trong những buổi tiệc tùng của ông ta trước khi ông ta chưa tin Chúa.

Nhưng rồi Đấng Christ đã biến đổi ông: Ông chấm dứt ngay mọi hình thức tống tiền, từ bỏ nghề nghiệp đầy lợi nhuận, mà chia sẻ với Đấng Christ và đội truyền giáo của Ngài túi tiền rất ít ỏi để đem tin lành khắp đất nước. Thật quá lạ lùng, sự thay đổi của ông đã không đủ để đem đến khác biệt trong lãnh vực này: ông vẫn còn bị nói xấu. Những người Pha-ri-si, càng không tán thành về việc thu thuế thì lại càng không hài lòng về việc ông trở lại đạo và việc ông ra sức dẫn những bạn thu thuế đồng nghiệp trở về với Chúa (xem 5:29-30).

Còn những người nghèo, vui mừng với lòng bình an vì số của những người thu thuế giảm đi, nhưng khi họ khám phá ra rằng Chúa Jêsus không chuẩn bị để lãnh đạo một cuộc cách mạng chống lại những người theo chủ nghĩa đế quốc thì cuối cùng họ đã nhập bọn với người Pha-ri-si và Sa-đu-sê, chống lại Đấng Christ và các môn đồ của Ngài, bao gồm cả ông Lê-vi, và chọn tha một nhà cách mạng nổi loạn (xem 23:18-25). Nhưng bây giờ, Lê-vi thật đáng nhận lấy phước hạnh mà Đấng Christ vừa phán: dành cho người nghèo khó, người phải chịu khổ, người bị chỉ trích, bị xã hội loại bỏ, vì điều mà ông đang chịu là chịu khổ vì sự trung thành với Đấng Christ và phúc âm của Ngài.

Còn thêm một yếu tố nữa trong bài dạy của Đấng Christ có thể khiến chúng ta cần dừng lại trong giây lát. Đó là lòng thương xót vượt trội của Ngài dành cho những người giàu có vô liêm sỉ. Trong 5:27-31, bất chấp những lời phê bình nặng nề của người Pha-ri-si, Ngài vẫn ngồi giữa họ với lòng thương xót của một lương y như từ mẫu dành cho người bị bệnh nan y. Bây giờ, tại đây trong 6:25-26, Ngài cho chúng ta biết điều gì đã làm cảm động khiến Ngài công bố 'khốn cho các ngươi' vì những đau khổ sẽ đổ trên họ: với tư tưởng rằng những điều vui sướng mà họ được hưởng trên đời này là tất cả những vui sướng mà họ đã nhận được rồi. Khi chúng ta đến với câu chuyện về người giàu và La-xa-rô (xem 16:19-31) chúng ta sẽ nhìn thấy đầy đủ hơn Ngài có ý gì khi nói những người như thế đã được hưởng được tất cả những điều tốt lành rồi (xem 16:25); và chúng ta sẽ càng sẵn sàng để hiểu hơn về lòng thương xót của Ngài. Sẽ thật thú vị để nhìn thấy rằng từ giai đoạn đó trở đi (xem 15:13-15) những người Pha-ri-si, ở mức độ nào đó đã thay đổi cách nhìn của họ

về tầm nghiêm trọng của việc làm tội mọi cho tiền bạc.

*c. Thái độ đúng đắn đối với kẻ thù và người vay mượn chúng ta (6:27-38).* Dưới đây là một số lời khuyên bảo chi tiết về đạo đức. Những người Pha-ri-si tự cho mình là quan trọng, vì thế họ cũng ráng làm cho cân đối những gì họ vừa nghe. Một người đàn ông đầy dẫy sự vui mừng vì ông vừa bị đuổi ra khỏi hội của những người nam, bị quở trách và bị loại bỏ như một con quỉ, và ai có thể chấp nhận một người được mọi người khen tặng mà lại bảo là 'khốn cho người ấy', có lẽ người ấy có nguy cơ trở thành một nhân vật không được ưa thích, một người Ích-ma-ên đích thực, người có tay nghịch lại với mọi người, và mọi người đều nghịch lại ông ta. Đấng Christ phòng ngừa mối nguy này bằng cách nói với các môn đồ của Ngài về thái độ phải có đối với chính kẻ thù của họ, là người đuổi họ ra khỏi cộng đồng xã hội và nói những lời lăng mạ đối với họ. Hãy yêu kẻ thù mình, làm ơn cho kẻ ghét mình, chúc phước cho kẻ rửa sả mình, và cầu nguyện cho kẻ sỉ nhục mình...hãy cho mượn...hãy thương xót...đừng xét đoán ai... đừng lên án ai... Hãy tha thứ'

Có hai nguyên tắc căn bản chạy xuyên suốt những lời khuyên bảo này.

Điều thứ nhất là những người đi theo Chúa Jêsus được kêu gọi để cư xử tốt lành vượt trội những tội nhân (xem 6:32-34). Thật ra đây là những thái độ và hành động tử tế, rộng lượng mà tất cả chúng ta đều đối xử đối với chính mình và đó cũng chính là hành động và thái độ của mọi nhóm người đối đãi với các thành viên trong nhóm của họ. Tất cả chúng ta đều yêu mến những bạn đồng công, bạn đồng nghiệp, những người cùng theo một chủ nghĩa, người cùng một chủng tộc hoặc cùng một tôn giáo. Nhưng điều đó chẳng có gì là đặc biệt cả. Thậm chí những người có tội cũng làm như vậy. Đấng Christ kêu gọi những người đi theo Ngài hãy yêu kẻ thù nghịch mình, kẻ chống đối mình, những kẻ cướp đồ đạc của mình và những người đầy bạo hành đối với chúng ta, và làm điều tốt cho họ (xem 6:27-29).

Điều thứ hai là những người đi theo Đấng Christ phải bày tỏ tâm tánh giống như Cha của họ (xem 6:35-36). Ngài là Đấng công chính, nhưng Ngài còn hơn là Đấng công chính: Ngài đầy lòng thương xót. Vì thế con cái của Ngài phải giống Ngài. Vấn đề không

ở chỗ chúng ta phải theo những luật lệ nào hoặc thậm chí là ra về công chính một cách đầy hình thức. Nhưng vấn đề là thừa hưởng bản chất của Cha Thiên Thượng vì đã được sanh lại cho nên bạn bày tỏ bản chất ấy qua cách cư xử của những người con đã trưởng thành. Có người nói rằng, quyền làm con là vấn đề mấu chốt trong lời dạy của Chúa Jêsus về đạo đức. Chúng ta nhớ lại, làm thế nào trong đoạn 5:34-35 Ngài đã giải thích rằng cách cư xử của các con trai/ các người hầu của chàng rể (tiếng Hi Lạp dịch là bạn của chàng rể) sẽ tùy thuộc vào sự hiện diện hoặc sự vắng mặt của chàng rể. Sự tương đồng ở đây đã dẫn đến hình ảnh ẩn dụ: Ngài là chàng rể, còn các môn đồ của Ngài là các con trai/ các người hầu của chàng rể. Ở đây các môn đồ của Ngài là các con trai của Cha Ngài. Một lần nữa chúng ta kết luận rằng đối với họ, cách cư xử đúng đắn về đạo đức không quan trọng ở chỗ vâng giữ luật lệ nhưng vấn đề là phát triển một tâm tánh ngày càng giống Đức Chúa Trời đến nỗi vui hưởng sự sống của Đức Chúa Trời trong mối thông công với Đấng Christ.

*d. Một ẩn dụ ba mặt (6:39-49).* Phần thứ hai của giai đoạn 3 kết thúc bằng một ẩn dụ ba mặt cũng giống như phần đầu của giai đoạn này. Nhưng có một sự khác biệt quan trọng trong sứ điệp của hai ẩn dụ này. Ẩn dụ ba mặt thứ nhất (xem 5:36-37) quan tâm về sự tương phản giữa cái mới và cái tốt hơn với điều đã tốt rồi trong thời kỳ điều ấy được thiết lập, nhưng bây giờ đã trở nên cũ và lỗi thời. Ẩn dụ ba mặt thứ hai quan tâm đến sự tương phản giữa điều có thật, tốt lành và đúng đắn với điều sai trật rành rành và tệ hại nặng nề.

Phần đầu của ẩn dụ thứ hai (xem 6:39-42) dựa vào sự tương đồng với những gì mắt thấy và được áp dụng cho những ai dạy dỗ người khác. Ẩn dụ này khiển trách người ta về hai điều sai trật. Thứ nhất, thật là sai trật đối với người không hề thấy đường, tuy vậy lại làm giáo sư dẫn đường cho người khác (xem 6:39-40), với một hậu quả không thể tránh khỏi là chính anh ta và cả những người anh ta dẫn dắt đều sẽ rơi xuống hố, mà chắc chắn những môn đệ của họ, không thể tốt hơn người thầy mà mình đang dựa vào nên cũng té xuống hố.

Đây là thảm họa khi nghe theo một người không hề kinh nghiệm ơn cứu rỗi của Đấng Christ cho chính đời sống mình mà lại

ra sức dạy dỗ người khác về Phúc âm của Đấng Christ để họ trở nên giống như mình.

Thứ hai, người thấy đường cũng sai trật, là người thường có cái nhìn đoán xét sai trật trầm trọng: anh ta có cả một khúc gỗ to trong mắt mình, Chúa chúng ta nói vậy, với lối nói cường điệu thật hay, cho nên anh ta không thể nào nhìn thẳng được. Với một ngôn ngữ rất bình thường, Ngài nói anh ta có một thói quen hoặc thái độ sai trật rành rành mà ai cũng thấy, nhưng thật quá lạ, không những anh ta không nhìn thấy mình, nhưng anh chính là người thường xuyên chỉ trích, phê phán người khác về những lỗi lầm, sai trật nhỏ hơn anh ta, và còn đề nghị xin được sửa lại tầm nhìn của người khác bằng cách lấy những mảnh rác nhỏ ra khỏi mắt họ. Thật ra, anh ta có thể nhìn thấy cả tấm ván gỗ to trong mắt mình nếu anh muốn: việc anh ta tìm lỗi nơi người khác chẳng qua chỉ là để lỗi lầm lồ lộ của anh ta không bị người khác đoán xét. Chúa của chúng ta gọi loại người đó là giả hình (xem:41-42).

Phần thứ hai của ẩn dụ (6:43-45) là dựa vào sự tương thích giữa cây ăn trái và quả của nó. Trái của cây là sự phản ánh bản chất của cây và không thể nhầm lẫn vào đâu được. Cũng vậy, hành động, lời nói và thái độ của một người là dấu hiệu chắc chắn về tình trạng của tấm lòng người ấy. Nhưng có một sự cám dỗ vẫn luôn mãi rình rập chúng ta vì muốn né tránh nỗi đau là hậu quả khi áp dụng nguyên tắc này cho chính mình, bằng cách xem một vài hành động tốt và lời nói hay đẹp của chính mình và nói rằng ‘đó mới là điển hình của tôi’, còn những hành động cùng lời nói xấu xa của tôi thì... ‘thật ra không phải là chính tôi đâu’. Nhưng làm như thế là tự lừa gạt chính mình. Thật ra, nếu một Cơ Đốc Nhân hiểu mình đang nói về điều gì thì người ấy sẽ nói như Phao Lô rằng, ‘Nếu tôi làm điều mình không muốn thì không phải là tôi, mà chính tội lỗi trong tôi làm điều đó.’ Nhưng Phao-lô đang giải thích vì sao tín hữu phạm tội, chứ không phải ông cho họ một lời bào chữa để họ cứ tiếp tục phạm tội và cũng không tự thấy xấu hổ về điều đó. Một người thường xuyên có những lời nói đầy gian ác, dẫu ít hay nhiều, thì người đó vẫn đang có một tấm lòng gian ác, xấu xa; vì đầy trong lòng thì miệng sẽ nói ra. Một người thánh nhất có thể sẽ kinh hoàng vì những điều xấu xa sâu kín

trong lòng mình thỉnh thoảng bất ngờ phun trào vượt qua khỏi màn lọc đoán xét mang tính đạo đức của anh ta và phơi bày những chất gây ô nhiễm vẫn còn nằm trong tận sâu thẳm trong lòng. Nhưng nếu khuynh hướng chung trong cách chuyện trò của một người là đầy gian ác, thì cội nguồn của những điều đó chắc chắn cũng là gian ác. Không lời bào chữa nào có thể phá vỡ sự liên đới giữa trái với bản chất của cây ấy.

Cuối cùng, phần cuối cùng của câu chuyện dựa vào sự tương đồng trong việc xây dựng (xem 6:46-49). Chỉ có một cách để xây dựng một căn nhà cho thật an toàn có thể chống bão, đó là đào móng thật sâu và đặt nó trên một vầng đá. Nhưng đào cho thật sâu là công việc rất phiền toái. Thật quá dễ nếu cứ thỏa lòng với sự hiểu biết cạn cợt về Cơ Đốc Giáo và lời xưng nhận đức tin chiếu lệ mà không thật sự vâng lời Đấng Christ (6:46). Chúng ta chỉ có một nền tảng duy nhất như thế nào, thì cũng vậy, chỉ những người có mối quan hệ riêng tư với Ngài, trực tiếp và dứt khoát dựa vào Lời của Ngài, tin vào và áp dụng Lời ấy, sống theo Lời, mới có thể sống sót giữa những cơn bão tố của hiện tại và tương lai mà thôi.



---

## *Giai Đoạn 4*

---

# Đường Lối Của Chúa Trong Sự Cứu Rỗi

### Phần Nghiên Cứu Tổng Quát

Đoạn 7 và đoạn 8 của Phúc âm này chứa đựng hầu hết những câu chuyện về sự chữa lành và phép lạ cho các cá nhân do chính Đấng Christ thực hiện. Rồi trong 9:1 Lu-ca chuyển từ chức vụ của Đấng Christ đến lời tường thuật về sứ mạng của mười hai sứ đồ. Trông dường như đoạn 7 và 8 đã được dự định rất kỹ để kết hợp thành giai đoạn 4 của sách Phúc âm này.

Có một chủ đề được nhấn mạnh đặc biệt trong hai đoạn này: đó là chủ đề về sự cứu rỗi. Chúng ta có thể thấy điều này ngay trong phần đầu tiên của việc lập đi lập lại một động từ trong tiếng Hi-Lạp của chữ 'cứu', *sōzō*. Động từ này và từ ghép của nó là *diasōzō* (giải thoát, đem đến an toàn, cứu) nó có thể mang một ý nghĩa rất rộng. Trong Tân ước, chữ *sōzō* được dùng để nói về việc cứu con người khỏi một tình trạng nguy hiểm về vật lý hoặc tai họa, ví dụ như cứu khỏi chết chìm (xem Ma-thi-ơ 8:25). Nó cũng có thể bày tỏ 'sự cứu' theo ý nghĩa 'chữa lành' như trong Ma-thi-ơ 9:22). Nó có thể và thường xuyên có ý nghĩa sâu hơn như 'sự tha thứ' và 'sự cứu rỗi' khỏi một đời sống tội lỗi' (xem Lu-ca 7:50; Tít 3:5). Những danh từ có liên hệ là *sōtēria* (sự cứu rỗi) và *sōtēr* (Đấng Cứu Thế) được sử dụng trong sự nối kết với việc hoàn tất sự cứu rỗi khi Đấng Christ đến lần thứ hai (xem Rôma 13:11; Philip 3:20-21). Vì thế, theo một ý nghĩa nào đó, một người có thể nói rằng hầu như cả Tân ước đều đi theo chủ đề về sự cứu rỗi. Tuy nhiên, rõ ràng trong đoạn 7 và 8 nói đến với một mức độ cao hơn là chỉ tập trung ở mức trung bình với từ ngữ 'cứu'. Động từ *diasōzō* xuất hiện trong 7:3 và không còn xuất hiện ở bất cứ chỗ nào khác trong sách Phúc âm này. Trước đoạn 7,

chữ sōzō chỉ xuất hiện một lần (xem 6:9); nhưng trong đoạn 7 và 8 xuất hiện năm lần (xem 7:50; 8:12, 36, 48, 50). Chúng ta hãy xem xét đến những trường hợp này.

## **Đường Lối Cứu Rỗi Của Đấng Christ**

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

#### **Các Hoạt Động**

1. Được Cứu khỏi chết: Món quà đức tin (7:2-17)
2. Những mong đợi sai trật về sự cứu rỗi, sự chống đối Đấng Cứu Thế (7:18-35)
3. Sự cứu rỗi, tình yêu thương và phục vụ trong tha thứ (7:36-8:3)
4. Mầu nhiệm của vương quốc liên quan đến sự cứu rỗi (8:4-21)
5. Cứu khỏi những yếu tố thuộc thế (8:22-25)
6. Cứu khỏi quyền lực của ma quỷ, và sự chống đối Đấng Cứu Thế (8:26-39)
7. Cứu khỏi đời sống lãng phí vì mất sức sống sinh động (8:40-48)
8. Sự cứu rỗi và 'bí quyết' cứu người từ cõi chết (8:49-56)

Câu chuyện của người đàn bà tại nhà Si-mê-ôn (xem 7:36-39) là câu chuyện riêng biệt của sách Lu-ca. Thật ra, đây là câu chuyện về sự cứu rỗi đầy cảm động: ‘đức tin của con đã cứu con: hãy đi trong bình an,’ là câu nói của Đấng Christ dành cho người đàn bà từng sa ngã mà giờ đây trở thành người đàn bà được tha thứ (7:50).

Còn trong những câu chuyện khác thì Lu-ca cũng giống với các sách Phúc âm khác nhưng ông dùng chữ ‘cứu rỗi’ nhiều hơn họ.

Khi mô tả sự chữa lành của đứa nô lệ của viên đội trưởng, Ma-thi-ơ sử dụng hai động từ: *therapeuō* (8:7) nghĩa là ‘thết đãi’ hoặc ‘chữa lành’, và chữ *iaomai* (8:8,13) có nghĩa là ‘chữa lành’. Lu-ca dùng ba động từ: *iaomai* (7:7) và *hugiaino*, nghĩa là ‘được khoẻ mạnh’, nhưng trong phần giới thiệu câu chuyện này (7:3) *diasōzō* có nghĩa là ‘cứu rỗi’ trong ý nghĩa là cứu một người đang hấp hối.

Trong 8:4-15 Lu-ca ghi lại về ẩn dụ của người gieo giống, Ma-thi-ơ cũng vậy (xem 13:3-23) và Mác (xem 4:3-20). Dĩ nhiên, cả ba nhà truyền giáo này đều giải thích ai là loại người tượng trưng cho hạt giống rơi dọc đường: họ là những người nghe Lời Chúa, nhưng ngay lập tức ma quỷ đến và giật lấy hạt giống đã được gieo vào trong lòng họ. Chỉ một mình Lu-ca giải thích thêm vì sao ma quỷ lại làm thế: ‘e rằng họ tin mà được cứu chẳng’ (8:12).

Ma-thi-ơ (8:28-34), (Mác 5:1-20) và Lu-ca (8:26-39) tất cả đều kể câu chuyện về người bị quỷ ám, và cả ba đều tường thuật những người chứng kiến đã thuật lại với đám đông ai đã ra khỏi thành gần đó và điều gì đã xảy ra. Nhưng chỉ một mình Lu-ca, đã gom lời tường thuật của họ lại và nói như thế này: ‘Những người đã chứng kiến sự việc thuật lại cho mọi người về chuyện người bị quỷ ám được cứu như thế nào’ (8:35).

Cả ba nhà truyền giáo cộng quan đều kể những câu chuyện nối kết với câu chuyện người đàn bà bị mất huyết và con gái của Giai-ru. Cả ba đều nói người đàn bà ‘được cứu’ (hoặc được lành, Ma-thi-ơ 9:22; Mác 5:34; Lu-ca 8:48). Nhưng khi đến câu chuyện của con gái Giai-ru, Ma-thi-ơ không hề dùng cụm từ ‘được cứu’. Mác thì sử dụng từ này khi Giai-ru nài xin Chúa giúp ông khi đứa con gái vẫn còn sống (xem 5:23). Lu-ca thì ngược lại, sử dụng từ này không phải vào

thời điểm này của câu chuyện. Ông chờ cho đến khi người con gái đã chết và mọi người đều tiêu tan hi vọng, rồi sau đó ông ghi lại lời của Đấng Christ nói với Giai-ru: chỉ cần tin thì con của người sẽ được cứu sống.” (8:50). Chắc chắn ông đã dùng chữ ‘cứu’ theo một ý nghĩa rất đáng lưu ý.

Kể đó, trong hai đoạn này, Lu-ca đã gom góp một số câu chuyện mà ông trình bày cho chúng ta về những trường hợp được cứu. Chỉ cần nhìn sơ qua thì cũng thấy rằng tất cả các trường hợp được cứu này đều không thuộc những lãnh vực giống nhau. Hơn thế nữa, song song với những trường hợp này, ông tường thuật những sự kiện khác mà không thật sự sử dụng từ ‘cứu rỗi’ cách rõ ràng như ông dự định trong những trường hợp mà ông muốn nói rộng hơn về sự cứu rỗi.

Những câu chuyện này đã hình thành một sự sắp xếp đầy ấn tượng. Đứa tớ gái của viên thầy đội được cứu khỏi giây phút gần chết (xem 7:2-3); đứa con trai của người đàn bà góa thành Na-in, đã chết rồi nhưng trên đường đem chôn, đã được cứu sống (xem 7:12-15). Người đàn bà tại nhà Si-môn được cứu khỏi mặc cảm tội lỗi của quá khứ nhờ ơn ban của sự tha thứ (xem 7:47-50). Các môn đồ ở bên bờ hồ được cứu khỏi chết chìm trong cơn bão (xem 8:23-24). Người bị quỷ ám được cứu khỏi quyền lực của các quỷ (xem 8:27-36). Người đàn bà bị mất huyết được cứu khỏi tình trạng suy kiệt của cơ thể (xem 8:43-48), trong khi đó con gái của Giai-ru được cứu khỏi sự chết như một giấc ngủ (xem 8:50-55).

Có lẽ Lu-ca có ý nói rằng theo một ý nghĩa nào đó thì những sự kiện này là những trường hợp điển hình về quyền năng cứu rỗi của Đấng Christ. Nhưng thêm vào với những sự kiện này, đoạn 7 và 8 chứa đựng hai phân đoạn dài về những lời bình luận và dạy dỗ: thứ nhất là về vấn đề dấy lên của Giảng Báp-tít (xem 7:18-35) thứ hai là chứa đựng những ẩn dụ được chọn lọc, mà câu chuyện người gieo giống là nổi trội hơn hết (xem 8:2-41). Lẽ tự nhiên, câu hỏi được nêu lên đó là các chủ đề được thảo luận trong hai phân đoạn này có liên quan gì đến chủ đề cứu rỗi không, và nếu có thì liên hệ như thế nào. Chúng ta đã lưu ý rằng Lu-ca đã nối kết một cách rất dứt khoát ẩn dụ về người gieo giống với câu hỏi về sự cứu rỗi (xem 8:12); nhưng

phân đoạn nói về Giăng Báp-tít không sử dụng từ ngữ này cách rõ ràng. Mác thì không ghi lại về phân đoạn này; Ma-thi-ơ (xem 11:2-19), nhưng ông đặt phần này vào bối cảnh hoàn toàn khác với Lu-ca, sau khi mười hai môn đồ thi hành sứ mạng truyền giáo, không giống Lu-ca, đó là trước sứ mạng truyền giáo. Nếu có thể được, chúng ta hãy khám phá xem tại sao Lu-ca lại đặt phần này vào vị trí đã có và nó có quan hệ gì với văn mạch, chúng ta có thể xem cách Lu-ca sắp xếp các tư liệu của mình nói chung trong giai đoạn này. Ngay lúc đầu trong phần nghiên cứu của chúng ta (trang 14.), chúng ta đã để ý rằng câu chuyện về người đàn bà trong nhà Si-mê-ôn, là câu chuyện riêng biệt của sách Lu-ca, đã làm nổi bật sự tương đồng với câu chuyện người đàn bà mất huyết, là câu chuyện mà các sách Phúc âm kia đều có. Có lẽ ông cũng bao gồm phân đoạn nói về Giăng Báp-tít trong bối cảnh này, bởi vì nó cũng dấy lên những câu hỏi trong tâm trí ông rằng những điều này có liên quan đến những vấn đề đã được nêu lên ở bất cứ nơi nào trong giai đoạn này của sách Phúc âm. Chúng ta chỉ có thể nhìn và sẽ thấy. Chúng ta hãy bắt đầu bằng cách liệt kê hàng loạt nội dung của giai đoạn này.

Câu chuyện đầu tiên (xem 7:2-10), ghi lại sự cứu rỗi dành cho tên nô lệ của viên đội trưởng khỏi tình trạng gần chết. Lu-ca kết hợp nó bằng cụm từ 'ngày hôm sau' (7:11) với câu chuyện người con trai của bà góa thành Na-in (xem 7:11-17), là người mà Chúa Jêsus đã cứu sống từ kẻ chết. Dường như Lu-ca nối kết hai sự kiện này lại với nhau vì cả hai đều giải quyết về vấn đề cứu khỏi sự chết, nên chúng ta hãy gọi 7:2-17 là hoạt động 1.

Kế đến, (xem 7:18-23) Lu-ca tường thuật thế nào Giăng Báp-tít đã sai hai trong số môn đồ của ông đến gặp Đấng Christ với một câu hỏi và Đấng Christ đã trả lời thế nào. Phần này được nối tiếp bởi một bài quở trách dài của Đấng Christ đối với đám đông vì thái độ ngoan cố của họ đối với cả Giăng và chính Ngài (xem 7:24-35). Vì cả hai phân đoạn này đều bao gồm Giăng, chúng ta hãy gọi đây là hoạt động 2.

Rồi kế tiếp là câu chuyện của người đàn bà trong nhà Si-môn, người đi theo Đấng Christ với nước mắt, với những cái hôn và sự xúc đầu. Kế đó Lu-ca lại nối câu chuyện này bằng cụm từ 'sau đó' với lời

tường trình của ông về một nhóm phụ nữ đi theo Đấng Christ và các môn đồ của Ngài và đã 'dùng của cải mình mà giúp cho họ' (8:1-3). Chúng ta hãy gọi hai câu chuyện về những người đàn bà tận hiến cho Đấng Christ là hoạt động số 3.

Từ 8:4 trở đi, Đấng Christ dùng ẩn dụ mà giảng. Có câu chuyện ẩn dụ về người gieo giống (8:4-15), ẩn dụ về ngọn đèn (8:16-18), và cuối cùng khi mẹ và anh em Ngài đi tìm Ngài, Ngài công bố ngôn ngữ ẩn dụ này, "Mẹ Ta và anh em Ta chính là những người nghe và làm theo Lời Đức Chúa Trời" (8:19-21). Chúng ta hãy gọi phần ẩn dụ này là hoạt động số 4.

Vào thời điểm này, lời tường thuật chuyển hướng đến một cuộc hành trình của Đấng Christ và các môn đồ Ngài, đó là họ vượt qua bên kia hồ và trở về. Cả câu chuyện dài này chứa đựng bốn phần riêng biệt. Một là, cơn bão xảy ra khi họ đang đi qua hồ (xem 8:22-25). Chúng ta có thể gọi đó là hoạt động số 5. Kế tiếp, việc cứu người bị quỷ ám, xảy ra khi họ vừa vào đất liền phía bên kia hồ (xem 8:26-39). Chúng ta có thể gọi đây là hoạt động số 6. Hai phần kia của câu chuyện xảy ra trên đường họ trở về. Câu chuyện đầu tiên là cứu người đàn bà khỏi căn bệnh mất huyết (xem 8:40-48), và chúng ta có thể gọi đó là hoạt động số 7; và phần thứ hai là cứu con gái của Giai-ru (8:49-56): chúng ta có thể gọi đó là hoạt động số 8.

Cũng vậy, câu chuyện về người đàn bà trong nhà của Si-môn và câu chuyện về người đàn bà bị mất huyết cho thấy có một số nét tương đồng và tương phản trong chi tiết có liên quan đến chủ đề, đối với một số câu chuyện khác cũng vậy, những điều này sẽ xuất hiện khi chúng ta bày ra hết những chi tiết của tám hoạt động trên bản đồ. Đó sẽ là một trong những công tác quan trọng nhất của việc giải kinh để có thể nhìn thấy được ý chính của những điều tương đồng và tương phản này.

## **Những Hoạt Động**

### **1. Cứu Khỏi Sự Chết: Một ân tứ dẫn đến đức tin (7:2-17)**

Chúng ta không nghi ngờ gì về lãnh vực của sự cứu rỗi được trình bày qua những câu chuyện của tên nô lệ của viên đội trưởng và con

traí của người đàn bà goá thành Na-in: đó là được cứu khỏi sự chết. Những câu chuyện này đầy kịch tính: một người thì sắp chết còn một người thì đã chết và đang trên đường đem đi chôn; nhưng cả hai đều được cứu và ban sự sống.

Đây là những sự kiện căn bản trong hai câu chuyện này; nhưng chúng ta không bị bỏ mặc để tự ý giải thích. Cách câu chuyện được trình bày đã tự giải thích rõ ràng cho chúng ta, những người nam này đã ở trong tình trạng nào mà được cứu khỏi sự chết và ban sự sống mới.

Trước hết chúng ta hãy xem câu chuyện của thầy đội. Ông ta là một người Ngoại Bang, và trong sự khiêm nhường của ông (xem 7:7) ông sai vài lãnh đạo Do Thái mời Đấng Christ đến nhà ông để cứu đứa nô lệ. Tuy nhiên, họ cũng phạm phải một lỗi lầm thông thường là kêu nài sự cứu rỗi dựa vào công đức đáng khen của viên đội trưởng. Bây giờ, chắc chắn là ông có được một công trạng đáng nói vì đã làm lành. Ông yêu dân tộc Do Thái và đã xây dựng cho người Do Thái một nhà hội tại địa phương (xem 7:5). Khi chúng ta suy xét về chi phí phải tốn kém cho việc xây dựng toà nhà ấy, và sự kiện mà những người La-mã thường làm, như nhà văn châm biếm Juvenal sau này có nói, xem khinh người Do Thái, xem thường đức tin và những căn nhà hội của họ, chúng ta có thể hiểu được vì sao người Do Thái kêu nài 'đội trưởng thật đáng cho thầy giúp đỡ'. Đấng Christ lắng nghe lời kêu nài của họ và bắt đầu cùng đi với họ đến nhà viên đội trưởng. Trong công việc của viên đội trưởng, chắc chắn Đấng Christ nhìn thấy một tấm lòng chân thật tìm cách làm đẹp lòng Chúa bằng hết cách của mình.

Nhưng viên đội trưởng nhận biết cần phải có điều gì khác chứ không chỉ dựa vào công đức của cá nhân mình mà kêu nài để tên nô lệ có thể nhận được sự cứu rỗi. Khi ông biết rằng Đấng Christ đang đến gần nhà, viên đội trưởng phái các bạn mình đến thưa với Ngài: "Lạy Chúa, không dám phiền Chúa như thế, vì tôi không xứng đáng rước Chúa vào nhà. Tôi cũng nghĩ mình không xứng đáng đến với Chúa (7:6-7). Nếu chỉ là hoàng đế Tiberius Ceasar thôi, là người ông khao khát nhận được nhiều ân huệ, chẳng lẽ ông cho rằng mình xứng đáng hoặc quan trọng đủ để nài xin hoàng đế đến nhà riêng của



mình bày tỏ ơn huệ sao. Chỉ riêng về vấn đề thuộc linh thôi, thì ông cũng hiểu để nhận ra rằng thật chẳng đúng chỗ và không phù hợp để phô trương công đức của mình trong sự hiện diện của Đấng Christ, hoặc đề nghị Ngài suy xét công đức của ông, để Ngài phải chịu phiền đi đến nhà ông, ban ơn cứu rỗi mà ông đáng nhận. Điều đầu tiên mà ông thực hiện là phủ nhận tất cả những công đức của mình.

Bấy giờ, viên đội trưởng hiểu rõ rằng với quyền năng vô cùng lớn lao như thế của Đấng Christ, Ngài không cần phải đến nhà ông. Ngài chỉ cần ra lệnh, và tên nô lệ của ông sẽ được lành tức thì (xem 7:7-8). Là một viên chức trong quân đội, ông chỉ cần ra một mệnh lệnh và lính của ông sẽ lập tức thi hành, bởi vì phía sau ông và trên ông là uy quyền của vị tướng tối cao của La-mã, là sự uy nghiêm của hoàng đế. Đấng Christ đã dùng uy quyền nào để ra lệnh thì viên đội trưởng này không hiểu cách đầy đủ; nhưng chính lời yêu cầu của ông đã cho rằng Đấng Christ có uy quyền trên sự sống và sự chết. Ông nhận biết rằng, tất cả lòng thương xót, quyền năng và uy quyền đều nằm trong Đấng Christ và lời phán của Ngài, vì thế ông hạ mình xuống mà kêu nài: Chỉ xin Ngài phán một lời thì đầy tớ tôi sẽ được lành.' Đức Chúa Jêsus ngạc nhiên về viên đội trưởng nên Ngài phán (hãy lưu ý rằng đây là nhận định của Đấng Christ chứ không phải ý riêng của chúng ta thêm vào câu chuyện này): "Ta bảo các người, ngay trong dân Y-sơ-ra-ên, Ta cũng không thấy đức tin nào như vậy." (7:9)

Đây là trường hợp đầu tiên nhận lãnh sự cứu rỗi, vậy là ngay trong chính câu chuyện này đã đặt những nguyên tắc nền tảng rõ ràng để dựa vào đó sự cứu rỗi được ban tặng và nhận lãnh, và có thể nói rằng trong mọi trường hợp, sự cứu rỗi không được ban tặng nhờ vào nỗ lực, giá trị hoặc công đức của một người. Nhưng sự cứu rỗi được ban cho bởi đức tin. Theo câu chuyện này, thì đức tin không phải là sự tự tin để thực hiện mọi điều tốt nhất mình có thể làm, để Chúa sẽ đánh giá công đức của chúng ta theo lòng rộng lượng của Ngài; nhưng đức tin là từ bỏ lòng tin cậy vào sức riêng của mình, công đức của mình và bất cứ ý tưởng nào cho rằng mình xứng đáng để nhận lãnh ơn cứu rỗi, nhưng nương dựa trọn vẹn và hoàn toàn thừa nhận Đấng Christ và uy quyền của Lời Ngài....

### Giai Đoạn 4 của Phần khi Ngài đến 7:2-8:56

**1. Cứu khỏi sự chết: một ân tứ dẫn đến đức tin:** đấng nô lệ của viên đội trưởng và con trai người đàn bà góa thành Na-in 7:2-17

1. Thấy đội nói với Đấng Christ: 'Chỉ xin Ngài phán một lời thì đứa trẻ tôi sẽ được lành. Vì chính tôi cũng ở dưới quyền người khác...'. Tôi bảo người này: 'Đội! thì nó đi; bảo người khác: 'Đến!' thì nó đến...Đức Chúa Jê-sus ngạc nhiên... bảo rằng: "... ngay trong dân Y-sơ-ra-ên, Ta cũng không thấy đức tin nào như vậy."

2. Đứa con trai của người đàn bà góa thành Na-in sắp được đem đi chôn khi Đấng Christ bảo, 'Hỡi chàng trai, Ta bảo người trở dậy.' (Hilip egertheti) Người chết vùng ngồi dậy và bắt đầu nói... Mọi người đều sợ hãi

**2. Mong đợi sai trật vào sự cứu rỗi và sự chống đối Đấng Cứu Thế:** Giảng và những con người của thế hệ này 7:18-35

1. Giảng thách mắc có phải Chúa Jê-sus là 'Đấng Ấy' hay họ phải chờ đợi một đấng nào khác. Chúa Jê-sus thực hiện nhiều phép lạ trước mặt các sứ giả của Giảng và khích lệ họ 'hãy trở về thuật lại cho Giảng những điều các người thấy và nghe...'

2. "Các người đi xem gì nơi hoang mạc?... Một người mặc áo sang trọng chăng? Kìa, những người mặc áo sang trọng và sống xa hoa thì ở trong cung vua! Vậy thì, các người còn đi xem gì nữa? Một nhà tiên tri chăng? Phải... có người còn hơn cả nhà tiên tri nữa.

3. Cả dân chúng... đều nhìn nhận Đức Chúa Trời là công chính. Nhưng người Pha-ri-si... không chịu Giảng làm báp-têm thì chối bỏ mục đích của Đức Chúa Trời dành cho họ. Họ nói ông ta bị quỉ ám!

**5. Cứu khỏi những yếu tố vật lý:** Các môn đồ và trận bão trên hồ 8:22-25

1. Và Ngài (Chúa Jê-sus) quở gió và sóng, chúng liền ngừng lại và yên lặng như tờ... Ngài phán với các môn đồ: "Đức tin các con ở đâu? Môn đồ sợ hãi và kinh ngạc hỏi nhau: "Ngài là ai mà khiến cả gió lẫn nước cũng phải vâng lệnh Ngài?"

2. Trong khi họ đang chèo thuyền thì Ngài ngủ. Một cơn bão nổi lên trên hồ, nước vào đầy thuyền, và họ đang gặp nguy hiểm. Các môn đồ đến đánh thức (Hilap diegeiran) Ngài... Ngài thức dậy (diegertheis), quở gió. ....Môn đồ sợ hãi và kinh ngạc...'

**6. Cứu từ quyền lực của các linh và sự chống đối Đấng Cứu Thế:** kể bị quỉ ám và đàn làng 8:26-39

1. Người được Đức Chúa Jê-sus đuổi quỉ xin ở lại với Ngài, nhưng Ngài cho anh về và bảo: "Con hãy về nhà, thuật lại những việc lớn lao mà Đức Chúa Trời đã làm cho con." Vậy người ấy đi, rao truyền khắp thành những điều lớn lao mà Đức Chúa Jê-sus đã làm cho mình.

2. Thiên hạ đổ ra xem việc mới xảy ra... Khi họ thấy người đàn ông (lâu nay vốn không mặc quần áo trong thời gian dài) người mà các quỉ mới vừa ra khỏi đang ngồi dưới chân Đức Chúa Jê-sus, mặc áo quần, trí óc tỉnh táo...

3. Những người... thuật lại cho mọi người về chuyện người bị quỉ ám được chữa lành như thế nào (quỉ đã nhập vào bảy heo ra sao và bảy heo đã chìm xuống hồ thế nào) Tất cả dân chúng...

**3. Sự cứu rỗi, tình yêu và sự phục vụ vì được tha thứ:** Người đàn bà trong nhà của Si-môn và người đàn bà phục vụ Chúa 7:36-8:3

1. 'Có một người đàn bà... Nàng đứng đằng sau, nơi chân Đức Chúa Jê-sus... nước mắt thấm ướt cả chân Ngài!'
2. '...Người Pha-ri-si...thẩm nghĩ: "Nếu người nầy thật là nhà tiên tri, chắc đã biết người đàn bà chạm đến mình đó là ai, thuộc hạng người nào..."
3. Rồi Ngài phán với người đàn bà, 'đức tin của con đã cứu con, hãy đi cho bình an.'
4. 'những người đã được chữa lành... đã dùng của cải mình để giúp cho Chúa và các môn đồ Ngài.'

**4. Sự mẫu nhiệm của vương quốc liên quan đến sự cứu rỗi:** ẩn dụ về người gieo giống, chiếc đèn và gia đình 8:4-21

1. 'Các con đã được ban cho sự hiểu biết về những mẫu nhiệm (bày tỏ bí mật) của vương quốc Đức Chúa Trời; nhưng với kẻ khác thì Ta dùng ẩn dụ mà nói để họ xem mà không thấy, nghe mà không hiểu.'
2. '...ma quỷ đến cướp lấy đạo đồ khỏi lòng họ, e rằng họ tin mà được cứu chẳng.'
3. Phạm vi gia đình thật: "Mẹ Ta và anh em Ta chính là những người nghe và làm theo lời Đức Chúa Trời."

**7. Cuộc đời phi úng vọng vì bị không chế bởi các thế lực:** Người đàn bà bị rong huyết 8:40-48

- 1.... Có một phụ nữ... đến đứng sau và chạm vào gấu áo Ngài...
2. Đức Chúa Jê-sus phán: "Ai đã chạm đến Ta?" Không một người nào nhận cả, nên Đức Chúa Jê-sus phán: "Có người nào đã chạm đến Ta, vì Ta nhận biết có năng lực từ Ta phát ra."
3. Chúa Jê-sus phán với bà: "Hỡi con gái Ta, đức tin của con đã chữa lành con; hãy đi bình an!"
4. Có một phụ nữ...dù đã tổn hết tiền của cho nhiều thầy thuốc, nhưng không ai chữa được cho bà...

**8. Sự cứu rỗi và 'bí quyết' khiến người từ cõi chết sống lại:** việc đánh thức con gái Gia-lu khỏi cái chết như một giấc ngủ 8:49-56

1. Ngài không cho ai bước vào với Ngài ngoại trừ Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng, và cha mẹ của đứa trẻ. Rồi Ngài phán: "nó không phải chết đâu nhưng đang ngủ." Họ (đám đông) biết nó thật chết rồi nên nhạo cười Ngài... nhưng Ngài truyền cho họ không được nói với bất cứ ai về việc đã xảy ra.
2. Có người từ nhà viên quản lý nhà hội đến báo: "Con gái ông chết rồi; đừng làm phiền Thầy nữa." Đức Chúa Jê-sus nghe vậy trả lời: "Đừng sợ, chỉ cần tin thì con của người sẽ được cứu sống..."
3. Phạm vi gia đình thật được phục hồi: Đấng Christ, các sứ đồ của Ngài, người cha, người mẹ và đứa trẻ được cứu sống.

Sự ban tặng đáng kinh ngạc và bất ngờ về sự sống mới này rõ ràng là sự ban cho vô điều kiện, là một hành động đầy ân điển dư dật của Đấng Christ.

Hãy đặt hai câu chuyện này lại với nhau, rồi chúng ta sẽ thấy những đòi buộc tích cực và những phủ nhận của sự cứu rỗi. Nếu bạn thực hiện được nhiều việc lành để tự hào và có những chỗ nương dựa vững chắc giống như viên đội trưởng, hoặc bạn chẳng có gì cả giống như người đàn bà góa, thì cũng không tạo nên sự khác biệt: Vì sự cứu rỗi chẳng phải bởi việc lành, dầu nhiều hay ít, dầu tốt hay xấu; nhưng là sự ban cho của Đức Chúa Trời, bởi ân điển nhờ đức tin vậy.

Hai mệnh đề cuối cùng, như điều mà độc giả sẽ nhận ra là đều mượn từ Phao-Lô (xem Ê-phê-sô 2:1-10). Không phải tất cả đều mang tính độc đoán: trong bối cảnh mà ông sử dụng những từ này, ông đang nói về sự cứu rỗi từ sự chết thuộc linh, bởi món quà của sự sống mới trong Đấng Christ. Nhưng hẳn nhiên, dầu cho đó là sự cứu rỗi khỏi sự chết thuộc thể, như trường hợp của tên nô lệ của viên đội trưởng hoặc con trai người đàn bà góa, hoặc dầu đó là sự cứu rỗi từ sự chết thuộc linh, thì nguyên tắc nền tảng của sự cứu rỗi vẫn giống nhau.

Nhưng hãy trở lại với viên đội trưởng trong giấy lát. Đang khi khen ngợi đức tin của ông ta thì Đấng Christ phải thừa nhận rằng Ngài chưa hề thấy đức tin lớn như vậy trong Y-sơ-ra-ên (xem 7:9). Tại sao Ngài lại chưa thấy, chúng ta thắc mắc? Nếu sự cứu rỗi khỏi sự chết là một món quà, tại sao người ta không hò hét để đòi cho được?

Câu trả lời đó là sự cứu rỗi không chỉ đơn giản bởi đức tin mà thôi: nhưng đó là bởi đức tin trong Đấng Christ; và điều đó có nghĩa là, như nhiều câu chuyện trong giai đoạn này đã làm cho vấn đề sáng tỏ, thừa nhận Ngài, tuy vẫn còn mờ nhạt, rằng Chúa Jêsus là ai, như thầy đội và đám đông thành Na-in đã tôn cao Ngài (xem 7:16). Đối với nhiều người, đây là chỗ mà họ cảm thấy nghi ngờ và khó chấp nhận, như chúng ta sẽ thấy ngay giờ này.

## **2. Mong đợi sai trật về sự cứu rỗi, và chống đối Đấng Cứu Thế (7:18-35)**

Nếu sự cứu rỗi chỉ dựa vào đức tin nơi Chúa Jêsus là Đấng Christ, là Con Đức Chúa Trời, thì ngay lập tức chúng ta có bằng chứng vì sao nhiều người đồng thời với Ngài thậm chí không đến với Ngài để nhận lãnh sự cứu rỗi: Họ không tin rằng Ngài là Đấng Christ. Bằng chứng về lời công bố của Ngài, có lẽ họ sẽ nói rằng, không những là không đúng, mà còn tiêu cực nữa. Lu-ca đã thẳng thắn nói với Thê-ô-phi-lơ và chúng ta về điều này. Ông ghi lại những người đồng thời với Ngài đã nói gì và làm gì và những lý do vì sao họ nêu lên để chống đối cả Giảng Báp-tít lẫn Chúa Jêsus. Ông cũng ghi lại Ngài đã nói những gì và làm gì để đáp lời họ. Sau đó ông để cho các độc giả của mình tự đưa ra những nhận định.

Giữa tất cả những phân đoạn đang tường thuật cho chúng ta thì có lẽ phần gây bối rối nhất là khi Giảng Báp-tít có một giai đoạn phải chịu đựng sự nghi ngờ và khó hiểu về Chúa Jêsus. Trong chức vụ công khai của ông, ông đã công bố Chúa Jêsus là ‘Đấng phải đến’, khi Ngài đến sẽ làm ứng nghiệm lời hứa từ rất lâu bởi các tiên tri. Ông đã công bố rằng Đấng phải đến sẽ thi hành chức vụ hai mặt: Ngài sẽ làm báp-tem bằng Đức Thánh Linh cho tất cả những người ăn năn và tin nơi Ngài; nhưng Ngài cũng sẽ ‘đốt rơm rạ trong lửa chẳng hề tắt.’ và ‘đốn bất cứ cây nào không sanh trái tốt và ném nó vào lửa (3:9, 16-17). Đường như cụm từ mà ông nói, ‘bây giờ cái búa đã để kề gốc cây’ (3:9) khiến ông tin rằng cơn đoán xét sắp xảy ra, và sự thi hành cơn giận của Đức Chúa Trời sẽ theo sau cách nhanh chóng.

Nhưng ngay lúc phân đoạn này được công bố thì Giảng vẫn đang ở trong tù (xem 3:20 và so sánh với 7:18-19 với Ma-thi-ơ 11:2-3). Các môn đồ trở về và tường thuật với ông rằng Chúa Jêsus đã thực hiện những điều kỳ diệu, những phép lạ (xem 7:18); vì thế, những điều đang xảy ra đương nhiên phù hợp với một nửa sự mong đợi của Giảng về Đấng sẽ đến. Nhưng rõ ràng Chúa không nỗ lực chút nào để làm ứng nghiệm phân nửa còn lại theo điều ông mong đợi. Thậm chí Ngài cũng không hề chuyển động một chút nào để đem Giảng ra khỏi tù, hoặc thi hành sự đoán xét của Đức Chúa Trời trên vua Hê-rốt gian ác là người đã bỏ ông vào tù. Vì sao Ngài không thực

hiện, làm thế nào Ngài có thể là Đấng Mê-si-a nếu Ngài không thực hiện sự phán xét? Việc Ngài chữa lành cho tên nô lệ của thầy đội và cứu sống con trai của đàn bà goá thì tốt rồi, Giăng không hề chống đối Ngài về chuyện ấy. Nhưng còn về những chuyện lớn lao thì sao? Khi nào thì Chúa bắt đầu sửa ngay lại giới cầm quyền đang đàn áp dân chúng? Phá bỏ những tay lãnh đạo gian ác như Hê-rốt? Lật đổ chính quyền La-mã bạo ngược và cho Y-sơ-ra-ên được độc lập và chính trị dưới bậc cầm quyền công chính một lần nữa? Làm thế nào Chúa Jê-sus công bố một cách đầy thuyết phục mình là câu giải đáp cho nan đề của thế giới nếu Ngài không thể thực hiện những điều này, mà chỉ thỏa lòng trong việc cứu từng cá nhân? Vấn đề này đã làm Giăng bối rối cực kỳ nên ông sai hai môn đồ đến gặp Chúa Jê-sus với câu hỏi, 'Ngài có phải là Đấng phải đến hay chúng tôi phải chờ đợi một Đấng khác?'

Giăng không phải là người duy nhất sống trong sự bối rối như thế. Vào những ngày ấy, nhiều người cảm thấy họ không thể tin nơi Chúa Jê-sus nếu Ngài chỉ quan tâm đến việc cứu từng cá nhân mà không sửa ngay lại hệ thống chính trị, kinh tế lớn lao và xã hội gian ác của toàn thế giới.

Câu trả lời của Chúa Jê-sus (xem 7:21-23) không phải Ngài phủ nhận thi hành sự đoán xét của Đức Chúa Trời trên những con người và chính quyền gian ác. Nhưng câu trả lời của Ngài là Ngài đang thi hành những phép lạ, như Ê-sai đã nói tiên tri rằng Đấng Mê-si-a sẽ thực hiện (xem Ê-sai 35:3-5; 61:1-3) và nhấn gởi với Giăng về những câu chuyện phép lạ này, để ông nhìn thấy vượt quá những nghi ngờ rằng Chúa Jê-sus đang làm ứng nghiệm một phần của chương trình mà các tiên tri đã nói đến và nếu Ngài đang làm ứng nghiệm một phần, thì Ngài sẽ làm ứng nghiệm phần còn lại.

Rõ ràng là Đấng Mê-si-a có những nối kết và ưu tiên hàng đầu nhất định và trong chương trình của Ngài. Để làm ứng nghiệm lời tiên tri của Cựu ước, Đấng Christ khẳng định rằng việc rao giảng tin lành cho những cá nhân (xem 7:22) phải được thực hiện trước việc thi hành án phạt của Đức Chúa Trời trên kẻ ác nói chung và trên từng cấp chính quyền không công chính nói riêng. Thật sẽ là điều đau đớn

cho tất cả chúng ta nếu những điều ấy không được thực hiện. Ngày của Chúa chắc chắn sẽ đến bất chấp tất cả những lời than phiền và chỉ trích vì quá chậm trễ (xem II Phi-e-rơ 3:3-10); cơn đoán xét ấy sẽ đến rất nhanh cho nhiều người. Lý do cơn đoán xét trì hoãn là vì 'Ngài rất chịu đựng...không muốn cho một người nào chết mất, mà muốn mọi người đều ăn năn'. Giống như ông Giăng, chúng ta thấy dường như phải kêu la vì những bất công mình phải chịu đựng và muốn được báo thù. Cũng giống như ông Giăng, chúng ta lại có thể cảm nhận rằng khi trì hoãn việc sửa lại những sai trật của thế giới là Chúa Jêsus đang làm cho danh tín của Ngài trong cương vị của Đấng Mê-si-a bị tổn hại. Nhưng chúng ta đang hầu việc một Đấng Mê-si-a đầy lòng thương xót đối với nhân loại, Ngài đặt sự cứu rỗi dành cho mỗi cá nhân lên trên danh tiếng của Ngài.

Nhưng đối với hầu hết những người đồng thời với Đấng Christ, lý do khiến họ khó thừa nhận Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a thì hoàn toàn khác với lý do của Giăng. Vì thế, khi các sứ giả được Giăng sai đến đã trở về, Chúa Jêsus bắt đầu giảng cho đoàn dân đông về Giăng, Ngài làm như thế để thăm dò tấm lòng của họ. Sự thật là khi Giăng bắt đầu rao giảng trong đồng vắng, hàng ngàn người trong những người này đã chạy đến gặp ông ta (xem 3:7). Tuy nhiên, từ đó đến nay nhiều người đã muốn quên đi sự kiện ấy. Nhưng Chúa của chúng ta không cho phép họ quên. Với sự thăm dò sâu sắc và đầy sức mạnh, cùng với sự mỉa mai, Ngài nhắc nhở họ rằng không những họ đã đi vào đồng vắng để gặp Giăng Báp-tít mà cả lý do tại sao họ lại đến với ông nữa (xem 7:24-28). Họ không vào đồng vắng để nhìn xem cây sậy bị gió rung, hoặc một người đàn ông mặc đồ thật đẹp. Hẳn nhiên là không rồi. Nhưng họ đã chạy đến với Giăng Báp-tít vì họ tin rằng ông là người mở đường cho Đấng Mê-si-a theo lời tiên tri của Ê-sai (xem đoạn 40). Nhưng nếu Giăng Báp-tít là người mở đường, thì Chúa Jêsus chính là Đấng Mê-si-a, và mỗi một người trong số họ phải đặt đức tin nơi Ngài và tiếp nhận Ngài là Đấng Cứu Thế và Đấng Tế Trị. Thật ra nhiều người trong số họ đã tin nhận Ngài, nhưng nhiều người chưa tin nhận mà vẫn còn cố gắng hết sức để quên đi bất cứ điều gì mà họ đã từng thừa nhận nơi Giăng Báp-tít. Bây giờ họ cho rằng Giăng bị quỷ ám, ông là người khùng điên, còn Chúa Jêsus thì .....về đạo đức, vô trách nhiệm và ham ăn mê uống (xem 7:33-34)

Khi người ta được kinh nghiệm một sự thăm viếng thiên thượng hoặc một sự nhắc nhở từ Chúa, nhưng sau đó họ thay đổi suy nghĩ và cảm thấy xấu hổ về điều mà trước đây mình rất phấn khởi là điều rất thông thường. Điều xa xưa của lịch sử khiến chúng ta phải quan tâm, đó là điều gì đã khiến họ thay đổi suy nghĩ. Từ những gì mà Lu-ca tường thuật, chúng ta biết rằng do bài giảng của Giăng, và cụ thể hơn là ý nghĩa mà ông đề cập trong lễ báp-tem (xem 7:29-30). Giăng đã rao giảng rằng tội lỗi của con người rất ghê tởm không thể chịu được đối với Đức Chúa Trời. Họ đang đối diện với cơn giận của Đức Chúa Trời. Ông 'đội bom' trên họ 'các ngươi là dòng dõi rắn lục, ai đã cảnh báo các ngươi hãy chạy trốn khỏi cơn giận ngày sau' (3:7). Nhiều người trong đám đông, có lẽ đặc biệt là những người thu thuế, thừa nhận rằng bài giảng của Giăng là đúng (xem 7:29). Họ biết họ là những tội nhân. Việc Giăng định tội, cảnh báo họ về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời, họ chấp nhận bản án của Đức Chúa Trời trên đời sống họ nên họ chịu báp-tem hạ mình xuống xưng nhận tội lỗi và nhu cầu cần sự cứu rỗi. Nhưng những người Pha-ri-si và thầy dạy luật không ăn năn. Họ là những người ngạo mạn và kể công về việc vâng giữ luật pháp của Đức Chúa Trời và đang sung sướng yên nghĩ với hi vọng rằng nhờ vào những công đức mà mình sẽ nhận sự cứu rỗi. Không phải họ đã công bố rằng họ giữ luật pháp của Chúa cách hoàn hảo. Nhưng họ cảm thấy chắc chắn rằng, khi phải thực hiện kỳ thi cuối cùng thì Ngài là Đức Chúa Trời toàn năng, Ngài sẽ giống như vị thầy dịu dàng hoặc đầy lòng nhân từ, bỏ qua những thiếu sót, cho họ đậu danh dự. Giăng khẳng định rằng Đức Chúa Trời thánh khiết sẽ không chịu nổi bất cứ tội lỗi nào, và họ cho rằng như thế là quá đáng. Khi Giăng nói thêm rằng, về nguyên tắc nói chung- (mặc dầu cũng có sự nghi ngờ về điều này) họ đã vi phạm luật pháp giống y như những người thu thuế và vô số những người thiếu hiểu biết, chẳng khác gì họ đang là đối tượng của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và tất cả họ đều cần sự cứu rỗi, họ quyết định rằng lời giảng của Giăng chỉ là sự lừa dối, chính Giăng bị quỉ ám và là người không cân đối về mặt cảm xúc. Họ bảo 'hãy xem ông ta chẳng ăn uống gì' như thử chân lý về đạo đức của một bài giảng có thể được thừa nhận nhờ sự thu hút của tính cách và thói quen của thầy giảng. Đó là lúc mà Chúa Jê-sus chỉ ra luật pháp của Đức Chúa Trời mà Giăng đã giải thích



chi tiết: khi chống lại với lời dạy dỗ của Giảng về sự thánh khiết và cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời là họ đang chống lại chính lời dạy dỗ của Đức Chúa Trời (xem 7:30)

Nhưng khi Đấng Christ tiếp tục chỉ ra rằng để phù hợp với những lý do mà họ chống đối Giảng thì lẽ ra họ phải tiếp nhận Đấng Christ. Mặc dầu thỉnh thoảng Ngài cũng giảng về cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời, nghiêm trọng hơn bất cứ nhân vật nào đã từng rao giảng (xem Ma-thi-ơ 5:21-22; 10:15; Mác 9:45-48; Lu-ca 16:22-31),

Tuy nhiên, Ngài rao giảng một sứ điệp về sự tha thứ, sự cứu rỗi và tình yêu thương đầy dẫy sự vui mừng và thỏa lòng vượt trội bất cứ điều gì. Ngài có uy quyền, Ngài công bố rằng Ngài ban cho loài người trên đất này sự tha thứ theo ý nghĩa đầy trọn, trọn vẹn và sau cùng (xem 5:24). Điều này chắc hẳn làm đẹp lòng người Pha-ri-si. Đương nhiên, họ không thích lời giảng dạy của Giảng về cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Nhưng lời giảng dạy về tình yêu của Đức Chúa Trời, về sự tha thứ rộng lượng và chắc chắn rằng một người biết mình được Đức Chúa Trời tiếp nhận trên đất này thì không cần phải chờ đợi sự phá xét sau cùng-hẳn nhiên họ chào đón những lời giảng dạy như thế. Hẳn nhiên những người thu thuế và những tội nhân cũng chào đón một sứ điệp như thế. Nhưng người Pha-ri-si thì không! Họ chỉ vào Chúa Jêsus rằng Ngài thiếu một tinh thần kiêng ăn, rồi việc Ngài hòa nhập với những người thu thuế và những tội nhân (với mục đích để cứu vớt họ), và loại bỏ Ngài một con người vô kỷ luật về mặt tôn giáo, dạy dỗ những điều tích cực khích lệ người ta bỏ qua tội lỗi và sống đời tội lỗi.

Lời nhận định của Đấng Christ đó là họ cũng giống như con trẻ ở ngoài phố chợ không bằng lòng với việc ca hát hoặc than khóc (xem 7:31-32). Họ sẽ không có sự thánh khiết của Chúa hoặc cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời, cũng không có tình yêu của Chúa hoặc sự tha thứ của Đức Chúa Trời. Tất cả những gì họ muốn là Chúa phải đủ nhỏ để thỏa hiệp với họ và giả vờ như việc giữ luật pháp không hoàn hảo của họ là phải lẽ, một sự cứu rỗi nhỏ đủ để công đức của họ có thể mua được, và một giáo lý cứu rỗi nói về bản án của sự đoán xét sau cùng là không chắc chắn.

Nếu đây là những lý do của lịch sử tại sao nhiều người đồng

thời với Đấng Christ chống đối cả Giăng Báp- tí và Chúa Jêsus, ít nhất chúng ta cũng thấy chẳng khó khăn gì để cảm thông với họ: chúng ta vẫn thường nghe giọng nói của họ vang vọng ngày hôm nay. Nhưng lời buộc tội rằng giáo lý cứu rỗi của Đấng Christ là một hình thức của thuyết chống đạo lý thì quả là nghiêm trọng, nếu không vì một lý do nào khác thì một câu nói không cân đối và cạn cợt về giáo lý thật ra có thể làm cho giáo lý ấy trở nên phi đạo đức. Tuy nhiên, ngay lúc này, Lu-ca thêm vào hai câu chuyện, chỉ có trong sách của ông, với mục đích để minh họa rằng lời buộc tội này là sai trật. Mục đích minh họa câu chuyện này có thể là vô tình.

### **3. Sự cứu rỗi, tình yêu và sự phục vụ của người được tha thứ (7:36-8:3)**

Hai câu chuyện của hoạt động 1 đã minh họa rằng sự cứu rỗi không do việc lành, nhưng nhờ ân điển bởi đức tin mà được. Bây giờ hoạt động 3 sẽ trình bày mặc dầu sự cứu rỗi không nhờ vào việc lành, nhưng khi một người đã nhận lấy sự cứu rỗi, người ấy sẽ làm việc lành. Nhờ thế hoạt động 3

Sẽ giải đáp cho những lời chỉ trích đến từ những người Pha-ri-si và những luật sư chống lại Chúa Jêsus trong phân đoạn mà chúng ta vừa suy ngẫm.

Ngày kia có một người Pha-ri-si mời Chúa dự bữa ăn (xem 7:36), có lẽ ông ta đang phân vân về Chúa Jêsus, ông được ấn tượng bởi những lời dạy dỗ của Ngài đến nỗi ông cho rằng Ngài là một Đấng tiên tri, nhưng ông lại rất nản lòng với cách sống hoà đồng của Ngài với những hạng người và lời Ngài công bố về họ sau khi họ được cứu. Làm thế nào mà, khi người đàn bà của đường phố bất ngờ bước vào phòng tiệc, chỉ quan tâm đến một mình Chúa Jêsus, mà Đấng Christ lại chẳng hề ngăn chặn bà... Vì thế Si-môn có một quyết định sau cùng, Ngài chẳng phải là đấng tiên tri: 'Nếu người này thật là nhà tiên tri, chắc đã biết người đàn bà chạm đến mình đó là ai, thuộc hạng người nào, vì nàng là kẻ tội lỗi (7:37-39). Lẽ ra tiên tri thì phải có ơn vượt trội mọi người để nhận diện cho được phẩm hạnh của một người.

Vâng, đúng người đàn bà này từng sống vô luân; nhưng rõ

ràng bà ta đã được cứu nhờ đức tin nơi Đấng Christ (xem 7:50) và tội lỗi bà đã được tha. [Thật quan trọng để lưu ý rằng động từ của 7:48 đang ở thì hoàn tất. Chú Ngài không nói rằng, 'bây giờ (ngay giây phút này) tội lỗi con đã được tha'; nhưng 'tội lỗi con trong quá khứ (vào một thời điểm nào đó trong quá khứ, tuy nhiên gần đây) đã được tha. Cũng vậy trong câu 47.] Tuy nhiên, vấn đề ở đây là làm thế nào thuyết phục Si-môn. Lẽ ra bất cứ tín hữu nào ở trong Đấng Christ đều phải nhận lấy lời ấy của Đấng Christ. Nhưng Si-môn không phải là một tín hữu của Đấng Christ. Ông cần phải có thêm một số bằng chứng trước khi ông có thể tin cậy Ngài. Vì thế Đấng Christ bắt đầu bằng cách kể cho ông nghe một ẩn dụ về hai người đang mắc nợ, điểm quan trọng của câu chuyện này là, người được chủ tha nợ sẽ yêu mến chủ mình; và càng được tha món nợ lớn bao nhiêu, thì càng yêu chủ nhiều bấy nhiêu. Câu chuyện ẩn dụ này cũng chính là lẽ thường trong đời sống hằng ngày: chẳng hề có sự ép buộc gì hoặc vụ lợi ở đây. Thật ra, chính Si-môn rất hạnh phúc khi thừa vói Chúa nguyên tắc ứng xử được thừa nhận toàn cầu mà câu chuyện này đã minh họa; nhưng khi nói đến việc áp dụng ẩn dụ này thì ông lại không trả lời được. Nếu chúng ta có thể chú thích dài dòng phần áp dụng thì chúng ta sẽ nói thế này.

Đấng Christ nói với Si-môn, 'hỡi Si-môn ta nói với ngươi, rằng người đàn bà nhiều tội này đã được tha thứ. Nếu ngươi hỏi căn cứ vào đâu mà ta công bố sự tha thứ, thì hãy nhìn vào bằng chứng. Bà ta đổ nước mắt trên chân ta, rồi lấy tóc mình mà lau, bà hôn chân ta và xức dầu cho chân ta, tất cả hành động này là xuất phát từ đâu, hỡi Si-môn? Chẳng phải ngươi vừa nói rằng khi một người được chủ nợ tha vói một số nợ lớn thì người ấy sẽ hết sức biết ơn chủ và bằng cả tấm lòng yêu mến chủ nợ sao? Người đàn bà này chắc chắn đã có một đống nợ kết xù. Nhưng hãy nhìn vào thái độ và lòng yêu mến tốt bụng mà bà dành cho Ta. Theo lời ngươi vừa thừa nhận, đó chẳng phải là bằng chứng về việc bà ta đã được tha một món nợ lớn hay sao?' Chắc chắn là như vậy rồi, nếu ngươi biết Đấng Christ là Chủ Nợ Lớn có quyền tha thứ tội lỗi của con người. Một sự kinh ngạc toả khắp phòng ấy khi những người khách dự tiệc bất ngờ nhìn thấy hàm ý của điều mà Đấng Christ đang nói và cố gắng hiểu cho được: 'Vậy người này là ai mà có quyền tha tội?' (7:49).

Cùng lúc đó, Si-môn đang phải đối diện với một nan đề. Cách đối đãi của ông dành cho Đấng Christ, như Ngài đã nhắc nhở ông (7:44), là điều không thường thấy của một chủ nhà lịch sự đối với vị khách của mình. Nếu lòng biết ơn và yêu mến dành cho Đấng Christ là bằng chứng rằng tội lỗi của một người đã được tha, thì thái độ vô ơn của Si-môn đã phơi bày điều gì về chính ông?

Nhưng để trở lại với người đàn bà. Lu-ca không thể chọn một ví dụ nào xứng hợp hơn để đặt vào phần thuật chuyện này. Trong sự cứu rỗi thì tha thứ là lãnh vực dấy lên nhiều thắc mắc về tính pháp lý nhất. Có phải sự tha thứ còn hơn là bỏ qua tội lỗi không? Giữa bao nhiêu con người tội lỗi đang kêu nài sự tha thứ thì chẳng phải sự ăn năn của loại đàn bà như người nữ này là người ta nghi ngờ hơn hết, là những con người mà việc trở lại đường cũ là dễ dàng nhất, và sự trở lại đạo của họ cũng bị xem là giả mạo nhất sao? Việc bà hôn và xúc dầu thơm cho chân Chúa chúng ta, lấy tóc mình mà lau chân Chúa có thể chỉ là đa cảm trong chốc lát? Hoặc còn tệ hơn nữa chăng?

Nhưng hãy để Lu-ca kể hết câu chuyện của ông. 'Sau đó, ông tường trình (8:1) khi Đấng Christ tiếp tục hành trình giảng đạo của Ngài qua các làng mạc và lên xuống trên các ngọn đồi, thì có những người phụ nữ đã đi theo Ngài, họ đã dành thì giờ, tiền bạc và sức lực mà chăm sóc Ngài và đội ngũ sứ đồ của Ngài (8:1-3). Nói về mặt xã hội, thì đây là một nhóm người pha trộn, ít nhất một người trong số họ xuất thân từ tầng lớp được hưởng nhiều đặc quyền. Nhưng điểm chung của họ là ai nấy đều biết ơn Đấng Christ vì Ngài đã cứu họ khỏi quyền lực của Sa-tan hoặc những tai hoạ trong đời sống. Họ không thoả lòng khi chỉ biết ơn Ngài qua biểu hiện tình cảm suông, mà họ đã tình nguyện làm những việc cực nhọc, thực tế bằng chính tiền bạc của mình để phục vụ Ngài.

Vậy, hai câu chuyện trong hoạt động 3 đã nêu lên cùng một điểm chính: Mặc dầu và chắc chắn sự cứu rỗi không bởi việc lành nhưng nhờ ân điển bởi đức tin; tuy nhiên, khi một người đơn sơ chân thật nhận lấy sự cứu rỗi, thì sự cứu rỗi ấy sẽ dẫn họ đến tình yêu thương và lòng biết ơn dành cho Đấng Cứu Thế, và tình yêu cùng lòng biết ơn ấy sẽ biến thành những công việc lành thực tế và đầy tận hiến. Dĩ nhiên, không phải tất cả những người xưng rằng mình

tiếp nhận Chúa đều là chân thật. Hoạt động kế tiếp sẽ trình bày cho chúng ta về vấn đề này.

#### **4. Sự mâu nhiệm của vương quốc liên quan đến sự cứu rỗi (8:4-21)**

Trong hoạt động số 3 chúng ta đã nhìn thấy bằng chứng rằng sự cứu rỗi được rao giảng bởi Đấng Christ là chân thật và đầy hiệu quả. Tuy nhiên, đối với nhiều người, toàn bộ câu hỏi về sự cứu rỗi, tiếp nhận sự cứu rỗi mà không cần việc lành là một sự mâu nhiệm khó hiểu. Họ có thể hiểu về tầm quan trọng của đạo đức, và sự kêu gọi dẫn đến một đời sống tốt hơn thì rất có ý nghĩa đối với họ. Dường như họ cũng thấy rất hợp lý để hi vọng rằng nếu chúng ta hết sức làm điều lành, bất chấp yếu đuối và những cám dỗ, thì cuối cùng Đức Chúa Trời cũng sẽ đầy lòng thương xót trong bản tuyên án về chúng ta. Nhưng ý tưởng mà ngay trong đời này, một người nghe Lời Chúa, tin và được cứu rỗi (xem 8:12) chẳng có ý nghĩa bao nhiêu đối với họ. Sự mâu nhiệm trong điều này, cũng là ý tưởng vượt quá mọi sự hiểu biết của con người, đó là Sa-tan sẽ nỗ lực hết sức để ngăn chặn lời Chúa đâm rễ trong tấm lòng con người (xem 8:12). Khi vấn đề càng trở nên phức tạp hơn bởi những bằng chứng rõ ràng thì có những lời xưng nhận cứu rỗi thật đáng nghi ngờ hoặc thậm chí giả tạo, họ có khuynh hướng loại bỏ trọn cả vấn đề mà họ không hiểu nếu không nói là hoang tưởng.

Theo sự trình bày của Đấng Christ trong phân đoạn đang ở trước mặt chúng ta (8:10) thật rất khó để hiểu được về sự cứu rỗi theo cách mà con người mong đợi. Nhưng sự cứu rỗi theo đường lối của Đức Chúa Trời là thiết lập vương quốc của Ngài, là thừa nhận sự mâu nhiệm, mặc dầu chữ 'sự mâu nhiệm' nói ra từ miệng Đấng Christ vẫn có vài ý nghĩa khác nhau chứ không như cách nói của chúng ta ngày nay. Ngài có ý nói rằng đường lối cứu rỗi của Đức Chúa Trời là một kế hoạch do Đức Chúa Trời soạn thảo, cho nên sẽ không ai có thể hiểu gì về sự cứu rỗi ấy nếu Ngài không bày tỏ. Chắc chắn Ngài bày tỏ sự cứu rỗi ấy qua Lời của Ngài, rồi bày tỏ sau cùng và đầy đủ là qua Đấng Christ và các sứ đồ của Ngài (xem Ê-phê-sô 3:1-13). Vì thế đây là sự bí mật đã được mở ra. Tuy nhiên, đối với tất cả những người nhận lấy sự bí mật đã được mở ra này thì người ta cũng

không bao giờ có thể hiểu trừ khi Đấng Christ bày tỏ cho họ qua việc Ngài rao giảng lời hằng sống vào tấm lòng của họ.

Điều đó không có nghĩa là một số người nào đó sẽ tự động và mãi mãi bị loại trừ khỏi khả năng am hiểu sự cứu rỗi, khi họ chứng kiến những gì xảy ra khi Đấng Christ phán về ẩn dụ của người gieo giống. Ẩn dụ này giải thích về tiến trình và phản ứng thường thấy khi Lời Chúa được rao giảng với tất cả sức sống của lời ấy để sản sinh đức tin, đức tin đem đến sự cứu rỗi và sự am hiểu về sự cứu rỗi. Các môn đồ cũng giống như đám đông, chưa hiểu về ý nghĩa của ẩn dụ khi họ mới nghe lần đầu. Nhưng họ có một cảm nhận và hỏi Đấng Christ để xin Ngài soi sáng thêm (xem 8:9).

Dĩ nhiên là Ngài trả lời theo yêu cầu của họ. Ngài giải thích tất cả những vấn đề có liên quan đến sự cứu rỗi. Nếu lần đầu một người nghe về sự cứu rỗi thấy khó hiểu, thấy khó nắm bắt ngôn ngữ trừu tượng, thì người nghe luôn có thể cầu nguyện với Đấng Christ về một sự soi sáng cần thiết, Ngài sẽ ban sự thông hiểu cho họ.

Còn bây giờ, đối với những ẩn dụ được kể trong trường hợp này, đó là những ẩn dụ về người gieo giống, ngọn đèn và gia đình.

Ẩn dụ về người gieo giống (xem 8:4-15) công bố rằng có bốn sự đáp ứng khác nhau giữa loài người khi họ nghe về sự cứu rỗi được rao giảng qua Lời Đức Chúa Trời. Thứ nhất là sự ngăn trở tức thì bởi chính Sa-tan khi chưa có được một kết quả nào (xem 8:12). Thứ hai là khi họ tiếp nhận lời Chúa cách hời hợt, thì lời ấy không bao giờ được phép đâm rễ, và khi cám đổ đến, nó sẽ phơi bày tình trạng tiếp nhận Chúa hời hợt và không có rễ. Thứ ba, họ nghe lời Chúa với một mức độ nghiêm túc; nhưng trước khi họ cương quyết tiếp nhận và vâng theo Lời ấy, thì nó đã bị làm cho nghẹt ngòi bởi sự lo âu về giàu có và những thoả mãn của cuộc đời này, nên không nhận được gì cả.

Không có một điều tốt nào trong ba phản ứng trên. Phản ứng duy nhất có được ích lợi đó là khi người ta nghe lời Chúa và đón nhận với tấm lòng chân thật và mềm mại, giữ chặt lấy lời ấy và nhờ nhẫn nhục mà được kết quả (xem 8:15). Lời Chúa là Lời hằng sống giống như một hạt giống. Khi hạt giống có cơ hội được gieo ra, thì nó

sẽ bày tỏ sức sống của nó bằng cách sản sinh ra những bông trái. Nếu không sản sinh ra được bông trái bền vững, thì người ta có thể mắc mắc liệ người này có thật sự tiếp nhận Lời Chúa, giống như tình trạng hoàn toàn thiếu tình yêu thương và lòng biết ơn của Si-môn đối với Đấng Christ chứng tỏ rằng ông chưa hề nhận lấy sự tha thứ và sự cứu rỗi. Ông cũng không có một sự vui mừng và nhiệt huyết bộc phát chốc lát là bằng chứng vững vàng rằng ông đã tiếp nhận Lời Chúa. Cần phải có sự kiên nhẫn liên tục, chờ đợi để trái được tăng trưởng đầy đủ (xem 8:13-14).

Tương tự như vậy về ẩn dụ chiếc đèn (xem 8:16-18) được rao giảng để cảnh báo chúng ta trực tiếp 'hãy cẩn thận về cách các người nghe' (8:18), nghĩa là hãy cẩn thận để biết làm gì với điều mà chúng ta đã nghe. Có những người nếu bị buộc vào tình huống họ phải xưng nhận, thì họ sẽ xưng rằng họ đã tiếp nhận Phúc âm. Tuy vậy, họ chưa hề nói cho ai nghe về điều đó, thậm chí với bạn hữu hoặc con cái cũng không. Nhưng đó là cách cư xử rất lạ lùng. Bản chất của Phúc âm là sự sáng. Không ai có thể thấp đèn rồi để dưới cái thùng hoặc để dưới cái giường; nhưng người ta sẽ đặt nó ở một vị trí mà nó có thể soi sáng và được người khác nhìn thấy. Cũng vậy, một người không thể nào giấu mãi chỗ đứng của mình khi đã tiếp nhận Phúc âm.

Sớm muộn gì những kín giấu cũng sẽ lộ ra- nó sẽ lộ ra nếu sự sáng đã sẵn có. Nhưng điều nguy hiểm đó là, như 8:18 chỉ ra, người nào cho rằng mình đã tiếp nhận Phúc âm, mà cứ che giấu và không bao giờ phơi bày chân lý, thì một ngày nào đó khi họ đi tìm sự thực hữu của Phúc âm trong lòng mình, lúc ấy họ sẽ phát hiện ra rằng Phúc âm đã không còn, thậm chí giống như Phúc âm chưa hề đến với lòng họ.

Cuối cùng là ẩn dụ về gia đình (8:19-21) nhấn mạnh về gia đình với cùng một chủ đề: Nếu chúng ta xưng rằng mình có mối quan hệ sống động với Đấng Christ, thì bằng chứng của việc ấy không phải ở chỗ chỉ đơn giản thừa nhận mình có, nhưng vấn đề là ở chỗ chúng ta nghe, vâng giữ và làm theo Lời Đức Chúa Trời. Nếu thiếu việc nghe, vâng giữ và làm theo, thì mối quan hệ chúng ta có với Chúa cần đặt dấu hỏi cách nghiêm túc.

### 5. Sự Cứu rỗi từ những yếu tố vật lý (8:22-25)

Trong phần mục lục của giai đoạn này (trang 130-131) chúng tôi đề nghị rằng chúng ta nên suy nghĩ theo cách Lu-ca muốn chúng ta hiểu, nếu chúng ta suy nghĩ về nội dung của những hoạt động từ 5-8 thì chúng ta sẽ ghi nhớ những sự kiện và những bài học của hoạt động từ 1-4.

Trong 7:11-17, chúng ta được kể về con trai của người đàn bà goá thành Na-in, Chúa Jêsus can thiệp và bảo cậu ngồi dậy ngay tại thời điểm mà người ta đem cậu đi chôn. Chúng ta có thể suy nghĩ rằng, chàng thanh niên này được cứu thật đúng lúc. Nhưng trong 8:22-25 thì sự việc của câu chuyện này dường như đảo ngược lại. Đấng Christ đang ngủ trên thuyền khi cơn bão dữ dội tràn đến. Thuyền đầy nước và có nguy cơ bị chìm cùng với tất cả hành khách, nhưng Đấng Christ cứ tiếp tục ngủ, rõ ràng là Ngài không hề hay biết về mối nguy này. Các môn đồ đánh thức Ngài bằng tiếng la lớn: ‘Thầy ơi, thầy ơi chúng ta chết mất.’ Vì thế, Ngài thức dậy quở sống và gió và chúng im lặng như tờ. Rồi Ngài quở trách và hỏi các môn đồ: ‘Đức tin các con ở đâu?’

Mới nghe thì thấy lời quở trách có vẻ nặng nề. Họ sợ hãi là điều tự nhiên, vì dường như họ có thể chết chìm bất cứ giây phút nào, mà Đấng Christ lại không hề hay biết về điều đó. Nếu Ngài đã được đánh thức và biết rõ về mọi sự đang xảy ra, mà Ngài vẫn không thi hành bất cứ điều gì, thì đó mới là điều khó hiểu.

Mặc dầu nỗi sợ hãi của họ là điều tự nhiên, nhưng càng suy nghĩ về điều này bao nhiêu, chúng ta càng không thể biện hộ cho sự thiếu đức tin của họ. Viên đội trưởng người Ngoại bang (xem 7:2-17) đã nhận biết rằng Chúa Jêsus có uy quyền để ra lệnh cho những thế lực của sự sống và sự chết. Các môn đồ đang có mặt khi Chúa cứu sống con trai của người đàn bà goá ngay trước hàm của mồ mã;

Rồi dân chúng thành Na-in có đủ nhận thức để nhìn thấy rằng đây là một sự can thiệp thiên thượng (xem 7:16), họ không biết nhiều hơn nên xưng Ngài là Đấng tiên tri lớn đến từ Đức Chúa Trời. Chẳng lẽ các môn đồ của Ngài không nghe cuộc đối thoại giữa Chúa Jêsus và các sứ giả của Giăng Báp-tít sao, và nghe một lời khẳng định



được nhắc lại, dựa vào bằng chứng mạnh mẽ của nhiều phép lạ được Ngài thực hiện, rằng Ngài chính là 'Đấng phải đến', cuối cùng Đấng Mê-si-a đã đến sau hàng thế kỷ của những lời tiên tri và sự chuẩn bị để hoàn tất những mục đích của Đức Chúa Trời cho sự giải cứu và mua chuộc người Y-sơ-ra-ên và người Ngoại Bang.

Cứ cho rằng nỗi sợ hãi của các môn đồ là tự nhiên và theo bản năng; nhưng tâm trí suy nghĩ hợp lý của họ ở đâu? Thậm chí nếu họ chỉ mới kinh nghiệm Chúa Jê-sus trong giai đoạn đầu thì họ còn phải tin Ngài thay, tính logic sẽ cho họ thấy rằng kế hoạch thiên thượng để mua chuộc nhân loại không liên quan đến 'nhà sáng lập', vì một trận bão bất ngờ có thể cướp mất Đấng Mê-si-a được hứa từ lâu đời đang ngủ mê và Ngài có thể chết vì thiếu cần trọng. Nhưng nỗi sợ hãi là kẻ đầy sức mạnh đánh đổ tính hợp lý, và trong bất cứ trường hợp nào, thì các môn đồ vẫn là người đang học tập: họ tin nơi ông Giăng và họ tin Chúa Jê-sus và tiếp nhận những phép lạ để minh chứng Ngài là Đấng Mê-si-a; tuy vậy, họ vẫn bị ngạc nhiên khi nhận biết Ngài là Chúa của cả thế giới vật lý (xem 8:25).

Sẽ khó chấp nhận lời bào chữa của chúng ta vì thiếu đức tin và không biết suy nghĩ logic, nếu trên một thái cực chúng ta xưng Chúa Jê-sus là Đức Chúa Trời nhập thể mà lại phủ nhận đến tận cùng câu chuyện hiện tại này và cho rằng đây chỉ là 'phép lạ tự nhiên', hoặc ở một thái cực khác, chúng ta xưng Chúa Jê-sus là Chúa của cả vũ trụ mà lại sợ hãi vì cho rằng Ngài đã bỏ quên chúng ta trong hoàn cảnh chúng ta đang đối diện.

Chúng ta đang sống trong một vũ trụ mà nó nghịch lại và gây chết chóc cho đời sống con người: chỉ có phép lạ của sự sáng tạo và sự bảo vệ thiên thượng mới có thể duy trì hành tinh của chúng ta với sự thích nghi tuyệt vời của nó và sự chu cấp cho sự truyền giống của sự sống nhân loại. Ngay trong quả đất của chúng ta thì bão tố, sóng gió, sấm sét, lụt lội, hạn hán, tuyết lở, động đất, cháy rừng, nóng, lạnh, vi khuẩn, vi-rus, bệnh dịch, tất cả mọi điều này ở mọi thời đại đều đe dọa sự sống và giết chết con người. Sớm muộn gì thì một trong những tai họa này cũng huỷ diệt chúng ta. Dĩ nhiên, câu chuyện làm yên cơn bão không có nghĩa là Đấng Christ không bao giờ cho phép bất cứ con dân nào của Chúa bị chết chìm, hoặc vì bất cứ thiên tai

nào. Nhưng câu chuyện này minh hoạ rằng Ngài là Chúa của các thể lực vật lý trong vũ trụ này, rằng đối với Ngài, không sự kiện gì xảy ra cách bất ngờ, và không có thể lực nào trong cả vũ trụ này có thể phá huỷ kế hoạch của Ngài về sự cứu rỗi đời đời của chúng ta hoặc phân cách chúng ta với tình yêu của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ trong Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta (xem Rô-ma 8:38-39).

## **6. Sự cứu rỗi khỏi thể lực của các linh và sự chối bỏ Đấng Cứu Thế (8:26-39)**

Hoạt động số 5 mô tả về sự cứu rỗi khỏi những thể lực vật lý trong thiên nhiên. Nhưng thể lực vật lý không phải là thể lực duy nhất trong vũ trụ có tiềm năng thù địch lại với con người. Có những thể lực của các linh đang tìm cách huỷ diệt con người: các linh lừa dối theo cách gọi của Kinh Thánh (xem I Ti-mô-thê 4:1-2) và chính Sa-tan (xem Công vụ 26:18). Những người bị quỷ ám là biểu hiện rõ ràng nhất về những gì mà thể lực Sa-tan có thể hành động trên nhân phẩm của một người khi người ấy đã hoàn toàn ở dưới quyền thống trị của nó. Không giống như Thánh Linh, là Đấng luôn giải cứu để con người được tự do. Phát triển nhân phẩm của một người, gia tăng khả năng tiết độ và giá trị của người ấy, còn những thể lực của Sa-tan dành quyền kiểm soát trên nhân phẩm của một người, và cuối cùng là đánh sập sự tự chế của người ấy, cướp đời sống của họ như trường hợp của những người bị quỷ ám mà chúng ta từng thấy. Những linh này ban cho con người sức mạnh phi thường: ‘mặc dầu bạn hữu anh ta xiềng cùm và canh giữ, anh ấy vẫn bẻ xiềng tháo cùm’ (8:29). Bất hạnh thay, nhiều người bị quyến dụ bởi quyền lực của ma quỷ. Họ cho rằng bất cứ kinh nghiệm nào để họ có thể chứng tỏ họ có sức mạnh hơn một người bình thường thì sẽ tự động được xem là tốt và có giá trị. Nội điều ấy thôi thì đã đầy dẫy sự lừa dối. Các thể lực linh có thể ban cho con người quyền năng đáng kinh ngạc; nhưng đến cuối cùng những quyền năng ấy sẽ chứng tỏ sự huỷ diệt trên nhân phẩm và sự tiết chế của một người. Đối với người bị quỷ ám trong trường hợp này cũng vậy. Khi hỏi tên ông ta là gì, ông không trả lời tên tôi là Giăng hoặc Thô-ma, hoặc bất cứ tên nào mà cha mẹ đã đặt cho ông ta (xem 8:30). Từ rất lâu ông ta đã từ bỏ nỗ lực trở về với chính mình, để tự kiểm soát cuộc đời của mình. Nhưng một

quân đội của ma quỷ đang kiểm soát ông. Ông ta cứ sống điên cuồng giữa mờ mả mà không hề xấu hổ (xem 8:27). Dĩ nhiên, đây là trường hợp ở mức tệ nhất, tuy nhiên, đây là lời cảnh báo cho nhân loại họ sẽ ra thế nào nếu bị hư mất, và họ chỉ có thể được giải cứu khỏi quyền lực của tội lỗi và Sa-tan bởi Đấng Christ mà thôi (xem Ê-phê-sô 2:2; Cô-lô-se 1:13).

Vậy, hoạt động 6 là câu chuyện về việc Đấng Christ giải cứu nhân phẩm của một người bị thống trị bởi các tà linh, Ngài phục hồi sự tự do và đời sống tiết chế của ông ta. Nhưng còn hơn thế nữa. Nếu chỉ có vậy, thì câu chuyện đã được kết thúc tại 8:33, nhưng Lu-ca còn dành thêm bốn câu nữa (8:34-37) mô tả phản ứng của dân chúng trong thành ấy trước quyền năng giải cứu của Đấng Christ trên Sa-tan. Đây cũng là một câu chuyện rất nghiêm túc để chúng ta suy xét. Khi Đấng Christ vừa mới đến gần người bị quỷ ám, người đàn ông này kêu nài Ngài hãy để mặc ông ta. Nhưng Đấng Christ đã khống chế ông ta.

Người đàn ông này không còn là một hữu thể tự do; ông đang hành xử dưới một thế lực tưởng là của chính mình nhưng lại nói lên ý muốn của thế lực tà linh đang làm chủ. Đấng Christ bỏ qua lời kêu nài của ông ta vì Ngài đang quan tâm đến việc ban cho ông sự tự do của chính Ngài, và đem ông đến một mức độ mà bất cứ yêu cầu nào ông nói ra cũng sẽ bày tỏ từ ý chí tự do của ông ta. Nhưng khi dân chúng quanh miền đó xin Ngài lìa khỏi họ, thì Ngài lập tức làm theo yêu cầu của họ và ra đi (xem 8:37). Lời yêu cầu của họ là biểu hiện của chọn lựa tự do được thực hiện với cặp mắt mở lớn và nhìn đầy đủ và rõ ràng trước sự kiện vừa xảy ra; nên Đấng Christ tôn trọng sự chọn lựa ấy. Ngài sẽ không bao giờ lấy đi ý chí tự do của một người, thậm chí là để cứu người ấy.

Đến đây Lu-ca vẫn chưa hoàn tất câu chuyện của mình, nhưng ông còn dành thêm hai câu nữa (xem 8:38-39) cho chúng ta biết, khi Đấng Christ đang ra khỏi vùng đó, người bị quỷ ám mà bây giờ đã được tự do, xin phép Chúa Jêsus cho ông cùng đi với Ngài. Ngài từ chối lời yêu cầu ấy; vì những lý do mà bây giờ chúng ta sẽ xem xét.

Bây giờ, nếu chúng ta suy ngẫm về 7:18-35 chúng ta sẽ nhớ lại rằng phân đoạn này tường thuật Đấng Christ bị một nhóm người

chống đối, và trong phân đoạn này cũng nói về điều ấy. ‘Con người của thế hệ này’ (7:31) đã chạy vào trong đồng vắng để nhìn xem hiện tượng đặc biệt là Giăng Báp-tít, với ấn tượng ban đầu rằng ông là người mở đường cho Đấng Mê-si-a. Cuối cùng, họ đã không thừa nhận ông và sứ điệp của ông, công bố rằng nếp sống khổ hạnh của ông chứng tỏ ông bị quỷ ám. Đó là một sự buộc tội với đầy nghi ngờ. đương nhiên chúng ta hiểu không ai muốn một người bị quỷ ám ở trong khu vực của mình.

Ngược lại, hãy suy nghĩ về trường hợp của người bị quỷ ám ở phân đoạn này. Chẳng ai nghi ngờ gì về việc ông ta bị quỷ ám. Một số người trong làng đã có vài lần cố sức dùng xiềng mà trói để ngăn ông ta khỏi tự đánh đập mình và làm hại dân làng. Tuy vậy, khi Chúa Jê-sus không chỉ khống chế được người đàn ông này nhưng còn đuổi quỷ khỏi ông và cứu ông cách trọn vẹn, thì họ lại không ưa thích công việc của Ngài. Chính những người trước đây đã giúp đỡ ông ta, bây giờ lại yêu cầu Đấng Cứu Thế hãy rời khỏi làng.

Tại sao vậy? Lu-ca nói rằng vì họ sợ Ngài. Trên hai lần ông nói với chúng ta như vậy (xem 8:35, 37). Lu-ca không nói rằng họ sợ hãi người đàn ông này khi ông ta trần truồng và gầy rộc ngoài mồ mả. Có thể họ sợ mà có thể họ không sợ. Nhưng dầu họ có sợ hay không, thì điều này không lạ sao khi bây giờ họ lại sợ khi nhìn thấy người này đang ngồi, mặc quần áo và tỉnh táo? Lẽ ra họ phải sợ ai? Chỉ có thể kết luận rằng họ sợ Đấng Christ, sợ quyền năng siêu nhiên của Ngài, mà đối với họ quyền năng đuổi quỷ là quá huyền bí. Họ không thể hiểu được sự thay đổi đã đến trên người đàn ông này.

Đối với họ quyền năng đã đem đến một sự thay đổi lớn dường ấy là một sự đe dọa. Nhưng thật là một nhận định đáng buồn cho tình trạng sa ngã và không muốn thay đổi của con người, đến nỗi người ta cảm thấy quen thuộc, dễ chịu hơn với những quỷ dữ hơn là với Đấng Christ là Đấng có quyền năng để đuổi quỷ.

Thế mà điều này vẫn thường thấy. Khi phải nỗ lực giúp đỡ một tội phạm hoặc một người nghiện rượu, nếu họ chứng tỏ họ là người không còn có thể cải tạo được, bạn sẽ muốn bỏ người này vào tù còn người kia thì đưa vào bệnh viện tâm thần, thế nhưng người ta thường cảm thấy xấu hổ hoặc kinh khủng nếu tội phạm ấy hoặc

người nghiện ấy được Chúa cứu trở thành một người tỉnh táo, lành mạnh, biến đổi, và làm môn đồ của Chúa Jêsus. Họ không hiểu sự biến đổi ấy đã ảnh hưởng như thế nào. Họ có thể vui lòng khi tình trạng của người đàn ông này được thay đổi; nhưng họ không muốn có một chút liên hệ gì đến Đấng đã đem đến sự thay đổi ấy: Vì chính họ không dự định trở nên môn đồ của Ngài.

Dĩ nhiên, còn một lý do nữa khiến người ta sợ. Lu-ca nhấn mạnh rằng những người chăn heo đã chứng kiến những gì xảy ra cho bầy heo và nói với dân làng ‘người bị quỷ ám đã được cứu như thế nào’ (8:31-36). Câu chuyện về bầy heo là câu chuyện khiến lỗ tai của chúng ta phải lùng bùng. Các quỷ đề nghị rằng nếu đuổi chúng ra khỏi người đàn ông, xin hãy cho chúng nhập vào bầy heo; nhưng khi bầy heo lao xuống hồ và chết chìm, thì có lẽ một lần nữa các quỷ lại mất chỗ trú thân tạm thời của chúng. Chắc chắn Đấng Christ đã biết trước điều sẽ xảy ra và Ngài đã cố ý cho phép. Sự huỷ diệt bầy heo đã minh chứng rõ ràng về sự tàn diệt sẽ xảy ra cho người đàn ông thậm chí còn tệ hại hơn nữa, nếu các quỷ được bỏ mặc để tự do lộng hành. Theo một ý nghĩa nào đó, thì bầy heo đã chịu thế cho người đàn ông. Nếu người đàn ông lao xuống hồ và chết chìm, thì các quỷ chắc chắn phải lìa khỏi ông; nhưng chính người đàn ông cũng phải lìa cõi đời này. Vậy bầy heo đã chết và bị vùi lấp dưới hồ; còn người đàn ông thì bước đi tự do. Nhưng điều này khiến dân làng phải đối diện với một chọn lựa lớn lao và đáng sợ: ‘họ quá sợ hãi’ Lu-ca nói như vậy (xem 8:37). Như chúng ta đã thấy, trước đây một số người đã sẵn lòng giúp đỡ bằng cách xiềng ông ta lại, nhưng nếu sự giải cứu người đàn ông này khiến người ta bị mất cả một bầy heo, thì toàn bộ vấn đề phải được xét lại. Một bầy heo liên quan đến một số lượng lớn thức ăn và tiền bạc! Nên họ quyết định là họ phải mời Chúa ra khỏi, có lẽ là trước khi Ngài lại cứu thêm những người bị quỷ ám khác nữa.

Đấng Christ làm theo yêu cầu của họ; nhưng khi người bị quỷ ám vừa được cứu xin Ngài cho phép ông ta cùng đi với Ngài, Đấng Christ từ chối yêu cầu của ông. Sự tự do đến với người đàn ông này không phải là để chính ông ta được vui hưởng, dầu sự vui hưởng đó là được ở bên Ngài, là nơi chắc chắn ông cảm thấy an toàn nhất. Có tự do là để được tự do vâng theo mạng lệnh của Đấng mà ông ta

đang ngồi bên chân Ngài trong sự bình an và tĩnh táo. Vì thế người đàn ông được sai trở về quê nhà để làm một nhân chứng, và ông ta đã chứng tỏ mình là một nhân chứng hết sức hết lòng (xem 8:39). Nếu có lúc nào chúng ta nhìn thấy ‘sự khôn ngoan được biện minh nhờ kết quả của nó’ (7:35), thì trường hợp của người đàn ông này đúng là như vậy, sự khôn ngoan đã được phục hồi trong một tâm trí hết sức tĩnh táo. Có lẽ trong những tháng sau đó, khi dân làng quan sát và nghe ông ta kể về điều Chúa đã làm, họ không còn sợ hãi Đấng Christ nữa, như Giăng Báp-tít đã không còn nghi ngờ khi các môn đồ trở về thuật lại cho ông những điều kỳ diệu mà Đấng Christ đã thực hiện (xem 7:21-23).

### **7. Được cứu khỏi đời sống phí ưởng vì thiếu sức sống sung mãn (8:40-48)**

Lu-ca tường thuật, ‘Khi Đức Chúa Jêsus trở về, đoàn dân đông đón rước Ngài vì mọi người đều trông đợi Ngài (8:40), ông dùng chữ trông đợi (prosdokaō) là từ mà trước đó ông đã dùng trong câu hỏi của Giăng Báp-tít ‘hay chúng tôi phải tìm kiếm một Đấng khác’ (7:20). Trong tâm trí của đám đông, họ đang mong đợi điều gì! Một người như Giai-ru, chắc chắn hết sức trông đợi Ngài trở lại. Con gái của ông ta đang hấp hối, chắc chắn với lòng vô cùng nôn nóng, ông mong Ngài trở lại để ông có thể mời Ngài về nhà mà cứu con gái ông (xem 8:41). Lu-ca nói rằng, khi Ngài đến thì dân chúng lấn ép Ngài tứ phía (xem 8:42), Đấng Christ phải dừng lại và không thể đi tiếp. Kế đó, một người phụ nữ đến để được chữa bệnh (xem 8:43), sự kiện này khiến Đấng Christ dừng lại lâu hơn nữa. Chắc chắn đó là sự ‘tra tấn’ đối với Giai-ru.

Ngay tại lúc này, nếu chúng ta có thói quen đọc các câu chuyện trong sách Lu-ca cách riêng lẻ như những câu chuyện độc lập, thì chúng ta sẽ không thấy vấn đề gì theo điều Lu-ca tường thuật ở đây. Nhưng ngược lại, nếu chúng ta có thể nhớ lại Lu-ca đã hết sức thận trọng khi kể cho chúng ta câu chuyện của viên đội trưởng, thì chúng ta sẽ có thắc mắc như thế này: Nếu Đấng Christ bị giữ lại và không thể đến nhà Giai-ru thì có vấn đề gì không? Chẳng phải điểm chính của câu chuyện của viên đội trưởng là Chúa Jêsus có thể chữa lành vượt quá không gian sao, và chẳng phải Ngài thật đã cứu sống tên nô

lệ của thầy đội mà không cần đến nhà ông ta sao?

Tại sao Đấng Christ không giải cứu Giai-ru khỏi nỗi thống khổ của chòr đội, bằng cách chỉ việc ra lệnh và cứu con gái của Giai-ru mà không cần phải đội đến nhà Giai-ru? Có phải Lu-ca đã quên quá nhiều về những gì ông đã nỗ lực kể cho chúng ta nghe về thầy đội đến nỗi ông không nhận ra rằng câu chuyện ông đang kể đây chắc chắn sẽ dấy lên một thắc mắc mà bất cứ ai đọc câu chuyện trước cách nghiêm túc cũng nhìn thấy? Đương nhiên, tại đây Lu-ca không trả lời cho câu hỏi này; nhưng cuối cùng khi ông đã kể xong câu chuyện của Giai-ru, một số chi tiết ông cho biết thêm sẽ khiến cho câu chuyện càng bí ẩn hơn.

Bây giờ thì ông đi theo dòng chảy của câu chuyện đang bị gián đoạn vì một người đàn bà muốn nhận được sự chữa lành bằng cách đơn giản rờ vào trôn áo của Ngài. Lu-ca trình bày trường hợp của bà là một ví dụ nữa về 'sự cứu rỗi' (8:48) vì lâu nay những ví dụ của ông đã minh họa những khía cạnh khác nhau của sự cứu rỗi, chúng ta có thể bắt đầu hỏi vậy lãnh vực nào của sự cứu rỗi đang được trình bày ở đây. Giống như trường hợp của người bị quỷ ám, trường hợp của bà ta cũng là căn bệnh kinh niên (xem 8:27-29 và 43); nhưng rõ ràng là trường hợp của bà chẳng có liên quan gì đến quỷ dữ. Đó là một tình trạng yếu nhược của cơ thể, có lẽ tình trạng xuất huyết của tử cung. Căn bệnh này làm cạn kiệt nguồn sức lực của cơ thể bà, và cũng làm cạn kiệt nguồn tài chánh của bà (xem 8:43), bà ta đã tiêu tốn hết tiền bạc để được chữa lành nhưng đều vô ích <sup>1</sup>. Đó là một phần của sự yếu nhược và đổ vỡ mà nhân loại chúng ta thừa hưởng sau Sự Sa Ngã và còn ảnh hưởng trực tiếp đến cấu tạo của cơ thể, những tiến trình khác nhau của tâm thần đôi khi cũng bị sai trật dẫn đến những hậu quả tương tự. Sự hãi là một ví dụ rất điển hình. Nỗi sợ hãi được thiết kế để tăng sức đề kháng hoặc bảo vệ đời sống, nhưng nó có thể dẫn đến tình trạng mất kiểm soát, và lấy đi hết sức lực của con người một cách hoàn toàn vô ích.

<sup>1</sup> *Cụm từ trong 8:43, "người cũng đã tốn hết tiền của về thầy thuốc, không ai chữa lành được" không có trong nhiều bản Kinh Thánh (mặc dầu trong Mác 5:26 có một câu gần giống như vậy) và đó là lý do mà trong một số bản dịch câu này không có. Sách của Marshall, trang 344, cũng không nêu lên một lý do rõ ràng vì sự cắt xén ấy hoặc phản đối việc thiếu câu này.*

Có lẽ điểm chính của câu chuyện nằm ở chỗ nạn nhân đã được chữa lành bằng cách nào: chúng ta cứ nghe lặp đi lặp lại cách bà đụng vào Chúa Jêsus. Với một câu chuyện có sáu câu, thì đã bốn câu được dùng để tường thuật cho chúng ta người đàn bà này đã muốn được chữa lành bằng cách đụng vào trôn áo của Chúa Jêsus mà không muốn ai nhìn thấy. Nhưng điều này minh chứng rằng vẫn có người nhìn thấy, vì Đấng Christ nhận biết có người đã đụng đến Ngài và Ngài nhất định muốn biết người ấy là ai; các môn đồ phản đối bằng cách nói rằng nhiều người lấn ép Ngài, cho nên thật ngớ ngẩn khi hỏi ai đụng đến Ngài; nhưng Đấng Christ nhất định rằng có người đã đụng đến Ngài và vẫn không thoả lòng cho đến khi người đàn bà chạy ra và trước sự chứng kiến của mọi người, xưng nhận rằng vì sao bà đã chạm đến Ngài.

Nếu sau khi nghe xong tất cả những câu chuyện này mà chúng ta cũng vẫn không nhận ra rằng Lu-ca muốn chúng ta phải nghiêm túc nhận biết khả năng của Đấng Christ thừa biết có người đã đụng đến Ngài thì chúng ta sẽ không quan tâm đến điều Lu-ca đang trình bày. Hơn thế nữa, chúng ta cũng không thể nào không nhớ lại rằng trong câu chuyện của người đàn bà tại nhà Si-môn (xem 7:36-50), ông rất quan tâm đến việc người đàn bà đụng chạm vào Ngài. Câu hỏi quan trọng đối với Si-môn là liệu Đấng Christ có nhận biết phẩm hạnh của người đàn bà đang chạm vào Ngài không. Ban đầu Si-môn khẳng định rằng Đấng Christ không biết, vì theo cách đoán xét của ông, nếu Ngài biết thì Ngài đã không cho phép người đàn bà ấy chạm vào Ngài. Vì thế, chúng ta phải xem xét vấn đề song hành về sự đụng chạm vào Chúa và quyền năng cùng sự nhận biết của Ngài trong cả hai câu chuyện.

Chúng ta cần lưu ý rằng để bắt đầu với việc xem xét này thì nan đề của cả hai bà đều có liên quan đến tình dục: Người thứ nhất thì yếu đuối trong đời sống đạo đức về tình dục, người thứ hai thì yếu đuối trong cơ thể về tình dục. Trong suy nghĩ của người Do Thái, sự rờ chạm của cả hai người đàn bà này đều gây nên ô uế: Đó là cảm nhận của Si-môn về người đàn bà ở trong nhà ông, và Lê-vi-ký 15:19-27 công bố thể nào về tình trạng mất huyết của một người đàn bà. Bà ta là người không tinh sạch (xem Lê-vi-ký 15:25) và vì



thể ai đụng đến bà cũng trở nên ô uế. Có nghĩa là cả hai người đàn bà này đều kinh nghiệm sự tổn thương và ghẻ lạnh vì họ không được phép tiếp xúc với những con người tinh sạch và thanh lịch. Vì đối với cả hai, sự cứu rỗi đã cắt đi sự ghẻ lạnh, bởi vì sự cứu rỗi ấy đã cắt đi nguyên nhân gây nên ghẻ lạnh và lại đưa họ vào một xã hội lành mạnh. Có lẽ một lý do khiến người đàn bà bị mất huyết ráng sức được chữa lành mà không muốn ai biết không chỉ vì yếu tố e ngại tự nhiên, nhưng còn vì bà sợ con người: những con người tôn giáo ở giữa đám đông sẽ phẫn nộ với bà vì đã dám trộn lẫn vào họ khiến họ bị ô nhiễm lây. Nếu như thế, thì ít nhất từ nay trở đi bà được tự do ở giữa mọi người mà không hề sợ hãi trong lòng rằng người ta sẽ phát hiện ra tình trạng bệnh tật của bà. Cũng ở mức độ đạo đức, sự tha thứ đã đem lại cùng một ảnh hưởng cho người đàn bà tại nhà Si-môn: đó là sự thừa nhận công khai của Đấng Christ về sự cứu rỗi mà bà đã nhận lãnh với lòng chân thật sẽ khiến bà thấy mình được xã hội lịch sự chấp nhận mà không sợ người ta sẽ lôi lại quá khứ của bà để chế giễu. Cứu rỗi có nghĩa là phục hồi.

Điều thứ hai chúng ta thấy rằng cả hai câu chuyện này đều dấy lên câu hỏi về quyền năng và sự nhận biết của Đấng Christ, mà điểm mấu chốt của mỗi trường hợp đều khác nhau. Trong câu chuyện thứ nhất, câu hỏi được đặt ra là Đấng Christ có nhận biết phẩm hạnh của người đàn bà đang chạm vào Ngài hay không;

Trong câu chuyện thứ hai, liệu Ngài có nhận biết sự kiện rằng có một người đã chạm đến Ngài không. Một nhà đạo đức nghiêm khắc như Si-môn chắc hẳn sẽ nhận ra khuynh hướng của những người đeo mặt nạ và giả vờ để che giấu tâm tánh thật; mặc dầu thái độ của ông khiến người ta dễ dàng nói rằng ông là người khó khăn, thiếu tình yêu thương, hay nghi ngờ và thiếu lòng tin cậy người khác, nhưng ông có lòng quan tâm đến việc bảo vệ những người đang hoàng khỏi sự lừa dối, thì đó vốn là một tấm lòng rất tốt và thực tế.

Theo ông thì một tiên tri phải là người trội hơn những con người bình thường, có cái nhìn thấu suốt những sự giả dạng, và xem thấu trong lòng người ta (xem I Vua 14:2-6). Thế là ông kết luận vì Đấng Christ không thể nhìn thấu vào tâm tánh thật của người đàn

bà này, do đó Ngài không phải là tiên tri thật nên Ngài đã bị lừa dối. Chúng ta biết là sự kiện của câu chuyện đã chứng tỏ rằng nhận định của Si-môn là sai trật. Si-môn cứ yên lặng đeo đuổi suy nghĩ của mình (xem 7:39), còn Đấng Christ thì đọc thấy tư tưởng của ông nhưng không cần phải bày tỏ cho ai. (xem 7:40). Hơn thế nữa, Ngài cho thấy Ngài hoàn toàn nhận biết người phụ nữ này thuộc loại nào. Ngài phân tích về sự 'đụng chạm' của bà rất khác với cách phân tích của Si-môn; nhưng Ngài chứng minh cho Si-môn thấy rằng đây là một sự tranh luận không thể chối cãi được và phân tích của Ngài là đúng.

Nhu cầu phân tích đúng đắn sự kiện trong những trường hợp như vậy đòi hỏi phải đối diện với những nan đề thực tế thường xảy ra. Những người giống như người đàn bà này và đủ loại tội phạm khác nhau, là những người bị mang tiếng là đeo bộ mặt giả khi tiếp nhận sự cứu rỗi và lợi dụng lòng tin của cộng đồng Cơ Đốc. Hơn thế nữa, khi cộng đồng ấy bị lừa dối, những việc xấu xa mà họ làm sẽ nghịch lại với Phúc âm và làm người khác hiểu sai cả một ý niệm về sự trở lại với Chúa và sự cứu rỗi. Trái lại, khi những con người này thật sự tiếp nhận Chúa, tiến trình biến đổi thuộc linh của họ sẽ bị tàn hại nặng nề nếu cộng đồng Cơ Đốc nghi ngờ họ quá đáng, không tin cậy họ và cũng không chấp nhận họ. Chắc chắn chúng ta cần có sự khôn ngoan vượt trội sự khôn ngoan của con người để có thể phân tích đúng đắn sự kiện do những tâm tính hữu như thế đóng kịch.

Trong trường hợp của người đàn bà thứ hai, câu hỏi quan trọng là về khả năng nhận diện của Đấng Christ không chỉ về bà ta mà thôi mà còn về chính Ngài nữa. Vì Ngài biết, cho nên Ngài phán rằng, có người đã chạm đến Ngài cách đặc biệt chứ không phải là cái chạm tình cờ hoặc đụng hờ, bởi vì Ngài nhận biết quyền năng từ Ngài đã lưu xuất ra (xem 8:46). Điều này cho chúng ta thấy một sự thật cực kỳ quan trọng đó là quyền năng đã cứu chúng ta là quyền năng không của riêng ai. Đúng vậy, quyền năng của Chúa được chuyển vào người đàn bà này khi bà chỉ vừa đụng vào trôn áo của Chúa chứ không phải đụng vào Ngài. Bà ta được chữa lành vì bà có đức tin chân thật chứ không phải là sự mê tín (xem 8:48); nhưng bà đã khám phá ra rằng đức tin thật phải có nghĩa là: chúng ta không thể được cứu

bởi quyền năng của Đấng Christ nếu không có mối quan hệ riêng tư với Ngài. Một lý do rất đơn giản đó là chúng ta không thể nào vận dụng đức tin trong Đấng Christ và rút quyền năng từ nơi Ngài mà Ngài lại không biết chúng ta; nhưng điều bất năng ấy có thể ít nhất cứu chúng ta khỏi hai mối nguy. Nó cứu một loại đức tin bị suy thoái thành mê tín và xem Đấng Christ (hoặc chiếc áo Ngài) giống như một vật thánh được sở hữu bởi quyền năng riêng của một nhà tà thuật. Nó cũng cứu việc xem đức tin như một hình thức ích kỷ và sự cứu rỗi chỉ là sự tiến bộ cá nhân. Nhiều người ban đầu chỉ đến với Chúa để nhận lấy quyền năng đắc thắng một số yếu đuối hoặc những thói hư tật xấu như nghiện game hoặc mê rượu làm hư hoại thân thể và làm phí uổng tiền bạc và hoang phí sức lực. Đấng Christ sẵn sàng làm câu giải đáp cho từng lời kêu xin như thế. Nhưng trong sự thương xót của Ngài, Ngài sẽ không để cho một người xem sự cứu rỗi của Ngài là một phương thuốc trị bệnh. Ngài vẫn cương quyết rằng những con người như thế phải trước hết đến với chính Ngài, giống như người đàn bà đã xưng nhận giữa mọi người rằng Ngài là Đấng Cứu Thế.

### **8. Sự cứu rỗi là điều 'bí mật' khiến kẻ chết sống lại (8:49-56).**

Bây giờ, Lu-ca lại tiếp tục kể câu chuyện về Giai-ru và con gái ông ta, và chúng ta hãy nhớ lại thách mắc của chúng ta: Tại sao Đấng Christ không dùng quyền năng đã được quảng bá rộng khắp của Ngài mà giải cứu Giai-ru khỏi nỗi thống khổ vì phải đợi chờ, bằng cách cứu cô gái đang hấp hối từ xa và không cần phải chờ bước đến nhà ông?

Chúng ta có thể phỏng đoán rằng một trong những lý do là Ngài muốn thử để đức tin của Giai-ru được mạnh mẽ. Khi viên đội trưởng thưa với Chúa, 'Lạy Chúa, xin đừng tự phiền đến thế' (tiếng Hi-lạp *mēskullou*) là câu nói bày tỏ đức tin (7:6). Khi có người trong gia đình của Giai-ru nói với ông ta đừng làm phiền Thầy nữa (Hi-lạp *mē keti skulle*), thì đó là một cám dỗ bỏ cuộc vì không còn đức tin nơi Đấng Christ dựa vào lý lẽ rằng đã quá trễ, hoàn cảnh này đã vượt quá khả năng của Đấng Christ và Ngài không thể làm gì được. Đấng Christ đã chống lại với sự cám dỗ ấy và cứu Giai-ru khỏi tình trạng đau buồn tuyệt vọng bằng cách khích lệ ông cứ tiếp tục kiên trì trong đức tin: 'hãy tin mà thôi thì con gái người sẽ được cứu' (8:50)

Dĩ nhiên, sau đó là một sự thật rất đơn giản và ai cũng nhìn thấy, đó là nếu Đấng Christ đã có thể cứu đứa con gái từ xa, thì ví dụ sau cùng về sự cứu rỗi trong một chuỗi những ví dụ sẽ là sự cứu rỗi khỏi tình trạng hấp hối; đúng như vậy, đây chính là trường hợp về sự cứu rỗi khỏi tình trạng hấp hối. Còn con trai của người đàn bà goá thành Na-in thì được cứu khỏi sự chết; và câu chuyện của anh ta, là một phần của bài học dựa vào những đòi buộc nào mà sự cứu rỗi được ban tặng.

Nhưng bài học của câu chuyện con gái Giai-ru thì khác hơn: Điểm chính của câu chuyện là mặc dầu ai cũng biết rằng đứa con gái đã chết- và nó thật đã chết- nhưng Đấng Christ vẫn khẳng khái rằng sự chết đối với cô ta chỉ là một giấc ngủ (xem 8:52). Được Đấng Christ dạy dỗ nên kể từ đó những người tin nhận Ngài xem sự chết của thân thể này chỉ là một giấc ngủ, và qua sứ đồ Phao-lô, con dân Chúa đã được dạy dỗ nhiều hơn rằng thời kỳ cuối cùng của sự cứu rỗi sẽ xảy ra khi Đấng Christ trở lại và đánh thức những thân thể đã chết từ giấc ngủ của sự chết (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14-17).

Trong ánh sáng của điều này, chúng ta cần cẩn thận với cách tưởng tượng của mình để không xem việc cứu sống con gái Giai-ru cũng giống y như câu chuyện của sách Phúc âm thứ tư về sự sống lại của La-xa-rô (xem đoạn 11). Trong trường hợp này Đấng Christ cũng từ khước việc chữa lành cho ông ta từ xa hoặc đến làng Bê-tha-ni vào đúng thời điểm để cứu La-xa-rô khi ông ta đang hấp hối. Ngài cứ ở xa cho đến khi La-xa-rô 'ngủ' (11:11), rồi Ngài đến làng Bê-tha-ni để đánh thức ông (11:11), và cuối cùng Ngài khiến cho sự cứu sống kẻ chết là một sự báo trước về sự phục sinh lớn của thân thể khi Ngài trở lại (11:24-27).

Nếu có bất cứ chân lý nào cho rằng việc cứu sống con gái Giai-ru được dự định như là một sự bày tỏ trước về sự phục sinh khi Chúa trở lại, thì thêm một yếu tố nữa có thể giúp chúng ta giải thích được nan đề đã khiến câu chuyện này khó hiểu: Đó là Đấng Christ nhất định giữ bí mật. Không ai được phép bước vào căn nhà ấy ngoại trừ ba môn đồ và cha mẹ của cô gái (xem 8:51). Chúng ta thắc mắc, tại sao cần phải giữ bí mật? Tất cả mọi người đứng bên ngoài đều biết rằng cô gái đã chết. Những kẻ khóc mướn đã được thuê đến cho đám

tang rồi, và họ đang khóc la inh ỏi. Chẳng lẽ họ không được thông báo rằng dịch vụ của họ không cần thiết nữa, mà tại sao chứ? Thậm chí nếu không được thông báo, thì họ cũng nay mai gặp lại cô gái, và tin tức này sẽ nhanh chóng lan truyền khắp nơi. Nếu gọi đây là sự bí mật, thì đây là bí mật mà ai cũng biết.

Nhưng đó chính là ý nghĩa của chữ 'sự màu nhiệm' trong Tân Ước. Sự màu nhiệm ấy cũng là những chi tiết chắc chắn sẽ xảy ra của sự phục sinh trong ngày Chúa trở lại mà Kinh Thánh đã chép (xem I Cô-rinh-tô 15:51). Nếu trong hoạt động 4 Đấng Christ đã giải thích về một sự màu nhiệm của vương quốc mà Ngài đã truyền thông qua một ẩn dụ (xem 8:10-15), thì có thể trong hoạt động 8 Ngài đang minh họa một sự màu nhiệm lớn của vương quốc ấy qua một phép lạ.

## **Đấng Christ và Mục Đích của Sự Cứu Chuộc**

### **Phần Nghiên Cứu Tổng Quát**

#### **Các Hoạt Động**

1. Xây Dựng Vương Quốc theo quan điểm của thế giới chúng ta (9:1-27).
2. Xây Dựng Vương Quốc theo quan điểm của một thế giới khác (9:28-50).

---

## *Giai Đoạn 5*

---

# Đấng Christ và Mục Đích Cứu Chuộc

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

Chúng ta đang bước vào giai đoạn 5 và công việc đầu tiên của chúng ta là quyết định phạm vi của giai đoạn này. Công việc này rất dễ dàng, vì 9:51 là câu then chốt trong dòng tư tưởng của cả sách Phúc âm này. Mặc dầu chỉ hơn một phần ba của sách một chút, thì câu Kinh Thánh này đã loan báo rằng thời điểm mà Đấng Christ được cất lên trời đang đến gần, và theo kế hoạch đó Đấng Christ quyết định lên thành Giê-ru-sa-lem. Từ điểm này trở đi, phần thuật chuyện sẽ nói về hành trình từ đất lên trời của Đấng Christ, đó là lý do vì sao chúng ta đặt tên cho phần này theo 9:51 'Ngài Đi'. Nhưng nếu việc 'Ngài Đi' bắt đầu từ 9:51, thì chúng ta bị bỏ lại với chỉ năm mươi câu (9:1-50) để hình thành giai đoạn cuối cùng của 'Ngài Đến'.

Mới nhìn vào thì chúng ta hơi ngạc nhiên. Có lẽ chúng ta mong đợi một cách rất hợp lý rằng vào giai đoạn cuối cùng của việc 'Ngài Đến', thì giai đoạn 5 phải có chức năng như là một cao trào đầy mạnh mẽ và rõ ràng cho tất cả những phần trước đó. Có lẽ phần này là cao trào, nhưng tầm quan trọng và mạnh mẽ thì không tùy thuộc vào độ dài. Thậm chí như vậy, chỉ với năm mươi câu, giai đoạn năm trở thành giai đoạn ngắn nhất của việc 'Ngài Đến'. Tại sao lại ngắn quá như vậy?

Dầu là lý do gì chẳng nữa thì ít nhất độ ngắn của giai đoạn này cũng đã được cân nhắc thận trọng. So sánh phần này với bản đối chiếu trong sách Ma-thi-ơ và Mác cho thấy mặc dầu Lu-ca chọn để đưa rất ít thông tin vào phần này, là những thông tin mà Ma-thi-ơ và Mác không có, thì ông đã chọn để bỏ đi một lượng lớn thông tin mà hai sách kia đều có. Sau phần Lu-ca đề cập ngắn về Hê-rốt trong 9:7-9, thì ông ta không có phần tường trình về sự nhảy múa trong bữa tiệc sinh nhật dẫn đến việc chém đầu Giăng Báp-tít như của Ma-thi-ơ (xem 14:1-12) và Mác (xem 6:14-29). Cả ba sách đều nói về việc nuôi

đoàn dân đông năm ngàn người và việc xưng nhận Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, giữa hai câu chuyện này Ma-thi-ơ (xem 14:22-16:12) ghi lại sự kiện đi bộ trên mặt biển, việc Ngài trở về Ghê-nê-xa-rét, sự tranh cãi về rửa tay trước khi ăn, người đàn bà thành Sy-rô-phê-ni-xi, việc chữa lành và nuôi ăn đoàn dân đông bốn ngàn người, việc đòi hỏi một dấu lạ, và sự cảnh báo về men của người Pha-ri-si. Còn Mác trong phần này (xem 6:45- 8:26) cũng có một danh sách dài của những câu chuyện và còn thêm vào một số điều nữa mà chỉ ông ta mới có. Lu-ca thì không hề có phần nào ở giữa: Phần tường thuật của ông về việc nuôi đoàn dân đông năm ngàn người (xem 9:10-17) được theo sau ngay lập tức bởi lời xưng nhận Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời (xem 9:18-27).

Vì thế, dường như việc tường trình ngắn gọn của Lu-ca không do ông bị ép buộc vì thiếu nguồn tư liệu. Chúng ta ước gì có thể nói rằng, phần tường trình của ông ngắn gọn là do ông muốn trong phần hai của Phúc âm Lu-ca, ông có thể đưa vào một số lượng lớn những thông tin vô cùng thú vị mà Ma-thi-ơ và Mác không tường thuật (và điều này là đúng hoàn toàn). Như thế thì ông phải cố gắng hết sức để có đủ chỗ, vì sự giới hạn đòi buộc về độ dài của một sách được ấn định bởi những phương pháp xưa về phát hành sách (đây là sự tranh cãi không chắc chắn, vì lẽ ra, nếu ông rất muốn thì không có thể viết ra nhiều tập sách giống như Thê-ô-phi-lô.); và vì thế tính cần thiết phải chừa chỗ cho những tư liệu đặc biệt đòi buộc ông phải loại bỏ từ đoạn 9 hầu hết những câu chuyện mà Ma-thi-ơ và Mác có đề cập. Dầu chúng ta cho rằng giải thích như thế là đầy đủ, ít nhất là trong phần này, hoặc chúng ta cho rằng tính thực tiễn không thể thiếu được trong phần này là đủ để tường trình về những chọn lựa và quyết định của nhà văn Lu-ca theo khả năng của ông, thì chúng ta cũng hãy để một mình Đức Thánh Linh là Đấng cảm thúc ông quyết định. Sau cùng, có thể do một lý do nữa hoặc đây là phần thêm vào. Có thể Lu-ca viết năm mươi câu này, chỉ năm mươi câu này mà thôi, vì sự chọn lọc tư liệu rất đặc trưng của Lu-ca cho thấy ông đã ghi lại tất cả những gì ông muốn trình bày vào giai đoạn này, và ông sẽ không nói nhiều hơn thậm chí nếu ông còn đủ chỗ của cả thế giới



này.

Dầu thế nào chẳng nữa, khi chúng ta xem cách chọn lọc và sắp xếp tư liệu lại với nhau, thì dấu ấn của một sự kết hợp có chủ ý ngay lập tức sẽ hiện lên. Vậy hãy xem Mục Lục của giai đoạn 5.

Chúng ta lưu ý rằng hiệu quả của việc chọn lọc tư liệu và sắp xếp của Lu-ca chính là những chủ đề hàng đầu của những câu 1-27 được lập lại trong dạng hình ảnh phản chiếu của những câu 28-50. Chúng ta cho rằng tính hiệu quả của phân đoạn nằm trong phần chủ động về phía Lu-ca, vì thế phần giải kinh của chúng ta là cố gắng để hiểu được điểm chính và mục đích sự sắp xếp của ông là gì.

Cùng lúc đó, chúng ta thấy có một điều rất rõ ràng: Phần quan trọng nhất của tư liệu này nằm trong hai phân đoạn chính, 9:18-27 và 9:28-36. Hai khúc Kinh Thánh này đã nêu lên ba câu nói chủ đạo, mỗi câu được trình bày theo một cách riêng. Điều quan tâm đầu tiên là việc thừa nhận Đấng Christ. Trong 9:20, Phi-e-rơ đại diện cho tất cả sứ đồ chính thức trình bày niềm tin rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời. Rồi trong 9:35 có tiếng nói từ trong đám mây rằng Chúa Jêsus là 'Con Trai Ta, Người Được Chọn của Ta'. Điều quan tâm thứ hai là sự chống đối, sự chết và sự phục sinh sắp xảy ra với Đấng Christ. Đoạn 9:22 thông báo về những sự kiện này bằng một ngôn ngữ rất thẳng thắn và dễ hiểu; 9:31 chỉ về cùng những sự kiện nhưng trong cụm từ nhấn mạnh 'sự Ngài qua đời phải ứng nghiệm tại thành Giê-ru-sa-lem'. Điều quan tâm thứ ba là sự đến lần thứ hai của Đấng Christ. Trong 9:26, Đấng Christ công khai nói về thời điểm khi Con Người sẽ đến trong sự vinh hiển của Đức Chúa Cha và của các thiên sứ thánh; trong khi sự hoá hình (xem 9:28-36) theo lời của một trong những người chứng kiến sự kiện vinh hiển ấy, là sự bày tỏ trước về sự đến lần thứ hai của Ngài. Rồi Phi-e-rơ nói rằng, 'Vả, khi chúng tôi làm cho anh em biết quyền phép và (parousia) của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta, thì chẳng phải là theo những chuyện khéo đặt để, bèn là chính mắt chúng tôi đã ngó thấy sự oai nghiêm Ngài...lúc chúng tôi ở với Ngài trên hòn núi thánh' (II Phi-e-rơ 1:16-18). Từ ngữ parousia khi được dùng cho Chúa Jêsus trong Tân ước luôn luôn nói về sự đến lần thứ hai của Ngài.

Với tất cả những điều này, chúng ta đã có thể thấy rằng thật

ra giai đoạn 5 chính là cao trào của nửa phần đầu của sách Lu-ca. Vì không còn có cao điểm nào lớn hơn cho bằng sự kiện Chúa Jêsus trở lại lần thứ hai; và giai đoạn 5 không chỉ trình bày câu nói rõ ràng của Phúc âm rằng chắc chắn Chúa Jêsus sẽ đến lần thứ hai, nhưng còn cho chúng ta nhìn thấy trước sự uy nghiêm của sự đến đầy vinh hiển ấy.

## Các Hoạt Động

### 1. Xây dựng vương quốc theo quan điểm của thế giới chúng ta (9:1-27)

Chúng ta có thể nhớ lại rằng giai đoạn 4 trình bày cho chúng ta những trường hợp khác nhau của những lãnh vực khác nhau của sự cứu rỗi. Thật tuyệt vời, vì tất cả những câu chuyện ấy đều nói về sự cứu rỗi dành cho những cá nhân, vì lý do ấy, giai đoạn 4 không thể là cao trào của nửa phần đầu của sách Phúc âm này. Chắc chắn sự cứu rỗi dành cho mỗi cá nhân là vô cùng quan trọng, nhưng chưa phải là tất cả. Đúng vậy, đối với những người chứng kiến thì sự kiện sau cùng của giai đoạn 4 chứng minh một kiểu mẫu về sự sống lại dành cho những người đã ngủ trong Chúa Jêsus khi Ngài đến.

Nhưng chúng ta đang sống trong một thế giới đầy rối loạn; và chỉ có sự thiết lập vương quốc toàn cầu của Đức Chúa Trời trên từng góc đất mới có thể làm thỏa mãn nỗi khao khát những hi vọng của chúng ta. Giai đoạn 5 sẽ nói về vương quốc ấy: thế nào Đấng Christ đã qua các sứ đồ mà công bố vương quốc ấy cho toàn thể Y-sơ-ra-ên (xem 9:2); thế nào chính Ngài đã công bố về vương quốc ấy cho những đoàn dân đông. Nhưng bài học quan trọng nhất của giai đoạn này, một lần kia chỉ được bày tỏ trong vòng thân thiết nhất của Ngài là ba người giữa mười hai môn đồ, thỉnh thoảng họ được nhắc nhở không nói những điều này với ai (xem 9:21; 36, 43-44). Cho đến khi Đấng Christ thật sự chịu đóng đinh thì kế hoạch của Đức Chúa Trời cho việc xây dựng vương quốc của Ngài vẫn là một phần của sự khôn ngoan kín giấu (xem 9:45 và I Cô 2:7-8) mà không một quan chức nào của đời này có thể biết được, vì nếu họ biết, họ đã không đóng đinh Chúa vinh hiển. Hoạt động 1 sẽ thuật lại tiến trình mà các môn đồ được chuẩn bị để nghe rõ ràng những chiến lược ấy phải được

thực hiện thế nào.

*Hướng dẫn và sai phái mười hai sứ đồ (9:1-9).* Mới nhìn vào thì thấy nội dung và sự sắp xếp của lời tường thuật về sứ mạng truyền giáo của mười hai sứ đồ khá lạ lùng. Một câu (9:1) mô tả sự uỷ thác quyền năng thiết yếu cho các sứ đồ. Bốn câu (xem 9:2-5) mô tả lời Chúa hướng dẫn họ. Năm câu nói về tất cả những gì họ cần chuẩn bị và rồi sứ mạng ấy được kết thúc với một câu đơn độc: ‘vậy, các sứ đồ ra đi, từ làng này đến làng kia, rao giảng Tin Lành khắp nơi và chữa lành người có bệnh.’ (9:6). Họ không được nghe một bài giảng mẫu nào; không có lời chúc phước nào, không có trường hợp chữa lành nào được mô tả trước; và cũng không có một lời báo cáo chi tiết nào về việc họ được tiếp đón nồng hậu như thế nào trong thị trấn hoặc làng mạc ấy. Hẳn nhiên là Lu-ca không nói cho chúng ta nghe nhiều điều mà chúng ta muốn nghe, nhưng có lẽ ông ta đã tường thuật điều mà ông nghĩ chúng ta cần nghe, vì thế chúng ta phải dừng lại một lát để xem xét cách chi tiết.

Chúng ta được biết rằng phần đầu tiên trong sứ mạng truyền giáo của các sứ đồ là giảng. Nội dung của lời rao giảng chính là vương quốc Đức Chúa Trời (xem 9:2), và sứ điệp của họ được mô tả rộng hơn chính là Phúc âm, là tin lành (9:6). Chắc chắn những gì họ công bố phải bao gồm lời kêu gọi ăn năn như Giảng Báp-tít đã kêu gọi. Sứ điệp ấy cũng bao gồm một số biểu hiện về tiêu chuẩn đạo đức mà một thành viên của vương quốc được đòi buộc, như Chúa đã phán trong bài giảng của Ngài nơi đồng bằng (6:20-49).

Nhưng chủ yếu là bài giảng của họ phải công bố tin lành mà dân chúng mong đợi quá lâu về vương quốc Đức Chúa Trời nay đã thật sự đến. Đối với bất cứ người Do Thái nào biết về sự vinh hiển của thời đại hầu đến mà Cựu Ước đề cập, thì hiểu lời công bố vương quốc của Đức Chúa Trời đã đến gần chính là tin lành. Nhưng thực tại và bản chất của vương quốc ấy sẽ được giải thích nhiều hơn qua phần hai của sứ mạng truyền giáo của các sứ đồ: họ được ban cho quyền năng siêu nhiên và uy quyền để giải phóng con người khỏi sự thống trị của thế lực linh gian ác, và chữa lành bệnh cho họ. Đây không phải chỉ là những lời cổ vũ hãy sống tốt hơn và chiến đấu với những yếu đuối của mình: nhưng đây là điều mà về sau một trước

## Giai Đoạn 5 Khi Ngài đến (9:1-50)

### 1. Xây dựng vương quốc từ quan điểm của thế giới chúng ta (9:1-27)

#### A. Lời dạy dỗ và sai phái mười hai sứ đồ 9:1-9

- a. Quyền năng và uy quyền được ban cho mười hai sứ đồ 9:1-2
- b. Dạy cách phản ứng khi được hoặc không được tiếp nhận 9:3-6
- c. Hê-rốt bị hoang mang bởi những lời tường trình rằng Chúa Jêsus chính là Giăng Báp-tít sống lại, người đã bị ông chém đầu; ông thắc mắc Chúa Jêsus thật sự là ai 9:7-9.

#### B. Nuôi đoàn dân đông năm ngàn người 9:10-17

Chúa bảo các môn đồ hãy nuôi đoàn dân đông; họ kháng cự rằng họ không thể; sau đó Chúa dùng phép lạ nuôi đoàn dân.

#### C. Lời xưng nhận Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời 9:18-27

- a. Chúa Jêsus cầu nguyện một mình 9:18
- b. Dân chúng nhận diện sai trật rằng Chúa Jêsus chính là Giăng hoặc Ê-li; Phi-e-rơ xưng nhận Ngài là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời 9:18-20.
- c. Lời thông báo về Đấng Christ bị chối bỏ, chịu chết, và được sống lại: Khuyến bảo các môn đồ vắc thập tự giá trong sự nhận biết về vinh hiển sẽ đến: Lời hứa về viễn cảnh vương quốc 9:21-27

### 2. Xây dựng vương quốc từ quan điểm của một thế giới khác 9:28-50

#### C. Sự hóa hình của Chúa Jêsus 9:28-36

- a. Hình ảnh của Đấng Christ, Môi-se và Ê-li trong vinh hiển: Thảo luận về sự chết của Đấng Christ, sự phục sinh của Ngài và sự Ngài thăng thiên sẽ được ứng nghiệm tại Giê-ru-sa-lem 9:28-32
- b. Phi-e-rơ cho rằng Môi-se và Ê-li cũng đồng đẳng với Đấng Christ; nhưng có tiếng công bố rằng, 'nay là Con Ta, là kẻ mà Ta đã chọn' 9:33-35.
- c. Chỉ còn lại một mình Chúa 9:36

#### B. Sự chữa lành cho đứa con trai một 9:37-43

Người cha kêu nài các môn đồ hãy đuổi quỷ khỏi con ông, nhưng họ không thể: Đấng Christ đã dùng phép lạ chữa cho cậu.

#### A'. Thêm lời hướng dẫn cho các môn đồ 9:43-50

- a. Các môn đồ bị bối rối khi nghe Chúa nói rằng Ngài sẽ bị nộp vào tay người ta 9:43-45.
- b. 'người nào vì danh Ta mà tiếp đứa trẻ này tức là tiếp ta, còn ai tiếp Ta tức là tiếp Đấng đã sai Ta.' 9:46-48
- c. Giăng chống đối việc một người, ngoài mười hai môn đồ, dùng quyền năng của Đấng Christ để đuổi quỷ và Đấng Christ đã sửa sai ông 9:49-50

giả (Hê-bơ-rơ 6:5) đã mô tả là 'quyền phép đòi sau' được đem vào thế giới này để cứu và chữa.

Kể đến (9:3-4) các sứ đồ được bảo rằng chính dân tộc mà họ đi đến phải chi phí cho họ lương thực, nơi trú thân, quần áo và phương tiện đi lại, vị Vua của dân tộc ấy- mặc dầu lúc bấy giờ họ chưa biết nhiều về Ngài- 'sẽ đến với chính dân mình' (Giăng 1:11) và Ngài có quyền để kêu gọi dân tộc ấy bảo vệ các sứ giả của Ngài. Nhưng như chúng ta đã biết 'dân Ngài' không đón tiếp Ngài, khi điều ấy xảy ra và người ta đã công bố về Ngài cách chính thức là người vi phạm luật pháp, thì Ngài đã ban một lời hướng dẫn ngược lại rõ ràng (xem 22:35-38). Nhưng trong giai đoạn này, mong đợi của các sứ đồ là được đón nhận và được bảo vệ. Thật ra, họ còn phải hiểu rằng từ chối đón tiếp họ là nan đề lớn: nếu có bất cứ nơi nào họ đi đến mà không được đón tiếp thì họ sẽ ra khỏi thành ấy, phủ bụi nơi chân như là một lời chứng để nghịch lại với những người chống đối họ. Họ không được ban cho quyền năng như Ê-li đã từng có (xem 9:54; II Vua 1:9-14) để thi hành sự đoán xét tức thì trên những kẻ chống đối họ. Ngược lại, họ phải nói rõ ràng với mọi người rằng vương quốc của Đức Chúa Trời, là Đấng mà việc Ngài đến đã được báo trước, không phải chỉ là những lời đề nghị về một cách sống mà họ có thể tùy chọn, đó cũng không phải là một trong những tùy chọn cho tương lai; nhưng đó chính là vương quốc của chính Đức Chúa Trời: chống lại vương quốc ấy bị kể là phạm tội vì chống lại với chính Đức Chúa Trời, là đang đứng ở vị trí nguy hiểm của hỏa ngục đòi đòi.

Vậy các sứ đồ ra đi truyền giáo, như chúng ta đã nói ở trên, đầu chúng ta không được tường thuật chi tiết, chúng ta vẫn được mô tả về ảnh hưởng ấy nói chung trên dân tộc của họ. Tuy nhiên, nó được trình bày trong một lối nói gián tiếp (xem 9:7-9): ảnh hưởng đem đến trên dân tộc này được trình bày qua cặp mắt của Hê-rốt. Ấn tượng trên nhiều người đó là họ được chứng kiến một sự thăm viếng bởi một người đến từ một thế giới vượt trội hơn họ.

Họ đoán có lẽ đó chính là Giăng Báp-tít sống lại từ kẻ chết, hoặc Ê-li từ trời trở lại để khởi đầu cho thời đại sẽ đến (xem Ma-la-chi 4:5) hoặc là một trong những tiên tri xưa đã được sống lại. Nội việc đó thôi cũng là điều rất thú vị rồi. Họ không chỉ thấy, như

trước đây họ vẫn thấy, rằng có đấng tiên tri lớn đã được đẩy lên giữa vòng họ (xem 7:16); bây giờ họ cảm thấy rằng trong chính thân vị của Chúa Jêsus thì thế giới này đã bị xâm lấn bởi một thế giới vượt trội hơn. Sự suy đoán của họ để nhận diện về Đấng Christ ngay lập tức trở nên không đầy đủ; nhưng những ý tưởng căn bản của họ về Ngài là hoàn toàn đúng. Ví dụ như Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên là những tiên tri lớn; nhưng sự ra đời của họ là từ những con người tầm thường, vương quốc của Đức Chúa Trời không đến qua họ, họ không phải là những người ảnh hưởng trên thế giới này bởi một thế giới vượt trội hơn, nhưng Đấng Christ chính là Đấng ấy.

Nhưng như chúng ta đã nói, Lu-ca đề nghị chúng ta không nhìn vào ảnh hưởng trên dân chúng cách trực tiếp nhưng qua cặp mắt của Hê-rốt. Vì nhìn như vậy càng thú vị hơn nữa, vì các sứ đồ đã báo trước đường lối của vương quốc ấy, đó là sự cai trị của Đức Chúa Trời, còn Hê-rốt chỉ là người cai trị của đời này- không nghi ngờ gì đó là một người cai trị với ảnh hưởng nhỏ, nhưng đầu sao cũng là một người cai trị. Còn điều gì nữa, khi Giăng Báp-tít kêu gọi dân chúng chuẩn bị đón tiếp Đấng Mê-si-a sẽ đến, thì Hê-rốt đã nổi giận trước những đòi buộc về đạo đức của Giăng và buộc ông phải câm miệng, chắc chắn ông ta đã dự định rằng trước hết là bỏ tù và sau đó là giết chết. Nếu như vậy, dựa vào đâu mà dân chúng nói rằng Hê-rốt đang gặp thảm họa. Những tiên tri cảnh báo những người sống đạo đức có thể gặp nguy hiểm, đặc biệt là nếu họ nổi tiếng trước dân chúng; và cuối cùng tất cả họ có thể bị buộc phải ngậm miệng- nếu thế giới này tưởng rằng chết là kết thúc mọi sự. Tuy nhiên, nếu sự chết và mồ mả không phải là những rào cản đúng tầm ngăn chặn việc Giăng hoặc Ê-li trở lại, thì Hê-rốt và ngại vàng của ông chắc chắn là không an toàn. Rõ ràng Hê-rốt đang tự nhủ rằng dân chúng đang là nạn nhân của sự mê tín dữ dội; nhưng chính ông lại cảm thấy bất an, không bất an nhiều vì những thắc mắc về đạo đức, đó là vấn đề thứ hai theo thứ tự- nhưng về chính con người của Đấng Christ. Chính xác Ngài là ai? Ngài chỉ là một đấng tiên tri nữa xuất hiện hay Ngài là một người thánh? Hoặc Ngài thật sự là thế lực xâm lăng đến từ trên cao? Vì thế ông tìm cách để gặp Chúa Jêsus (xem 9:9). Nếu như vậy, liệu những ảnh hưởng của sự dạy dỗ và chức vụ của các sứ đồ trong những ngày trước khi Đấng Christ phục sinh, đã lan rộng ra mà không cần

nói rằng đó cũng là hiệu quả của lời rao giảng từ ngày Lễ Ngũ Tuần. Chúng ta sẽ thất bại trong trọng trách của mình nếu chúng ta tạo ấn tượng trên người khác rằng vương quốc của Đức Chúa Trời chỉ hoàn toàn là những qui định về đạo đức trong đời hiện tại này, mà không đem họ đến chỗ nhận biết câu hỏi quan trọng đó là Chúa Jêsus là ai và một ngày kia Ngài sẽ chiếm hữu thế gian này một lần nữa khi Ngài đến trong sự vinh hiển của Cha Ngài và của các thiên sứ thánh (xem 9:26).

*Nuôi Năm Ngàn Người (9:10-17).* Câu chuyện kế tiếp là việc nuôi đoàn dân đông năm ngàn người, để có thể hiểu được điểm chính của câu chuyện này, chúng ta phải lưu ý đến văn mạch, đến vị trí của câu chuyện và đến cả dòng tư tưởng xuyên suốt trong giai đoạn này. Chắc chắn phép lạ này là bài học cho dân chúng, nhưng đặc biệt là dành cho các sứ đồ. Chúng ta thấy trước hết từ việc sắp xếp bên trong của câu chuyện, và cũng từ thái độ không đúng đắn của các sứ đồ bị phơi bày và bị sửa sai trong câu chuyện được lập lại và nhấn mạnh trong một phép lạ khác (xem 9:37-42) là câu chuyện được Lu-ca cẩn thận sắp xếp ở vị trí đối lập với câu chuyện này (xem mục lục trong trang 156).

Lu-ca ghi lại rằng khi các sứ đồ trở về sau chuyến truyền giáo và tường trình về những gì họ đã đạt được (xem 9:10). Đấng Christ bèn đem các sứ đồ đi riêng với Ngài đến làng Bết-sai-đa, nhưng dân chúng nghe vậy thì đi theo Ngài. Có thể hiểu rằng: lời giảng dạy và chức vụ của các sứ đồ trên cả đất nước chắc hẳn đã dấy lên trong lòng dân chúng những mong đợi và hi vọng rằng những lời tiên tri xưa về đời hậu đến của thiên đàng bình an và không còn đau khổ chắc hẳn hoàn toàn đúng và đang được ứng nghiệm. Đấng Christ biết được nỗi đói khát của lòng người, đã không quở trách họ vì đã xâm phạm sự riêng tư của Ngài, nhưng cho họ được tuôn ra những sự chán nản, thất vọng và đau đớn của đời hiện tại này; vì thế Ngài chào đón họ, nói cho họ nghe về vương quốc của Đức Chúa Trời và chữa lành cho bất cứ ai có nhu cầu (xem 9:11). Điều đó còn làm thoả mãn tấm lòng của họ hơn nữa.

Nhưng ngay bây giờ các sứ đồ đang chen vào và chỉ cho Đấng Christ thấy (họ làm như Ngài không thấy) rằng đã trễ rồi, không còn

cửa hàng nào hoặc nhà trọ nào trong một nơi xa xôi thế này, tốt hơn hết là Ngài nên cho họ về để tự tìm thức ăn và chỗ trú thân ở những ngôi làng gần nhất. Có lẽ đây là sự xấc xược không dự định trước của các sứ đồ khi khởi xướng và bảo cho Đấng Christ điều Ngài phải làm là hậu quả của cảm nhận về quyền năng và uy quyền sau một sứ mạng vừa thành công đã xúi giục họ. Nhưng những gì xảy ra kế tiếp cho thấy ý tưởng sai trật của họ và thậm chí còn sai hơn về Thân vị và quyền năng của Đấng Christ, và ngược lại với bản chất của vương quốc hầu đến mà họ đã công bố trên khắp đất nước. Đấng Christ không hề dự định cho đoàn dân đông ra về. Ngài dự định để họ nhìn thấy trước bóng của vương quốc Đức Chúa Trời, rồi khi điều ấy đến trọn vẹn, sẽ có ý nghĩa gì. Trong lời tiên tri của Ê-sai đã nói (xem 25:6-9) rằng một ngày kia Đức Giê-hô-va vạn quân sẽ ban cho mọi dân tộc một tiệc yến đồ béo, một diên rượu ngon, đồ béo có tủy, rượu ngon lọc sạch. Một yếu tố của tiệc thiên thượng làm thoả mãn mọi dân tộc đó là Ngài sẽ nuốt sự chết đến đời đời và lau ráo nước mắt khỏi mọi khuôn mặt. Dĩ nhiên, thời điểm cho bữa tiệc thật sự dành cho mọi dân tộc chưa đến, nhưng Đấng Christ sẽ cho đoàn dân đông và các sứ đồ một tiên vị tuyệt vời của bữa tiệc ấy và minh họa về quyền năng sẽ thực hiện điều ấy như thế nào. Chắc chắn cần có phép lạ, và phép lạ hết sức lớn lao về lãnh vực này: phải là một phép lạ cỡ ấy mới có thể mô tả trước về một bữa tiệc vô cùng đông đảo sẽ xảy ra trong tương lai. Nhưng Đấng Christ đã thực hiện một điều rất thú vị: Ngài bảo các sứ đồ rằng chính các người phải cho họ ăn. Trước đây, các sứ đồ chưa hề thấy một phép lạ trên lãnh vực này. Họ đã chứng kiến Ngài chữa lành cho những cá nhân, thật ra chính họ còn được phép dự phần vào sứ mạng truyền giáo gần đây và sử dụng uy quyền Ngài để đuổi quỷ và chữa bệnh. Nhưng nuôi ăn một đoàn dân quá sức đông đảo này, cả thầy năm ngàn người không kể đàn bà và trẻ con, nếu đếm hết thì còn đông đến cỡ nào. Thậm chí như thế mà phản ứng của họ cũng không phải là thông minh nhất. Đấng Christ không đòi nào nói những điều vô nghĩa, Ngài cũng không chế giễu năng lực yếu ớt của họ. Nếu Ngài bảo họ nuôi đoàn dân đông, thì ít nhất cũng phải làm họ sửng sốt và nghĩ rằng chắc hẳn còn có nhiều điều về vương quốc của Đức Chúa Trời và quyền năng của Đấng Christ mà lâu nay họ chưa nhận biết. Thay vào đó, ý tưởng cao siêu nhất của họ



chỉ là đến với những người mua bán trong những ngôi làng gần nhất (đương nhiên là những nhà bán sỉ) để mua lượng thức ăn cần thiết; nếu không thì họ chỉ có năm bánh hai cá.

Nhưng sự thiếu thốn đáng thương của họ về tài chánh và khả năng giữa hoàn cảnh hết sức tuyệt vọng, cùng với ý tưởng bị giới hạn vì tiến trình tự nhiên bình thường của đời sống trong thế giới này tạo nên một bối cảnh tương phản nghịch lại với điều mà Đấng Christ minh họa cụ thể về vương quốc hầu đến. Ngài ngước mắt lên trời (xem 9:16), một lần nữa Ngài đem quyền năng từ trời đến để can thiệp vào thế giới này và biến đổi lượng lương thực ít ỏi trở thành số lượng vượt trội hơn nhu cầu của đoàn dân đông. Chúng ta vẫn cần bài học này. Chúng ta rất đúng khi nhấn mạnh đến đạo đức của vương quốc Đức Chúa Trời, và nỗ lực để được nhìn thấy đạo đức ấy phải được áp dụng ngay vào xã hội và nền kinh tế đang có vấn đề của thế giới này. Nhưng chúng ta phải nhận biết và dừng để cho những suy tính theo cách đời này làm giới hạn ý tưởng của chúng ta về những gì mà vương quốc của Đức Chúa Trời một ngày kia sẽ dự phần vào.

Khi vương quốc ấy đã đến cách trọn vẹn, thì không chỉ có nghĩa là thực hiện những sinh hoạt trên đời hiện tại này cách hết lòng hơn, công bình hơn, hiệu quả hơn. Nhưng không thể nào kém hơn việc chiếm hữu thế giới của chúng ta bởi quyền lực của cõi thiên đàng, giải phóng thiên nhiên khỏi sự than thở và nản lòng, và biến đổi mọi tạo vật khỏi một hệ thống hư nát không thể tránh khỏi để bước vào một thế giới tự do, thoả mãn và hoàn hảo trọn vẹn, là nơi sự chết bị huỷ diệt và đau buồn không còn.

*Lời xưng nhận Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời (xem 9:18-27).* Chúng ta đã đến được cao trào của hoạt động thứ nhất. Như chúng ta đã lưu ý, Lu-ca không cho chúng ta biết rằng giữa sự kiện nuôi đoàn dân đông năm ngàn người và sự kiện Chúa Jêsus xưng nhận Ngài là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời là một lượng thời gian đáng kể và có nhiều sự kiện xen vào. Dĩ nhiên, ông cũng không phủ nhận điều này. Nhưng trong phần tường thuật của Lu-ca, chúng ta nghe Chúa hỏi các sứ đồ: ‘dân chúng nói Ta là ai?’ và các sứ đồ trả lời, Giăng Báp-tít hoặc Ê-li, hoặc một trong các tiên tri sống

lại! Chúng ta không thể nào quên rằng trước đây chúng ta đã nghe những ý kiến này của họ rồi, chỉ có mười câu trước đó. Tại sao bây giờ lập lại? Tại sao, Lu-ca đã bỏ qua rất nhiều tư liệu, chẳng phải Lu-ca đã loại bỏ câu hỏi đầu tiên của Đấng Christ, mà tiến đến câu hỏi thứ hai, mà câu hỏi này chính là cốt lõi của vấn đề: ‘dân chúng nói Ta là ai’ sao?

Chúng ta chỉ có thể nhận xét bởi tính hiệu quả của sự lập lại này. Dầu sao đi nữa, thì nó nhấn mạnh đến sự kiện đơn sơ nhưng quan trọng rằng khi các sứ đồ xưng nhận Ngài là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời, thì họ nói điều ấy trong sự nhận biết đầy đủ vượt trội hơn tất cả những lời nhận định và phỏng đoán trước đó. Vì thế, khi họ xưng nhận Ngài là Đấng Mê-si-a. Vì thế, khi họ xưng nhận Ngài là Đấng Mê-si-a thì không phải do họ bị ấn tượng bởi những yếu tố siêu nhiên trong chức vụ của Ngài, và không thể nghĩ đến một người nào khác. Những lời nhận định của dân chúng luôn hàm ý về sự siêu nhiên trong Chúa Jê-sus và chức vụ của Ngài; và Chúa Jê-sus phải chịu phiền để nhóm các sứ đồ của Ngài để nhắc lại về những lời nhận định trước khi họ chính thức bày tỏ điều họ tin quyết. Như thế, lời tuyên bố đầy thận trọng của họ ngược lại và mâu thuẫn với tất cả những lời nhận định trước đó. Họ muốn nói rằng, tất cả những lời nhận định trước dầu tôn cao Ngài đến đâu cũng không đầy đủ để bày tỏ Chúa Jê-sus là ai: Ngài không là ai ngoại trừ Đấng Mê-si-a vô song và độc nhất vô nhị của Đức Chúa Trời. Với lời xưng nhận chính thức, đầy hiểu biết, chọn lọc và dứt khoát của các sứ đồ chúng ta đã đạt đến không những cao trào của giai đoạn 5 trong sách Phúc âm của Lu-ca, nhưng chúng ta còn đạt đến ngã rẽ của lịch sử thế giới.

Nhưng các môn đồ vừa mới hoàn toàn nhận biết rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a, rồi Chúa Jê-sus lại tiếp tục công bố về một chuỗi những sự kiện sẽ dẫn đến việc thiết lập vương quốc Đức Chúa Trời. Chúng ta không thể biết chính xác các sứ đồ từng nghĩ gì về vấn đề thiết lập vương quốc; nhưng sau này qua những lời nhận xét của họ và qua cách cư xử của họ rằng điều cuối cùng mà lẽ ra họ mong đợi là Đấng Christ sẽ bị dân mình chối bỏ và bị đóng đinh. Vì thế ngay lập tức Ngài phán với họ. Nếu để cho họ trải qua nhiều tháng với ấn tượng Ngài đang mong đợi sự tung hô và nhiệt tình nơi đám

đông như hiện tại và cứ tăng dần thành sự chấp nhận của cả một dân tộc, rằng Ngài là Đấng Mê-si-a; để sau này họ khám phá ra rằng dân tộc này đã đối xử ngược lại, thì lúc ấy họ sẽ có cơ để cho rằng Ngài hiểu sai về tình huống và hi vọng cùng những kế hoạch để xây dựng vương quốc đã bị chứng minh là sai trật. Vì thế, ngay bây giờ, khi tiếng tăm của Ngài giữa quần chúng đang ở cao độ và đức tin của các sứ đồ và sự nhận biết đúng đắn của họ về chính Ngài đã lên đến tột đỉnh, thì ngay lập tức Ngài cho họ biết một cách rõ ràng rằng Ngài biết Ngài sẽ bị chối bỏ.

Kế tiếp, chúng ta hãy xem chính xác rằng Ngài nói Ngài sẽ bị ai khước từ. Sẽ hoàn toàn không đúng nếu nói rằng Ngài nói tiên tri rằng Ngài sẽ bị cả dân tộc khước từ như chúng ta đã nói cách đây vài giây. Ngài nói rằng chính những người lãnh đạo tôn giáo sẽ bác bỏ lời công bố của Ngài và đóng đinh Ngài. Còn giữa dân chúng thì Ngài rất được yêu mến như chúng ta vừa đọc thấy, và họ cứ yêu mến Ngài theo quan điểm của Lu-ca (xem 19:47-48; 20:1,45; 21:37-38; 22:2-6) cho đến tuần lễ cuối cùng. Chỉ đến phút cuối cùng những người lãnh đạo tôn giáo mới thu phục lòng dân đứng về phía họ để la hét đóng đinh Ngài. Vì thế, một người có thể cho rằng, rõ ràng điều đương nhiên Ngài phải làm trong giai đoạn này là đưa các sứ đồ lên núi cho một chiến dịch toàn cầu để thông báo cho dân chúng rằng Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a và sau đó dùng sự hỗ trợ yêu mến của đoàn dân đông đảo mà lấn áp vị trí của những lãnh đạo tôn giáo. Nhưng Chúa của chúng ta đã làm điều hoàn toàn ngược lại: Ngài ngăn cấm các môn đồ nói với bất cứ ai rằng Ngài là Đấng Mê-si-a (xem 9:21) <sup>1</sup>.

Một trong những lý do của sự cấm đoán này rõ ràng như nhiều người đã nói: ý tưởng của con người về Đấng Mê-si-a phải làm gì và phải như thế nào là chưa đầy đủ, nếu không nói là rất sai lầm và bị pha trộn với quan điểm chính trị của thời bấy giờ, rằng công bố cho cả dân tộc Ngài là Đấng Mê-si-a sẽ khởi đầu cho một phong trào chính trị không được ai ưa chuộng và sẽ tạo nên những nhóm quần chúng đông đảo đầy nhiệt tình nhưng không sản sinh ra các môn đồ, hoàn toàn không chuẩn bị họ để mỗi ngày vác thập tự giá mà đi theo Đấng Christ, mà thật ra còn vác gươm để chiến đấu cho những

gì họ tưởng là quyền lợi của Ngài. Tuy nhiên, lời giải thích mà Đấng Christ nêu lên về sự cấm đoán là: chắc chắn Ngài phải bị chối bỏ và bị giết, không phải là có thể Ngài bị...mà là chắc chắn Ngài phải chịu. Việc Ngài 'phải chịu' rõ ràng đã được ra lệnh từ một chiến lược thiên thượng để xây dựng vương quốc. Điều đó có nghĩa là bất cứ nỗ lực nào để tránh né hoặc chống trả lại sự chối bỏ và sự chết này không những chỉ vô ích mà còn làm ngược lại với ý chỉ thiên thượng nữa. Tuy nhiên, khi công bố những điều thiết yếu, Đấng Christ không giải thích những lý do nằm đằng sau; Ngài chỉ đơn giản trình bày và tiếp tục thực hiện những bước còn lại trong tiến trình xây dựng vương quốc của Ngài. Sự chết phải đi theo bởi sự phục sinh của Ngài. Điều đó chắc chắn sẽ chứng minh cho lời công bố của Ngài; nhưng Ngài đã bày tỏ (xem 9:23-26) rằng sự phục sinh của Ngài cũng chưa phải là ngay lập tức kết thúc tất cả những sự chống đối đây đó cho việc xây dựng vương quốc của Đức Chúa Trời. Xa hơn nữa. Thậm chí sau khi Ngài đã sống lại, bất cứ ai muốn đi theo Ngài đều được cảnh báo, theo Ngài có nghĩa là từ bỏ chính mình và mỗi ngày vác thập tự giá mình mà theo Ngài, mang lấy sự thù địch của thế giới y như Ngài đã chịu, và cùng chia sẻ nỗi xấu hổ và mắng nhiếc vì làm môn đồ của Đấng đã chịu đóng đinh. Thật ra một người sẽ trở thành môn đồ của Ngài thì, từ rất xa trước khi người ấy có thể đồng trị với Đấng Christ đắc thắng trên một thế giới đã bị khuất phục (xem I Cô-rinh-tô 4:18), phải chuẩn bị để mất chính sự sống bé nhỏ của mình vì có Đấng Christ.

Đấng Christ cũng không hề tạo nên một hi vọng nào rằng nếu các môn đồ của Ngài đã được chuẩn bị để chịu khổ đường ấy trong một thời gian thì cuối cùng sự chống đối sẽ bị khuất phục và cả thế giới sẽ dần dần được chinh phục về cho Ngài, như thế từng bước một vương quốc của Đức Chúa Trời sẽ được thực hiện trên đất này. Nhưng vương quốc của Ngài theo ý nghĩa mà Ngài đã bày tỏ chỉ có thể được thiết lập khi chính Ngài trở lại trong sự vinh hiển của riêng Ngài, của Cha Ngài và của các thiên sứ thánh (xem 9:23-26). Chỉ lúc đó và chỉ có lúc đó là thời điểm ban thưởng cho những người đã chịu khổ vì danh Ngài; và rồi những ai khước từ Ngài vì không nhìn thấy Ngài sẽ nhận lấy sự hư mất đời đời.

Nếu lời xưng nhận của các môn đồ rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời là đỉnh điểm và cao trào trong kinh nghiệm với Chúa Jêsus thì lời công bố đỉnh điểm đáng sợ này của Đấng Christ chắc hẳn đã làm họ kinh ngạc. Nếu vương quốc của Ngài sẽ không được thiết lập trên đất mãi cho đến khi Ngài trở lại thì trước mặt họ là một viễn cảnh đầy ảm đạm của sự chịu khổ vì thập tự giá và hoạn nạn mà có lẽ sẽ không có ngày được nhìn thấy vương quốc Ngài. Họ có thể chết từ lâu trước khi sự kiện ấy đến. Thế thì làm sao họ có đức tin để cứ tiếp tục tin cậy và hi vọng cho một vương quốc mà chắc họ sẽ không bao giờ nhìn thấy?

Đấng Christ nhìn thấy nan đề này và biết đức tin của các sứ đồ cần được nâng đỡ, và qua họ đức tin của các thế hệ tín hữu sẽ nối tiếp (xem II Phi-e-rơ 1:12-21) cả về tính thực hữu của vương quốc ấy lẫn tính chắc chắn rằng vương quốc ấy sẽ đến. Ngài nói thêm 'Nhưng Ta phán cùng các người (9:27), nhiều kẻ đứng đây sẽ không chết trước khi nhìn thấy vương quốc của Đức Chúa Trời'. Đương nhiên là Ngài muốn nói về sự kiện trên núi hoá hình mà ba sứ đồ sẽ nhìn thấy trong vài ngày tới.<sup>1</sup>

## 2. Xây dựng vương quốc theo quan điểm của một thế giới khác (9:28-50)

Không phải tình cờ mà tư liệu trong nửa còn lại của giai đoạn này trình bày loại hình ảnh như trong gương của tư liệu trong phần đầu. Ví dụ như phân đoạn mà chúng ta vừa xem (xem 9:18-27) và phân đoạn mà chúng ta sắp xem (xem 9:28-36). Theo một ý nghĩa nào đó, thì cả hai phân đoạn này, như chúng ta đã lưu ý (trang 157), cùng bàn về những vấn đề: sự nhận diện về Chúa Jêsus so sánh với Môi-se và Ê-li, sự chết của Ngài, sự phục sinh và sự trở lại của Ngài. Sự khác biệt đó là hai phân đoạn này nhìn vào những sự kiện này từ hai quan

<sup>1</sup> *Thậm chí trước Ngài sống lại, dường như sự cảm đoán này không mang tính hoàn toàn ép buộc hoặc ép buộc trong một thời gian dài. Khi người mù (18:38) gọi Ngài là Con Trai của Đa-vít, Chúa Jêsus không hề bảo ông ta không bao giờ được lập lại lời ấy. Khi Ngài vào thành cách khải hoàn (19:38-40) đám đông tung hô Ngài là 'Vua nhân danh Chúa mà đến', Ngài không đồng ý những người Pha-ri-si 'đòi buộc họ phải nín lặng. Chính Ngài cũng thỉnh thoảng nói về Ngài trước công chúng bằng những mà người nghe ít nhất cũng nhận ra Ngài là Đấng Mê-si-a. Ví dụ '...ở đây còn có Đấng lớn hơn Sa-lô-môn' (11:31)*

điểm hoàn toàn khác nhau: phân đoạn thứ nhất theo quan điểm của loài người trên thế giới này, phân đoạn thứ hai theo quan điểm của các thân vị từ một thế giới khác.

Trong đoạn 9:18-27, đối với con người thì qua kinh nghiệm, người ta sẽ dần dần hiểu biết Ngài trọn vẹn; còn trong 9:28-36 thì sự nhận biết Ngài là đương nhiên đã được bày tỏ từ trước. Trong 9:18-27 đối với các sứ đồ, sự chết của Đấng Christ là hậu quả của việc Ngài bị các lãnh đạo tôn giáo tại Giê-ru-sa-lem chống đối. Giống như (ít nhất là tạm thời) Ngài bị đánh bại. Còn trong (9:28-36) thì sự chết của Đấng Christ đã được lên kế hoạch từ rất lâu và bây giờ sắp được ứng nghiệm một cách đặc thảng. Hơn thế nữa, trong 9:18-27, lời xưng nhận Đấng Christ là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời và lời công bố về sự chết của Ngài, sự phục sinh và sự trở lại của Ngài trong vinh hiển là cao trào mà mọi sự kiện trong hoạt động 1 sẽ dẫn đến; trong khi đó trong 9:28-36, sự vinh hiển của vương quốc, kế hoạch từ trước của việc 'ra khỏi' thành Giê-ru-sa-lem, sự chắc chắn của việc thiết lập vương quốc Đức Chúa Trời trên đất khi Ngài trở lại, tất cả những điều này chỉ là điểm khởi trong ánh sáng của những phần còn lại trong hoạt động 2.

*Sự hoá hình của Chúa Jê-sus (9:28-36).* Chắc chắn ảnh hưởng đầu tiên của sự hóa hình trên các sứ đồ là thuyết phục họ vượt quá bất cứ bóng dáng nào của sự nghi ngờ về một sự hiện hữu chắc chắn của một thế giới khác, là vương quốc đời đời. Thế giới của chúng ta không phải là thế giới duy nhất, nhưng còn một thế giới nữa. Điều kế tiếp mà họ được bày tỏ là thế giới ấy không chỉ là thế giới tương lai của thế giới chúng ta, nhưng đồng thời với thế giới chúng ta, mặc dầu có trước và vượt trội hơn thế giới chúng ta. Họ có thể nhìn thấy xa hơn rằng mặc dầu chúng ta không nhìn thấy thế giới ấy, nhưng Đấng Christ có thể liên lạc với cả hai thế giới trong cùng một lúc; và hơn thế nữa, mặc dầu Ngài vẫn còn ở trên đất, thì thân thể của Ngài và áo của Ngài đã có thể và đã mặc lấy sự chiếu sáng đầy vinh hiển của một thế giới khác (xem 9:29). Hơn thế nữa, 'ở đó có hai người chuyện trò với Ngài, là Môi-se và Ê-li hiện ra trong sự vinh hiển (9:30-31). Đây là điều vô cùng thú vị, vì hai nhân vật này đã có thời điểm lìa khỏi thế giới của chúng ta, vì họ sống trong hai thế kỷ hoàn toàn khác nhau;

nhưng trong thế giới ấy họ lại cùng đoàn tụ. Rõ ràng thời gian và sự thay đổi không ảnh hưởng trên thế giới ấy như nó vẫn ảnh hưởng trên thế giới của chúng ta. Và thật là sai trật nếu chúng ta vội vàng kết luận rằng trong thế giới ấy không có quá khứ hoặc tương lai, mà chỉ có hiện tại đời đời, vì chúng ta được Kinh Thánh cho biết rằng Môi-se và Ê-li chuyện trò với Đấng Christ về một sự kiện mà chắc chắn là ở thì tương lai đối với cả ba: đó là sự chết và sự phục sinh của Đấng Christ (nói theo nghĩa đen là sự 'ra đi' của Ngài) là điều Ngài sắp hoàn tất tại Giê-ru-sa-lem (xem 9:31). Ngài chưa chết: Ngài biết về điều đó và hai nhân vật này cũng biết về điều đó.

Vậy họ chuyện trò về sự ra đi của Đấng Christ. Trong thế giới này, Môi-se đã chỉ huy việc dâng tế lễ trong ngày Lễ Vượt Qua để cứu Y-sơ-ra-ên khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời như là bước đầu tiên cho sự giải phóng họ khỏi ách nô lệ và ra khỏi Ai Cập. Nhưng trong thế giới ấy, ông đã khám phá ra từ rất lâu rằng tế lễ của ngày Lễ Vượt Qua mà ông dâng lên và việc xuất Ai Cập còn có một chiều kích khác nữa: chúng là kiểu mẫu đầu tiên và lời tiên tri về của tế lễ của Đấng Christ, một của cầm mà một ngày kia sẽ phải được 'làm trọn trong vương quốc Đức Chúa Trời' (22:16). Và chắc hẳn ông còn học biết rằng Lễ Vượt Qua của ông tại Ai Cập không chỉ là một sự tương đồng có ích đã may mắn xảy ra để cho thấy khi Đức Chúa Trời quyết định rằng Đấng Christ phải chịu chết: của tế lễ của Đấng Christ để cứu Y-sơ-ra-ên và bất cứ ai sẵn lòng khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời và khỏi sự thống trị của Sa-tan đã được quyết định từ các đời trước Lễ Vượt Qua của Môi-se.

<sup>1</sup> Một số người cảm thấy khó, nếu không nói là không thể được, khi suy nghĩ rằng lời hứa này chỉ về sự hóa hình. Trong thực tế họ cảm thấy câu nói 'chắc chắn họ sẽ không ném trái sự chết trước khi họ thấy...' sẽ rất là kỳ quặc nếu nó được chỉ về một điều gì đó mà người ta sẽ nhìn thấy trong vài ngày nữa. Điều khó tin này là thật đủ để nếu một người nghĩ về vương quốc của Đức Chúa Trời như là một điều gì đó đã được ấn định để đến trên đất trong tương lai. Nhưng, như điều chúng ta sắp trình bày, vương quốc của Đức Chúa Trời sẽ không bắt đầu tồn tại khi nó đến trên đất này. Nhưng vương quốc ấy đã được tồn tại trong thế giới khác. Thật ra, Môi-se và Ê-li đã thật sự nhìn thấy 'vương quốc của Đức Chúa Trời' khi Đấng Christ đứng chuyện trò với các môn đồ của Ngài trước khi Ngài đi lên núi. Nhưng, dĩ nhiên, trước khi vương quốc ấy đến một cách tỏ tường trên đất, thì cách bình thường để một người nhìn thấy vương quốc ấy là họ phải chết, giống như Môi-se hoặc được dịch ra là giống như Ê-li. Được phép nhìn thấy vương quốc ấy mà không cần phải chết hoặc trước khi chết là điều bất thường. Cùng lúc nhìn xem vương quốc ấy như nó đã tồn tại trong cõi đời đời là có thể nhìn thấy vương quốc ấy sẽ như thế nào khi cuối cùng vương quốc ấy sẽ đến và được thiết lập trên đất.

Ê-li cũng vậy, trong thế giới này, ông đã dâng của tế lễ (xem I Vua 18). Mục đích của tế lễ ấy là đem Y-sơ-ra ên đang thờ lạy hình tượng vô ích trở về với Đức Chúa Trời chân thật và hằng hữu. Phương pháp của việc dâng tế lễ ấy rất đơn giản: Đức Chúa Trời là Đấng bày tỏ sự chấp nhận của lễ đại diện cho Y-sơ-ra-ên bằng cách giáng lửa từ trời, chính Ngài đã được thừa nhận là Đức Chúa Trời thật. Trong thế giới ấy Ê-li cũng học biết rằng của tế lễ của ông chỉ là hình bóng về cách Đức Chúa Trời đã lên kế hoạch để đem Y-sơ-ra-ên và cả nhân loại khỏi những thần tượng giả tạo của họ: của tế lễ của Đấng Mê-si-a được dâng lên đại diện cho tất cả nhân loại và được Đức Chúa Trời chấp nhận đã được chứng minh bởi sự phục sinh của Đấng Christ và sự hiện đến từ trời của Thánh Linh.

Trước đó vài ngày, tin tức về sự chết của Đấng Christ được bày tỏ ra cho các môn đồ như là cú sốc bất ngờ, là một vật cản đường ngăn chặn niềm hi vọng của họ do tánh ngoan cố của những nhà lãnh đạo tôn giáo của dân tộc họ đã đặt ra. Bây giờ trên núi hoá hình họ bắt đầu khám phá ra rằng sự chết của Đấng Christ là một của tế lễ, là sự biết trước, trước khi thế giới này được lập nền, đã được báo trước qua luật pháp lẫn các nhà tiên tri, và bây giờ chắc chắn điều ấy sẽ được ứng nghiệm tỏ tường y như đã được lên kế hoạch vậy.

Hơn thế nữa, những gì các sứ đồ nhìn thấy trên núi hoá hình không chỉ là hình ảnh của quá khứ và về một tương lai gần như đã xuất hiện cho các thân vị trong sự vinh hiển: nhưng đây còn là bằng chứng về một lời nói chắc chắn về sự đến lần thứ hai của Đấng Christ. Đây không phải là sự kiện mà chúng ta bị bỏ mặc để tự suy diễn qua lời dẫn chuyện, nhưng như chúng ta đã quan sát trước đây, chính Phi-e-rơ đã nói với chúng ta (xem II Phi-e-rơ 1:12-18) rằng giữa nhiều điều xảy ra quanh sự kiện Chúa hóa hình, thì đây là điều đã thuyết phục họ. Bằng chứng mà ông thuật lại là bằng chứng ông vừa nhìn thấy và vừa được nghe: ông nói rằng họ đã tận mắt chứng kiến vẻ uy nghi của Ngài, và chính họ cũng từng nghe tiếng ấy đến từ trời trong sự vinh hiển (bản NIV).

Vì thế, chúng ta hãy lưu ý tất cả những gì đã xảy ra một cách chính xác trên ngọn núi thánh ấy, đến nỗi sau này Phi-e-rơ nhắc lại một cách hết sức chắc chắn rằng Chúa Jê-sus đã bị đóng đinh một



ngày kia sẽ trở lại trong sự vinh hiển. Ông nói, 'khi trình bày cho anh em biết quyền năng và sự quang lâm của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ, chúng tôi không dựa vào những chuyện huyền thoại khéo bịa đặt, nhưng chúng tôi tận mắt chứng kiến về uy nghi của Ngài, vì Ngài đã tiếp nhận sự tôn trọng và vinh quang từ Đức Chúa Trời là Cha, khi có tiếng từ Đấng tôn nghiêm, vinh quang phán với Ngài: "Đây là Con Yêu Dấu của Ta, đẹp lòng Ta hoàn toàn." Phi-e-rơ không chỉ nói về sự kiện xảy ra trên núi hoá hình, gương mặt Ngài trở nên khác thường và áo Ngài trở nên sắc trắng chói lòa. Nhưng ông đang quan sát diễn tiến của sự kiện ấy, Chúa Jêsus nhận lấy từ nơi Đức Chúa Cha sự triu mến lạ lùng cùng với sự tôn trọng và vinh hiển. Với sự hướng dẫn của Phi-e-rơ, tốt hơn là chúng ta nên xem lại lời tường thuật của Lu-ca để xem vào thời điểm chính xác nào lời yêu thương vinh hiển này đã được công bố ra.

Như chúng ta đã xem xét, cuộc đối thoại giữa Đấng Christ, Mô-se và Ê-li là về sự kiện Đấng Christ sẽ ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem, về sự kiện Ngài phải rời bỏ sự vinh hiển tại núi hóa hình, để xuống với thế giới tội lỗi dơ bẩn ở bên dưới, để lên Giê-ru-sa-lem và chịu chết: 'Con Người phải đi, theo như điều đã chỉ định' (xem 22:22). Bây giờ Mô-se và Ê-li cũng bắt đầu lia Ngài (xem 9:33), khi Phi-e-rơ đề nghị rằng nếu đừng ai ra đi thì sẽ rất tốt, nhưng tất cả nên ở lại trên ngọn núi ấy. Thật ra ông còn dự định dựng ba cái trại, một cái cho Đấng Christ, một cái cho Mô-se và một cái cho Ê-li để giúp cho việc ở lại được thuận tiện. Lu-ca tường thuật rằng, Phi-e-rơ cũng giống như hai sứ đồ kia đang buồn ngủ lắm- hẳn nhiên là ông không theo dõi kỹ cuộc đối thoại- và ông cũng không biết mình đang nói gì. Dù sao đó cũng là lời đề nghị đáng tiếc nhất. Không những lời đề nghị ấy đặt Mô-se và Ê-li ngang hàng với Đấng Christ, nhưng còn làm trở ngại và trì hoãn tiến trình đã được dự định từ cõi đời đời mà vì sự kiện ấy, ngày nay giờ đã đến. Ngay tại thời điểm này trong diễn tiến, khi thảo luận xong về sự ra đi của Ngài, Mô-se và Ê-li lia khỏi Đấng Christ, còn Đấng Christ chuẩn bị xuống núi và tiếp tục hành trình ra đi, bấy giờ có một đám mây kéo đến và Chúa Jêsus nhận lấy sự vinh hiển uy nghiêm cho chính Ngài qua giọng nói hết sức yêu thương trong vinh hiển và tôn trọng, 'Đây là Con Ta, Người được lựa chọn của Ta, hãy nghe Người.' Không những kế hoạch ra đi của Ngài được Cha dự

định: mà sự sẵn lòng làm trọn của Ngài đã làm tràn đầy tấm lòng của Đức Chúa Cha với sự thỏa lòng, khiến Ngài cảm động đến nỗi Ngài tôn cao Đức Chúa Con.

Sau này trong cuộc đời, khi Phi-e-rơ nhớ lại sự kiện đầy vinh hiển ấy, ông được thuyết phục bởi hai điều. Thứ nhất, sự chết của Đấng Christ không phải là một tai nạn bi thảm: nhưng đã được biết trước, định trước từ trước buổi sáng thế (xem I Phi-e-rơ 1:20). Thứ hai, sự xấu hổ và sự chết của thập tự giá không còn là vật cản đường để xây dựng vương quốc của Đấng Christ. Sự sẵn lòng chịu khổ của Ngài là lý do khiến Cha Ngài thỏa lòng, là cơ sở khiến Cha bày tỏ trên Chúa Jêsus sự vinh hiển uy nghiêm. Không những Ngài khiến Chúa Jêsus sống lại từ cõi chết và ban sự vinh hiển (xem I Phi-e-rơ 1:21): mà một ngày kia Ngài sẽ thực hiện trước mặt cả vũ trụ điều Ngài đã làm trên núi hoá hình. Ngài sẽ làm cho con Ngài được vinh hiển và bên vực Con Ngài: Đấng Christ sẽ đến một lần nữa (xem II Phi-e-rơ 1:16) không phải chỉ đến trong sự vinh hiển của riêng Ngài mà còn đến trong sự vinh hiển của chính Cha Ngài và của các thiên sứ thánh (xem 9:26). Không còn có sự vinh hiển nào lớn hơn nữa để Cha có thể bày tỏ trên Đấng đã chịu đóng đinh.

Lu-ca nói rằng, khi tiếng ấy phát ra thì Chúa Jêsus đang ở một mình. Người ban luật pháp và vị tiên tri đã lìa khỏi Ngài. Vì dầu họ có tiếng tăm tài giỏi thế nào thì họ cũng chỉ là con người. Vai trò của họ trong lịch sử là chuẩn bị cho sự nhập thể, sự chết và sự sống lại của Đấng Christ. Bây giờ Ngài đã đến rồi thì họ 'về hưu'. Sự mua chuộc thật cho cả thế giới này sẽ tùy thuộc và chỉ tùy thuộc vào một mình Đấng Christ mà thôi.

*Sự chữa lành cho đứa con trai một (9:37-43).* Ngày hôm sau thì Chúa Jêsus và các môn đồ xuống núi, Lu-ca tường thuật (9:37); và nếu trí tưởng tượng của chúng ta có thể bắt được bất cứ ý tưởng mờ nhạt nào về sự vinh hiển của sự hóa hình, thì chúng ta cũng đừng đánh mất tính sâu sắc của những từ ngữ này, đặc biệt là khi chúng ta nhìn thấy sự nghèo đói, đau khổ thuộc linh mà các môn đồ sẽ bị vây lấy ngay lập tức ở thế giới bên dưới.

Hai điều sẽ giúp chúng ta nhìn thấy ý nghĩa của sự kiện kế tiếp khi Lu-ca muốn chúng ta nhìn xem. Thứ nhất, chúng ta có thể

so sánh bản tường thuật của ông với bản tường thuật của Ma-thi-ơ và Mác. Giống như Ma-thi-ơ (17:14-20), Lu-ca không bao gồm bốn câu đối thoại giữa Chúa Jê-sus và cha của cậu bé bị quỷ ám về thời gian đứa trẻ bị rối loạn và nhu cầu thiết yếu và khả dĩ của đức tin, là câu chuyện mà Mác ghi lại trong 9:21-24. Không giống như Ma-thi-ơ (xem 17:19-20) và Mác (xem 9:28-29), Lu-ca không ghi lại phần đối thoại tiếp theo giữa các sứ đồ và Đấng Christ về việc tại sao họ không thể đuổi quỷ được. Ngược lại, Lu-ca có ghi nhận những chi tiết nhỏ nhỏ nhưng các sách khác không ghi. Chỉ một mình Lu-ca ghi nhận rằng cậu bé là đứa con trai một của cha nó, vì thế người cha dựa vào yếu tố này mà kêu nài Đấng Christ là một phần của câu chuyện (xem 9:38); và chỉ một mình Lu-ca nói với chúng ta rằng khi cậu bé đã được chữa lành thì Đấng Christ giao lại cho cha nó (xem 9:42).

Tất cả ý nghĩa được nắm bắt trong những cụm từ nhỏ này: mối quan hệ độc đáo giữa cha con và tình yêu đặc biệt mà cha dành cho con trai một; ảnh hưởng bi thảm của một đời sống bị rối loạn và những thay đổi về cá tánh là hậu quả của đời sống bị quỷ ám đã khiến người cha bị mất con và phá hỏng niềm vui của mối quan hệ cha con; nhưng sự vui mừng là kết quả của sự chữa lành, vì đứa con đã được giao lại cho cha nó và sự vui mừng của mối quan hệ này được phục hồi.

Sau đó, chỉ một mình Lu-ca ghi lại câu chuyện này đã ảnh hưởng thế nào trên đoàn dân đông: 'Ai nấy đều lấy làm lạ về quyền phép cao trọng của Đức Chúa Trời (9:43). Từ ngữ mà Lu-ca sử dụng cho chữ quyền phép cao trọng (Hi Lạp *megaleiotēs*) là rất thú vị. Chữ này chỉ xuất hiện hai lần trong Tân Ước, một lần trong Công vụ 19:27 và lần kia ở II Phi-e-rơ 1:16; từ ngữ này được Phi-e-rơ sử dụng để mô tả sự cao trọng của Đấng Christ mà Phi-e-rơ đã nhìn thấy trên núi hoá hình. Lu-ca có mô tả một ít về ảnh hưởng của câu chuyện này trên những đám đông, rồi cho chúng ta nhìn thấy những gì Đấng Christ đã làm qua phép lạ mà Ngài đã thực hiện: khi xuống khỏi núi hoá hình, là nơi mà sự uy nghi của Đức Chúa Trời xuất hiện trong sự bày tỏ của vương quốc đời đời. Chúa Jê-sus đã đem một phần của sự vinh hiển ấy xuống nơi tăm tối dơ bẩn thuộc linh và đau buồn của thế giới chúng ta để con người có thể hiểu được phần nào về sự cao

trọng của Đức Chúa Trời.

Hơn nữa, còn một điều nữa mà chúng ta có thể thực hiện để tự giúp mình lĩnh hội được điều mà Lu-ca muốn chúng ta nhìn thấy trong câu chuyện này: chúng ta có thể so sánh và đối chiếu nó với câu chuyện trong 9:10-17, là câu chuyện mà chúng ta đã nghiên cứu rồi. Đó cũng là một câu chuyện về phép lạ mà có đoàn dân đông tham dự, lúc bấy giờ đoàn dân đông đề nghị các môn đồ của Ngài đuổi quỷ, nhưng họ không thể (xem 9:13) và ở đây cũng vậy (9:40). Nhưng có những điểm khác biệt và những điểm tương đồng. Trong 9:13, chính Đấng Christ bảo các môn đồ rằng chính họ phải cho đoàn dân ăn nhưng họ không thể. Trong khi ở đây, chính người cha kêu nài các sứ đồ hãy chữa lành cho con một của ông nhưng họ không thể. Một lần nữa, chúng ta khám phá ra rằng, phép lạ về việc nuôi đoàn dân đông năm ngàn người là một ẩn dụ của đời thường. Dường như phép lạ về sự chữa lành đứa con trai một cũng là phép lạ trong đời thường. Nhưng nhu cầu được Chúa đáp ứng trong câu chuyện thứ nhất là sự đối kháng; còn nhu cầu mà Chúa đáp ứng trong câu chuyện hiện tại của chúng ta lại là điều khác hoàn toàn, nó là câu chuyện phản ánh tình trạng chung của toàn thể nhân loại.

Như chúng ta đã lưu ý, trong bản phúc âm của Lu-ca về câu chuyện này không tường thuật lại cuộc đối thoại sau này giữa các môn đồ và Đấng Christ về việc tại sao họ không thể đuổi quỷ ấy. Lu-ca muốn chúng ta tập trung hoàn toàn vào lời quả trách (nếu đó là lời quả trách) của Đấng Christ đối với đoàn dân đông: 'Hỡi thế hệ vô tín và ngoan cố kia! Ta sẽ ở với các ngươi, chịu đựng các ngươi cho đến chừng nào, hãy đem con trai ngươi lại đây' (9:41). Sao, chẳng lẽ lý do để dẫn đến tình trạng này có gì trầm trọng đáng nói sao? Hoàn cảnh này không đủ sâu thẳm rồi sao, đặc biệt là đối với người cha, mà Ngài còn thêm lời quả trách? Chẳng phải sự buồn thẳm của người cha đã tăng lên gấp bội khi ông ta kêu nài với chính các sứ đồ của Đấng Christ hãy đuổi quỷ nhưng họ không thể đuổi được? Tại sao dường như Ngài không đủ kiên nhẫn đối với người cha và đoàn dân đông?

Chúng ta hãy ôn lại tình huống này. Tại đây có ông cha và đứa con trai một. Chỉ tưởng tượng thôi chúng ta cũng biết tình yêu, sự

triu mến, những hi vọng mà ông ta dành cho đứa con trai một là đến mức độ nào. Nhưng bây giờ ma quỷ đã thô bạo cướp mất sự vui mừng của ông bằng cách ám nó, làm rối loạn đời sống con trai ông. Tay chân của cậu ta bị vụn vẹo, bị vật vĩa dữ dội, và chắc chắn cũng phá hỏng nhân phẩm của cậu ta nữa. Thêm vào nỗi thống khổ đó là sự bất lực thậm chí của các sứ đồ Đấng Christ, đến nỗi họ không thể làm gì được. Chắc chắn người cha rất đau lòng; Đấng Christ cũng đau lòng y như vậy, thậm chí còn hơn nữa khi nhìn thấy dân sự của Đức Chúa Trời, bị xúi giục đến nỗi phải chịu sự thống khổ vô vọng, và nói cho cùng đó là hậu quả của một dân tộc xa cách và thiếu đức tin nơi Đức Chúa Trời. Trong sự đau lòng, Đấng Christ mô tả hoàn cảnh ấy bằng cách dùng một cụm từ mà trước hết chúng ta tìm thấy trong Phục Truyền 32:5ff. Thật có giá trị khi trích một cụm từ theo đúng văn mạch của nó. Mô-i-se đang quở trách Y-sơ-ra-ên vì lia bỏ Đức Chúa Trời mà đuổi theo hình tượng 'Hỡi dân tộc ngu si khờ dại, các ngươi đền ơn Đức Giê-hô-va như vậy sao? Chẳng phải Ngài là Cha, là Đấng sáng tạo, đã tạo dựng và lập các ngươi thành một dân tộc sao? (32:6)... Nhưng...họ dâng sinh tế cho ma quỷ, không phải là Đức Chúa Trời, quì lạy các thần mà mình chưa từng biết (32:7)... Đức Giê-hô-va thấy điều đó và từ bỏ họ, vì các con trai con gái Ngài đã chọc giận Ngài (32:19)...Ngài phán, "Ta sẽ giấu mặt đi để xem cuối cùng họ sẽ ra sao, vì họ là dòng dõi gian tà, là những đứa con bất trung (32:20).

Đây là một phân đoạn rất cảm động và tính tương thích của nó với tình huống của câu chuyện chúng ta đang nghiên cứu là sự hiển hiện tức thì. Tay chân của cậu bé bị vụn vẹo, bị vật vĩa, co giật dữ dội, và nhân phẩm bị phá hỏng, nỗi sầu thảm của người cha khi nhìn thấy con trai một của mình chính là hình ảnh của Cha Thiên Thượng khi nhìn thấy các con trai và con gái của Ngài ở Y-sơ-ra-ên chạy xa khỏi Ngài, bị thu hút bởi những tôn giáo sai trật và thống trị của Sa-tan, bị lầm lạc và bóp méo ở mức độ sâu hơn với những mối quan hệ tà linh. Tất cả những điều này là hậu quả của việc mất đức tin, không còn tình yêu thương và vâng lời Cha Thiên Thượng.

Vì đối với Con Đức Chúa Cha đó là nỗi đau đón dường như không thể dung chịu nổi, khi phải ở giữa những đứa con hết sức vô

đạo và làm lạc, cho nên Ngài phán, “Ta sẽ ở với các ngươi và chịu đựng các ngươi cho đến chừng nào?”

Vậy làm thế nào để nan đề này được sửa lại và các con trai và con gái của Y-sơ-ra-ên được chinh phục để đem trở về với Cha? Nếu sự khốn khổ này là bắt đầu bởi lòng vô ơn, rồi đến sự vô tín, sâu xa hơn nữa dẫn đến sự không vâng lời rồi xa cách, mất đức tin cho đến nỗi bất cứ tôn giáo xưa nào, bất cứ quyền lực nào của ma quỷ, hoặc sự mê tín nào đều trở nên thu hút hơn và lôi cuốn hơn chính Đức Chúa Cha, rõ ràng là nếu chỉ có những bài giảng về đạo đức và những lời thúc giục mạnh mẽ sẽ không đủ để đem họ trở về. Họ cần được sự mặc khải mới về Đức Chúa Cha, một khái tượng về sự mầu nhiệm và vinh hiển, phá vỡ lòng yêu mến tội lỗi và sự thu hút đối với hình tượng, và đánh thức họ một lần nữa để nhận biết về sự kỳ diệu không thể sánh kịp của Đức Chúa Trời, được gia tăng trong đức tin, sự thờ phượng và sự vâng lời.

Đó là điều Đấng Christ đã làm cho con người trong câu chuyện của chúng ta. Nhưng các môn đồ của Ngài thì không thể thực hiện. Dĩ nhiên họ là những người được để lại sau khi Đấng Christ và các môn đồ kia lên núi, và thậm chí họ cũng không nhìn thấy sự vinh hiển và đám mây hoặc nghe tiếng phán của Đức Chúa Cha. Phải là Con Đức Chúa Trời mới có thể thực hiện điều ấy. Từ sự vinh hiển của sự hóa hình là nơi có tiếng nói ‘cao trọng của Đức Chúa Cha’ đã công bố ‘Đây là Con yêu dấu của Ta’, Ngài đã phải xuống núi để đến với những sự dơ bẩn của tà linh tại đồng bằng để bày tỏ cho họ biết Đức Chúa Trời vô cùng mong muốn bày tỏ sự vinh hiển của Ngài cho những đứa con đã bị lạc mất từ lâu. Lu-ca tường trình rằng, ảnh hưởng trên dân chúng lúc bấy giờ là: Tất cả họ đều kinh ngạc bởi sự uy nghiêm vô cùng của Chúa.<sup>1</sup>

Dĩ nhiên, câu chuyện của Lu-ca cũng chính là lịch sử. Mọi sự thật đã xảy ra như thế. Nhưng chúng ta phải tưởng tượng một chút để nhìn thấy đây cũng là một ẩn dụ, về thế nào Con Đức Chúa Trời

1. *Kinh Thánh nói gì về vai trò hiện tại của tín hữu trong thế giới này trong Phi-líp 2:15, sách này cũng dùng ngôn ngữ của Phục truyền 32:5, ‘được nên con cái của Đức Chúa Trời không chỗ trách được giữa dòng dõi ngang nghịch, chiếu sáng như đuốc trong thế gian (hoặc ‘ánh sáng của vũ trụ’) Từ Hi Lạp dịch chữ “chiếu sáng” được sử dụng cho sự sống lại và hiện ra của thân thể trên thiên đàng).*

đã xuống trần, không chỉ xuống khỏi núi hoá hình nhưng Ngài xuống khỏi thiên đàng qua sự nhập thể để nói cho con người biết về Đức Chúa Cha (xem Giăng 1:18; 14:9) và cuối cùng lên thập tự giá để chúng ta là những người nam người nữ, là những con người bị xúi dục và lầm lạc có thể nhìn thấy ‘ánh sáng để hiểu biết vinh quang của Đức Chúa Trời trên gương mặt Đức Chúa Jêsus Christ’ (II Cô 4:6) và nhận biết mình đã được mua chuộc và phục hồi lại với Đức Chúa Cha.

Thêm lời hướng dẫn cho mười hai sứ đồ (9:43-50). Nếu như thế thì vì sao Đấng Christ lại xuống núi và lìa khỏi sự vinh hiển, vì từ đó cho đến khi Ngài trở lại thế gian thì các môn đồ và đầy tớ của Ngài phải dâng chính mình để được sử dụng cho mục đích tương tự ấy. Để dẫn đến phần kết thúc ấy thì phân đoạn cuối cùng của giai đoạn 5 được dành đặc biệt để dạy dỗ thêm cho các sứ đồ về việc họ sẽ thực hiện sứ mạng trên thế giới này như thế nào. Nói cụ thể là họ cần có thái độ nào đối với sức mạnh và uy quyền mà Đấng Christ đã ủy thác cho họ trong công tác đại diện Chúa của mình. Chắc chắn lịch sử đã cho thấy tầm quan trọng của bài học: những nỗ lực của Hội thánh để vận dụng quyền năng và uy quyền trên thế giới này trong danh của Chúa Jêsus thánh thoảng đã đánh mất lòng tôn trọng của thế giới trong chính công việc ấy, nghịch lại với những gì Đấng Christ dạy dỗ. Đang khi mọi người còn kinh ngạc về quyền năng quá lớn lao mà Đấng Christ vận hành (xem 9:43), thì Đấng Christ muốn khắc sâu vào tâm khảm các sứ đồ rằng Đấng đang thực hiện những hành động quyền năng này cuối cùng sẽ ‘bị nộp trong tay người ta’. Nhưng các môn đồ không hiểu Ngài nói gì. Trước hết, họ không hiểu rõ ràng ‘bị nộp trong tay người ta’ là nói về điều gì, họ sợ không dám hỏi Ngài (có phải vì trong tiềm thức họ sợ đáp án của câu trả lời không?) Và chính cụm từ ấy còn hàm ý về sự yếu đuối và tuyệt vọng; và chắc hẳn chẳng có ý nghĩa gì với họ vì làm thế nào Đấng đang sử dụng quyền năng siêu nhiên lại ‘bị nộp trong tay người ta’ như thử Ngài hoàn toàn không thể tự cứu mình được. Lu-ca giải thích rằng việc họ không thể hiểu hết những điều này không phải do lỗi của họ: ‘vì đối với họ lời ấy còn bị che khuất khiến họ không lĩnh hội được’ (9:45). Khi Đấng Christ bị bắt, bị định tội và bị đóng đinh thì họ đã nhìn thấy quá rõ ràng tất cả những lời ấy có nghĩa gì, họ nhìn thấy với sự sững

sốt và kinh hoàng. Trong một thế giới đang thờ phượng quyền lực, thì bị đóng đinh quả là nhục nhã cực độ và yếu đuối đến tận cùng, và dường như Đấng Mê-si-a mà bị đóng đinh thì quả là sự mâu thuẫn lộ bịch trong chính từ ngữ ấy. Sau này thì họ mới nhìn thấy và thán phục sự khôn ngoan thiên thượng về chiến lược thập tự giá. Họ thấy rằng chỉ là quyền năng mà thôi thì không đủ để thay đổi lòng người, để phục hòa một người lại với Đức Chúa Trời, thay đổi tấm lòng nổi loạn của người ấy đến tấm lòng của đức tin, tình yêu thương và sự vâng lời. Vì thế, thật chưa đầy đủ nếu chỉ giải quyết vấn đề của lòng người và đem vương quốc của Đức Chúa Trời đến với họ. Rồi họ nhìn thấy rằng thập tự giá với tất cả những yếu đuối và xấu hổ mà mọi mắt đều trông thấy đã có thể thực hiện được những điều mà chính quyền lực của con người không thể thực hiện được: 'vì sự yếu đuối của Đức Chúa Trời là mạnh hơn người ta' (I Cô-rinh-tô 1:25).

Họ cũng nhìn thấy sự chịu khổ của Đấng Christ nơi thập tự giá không phải là vật cản đáng tiếc trên con đường dẫn Đấng Christ đến sự vinh hiển: vì Ngài đã chủ tâm xuống khỏi sự vinh hiển để chịu khổ trên thập tự giá. Thập tự giá là sự bày tỏ khôn ngoan của 'sự vinh hiển cao trọng'. Rồi họ cũng được tỉnh thức trước sự nhận biết rằng sứ điệp của thập tự giá là sứ điệp duy nhất để truyền bá phúc âm cho thế giới, và nguyên tắc của thập tự giá là nguyên tắc an toàn nhất trong việc tổ chức và vận hành của các hội thánh (xem 1:18-4:13).

Kế đến là một bài học nữa mà Đấng Christ phải dạy dỗ họ (xem 9:46-48). Khi Đấng Christ sai phái họ ra đi trong hành trình truyền giáo, Ngài đã ban cho họ quyền năng và uy quyền (xem 9:1) và đã nhấn mạnh với họ tầm quan trọng của cách thức mà dân chúng có thể nhận lấy quyền năng ấy (xem 9:3-5): chống đối quyền năng ấy tức là đang đứng ở chỗ nguy hiểm của sự đoán xét của Đức Chúa Trời. Có lẽ thế này, song hành với những thành công mà các sứ đồ đạt được ở những mức độ khác nhau trong chuyến truyền giáo, hoặc có lẽ sự kiện chỉ có ba người được đi theo Chúa Jêsus lên núi hoá hình, hoặc có lẽ vì tất cả những sự kiện ấy hoặc nhiều sự kiện khác nữa- dầu vì lý do gì chẳng nữa, nhưng đã dẫn các sứ đồ đến chỗ tự cho mình là quan trọng, rồi giữa họ có sự tranh cãi ai là người quan trọng hơn hết. Đấng Christ sửa lại sai trật của họ bằng cách chỉ ra



rằng nếu Ngài sai một đứa trẻ đi ra đại diện cho Ngài để thực hiện sứ mạng truyền giáo hoặc bất cứ sứ mạng nào, thì việc người ta đón tiếp hoặc không đón tiếp một đứa trẻ cũng có giá trị ngang bằng với việc người ta có đón tiếp một sứ đồ hoặc không đón tiếp một sứ đồ. Tầm quan trọng không nằm nơi đứa trẻ hoặc nơi các sứ đồ, nhưng nằm ở sự kiện họ là đại diện của Đấng Christ mà Đấng Christ là đại diện của Đức Chúa Trời. Theo ý nghĩa này thì không có những mức độ khác nhau về tầm quan trọng: thậm chí người nhỏ nhất giữa vòng họ mà đại diện cho Đấng Christ và cho Đức Chúa Cha, thì người ấy vẫn quan trọng, cũng chưa từng có công việc nào là cao trọng hơn, uy nghi hơn là vai trò của người đại diện cho Đấng ‘đầy vinh hiển cao trọng’, dầu chức vụ của người ấy có tầm thường đến đâu.

Cuối cùng là bài học thứ ba (xem 9:49-50). Khi các sứ đồ được sai phái ra đi truyền giáo (xem 9:11) họ được ban cho quyền phép và uy quyền trên hết thầy ma quỷ. Thật tuyệt vời. Tuy nhiên, họ quá đổi kinh ngạc, vì gặp một người khác cũng đuổi quỷ trong danh của Đấng Christ. Họ có thể nhận diện ngay lập tức rằng người này đã quá sai, nên Giảng nói chúng con cấm họ.

Có lẽ chúng ta không nên vội vàng mà định tội ông Giảng. Lý do ông nêu lên ‘vì người ấy không theo chúng ta’ có lẽ là tối nghĩa. Ông có định bao gồm cả Đấng Christ trong chữ ‘chúng ta’ không hay ông chỉ muốn nói về mười hai người? Nếu ông chỉ muốn nói về mười hai người, thì chắc chắn họ đã mắc phải sai lầm vì có một tâm trí hạn hẹp tự cho mình là quan trọng.

Thái độ của họ cho thấy, họ chẳng thấy mình sai trật gì khi cấm người này nhân danh Chúa Jêsus mà đuổi quỷ tức là họ muốn nhiều người cứ tiếp tục ở trong tình trạng nô lệ thuộc linh. Thậm chí còn tệ hơn, là trong (xem 9:40) chúng ta vừa được kể rằng trong trường hợp vừa rồi, thậm chí chính ông sứ đồ cũng không đuổi được một con quỷ. Chính họ làm không được vậy mà khi có người làm được lại cấm đoán, thì không thể nói rằng đây là cách tốt nhất để phát triển công việc nhà Chúa!

Ngược lại, có thể Giảng nói chữ ‘chúng ta’ là ông dự định bao gồm cả Đấng Christ. Trong trường hợp này, chắc hẳn ông lo lắng rằng người đã đuổi quỷ nhân danh Chúa Jêsus đang nỗ lực thực hiện công

việc của người Cơ Đốc, mà lại không sẵn lòng để công khai đứng với Đấng Christ và cùng đi theo Đấng Christ và các sứ đồ trong con đường môn đồ hóa mà Ngài đã kêu gọi các sứ đồ. Hình ảnh tương tự của thời hiện đại này có thể là những người tham gia vào đủ loại công tác cứu trợ khác nhau trong danh của Đấng Christ, nhưng họ không được chuẩn bị để vâng lời và làm theo tất cả những mạng lệnh và nguyên tắc mà Đấng Christ đã đặt ra cho hội thánh Ngài. Vấn đề không quan trọng ở chỗ họ có xưng mình là Cơ Đốc Nhân hay không, nhưng điều quan trọng là làm theo tất cả những mạng lệnh mà Đấng Christ đã truyền cho các sứ đồ (Ma-thi-ơ 28:20). Thất bại trong điều này có khi cũng bị xem là đang mang một triệu chứng tâm linh rất nghiêm trọng (xem Ma-thi-ơ 7:22-23, I Giăng 2:19).

Dầu Giăng và các sứ đồ chọn theo quan điểm nào chẳng nữa, câu trả lời của Đấng Christ đã khiến tâm linh họ được yên tịnh. Hãy lưu ý, trong trường hợp này Ngài không dạy rằng, 'ai không nghịch lại với Ta là thuận với Ta' nhưng Ngài phán, 'Ai không nghịch lại với các con là thuận với các con.' Đấng Christ đang suy nghĩ về những khó khăn trong thực tế mà các sứ đồ gặp phải trên đường thực hiện công việc Chúa. Cuộc đời sẽ trở nên dễ dàng hơn cho các sứ đồ nếu tất cả những người nỗ lực muốn sử dụng danh của Đấng Christ đều làm theo tất cả mạng lệnh của Ngài. Trái lại, trong thế giới mà sự vâng lời vốn không hoàn hảo, thì các sứ đồ được an ủi vì nhận biết rằng ai không tích cực chống đối họ là thuận với họ. Bên cạnh đó, Đấng Christ cũng chỉ cho họ thấy rằng khi Con Người đến trong sự vinh hiển, thì tất cả những câu hỏi về sự trung thành hoặc không trung thành, vâng lời hoặc không vâng lời sẽ được phơi bày đầy đủ và được ban thưởng xứng đáng (xem 9:23-26.)

---

*PHẦN HAI*

---

**NGÀI ĐI**

## Bản Chất Của Hành Trình

Chúng ta đã đi đến giai đoạn chuyển đổi của sách Phúc Âm này. Cho đến bây giờ, Lu-ca vẫn đang mô tả việc Chúa Jêsus Christ của chúng ta Đến trên thế giới này, Ngài Đến. Nhưng tại thời điểm này, có một sự thay đổi đầy ý nghĩa: Chúa của chúng ta bắt đầu ra đi, và phần còn lại của sách Phúc Âm này được dành riêng ra để tường trình việc Ngài Đi. Trước hết giai đoạn chuyển đổi này được đánh dấu rất rõ ràng, 'Gần đến ngày Đức Chúa Jêsus được tiếp lên trời, Ngài quyết định đi đến thành Giê-ru-sa-lem.' (xem 9:51); rồi xuyên suốt phần còn lại của sách Phúc Âm, Lu-ca cũng thỉnh thoảng nhắc nhở chúng ta rằng Đấng Christ đang trong cuộc hành trình (xem 9:52, 57; 10:1, 38; 13:22,33; 17:11; 18:35; 19:1,11; 18:35; 19:1,11, 28-29, 37,41,45; 24:50-51)

Chúng ta phải ngay lập tức lưu ý cẩn thận xem mục tiêu của hành trình này là gì qua các phân đoạn Kinh Thánh này. Thỉnh thoảng mục tiêu ấy được trình bày dựa vào 9:51 rằng hành trình của Chúa chúng ta là nhắm đến Giê-ru-sa-lem. Nhưng không phải vậy. Chắc chắn hành trình của Chúa chúng ta phải đi ngang qua Giê-ru-sa-lem; nhưng mục tiêu của hành trình là theo như điều Lu-ca đã mô tả rằng Ngài 'được cất lên'. Cụm từ có cùng ý nghĩa trong một bài thánh ca của các Cơ Đốc Nhân đầu tiên được Phao-lô trích trong I Ti-mô-thê 3:16, có lời thế này, 'Đấng được mọi người tin nhận, được cất lên trong vinh quang.' Nói cách khác, Lu-ca muốn nói được cất lên tức là nói về sự thăng thiên của Đấng Christ. Đó chính là mục tiêu của cuộc hành trình.

Phần quan sát này rất quan trọng. Một cuộc hành trình từ Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem thì không cần gì khác hơn là một hành trình mang tính địa lý theo nghĩa đen; nhưng một hành trình từ Ga-li-lê về trời thì không thể chỉ mang tính địa lý. Hơn thế nữa, khi chúng ta liệt kê ra, mục tiêu của cuộc hành trình là gì, thì rõ ràng lý do tại sao cuộc hành trình này phải đi ngang qua Giê-ru-sa-lem cũng không mang tính địa lý. Về mặt địa lý, Giê-ru-sa-lem không gần với thiên đàng hơn bất cứ thành phố nào trên đất này. Lý do đầu tiên phải đi ngang qua Giê-ru-sa-lem là vì nó mang tính lịch sử. Giê-ru-sa-lem là thủ đô của

dân Do Thái, là dân tộc mà qua đó Chúa hứa ban Đấng Mê-si-a. Đó là thủ đô của các vua của Giu-đa, họ là những tổ phụ của Đấng Mê-si-a. Trong thành phố ấy Đức Chúa Trời đã bằng lòng đến hiện diện trong đền thờ mà Ngài không hiện diện như thế trong bất cứ đền thờ nào ở trên đất. Đó là thành phố mà Ngài đã luân phiên sai những tiên tri đầy thần cảm, báo trước từng chi tiết về việc Đấng Mê-si-a sẽ đến. Vì thế, Giê-ru-sa-lem chính là thành phố của Đấng Mê-si-a, nơi Ngài được quyền tiếp đón, được tung hô và được tôn làm vua. Theo Xa-cha-ri 9:9 công bố, để giới thiệu chính Ngài là vua của Y-sơ-ra-ên, Ngài phải thực hiện điều này tại Giê-ru-sa-lem.

Nhưng lý do vì sao hành trình của Chúa từ đất lên trời phải đi ngang qua Giê-ru-sa-lem không chỉ mang tính lịch sử: nó còn mang tính đạo đức, tính thuộc linh và tính cứu chuộc. Giê-ru-sa-lem là thành phố được Chúa ban ơn và nhận được đặc ân hơn bất cứ thành phố nào, nhưng nó đã giết các tiên tri, và ném đá tất cả những người nào được Đức Chúa Trời sai đến (xem 13:34). Nếu Đấng Christ phải đến để phơi bày và giải quyết tội lỗi của nhân loại thì Ngài phải đến Giê-ru-sa-lem. Tại đó, Ngài sẽ thấy hình thức tối tăm nhất để chống nghịch lại với Ngài mà tội lỗi đã từng sản sinh ra: sự nổi loạn đó không phải là gươm trần và những kẻ thừa nhận mình là kẻ thù. Nhưng sự nổi loạn đến từ những người tự xưng là được thiên đàng soi sáng nhiều nhất và tự hào vì mình trung thành với Đức Chúa Trời hơn bất cứ nhóm người nào trên đất. Như chính Ngài đã nhấn mạnh, 'Tuy nhiên, ngày nay, ngày mai, và ngày kia Ta phải tiếp tục cuộc hành trình, vì một đấng tiên tri không thể chết bên ngoài Giê-ru-sa-lem.' (13:33)

Hơn thế nữa, tại Giê-ru-sa-lem sự khôn ngoan và tình yêu thiên thượng đã ấn định để việc dân Y-sơ-ra-ên giết Đấng Mê-si-a để Đấng chịu xúc dầu để chịu khổ sẽ trở thành Đấng chuộc tội cho Y-sơ-ra-ên và cho cả thế giới; và chính vì lý do này Giê-ru-sa-lem chính là nơi đã được ban hành để từ đó phúc âm được lan truyền trên khắp thế giới. Ngài phán: Vì thế, có lời chép rằng: Đấng Christ phải chịu đau đớn, đến ngày thứ ba sẽ từ cõi chết sống lại; để người ta phải nhân danh Ngài mà rao giảng cho tất cả các nước về sự ăn năn để được tha tội, bắt đầu từ thành Giê-ru-sa-lem' (24:46-47).

Kể đến, theo như điều chúng ta đã lưu ý (trang 165), ngay

trước khi Đấng Christ bắt đầu hành trình của Ngài từ đất lên trời, Ngài mời gọi mọi người hãy đi theo Ngài (xem 9:23)

Ngài phải là Đấng ‘Làm cội nguồn ơn cứu rỗi’ cho tất cả những con cái mà Ngài dự định đem đến đến vinh quang (Hê-bơ-rơ 2:10). Vì thế, thật là hiển nhiên rằng tại đây cũng vậy, con đường mà các môn đồ được mời gọi để đi theo Đấng Christ cũng phải được hiểu theo nghĩa đôi. Đối với vài môn đồ đồng thời với Ngài, sự môn đồ hóa bao gồm việc theo Đấng Christ trên con đường theo nghĩa đen từ Pa-les-tin đến Giê-ru-sa-lem. Nhưng ngay cả trong tiến trình đi trên đường theo nghĩa đen ấy vẫn bao gồm kinh nghiệm mỗi ngày của điều mà họ được kêu gọi, sản sinh, tiến triển dọc theo con đường môn đồ hóa mang tính ẩn dụ ấy.

Tuy nhiên, đối với tất cả những người đi theo Ngài từ trước đến nay, theo Ngài không nhất thiết phải đi trên bất cứ con đường theo nghĩa đen nào (dĩ nhiên ngoại trừ bốn phạm công việc bao gồm phải đi lại ở một số hình thức) nhưng tất cả là câu hỏi về sự đeo đuổi một con đường đạo đức và sự tăng trưởng thuộc linh để dẫn đến sự vinh hiển.

Vì thế, hành trình của Đấng Christ từ Ga-li-lê về trời đi ngang qua Giê-ru-sa-lem vừa mang nghĩa đen vừa nghĩa ẩn dụ, vừa mang tính thuộc linh lẫn tính địa lý; sự kiện ấy sẽ chắc chắn có một ảnh hưởng quan trọng trên cách mà Lu-ca ghi lại cuộc hành trình. Để giúp chúng ta có thể đoán trước những ảnh hưởng ấy có lẽ là gì, để khi chúng ta gặp phải những ảnh hưởng ấy, chúng ta sẽ không bối rối, nhưng sẽ rất ích lợi để xây dựng một khuôn mẫu phân tích đơn giản. Dĩ nhiên, sự phân tích này sẽ không hoàn toàn chính xác, nhưng nó chính xác đủ cho mục đích thực tiễn của chúng ta.

Giả sử một công dân Mỹ bất ngờ nổi tiếng từ một bối cảnh ít ai biết đến rồi trở thành Tổng Thống của Liên Bang Hoa Kỳ, và sau đó ông viết quyển tự thuật. Ông đặt tựa cho quyển sách ấy là Từ Nhà Gỗ Đến Nhà Trắng; và một số vị khách mời của ông tặng cho chúng ta quyển sách ấy nhân dịp Lễ Chúa Giáng Sinh.

Bạn mong đợi sách này sẽ mô tả về loại hành trình gì? Một hành trình địa lý theo nghĩa đen từ nơi ông ra đời cho đến Nhà Trắng

tại Washington? Hoặc là một hành trình mang tính ẩn dụ từ nghèo thiếu đến giàu có, từ mờ nhạt đến tiếng tăm, từ một nhân vật chính trị tầm thường đến một lãnh đạo chính trị quyền lực nhất thế giới? Câu trả lời là chúng ta không nên mong đợi hành trình ấy sẽ được trình bày theo cách này hoặc cách kia, nhưng phải là cả hai; trái lại, hành trình mang tính ẩn dụ là vô cùng quan trọng và thú vị hơn nhiều, nhưng không thể có được nếu không có hành trình địa lý cụ thể, và vì thế chúng ta phải mong đợi những phần trưng dẫn về địa lý trong hành trình cứ xuất hiện xuyên suốt sách ấy.

Kể đến- với sự liều lĩnh để lấy đi những nghi ngờ khỏi tâm trí tỉnh táo của chúng ta- hãy tự hỏi xem chúng ta có mong chờ ‘nhà gỗ’ (log cabin) và Nhà Trắng (White House) trong tựa đề của sách hoàn toàn chỉ về vật liệu xây dựng của hai căn nhà này theo địa lý mà có thể dùng bản đồ để định vị, hoặc chúng ta mong có thể hiểu những từ ấy theo nghĩa biểu tượng, từ tầm thường mờ nhạt đến vinh quang rực rỡ của chính trị. (Chúng ta có thể đặt cùng loại câu hỏi ấy về lời tường thuật trước đây của Lu-ca rằng Chúa Jê-sus được sanh ra ‘tại máng lừa’ và ‘trong thành vua Đa-vít’). Một lần nữa, dĩ nhiên câu trả lời đó là chúng ta đã đòi hỏi một sự chọn lựa vô lý.

Chữ ‘nhà gỗ’ sẽ trở thành một căn nhà theo nghĩa đen, ở một vị trí nhất định; tuy nhiên, cùng lúc ấy chữ ‘nhà gỗ’ có thể chuyển tải một cảm xúc mạnh mẽ và những ý nghĩa rộng lớn mang tính ẩn dụ. Từ ngữ ‘Nhà Trắng’, mặc dầu nghĩa bóng là ‘nhiệm kỳ của Tổng Thống nước Mỹ’ nhưng đồng thời nghĩa đen cũng chỉ về một căn nhà rất đẹp và rất tiện nghi.

Bây giờ, có một số nhà chú giải, mặc dầu thừa nhận rằng về lý thuyết hành trình của Chúa chúng ta được Lu-ca ghi lại có thể hiểu theo nghĩa đen lẫn nghĩa ẩn dụ, nhưng họ đã quyết định rằng chẳng qua đó chỉ là một khái niệm giả tạo về nghĩa đen do con người tạo ra. Họ lý luận như sau. Để nói rằng Chúa của chúng ta cương quyết lên Giê-ru-sa-lem, Lu-ca đã mô tả Ngài lìa Ga-li-lê và đi ngang qua Sa-ma-ri; nhưng cuối cùng khi Đấng Christ thật sự đến Giê-ru-sa-lem, thì ông lại trình bày rằng Ngài đến thành này bằng cách đi ngang qua thành Giê-ri-cô, là chặng đường Ngài sẽ không đi nếu Ngài muốn đi tuyến đường trực tiếp từ Sa-ma-ri đến Giu-đê. Hơn thế nữa, họ chỉ ra

rằng sau những phân đoạn cho thấy Chúa của chúng ta đã đến thành Sa-ma-ri, thì lại đến những phân đoạn nói rằng Ngài trở về Ga-li-lê. Họ kết luận rằng rõ ràng là Lu-ca không biết rõ về địa lý của vùng Pa-les-tin, vì nếu ông quen thuộc với vùng này thì lẽ ra ông đã mô tả Chúa chúng ta đi trực tiếp từ Ga-li-lê đến thẳng Giê-ru-sa-lem, và như thế sau đó ông sẽ không có những chỗ nhấn mạnh với hàm ý rằng thay vì nhất định đi thẳng lên Giê-ru-sa-lem thì Ngài đã đi theo những hướng khác nhau chạy vòng cả đất nước. Tuy nhiên, họ cảm thấy sự không nhất quán về địa lý là không quan trọng, vì những giả thuyết về hành trình địa lý không mang tính lịch sử, nhưng đó chỉ là nghệ thuật văn chương để tạo nên một chuỗi tiến trình cùng với điều mà Lu-ca có thể kéo dài ra với số lượng lớn tư liệu để ông giới thiệu trong phần này của sách Phúc âm của ông.

Quyển sách tự truyện của vị Tổng Thống có thể giúp chúng ta đánh giá tính đáng tin cậy của dạng lý luận này. Giả sử như căn nhà gỗ của ông nằm cách Nhà Trắng khoảng 1500 cây số về phía Tây. Nếu hành trình đến Nhà Trắng của nhà chính trị chỉ mang tính địa lý thì có lẽ chúng ta mong đợi một lời dẫn chuyện sẽ chứng tỏ rằng đoạn đường đi ít nhiều gì đó thẳng về hướng đông. Nhưng từ trước chúng ta đã nhận ra rằng đoạn đường này còn có nhiều ý nghĩa hơn là về địa lý: nó còn là hành trình của nghề chính trị. Chúng ta không nên ngạc nhiên khi đọc sách mà thấy rằng hành trình từ nhà gỗ đến Nhà Trắng bao gồm hàng trăm cuộc hành trình từ mọi hướng khác nhau khắp các tiểu bang và trong thực tế có vô số những cuộc hành trình mà nhà chính trị của chúng ta đã thực hiện với tư cách là một dân biểu Hoa Kỳ và sau đó là một thượng nghị sĩ từ đơn vị bầu cử của ông ta đến Washington và ngược lại!

Tuy nhiên, dầu hành trình của ông có đưa ông đi theo bất cứ hướng nào chẳng nữa về địa lý, thì chúng ta cũng nên hiểu một cách đầy đủ và hoàn hảo rằng điều ông quan tâm là ông vẫn đi trên con đường mà ông biết là đang trực tiếp hướng về Nhà Trắng nhất. Bạn nghĩ chúng ta sẽ phê bình văn chương theo loại nào nếu chúng ta phải phê bình quyển sách tự truyện như thế này: Rõ ràng là tác giả của quyển sách này không biết rõ về địa lý của nước Mỹ. Ban đầu thì ông ta tuyên bố rằng ông sắp mô tả hành trình của ông từ nhà gỗ



từ vùng trung tâm phía Bắc Hoa Kỳ về hướng Đông đến Nhà Trắng, nhưng sau đó ông lại tường thuật rằng ông có buổi diễn thuyết tại San Francisco là nơi mà tất cả chúng ta đều biết nó không nằm trên hướng đông từ nhà gỗ đến Nhà Trắng nhưng nó ở tận cực Tây.

Sự phân tích của chúng ta cũng có thể giúp giải quyết một nan đề nữa mà những người khác cảm nhận. Mặc dầu trong nửa phần còn lại của sách Phúc âm này có những phần tham khảo về địa lý từ Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem, so ra thì những phần trưng dẫn này là ít, nếu một người khám phá ra rằng nội trình bày về hành trình này mà thôi thì đã tốn mất 400 câu để mô tả. Hơn thế nữa, trong đại đa số những tin tức tường thuật của phần này dường như không có hành trình xuyên suốt nào cho thật rõ ràng. Chỉ toàn là những bài giảng và phép lạ mà Đấng Christ giảng và thực hiện trong chuyến hành trình lên Giê-ru-sa-lem; nhưng ý nghĩa và sứ điệp của những bài giảng dường như rất ít liên quan đến sự kiện rằng Ngài đang trên đường đến Giê-ru-sa-lem. Vì thế, có thể đề nghị rằng chúng ta không nên bàn quá nhiều về hành trình giả định xuyên suốt trong nửa phần còn lại này của sách Phúc Âm.

Tuy nhiên, trước khi chúng ta chấp nhận lời đề nghị này, chúng ta hãy xem lại quyển tự truyện của vị Tổng Thống. Chúng ta sẽ khám phá ra rằng mặc dầu sách chứa đựng một lượng lớn thông tin về những hành trình mang tính địa lý, những phần trưng dẫn này có khuynh hướng thừa thớt và xuất hiện thất thường trong lời tường thuật. Một phần rất lớn nói về hành trình đến New York, trong thời gian đầu của sự nghiệp, và một cuộc diễu hành chúc mừng qua các đường phố của New York; sau đó là một phần rất ít có lẽ nói về những cuộc hành trình theo nghĩa đen cho đến những chương bàn đến cuộc hành trình đầu tiên của một bộ trưởng Hoa Kỳ đến và ở tại Trung Quốc. Sau đó, có rất ít hành trình quan trọng được tường thuật trong các chương để nói về phần kết thúc của các chuyến đi. Điều này sẽ không khiến chúng ta ngạc nhiên: Nói cho cùng thì những hành trình theo nghĩa đen chỉ là hỗ trợ cho chủ đề chính của sách, là hành trình lớn lao mang tính ẩn dụ.

Rồi chúng ta cũng hãy quan tâm đến một yếu tố nữa của sách. Có những phần rất dài nhưng thậm chí không hề có trưng dẫn nào

rõ ràng về một hành trình theo nghĩa bóng.

Ví dụ, trong một chương kia, nhà chính trị của chúng ta sẽ mô tả một phần rất dài về sự thành công trong công trong công tác đối ngoại với tư cách là nhà ngoại giao Hoa Kỳ đến Mas-co-va. Ông sẽ không dừng lại ở đó để chỉ ra những sự thành công ấy có liên hệ thế nào đến sự thăng tiến trên con đường đến Nhà Trắng; không phải vì không có liên hệ, nhưng vì sự liên hệ này là quá hiển nhiên.

Khi chúng ta áp dụng lối phân tích này vào văn thuật chuyện của Lu-ca về hành trình của Chúa chúng ta, thì còn một điều nữa chúng ta cần ghi nhớ. Chúng ta phải luôn ôn lại phần quan sát ban đầu đó là mục đích của hành trình mà Chúa chúng ta đi qua, Ngài cũng mời gọi các môn đồ của Ngài đồng đi, không phải là lên Giê-ru-sa-lem, mà là lên trời. Nếu chúng ta quên điều này và rơi lại vào suy nghĩ sai trật rằng mục tiêu của Ngài là Giê-ru-sa-lem, thì tự nhiên chúng ta sẽ không hiểu những câu chuyện, phép lạ, bài giảng, những ẩn dụ có liên quan gì đến hành trình lên Giê-ru-sa-lem. Nhưng nếu chúng ta nhớ rằng mục tiêu của hành trình là ‘được tiếp lên trời trong sự vinh hiển’, thì việc ra khỏi thế giới này để đến một thế giới vượt trội hơn, là thời gian để bước vào cõi vô tận, thì chúng ta sẽ khám phá ra rằng những tư liệu mà chúng ta có được về cuộc hành trình mang tính địa lý là rất phù hợp với hành trình mang tính ẩn dụ, và đặc biệt là cho sự tiến bộ của những người sẽ trở thành môn đồ trên hành trình ấy. Ví dụ như, có rất nhiều câu chuyện hoặc ẩn dụ để cảnh báo chúng ta rằng sẽ có một số người đến cuối hành trình thì sẽ nhận ra rằng mình chưa sẵn sàng cho thiên đàng. Một số người khác, thì khi họ đến nơi thì cửa đã đóng (xem 13:25). Một số người khác nữa giống như người nông dân trong câu chuyện người giàu ngu dại (xem 12:16-21) họ sẽ bước vào cõi đời đời quá mau chóng so với điều họ mong đợi vì thế họ chưa sẵn sàng. Đối với những người khác, như La-xa-rơ, cuối hành trình cũng có nghĩa là kết thúc đời sống và là khởi đầu của sự yên ủi đời đời; đối với những người khác, giống như người giàu ngay trong câu chuyện ấy, cuối hành trình cũng có nghĩa là kết thúc của bất cứ cuộc vui nào mà họ đã từng trải nghiệm và bắt đầu cho sự khốn khổ đời đời (xem 16:19-31). Câu chuyện ẩn dụ về quản gia bất trung (xem 16:1-9) nhắc nhở chúng ta sẵn sàng

cho giây phút mà chúng ta đang tiến về, giống như người quản gia, chúng ta phải rời bỏ chức vụ quản gia tạm thời hiện tại và bước vào thế giới đền thờ của đền tạm đời đời.

Đĩ nhiên, chúng ta có thể bị chống đối nếu cứ khăng khăng nói rằng hành trình trong nửa phần còn lại của sách Lu-ca là hành trình từ thế giới này đến một thế giới khác, từ thời gian đến cõi vô tận, vậy thì cả cuộc đời này không có gì cả, nếu chỉ là nửa phần còn lại của sách Phúc âm Lu-ca mà thôi, thì không thể nói là phù hợp với cả hành trình và mục tiêu của hành trình ấy. Điều đó đúng hoàn toàn; nhưng nếu đó là điểm chính của Lu-ca thì sao. Cả cuộc đời này là một cuộc hành trình. Lúc nào chúng ta cũng phải di chuyển.

Không thể đứng yên. Không bao giờ chúng ta có thể nói rằng tôi đã “đến nơi”. Nhưng nếu chúng ta không biết chắc về mục tiêu của mình, thì hành trình của cuộc đời này, thay vì một hành trình tự do hướng về điểm đến cách thỏa mãn, có thể trở thành một cuộc lang thang, vô định, không có mục đích mà chỉ đi lòng vòng. Mặc dầu cả nhân loại này đều đang đi trên một con đường nào đó, và đường nào cũng dẫn đến cõi đời đời, nhưng không phải đường nào cũng dẫn đến thiên đàng. Vậy chúng ta có thể tin cậy vào con đường nào để biết chắc rằng sẽ dẫn chúng ta đến thiên đàng của Đức Chúa Trời? Lu-ca đảm nhận trách nhiệm chỉ đường cho chúng ta. Trước hết, ông sẽ cho thấy chính Đấng Christ đi trên con đường ấy, đi ngang qua Giê-ru-sa-lem và chịu khổ nạn trên thập tự giá, rồi bước vào trong sự vinh hiển; kể đến ông sẽ cho chúng ta biết đi như thế nào và trên đường nào mà những người theo Ngài có thể biết chắc mình cũng được vào sự vinh hiển ấy, và họ phải chuẩn bị chính mình một cách đúng đắn như thế nào cho sự sống ấy sẽ bao gồm trong thế giới vinh hiển ấy.

## **Đường Đến Vinh Hiển**

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

1. Giá phải trả và những đau buồn (9:51-10:16)
2. Sự vui mừng và những đặc thắng (10:13-17)

---

## *Giai Đoạn 1*

---

### **Đường Đến Vinh Hiển**

#### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

Theo như điều độc giả rất mong đợi trong những phân đoạn đầu của giai đoạn 1, Ngài Đi có những phần giới thiệu thường được nhắc đến về sự kiện Đấng Christ bắt đầu bước vào một hành trình; thì phân đoạn đầu tiên của phần này tường thuật Ngài cương quyết lên Giê-ru-sa-lem như thế nào (xem 9:51), Ngài sai những sứ giả đi trước để chuẩn bị những điều cần thiết (xem 9:52) và khi Ngài không được tiếp đón trong một ngôi làng vì Ngài đi về hướng thành Giê-ru-sa-lem (9:53), thì Ngài đi qua làng khác (9:56). Phân đoạn thứ hai bắt đầu bằng cách lập lại sự kiện 'khi họ đang đi đường' (9:57) và tiếp tục ghi lại những bài học Đấng Christ dạy dỗ về ba người lữ ra đã trở thành môn đồ của Ngài và thế nào là đi theo Ngài, trên con đường ấy bao gồm những gì. Vì thế, phân đoạn thứ ba bắt đầu với (xem 10:1) bằng cách nói về sự kiện Đấng Christ đi lại trên khắp đất nước, và thuật lại thế nào Ngài đã sai thêm bảy mươi môn đồ đến trong mỗi thành phố, và mỗi làng mà Ngài sẽ đến thăm viếng họ trên đường đi.

Tiếp theo là ba phân đoạn không hề đề cập gì đến hành trình của Đấng Christ. Trong 10:17-20 bảy mươi môn đồ trở về đầy dẫy vui mừng về những thành đạt của mình và tất cả họ đều được Chúa khích lệ lẫn sửa sai. Trong 10:21-24 Đấng Christ bày tỏ sự vui mừng của Ngài và dâng lời tạ ơn Đức Chúa Cha về những gì đang xảy ra và chỉ cho các môn đồ thấy những phước hạnh đặc biệt của họ. Cuối cùng, trong 10:25-37 để trả lời cho câu hỏi của vị luật sư thì Đấng Christ đã kể câu chuyện về người Sa-ma-ri ơn lành. Chỉ sau nhóm thứ hai của ba phân đoạn này thì Lu-ca mới nhắc lại chủ đề của hành trình của Đấng Christ với một lời lưu ý rõ ràng về hành trình, 'khi cùng đi đường với các môn đồ, Chúa Jêsus ghé vào một làng kia.' (10:38).

Vậy thì, thật hợp lý khi chúng ta đưa ra một câu mệnh đề giả

thuyết, giả sử như câu nhắc lại của cuộc hành trình được ghi chú trong 10:38 được dự định để đánh dấu bước khởi đầu của một giai đoạn tường thuật về hành trình này, và sáu phân đoạn mà chúng ta vừa xem lướt qua được dự định sẽ liên kết với nhau thành giai đoạn 1 của phần Ngài Đi. Mệnh đề giả thuyết này có thể bị thử nghiệm cách dễ dàng. Sáu phân đoạn này có cùng một chủ đề hay những chủ đề chung không? Hoặc sáu phân đoạn này có cho thấy hoặc có dấu hiệu gì của một nhóm nối kết chặt chẽ không?

Ngay lập tức chúng ta lưu ý rằng cả hai phân đoạn đầu tiên (xem 9:51-56) và phân đoạn cuối cùng (xem 10:25-37) đều có liên hệ đến người Sa-ma-ri. Dĩ nhiên, đây có thể là một dấu hiệu bên ngoài và chẳng mang ý nghĩa gì; nhưng những bằng chứng cho thấy không phải như vậy. Trước hết, cả hai câu chuyện này đều chỉ riêng sách Lu-ca mới đề cập đến, vì thế việc ông chọn lọc và đặt chúng vào vị trí nào chắc hẳn phải có cân nhắc. Thứ hai, cả hai câu chuyện này đều là hai vấn đề khác nhau của cùng một chủ đề. Trong câu chuyện đầu tiên, một số người Sa-ma-ri bị kích động vì vấn đề chủng tộc và tôn giáo đã có thái độ thù địch đối với Chúa Jêsus, không bày tỏ lòng hiếu khách để chào đón Ngài vào làng. Vì thế, hai sứ đồ đề nghị Ngài hãy sai lửa từ trời giáng xuống trên họ, rồi Đấng Christ quở trách họ vì tinh thần không Cơ Đốc. Trong câu chuyện thứ hai, một người Do Thái bị trấn lột và bị đánh dã man rồi bỏ mặc cho nửa sống nửa chết ở bên đường. Hai người qua đường cũng là người Do Thái nhưng chẳng làm gì để giúp đỡ ông ta; nhưng một người Sa-ma-ri, đặc thẳng hơn mọi tôn giáo và mọi sự tức giận về phân biệt chủng tộc, giúp đỡ ông ta với những sự cứu giúp lập tức, chi phí cho ông đến một khách sạn và trả tiền khách sạn cho đến khi ông hoàn toàn bình phục. Rõ ràng là cả hai câu chuyện đều nói với chúng ta điều quan trọng về thái độ và cách cư xử nên có đối với những người thù địch với chúng ta về tôn giáo hoặc về chủng tộc. Có lẽ điều này rất có ý nghĩa, vì đang khi câu chuyện thứ nhất người Sa-ma-ri gây nên một sự việc mà chẳng tạo nên công trạng gì, vì họ khởi xướng việc chọc giận các sứ đồ, còn trong câu chuyện thứ hai người Sa-ma-ri lập nên công trạng vì cách cư xử của ông ta cao trọng hơn rất nhiều so với thầy tế lễ Do Thái và người Lê-vi.

Tuy nhiên, hai phân đoạn này không phải là phân đoạn duy nhất xử lý về chủ đề này. Phân đoạn thứ ba (xem 10:1-16) kể lại sự kiện sai phái bảy mươi môn đồ. Đây là phần dài nhất (đếm theo số câu) giữa sáu phân đoạn, và phân đoạn này cũng rất đặc biệt của riêng sách Lu-ca theo ý nghĩa là không nhà truyền giảng Tin Lành nào ghi lại việc sai phái bảy mươi môn đồ, mặc dầu lời dạy dỗ dành cho họ đương nhiên là tương tự với lời dạy dỗ dành cho mười hai sứ đồ trong chức vụ trước đó (Ma-thi-ơ 10:9-13). Điều rất có ý nghĩa cho mục đích hiện tại của chúng ta là sự kiện giữa mười sáu câu trong phân đoạn này thì trước giả dành ra ba câu (xem 10:10-12) để dạy bảy mươi môn đồ cách phản ứng đối với những người chống đối và từ chối lòng hiếu khách của họ, còn ba câu nữa (10:13-15) là lời quở trách của Đấng Christ đối với thành Cô-ra-xin, thành Bết-sai-đa, thành Ca-bê-na-um vì đã chống đối Ngài và sứ điệp của Ngài, và một câu cuối cùng (xem 10:16) là lời dạy dỗ rõ ràng về một nguyên tắc chung: 'Ai nghe các con, tức là nghe Ta; ai chối bỏ các con, tức là chối bỏ Ta. Ai chối bỏ Ta, tức là chối bỏ Đấng đã sai Ta.' Sự chống đối rất nặng nề được nhấn mạnh trong bảy câu này không phải- hoặc không chỉ là- sự chống đối người Do Thái từ những người Sa-ma-ri, nhưng còn thường xuyên hơn nữa là người Do Thái bị người Do Thái chống đối, dĩ nhiên là chống đối vì vấn đề tôn giáo. Vậy bây giờ chúng ta còn ba phân đoạn, cả ba phân đoạn này chỉ riêng sách Lu-ca mới có, và cả ba đều mang chung một chủ đề, một phân đoạn được sắp nằm ngay ở phần bắt đầu, một cái nằm giữa và một cái nằm ở phần cuối của một chuỗi sáu phân đoạn. Phần tận cùng giống như một sợi dây nối kết sáu phân lại với nhau.

Vì thế, chúng ta hãy tiếp tục xem có dòng tư tưởng nào hoặc cách sắp đặt tư tưởng nào chạy xuyên suốt sáu phân đoạn hay không, hoặc có bất cứ điều gì giống nhau hoặc không giống nhau pha trộn vào giữa sáu phân đoạn, giữa những chủ đề có liên hệ hoặc không có liên hệ. Bây giờ chúng ta đã quan sát rằng mặc dầu ba phân đoạn đầu tiên đều có đề cập rõ ràng đến hành trình của Đấng Christ nhưng ba phân đoạn sau lại không đề cập. Không hề có gì hư cấu trong sự sắp xếp này. Ba phân đoạn đầu tiên đều đề cập đến những vấn đề thực tế có liên quan đến hành trình của Ngài: (1) Việc sai một nhóm nhỏ đi trước để có những chuẩn bị cần thiết trong một số ngôi làng hoặc

thị trấn mà Đấng Christ và các môn đồ và tất cả những người khác có thể ở lại qua đêm, có lẽ con số của những môn đồ đi theo Ngài là rất đông. (2) ba người có thể trở thành môn đồ của Ngài được dạy dỗ với mạng lệnh mà việc đi theo Đấng Christ được đòi buộc trên họ. và (3) bảy mươi môn đồ được sai đi từng đôi, đến trước với các ngôi làng hoặc thị trấn mà Đấng Christ sẽ ghé thăm họ, không cần phải theo thứ tự và chuẩn bị những điều cần thiết để đón Ngài, nhưng để chuẩn bị con người về mặt thuộc linh cho những quyết định hết sức quan trọng mà họ phải đối diện khi Đấng Christ đến và trình diện chính Ngài và sứ điệp của Ngài. Lý do tại sao trong hai phân đoạn kế không nói tiếp về hành trình của Chúa Jêsus, là bởi vì tại thời điểm này (xem 10:17) bảy mươi môn đồ trở về từ công tác truyền giáo và vui mừng tường trình những đặc thắng của họ; sau khi Chúa Jêsus nhận xét về những lời tường trình của họ, Đấng Christ đã bộc lộ trong phân đoạn kế tiếp (xem 10:21-24) sự vui mừng của chính Ngài về sự kiện mà các môn đồ đang làm chứng. Vì thế những gì chúng ta đang có trong hai phân đoạn này không phải là lời tường thuật tiếp tục về hành trình, nhưng đó là những suy ngẫm về ý nghĩa của hành trình của Đấng Christ từ trước đến giờ và hành trình của bảy mươi môn đồ. Vì thế, một phân đoạn còn lại chứa đựng câu trả lời của Đấng Christ cho câu hỏi của một luật gia nêu lên thời bảy giờ. Mới nhìn vào thì cả câu hỏi lẫn câu trả lời dường như đều chỉ là một sự tình cờ đối với dòng chảy của câu chuyện. Thật ra, theo như điều chúng ta đã nhìn thấy, câu trả lời tiếp tục trình bày, thật ra chủ đề chính của phần này của sách Phúc âm là gì, và chỉ một mình câu trả lời đó mà thôi cũng đã cho chúng ta câu giải thích đầy đủ về quyết định chọn lựa ẩn dụ này và sắp đặt nó tại đây của Lu-ca. Nhưng còn có một nét đặc biệt đáng học hỏi mà chúng ta cần chú ý: Tình tiết của ẩn dụ này chứa đựng rất nhiều thông tin về việc đi lại, thật ra nó còn có nhiều thông tin hơn là chỉ thuần túy nói về vấn đề đạo đức. Dĩ nhiên, người đàn ông bị rơi vào tay kẻ cướp là đang trên một cuộc hành trình, rồi cả thầy tế lễ và người Lê-vi cũng vậy. Rồi kể đến là người Sa-ma-ri, 'đang trên đường đi' (10:33) đến chỗ người đàn ông và cứu mạng ông ta, theo như bài học kèm theo với ẩn dụ khi cần phải dạy dỗ, thì tình tiết của câu chuyện có thể dừng lại tại đây. Nhưng câu chuyện cứ tiếp tục: Người Sa-ma-ri đặt người đàn ông



trên chính con lừa của mình, chở ông đến một quán trọ, và chăm sóc ông ta. Thậm chí kể đến đó mà câu chuyện vẫn chưa kết thúc. Buổi sáng khi người Sa-ma-ri rời nhà trọ ông đã trả cho chủ quán số tiền đủ chi phí cho nơi ở và thức ăn cho người Do Thái ấy trong vài ngày. Chắc chắn bây giờ chúng ta đã có đủ chi tiết để hoàn tất bức tranh về một người quá sức tốt bụng, rộng lượng và quan tâm chăm sóc đến người Sa-ma-ri, là người thật sự yêu người lân cận như mình. Có lẽ chúng ta đã thấy đủ nhưng câu chuyện vẫn chưa kết thúc: người Sa-ma-ri vẫn phải tiếp tục đi. Khi ra đi, ông tuyên bố rằng ông sẽ trở lại, và hứa rằng trên đường trở về, ông sẽ chi trả cho chủ nhà trọ bất cứ khoản chi trội nào mà người Do Thái còn mắc nợ họ.

Bây giờ những nhà giải kinh với những nghiêm khắc về tính logic khẳng định cho rằng ẩn dụ về người Sa-ma-ri hơn là vốn không được dự định là chuyện ngụ ngôn và cũng không nên xem đó là một ngụ ngôn. Ngược lại, nếu Lu-ca có thể có một số cảm nhận về văn chương để thêm vào cho điều ông đang quan tâm về lịch sử và tính nghiêm khắc của khoa giải kinh, ông sẽ bị cám dỗ để thêm vào lời nhận định: được đặt ngay giai đoạn mở đầu của phần Ngài Đi với sự nhấn mạnh rất nhiều vào hành trình của Đấng Christ và hành trình của bảy mươi môn đồ, câu chuyện ẩn dụ của người Sa-ma-ri nhân lành với chủ đề nổi bật tương tự về hành trình, đóng vai trò giống như một bố cục phụ trong nghệ thuật văn chương: nó gián tiếp hỗ trợ cho công tác của chủ đề chính. Có lẽ thậm chí còn hơn như thế nữa; nhưng trong chốc lát thì chúng ta phải quay về với phần quan sát ban đầu.

Chúng ta tìm thấy hai nhóm phân đoạn, mỗi nhóm có ba phân đoạn. Nhóm đầu tiên xuất hiện với lời nhận định rất nổi tiếng: 'Gần đến ngày Đức Chúa Jêsus được tiếp lên trời...' Lời này chỉ về sự thăng thiên của Ngài và không ai có thể cường điệu về tầm quan trọng và ý nghĩa của sự thăng thiên của Đấng Christ vào vị trí ngai bên hữu Đức Chúa Trời trên thiên đàng. Nhưng khi chúng ta nhìn vào những câu mở đầu của nhóm thứ hai, chúng ta thấy Đấng Christ công bố (10:18), 'Ta đã thấy quỷ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp'. Chúa Jêsus sẽ thăng thiên về trời, còn quỷ Satan thì từ trời sa xuống như chớp- rõ ràng là hai sự kiện này bổ sung cho nhau, vì thế khó mà có

thể am hiểu đầy đủ về ý nghĩa của điều này mà thiếu hiểu biết về điều kia.

Trong phần sau chúng ta sẽ nói thêm về điều này. Nhưng lập tức câu hỏi được đẩy lên là: Nếu ý tưởng trong phân đoạn mở đầu của nhóm thứ hai rõ ràng là hỗ trợ cho ý tưởng của phân đoạn mở đầu của nhóm thứ nhất, thì ý tưởng của những phân đoạn còn lại trong hai nhóm sẽ thế nào? Nếu chúng cũng bổ sung cho nhau như thế thì chắc chắn là chúng ta phải quan tâm đến sự kiện này khi giải kinh. Vậy đây là bảng nội dung của hai nhóm phân đoạn, các ý chính được liệt kê song hành.

## Các hoạt động

### 1. Tổn Thất và Đau Buồn (9:51-10:16)

Bây giờ chúng ta phải suy xét ba phân đoạn của hoạt động thứ nhất theo từng cái một. Đang khi làm điều này chúng ta cần nhận biết rằng những phân đoạn này hình thành một sự tiến triển tự nhiên, và để có thể nhận được quan điểm cân đối về những vấn đề mà phân đoạn này trình bày, thì chúng ta phải nghe trọn câu chuyện từ đầu cho đến cuối. Ví dụ trong phân đoạn đầu tiên (xem 9:51-56), hai môn đồ bị quở trách vì đề nghị Chúa xin lửa từ trời giáng xuống ngôi làng của người Sa-ma-ri vì họ đã từ chối đón tiếp Đấng Christ. Nhưng trong phân đoạn thứ ba Đấng Christ bảo các môn đồ (xem 10:11-12) rằng nếu có một thành nào không tiếp họ, thì 'Ta bảo các con, đến ngày phán xét, thành Sô-đôm sẽ chịu phạt nặng hơn thành đó.' Tất cả chúng ta đều biết điều đã xảy đến cho thành Sô-đôm, 'lửa... và diêm sinh từ trời xuống, hủy diệt tất cả.' (xem 17:29). Thật quá rõ ràng, có hai phương diện để trả lời cho câu hỏi điều gì sẽ xảy ra cho những người chống đối Đấng Christ; nhưng chúng ta hãy bắt đầu ở phần đầu tiên.

*a. Hành trình về trời của Đấng Christ (9:51-56).* Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu với câu chuyện về hành trình đã được định trước để đem Jê-sus người Na-xa-rét đến nơi cao nhất của toàn cõi vũ trụ, để ngồi bên hữu tay quyền phép của Đức Chúa Trời (xem 22:69)

Mục tiêu của cuộc hành trình là sự vinh hiển không sao tả xiết; nhưng con đường dẫn đến mục tiêu ấy được đặt trên những đau đớn không thể mô tả nổi: con đường ấy phải đi qua Giê-ru-sa-lem. Chúa của chúng ta không hề ảo tưởng về những gì Ngài phải chịu khổ tại đó; nhưng khi gần đến thời điểm Ngài sẽ về trời, Ngài đã cương quyết đi lên Giê-ru-sa-lem. Trong những giai đoạn đầu của hành trình này khi đi qua Sa-ma-ri và câu chuyện của Lu-ca đã thuật lại khi các sứ giả của Đấng Christ được sai đến trước để sắp đặt cho Đấng Christ ở lại qua đêm trong một ngôi làng của người Sa-ma-ri, thì người Sa-ma-ri không muốn đón tiếp Ngài. Chúng ta nhớ lại sự kiện ấy khi Ngài hạ sinh trên thế giới này, thật tình cờ, không còn chỗ nào cho Ngài và cha mẹ Ngài trong nhà trọ (xem 2:7); bây giờ khi Ngài bắt đầu đi đến ngôi làng thì không có chỗ cho Ngài trong ngôi làng ấy. Nhưng lần này thì không tình cờ, họ có thể đón tiếp Ngài nhưng họ từ chối.

Lý do của họ vừa đáng buồn vừa thật mỉa mai. Họ từ khước Ngài bởi vì Ngài đi về thành Giê-ru-sa-lem (xem 9:53), và đó là tình trạng thù địch tôn giáo giữa người Sa-ma-ri và người Do Thái, rằng một người Do Thái đi lên Giê-ru-sa-lem để tham dự những kỳ lễ về tôn giáo là điều không được người khác chấp nhận tại Sa-ma-ri. Họ cũng biết chút đỉnh rằng Ngài đi lên Giê-ru-sa-lem để chịu những nhà lãnh đạo tôn giáo chối bỏ (xem 9:22) và chịu đóng đinh. Họ càng không nhận biết rằng Ngài lên Giê-ru-sa-lem để chết cho sự cứu chuộc của họ. Sự cay đắng trong sự thù địch tôn giáo giữa người Sa-ma-ri và người Do Thái không do Ngài xúi giục, cũng không được Ngài chấp nhận. Nhưng điều đó cũng không tạo nên sự khác biệt: đối với họ Ngài là một sự rập khuôn, là một người Do Thái đi lên để dự những kỳ lễ hội tôn giáo tại Giê-ru-sa-lem, không cần phải thắc mắc gì thêm, họ mời Ngài ra khỏi.

Gia-cơ và Giăng quá tức giận về thái độ sỉ nhục của họ đối với Thầy mình, thế là họ đề nghị lửa từ trời lập tức giáng xuống trên ngôi làng của người Sa-ma-ri. Bây giờ trong 10:11-16 chúng ta sẽ được cho biết hậu quả kinh khủng nào phải theo sau những người đã biết Ngài nhưng vẫn nhất định chối bỏ Đấng Christ và môn đồ của Ngài. Nhưng tại đó Đấng Christ đang nói về sự chống đối những phép lạ

## Giai Đoạn 1 của Ngài Đi 9:51-10:37

**1**

### Những Phí Tốn và Đau Buồn

9:51-10:16

#### 1. Hành trình về trời của Đấng Christ 9:51-56

Các môn đồ tức giận vì người Sa-ma-ri không cho phép Đấng Christ ở lại trong làng của họ; họ đề nghị hãy sai lửa từ trời giáng xuống. Đấng Christ quở trách họ. Ngài đang trên đường được thiên đàng chào đón 9:51

#### 2. Điều kiện và giá phải trả để theo Con Người 9:57-62

- a. Trên đất này Con Người không có chỗ gối đầu.
- b. Chúa bảo người muốn trở thành môn đồ rằng bốn phận rao giảng về vương quốc phải cao hơn bốn phận dự định chôn cất cha mình.
- c. Một môn đồ bị cảnh báo về cám dỗ 'nhìn lại đằng sau. Ai đã cắm cày mà còn nhìn lại đằng sau thì không xứng hợp với vương quốc Đức Chúa Trời. (Từ Hi Lạp cho động từ 'nhìn' là blepō).

#### 3. Hành trình của bảy mươi môn đồ 10:1-16

- a. 'Ta sai các con đi như chiên con giữa bầy muông sói...'
- b. 'Hãy chữa lành người bệnh... và nói với họ rằng: 'Vương quốc Đức Chúa Trời đã đến gần các người...'
- c. 'Người làm công đáng hưởng tiền công mình.'

**2**

### Niềm Vui Và Sự Đắc Thắng

10:17-37

#### 1. Quỷ Sa-tan từ trời sa xuống như chớp. 10:17-20

Các môn đồ quá đỗi vui mừng vì các quỷ phải chịu khuất phục họ trong danh Đấng Christ. Đấng Christ đã nhìn thấy trước các quỷ từ trời sa xuống. Ngài quở trách họ, thà các con mừng vì mình là công dân thiên đàng thì hơn."

#### 2. Niềm vui và phước hạnh vì nối kết với Đức Chúa Con 10:21-24

- a. Con của Cha là Chúa của cả trời đất.
- b. 'Con công bố rằng Cha đã giao mọi sự cho Con. Sự hiểu biết về Cha và Con chỉ được bày tỏ cho người nào Con muốn bày tỏ.
- c. Phước cho mắt các môn đồ vì được thấy điều họ đã thấy, vì có nhiều nhà tiên tri và vua chúa ước ao thấy những điều này mà không được thấy. (Động từ Hi Lạp cho chữ 'thấy' là blepō)

#### 3. Hành trình trên đường phố Giê-ri-cô 10:25-37

- a. 'Có một người...rơi vào tay bọn cướp...'
- b. '...một người Sa-ma-ri... đến gần thấy nạn nhân... bẻng bó vết thương...'
- c. 'Ông lấy hai đơ-ni-ê đưa cho chủ quán và nói: 'Hãy săn sóc người này, nếu tốn hơn nữa, khi trở về tôi sẽ hoàn lại.'

xảy ra rành rành trước mặt không thể chối cãi được (xem 10:13). Còn tại đây người Sa-ma-ri đang hành xử ngu dốt vì thành kiến tôn giáo: họ không biết mình đã làm gì. Đấng Christ quở trách các môn đồ của Ngài thậm chí chỉ vì đề nghị Ngài sai sứ đoán xét đồ xuống trên đầu của họ. Ngài cũng không ra sức tranh cãi với người Sa-ma-ri; Ngài chỉ yên lặng đi vào một ngôi làng khác để ở lại qua đêm, Ngài vượt qua họ để lên Giê-ru-sa-lem và tại đó Ngài chết cho họ. Không lâu sau đó, người Sa-ma-ri đã biết vì sao Ngài chết, và nhiều người trong vòng họ - chúng ta hãy hi vọng rằng dân chúng của ngôi làng này cũng nằm trong số ấy- đã trở lại tiếp nhận Đấng Christ (xem Công vụ 8:5-25).

*b. Điều kiện và giá phải trả để theo Con Người (9:57-62)* Kinh nghiệm của Gia-cơ và Giăng cho thấy môn đồ của Đấng Christ phải được chuẩn bị để chấp nhận những sự thù địch của thế giới này mà không tức giận hoặc muốn báo thù; bài học dạy cho người đầu tiên trong ba người sẽ trở nên môn đồ của Chúa Jêsus trong phân đoạn này cho thấy rằng môn đồ của Đấng Christ phải được chuẩn bị để chống lại những quyến rũ của đời sống tiện nghi. Đấng Christ chỉ ra rằng, Con Người cũng không có được sự tiện nghi mà thậm chí một sinh vật tầm thường như con cáo hoặc con chim cũng có: chúng có hang và có tổ, trong khi chính Ngài không có nhà riêng, không có nơi để nghỉ ngơi, không có nơi để Ngài có thể nghỉ dưỡng, nghỉ ngơi và tiện nghi. Lúc nào Ngài cũng phải di chuyển, ngủ trong nhà của người khác, hoặc quán trọ, không có một nơi nào để Ngài có thể trở về. Đi theo Đấng Christ trên đường đến Giê-ru-sa-lem đương nhiên bao gồm một môn đồ với tình trạng 'không nhà' tương tự. Nhưng chắc chắn bài học còn có ý nghĩa sâu hơn. Những người bắt đầu đi theo Chúa trên con đường vinh quang, phải được chuẩn bị để từ bỏ ý tưởng xem thế gian này là nhà của mình; họ trở thành những lữ khách, cứ đi tới không ngừng nghỉ, dùng những căn nhà trọ của đời dọc đường đi, nhưng không có chỗ nào để dừng lại cho đến chừng lên thiên đàng.

Bài học dạy cho người thứ hai có thể trở thành môn đồ Ngài cho thấy rằng một người đi theo Đấng Christ phải được chuẩn bị không chỉ từ bỏ tiện nghi của căn nhà: mà người ấy còn phải thừa

nhận rằng bốn phận của mình đối với gia đình không phải là ưu tiên hàng đầu. Được kêu gọi để đi theo Đấng Christ, người đàn ông này đồng ý ra đi nhưng xin phép trước hết trở về chôn cha. Có lẽ ông cha của người này đã chết và người này xin được trễ hai giờ đồng hồ để tham dự đám tang. Hoặc có lẽ đúng hơn là cha của anh ta rất già và người thanh niên này với cảm nghĩ của tôn giáo Do Thái với bốn phận phải dành cho cha mẹ một lễ chôn cha đầy vinh hiển, đang xin phép Đấng Christ được trì hoãn việc đi theo Ngài cho đến chùng cha qua đời (và có lẽ cũng cho đến khi nào anh thừa hưởng gia sản của cha). Bây giờ, đây là sự kiện được Đấng Christ trình bày rõ ràng (xem Mathiơ 15:3-9) rằng việc chăm sóc cha mẹ là bốn phận Chúa giao phó mà không thể bỏ qua một bên để việc có thi hành bất cứ công việc tôn giáo nào. Vì thế, nếu bất cứ ai tiếp nhận Đấng Christ là Chúa, thì Đấng Christ sẽ hướng dẫn người ấy làm trọn bốn phận này đối với cha mẹ. Nhưng người nam này đang phạm phải hai sai lầm. Ông xin phép được làm trọn điều mà ông cho là bốn phận còn trội hơn việc đi theo Đấng Christ. Dĩ nhiên, không bốn phận nào có thể trội hơn. Nếu Chúa Giê-xu là Con Đức Chúa Trời, thì bốn phận đầu tiên của chúng ta phải dành cho Ngài. Người nào cho rằng mình có bốn phận phải hoàn tất bốn phận trước khi được tự do để trở thành người đi theo Đấng Christ, là không hiểu biết Đấng Christ là ai.

Và thứ hai, người này không xin phép được chăm sóc cha già, nhưng xin phép được chôn ông. Khi xin phép trì hoãn việc đi theo Đấng Christ cho đến khi đã chôn cất cha, người này cho thấy ông ta không có ý niệm gì về tính khẩn trương và quan trọng của công việc mà Đấng Christ đang kêu gọi ông. Trọng trách đó là ra đi và công bố phúc âm của Đức Chúa Trời' (xem 9:60). Toàn thể nhân loại - bao gồm cha của anh ta- hết sức cần nghe sứ điệp ấy: sự cứu rỗi đời đời của họ tùy thuộc vào việc nghe sứ điệp ấy và đáp ứng lại với sự kêu gọi khẩn cấp của sứ điệp. Thật hết sức lạ lùng khi ráng làm trọn bốn phận của con đối với cha, mà lại đợi cho cha chết và chôn rồi mới trở thành diễn giả phúc âm. Hơn thế nữa, Đấng Christ chỉ cho người này thấy rằng những người không tin Chúa, là người chết thuộc linh sẽ thực hiện công việc chôn cất cha khi ông ta qua đời; nhưng những người chết thuộc linh này không thể rao giảng phúc âm cho ông ta hoặc cho bất cứ ai. Đấng Christ phán, 'Hãy để kẻ chết (thuộc linh)

chôn kẻ chết (thuộc thế) (9:60). Đây không phải là không tử tế hoặc không làm trọn bổn phận khi một tín hữu để cho người chết thuộc linh thực hiện công việc họ có thể làm tốt để tự giúp họ, nhờ đó có thêm thì giờ để giúp cho họ điều họ không thể tự giúp mình. Bác sĩ giải phẫu sẽ không tốn thời gian để rửa dùm đôi giày ống cho bệnh nhân của mình.

Vì thế, cảm nhận của người đàn ông này về bổn phận đối với cha mình là sai trật, thậm chí sai trật trước nhu cầu sâu xa nhất của người cha. Đó là một cảm nhận về bổn phận bị áp đặt không phải do đòi buộc của luật pháp Chúa hoặc của phúc âm, nhưng bởi tục lệ ngầm của xã hội và tôn giáo thuộc thế gian này. Đối với Đấng Christ, lời công bố đi theo Đấng Christ đòi buộc phải không quan tâm đến những điều ấy.

Bài học dành cho người thứ ba có thể trở thành môn đồ của Đấng Christ cho thấy rằng một người đi theo Đấng Christ phải được chuẩn bị để dứt khoát với những lôi kéo của gia đình về tình cảm. Một chiến sĩ được kêu gọi chiến đấu bảo vệ tổ quốc và gia đình phải được chuẩn bị để lìa gia đình và ra trận hàng đầu chiến tuyến. Môn đồ thứ ba của chúng ta muốn trì hoãn việc đi theo Đấng Christ cho đến khi người ấy về nhà và chào tạm biệt gia đình. Nhưng chào tạm biệt theo phong tục của xã hội thời bấy giờ có nghĩa là liên tiếp tiệc tùng hàng đêm từ ngày này qua ngày khác, luôn luôn đẩy giờ khởi hành vào ngày mai (hãy xem Các Quan Xét 19:3-8), và thậm chí làm cho việc ra đi càng khó khăn hơn. Đức Chúa Jêsus đáp: "Ai đã cầm cày mà còn nhìn lại đằng sau thì không xứng hợp với vương quốc Đức Chúa Trời." (9:62). Luật hàng đầu của việc cày cấy là nếu bạn muốn cày một hàng thẳng, thì bạn phải chăm mắt vào con đường cho đến tận cuối cánh đồng. Nếu bạn quay nhìn phía sau, lưỡi cày sẽ chạy loạn xạ.

Không phủ nhận rằng, khi đã tra tay vào chiếc cày chức vụ trong vương quốc của Đức Chúa Trời là đối diện với việc hi sinh một số niềm vui trong đời sống gia đình, là sự hi sinh có thể phải gia tăng nhiều khi công việc cày cấy có nhiều đòi buộc. Có những lúc chúng ta gặp nan đề, chúng ta ngoái lại đằng sau và thêm khát đời sống dễ chịu hơn mà chúng ta từng bỏ lại, chúng ta không còn chăm mắt vào mục tiêu mà chúng ta dự định sẽ nhắm đến, thì cảm nhận của chúng

ta về phương hướng sẽ bị rối và tất cả công việc cày cấy của chúng ta đều bị dừng lại.

*c. Hành trình của bảy mươi môn đồ (10:1-16).* Nếu phân đoạn đầu tiên giảng rằng người đi theo Đấng Christ cần được chuẩn bị để chịu đựng sự thù địch của thế gian mà không báo thù, và điều thứ hai là trình bày rõ các phí tổn khi trở thành môn đồ và sứ giả của vương quốc, thứ ba là mô tả điều gì bao gồm trong công tác thật sự của một sứ giả. Dĩ nhiên là chúng ta không thể vẽ một đường thẳng từ trường hợp của bảy mươi môn đồ hầu việc Đấng Christ trước khi Ngài chịu đóng đinh đến chính chúng ta là những người hầu việc Ngài sau Lễ Ngũ Tuần. Như chúng ta đã nêu lên trước đây (trang 159) rằng những lời dạy dỗ được Chúa truyền bảo trong trường hợp này đã được sửa đổi sau đó và trong một số lãnh vực đã có sự đảo ngược (xem 22:35-38). Nhưng chúng ta có thể cố gắng để nhìn thấy ý nghĩa của những lời dạy dỗ này cho chức vụ đặc biệt mà bảy mươi môn đồ đã được sai phái, và từ đó lấy ra những nguyên tắc chung.

Bối cảnh ở đây là chính Đấng Christ chuẩn bị ghé thăm một số thị trấn và làng mạc trên đường Ngài đi đến thành Giê-ru-sa-lem và đến sự vinh hiển. Vì Ngài là Vua, là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời, Con của Đức Chúa Cha, điều đó có nghĩa là vương quốc của Đức Chúa Trời sắp đến gần, mà thật ra là đã đến rất gần với những con người trong các thị trấn và các ngôi làng. Vì thế, đây là cơ hội và trách nhiệm của họ để hoặc đón tiếp Ngài và ở với Ngài trong vương quốc của Đức Chúa Trời hoặc chống đối cả Ngài và vương quốc của Ngài. Hậu quả của việc Y-sơ-ra-ên chối bỏ Ngài là sự nghiêm trọng và ảnh hưởng sâu rộng ngay cả trong đời này, theo như điều lịch sử đã cho thấy; còn hậu quả trong đời sau thì không thể nào đo lường được. Tuy nhiên, thời điểm để họ có thể cân nhắc, chọn lựa và quyết định khi Ngài đến và đi qua thị trấn của họ, đủ ngắn để họ suy nghĩ. Vì thế, điều quan trọng là họ cần được chuẩn bị cho sự thăm viếng của Ngài (xem 19:44) và sẵn sàng để nhìn thấy vô số những bằng chứng để dựa vào đó mà họ có thể quyết định. Đó là lý do của công tác chuẩn bị của bảy mươi môn đồ: Không ai phải vội vàng quyết định mà không có thời gian để cân nhắc và am hiểu về những bằng chứng.

Lời nhấn mạnh đầu tiên của Đấng Christ (xem 10:2) bộc lộ



cảm nhận của Ngài về tiềm năng của cánh đồng chức vụ, nhưng có sự thiếu hụt đáng sợ về con gặt. Sau mười chín thế kỷ dường như vẫn chưa thể thay đổi tình trạng này cho lắm.

Kể đến là Ngài giải thích về sách lược của Ngài (xem 10:3-12). Ngài không hề ảo tưởng về tình trạng thù địch rất cơ bản của thế gian đối với Đức Chúa Trời, với vương quốc của Ngài và với Con Ngài. Thế giới này là thế giới sa ngã, những người đồng thời với Ngài là thế hệ ngoan cố và gian ác (xem 9:41; 11:29), giống như một bầy sói. Tuy nhiên, sách lược của Đấng Christ là sai phách nhóm môn đồ của Ngài đến giữa những người mà họ hoàn toàn không có khả năng tự vệ, lệ thuộc vào lòng thương xót của họ. Họ sẽ không mang theo tiền, không mang theo quần áo hoặc lương thực gì. Tính hiệu quả ở đây là ép buộc dân làng quyết định về thái độ nên có đối với những người này. Nếu những giáo sĩ này đã có đủ tiền để tự chu cấp cho mình, hãy để họ tự thuê một căn phòng trong nhà trọ hoặc khách sạn sẽ là sự giao dịch thương mại vô cùng đơn giản và không hề mang theo hàm ý thuộc linh nào. Nhưng nếu người ta phải đối diện với tình trạng không xu dính túi, những người nghèo thiếu cơ cực xưng rằng mình là sứ giả của Đấng Mê-si-a, thì người khác buộc phải quyết định hoặc đón tiếp và chiêu đãi họ hoặc chối bỏ họ.

Những sứ giả này phải trình bày rõ ràng rằng cuộc thăm viếng của họ không chỉ mang tính xã hội và tình cò: họ không được chào thăm bất cứ người nào trên đường theo phong cách của người Đông Phương; họ phải cho người ta biết rõ rằng họ đang có một sứ mạng rất khẩn cấp và phải tập trung vào sứ mạng ấy.

Khi họ bước vào một ngôi nhà, họ phải công bố bình an cho nhà ấy (10:5-6). Điều đó không có nghĩa là nếu người sống trong căn nhà ấy là những người gian ác, thì họ phải bỏ qua sự gian ác và báo cho họ biết rằng Đức Chúa Trời ở hòa thuận với mọi người, dầu họ có gian ác thế nào, cũng không ai sẽ hư mất. Còn hơn thế nữa. Lời công bố bình an của họ là lời công bố có mục tiêu: họ đến để đem theo sứ điệp của sự bình an và tha thứ. Nếu trong gia đình ấy có ai mở lòng và sẵn sàng cho sự cứu rỗi, thì người ấy sẽ được bước vào sự tốt lành của bình an mà sứ giả đã công bố. Nếu người trong gia đình, đã nghe sứ điệp, nhưng hoài nghi và không tin, thì bình an mà họ đã công bố

sẽ chẳng ảnh hưởng gì trên họ: sự bình an ấy sẽ trở về với các sứ giả. Ngay cả Đức Chúa Trời và các sứ giả của Ngài cũng không thể công bố bình an cho những ai chối bỏ Đấng Christ.

Sau đó, sứ giả phải nói rõ rằng sự truyền giáo của họ không che đậy bất cứ đời sống thoải mái và vui thú nào. Bất cứ nhà nào đón tiếp họ, thì họ sẽ ở lại đó; thậm chí nếu thức ăn và mọi sự chung quanh căn nhà ấy rất nghèo thiếu, họ cũng sẽ không đi qua nhà khác để có thức ăn ngon hơn và có chỗ nghỉ tốt hơn. Vì họ không phải là khách du lịch của các kỳ nghỉ, họ cũng không phải là những nhà truyền giáo giả ăn bám vào người khác (xem 10:7).

Hơn thế nữa, những thành phố khác nhau mà họ đi đến có thể có những luật khác nhau về thức ăn và phong tục. Không sao. Dầu họ bước vào thành nào, họ cũng hãy ăn thức ăn được đặt trước mặt mình (xem 10:8). Họ cũng không được nêu lên những thắc mắc và tranh cãi về những luật vật vãnh về thức ăn, như thế sẽ làm mờ nhạt vấn đề chính yếu của Phúc âm mà họ đến để trình bày.

Sau đó, họ phải trình bày cho thật rõ ràng những vấn đề đang bị hiểu lầm: Chữa lành người bệnh để chứng minh sứ điệp của họ, và họ phải nói rằng vương quốc của Đức Chúa Trời đang đến gần. Họ phải chỉ ra rằng Chúa Jêsus sắp đến: đây là thời điểm mà dân làng được thăm viếng, là cơ hội để nhận sự cứu rỗi, là giây phút để họ quyết định (xem 10:9).

Ngược lại, nếu dân chúng trong bất cứ thị trấn nào từ chối tiếp nhận họ, thì họ sẽ không đơn giản ra đi. Bởi hành động mang tính biểu tượng là phủi bụi đã dính nơi giày của họ trước mặt dân chúng, họ phải bày tỏ ý nghĩa đáng kính sợ và hàm ý của sự chối bỏ này. Họ phải kêu gọi để dân chúng nhìn thấy rằng họ đã có cơ hội nhận sự cứu rỗi: vương quốc của Đức Chúa Trời đã đến gần họ. Khi sự đoán xét đến trên dân chúng thì còn kinh khủng hơn là cơn đoán xét đã đến trên Sô-đôm, họ sẽ không bao giờ có thể nói rằng họ chưa từng có cơ hội để được cứu, rằng họ chưa từng biết mình đã khước từ Đấng Cứu Thế (xem 10:10-12).

Đến lúc này dường như Đấng Christ bị choáng ngợp với ý tưởng rằng những thành phố như Cô-rê-xin, Bết-sai-đa và Ca-bê-na-

um, là những nơi đã chứng kiến công việc quyền năng của Ngài, vẫn chưa chịu ăn năn và vẫn chưa được cứu. Ngài quay khỏi các môn đồ và hướng về phía dân chúng để công bố sự đau buồn của Ngài ở trên họ 'Còn người, thành Ca-bê-na-um, người sẽ được nhắc lên tận trời ư? Không, người sẽ bị hạ xuống tận âm phủ!' (10:13-15). Nói cho cùng thì có hai số phận. Để suy nghĩ về cơ hội vô cùng to lớn và khả năng mà một người tiếp nhận phúc âm và có thể đi theo Đấng Christ đến sự vinh hiển của thiên đàng, là được đổ đầy như Đấng Christ đã được đổ đầy như khi Ngài bắt đầu dạy dỗ (xem 10:2) với một sự cảm nhận rõ ràng về tiềm năng của mùa gặt sẵn sàng để các nhà truyền giáo gặt hái. Nhưng nếu thiên đàng và địa ngục là nơi con người có thể đến, thì không thể có hai thiên đàng, một dành cho những người đón tiếp Ngài và một thiên đàng dành cho người chối bỏ Ngài.

Sau khi dạy dỗ các thành phố, Đấng Christ đã quay lại dạy bảy mươi môn đồ và chỉ ra những hàm ý nghiêm trọng của việc dân chúng chối bỏ họ và sự điệp mà họ mang đến: chối bỏ họ là tương đương với chối bỏ chính Ngài; chối bỏ Ngài là chối bỏ Đức Chúa Trời (xem 10:16). Không ai xứng đáng để giảng tin lành, không ai hiểu thấu phúc âm là gì, nhiều người không nhìn thấy rằng chống đối Đấng Cứu Thế là đón nhận tai ương không lường trước được.

Nhưng giữa tất cả những lời dạy dỗ này, có lẽ điều cần chuẩn bị nhất để các môn đồ có thể trở thành những nhà truyền giáo hiệu quả là đứng lên và làm chứng về sự đau đớn cùng tận của tấm lòng Đấng Cứu Thế khi Ngài suy nghĩ về tai họa đang chờ đợi thành Cô-ra-xin, thành Bết-sai-đa và thành Ca-bê-na-um vì sự đại dột mà từ chối ăn năn.

## **2. Niềm Vui và Sự Đắc Thắng 10:17-37**

Hoạt động 1 là nghiêm trọng và âm đạm, trình bày chủ nghĩa hiện thực và những giá rất đắt phải trả cùng những sự chịu khổ bao gồm khi đi theo Đấng Christ, điều kiện của môn đồ và sự phục vụ, và điều không thể tách rời khỏi chức vụ rao giảng tin lành, khi tin lành ấy được trình bày thì những người nghe có thể chọn chối bỏ và tự gánh chịu sự mất mát không thể tả xiết. Nhưng còn mặt kia của câu chuyện, sáng rõ với sự vui mừng hân hoan và sự kỳ diệu vì được

quan hệ với Con của Đức Chúa Cha, vì được đi theo Ngài trên đường đến vinh hiển, và được chứng kiến sự đắc thắng trong công tác cứu chuộc của Ngài. Hoạt động 2 sẽ cho thấy phương diện này của câu chuyện, là điều mà chúng ta sẽ nhìn thấy nếu chúng ta nghiên cứu ba phân đoạn của hoạt động này, chúng ta sẽ so sánh và đối xứng nó với ba phân đoạn của hoạt động 1.

a. *‘Quý Sa-tan từ trời sa xuống như chớp’ (10:17-20)* Bảy mươi môn đồ trở về từ chuyến truyền giáo hết sức vui mừng khi khám phá ra điều họ đã thực hiện được: ‘Lạy Chúa, trong danh Chúa, các quý phải chịu khuất phục chúng con.’ (10:17). Mặc dầu không nhận biết, nhưng câu nói của họ là lời bày tỏ đầu tiên về chủ đề mà sau ngày Lễ Ngũ Tuần và lễ thăng thiên đã được đẩy lên ngày càng cao sức mạnh của sự vui mừng và ngợi khen như các tín hữu đầu tiên ý thức được ý nghĩa của việc Đấng Christ ‘được tiếp lên’ thiên đàng. ‘Ngài là Đấng đã lên trời’ Phi-e-rơ trình bày trong IPhierơ 3:22, được các thiên sứ, các chủ quyền và mọi thế lực suy phục: ‘Đức Chúa Trời đã... ‘đặt ngai bên phải Ngài trong các nơi trên trời.’ Pha-ô –Lô nói như vậy (Ê-phê-sô 1:20-22) ‘vượt trên tất cả mọi quyền thống trị, mọi thẩm quyền, mọi thế lực, mọi chủ quyền, và mọi danh hiệu, không chỉ trong đời này mà cả đời sắp đến nữa. Ngài đã đặt vịn vật dưới chân Đấng Christ...’ Thật ra, Đấng Christ đã nhìn thấy điều sẽ xảy ra trong chuyến truyền giáo cho Y-sơ-ra-ên như là sự đắc thắng ban đầu trong một trận chiến mà sẽ kết thúc khi Sa-tan hoàn toàn bị đuổi khỏi thiên đàng. ‘Ta đã thấy quý Sa-tan từ trời sa xuống như chớp (10:18). Khải tượng của Ngài mang tính tiên tri. Cơ Đốc Nhân sau ngày Lễ Ngũ Tuần nhận biết rằng họ vẫn phải chiến trận để chống lại các quyền thống trị, các thế lực, các kẻ nắm quyền bá chủ thế giới mờ tối này, và các thần dữ ở các nơi trên trời. (Ê-phê-sô 6:12). Nhưng họ không hề nghi ngờ gì về kết quả (xem Rô-ma 16:20);

Và điều làm cho họ phấn khởi cũng giống như bảy mươi môn đồ là ngay trên đất này họ có thể vận dụng một uy quyền đắc thắng trong danh Đấng Christ. ‘Này, Ta đã ban cho các con thẩm quyền...và mọi quyền lực của kẻ thù dưới chân. Chẳng điều gì làm hại các con được.’ Một lần nữa, bảy mươi môn đồ vẫn chưa học biết rằng sở hữu uy quyền này cũng không miễn trừ họ khỏi sự chịu khổ hoặc thậm

chỉ phải tử vì đạo. Tuy nhiên, không gì làm hại họ nghĩa là không gì có thể phân cách họ khỏi tình yêu của Đức Chúa Trời; trong mọi sự họ sẽ còn hơn là kẻ toàn thắng, và chắc chắn họ sẽ không bị tổn hại bởi sự chết thứ hai (xem Rô-ma 8:37; Khải Huyền 2:11).

Thật dễ hiểu vì sao họ quá đổi vui mừng. Tuy nhiên, Đấng Christ nhẹ nhàng nhắc nhở họ phải tập trung vào điều gì mà không làm nản lòng họ. “Tuy nhiên, Ngài phán, ‘đừng mừng vì các quý phục tùng các con, mà hãy mừng vì tên các con đã được ghi trên trời.’ (10:20). Thật tuyệt vời khi chúng ta được phép thực hiện một chức vụ đầy kết quả trên đất này trong danh Đấng Christ. Nhưng thậm chí còn tuyệt vời hơn khi chúng ta bảo đảm về sự hiện diện của mình tại thiên đàng đang khi còn ở trên đất này. Chữ ‘ghi’ trong tiếng Hi Lạp mang một nghĩa rất rộng của việc ‘được đảm bảo có tên trong danh sách của một thành phố’. Điều này nhắc nhở một tín hữu rằng nếu trong một ý nghĩa sâu xa nhất, người ấy thật sự ‘vô gia cư’ trên đất này, thì người ấy đã là công dân trên trời (xem Philíp 3:20). Và chắc chắn điều này thật ý nghĩa khi Đấng Christ không đợi đi đến cuối đường trước khi Ngài cho phép các môn đồ Ngài biết về sự kiện đầy vinh hiển này: Theo sách Lu-ca thì không lâu sau khi họ bắt đầu đi con đường dẫn đến sự vinh hiển (xem 9:51) thì Ngài ban cho họ sự bảo đảm này. Ngài phán, ‘Hãy vui mừng vượt trên mọi điều’ Thật ra, nếu một tín hữu không bảo đảm về sự cứu rỗi này, thì làm sao người ấy vui mừng luôn luôn? Tin vào sự thực hữu của thiên đàng, nhưng trải qua trên đời này mà không biết chắc mình có được vào thiên đàng hay không là một sự hành hạ chứ không phải vui mừng. Vì biết chắc tên của họ đã được ghi trên thiên đàng mà Phao-lô đã được mạnh mẽ khi ở trong tù và khích lệ những người làm công cho Đấng Christ khi đối diện với những sự bắt bớ đầy cay đắng (xem Phi-líp 1:29; 4:3).

Chúng ta nhìn lại phân đoạn đầu tiên của hoạt động 1 (9:51-56). Bị khước từ không cho vào làng và không được người Sa-ma-ri đón tiếp, khiến các sứ đồ bực bội vì đối với thời bấy giờ giống như một sự lăng mạ không thể chấp nhận. Có lẽ bây giờ, việc khám phá về quyền công dân đầy đủ của họ ở trên thiên đàng giúp họ nhìn vấn đề theo lẽ thật cân đối hơn.

*b. Vui mừng và phước hạnh vì tương giao với Con Đức Chúa Cha (10:21-24).* Trong 9:58 Chúa của chúng ta đã chỉ ra cho người sẽ làm môn đồ Ngài rằng trên đất này Con Người không có chỗ mà gối đầu. Chắc chắn điều đó cho chúng ta thấy ân điển đáng kinh ngạc về sự hi sinh của Ngài. Nhưng còn một phương diện nữa trong lãnh vực này: ngay cả khi Ngài kêu gọi con người hãy quan tâm đến tình trạng không nhà của Ngài ở trên đất, Ngài vẫn vui hưởng sự kiện vinh hiển mà bây giờ Ngài đang bày tỏ (xem 10:21), rằng Cha Ngài là Chúa của cả trời và đất, Ngài sở hữu từng phân vuông của đất và của trời và còn hơn nữa. Đấng Christ không mặc cảm gì về chuyện không nhà của Ngài. Trong Ngài cũng không hề có một chút cảm nhận gì về nản lòng hoặc xấu hổ rằng sau tất cả những sự hi sinh vô tận của Ngài, thì lâu nay những người tin theo Ngài thậm chí cũng không phải là những người khôn ngoan hoặc thông thái của thế giới này nhưng họ chỉ là những người mà có thể gọi đúng nhất là những trẻ thơ đầy tri thức. Hoàn toàn ngược lại. Ngài được đầy dẫy sự vui mừng vì trong sự tế trị của Đức Chúa Trời Ngài đã 'dấu những điều này' với những người khôn ngoan và thông thái. Không cần nói rằng Đấng Christ cũng không ban những điều này cho những người có khuynh hướng riêng biệt hoặc nhóm người quyền lực nhất trong xã hội. Ngài đang quan sát và thấy rằng sự thông biết của Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi của Ngài không phải là một trong những điều phải tiết lộ bí mật với con người nếu như người ấy đã có đủ sự thông minh khôn sáng để phân tích về điều ấy. Ví dụ như cho rằng nguyên tử và phân tử và tất cả những điều về vật lý đều thuộc mức độ tầm thường ấy. Nhưng giả dụ như chúng là những điều rất phức tạp, và giả dụ như cần phải có sự hiểu biết siêu đẳng của trí tuệ mới có thể tiếp cận với nhà thiên tài để thâm nhập vào những bí mật của nó; nhưng chỉ cần như thế là có được kết quả. Thật đúng như thế vì những điều thuộc về vật lý là thuộc về mức độ thấp. Bây giờ chúng ta di chuyển một chút lên mức độ của con người, chúng ta sẽ thấy không phải tất cả những con người khôn ngoan xuất chúng trên thế giới này chỉ cần đơn thuần dùng bộ não của họ mà có thể hiểu đầy đủ về một con người, nếu con người ấy không chịu cởi mở và bày tỏ những cảm xúc và tư tưởng của mình qua việc truyền thông. Vậy Đức Chúa Trời còn khó hiểu đối với chúng ta biết dường nào. Sự mâu nhiệm cao vời của thân vị

của Ngài, tâm trí của Ngài, tấm lòng của Ngài, sự cứu rỗi của Ngài là vô cùng cao quý và tuyệt vời mà không thể thâm nhập và hiểu thấu nhờ đem ra phân tích bởi một bộ óc khôn ngoan xuất chúng. Bằng sự chọn lựa và theo mức độ của chính Đức Chúa Trời, những lãnh vực ấy vẫn giấu kín đối với những người khôn ngoan. Mặc dầu đây là những sự mầu nhiệm mà chúng ta không thể hiểu thấu thì, điều kế tiếp đã khiến Đấng Christ đầy dẫy sự vui mừng thánh là khả năng và sự sẵn lòng bày tỏ của Đức Chúa Trời cho những trẻ thơ có trí hiểu. Một lần nữa, đây không phải là điều chỉ dành riêng cho một nhóm người: nhưng bất cứ ai, nếu người ấy muốn nhận lãnh, có thể ở vào vị trí của một trẻ thơ trước sự mầu nhiệm quá lớn lao của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, sự sẵn lòng và khả năng mặc khải chính Ngài cho những người khiêm nhường nhất là hành động mà Chúa vui mừng để thực hiện. Những con người đầy dẫy tri thức thường thấy hầu như không thể truyền thông triết lý cao siêu của họ cho những người ít hiểu biết. Nhưng đối với Chúa thì không như vậy.

Ví dụ như mười hai sứ đồ và bảy mươi môn đồ đều là những người tầm thường. Đấng Christ thừa nhận rằng họ đều là những trẻ thơ có trí hiểu, tuy nhiên, họ không chỉ nắm bắt được những điều sâu nhiệm về Đức Chúa Trời, về Con Ngài và về sự cứu rỗi, nhưng mới đây họ còn đi ra để trình bày những điều này một cách hết sức thành công cho nhiều người khác nữa.

Kể đến, Đấng Christ bày tỏ cảm nhận về sự giàu có vô hạn đang đầy dẫy tấm lòng Ngài (10:22). Là Con Trai của Đức Chúa Cha, Ngài vui hưởng sự hiểu biết độc nhất của mối quan hệ mật thiết nằm trong tấm lòng của Cha, và với sự hiểu biết độc nhất ấy, Ngài có đặc ân độc nhất để truyền thông điều này cho bất cứ ai mà Ngài muốn bày tỏ. Đây chính là sự giàu có vô hạn và của cải không thể đếm hết. Trong Ê-phê-sô 3:8, Phao Lô cảm thấy quá hạnh phúc khi suy nghĩ về việc mình được phép chia sẻ với Đấng Christ đặc ân được rao giảng cho dân Ngoại sự phong phú vô hạn của Đấng Christ. Ai là người không được phép chia sẻ? Tuy nhiên, có một người, chúng ta đều nhớ, một mắt thì chăm vào bốn phận đối với cha, và một mắt thì chăm vào gia tài của cha mà mình sẽ được thừa hưởng sau khi cha chết, xin cho được miễn trừ rao giảng về Đấng Christ cho đến khi

nào cha chết và chôn cha (xem 9:60). Cảm nhận của ông ta về những điều có giá trị trông khá kỳ quặc theo văn mạch ở đây.

Cuối cùng, (xem 10:23) Đấng Christ chúc mừng các môn đồ của Ngài vì phước hạnh vô tận mà họ đang nhận lãnh. Bây giờ Con của Đức Chúa Cha đang ở trên đất và Ngài đã sẵn sàng đi trên con đường dẫn đến sự vinh hiển tuyệt đỉnh nhất, họ đang được nghe và được nhìn thấy những điều mà các nhà tiên tri và vua chúa từ nhiều thế hệ ước ao mà không được thấy, ước ao nghe mà chẳng được nghe. Nhưng bây giờ những sự chuẩn bị từ bao thế kỷ đã đến hồi kết thúc. Nay mai Con Người Jêsus sẽ được tiếp lên trên các tầng trời trong sự vinh hiển; và một ngày kia, họ là những người đã được Ngài cứu chuộc sẽ theo Ngài bước vào sự vinh hiển tuyệt đỉnh ấy- vì tên của họ đã được ghi trên thiên đàng rồi. Đây là tất cả những điều đang bắt đầu xảy ra ngay trước mắt họ. Thật là một viễn cảnh tương lai tuyệt vời! Chăm mắt nhìn xem những điều vinh hiển này sẽ giúp họ đang khi họ “tra tay cầm cày” (9:62) để không bị xuôi theo cám dỗ mà nhìn lại phía sau những gì mình đã bỏ lại với lòng thèm muốn vì chúng đầy hấp dẫn.

*c. Hành trình trên đường phố Giê-ri-cô (10:25-27).* Các nhà giải kinh cho chúng ta biết rằng, ẩn dụ về người Sa-ma-ri nhân lành không nên được phân tích như là một ẩn dụ. Dĩ nhiên là họ nói đúng- mặc dầu sự cám dỗ để đọc câu chuyện này như là một ẩn dụ đã được minh chứng là hấp dẫn đến nỗi không cưỡng lại được của hàng bao thế hệ Cơ Đốc Nhân. Ẩn dụ này đã được xây dựng để có câu trả lời rất thực tiễn đối với câu hỏi rất thực tiễn mang tính đạo đức của luật gia người Do Thái, và đòi buộc nơi ông ta bốn phận yêu thương người lân cận như mình bằng cách cho ông ta một ví dụ rất thật về yêu người lân cận như mình có nghĩa là gì.

Luật gia này đã bắt đầu bằng cách nêu lên câu hỏi ông phải làm gì để hưởng được sự sống đời đời, và Chúa của chúng ta đã chỉ cho ông luật pháp mà ông biết rất rõ và cũng có khả năng để trích ngay: ‘Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết sức lực, hết tâm trí mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người; và yêu thương người lân cận như chính mình.’ Nhưng luật gia này muốn tự xưng công chính. Ông không muốn người ta nhìn thấy mình hỏi một câu quá đơn giản



mà chính ông và mọi người khác đã có sẵn câu giải đáp. Ông có nan đề khi xem đến phần thứ hai của điều răn này: Ông ta hỏi, 'vậy ai là người lân cận của tôi?' Dầu đây có thật sự là nan đề đối với ông hay không- thì Lu-ca vẫn nói rằng, câu hỏi đầu tiên của ông ta là được dự định để thử Ngài (xem 10:25)- nan đề mà ông bày tỏ là một nan đề thật. Chúng ta có mong đợi rằng mình sẽ đối xử với mọi người xa lạ trên cả thế giới này như người lân cận và yêu họ như chính mình không? Nếu điều này là không thể, vậy thì chúng ta phải vẽ đường giới hạn là đến đâu? Liệu chúng ta có đối xử với những tên tội phạm khét tiếng và những tên bạo chúa gian ác, những người có quan điểm dị giáo xúc phạm đến Chúa như là người lân cận và yêu thương họ, cũng như yêu thương mọi người khác như chính mình sao? Hoặc chúng ta có thể dùng nhận định thông thường của mình để hiểu ý nghĩa của chữ 'người láng giềng' trong điều răn như là người nhà, người ngoài đường phố, người trong nhà hội hoặc vươn rộng ra nữa là những quốc gia lân cận, nhưng chỉ vậy thôi sao? Liệu chúng ta có thể xem những kẻ thù của quốc gia về chính trị là người lân cận của chúng ta không?

Nan đề về mặt lý thuyết được nêu lên qua câu hỏi của luật gia không phải là câu hỏi ngờ ngẩn hoặc vô trách nhiệm; nhưng Chúa của chúng ta không trả câu hỏi ấy theo mức độ lý thuyết: Ngài trả lời bằng cách nêu lên một ví dụ điển hình. Theo như nhiều nhà chú giải Kinh Thánh đã quan sát, Ngài không trả lời trực tiếp vào câu hỏi chính xác mà luật gia đã hỏi, theo như câu hỏi sau cùng của Ngài dành cho luật gia (xem 10:36). Ngài không hỏi, Theo người nghĩ, ai sẽ là người lân cận mà ba người đó mong mình được yêu thương? Nhưng Ngài lại hỏi, theo người nghĩ, trong ba người đó, ai là người lân cận với kẻ bị cướp? Từ một quan điểm rất thực tế, thì tất cả những lời dạy dỗ mà luật gia cũng như bất cứ người nào được nghe: đó là bất cứ lúc nào chúng ta đi ngang qua một người rất cần sự giúp đỡ, ít ra chúng ta cũng phải có lòng thương xót đối với họ và giúp họ, nếu chúng ta mong rằng một ngày kia họ sẽ giúp mình khi mình cần.

Tuy nhiên, Chúa của chúng ta đã chọn những nhân vật trong câu chuyện ẩn dụ của Ngài có lòng quan tâm đầy tính toán. Người rơi vào tay bọn cướp là một người Do Thái, người đối xử tốt với

người lân cận của mình là một người Sa-mari. Ngay cả thầy tế lễ Do Thái và người Lê-vi cũng chẳng thấy áy náy khi không giúp đỡ cho một người cũng là Do Thái, thì thật đáng kinh ngạc khi một người Sa-ma-ri lại giúp đỡ ông ta. Sự thù địch về tôn giáo và chủng tộc giữa người Do Thái và người Sa-ma-ri quá lớn, đến nỗi một người Do Thái nửa sống nửa chết chứ đừng nói chi là còn sống và sống khỏe, và người Sa-ma-ri nào cho ông ta sự giúp đỡ lớn bằng một chén nước lã, người Do Thái ấy có thể khước từ bằng những lời phẫn nộ cay độc. Tuy nhiên, người Sa-ma-ri đã quá thương xót đến nỗi vượt thắng sự thù địch về tôn giáo và đối xử với người Do thái với lòng rộng lượng hiếm có.

Bài học đạo đức ở đây rất hiển nhiên: tuy nhiên, sẽ rất ích lợi nếu chúng ta so sánh bài học được dạy ở đây với bài học được dạy ở 10:10-12. Bảy mươi môn đồ được dạy rằng nếu người ta chống đối họ và sứ điệp của họ thì họ phải phủi sạch bụi đất của thành dấn vào chân để nghịch lại với họ, và cảnh báo họ bằng những từ ngữ nghiêm trọng nhất rằng họ đang tự đưa họ vào cơn đoán xét của Đức Chúa Trời. Họ không được chọn quan điểm rằng vì những khác biệt về niềm tin trong tôn giáo ở mức độ này không ảnh hưởng gì cả miễn sao chúng tôi vẫn yêu mến lẫn nhau. Họ phải giảng dạy rằng chống đối Chúa Jêsus và sứ điệp phúc âm và những người rao giảng phúc âm sẽ dẫn đến tai họa đời đời. Nhưng bây giờ, câu chuyện ẩn dụ về người Sa-ma-ri nhân lành đã trình bày mặt kia của câu chuyện. Giả sử một Cơ Đốc Nhân đi ngang qua một người thù địch nhất với anh ta về tôn giáo, đó là người đã chống đối anh và phúc âm của anh và thậm chí đã bắt bớ anh, thậm chí anh đi ngang qua lúc ông ta đang cần được giúp đỡ, anh ta phải vượt thắng tất cả những sự tức giận tự nhiên, phải hành xử như mình là người lân cận của kẻ thù mình, và yêu thương họ như chính mình.

Trong ánh sáng của điều này, thật khó mà hiểu được trong nhiều thế kỷ trước, những người xưng mình là Cơ Đốc Nhân tưởng tượng như họ đang làm tấn tới đạo tin lành bằng cách đem quân đi đánh người Thổ Nhĩ Kỳ; và cũng khó hiểu y như vậy, tại sao trong thời đại này người ta có thể tự thuyết phục mình rằng thật đúng đắn khi bênh vực cho đức tin của mình hoặc quảng bá phúc âm bằng

cách dùng bom đạn.

Vì thế, đây là bài học đạo đức mà câu chuyện ẩn dụ này muốn dạy dỗ chúng ta; và có lẽ bây giờ chúng ta nên rời câu chuyện ẩn dụ nếu không chúng ta sẽ kéo dài và rơi vào cách phân tích mà chúng ta đã chống đối trước đây. Tuy vậy, chắc chắn chúng ta cũng được phép hoàn tất về một câu hỏi thực tế rất đơn giản. Câu hỏi như thế này: Nếu đó là cách Đấng Christ dạy chúng ta phải yêu người lân cận như mình, thì Ngài đã áp dụng điều Ngài dạy ra sao? Tất cả nhân loại chúng ta đều sa ngã dưới một thể lực mà Đấng Christ gọi là 'rắn' và 'bò cạp', và thậm chí còn tệ hơn, đó là ở dưới quyền lực của chính kẻ thù (xem 10:19). Trong hoàn cảnh đáng thương đó, chúng ta không thể đòi hỏi gì nơi Con Đức Chúa Trời trước khi nhập thể: chúng ta không phải là người lân cận của Ngài mà Ngài cũng không phải là người lân cận của chúng ta. Nhưng Ngài đã chọn con đường nhập thể để đến tận nơi chúng ta đang ở; và bất chấp yếu tố nhân loại treo Ngài trên cây thập tự, Ngài cứu chúng ta bằng chính mạng của Ngài, và đã trả trước phí tổn để hoàn tất sự mua chuộc chúng ta và làm cho chúng ta được hoàn hảo bởi sự vinh hiển cực kỳ. Còn nữa, khi Ngài trở lại, Ngài sẽ bồi hoàn cách đầy trân trọng cho những ai, giống như bảy mươi môn đồ, các sứ đồ và mười hai môn đồ của Ngài về bất cứ cách nào mà họ đã hỗ trợ Ngài trong trọng trách của Ngài.

**Cân Nhắc Phải Lẽ Những điều cần thiết,  
ưu tiên và cân đối trong đời sống**

**Nghiên Cứu Sơ Lược**

**Các Hoạt Động**

1. Quyết định về những tối cần thiết trong đời sống  
(10:38-11:28)
2. Nhìn xem Lời Chúa trong sự cân đối (11:29-12:12)
3. Nhìn xem của cải theo quan điểm đúng đắn (12:13-53)
4. Đánh giá thời gian và thời điểm cách đúng đắn  
(12:54-13:21)

---

## *Giai Đoạn 2*

---

# **Cân nhắc phải lẽ về những điều cần thiết, ưu tiên và cân đối trong đời sống**

### **Nghiên cứu Sơ Lược**

Chúng ta nhớ lại, trong 10:17, bảy mươi người trở về và tường trình với Đấng Christ những gì họ đã kinh nghiệm trong hành trình đi khắp đất nước để chuẩn bị dân chúng cho việc Ngài đến. Phần tường trình đó đã xong, và Lu-ca tóm tắt lời tường thuật về hành trình của Đấng Christ với một lời lưu ý rằng, 'Khi cùng đi đường với các môn đồ, Đức Chúa Jêsus ghé vào một làng kia. Có một phụ nữ tên Ma-thê tiếp đón Ngài vào nhà mình' (10:38). Sau câu này thì không còn đề cập đến hành trình nào mãi cho đến 13:22, là câu hàm ý rằng giai đoạn 2 có nghĩa là nói rộng từ 10:38-13:21.

Như thế cho chúng ta thấy một giai đoạn dài mà chỉ bao gồm hai phép lạ, còn hầu hết là những bài dạy dài, phần đối thoại và tranh luận. Ngoài việc đề cập đến một ngôi làng, nhưng không nói tên trong 10:38, thì không còn làng nào khác hoặc thị trấn hay thành thị được đề cập đến trong hành trình của Đấng Christ. Có lẽ, việc chọn lọc tư liệu của Lu-ca được dự định để làm lời dạy mẫu điển hình, phần thảo luận của Đấng Christ và những vấn đề gây tranh luận với những lời công bố của Ngài tại tất cả những nơi mà Ngài thăm viếng. Thật ra, những gì đang xảy ra đã được trình bày rõ ràng ngay từ đầu của giai đoạn này (xem 11:20): qua sự hiện diện của Đấng Christ, Lời của Ngài cùng với những công việc siêu nhiên của Ngài, vương quốc của Đức Chúa Trời đã được đem đến giữa vòng những con người trong mỗi ngôi làng mà Ngài đã đi qua; và họ phải quyết định họ sẽ có thái độ gì với chính Ngài và Lời của Ngài.

Không có chỗ nào trong giai đoạn này mà Ngài dùng nhiều lời để công bố Ngài là Đấng Mê-si-a; nhưng bất cứ nơi đâu thì lời công

bố của Ngài cũng mang tính trọng đại và đầy ý nghĩa.

Ví dụ như, trong 11:31-32, Ngài cảnh báo đoàn dân đông rằng sứ mạng của Ngài đối với họ còn nghiêm trọng hơn là sứ mạng của Giô-na đối với thành Ni-ni-ve và đáp ứng của họ đối với Ngài sẽ quyết định cho bản án dành cho họ trong ngày đoán xét. Tương tự như vậy, Ngài chỉ ra cho các môn đồ rằng lời xưng nhận hoặc chối từ Ngài của một người trên đất này sẽ khẳng định là họ sẽ xưng nhận hoặc chối từ Đấng ấy trên thiên đàng. Ngài còn nói thêm với các môn đồ trong 12:35-48 rằng khi Ngài trở lại- chắc chắn Ngài đang nói đến sự trở lại lần thứ hai- Ngài sẽ bảo họ khai trình cho Ngài về tất cả những công việc mà họ đã thực hiện khi Ngài vắng mặt. Đầy tớ trung tín sẽ được ban thưởng; nhưng nếu có ai xưng mình là đầy tớ Ngài nhưng lại không trung tín theo như Ngài đã ghi nhận, giả tạo và thật ra là chưa tin nhận Ngài, thì người ấy phải đón nhận hậu quả vô cùng kinh khủng.

Thế thì, những lời công bố của Đấng Christ là rất nghiêm trọng, tuy nhiên, thì giờ Ngài dành cho bất cứ ngôi làng nào hoặc thị trấn nào để trình bày những lời công bố ấy và minh chứng về lẽ thật thường là rất ngắn gọn: nói cho cùng, Ngài đang trong một cuộc hành trình, nên Ngài chỉ đi ngang những ngôi làng và thị trấn ấy trong chuyến đi của Ngài từ đất đến sự vinh hiển. Vì dân chúng ở đó có quá nhiều sự kiện để quyết định nhưng lại có quá ít thì giờ để thực hiện quyết định ấy, và họ phải nhớ rằng phán quyết sau cùng của sự đoán xét sẽ treo lơ lửng trên quyết định của họ. Đúng vậy, bằng chứng cho thấy rằng giữa khoảng thời gian Ngài về trời với khi Ngài đến lần thứ hai sẽ có một giai đoạn đủ dài để họ suy ngẫm, để ăn năn, để tin cậy và phục vụ. Ví dụ, trong 12:11-12, Đấng Christ nói về một thời kỳ khi các môn đồ của Ngài bị đem ra trước tòa án và Đức Thánh Linh sẽ dùng những dịp này như là những cơ hội để làm chứng về Đấng Christ. Như chúng ta biết, điều đó không xảy ra khi Ngài còn ở trên đất, nhưng chỉ sau khi Ngài đã sống lại và thăng thiên. Và thêm sự kiện Ngài hứa với họ rằng trong những lúc có cần, Đức Thánh Linh (chứ không phải Chúa Giê sus) sẽ dạy họ điều phải nói, điều đó càng chứng tỏ rõ ràng hơn rằng Ngài đang chỉ về khoảng thời gian giữa lúc Ngài thăng thiên và lúc Ngài trở lại. Một lần nữa, trong 12:35-48,

như chúng ta đã thấy, Chúa của chúng ta không những tỏ ra rằng sẽ có một khoảng thời gian giữa lúc Ngài lìa khỏi họ và Ngài trở lại mà các môn đồ của Ngài phải sống như những quản gia khi Chúa của họ vắng mặt, nhưng Ngài cho phép khoảng thời gian đó dài đủ để một số đầy tớ có ấn tượng rằng Chúa mình đến trễ (xem 12:45). Bất chấp điều này, nhiều lần tính khẩn cấp của bối cảnh ấy đã được nhấn mạnh. Trong 12:20 chúng ta được nhắc nhở rằng sự sống của một người chỉ là Chúa cho người ấy mượn, do đó có thể bị đòi lại ‘ngay chính đêm nay’. Trong 11:49-52, Đấng Christ công bố rằng huyết của tất cả các tiên tri đã đổ ra từ thời lập nền trái đất sẽ bị ‘đòi lại nơi thế hệ này’; và trong 13:6-9 Ngài nói thêm, bằng ngôn ngữ của chuyện ngụ ngôn, rằng thế hệ này đang sống bằng thời gian mà họ vay mượn: thật ra câu này đã được Ngài dạy dỗ, và đang khi việc thi hành án được hoãn lại, thì án vẫn phải thực hiện trừ khi nào dân tộc ấy nhanh chóng có dấu hiệu ăn năn thật. Trong 12:40,46 đầy tớ của Đấng Christ được cảnh báo rằng ngày Chúa đến lần thứ hai sẽ xảy ra đang lúc người ta ít mong đợi nhất; và 12:57-59 một hình ảnh ẩn dụ rõ ràng không chỉ cảnh báo những người đồng thời với Đấng Christ mà còn cảnh báo tất cả chúng ta, rằng chúng ta đang trong một cuộc hành trình mà chẳng bao lâu sẽ đưa chúng ta đến trước Tòa Án của Đấng Tối Cao, trừ khi trong khoảng thời gian nhanh chóng được thu nhỏ lại từ bây giờ cho đến lúc hành trình kết thúc, chúng ta sẽ thực hiện những bước giải quyết vấn đề trước khi bước vào phiên tòa. Nói cách khác, trong giai đoạn này, tính khẩn cấp về hoàn cảnh của con người được bày tỏ qua những trường hợp khác nhau: sự chết đến quá bất ngờ vì những nguyên nhân rất ‘tự nhiên’ (xem 12:20), vì sự tàn bạo hoặc vì tai họa (xem 13:1-5), hoặc có sự can thiệp thiên thượng từ cơn đoán xét của Đức Chúa Trời trên một thế hệ gian ác quá mức (xem 11:49-51), hoặc Đấng Christ trở lại bất ngờ (xem 12:40, 46), mặc dầu sự đau đớn của một cuộc đời thậm chí sống thọ nhất thì vẫn là rất ngắn ngủi so với sự chịu đựng của những hậu quả đời đời (xem 12:59).

Kể đến, những lời công bố của Đấng Christ là rất nghiêm trọng và khẩn cấp; nhưng giai đoạn 2 cũng cho chúng ta thấy một chi tiết mà những người đồng thời với Ngài đã xét đoán Ngài và lời công bố của Ngài. Theo cách rất tự nhiên, cũng giống như ngày nay, con

người xét đoán Ngài dựa vào ánh sáng của những tiêu chuẩn đã được hình thành trước ở trong họ, họ cho rằng điều gì là quan trọng nhất trong đời sống này, quan điểm của họ về chơi đúng luật và sự chính trực, những ý tưởng của họ về tôn giáo và những ý kiến của họ về nghiệp dư hoặc chuyên nghiệp theo như điều Kinh Thánh dạy. Nếu Đấng Christ phù hợp hơn với những quan điểm đã định trước của họ về những vấn đề này, thì chắc chắn sẽ có nhiều người chấp nhận những lời công bố của Ngài. Như chúng ta biết, trong giai đoạn này, Đấng Christ phải thường chỉ ra những điều họ cho là đúng, những tiêu chuẩn của họ, những giá trị, những ý niệm là không phù hợp và sai trật. Do đó, khi dân chúng khám phá ra rằng Đấng Christ dạy dỗ và đại diện cho điều gì, thì phản ứng ban đầu của họ thường là kinh ngạc (xem 11:14,38) và thỉnh thoảng là tức giận và cảm thấy bị xúc phạm (xem 11:45, 53-54; 13:14).

Ví dụ như trong 10:38-42, một người phụ nữ cảm thấy bị xúc phạm vì cho rằng em mình đã đối xử với mình không công bằng, đến nhờ Chúa thuyết phục em gái mình và đòi hỏi chơi đúng luật. Câu trả lời của Đấng Christ lại rất ngược lại với những gì cô ta mong đợi. Trong 12:13-15 thì có một người nam, cảm thấy mình bị lừa dối trong cách mà người anh chia gia tài của cha, nên đến kêu nài Đấng Christ thuyết phục anh mình và khẳng định rằng sự công chính phải được thực hiện. Đấng Christ từ chối thực hiện bất cứ công việc nào tương tự và quy cho người kêu nài công chính là một hình thức của tham lam.

Trong 11:37 một người Pha-ri-si mời Chúa ăn bữa tối và người ấy bị sốc vì Ngài hoàn toàn không quan tâm đến những tuân thủ về tôn giáo mà đối với người Pha-ri-si là những yếu tố thiết yếu của sự thánh khiết. Khi Đấng Christ tiếp tục chỉ ra rằng những sự hiểu biết của ông về tôn giáo, sự xét đoán về đạo đức, động cơ, nguyên tắc giải nghĩa và áp dụng Kinh Thánh đều là không cân đối trầm trọng, mất cân xứng, sai trật và giả hình, chẳng ngạc nhiên gì, ông và những nhân vật tôn giáo của ông đều vô cùng tức giận (xem 11:53-54).

Trong giai đoạn này, Ngài cũng kêu gọi một sự đánh giá triết để về những giá trị của con người, sự cân xứng, sự ưu tiên và hoà hảo, và đương nhiên lời kêu gọi của Ngài gặp phải những sự đáp



ứng khác nhau. Theo 11:29 thì thế hệ của những người đồng thời với Đấng Christ là gian ác đặc biệt; nhưng ngược lại trong 13:17 thì ghi lại đoàn dân đông thì vui mừng về mọi việc kỳ diệu mà Đấng Christ đã làm. Mặc dầu Ma-thê là người hết lòng theo Chúa, đến gần và hỏi Chúa rằng liệu Ngài có thật sự quan tâm đến việc cư xử công bằng hay không (xem 10:40); dĩ nhiên cô ta chấp nhận sự sửa sai của Chúa. Nhưng những người khác thì không như thế: họ sẵn sàng để phủ nhận việc Ngài chữa lành người câm và cho rằng đó là công việc của chính ma quỷ (11:15-23).

Với điều này, chúng ta đối diện với một trong những chủ đề chính của giai đoạn này: Không dưới bốn phân đoạn Kinh Thánh giải quyết về những lãnh vực khác nhau của sự thù địch căng thẳng khi Đấng Christ trình bày về chính Ngài và những lời công bố của Ngài. Trong 11:14-28, như chúng ta vừa thấy, một số người không thể phủ nhận rằng quyền năng của Đấng Christ là rất siêu nhiên, nhưng họ đã cương quyết không chịu thừa nhận rằng đó là quyền năng của Đức Chúa Trời, mà cứ cho rằng Đấng Christ liên hệ với qua quỷ, Đấng Christ xem những lời buộc tội của họ là đủ nghiêm trọng để tranh cãi gay gắt và hùng hồn chống lại quan điểm ấy. Trong 11:53-12:12, những thầy thông giáo và người Pha-ri-si bắt đầu chống đối Ngài dữ dội, họ gài bẫy để bắt bẻ từng lời nói của Ngài, Chúa Jêsus phải cảnh báo các môn đồ của Ngài rằng sự bắt bớ này sẽ ngày càng gia tăng đến nỗi họ sẽ bị đánh đập tại các tòa án và thậm chí bị tử hình. Trong 12:49-53 Đấng Christ bắt đầu tấn công, vì thế Ngài bắt đầu phán, công bố rằng Ngài đến để ném lửa xuống đất, không phải để đem hòa bình, nhưng đến để đem sự phân rẽ; rồi Ngài tiếp tục minh chứng rằng lửa mà Ngài đã đốt cháy lên không là gì so với tai họa sẽ theo sau sự chết và sự phục sinh của Ngài. Trong 13:10-30, có một sự căng thẳng giữa Đấng Christ và người cai nhà hội, trong câu chuyện ấy, người cai nhà hội phê phán Đấng Christ vì đã giải cứu cho người đàn bà bị còng lưng trong ngày Sa-bát, Đấng Christ vạch trần ông là kẻ giả hình trước mặt cả hội chúng và phơi bày chỗ đứng của ông là cùng phe với Sa-tan trong cuộc xung đột này. Đương nhiên hành trình của Đấng Christ đi ngang qua Pa-les-tin để đến sự vinh hiển không chỉ là những con đường đầy chống đối, thậm chí cũng không phải là sự đón tiếp đầy nghi lễ.

Vậy, nếu đây là những chủ đề chính được lặp lại xuyên suốt giai đoạn hai, câu hỏi được đặt ra là chúng ta có muốn đọc nội dung của giai đoạn này như một sự nối tiếp độc lập hoặc ít nhiều không liên quan đến mạch văn, hoặc như một thể thống nhất không chia rẽ hoặc như một loạt những chuyển biến của ý tưởng mà mỗi ý tưởng tập trung phần lớn vào vài khía cạnh của những chủ đề chung hay không. Đến đây, chúng ta có thể cho phép mình lần đầu tiên đi theo sự dẫn dắt của bốn phân đoạn đầy sự chống đối, như chúng ta có thể gọi theo điều chúng ta vừa khảo sát. Đầu tiên chúng ta nên lưu ý rằng phân đoạn thứ tư không chỉ là phân đoạn cuối cùng mà còn là cao trào của sự chống đối. Khi Đấng Christ bắt bỏ sự chỉ trích của quan cai nhà hội, chúng ta được biết trong 13:17 rằng “tất cả những kẻ chống đối Ngài đều hổ thẹn, và cả dân chúng vui mừng về mọi việc diệu kỳ mà Ngài đã làm.” Quang cảnh chiến thắng này được nhấn mạnh hơn nữa trong hai phân đoạn tiếp theo mô tả tiến trình của Vương quốc Đức Chúa Trời: một đoạn nói về một người nam kia gieo một hạt cải mà sau này lớn lên đến nỗi chim trời có thể làm tổ trên cành; một đoạn nói về một người nữ kia trộn một ít men với ba đấu bột cho đến khi cả thùng nhồi bột đều dậy men (xem 13:18-21). Người ta có thể hiểu một cách dễ dàng tại sao Lu-ca nên kết thúc câu chuyện bằng những dòng thắng lợi này.

Tuy vậy, tiếp đó chúng ta nên để ý phân đoạn ‘chống đối’ đầu tiên (xem 11:14-28) giống một cách nổi bật với phân đoạn ‘chống đối’ cuối cùng này cả về nội dung lẫn hình thức. Cả hai trường hợp đều liên quan đến phép lạ, và cả hai phép lạ đều liên quan đến việc một người được giải phóng khỏi tà linh. Trong cả hai sự kiện Đấng Christ đều bị chỉ trích và cả hai sự thắng lợi của Ngài trong việc bắt bỏ sự chỉ trích đều liên quan đến những tranh luận về việc Ngài có liên quan đến thế lực của Satan và tà thuật. Hơn thế nữa, cũng giống sự tranh luận chính trong phân đoạn thứ tư được tăng cường bởi hai câu chuyện cuối cùng: một là về một người nam (tiếng Hi Lạp là *anthropos* - để chỉ con người nói chung chứ không phải là một người đàn ông) và câu chuyện kia về một người nữ; vậy trong phân đoạn thứ nhất sự tranh luận chính (xem 11:14-23) bắt đầu bằng câu chuyện của một người nam (tiếng Hi Lạp cũng là “*anthropos*”) mà tà linh đã ra khỏi, nhưng sau đó đã trở lại với bảy tà linh khác tệ hơn,

giống như những con chim trên cây cải, đến ở trong người đàn ông khốn khổ (xem 11:24-26).

Thứ hai là câu chuyện của người nữ muốn khen ngợi Đấng Christ vì sự đắc thắng của Ngài trước những lời chỉ trích, nhưng thật không may bà đã làm điều đó một cách gián tiếp qua việc khen mẹ Ngài nên bị quở trách. Rõ ràng Lu-ca muốn chúng ta thấy những điểm tương đồng - và những khác biệt - giữa hai câu chuyện và phản ánh ý nghĩa của chúng một cách cẩn thận. Nếu thật như thế thì sẽ có một giả thuyết hợp lý rằng, sự đắc thắng trong câu chuyện 'chống đối' đầu tiên là để tạo ra cao trào nhỏ trong mạch văn, dự đoán trước một cao trào chính của câu chuyện 'chống đối' thứ tư. Cũng tương tự với hai câu chuyện 'chống đối' kia. Vậy chúng ta hãy vẽ ra một bảng nội dung cho giai đoạn hai dựa trên căn bản của giả thuyết này và xem nó ra sao. Chúng ta không thể mong đợi một giai đoạn có được sự dạy dỗ lớn với rất ít biến cố, để chỉ ra sự đối xứng rõ ràng như những giai đoạn khác đã có; nhưng đó chỉ là vấn đề nhỏ. Bảng nội dung ít nhất giúp chúng ta thấy sơ qua toàn bộ giai đoạn này và thấy những điểm kết nối của tư tưởng, nếu có, giữa những phần khác nhau của giai đoạn.

## Các Hoạt Động

### 1. Quyết định những điều tối quan trọng của đời sống: 10:38-11:28

*a. Mâu thuẫn trong gia đình 10:38-42:* Câu chuyện đầu tiên trong hoạt động 1 rất vắn tắt và đi thẳng vào điểm chính: thừa nhận rằng trong tất cả bốn phạm vi và nhu cầu của cuộc sống, có một nhu cầu tối thượng phải luôn được đặt lên hàng đầu khi hoàn cảnh bắt buộc chúng ta lựa chọn, thì phải chọn ưu tiên này mà loại trừ tất cả những điều khác. Nhu cầu tối thượng đó là ngồi dưới chân Chúa và nghe lời Ngài (xem 10:39-42). Phải chọn như thế. Nếu thật có một Đấng Sáng Thế và Đấng ấy sẵn sàng thăm viếng và nói chuyện với chúng ta, y như Ngài đến thăm Ma-thê và Ma-ri, thì rõ ràng nhiệm vụ đầu tiên của chúng ta là những tạo vật của Ngài, và điều vui mừng nhất, phải là ngồi dưới chân Ngài và lắng nghe lời Ngài.

Nhưng rất dễ để chúng ta bị lạc hướng khỏi điều ưu tiên này mà để cho những nhu cầu khác tràn đến chiếm lấy ưu tiên hàng đầu. Không cần phải một người vô thần hay một tội nhân bất cần mới vi phạm điều này. Ma-thê không phải là kẻ thù của Chúa. Hơn thế nữa, cô là một trong những môn đồ tận hiến nhất và thuộc linh sâu sắc nhất (xem Giăng 11). Khi Đấng Christ đến trong làng của cô, chính cô là người tiếp đón Ngài vào nhà mình, và cũng chính tình yêu và sự tận hiến với Chúa đã khiến cô vướng vào vô số phiền não (xem 10:40-41) để hết sức tiếp đãi Ngài cho thật xứng đáng.

Bao gồm nào là chuẩn bị phòng ngủ cho khách, mua sắm thức ăn, nấu nướng, và phục vụ bữa ăn, dọn rửa. Cô có rất ít thời gian để ngồi và lắng nghe lời Chúa. Không có nghĩa là cô không thích được nghe Lời Chúa: có lẽ cô cũng thích như Ma-ri vậy; nhưng cô có những suy nghĩ rất rõ ràng và mạnh mẽ về những gì cần làm khi tiếp đón một vị khách quan trọng như Chúa. Nếu được hỏi, chắc chắn lời giải thích không chút nghi ngờ của cô sẽ là tình yêu thật thì phải thực tế, rằng công việc phải được đặt lên trên sự tận hưởng. Chính điều này khiến cô hết sức bực bội khi Ma-ri rời bỏ công việc, đến ngồi dưới chân Chúa mà nghe lời Ngài. Điều đó có nghĩa là Ma-ri đã nhận hết mọi đặc quyền, Ma-thê thì nhận hết mọi công việc, cả phần của cô và phần của Ma-ri nữa. Theo cách nghĩ của Ma-thê, Ma-ri đã ích kỷ, vô phép tắc và không công bằng.

Vấn đề là Đấng Christ không phản ứng gì cả; thay vào đó, Ma-thê thấy dường như Ngài đang khuyến khích cho thái độ sai trật của Ma-ri bằng cách để cho nàng ngồi đó và nghe Ngài nói. Thật ra, một người có thể cho rằng, Ngài có thái độ ấy để Ma-thê có thể nghiệm ra được mình có sai trật gì chẳng. Nhưng thay vì tự xem lại danh sách của những ưu tiên hàng đầu, cô đến với Chúa và gợi ý rằng Ngài đã thiếu trách nhiệm khi khuyến khích Ma-ri hành động cách bất công. Dĩ nhiên là Ma-thê đã sai, và đó là điều thật đáng buồn và mỉa mai, đến nỗi tình yêu và sự tận hiến của cô dành cho Chúa đã khiến cô có cái nhìn sai trật về những nhu cầu ưu tiên đến độ cô nghi ngờ sự công bằng của chính Đấng mà cô cảm thấy phải phục vụ cách chu đáo.

Đấng Christ đã nhẹ nhàng nhưng kiên quyết chỉnh sửa cô.

Không có nghĩa là Ngài đánh giá thấp tầm quan trọng của sự phục vụ nói chung hay của Ma-thê nói riêng. Về sau trong phần này (xem 12:35-38, 42-44) chúng ta sẽ thấy Ngài đòi hỏi những đầy tớ Ngài sự sẵn sàng phục vụ trong mọi lúc, trung tín công bằng trong phục vụ, và hơn thế nữa Ngài hứa khi trở lại sẽ ban thưởng cho những đầy tớ trung tín bằng cách “buộc áo Ngài, cho họ ngồi vào bàn và Ngài phục vụ họ”. Nhưng khi Ngài thăm nhà Ma-thê, Ngài đang trong một hành trình (xem 10:38). Thời gian Ngài có với hai chị em rất giới hạn, và khi Ngài ra đi, sẽ lâu lắm Ngài mới trở lại.

Câu hỏi đặt ra là liệu họ có chịu giảm thiểu công việc xuống tới mức ít nhất, tự hài lòng với một vài món ăn và bữa cơm đơn giản, dành cho Chúa tối đa thời gian để trò chuyện và thông công với họ, hay Ma-thê sẽ khăng khăng với những bữa ăn hoàn hảo, phong phú đòi hỏi sự chuẩn bị, khiến cô sẽ còn lại rất ít thời gian để ngồi và nghe lời Chúa. Trong những trường hợp đó, không có nghi ngờ gì về điều Đấng Christ muốn, Ngài sẽ muốn được chuyện trò với Ma-thê hơn là sự phục vụ của cô, vì Ngài thấy cô cần nghe Lời Chúa hơn là phục vụ Ngài. Nhưng Ma-thê lại có suy nghĩ khác với Đấng Christ, và bây giờ thì chúng ta thấy được, đó là cách nghĩ sai. Cô có ý tốt, yêu Chúa, cô nghĩ rằng mình đang phục vụ Ngài, nhưng cảm nhận của cô về việc cần làm cho hoàn hảo những trách nhiệm, đã tước mất của Chúa những gì Ngài mong đợi và tước mất của cô những gì thật sự cần thiết. Đó chính là điều cô đã suy nghĩ và làm, vì trước hết cô đã không đến ngồi dưới chân Chúa, và lắng nghe Ngài đủ, để hiểu điều Ngài cho là tối quan trọng.

Câu chuyện có một bài học rõ ràng cho chúng ta. Chúng ta cũng đang trong một cuộc hành trình. Cuộc sống rất ngắn ngủi. Chúng ta không thể làm hết mọi việc: vì chúng ta không có đủ thời gian. Vì vậy, giống như Ma-ri (xem 10:42), chúng ta cần chọn lựa và hãy chọn lựa kỹ lưỡng. Những công việc trong cuộc sống sẽ không tự phân loại và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Nếu chúng ta không tự đòi buộc một cách có ý thức việc “ngồi dưới chân Chúa và nghe lời Ngài” là ưu tiên hàng đầu, hàng ngàn lẻ một công việc và trách nhiệm đều sẽ trở thành những việc cần được ưu tiên, chúng sẽ ngược đãi thời gian và sức lực của chúng ta và cướp mất “phần tốt nhất” của cuộc

**Giai Đoạn Hai Ngài Đì 10:38-13:21**

**1 Xác định những nhu cầu tối quan trọng của cuộc sống**  
10:38-11:28

**1 Mâu thuẫn trong gia đình:**  
một người nữ kêu nại Chúa bảo em gái phải công bằng mà giúp có trong công việc.

*Chúa Jesus phán:*

Ngài từ chối lấy đi phần tốt mà Ma-ri đã chọn. Ma-thê lo lắng chuẩn bị nhiều thứ, nhưng đã bỏ lỡ một phần cần thiết nhất.

**2 Những bài học về sự cầu nguyện** 11:1-13

*a. Kiểu mẫu cầu nguyện để nước Cha được đến*

"... Nước Cha được đến ...

Xin cho chúng con bánh mỗi ngày ...

Xin tha tội lỗi cho chúng con, để chúng con cũng tha thứ kẻ phạm tội nghịch cùng chúng con ..."

*b. Tính khẩn cấp của lời cầu*

**2 Hiểu biết lời Chúa cách căn xúng** 11:29-12:12

**1 Dân chúng tìm kiếm một dấu lạ** nhưng không có dấu lạ nào được ban cho trừ dấu lạ của Giô-na 11:29-36.

*Những câu hỏi về bằng chứng*

Tại ngày phán xét thái độ của Nữ Hoàng Nam Phương và dân Ni-ni-ve đối với những bằng chứng đã được ban cho họ sẽ nghịch lại với "thế hệ này" và làm cho vững sự đĩnh tội họ.

**2 Khôn cho những người Pha-ri-si và thầy dạy luật** 11:37-52

*a. Tỉ lệ sai trật và mục tiêu trong cách thực hành tín ngưỡng:*

"... các người làm sạch bề ngoài chén đĩa nhưng bên trong các người thì đầy dẫy lòng tham lam và gian ác ... các người nộp một phần mười bạc hà, hồi hương nhưng lãng quên công lý và lòng kính mến Đức Chúa Trời."

**3. Quan điểm đúng đắn về tài sản** 12:13-53

**1 Mâu thuẫn trong gia đình:**  
Một người đàn ông đến kêu nại Chúa xin anh của ông chia gia tài cách công bằng 12:13-21.

*Phản ứng của Chúa*

Ngài từ chối đóng vai quan tòa và người chia của, mà kể về một người giàu ngu dại chuẩn bị thầu trữ cho rất nhiều năm mà quên rằng cuộc sống của ông có thể bị đòi lại ngay chính đêm đó.

**2 Phước hạnh trên những đấng tở thật** 12:22-48

*a. Tỉ lệ đúng, sai và mục đích đối với vật chất*

"... sự sống hơn thức ăn, thân thể hơn đồ mặc ... các con là quý giá hơn loài chim, sống lâu hơn hoa cỏ ... đừng tìm kiếm thức ăn và uống ... hãy tìm kiếm vương quốc Chúa ..."

**4 Đánh giá thời gian và thời kỳ đúng cách** 12:54-13:21

**1 Dân chúng và các dấu lạ:** họ có thể giải thích thời tiết - dấu hiệu nhưng không thể giải thích "thời kỳ này" 12:54-59.

Hãy tự xét đoán mình!

*Tốt hơn là hãy tự xét đoán chính mình và hòa giải với kẻ chống nghịch ngoài tòa án hơn là đến trước quan tòa, bị thua kiện và bị án tù dài hạn.*

**2 Bài học về sự ăn năn** 13:1-9

*a. Giải thích sai trật về sự cai trị thiên thượng*

"... các con nghĩ rằng những người này là tội nhân và mang nợ nhiều hơn những người khác bởi vì họ chịu khổ vì những sự tàn ác và tai họa ư? Không, ... trừ phi con ăn năn, nếu không tất cả sẽ hư mất ..."

*nguyện*

Giống như một người kia đi đến nhà bạn mình vào giữa khuya xin bánh, chúng ta phải xin, tìm kiếm, gõ cửa, bới vi ai... tìm sẽ gặp.. "Cha các con sẽ ban Đấng Thánh Linh cho những ai xin Ngài."

**3 Sự chống đối bị đẩy lùi:**

Chúa Jêsus đỗi quý cảm và đã bị tố cáo là thực hiện bởi quyền lực Satan 11:14-28.

*Chúa trả lời những người phê phán mình.*

Satan không bị chia rẽ. Đấng Christ mạnh hơn đã thắng được kẻ mạnh sức và giải phóng nạn nhân của hắn.

*Vị dự cảnh báo về người đàn ông mà quý đã trở lại cùng bảy quý khác.*

*Một người nữ ca tụng mẹ Ngài, và được chính sĩa. Phước thay cho những người nghe và làm theo lời Chúa.*

*b. Các nguyên tắc trong trách nhiệm giảng dạy lời Chúa*

"... các người chất cho người ta gánh nặng ... còn chính mình thì không động đến đầu ngón tay ... cha các người giết các tiên tri ... còn các người tàn thành những gì họ làm ... thể nên huyết của các tiên tri sẽ bị đổ lại trong thế hệ này ... Các người lấy mất chìa khóa của tri thức ..."

**3 Vượt qua nỗi sợ bị chống đối:**

Đấng Christ hướng dẫn các môn đồ Ngài xử sự như thế nào khi họ bị bắt bớ và bị đem đến trước tòa 11:53-12:12.

.... Những người Pha-ri-si và thầy dạy luật bắt đầu chống đối Ngài dữ dội và vặn hỏi Ngài đủ điều, gài bẫy để bắt bẻ từng lời nói của Ngài ...

*b. Nguyên tắc quản lý của Cơ Đốc Nhân*

"... nếu một đấng tử đánh những người cùng làm việc với mình, ăn uống no say, chủ ... sẽ đến ... và chặt người làm hai ... người đấng tử biết ý chủ mình và không làm theo ... sẽ bị đánh nhiều roi ... kẻ không biết ý chủ ... bị đánh ít hơn. Đối với người được ban cho nhiều thì bị đòi buộc nhiều ..."

**3 Quở trách kẻ chống đối**

Đấng Christ nói cho môn đồ biết mục đích Ngài đến 12:49-53.  
"... Ta đến để đem lửa trên đất ... không phải đem sự bình an mà là sự chia rẽ ..."

*b. Tình khẩn cấp của sự ăn năn*

Trong ba năm người chủ vườn đã đến tìm trái từ cây và mà không tìm được trái nào. Cây đó đã được gia hạn thêm một năm nữa để sanh trái: nếu không, nó sẽ bị chặt bỏ.

**3 Đắc thắng sự chống đối:**

Đấng Christ giải cứu một người nữ khỏi linh bệnh tật và Ngài bị chỉ trích vì chữa bệnh trong ngày Sa-bát 13:10-21.

*Đấng Christ trả lời những người chỉ trích Ngài*

"Người nữ bị Sa-tan cột trời ... không đáng được cởi trói khỏi xiềng xích này trong ngày Sa-bát sao?"

*Ấn dụ về một người đàn ông gieo một hạt giống sau đó mọc thành cây và chim trời sống trên các cành ấy.*

*Ấn dụ về một người nữ giấu men vào ba đấu bột cho đến khi bột đầy cả lên.*

đòi chúng ta.

Dĩ nhiên, đây không phải vì tình cờ mà câu chuyện của Ma-ri và Ma-thê nằm ở đầu giai đoạn này. Theo ấn định đáng tin cậy của thời gian thì câu chuyện này phải đứng đầu. Nhưng một điều khác cũng đáng tin cậy không kém đó là thứ tự (dưới sự hà hơi của Đức Thánh Linh) đóng một vai trò trong sự chọn lựa và sắp đặt thứ tự tư liệu của Lu-ca. Giai đoạn này sẽ tập trung chủ yếu về nhu cầu sắp đặt ưu tiên trong cuộc sống và cân đối. Làm thế nào để chúng ta có thể làm được điều đó, trừ phi trước hết chúng ta ngồi dưới chân Chúa và để Ngài nói cho chúng ta biết ưu tiên hàng đầu thật sự của cuộc sống là gì, trước khi chúng ta thực hiện bất cứ công việc gì khác.

*b. Bài học về sự cầu nguyện (11:1-13)* Nếu nhu cầu hàng đầu của cuộc sống là để nghe Chúa phán với chúng ta, thì nhu cầu thứ hai phải là chúng ta nói chuyện với Chúa. Chúng ta phải cầu nguyện. Những món quà quý nhất của cuộc đời không tự động đến với chúng ta. Những mục tiêu hàng đầu của cuộc sống cũng không đạt được một cách thiếu suy nghĩ. Chúng ta không phải những bánh răng đơn thuần không có đầu óc đang xoay tròn trong một cỗ vũ trụ máy móc không nhân tính. Chúng ta là những con người được tạo dựng bởi một Đấng sáng tạo có tâm tánh, và chúng ta được tạo dựng để có thể trò chuyện với Ngài. Bên cạnh điều kì diệu là Ngài sẵn lòng chuyện trò với chúng ta, là một vinh dự không thể tả được, đó là chúng ta được phép thưa chuyện với Ngài, chúng ta có thể xin Ngài ban cho những món quà mà Ngài luôn sẵn lòng ban. Phát triển mối quan hệ cá nhân giữa chúng ta với Chúa là mục tiêu tối thượng của sự sáng tạo chúng ta.

Nhưng chúng ta nên xin điều gì? Điều gì là quan trọng nhất và cần thiết nhất trong cuộc sống? Giữa những điều cần thiết nhất ấy thì điều nào chúng ta nên đặt lên trên hết như là điều tối quan trọng và điều nào là thứ hai? Cuộc sống là một hành trình, chúng ta cứ tiếp tục tiến về phía trước, chúng ta cảm thấy như mình phải tạo ra những bước tiến triển. Nhưng tiến về mục tiêu nào? Điều nào nên là hoài bão chính của chúng ta, chúng ta khát vọng nhất về điều gì?

Khi nghe Chúa Jêsus cầu nguyện, một môn đồ của Chúa đã khôn khéo hỏi Ngài rằng xin hãy dạy họ khuôn mẫu cầu nguyện, xin



hãy nói cho họ biết cầu nguyện cho điều gì và sắp xếp thứ tự ưu tiên trong lời cầu nguyện như thế nào.

Trong phần ghi lại của Lu-ca về bài cầu nguyện mà Chúa dạy họ có năm nhu cầu. Đầu tiên là hai nhu cầu liên quan đến mối quan tâm của Chúa: danh Ngài và nước Ngài. Sau đó là ba nhu cầu liên quan đến chúng ta: bánh hằng ngày, sự tha thứ và bảo vệ khỏi cám dỗ. Nhu cầu của Chúa trước, của chúng ta sau. Rõ ràng đó là những ưu tiên đúng cho những vật thọ tạo trong sự cầu nguyện.

Vậy thì những điều Chúa quan tâm phải được đặt lên trước. Đó là Ngài là ai, thuộc tánh của Ngài, sự vinh hiển của Ngài, những điều này phải đứng trước. Chúng ta phải cầu nguyện rằng danh Chúa được tôn thánh, vinh hiển nhất trong toàn cõi vũ trụ. Giá trị của cuộc sống sẽ không bao giờ được đo lường đúng đắn hoặc thấy trong sự sáng thật trừ phi chúng ta thấy rằng danh Chúa không chỉ là giá trị chính của tất cả mọi thứ mà còn là nguồn của mọi giá trị thật mà mỗi con người hay sự vật đang sở hữu. Thử giảm giá trị của danh Chúa, và chính Chúa bị xem thường, thì mọi thứ đến từ nơi Ngài – mà mọi vật đều đến từ Ngài – sẽ đồng loạt bị mất giá và bị xem thường. Thử chối bỏ Chúa, thì cuối cùng sẽ không có vật gì có giá trị cả. Thật sự là trong thế giới đáng buồn này danh Chúa không được tôn thánh như đáng phải có, dù là qua những vị thánh vĩ đại nhất cho đến những thánh tầm thường như chúng ta, chứ đừng nói đến những người xúc phạm Chúa hoặc những người vô thần. Chúng ta đã đánh mất ý thức về sự thánh khiết của Chúa, và chúng ta sống trong một thế giới, nơi mà những vật thánh liên tục bị xem thường và sự sống trở nên rẻ mạt hơn bao giờ hết.

Nhưng tình hình sẽ không phải như thế luôn luôn. Chúa có mục tiêu và những kế hoạch của Ngài để đem nước Ngài đến trên toàn cầu, để ý Ngài được nên ở đất cũng như ở trời. Danh Ngài sẽ được tôn thánh xứng đáng, và tất cả các giá trị sống sẽ chiếu ra sự sáng châu ngọc của thành Giê-ru-sa-lem mới. Đó là mục tiêu của Chúa và sẽ được hoàn tất. Nhưng chúng ta không được nhìn xem sự hoàn tất này cách mơ hồ. Chúng ta phải cầu nguyện cho điều đó, để gắn kết ý muốn chúng ta với Chúa, và để cho việc nước Ngài đến trở thành khát khao, mục tiêu và tham vọng của chúng ta.

Đáng tiếc là chúng ta thường không làm như thế vì chúng ta có những tham vọng, những kế hoạch, mưu toan và mục tiêu cho đời sống cá nhân, và nếu chúng ta không cẩn thận liên tục cầu nguyện như cách Đấng Christ dạy, thì những điều này sẽ dần dần tràn ngập tâm trí và tầm nhìn, chúng ta chỉ còn dành rất ít thời gian, không gian và nhận thức cho kế hoạch và mục tiêu của Đức Chúa Trời mà thôi. Thực tế, điều xảy ra đó là chúng ta có thể lạm dụng sự cầu nguyện bằng cách chuyển tất cả những curu mang của lời cầu nguyện sang những lợi ích cá nhân và gia đình thay vì nước Chúa và mục tiêu của Ngài. Đó là điều đại đột, dù từ quan điểm tư lợi hạn hẹp của chúng ta. Không có mục tiêu hay tham vọng nào của chúng ta có thể là sáng suốt nhất hoặc đem lại sự thỏa lòng nếu nó không đồng công và là một phần của mục tiêu vĩ đại duy nhất đằng sau cả cõi vũ trụ. Vì rõ ràng là nước Chúa được đến quan trọng hơn nhiều so với tư lợi của chúng ta, hơn là những ý riêng thiên cận và thường là những tham vọng lầm lạc của chúng ta được thành tựu. Nhưng nếu chúng ta nghĩ rằng tư lợi nên là mối quan tâm hàng đầu trong sự cầu nguyện của chúng ta thì đây cũng là một nhận thức nguy hiểm. Điểm chính và đầu tiên trong khuôn mẫu cầu nguyện của Chúa không phải là tư lợi của chúng ta mà là ý muốn Chúa phải luôn được đặt lên hàng đầu.

Vậy, điều Chúa quan tâm phải được đặt lên trước. Sau đó, chúng ta cầu nguyện cho nhu cầu của chính mình thì sẽ là điều tốt và phải lẽ. Trong ba điều mà Chúa cho phép chúng ta cầu nguyện cho chính mình, một điều liên quan đến nhu cầu thuộc thể, hai điều liên quan đến nhu cầu về đạo đức và tâm linh. Một lần nữa chúng ta lưu ý đến sự cân bằng. Nhu cầu thuộc thể của chúng ta đứng trước: xin cho chúng con bánh mỗi ngày để tồn tại (nếu đó là bản dịch đúng, hoặc có lẽ, “cho ngày kế tiếp”; xem sách giải kinh). Đây là điều lành mạnh và thực tế. Sự tồn tại của thân thể với tất cả nhu cầu định kỳ là những nhu cầu căn bản trong thế giới này, dù là đối với tầng lớp nào, nhưng cao hơn nữa là kinh nghiệm thuộc linh. Chúng ta không xem thường điều này nhưng mặt khác cũng không lạm dụng nó. Thực ra, sự tận hưởng những phước hạnh thuộc thể trở nên tuyệt vời nhất khi chúng ta nhận biết rằng tất cả đều đến từ Chúa.

Nhưng cứ mỗi lời cầu nguyện cho những nhu cầu thuộc thể,

thì chúng ta phải thêm vào hai lời cầu nguyện cho đạo đức và những nhu cầu tâm linh. Trên hết mọi nhu cầu thuộc thể, chúng ta cần sự tha thứ cho tội lỗi trong quá khứ, và sự giải cứu khỏi cám dỗ để không rơi vào tội lỗi trong tương lai. Nếu chúng ta cần sự tha thứ cũng nhiều như bánh ăn hằng ngày thì anh em của chúng ta cũng vậy. Vì vậy, nếu chúng ta đến trước mặt Chúa và cầu xin điều tối quan trọng này cho bản thân mình, thì chắc chắn Chúa cũng muốn chúng ta sẵn sàng tha thứ cho những người mắc nợ chúng ta.

Vậy, đây là thứ tự đúng đắn của những ưu tiên trong mọi điều mà chúng ta cầu xin. Nhưng còn một khía cạnh khác của sự cầu nguyện mà sẽ bày tỏ ý thức của chúng ta về thứ tự ưu tiên và sự ước lượng của chúng ta về những gì thật sự cần thiết, đó không phải là những gì chúng ta cầu xin, mà là động cơ thúc đẩy chúng ta cầu nguyện cho một điều và cứ giữ chúng ta trong sự cầu nguyện. Chúa bàn về khía cạnh này trong đoạn 11:5-13.

Trong phần liên kết này, chúng ta hãy trước hết lưu ý rằng món quà mà Đức Chúa Cha luôn sẵn lòng ban cho và là nguyên tố giúp chúng ta cầu nguyện đó là Thánh Linh Ngài (xem 11:13). Đối với những người đương thời của Chúa Jêsus, điều đáng tin này có một ý nghĩa quan trọng. Các tiên tri đã công bố rằng một ngày kia Chúa sẽ đổ thần Ngài và kết quả là một sự tái sinh đầy quyền năng trên dân Y-sơ-ra-ên của Ngài (xem Ê-xê-chi-ên 36:26-27) và cũng đổ thần Ngài trên cả nhân loại (xem Giô-ên 2:28-32, Công vụ 2:16). Những thế hệ tin kính của Y-sơ-ra-ên chắc hẳn đã cầu nguyện cho sự ứng nghiệm của những lời hứa này. Giờ đây, dù họ không biết, những người đồng thời với Chúa Jêsus đã có mặt trong chính đêm trước ngày Lễ Ngũ Tuần khi Đấng phục sinh đã nhận lấy từ Đức Chúa Cha lời hứa về Đức Thánh Linh, sẽ tuôn đổ Thần Ngài xuống trên những người tin (xem Công Vụ 2:33). Những người đồng thời với Chúa Jêsus đã cầu nguyện cho Đức Thánh Linh thật sốt sắng hoặc ngược lại như thế nào thì sau đây chúng ta sẽ rõ. Còn đối với chúng ta là những người sống ở thời kỳ sau Lễ Ngũ Tuần thì đương nhiên hoàn cảnh có khác đôi chút. Đức Thánh Linh – Đấng mà một khi Đức Chúa Jêsus còn trên đất và chưa thăng thiên thì chưa được ban xuống (xem Giăng 7:39), nhưng nay Ngài đã được ban xuống. Theo

ý nghĩa đó thì những người tin Chúa Jêsus sẽ không cần phải cầu nguyện để nhận lấy Đức Thánh Linh: người ấy đã nhận rồi (xem 1 Cô-rinh-tô 12:13, Ê-phê-sô 1:13). Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chúng ta là những người sống sau ngày lễ Ngũ Tuần không cần phải cầu xin món quà từ Đức Chúa Cha là Đức Thánh Linh. Trong Ê-phê-sô 1:16-19, Phao-lô cho biết là ông không ngừng cầu thay cho những người đã được ấn chứng bởi Đức Thánh Linh rằng Chúa sẽ ban cho họ thần trí của sự khôn ngoan và khả tượng trong sự nhận biết Ngài và lần nữa trong Ê-phê-sô 3:14-21, ông công bố rằng ông cầu nguyện Chúa ban cho họ nhờ quyền năng Thánh Linh mà được mạnh mẽ con người bề trong để Đấng Christ có thể ngự trong lòng họ.

Bởi thế, theo định nghĩa, cầu xin Đức Thánh Linh không thể chỉ xin một lần đủ cả. Như Chúa nói, (xem 11:9) chúng ta phải tiếp tục cầu xin, tìm kiếm và gõ cửa. Bởi thế, hai điều sẽ quyết định chúng ta có chuyên cần trong loại cầu nguyện này hay không. Đầu tiên là chúng ta đánh giá thế nào về tầm quan trọng và tính khẩn thiết của món quà mà chúng ta tìm kiếm; thứ hai khi chúng ta được thúc giục bởi việc nài xin Đức Thánh Linh là điều quá sức hợp lý thì chúng ta sẽ không hề “ngượng ngùng” mà xin (xem 11:8).

Trong cái nhìn đầu tiên về sự xấu hổ (Tiếng Hi Lạp *anaideia*, EVV “làm phiền”) có vẻ chỉ về một phẩm cách xấu; trong vài trường hợp thì dĩ nhiên là đúng. Nhưng ý nghĩa của nó không phải lúc nào cũng là xấu. Từ này chỉ đơn thuần mô tả một người không biết xấu hổ, không hối hận khi làm hoặc xin điều gì. Nếu có lý do chính đáng khiến một người cảm thấy xấu hổ hay hối hận về điều gì thì dĩ nhiên sự xấu hổ này là xấu; nhưng nếu trường hợp của một người là đúng, thì sự xấu hổ trong sự nài xin sẽ không đáng trách nhưng đáng khen. Để minh họa, Chúa Jêsus dùng hình ảnh một người đàn ông có một người khách bất ngờ đến giữa đêm mà không có gì để đãi (xem 11:5-8). Là một người Đông phương với quan điểm phương Đông về tầm quan trọng của lòng hiếu khách, ông không hề xấu hổ mà đi đến nhà một người bạn dù là giữa khuya, đánh thức bạn dậy để mượn thức ăn cần thiết đem về cho bạn mình. Người bạn bị đánh thức có thể đã có những thái độ cáu kỉnh; nhưng chắc ông ta sẽ không cho việc làm của bạn mình là đáng xấu hổ. Đồng cảm với tư tưởng Đông

Phương về lòng hiếu khách, ông ta hẳn sẽ nhận ra rằng việc bạn mình không xấu hổ là chính đáng hoàn toàn. Ở phương Tây, chúng ta không có cùng một suy nghĩ về tính khẩn cấp phải đãi khách đến thăm giữa đêm. Một điều tương tự, trong văn hóa của chúng ta, bạn sẽ hỏi liệu có nên gọi một vị bác sĩ đến giữa đêm khuya để giúp một người bệnh. Chúng ta sẽ thấy lúng túng khi mời một bác sĩ đến chỉ vì một sự khó chịu nhỏ. Nhưng nếu một người nào đó trong gia đình bị một cơn đau tim nặng, chúng ta sẽ không hề ngần ngại mà mời bác sĩ đến bất cứ giờ nào trong đêm dù thời tiết có ra sao đi nữa.

Tương tự, chúng ta thấy rằng trong khi tất cả những người cầu xin sự soi sáng và thêm sức của Đức Thánh Linh, thì có phải hầu hết mọi người đều nhận lãnh những món quà mà mình xin không, chúng ta có xin và tiếp tục xin hay không tùy thuộc vào việc chúng ta xem món quà đó mang tính cần thiết tất yếu như thế nào. Giả sử hôm nay chúng ta cầu xin sự soi sáng của Thần Linh Chúa qua lời của Ngài để chúng ta có thể biết Chúa, ân điển Ngài và mục đích của Ngài một cách đầy trọn hơn, và rồi ngày mai chúng ta quên xin điều đó hoặc quên tìm kiếm trong Lời của Ngài, hoặc gõ cửa Thiên Đàng, và cứ thế tiếp tục quên trong vòng sáu tháng sắp tới, thì rõ ràng là bạn không xem món quà đó là rất cần thiết và quan trọng. Dường như chúng ta sẽ không thể nhận lãnh được.

Mặt khác, Đấng Christ bảo đảm rằng một người siêng năng bền bỉ cầu xin, tìm kiếm, và gõ cửa thì chắc chắn sẽ nhận lãnh phần thưởng. Ngài thêm vào sự bảo đảm đó bằng một điều tương tự (xem 11:9-13). Lần này phần phân tích không nhấn mạnh vào sự xấu hổ của những người xin nữa mà là tâm tánh của Đấng ban cho và tình phụ tử hoàn hảo của Ngài. Đấng Christ cho biết, con người vốn là xấu xa, dầu vậy họ còn biết cho con mình những điều tốt thay. Không có người cha bình thường nào khi con xin bánh, lại từ chối hoặc thay thế bằng một thứ vô dụng và nguy hiểm. Nếu những người cha rất bất toàn còn được người khác tin là sẽ cho con mình những điều tốt thì Đấng Khởi Đầu Hoàn Hảo về tư cách làm cha sẽ chẳng ban Thánh Linh cho những kẻ xin Ngài hơn thế nữa sao? (11:13) Chính vì dựa vào sự đảm bảo này mà Phao-lô có thói quen cầu nguyện: “Vì lý do này mà tôi quỳ gối trước Cha, Đấng mà bởi Ngài mọi vật trên trời

dưới đất được đặt tên, để Ngài ban cho người,...để người được làm cho mạnh mẽ qua quyền năng Thánh Linh Ngài trong con người bề trong, để Đấng Christ ở trong lòng người, qua đức tin..." (Ê-phê-sô 3:14-17).

*c. Đánh bại sự chống đối (11:14-28).* Trong hoạt động 1 có hai phân đoạn. Phân đoạn thứ nhất là về việc lắng nghe Chúa phán với chúng ta. Thứ hai là chúng ta nói chuyện với Chúa. Trong đoạn ba chúng ta gặp một người nam bị câm. Anh ta không nói chuyện được với ai cả.

Mất khả năng trong bất cứ lãnh vực nào cũng đều đáng buồn, nhưng bệnh câm là một điều kỳ lạ và thật đáng thương. Khả năng nói và bày tỏ chính mình một cách chính xác, khả năng đối thoại với người khác là một đặc điểm của cấu trúc con người, một phần của sự vinh hiển mà Chúa ban riêng cho con người. Bệnh câm cướp đi một phần quan trọng của người ấy. Nó giam hãm tâm tánh của một con người trong chính thân thể và tâm trí người ấy.

Chúa Jêsus đã đuổi con quỷ gây nên bệnh câm một cách kì diệu. Nhưng, nếu phép lạ này cũng giống như những phép lạ khác mà Lu-ca đã ghi lại, thì nó còn hơn là một phép lạ: đây còn là một câu chuyện ẩn dụ trong đời sống. Nhiều người bị câm cảm thấy còn khổ hơn là những căn bệnh đau đớn trong thân thể. Ngay từ đầu con người đã được tạo dựng nên để giao thông với Chúa. Nhận biết chính mình và Chúa, con người có thể đáp ứng lại một cách hiểu biết với Đấng tạo hóa, và giao tiếp bằng lời với Ngôi Lời. Nhưng có nhiều người trong thực tế không bao giờ trò chuyện với Chúa, không bao giờ cầu nguyện. Họ nói rằng không có Đấng Sáng Tạo để trò chuyện. Hoặc nếu có, họ cũng không thấy thích thú trò chuyện cùng Ngài, hoặc họ không biết phải nói gì, họ không thể cầu nguyện. Rõ ràng đó là công việc của ma quỷ. Nếu đó là mong muốn của Chúa và là sự sáng tạo của Ngài, và sự vinh hiển chính của con người là trở nên thầy tế lễ của tạo vật và nối kết đáp ứng của tạo vật với Đấng Tạo Hóa, thì con người phải trò chuyện với Chúa như con với Cha. Vậy thì rõ ràng là việc làm cho con người bị tàn phế không thể nói chuyện với Chúa là chiến lược quan trọng nhất của ma quỷ, để nhốt linh hồn người ở bên trong và như điều Chúa quan tâm đó là biến trái đất này (như có người đã từng nói) thành một hành tinh câm.

Thế nên, khi Đấng Cứu Thế đuổi quỷ là kẻ đã khiến người đàn ông bị câm ra khỏi người là một điều vinh hiển lớn. Lu-ca cho chúng ta biết rằng khi những năm tháng câm nín đã bị phá tan và lần đầu tiên trong đời người đàn ông biết nói chuyện, đám đông đã kinh ngạc (xem 11:14). Cũng có thể, họ đã quá quen thuộc với việc người này bị câm, họ không thể tưởng tượng người này sẽ khác đi. Tuy nhiên, vinh hiển hơn nữa, đó là sự giải phóng tâm linh lớn lao mà Đấng Christ chọn mình họa bằng phép lạ này. Để làm rõ hơn nữa, chúng ta có thể mượn vài hình ảnh từ một câu chuyện mà Ngài dùng trong cuộc tranh luận theo sau phép lạ Ngài làm (xem 11:21-22). ‘Khi một người có sức mạnh, vũ trang đầy đủ, canh giữ nhà mình thì của cải được an toàn.’ Có nghĩa là mọi thứ đều không bị phá mà được yên ổn, sẽ không gây cho người gặp nan đề hay lo lắng. Vậy, khi bạn rơi vào tình trạng không cầu nguyện, con người bị câm thuộc linh. Sự bình an, sự thỏa lòng và sự yên lặng thuộc linh ấy chỉ là sự bình an của một tù ngục. Người ấy trở thành vật sở hữu của kẻ thù mạnh sức, nên họ không xin Chúa điều gì cả, kể cả sự giải phóng, bởi vì những cái lưới không cầu nguyện đã bị xiềng bởi một bạo chúa là kẻ có vô số quỷ kế để giữ họ yên lặng và ngăn chặn bất cứ sự bứt phá nào hoặc kết nối nào với thế giới bên trên. Nhiều người còn bị thuyết phục rằng không có thế giới bên trên (Ê-phê-sô 2:1-3).

Trong tình trạng ghê gớm đó, chúng ta cảm ơn Chúa rằng Ngài không chờ cho đến khi những tù binh này mời thì Ngài mới can thiệp. Ngài nắm phần chủ động. Dù kẻ thù mạnh sức và vũ trang đầy đủ, bằng cách nhập thể, Đấng mạnh hơn kẻ thù bắt đầu xâm nhập ngục tù, chế ngự tên bạo chúa và trò chuyện với những tù nhân. Sự giải cứu kỳ diệu một tù nhân khỏi một tên quỷ gây câm về phần xác chắc chắn gây kinh ngạc cho tất cả những kẻ còn lại. Nhưng chủ ý của phép lạ này không chỉ là một cuộc trưng bày năng quyền siêu nhiên để chứng tỏ sự hiện hữu của Chúa và vương quốc Ngài. Đây còn là một dấu hiệu để khích lệ người ta hãy phá tan sự nín lặng, để giải phóng họ và giúp họ trò chuyện với Cha. Từ đó, Đấng mạnh hơn kẻ mạnh sức bởi sự chết Ngài đã xâm nhập tận nơi thâm cùng của các ngục tối của kẻ thù và phá vỡ đồn lũy cuối cùng của hắn. Vô số người đã được giải cứu (xem Cô-lô-se 2:13-18, Hê 2:14-15). Chúa là Đấng sống lại và đắc thắng đã phân phát “chiến lợi phẩm của Satan”

(11:22).

Chúng ta phải kiểm chế trí tưởng tượng của mình, hoặc có lẽ phải tạ lỗi cùng Lu-ca, vì chúng ta đã xem kỹ thuật của ông như là một câu chuyện bình thường và dùng nó như là một câu chuyện ngụ ngôn. Như thế, chúng ta không cách xa bao nhiêu với trí tưởng tượng của nhiều tín hữu khác đâu. Khi Phao-lô nói (Ê-phê-sô 4:7-13) “Đấng Christ đã dẫn theo phu tù và ban ơn cho loài người”, ơn mà ông đang nghĩ đến đó là những tù nhân từng ở dưới ách của Satan, những người mà Đấng thiên đã giải cứu và ban cho Hội Thánh như những sứ đồ, nhà truyền giáo và giáo sư.

Thế thì, Đấng Christ đã giải cứu một con người khỏi kìm kẹp của quỷ cầm. Năng quyền Ngài dùng cho thấy đó là năng quyền siêu nhiên: không ai thắc mắc về điều đó. Chúng ta có thể giả dụ rằng đối với tất cả mọi người, rõ ràng năng quyền siêu nhiên này là của Chúa. Nhưng như vậy là chúng ta đã đánh giá thấp sự cầm giữ của ma quỷ trên tâm trí của vài người, và sự gian trá của hấn trong việc chống phá Đấng Christ. Một vài người trong đám đông cho rằng Đấng Christ đã mượn năng quyền của quỷ, và những người khác nghĩ rằng có thể lắm, và xin Ngài ban cho một dấu hiệu từ trời để chứng tỏ rằng điều đó không đúng (xem 11:15-16). Đó là một đề nghị ngu xuẩn đến nỗi chúng ngạc nhiên khi Đấng Christ không muốn trả lời. Nhưng đó không chỉ là một đề nghị ngu xuẩn: đó là một điều đáng ngại. Họ có thể là tù nhân trong ngục của Satan, nhưng nước Đức Chúa Trời đã đến với họ (xem 11:20).

Ngón tay của Chúa đã chạm vào họ; Chúa đang nói chuyện với họ. Những gì họ vừa chứng kiến là một minh chứng trực tiếp và rõ ràng của Đức Thánh Linh. Giờ đây họ phải thực hiện sự phán xét cuối cùng của cuộc đời; họ đang đứng trước một quyết định mà một khi đã được thực hiện một cách cân nhắc thì sẽ không bao giờ quay đầu được, và có thể khiến cho sự giải cứu vĩnh viễn trở thành điều không thể. Từ chối Đức Thánh Linh, cho điều tuyệt đối Tốt là xấu, gọi Đấng Chân Thật được chứng thực bởi sự thánh khiết hoàn toàn là một điều dối trá, và bản thân Chúa không còn bằng chứng nào khác, không còn điều gì để có thể đem một người đến sự ăn năn, đức tin và sự cứu rỗi. Chính Chúa đã lùi vào sự nín lặng (xem 1Sa 19:23-24;



28:6,15).

Nếu những người này đã quyết tâm lựa chọn lối sống này, Đấng Christ không để họ quyết định mà không biết chính xác điều họ đang làm. Chắc chắn Ngài không để họ cho rằng do lý trí, hay tôn giáo thật hay luân lý khiến họ phải thực hiện quyết định. Ngài chỉ ra rằng để khước từ bằng chứng về năng quyền của Đức Thánh Linh hành động qua Ngài, họ phải thách thức tri giác thông thường, từ bỏ luân lý đời thường, chối bỏ cả những định lý thuộc linh và nguyên tắc ứng xử thành sự thỏa hiệp. Một cách ý thức và cố tình, họ đã cho là đen những gì mà trong những hoàn cảnh và tình huống khác của đời sống gọi là trắng. Điều dễ hiểu là vì lý do chiến thuật, Satan đôi khi cũng có thể đuổi một con quỷ ra. Nhưng nếu người ta nghĩ rằng hắn sẽ làm điều đó cách thường xuyên như Đấng Christ đã làm, khiến vương quốc hắn bị chia rẽ và suy vong là một sự vô lý (xem 11:17-18). Thứ hai, con cái của những người chống nghịch Ngài cũng đuổi quỷ (xem 11:19-20) và thường thì người ta cho rằng họ nhờ quyền năng của Chúa mà đuổi quỷ. Vậy tại sao họ lại nói khác về Chúa Jêsus? Vì một lý do rất tốt mà Chúa đang chỉ ra (11:20). Con cái họ không được biết như là những người sẽ giới thiệu về vương quốc Đức Chúa Trời. Nhưng Đấng Christ thì làm điều đó. Nếu đó là năng quyền thiên thượng đã khiến Ngài có thể đuổi quỷ ra, thì lời Ngài công bố đã được biện minh. Rõ ràng việc họ không sẵn lòng chấp nhận tuyên bố của Chúa cũng như ý nghĩa của lời tuyên bố đối với cá nhân họ đã dẫn họ đến với ý nghĩ vô lý rằng Chúa Jêsus là đồng minh của ma quỷ. Ngoài ra, đây là phép loại suy mà chúng ta mượn trước đó, bạn không thể lấy đồ đạc ra khỏi tay của người được vũ trang đầy đủ đang canh giữ trừ phi bạn phải trước hết thắng được và tước khí giới của người đó. Sự thật về việc Đấng Christ đã giải cứu người câm từ móng vuốt của Satan đã đủ bằng chứng rằng Ngài không thuộc về phía Satan: Ngài là Đấng mạnh sức hơn Satan, rõ ràng Ngài đã thắng hơn hắn (xem 11:21-22).

Sau đó, Đấng Christ cho chúng ta hai lời cảnh báo. Trước hết, ai không ở với Ta thì chống lại Ta, và ai không liên kết với Ta thì tan tác (11:23). Những kẻ phê phán Chúa đã công khai chống nghịch Ngài, vì Chúa đang chiến đấu chống lại kẻ thù nên họ đang đứng về

phía của ai là điều rất dễ thấy. Tuy nhiên, nhiều người khác trong đám đông có lẽ cũng suy nghĩ giống như những người có đầu óc minh mẫn khác – nghịch lại những người khuyết tật và bị quỷ ám và khi họ nhận thấy những người chỉ trích Chúa là những người cực đoan, thì nghĩ rằng họ cũng không cần phải chủ động đứng về phía Đấng Christ. Chúa cảnh tỉnh họ rằng trong cuộc chiến mà Ngài đang tham dự, việc đứng ở trạng thái trung lập là điều không thể.

Thứ hai, Ngài cảnh tỉnh đám đông rằng, việc đuổi quỷ ra khỏi một người dưng như là tốt, Ngài vừa mới thừa nhận rằng con cái của những kẻ chỉ trích Ngài đã từng cố gắng làm điều đó, nhưng đuổi quỷ không thì chưa đủ (xem 11:24-26). Việc đó giúp một con người được tinh sạch nhưng đời sống họ vẫn còn trống rỗng. Điều nguy hiểm hơn đó là quỷ sẽ quay lại với bảy con quỷ khác còn tệ hơn và tái chiếm hữu người đó, và người đó sẽ không có năng lực để chống trả. Thế nên, có cái cách mà không có tái sinh và Đức Thánh Linh ngự trị thì không đủ. Trước đó, Chúa có thúc giục những người đồng thời với mình hãy hăng hái tìm kiếm Đức Thánh Linh không phải là không có chủ đích, dù là Do Thái Giáo được thanh lọc khỏi sự thờ lạy hình tượng và được tái thiết một cách xuyên suốt qua cuộc lưu đày để tìm kiếm ân tứ Đức Thánh Linh một cách nhiệt thành. Không phải vô ích mà nhiều năm sau Phi-e-rơ (xem 2Phi-e-rơ 2:20-22) đã được cảm thúc để mô tả một cách rất sinh động sự nguy hiểm của một đời sống được làm sạch về mặt đạo đức nhưng không gắn liền với sự tái sinh và nhận lãnh bản chất thiên thượng (xem 1Phi-e-rơ 1:22-23, 2Phi-e-rơ 1:4).

Hoạt động 1 sắp kết thúc. Hoạt động này đã giải quyết nhiều vấn đề quan trọng. Nhưng Lu-ca nghĩ rằng vẫn đáng để thêm vào một chi tiết nữa (xem 11:27-28). Một người nữ trong đám đông đã nghe Chúa Jê-sus trả lời những kẻ chống đối Ngài một cách đắc thắng, đã khen ngợi Ngài, cũng có lẽ là công bố vai trò Đấng Mê-si-a của Ngài, bằng lối nói Phương Đông rằng được làm mẹ Ngài thật tuyệt vời biết bao. Đúng là vậy: Đấng Christ không từ chối điều đó. Được làm mẹ Ngài là một điều tuyệt vời, nhưng tự điều đó không cứu được ai cả. Chính mối quan hệ thuộc linh, không phải thuộc thể, với Chúa mới là quan trọng. Vậy, Chúa Jê-sus đã chỉ ra đâu là phước

hạnh siêu nhiên mà không đi ngược lại lời khen với ý định tốt lành của người nữ: “Những ai nghe và giữ lời Chúa còn được phước hơn”. Tại đây, hãy khuấy động trí nhớ của chúng ta. Ngay lúc bắt đầu của hoạt động này, chúng ta được cho biết là “phần tốt” trong cuộc sống là ngồi dưới chân Chúa và nghe lời Ngài (xem 10:39-42). Đó là sự thật, nhưng không phải toàn bộ sự thật. Trên hết mọi điều thì không phải chỉ việc nghe thôi mà giữ lời Chúa mới quan trọng.

## 2. Hiểu biết lời Chúa cách cân đối (11:29-12:13)

*a. Con người tìm kiếm dấu lạ (11:29-36).* Đoạn 11:16 trong hoạt động 1, một vài người trong đám đông tìm kiếm nơi Đấng Christ một dấu hiệu từ thiên đàng. Vì lý do đó, Đấng Christ nhắc đến trong phần đầu của hoạt động 2, khi làm như vậy, Ngài đưa ra chủ đề chính cho cả hoạt động này là: bằng chứng. Điều Chúa công bố khiến những người đồng thời với Ngài phải đối mặt với những quyết định sẽ đem đến những hậu quả về sau. Cũng dễ hiểu khi họ xin Ngài những bằng chứng không thể chối cãi rằng những điều Ngài công bố là đúng, nếu những điều đó là thật sự đúng.

Vì thế ngay trong cảnh đầu tiên, thật ngạc nhiên khi thấy Chúa khước từ điều họ yêu cầu. Chẳng phải trước đó Ngài đã chắc chắn với các thánh giả rằng những ai xin thì sẽ được ban cho hay sao? Tại sao bây giờ lại từ chối dấu lạ mà họ tìm kiếm? Dĩ nhiên lý do ở đây không có gì sai trái hay không thỏa đáng về bằng chứng của dấu lạ. Lý do chính là những con người này có vấn đề: “thế hệ này là một thế hệ gian ác: họ tìm kiếm một phép lạ nhưng sẽ không có phép lạ nào được ban cho cả...” (11:29).

Xét trên một phương diện thì ai cũng ác cả (xem 11:13); nhưng thế hệ của Đấng Christ thì đặc biệt gian ác. Sự tìm kiếm thêm dấu lạ của họ là ác, như Lu-ca mô tả (11:16), vì đó là một cách để thử Chúa. Sự tìm kiếm của họ không chân thành. Bằng chứng mà họ tìm kiếm không phải là tính hợp lý hay bằng chứng khoa học rằng năng quyền đấng sau hành động của Đấng Christ là siêu nhiên: mọi người đều công nhận đó là siêu nhiên. Bằng chứng mà họ đòi hỏi đó là bằng chứng đạo đức và bằng chứng thuộc linh rằng phép lạ đó đến từ Chúa chứ không phải từ ma quỷ. Trong thần học thì đây là điểm rất

quan trọng mà thế giới đương đại của chúng ta đang gặp nguy vì vô tình quên mất. Chỉ là năng quyền siêu nhiên mà thôi thì chưa chắc là tốt. Chúng ta cần xem xét giá trị đạo đức và thuộc linh của năng quyền ấy trước khi cho phép bản thân ở dưới sự ảnh hưởng của nó.

Nhưng Đấng Christ đã làm biết bao nhiêu phép lạ mà chắc chắn là họ đã nghe, thêm vào đó, Ngài vừa mới chữa lành một người câm. Các công tác siêu nhiên của Ngài đã tự chứng minh giá trị đạo đức, thuộc linh và tính vững chắc. Cho rằng công tác của Chúa là không rõ ràng, rằng có khả năng hợp lý công tác đó có thể từ ma quỷ và cần thêm dấu hiệu từ trời để chứng minh chúng không phải từ ma quỷ là một điều quái ác. Nếu loại phép lạ Chúa làm không vượt được trên hết mọi sự nghi ngờ thì loại phép lạ nào sẽ minh chứng được đây? Thực tế ở đây là người đòi hỏi một dấu hiệu khác là người chưa được thuyết phục bởi phép lạ đó hoặc bởi bất cứ phép lạ nào khác. Việc họ tìm kiếm một dấu lạ không phải là một biểu lộ của việc họ sẵn lòng để tin khi bằng chứng được cung cấp đầy đủ, nhưng là một hợp thức hóa sự họ không sẵn lòng tin vào chứng cứ đầy đủ mà họ đã có. Và tệ hại hơn nữa: đó là một hình thức thử Chúa. Ngài có cố cho họ một dấu hiệu khác không? Ít nhất là trong cái nhìn của họ, Chúa đã thừa nhận rằng những nghi ngờ của họ về giá trị đạo đức của những phép lạ trước của Ngài là hợp lý. Nhưng Chúa đã không bị lừa bởi một đòi hỏi cho thêm bằng chứng như thế.

Không có thêm một dấu nào khác ngoại trừ phép lạ của tiên tri Giô-na: 'Vì Giô-na là dấu lạ cho người Ni-ni-ve thế nào thì Con Người sẽ là dấu lạ cho thế hệ này thế ấy.' (11:30). Điều này dấy lên một câu hỏi ngay tức khắc: Giô-na đã trở nên một dấu lạ cho dân Ni-ni-ve theo ý nghĩa nào? Trong lời tường thuật của mình, Ma-thi-ơ đã chỉ rõ ra sự so sánh giữa câu chuyện Giô-na bị "chôn" trong bụng cá với sự chết, chôn và sống lại của Đấng Christ. Lu-ca không thu hút sự chú ý một cách rõ ràng đến sự so sánh này, và điều này đã khiến nhiều người nghĩ rằng Lu-ca hiểu sự so sánh giữa Giô-na và Đấng Christ chỉ nằm ở một sự thật, là cả hai đều được Đức Chúa Trời sai đến để kêu gọi một sự ăn năn cho một dân ở dưới mối đe dọa của sự đoán phạt rất cận kề của Đức Chúa Trời. Có thể giải thích này đúng, và nếu đúng, thì nó đã đủ thích hợp và chính thức. Trong việc xử trí với

những người mà phản ứng duy nhất với hết chứng cứ này đến chứng cứ khác chỉ là những lời mông lung không minh bạch thì sẽ đến một lúc mà hi vọng duy nhất để họ định trí và ăn năn là một lời cảnh báo rõ ràng, trực tiếp về cơn đoán phạt cận kề từ thiên thượng như Giô-na đã truyền báo một cách rất hiệu quả đến dân Ni-ni-ve vậy.

Tuy nhiên, có hai nhận định khiến việc nghĩ rằng Lu-ca có thể đã thấy hết những ý nghĩa của sự so sánh như Ma-thi-ơ là hợp lý. Trước hết là ý nghĩa của từ “dấu kỳ” tạo nên tâm điểm tương đồng giữa chức vụ của Giô-na và của Đấng Christ. Trong văn mạch (xem 11:16, 29, 30) “dấu kỳ” có nghĩa là “phép lạ”. Sự xuất hiện đơn thuần của Giô-na tại thành Ni-ni-ve và sự rao giảng của ông, tự hai điều đó khó mà gọi là một phép lạ.

Nếu những người đồng thời với Chúa Jêsus đã quyết định từ chối bằng cứ của những phép lạ Ngài làm, thì cũng khó cho họ thừa nhận sự giảng dạy của Ngài là một phép lạ. Chính cách Giô-na đến xứ Ni-ni-ve một cách phi thường đã tạo nên thế lực cho việc rao giảng của ông và khiến ông trở thành dấu kỳ cho dân Ni-ni-ve. Sự chết, chôn và sống lại của Đấng Christ cũng giống như vậy, đã khiến Đấng Christ trở nên “dấu kỳ” cuối cùng cho dân Y-sơ-ra-ên (Giăng 2:18-22)

Thứ hai, trong đoạn 12:50, trong phần kết của hoạt động 3, Lu-ca viết lại việc Đấng Christ nói về sự chết, chôn và sống lại sắp đến của mình như một “phép báp-tem”. Các sách Tin Lành khác viết lại cách Chúa sử dụng hình ảnh này trong những dịp khác (xem Ma-thi-ơ 20:22-23; Mác 10:38-39); chỉ có Lu-ca ghi chép lại điều này trong văn mạch này. Thật khó mà nghĩ rằng khi ông viết lại sự so sánh giữa Giô-na và Đấng Christ ở đoạn 11:29-30, ông không hề thấy sự nối kết nào về ý tưởng giữa sự so sánh đó và phép báp-tem mà ông sắp đề cập trong đoạn 12:50.

Nếu chúng ta có thể nghĩ rằng bởi sự so sánh giữa chính Ngài và Giô-na, Chúa Jêsus đang nhắc đến sự chết, chôn và sống lại của Ngài, thì sự so sánh đó cũng khiến cho điều cảnh báo của Ngài trong 11:29 trở nên một sứ điệp không chỉ về sự đoán phạt mà còn về sự thương xót vô hạn nữa. Chắc chắn không có lý do nào để ban cho dân sự thêm một dấu kỳ khác, vì những gì họ cần là được đem đến với

sự ăn năn về sự không sẵn lòng tin vào những dấu kỳ mà họ đã được ban cho. Dầu vậy, Chúa có loại bằng chứng khác đó là tính toán cách chính xác để dẫn họ đến sự ăn năn, đó là bằng chứng về tình yêu của Ngài dành cho họ, bất chấp sự ngoan cố của họ. Ngài cho phép những kẻ vô tín đóng đinh con Ngài. Sau đó Ngài sẽ đẩy Con ấy sống lại từ kẻ chết, và thay vì phó họ cho sự đoán phạt ngay tức khắc, Ngài ban cho họ sự tha thứ, giải hòa và giải thoát khỏi sự đoán phạt trong danh Chúa và qua sự chịu khổ của chính Đấng mà họ đã đóng đinh. Nếu họ không thể nhìn thấy được tình yêu đó là một tình yêu từ “thiên đàng”, họ sẽ không bao giờ nhận biết thiên đàng cho dù họ có thấy thiên đàng đi chăng nữa, và địa ngục sẽ là nơi họ tự chọn lấy.

Vậy, từ điều này, Đấng Christ tiếp tục nói với những người đồng thời với mình về trường hợp họ sẽ bị xử như thế nào trong đoán phạt cuối cùng. Quan điểm phổ biến là sự xét xử sẽ liên quan đến việc đánh giá xem công việc của một người tốt hoặc xấu như thế nào. Như thế, dĩ nhiên sự tuyên án sẽ đến. (xem Khải Huyền 20:12). Vì không ai trên đất được cứu bởi công việc dù là tốt lành, nên phán quyết của sự định tội cuối cùng sẽ không nghiêng về phía người làm việc xấu mà dựa trên sự kiện là người đó không tin (xem Giăng 3:18) và hậu quả là tên của người ấy sẽ không bao giờ được viết vào sách sự sống (xem Khải 20:15).

Vậy thì, sự đoán phạt cũng sẽ liên quan đến việc đánh giá cơ hội mà người đó có để tin Chúa, họ đã được ban cho những bằng chứng nào và họ đã làm gì với bằng chứng đó. Theo lời Đấng Christ, là Đấng cuối cùng sẽ là Thẩm phán (xem Giăng 5:22-24), những nhân chứng sẽ được gọi đến để phơi bày về những bằng chứng mà những người khác đã có được theo như điều họ từng thắc mắc, và mong muốn được nhìn thấy, thì họ đã làm gì với những bằng chứng mà họ có.

Trong trường hợp của những người đồng thời với Chúa Jêsu thì nhân chứng sẽ được gọi đến chính là Nữ Hoàng Nam Phương và dân thành Ni-ni-ve (xem 11:31-32). Sự trái ngược giữa thái độ của Nữ Hoàng và những người đồng thời với Chúa sẽ kết án họ tội thờ ơ với sự mặc khải của chính Chúa. Manh mối duy nhất mà bà có được chỉ là tiếng đồn về sự khôn ngoan đáng chú ý của một vị vua nơi xa

xôi. Dù vậy, lòng khao khát nóng cháy muốn biết thêm về sự khôn ngoan đã khiến bà đi một quãng đường xa để được nghe về sự khôn ngoan của Sa-lô-môn. So với sự khôn ngoan của Đấng Christ thì sự khôn ngoan của Sa-lô-môn thật thấp, nhưng khi Đấng Christ đến thăm viếng dân Y-sơ-ra-ên, thì nhiều người đương thời lại làm ra vẻ họ không thấy Ngài là đặc biệt khôn ngoan, nhiều người còn định tội Ngài mà không thèm nghe Ngài giải thích (xem Giăng 7:50-51). Họ thiếu quan tâm về sự khôn ngoan của một Đức Chúa Trời nhập thể và sự cự tuyệt của họ đối với Ngài sẽ khiến họ bị định tội trong ngày phán xét. Điều đó nhắc nhở chúng ta rằng dù Đấng Christ không còn bước đi trên đất này nữa, nhưng tiếng tăm về Ngài đã đến tai chúng ta, và chúng ta được kỳ vọng là sẽ hăng hái đi theo và hết sức tìm kiếm, cầu xin, và gõ cửa cho đến khi chúng ta tìm được Ngài. Không đủ lòng quan tâm tìm kiếm Chúa là thái độ đáng cảnh báo.

Sự trái ngược giữa dân thành Ni-ni-ve và dân sự trong thời Chúa Jêsus cũng vậy, họ sẽ bị kết tội bất chánh về đạo đức. Sự giảng dạy về đạo đức của Giô-na chỉ đơn giản thôi: chỉ là một lời cảnh báo rằng cơn đoán phạt sắp đổ xuống trên họ vì tội lỗi của họ. Dù họ là người Ngoại, không có luật Mô-i-se để định hướng cho lương tâm họ, nhưng cũng không khó để họ nhận ra rằng mình xứng đáng với cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời, nên họ ăn năn tập thể. Còn bài giảng trên núi của Chúa, với tất cả giá trị đạo đức cao là vậy cũng không tạo ra được một sự ăn năn rộng lớn trong Y-sơ-ra-ên đến như thế. Họ không thể thấy được mình đang ở trong một nhu cầu ăn năn cấp thiết (xem 3:7-9, 7:30-34). Trong phần tiếp theo, Chúa giải thích tại sao họ không thể thấy được.

Để một người được soi sáng bởi một hoặc vài bằng chứng, thì chính người ấy phải nhìn thấy được những bằng chứng. Nhưng điều đó cũng chưa phải là tất cả. Sự sáng của bằng chứng phải được chiếu vào người đó qua khả năng nhận thức của họ. Khả năng này được Chúa gọi là con mắt của thân thể. (xem 11:34), và Ngài so sánh chức năng của con mắt với một ngọn đèn trong nhà. Nếu ngọn đèn hoạt động đúng cách và được đặt trên một chân đèn, cả nhà sẽ được chiếu sáng. Tuy nhiên, nếu ngọn đèn bị giấu ở một nơi kín đáo hoặc lấy thùng đập lại, căn nhà sẽ vẫn tối tăm. Khả năng nhận thức của một

con người cũng tương tự như thế. Nếu cặp mắt “đơn sơ” (11:34) nghĩa là chịu mở ra, chân thành, không biến chứng bởi những động cơ kín giấu và định kiến, nó sẽ thừa nhận sự sáng của bằng chứng mà Chúa đặt trước mắt nó. Nhưng thực tế thì quá dễ dàng để khả năng nhận thức của một người trở nên xấu xa, trở nên mù lòa bởi những khát vọng xấu và những định kiến. Trong trường hợp đó, dầu bằng chứng có rõ ràng đến đâu đi nữa, thì sự sáng đó cũng không bao giờ chiếu sáng được tâm trí và tâm tánh của họ. Vì khả năng mà chức năng này cần thực hiện là để truyền sự sáng thì nay bị bóp méo cách trầm trọng, nếu không nói là hoàn toàn đóng kín.

Đấng Christ cảnh báo chúng ta đừng để điều đó xảy ra, (xem 11:35); và lời cảnh báo của Ngài ngụ ý rằng điều đó hoàn toàn nằm trong quyền hạn của một người tự kiểm soát mình. Ngay cả với người chưa tái sinh, xấu xa là thế, cũng có đủ ý thức đạo đức để biết ban những điều tốt đẹp cho con cái mình (11:13) hoặc trong lúc yên tĩnh sẽ nhận ra rằng mình đã cho phép tham vọng hay lòng tham hay sự ganh tỵ bóp méo nhận thức của mình trong một trường hợp nào đó. Tương tự như thế với sự sáng của bằng chứng mà Chúa đặt trước mặt anh ta. Thật vô ích và nguy hiểm nếu biện hộ rằng một người chưa tái sinh thì không thể ý thức khi anh ta cho phép sự ham muốn hay lòng tham lam, tham vọng hay nỗi sợ của mình bóp méo nhận thức về bằng chứng. Anh ta có thể nhận thức, Chúa đã nói vậy, và hơn thế nữa, anh ta có thể hành động căn cứ trên nhận thức ấy và sẽ chịu trách nhiệm về những hành động của mình. Nếu muốn, người ta có thể nhận thức được sự khôn ngoan của Đấng Christ như Nữ Hoàng Nam Phương đã thừa nhận sự khôn ngoan của Sa-lô-môn và đáp ứng lại, như dân Ni-ni-ve đáp ứng lại với sự giảng dạy của Giô-na. Nếu không, họ sẽ bị định tội tại cuộc xét xử vì đã không làm những gì mình đáng phải làm.

*b. Đấng rửa thay người Pha-ri-si và thầy dạy luật (11:37-52).* Giờ đây, chúng ta rời khỏi đám đông và đi theo Đấng Christ vào trong nhà một người Pha-ri-si. Nhưng chúng ta có thể trông chờ rằng chủ đề thảo luận này giờ sẽ được tiếp tục, vì đúng như thế, Lu-ca nói rằng (11:37), khi Đấng Christ đang nói về việc một người cần phải giữ “mắt” mình khỏi trở nên “xấu” và khỏi việc bóp méo hay loại trừ đi



sự sáng, thì người Pha-ri-si này mời Ngài ăn tối.

Những gì chúng ta sắp chứng kiến thật đáng buồn. Đây là những người sùng đạo, tận tâm cách đặc biệt trong việc giữ luật Cựu Ước. Người ta có thể nghĩ rằng việc này giúp ý thức đạo đức của họ trưởng thành và giáo dục lương tâm của họ nên họ đã sẵn sàng để nhận thấy giá trị đạo đức trong sự dạy dỗ của Chúa Jêsus, phẩm chất đạo đức trong quyền năng siêu nhiên của Ngài, sự chính đáng trong đòi hỏi về sự ăn năn của Ngài, và dấu hiệu thiên thượng của sự cứu rỗi mà Ngài công bố. Tuy nhiên, thật không may, họ đã để cho mắt mình trở nên xấu, bị mù lòa bởi sự tham lam, sự hư không, và sự kiêu căng sắt đá. Như một hậu quả, sự sáng trong Cựu Ước đã cố gắng chiếu qua tâm trí họ nhưng trong quá trình truyền tải đã bị bóp méo cách kỳ quặc. Chỉ việc quan sát tình trạng của họ thôi cũng sẽ khiến chúng ta nhận lấy một lời cảnh báo đáng sợ. Vì nói thẳng ra thì cả người Pha-ri-si lẫn những chuyên gia luật đều không cố tình trở nên ngoan cố hay xấu xa. Ý định của họ là hoàn toàn ngược lại. Nhưng từng chút một họ đã để cho ý nghĩa của sự cân đối và sự xét nét đạo đức bị bóp méo bởi sự kiêu ngạo thuộc linh và lý thuyết thần học khiến họ thật sự trở nên ngoan cố và xấu xa. Rồi khi Chúa chỉ ra điều đó, thay vì ăn năn, họ lại trở nên kẻ thù cay đắng nhất và những kẻ bắt bớ Ngài liên tục (xem 11:53-54). Chúng ta hãy theo dõi phân tích chi tiết của Đấng Christ về tình trạng của họ như Lu-ca đã chép lại.

Trước hết là sự chiếm hữu bởi những biểu tượng và nghi thức tôn giáo đến mức bỏ mặc những luân lý thực tiễn và những trách nhiệm mà những biểu tượng đó hướng đến. Trong Cựu Ước, Chúa đã làm rõ đòi buộc của Ngài về sự làm sạch đạo đức và thuộc linh bằng cách ban cho dân Y-sơ-ra-ên một số những nghi lễ thanh tẩy có tính biểu tượng để thực hành. Người Pha-ri-si đã phạm phải hai sai lầm trong những nghi thức biểu tượng này. Trong nhiệt huyết để giữ luật, họ đã mở rộng những quy định theo Thánh Kinh này bằng một ngàn lẻ một luật mà không hề có thẩm quyền của Thánh Kinh, rồi sau đó họ lại nghĩ rằng đối với những ai không vâng giữ một trong những điều luật mà họ thêm vào là phá hỏng sự thánh khiết một cách nghiêm trọng. Vì thế, khi Chúa Jêsus phớt lờ một trong những

luật nhân tạo của họ và ăn tối mà không thực hiện một nghi thức tẩy rửa, họ đã hoàn toàn bị sốc, những tiêu chuẩn thánh giả, nhân tạo của họ khiến cho sự thánh khiết thật không tì vết của Đấng Christ trở nên giống như tội lỗi đối với họ (xem 11:38) và khiến họ có định kiến chống lại Ngài.

Thứ hai, họ đã biến việc giữ những nghi thức bề ngoài thành điều thay thế cho luân lý. Việc thanh tẩy tách đĩa quá cẩn thận trong nghi thức tẩy uế khiến họ cảm nhận rằng họ đã đạt đến mức độ thánh sạch cao. Trong khi họ chỉ thực hiện rất ít hoặc hoàn toàn không là gì đối với những điều lớn lao nghiêm trọng hơn là lòng tham và sự xấu xa đang đầy trong bản thân với sự dơ bẩn thật về đạo đức (xem 11:39). Cách giải quyết lòng tham không phải là rửa tay trong nước sau khi trở về từ ngoài chợ, cũng không phải làm sạch bên ngoài của chiếc tách mà trong đó đã chứa đầy lợi nhuận bất chính của một người. Cách giải quyết đó là ban hết những món lợi bất chính cho người nghèo (xem 11:41). Trong trường hợp này, nếu tập trung vào những nghi thức biểu tượng tức là đang mạo hiểm xoay hướng họ không phải về trách nhiệm luân lý mà về điều họ thay thế vào.

Lời khuyến cáo tiếp theo của Đấng Christ đó là trong việc giữ luật lệ của Đức Chúa Trời, người Pha-ri-si đã đánh mất hết nhận thức về sự cân đối giữa bốn phần này và bốn phần kia: họ dâng phần mười bạc hà, rau cần, và mọi thứ rau cỏ nhưng bỏ qua công lý và lòng yêu mến Đức Chúa Trời (xem 11:42). Họ đã tiếp thu lá thư luật pháp đến mức cuồng tín cực đoan nhưng lại làm ngơ hoặc làm trái với tinh thần và mục đích của bảng luật pháp ấy. Không giống như những nghi thức tẩy uế vô tận mà người Pha-ri-si đã thêm vào trong luật pháp, việc dâng phần mười là một mạng lệnh trong luật pháp. Thật vậy, việc gia tăng dâng phần mười đến mức dâng cả những rau cỏ nhỏ nhặt cho thấy một lương tâm vô cùng thận trọng. Nhưng nếu người Pha-ri-si thành thật nhận thấy rằng luật phải được áp dụng một cách hợp lý đến mức độ đó thì Chúa Jêsus không việc gì phải động chạm đến lương tâm họ. Ngài dạy rằng luật dâng phần mười phải được giữ lấy. Nhưng sau khi đã nói và làm hết những điều đó thì rốt cuộc việc dâng phần mười chỉ là một bốn phần nhỏ so với trách nhiệm lớn lao vô hạn, là yêu kính Chúa và hành xử công bình

với những người khác. Hơn thế nữa, việc dâng phần mười được lập ra trong dân Y-sơ-ra-ên như là một phương cách để bày tỏ tình yêu thương của một người đối với Chúa, và cung cấp cho những người hầu việc nơi đền thờ Ngài, và như là một phương cách bày tỏ tình yêu của Chúa đối với người khách lạ, kẻ mồ côi và người góa bụa (Phục 14:29). Để dâng phần mười bạc hà và rau cần, và cũng cùng lúc thực thi những điều bất chính đối với người lạ, kẻ mồ côi và người góa bụa mà không có lòng yêu mến Chúa, là tạo nên một sự nhạo báng hoàn toàn đối với tinh thần của việc dâng hiến và mục đích đúng đắn, biến dâng hiến thành một hoạt động tài chính vô tâm, máy móc.

Kế tiếp, Chúa chúng ta phơi bày ra động cơ sai trái chẳng có giá trị gì trong hoạt động tôn giáo của người Pha-ri-si dù bản chất của việc đó là tốt lành: họ thích chỗ ngồi chính trong nhà hội và những lời chào hỏi nơi phố chợ (xem 11:43). Không ai có thể hoạt động tôn giáo vì mục đích khuếch trương bản thân và đồng thời vì sự vinh hiển của Đức Chúa Trời cả.

Thêm vào đó, lúc chúng ta cho phép việc khuếch trương bản thân nằm trong động cơ của mình, chúng ta đã làm sai lệch cách phán xét luân lý. Nếu cứ tiếp tục đến một mức độ tội cùng sẽ khiến cho đức tin nơi Đấng Christ là điều không thể: “Làm sao người tin được”, Đấng Christ đã nói như thế trong một dịp nọ, “các người là người nhận vinh hiển từ nhau, còn vinh hiển đến từ Chúa thì các người không tìm kiếm sao?” (Giăng 5:44).

Cuối cùng, Chúa chỉ ra ảnh hưởng nghiêm trọng mà sự thánh khiết giả của những người Pha-ri-si đã đem đến trên con người nói chung. Bị ấn tượng bởi màn biểu diễn bề ngoài của những người Pha-ri-si về những nghi lễ tôn giáo nghiêm nhặt và những điều lệ, người ta đã mất đi sự nhạy bén đối với sự tha hóa đạo đức mà cũng chính những người Pha-ri-si đó đã lạm dụng trong đời sống cá nhân và trong công việc. Họ cho rằng bất cứ điều gì mà những con người “thánh khiết” này làm đều được chấp nhận được về mặt đạo đức, người ta sẽ theo gương của họ trong việc tham lam và hung ác mà lương tâm không cắn rứt. Điều trớ trêu đáng buồn của tình huống này đã được bày ra bằng ẩn dụ mà Chúa đã mượn từ chính luật nghi thức của họ để có thể mô tả những người Pha-ri-si này (xem 11:44).

Theo Cựu Ước (xem Dân 19:11-22) chạm vào một xác chết hoặc xương sẽ đem đến sự ô uế. Kết cuộc là mộ địa được đánh dấu kỹ càng bởi vì nếu không thì một khách hành hương trên đường đi lên đền thờ sẽ có thể vô ý đi lên một ngôi mộ, bị ô uế và lây lan sự ô uế trong đền thờ (xem Dân 19:13). Một cách trở trêu, sự tập trung quá mức của người Pha-ri-si vào việc tuân giữ bề ngoài các nghi thức thanh tẩy, lại đi đôi với việc họ bỏ bê một cách đáng thương đối với sự thánh khiết thật bề trong, khiến họ giống như những mả mả không được đánh dấu, mà còn tệ hơn nữa: họ làm lan nhiễm tình trạng đạo đức sai trật giữa vòng một công chúng có lòng tin.

Câu chuyện cứ tiếp tục với sự thừa nhận rằng không phải tất cả người Pha-ri-si đều bị Đấng Christ phản đối. Khi Ngài nhấn mạnh ba lần “Khốn cho các người” (11:42-44) thì đó là tiếng kêu đau đớn chứ không phải là lời công bố định tội. Nhưng nó cũng khuyến cáo chúng ta là khi gặp phải câu hỏi có liên quan đến những quyết định quan trọng nhất của cuộc đời, tín ngưỡng phải được quan tâm ở mức tối đa: điều đó luôn rõ ràng vì con người có xu hướng không cân đối và sai trật về thứ tự ưu tiên.

Nghe thấy những lời chỉ trích của Chúa Giê-xu đối với những người Pha-ri-si, những chuyên gia luật rầy la Chúa (xem 11:45-52); vì chính những chú thích suy luận từ Cựu Ước của họ đã xây nên những luật và lệ mà những người Pha-ri-si này cố gắng giữ lấy. Bởi vậy, trong sự chỉ trích những người Pha-ri-si, Chúa cũng ngụ ý rằng những sự giải kinh của các chuyên gia về Cựu Ước là không có giá trị và sai trật, việc Ngài ám chỉ rằng hệ thống giải Kinh hiện hành trong các trường huấn luyện giáo sĩ Do Thái về căn bản là sai, là một hành động cấp tiến mà các chuyên gia luật dường như không biết chắc rằng Chúa có ý định làm vậy. Ngài có thật sự hiểu ý nghĩa những lời chỉ trích của mình không? Một người trong số họ lên tiếng: “Thưa thầy, khi thầy nói những điều này, thầy cũng đang lăng mạ chúng tôi nữa.” Nhưng thay vì xin lỗi hoặc sửa đổi lời phê phán của mình, Chúa tiếp tục tố cáo những người ban phát luật một cách thẳng thừng cũng như cách Ngài làm với người thực hành luật vậy.

Lời tố cáo thứ nhất đó là họ đã buộc gánh nặng khó gánh trên lưng của những thường dân mà chính mình thì không bao giờ chạm

ngón tay đến (xem 11:46). Những gánh nặng đó dĩ nhiên là mười ngàn lẻ một luật và lệ mà họ chế tác ra từ nội dung Kinh Thánh bởi những phân tích và chú giải giáo đoàn của mình (mà họ cho là rất thông thái và tinh vi nhưng đối với chúng ta thì lại rất lạ). Những luật lệ này quá phức tạp, phải cần đến luật gia trình độ cao mới có thể phán quyết liệu một người có phá luật không. Sự cố gắng nghiêm túc để giữ luật đã biến đạo đức và những trách nhiệm tôn giáo trở thành gánh nặng không thể gánh nổi (Ma-thi-ơ 11:28-30). Tuy nhiên, phần thứ hai trong lời tố cáo của Đấng Christ được giải nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Có người nghĩ Đấng Christ có ý nói rằng những luật gia này đã chất gánh nặng lên vai người khác rồi, nhưng phần mình thì không hề cố gắng thực hành những gì mình giảng dạy, mà dùng những kĩ năng xảo quyệt để tạo ra nhiều cách thoái thác và điều luật để chính mình khỏi phải mang lấy những gánh nặng đó. Chắc chắn đây là một phần sự thật về những luật gia Do Thái này. Thực tế đây cũng là cám dỗ của tất cả các luật gia tôn giáo, đôi khi họ tự cảm thấy mình cao siêu và đầy kiến thức trong việc học lời Chúa khiến họ tự miễn trừ mình ra khỏi việc thực hành những luật mà họ áp đặt trên người khác. Nhưng những luật gia Do Thái này quả thật đã tuân giữ rất nhiều những lệ khác mà họ đã đặt ra và rất tự hào về điều đó. Vì vậy dường như Chúa đang nói về chủ nghĩa luật pháp vô tâm, thiếu lòng thương xót của họ, mà vui mừng đặt ra luật lệ chẳng màng đến việc giúp đỡ những con người bị họ xem thường (xem Giảng 7:49), hoặc coi trối họ khỏi những gánh nặng. Thí dụ về thái độ đó nằm ngay trong văn mạch. Chúng ta đã gặp những kẻ công bố rằng sự giải cứu của Đấng Christ đối với người câm là công việc của ma quỷ (11:15). Trong đoạn 13:10-16, chúng ta sẽ gặp những người tương tự: chủ nghĩa luật pháp không có lòng thương xót của họ sẽ đòi buộc rằng không được chữa lành người bệnh trong ngày Sa-bát, cứ để họ ở trong đau đớn.

Lời tố cáo thứ hai chống lại những chuyên gia luật đó là tấm lòng họ không khác gì của tổ phụ họ, là những người đã giết hại các Đấng tiên tri. “Các người đã xây mộ của các nhà tiên tri mà tổ phụ mình đã giết.” (xem 11:47). Trong việc xây mộ này, Chúa cáo buộc họ không chỉ làm chứng sự thật rằng tổ phụ họ đã giết các tiên tri, mà bằng cách ấy, chúng tỏ họ đã tán thành việc làm của tổ phụ mình.

Thoạt nhìn thì có vẻ khó và thậm chí cho rằng đây là cáo buộc không công bằng. Chẳng phải việc họ xây dựng mồ mả của các đấng tiên tri là một dấu hiệu của sự ăn năn sao, chẳng phải họ đã cố gắng bù đắp lại những gì mà tổ phụ họ đã làm sao? Nhưng Chúa sẽ không nhìn vấn đề theo cách ấy. Cách tôn kính một cố tiên tri và chuyển hóa những ích lợi thuộc linh từ người ấy là truyền ra sứ điệp của họ. Nếu Ô-sê phán trong danh Chúa rằng: “Ta muốn lòng thương xót chứ không phải sinh tế.” (6:6), thì cách để tôn kính Ô-sê không phải là xây cho ông một ngôi mộ kiên cố, và sùng bái lăng tẩm của ông; nhưng như Chúa khuyến khích những người theo chủ nghĩa luật pháp, đó là vâng lời ông mà bày tỏ lòng thương xót và lòng trắc ẩn với những người khác. Những người luật gia này chính là những người cùng người Pha-ri-si sẽ bắt bớ Chúa, vì Ngài đã chỉ trích chủ nghĩa luật pháp và mâu thuẫn với đạo đức của họ, với mối hận thù giết người như tổ phụ của họ đã làm với các đấng tiên tri, là những người đã khiến trách nhiệm của họ ngày xưa vậy (xem 11:53-54). Đối với những người này, tôn kính thánh tích của các cố tiên tri chẳng ích gì cả, chỉ là điều mê tín thôi.

Vì thế, trong lời tố cáo thứ hai này, Chúa còn thêm vào một phán quyết chắc chắn (xem 11:49-51). Những người đồng thời với Ngài là những người được nhận ân huệ nhiều nhất trong tất cả các thế hệ của lịch sử Y-sơ-ra-ên: cơn giận thiên thượng và sự báo thù tích lũy qua tất cả các thế hệ đã đổ trên họ. Phán quyết này đẩy lên một nguyên tắc rất quan trọng về ân huệ trong sự đoán phạt thiên thượng. Nếu Đức Chúa Trời muốn dùng cơn đoán xét can thiệp vào tiến trình lịch sử và không chờ đợi cho đến cơn đoán phạt sau cùng bên ngoài dòng lịch sử, và nếu Ngài không đến với từng thế hệ và đoán phạt ngay sau khi họ phạm tội, thì câu hỏi đặt ra là nếu thế hệ này phải chịu khổ vì có cuộc thanh tra báo thù tích lũy của Chúa mà không phải là một thế hệ khác thì có đúng đắn không.

Bây giờ Chúa trả lời câu hỏi đó (11:49-51). Thế hệ của Ngài bận rộn xây mộ của các đấng tiên tri mà tổ phụ họ đã giết. Đừng ai để bị lừa mà nghĩ rằng đây là một dấu hiệu của sự ăn năn, sự khôn ngoan thiên thượng đã quyết định ban các tiên tri và sứ đồ đến trong thế hệ này không như bất cứ thế hệ nào trước đó đã có vinh dự để

nghe họ: Giăng Báp-tít – là vị tiên tri vĩ đại nhất; sau đó là chính đấng Mê-si-a; sau đó là các sứ đồ Cơ-đốc. Sứ điệp tin lành mà họ nhận chắc chắn là kỳ diệu hơn, vinh hiển hơn sứ điệp mà bất cứ thế hệ nào trước đó từng nghe. Khi chối từ các đấng tiên tri, các sứ đồ và tin lành, thế hệ này đã chứng tỏ mình đồng ý với tổ phụ mình là những người đã giết các tiên tri được sai đến trước, và tham gia trong tội ác của họ và còn gian ác hơn tổ phụ mình nữa bởi vì khước từ các đấng tiên tri và sứ đồ vĩ đại hơn. Vậy cơn báo thù đổ xuống thế hệ này vì có việc giết các đấng tiên tri ngay từ buổi ban đầu của thế giới là đúng đắn và công chính.

Nguyên tắc đoán phạt chắc chắn này đã được thi hành vào năm 70 và năm 135 sau Công Nguyên khi Chúa cho phép La-mã phá hủy thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ, tiêu diệt một phần lớn dân cư, lũ lượt đày họ đi như những phu tù và biến Giê-ru-sa-lem thành một thành Ngoại Bang (21:20-24; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:14-16). Luật đó sẽ được thực thi ở một mức độ lớn mạnh hơn nữa trong việc bãi bỏ đạo Thiên Chúa và Do Thái vào cuối thời kỳ này.

Lời tố cáo cuối cùng của Chúa dành cho các luật gia có lẽ là lời gây tổn thương nhất: “Khốn cho các người, là các luật gia! Vì các người đã nắm giữ chìa khóa của tri thức, chính các người không vào nhưng lại ngăn trở những người khác muốn vào (11:52). Rốt lại, đó là công việc của các luật gia giải nghĩa lời Chúa để những người tầm thường nhất có thể hiểu cách dễ dàng hơn, ăn năn, tin, được cứu và được vào trong sự giàu có thuộc linh của lời Chúa. Vậy mà những giải nghĩa của họ lại quá xa vời so với mục đích ban đầu của lời Chúa, đến nỗi không chỉ bỏ qua sự giàu có thật trong lời Chúa mà còn làm cho lời Chúa khó hiểu đối với những người bình thường, cả ngàn lần so với trước khi họ giải nghĩa lời Chúa. Giải nghĩa như thế là tự lên án chính mình.

Lời tố cáo những người Pha-ri-si và các luật gia là một trong những phân đoạn nghiêm khắc nhất của Thánh Kinh. Trong đó cũng có bài học cho chúng ta nữa. Bằng việc nhắc đến Ma-ri và người nữ vô danh trong hoạt động 1 đã khích lệ chúng ta nghe và giữ lời Chúa. Nếu phần đầu của hoạt động 2 đã khuyến khích chúng ta tìm kiếm sự khôn ngoan từ Chúa bởi tấm gương của Nữ Hoàng Nam Phương,

thì chắc chắn phần còn lại của hoạt động 2 là một sự cảnh báo đáng sợ về việc không nghe tiếng Chúa và không hoan nghênh sự khôn ngoan của Chúa như thế nào. Lời Chúa ban cho là để chúng ta nhận lấy sự cứu rỗi: một người có thể chuốc lấy sự hủy diệt vì lạm dụng và xuyên tạc Lời Chúa (xem 2Phi-e-rơ: 3:16).

*c. Đắc thắng nỗi sợ bị chống đối (11:53-12:12).* Gần cuối bữa tiệc tối, chắc hẳn bầu không khí trong phòng ăn của người Pha-ri-si phải căng thẳng lắm. Khi Ngài rời khỏi nhà đó, “những thầy thông giáo và người Pha-ri-si bắt đầu chống đối Ngài dữ dội và vặn hỏi Ngài đủ điều, gài bẫy để bắt bẻ từng lời nói của Ngài.” (11:53-54). Để mô tả thái độ của họ một cách đầy đủ, Lu-ca phải dùng đến từ vựng của một cuộc săn bắn. Họ săn đuổi Chúa như người ta săn đuổi một con thú hoang, lúc thì họ chèn ép Ngài, lúc thì làm cho Ngài sợ hãi, xô đẩy Ngài, chọc giận Ngài để khiến Ngài nói những lời bất cần mà họ có thể nắm lấy để buộc tội Ngài hoặc gài bẫy Ngài. Trong khi đám đông tụ họp lại đông đúc lắm đến nỗi họ giẫm đạp lên nhau (12:1). Đối với các môn đồ có lẽ là sợ hãi lắm, trong một tình huống mà để lắm họ sẽ bị cám dỗ để nói những điều như đức tin là vấn đề cá nhân, và không cần thiết phải bày tỏ lòng trung thành của họ với Đấng Christ một cách công khai. Thế nên trước hết Ngài dạy họ phải xưng Ngài ra một cách công khai, dù cho việc làm đó có đáng sợ đến thế nào, và thứ hai là làm sao để đương đầu với sợ hãi và đắc thắng nỗi sợ ấy.

Ngài bắt đầu (xem 12:1-3) bằng việc cảnh báo họ chống lại sự giả hình trong điều họ thật sự tin. Điều mà Ngài cảnh báo họ đó là cuối cùng thì sự thật cũng không thể che giấu được: “Chẳng có sự gì giấu mà không phải lộ ra, chẳng có sự gì kín mà không được biết. Vậy nên mọi điều mà các người đã nói nơi tối, sẽ nghe ra nơi sáng; mọi điều mà các người đã nói vào lỗ tai trong buồng kín, sẽ giảng ra trên mái nhà.”

Từ “giấu” trong tiếng Hi Lạp trong câu 2 là “krypton” và nó dẫn chúng ta quay lại với đoạn 11:33 khi Chúa lưu ý rằng không ai lại thấp đèn mà để dưới “eis krypten” (i.e trong nơi kín giấu)...nhưng đặt trên một cái chân đèn để những ai vào nhà có thể thấy ánh sáng của nó.” Trong câu này, Chúa chúng ta cảnh báo mối nguy của việc để cho mắt bị che mờ đến nỗi ánh sáng của lẽ thật Chúa không chiếu



vào trong tấm lòng tối tăm của chúng ta. Còn ở đây trong đoạn 12:1-3, Ngài cảnh báo chúng ta chống lại mỗi nguy trái ngược, đó là từ chối để ánh sáng của Chúa đã xuyên qua tấm lòng chúng ta được chiếu sáng ra và được nhận biết cách công khai.

Nhưng làm cách nào mà một người có thể vượt qua nỗi sợ hãi mà đã lâu nay cảm dỗ khiến mình che giấu và cứ giữ mãi đức tin mình trong bóng tối? Chúng ta không bao giờ có thể loại trừ nỗi sợ (đó là sự thật, những nỗi sợ lành mạnh, không phải loại liên quan đến thần kinh): chúng ta không được tạo dựng để trở nên những người không biết sợ. Sợ hãi là một cơ chế bảo vệ mà Đấng Tạo Hóa đã đặt để trong con người chúng ta. Vì vậy Chúa Jêsus không đơn thuần bảo chúng ta đừng sợ hãi nhưng mà hãy biết chắc rằng chúng ta sợ những điều mà mình đáng phải sợ nhất, nhờ đó mà chúng ta được giải thoát khỏi sợ những nỗi sợ nhỏ hơn. Sợ người có thể giết thân thể chúng ta là một nỗi sợ không thể chối cãi được. Nhưng sau khi họ đã giết rồi thì họ không thể làm gì hơn nữa. Vậy nên nếu sợ bị con người bắt bớ đến nỗi khước từ Chúa là một cách nhìn thiển cận; vì Chúa có thể làm vô vàn điều để giải cứu chúng ta: "Nhưng ta chỉ cho các ngươi biết phải sợ ai: Phải sợ Đấng khi đã giết rồi, có quyền bỏ xuống địa ngục; phải Ta nói với các ngươi, ấy là Đấng các ngươi phải sợ!" (12:5). Hãy nhớ rằng nỗi sợ lớn nhất này sẽ giải cứu chúng ta khỏi các nỗi sợ nhỏ hơn.

Nhưng sợ năng quyền Chúa chỉ là một yếu tố trong giải pháp của chúng ta: yếu tố khác đó là đức tin vào quan điểm của Chúa về giá trị so sánh (xem 12:6-7). Con chim sẻ bị rơi xuống đất sẽ chẳng đáng giá gì đối với bạn nếu bạn đã có bốn con kia, nhưng con chim ấy vẫn đáng giá đối với Chúa. Thậm chí tóc trên đầu chúng ta cũng được đếm hết rồi. Vì vậy, dù chúng ta sống hay chết, Chúa biết hết tất cả những gì xảy ra cho chúng ta từng giây phút. Nếu đã vậy, điều duy nhất chúng ta cần biết đó là Chúa đánh giá chúng ta là đáng giá như thế nào. Chúa Jêsus phán rằng các con quý giá hơn những con chim sẻ nhiều lắm, thập tự giá của Ngài đã cho chúng ta biết chúng ta đáng giá hơn biết bao.

Tiếp đó là lời khích lệ chúng ta sắp xếp đúng thứ tự ưu tiên và cân đối trong một lãnh vực khác. Chúng ta sẽ thật vô cảm nếu không

thấy rằng việc bị người đồng loại khước từ là một điều thật đau đớn. Nhưng xưng nhận Đấng Christ thì có những lúc cũng bao gồm sự khước từ như thế. Vì vậy, chúng ta cần nhớ rằng có hai tòa án mà chúng ta cần lưu tâm. Tòa án của xã hội và quan điểm con người, thứ hai là tòa án của thiên đàng và đội thiên sứ trang nghiêm. Chúng ta cần quyết định xem được sự công nhận của tòa án nào là giá trị hơn. Chối Chúa trước mặt loài người trên đất này tức là sẽ bị khước từ trước thiên sứ của Chúa trên thiên đàng; trong khi xưng nhận Chúa Jêsus trước mặt con người thì sẽ được thừa nhận trước mặt thiên sứ của Chúa (xem 12:8-9).

Cuối cùng, trong đoạn 12:10-12, Chúa mời chúng ta hãy suy xét về tính nghiêm trọng của những tội lỗi khác nhau. Một lời nói nghịch với Con Người có thể được tha thứ, nhưng nói phạm đến Đức Thánh Linh thì không thể tha thứ được. Sự thích đáng của sự lưu ý này được tìm thấy trong câu cuối cùng đoạn 12:11-12. Là những người tin theo Đấng Christ, bây giờ Chúa cảnh báo các môn đồ hãy chuẩn bị vì họ có thể sẽ bị kéo ra trước tòa. Đó sẽ là một kinh nghiệm khủng khiếp đối với nhiều người trong số họ, nhưng Chúa an ủi họ và định thần họ bằng hai nhận thức. Trước hết, họ không cần lo lắng phải nói gì vào thời điểm họ phải tự bênh vực mình: Đức Thánh Linh sẽ dạy họ điều phải nói. Thứ hai, Đức Thánh Linh sẽ dùng những nhân chứng Cơ Đốc để bày ra trước tòa sự siêu nhiên, thiên thượng của Ngài và là chứng nhân sau cùng về thân vị của Đấng Christ. Cho nên việc Cơ Đốc Nhân bị đưa ra tòa không phải là hoạn nạn. Hãy để cho mỗi quan tòa, mỗi nguyên cáo, mỗi nhân chứng nói phạm lời chứng của Đức Thánh Linh qua những người tin Chúa một cách có ý thức, cố ý và tự do, để rồi trong sự ngu dại mình họ sẽ phạm vào một tội vĩnh viễn không thể được tha thứ. Trong khi còn sống họ sẽ vượt qua ngưỡng mà không thể quay đầu. Những hậu quả có thể xảy ra đối với các nhân chứng, quan tòa, và ban hội thẩm đoàn sẽ là rất nghiêm trọng đến nỗi những người tin Chúa tại tòa xót thương cho những người bắt bớ mình hơn là cho chính bản thân mình (xem Công vụ 7:60).

### **3. Quan điểm đúng đắn về tài sản (12:13-53)**

*a. Xung đột trong gia đình (12:13-21):* Câu chuyện đầu tiên trong

hoạt động 3, cũng giống như câu chuyện đầu trong hoạt động 1, đó là xung đột trong gia đình. Những điểm chính trong hai câu chuyện này là quá rõ ràng, nhưng đây là lúc để chúng ta lưu ý những điểm khác biệt. Câu chuyện trong hoạt động 1 quan tâm đến vấn đề nhạy bén trong việc phân chia thời gian giữa công việc và nghe lời Chúa. Câu chuyện trong hoạt động 3 thì liên quan đến vấn đề chia của cải một cách hợp lý. Vậy nên chủ đề của hoạt động 3 chủ yếu sẽ xoay quanh câu hỏi về sở hữu của cải vật chất. Cần nhận thức về của cải vật chất theo quan điểm đúng và học theo thái độ đúng dẫn dắt đối với của cải.

Một người nam bước ra từ đám đông và nói: “Thưa thầy, xin bảo anh tôi chia gia tài cho tôi.” Chúng ta không thể biết được người này thừa kiện anh mình là đúng hay sai, vì Chúa khước từ việc trở thành quan án hoặc người chia của cho anh ta. Có lẽ trường hợp của anh ta là đúng; nhưng Chúa không xem đó là bốn phận của Ngài phải phân xử tranh chấp tiền bạc của những người không phải là môn đồ Ngài (xem 12:14). Dĩ nhiên, một ngày nào đó Ngài sẽ hành động như “một quan tòa và người chia của” trên tất cả mọi người, nhưng thời kỳ đó chưa đến khi Ngài còn trên đất này. Thời kỳ đó vẫn chưa đến với ngày nay. Ngoài ra, Ngài đã biến việc khước từ phân xử trong trường hợp này thành một dịp để đưa ra một lời cảnh báo chống lại sự tham lam, và mối liên kết giữa các ý tưởng dường như là rõ ràng.

Khi nói đến việc sở hữu của cải vật chất, Chúa cho rằng đòi quyền hợp pháp về phía mình không nhất thiết phải là điều tốt nhất mà chúng ta nên làm. Có thể (dù không nhất thiết) đang khi tranh đấu cho quyền lợi tài sản được hợp pháp, đôi lúc chúng ta có thể bị thúc giục bởi lòng tham. Trong trường hợp đó, việc nhận được quyền lợi hợp pháp sẽ là một thắng lợi cho lòng tham của chúng ta. Chúa sẽ không bao giờ giúp chúng ta để đạt được một “chiến thắng” như thế. Ngài nói rằng: “Hãy coi chừng và cẩn thận về mọi thứ (tức là mọi kiểu và mọi trường hợp) tham lam” (12:15). Lòng tham rõ ràng là hiện ra với nhiều vỏ bọc, và trong nhiều trường hợp lòng tham nổi lên mà chúng ta không để ý đến.

Từ ngữ Hi Lạp chỉ về lòng tham là *pleonexia*, từ này rất hay: nó có nghĩa là “có, hoặc muốn có, nhiều hơn (nhiều hơn có nghĩa là hơn phần chia đều của một người). Nhưng lý do Chúa phán (12:15)

tại sao chúng ta nên cảnh giác đối với kiểu lòng tham này thì còn thú vị hơn nữa. Những bản dịch cũ hơn như bản AV, và nhiều bản dịch hiện đại khác, dịch từ Hi Lạp trong câu này “cuộc sống của một người không tại sự dư dật của vật chất mà người đó sở hữu.” Nhưng trong tiếng Anh từ “dư dật”, cũng giống như từ gốc trong tiếng La-tinh, có thể có hai nghĩa hơi khác nhau. Nghĩa gốc có nghĩa là “tràn trề” vì vậy có nghĩa là “có nhiều hơn điều mình cần”, “có dư”, “có vượt quá”. Từ ý nghĩa đó nó đã thường được sử dụng không phải chỉ “được dư dật” nhưng đơn giản là “có nhiều”. Tương tự như thế, danh từ liên đới là “sự dư dật” ngày nay thường được dùng để chỉ “sự đầy đủ”. Trong điều Chúa nói trong 12:15, trong tiếng Hi Lạp dường như là một trong hai ý nghĩa, nhưng trong truyện ngụ ngôn mà sau đó Chúa dùng để minh họa, đã bày tỏ khá rõ ràng từ đó có ý nói về “sự dư dật”, “có nhiều hơn điều mình cần”.

Dịch theo nghĩa đen trong tiếng Hi Lạp: “Đời sống của một người tồn tại không phải do những gì anh ta sở hữu vượt quá điều mình cần.” Vậy, Chúa chúng ta không nói rằng sự chu cấp hợp lý về vật chất trong đời này là sai hoặc không cần thiết: Ngài đang nói bản chất đời sống của một người vốn đã có đủ những điều tốt lành, cho nên sự sống của một người cũng không tồn tại nhờ những gì người đó có tràn trề vượt quá nhu cầu của họ.

Người giàu trong truyện ngụ ngôn đã có nan đề. Ruộng của ông sinh sản ra hoa màu dư dật đến nỗi ông có đủ để đáp ứng cho nhu cầu trước mắt nhưng có dư cho nhiều năm tới nữa (12:17-19). Vì thế, vấn đề của ông ta là thấy mình phải lên kế hoạch với số dư đó. Ông ta quyết định chừa vào kho. Nhưng điều đó dẫn đến một nan đề: Chừa ở đâu? Ông ta không còn chỗ để chừa (12:17). Ông ta đã giải quyết nan đề thứ hai này bằng cách quyết định phá bỏ những kho hiện có để xây lớn hơn, để chừa phần dư vào, và nghỉ hưu, và thụ hưởng cuộc sống cho những năm tới.

Chúa gọi ông là kẻ dại vì quyết định tích trữ phần dư của mình bằng cách ấy. Trước hết ông đã quên rằng sự sống thuộc thể chỉ là vay mượn. Sự sống đó có thể bị đòi lại bất cứ lúc nào. Thật ra nó đã bị đòi lại ngay chính đêm đó. Bởi vì sự sống thuộc thể của ông đã bị cất đi, rõ ràng ngay lập tức là ông đã thực hiện hai quyết định đáng

tiếc trong việc thu chứa của cải ở dưới đất. Trước hết, ông sẽ không bao giờ được hưởng nó, và rồi nó sẽ rơi vào tay kẻ khác (xem 12:20). Thứ hai, vì ông lên kế hoạch để dùng những của dư để tạo ra một kho tàng cho bản thân mà không đầu tư vào những lợi ích đời đời của Chúa nên ông sẽ không phải là giàu có đối với Chúa.

Từ đó, chúng ta rút ra được bài học lớn nhất của hoạt động này. Vật chất được ban cho không phải chỉ để duy trì cuộc sống của chúng ta dưới đất, mà còn để đầu tư vào những lợi ích của Chúa, để chúng ta có thể chuyển hóa vật chất thế gian tạm bợ thành sự giàu có đời đời. Nếu không đầu tư của cải theo cách này là tự tước đoạt của chính mình những sự giàu có không gì sánh nổi mà đáng ra mình phải có.

*b. Phước hạnh của đầy tớ thật (12:22-48).* Câu chuyện của người nông dân dại dột đã được kể ra cho đám đông, nhưng cũng được dành để phán với các môn đồ. Giờ đây Đấng Christ mở rộng chủ đề về “trở nên giàu có đối với Chúa” vì ích lợi của các môn đồ. Bài học đầu tiên liên quan đến sự lôi kéo của của cải trong lòng chúng ta: “của cải các ngươi ở đâu thì lòng các ngươi cũng ở đó” (12:34). Chứa của cải ở dưới đất, thì chắc chắn nó sẽ kéo lòng bạn hướng về đất. Chứa của cải ở trên trời thì nó sẽ kéo tấm lòng bạn, những mục tiêu của bạn, những tham vọng và những ước ao hướng về thiên đàng. Thiên đàng sẽ rất ít thực hữu đối với một người không sẵn sàng đầu tư tiền mặt vào đó và vào những lợi ích của thiên đàng, nhưng cũng với dấu hiệu đó thiên đàng trở nên thực hữu đối với người đầu tư vào đó.

Để đầu tư vào thiên đàng theo cách này, chúng ta cần phải được giải thoát khỏi sự lo lắng (câu 12:22) và sợ hãi (12:32). Nếu chúng ta lo lắng mình sẽ không có đủ thức ăn và áo quần, chúng ta sẽ dễ nhu cầu cơm ăn áo mặc trở nên nổi lo lớn nhất trong cuộc đời nếu chúng ta không cẩn thận, đến nỗi bỏ mặc hoặc hoàn toàn loại trừ những điều khác quan trọng hơn nhiều. Vì vậy, việc chúng ta có cái nhìn đúng đắn về cơm ăn áo mặc là vô cùng quan trọng. Cả hai thứ đều cần thiết để duy trì sự sống. Nhưng chúng ta không sống để ăn, đó không phải là mục đích. Chúng ta được ban cho thân thể cũng không đơn giản để dành hết thời gian và sức lực để chăm lo quần áo (12:22-23). Thân thể và sự sống được ban cho chúng ta là để chúng

ta tìm kiếm nước Chúa, luật lệ Ngài, ý Ngài. Chúa Jêsus nói rằng: “Hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời” (12:31), vậy là nhắc lại và củng cố lời khích lệ của Ngài trong đoạn 11:2 rằng điều trước hết trong lời cầu nguyện của chúng ta là nên cầu xin cho nước Cha được đến. Đó là điều chính yếu của cuộc sống: hãy tìm kiếm luật của Chúa và sự phát triển luật ấy trong đời sống chúng ta ở đây và ngay bây giờ; tìm kiếm sự gia tăng của luật đó trong đời sống của những người khác; tìm kiếm và cầu nguyện và làm việc để nước Chúa đến trên toàn cầu khi Chúa Jêsus Christ tái lâm. Như Đấng Christ đã hứa chắc rằng, nếu chúng ta từ chối việc sống như người thế gian, họ xem ưu tiên hàng đầu trong cuộc sống là cơm ăn áo mặc; nhưng thay vào đó đặt nước Chúa là mục tiêu hàng đầu, thì Chúa là Cha chúng ta – Đấng biết chúng ta cần thức ăn và áo mặc sẽ ban cho chúng ta (xem 12:30-31).

Chúa nói rằng hãy xem loài quạ. Chúng không gieo cũng không gặt, cũng không thâu chứa thức ăn. Vì thế, một người có thể nghĩ rằng trong chính thế giới đầy cạnh tranh này loài quạ không thể sống nổi. Nhưng quạ vẫn sống vì Chúa nuôi chúng (xem 12:24).

Có vài lời chú thích ở đây. Chúa không nói rằng chim trời không phải làm việc để có thức ăn. Chim trời phải làm việc rất chăm chỉ để kiếm thức ăn. Thứ hai, Chúa không nói rằng vì loài quạ không gieo không gặt và không chứa thức ăn cho mùa Đông, vì thế chúng ta cũng không nên làm việc. Chúa vẫn nuôi chúng bất kể thực tế rằng Ngài không cho chúng khả năng để làm những điều đó. Đối với loài sóc, Chúa cho chúng bản năng thu trữ thức ăn (dĩ nhiên là không phải trữ cho hai mươi năm sắp tới như người giàu đại đột kia!); đó là cách Chúa nuôi con sóc, và nếu con sóc không dùng khả năng đó, thì Chúa sẽ không nuôi nó một cách kỳ diệu. Còn chúng ta có những khả năng Chúa ban cho lớn lao hơn nhiều so với loài quạ và loài sóc. Đó là cách thông thường Chúa nuôi chúng ta. Thứ ba, Chúa cũng không quá phi thực tế đến nỗi không lưu ý rằng loài chim sẽ rơi vào tuổi già, bệnh, kẻ thù, đói kém: Vì Ma-thi-ơ 10:29 trích lời Ngài phán rằng không có một con nào rơi xuống mà Cha không biết. Ngài cũng không có ý nói sẽ không có người tin Chúa nào chết vì đói hoặc lạnh.

Điều Ngài nói đó là chừng nào Chúa thấy còn cần thiết để chúng ta sống trên đất để học và thực hành những nguyên tắc của vương

quốc, và hành động cho sự mở mang vương quốc, để cầu nguyện cho vương quốc đó mau đến, thì Chúa còn lo liệu cơm ăn áo mặc cần thiết cho chúng ta trong suốt thời gian đó. Trong sự khôn ngoan của Chúa, khi thời gian sống của chúng ta đã hết, chúng ta cũng không thể bởi lo lắng mà kéo dài sự sống thêm một giây nào: và khi thời gian sống đã chấm dứt, chúng ta sẽ không cần thức ăn và quần áo nữa. Vậy thì, tại sao phải lo lắng về những điều quá nhỏ vì ngay cả lo lắng về điều lớn nhất còn không ích gì? (xem 12:55).

Chúng ta hãy xem một ví dụ thực tiễn, để thấy ảnh hưởng của tất cả những điều này trong cuộc sống thường nhật. Tham gia vào hối lộ và tham nhũng rõ ràng là nghịch lại với các nguyên tắc của vương quốc Chúa. Một doanh nhân Cơ Đốc bị đe dọa đuổi khỏi công ty nếu anh không tán thành việc cho hối lộ, anh sẽ phải chấp nhận bị loại trừ và đối diện với nhiều tổn thất nếu muốn sống đúng theo nguyên tắc vương quốc. Nhưng Chúa bảo đảm cho anh có đủ của cải và quần áo để có thể vâng theo luật lệ của Chúa trong thực tế đời này. Hoặc trái lại, anh sẽ sợ và không dám tin cậy Chúa, cứ đồng lõa vào việc hối lộ để giữ việc làm và để có thức ăn, áo mặc cho chính mình và gia đình. Đối với tiêu chuẩn của Chúa, anh ta đã đánh mất mục tiêu chính của cuộc sống khi đưa nhu cầu cơm ăn áo mặc lên hàng đầu.

Chúng ta có giá trị hơn loài chim rất nhiều (xem 12:24). Trong câu 12:6-7, Chúa cũng dùng gần như những lời tương tự này để làm cho các môn đồ mạnh mẽ đối mặt với bắt bớ. Giờ đây trong 12:24 Chúa lại dùng những từ này để làm cho các môn đồ mạnh mẽ chống lại sự cám dỗ trong công tác hằng ngày. Trong một số quốc gia, Cơ Đốc Nhân bị bắt bớ vì đức tin của mình. Nhưng dường như những cám dỗ trong công việc hằng ngày đôi khi lại khó chống trả hơn những bắt bớ đến từ bên ngoài.

Chúa đã nói về thức ăn (xem 12:24), bây giờ Ngài nói về áo mặc (12:27-28). Sự kết nối ở đây không phải là chim mà là hoa được dùng như một thị cụ của bài học, vì câu hỏi giờ đây không phải là về giá trị lớn hơn của chúng ta mà là sự trường tồn của chúng ta. Loài hoa tồn tại trong một thời gian rất ngắn nhưng Chúa vẫn bỏ công sức làm đẹp cho chúng. Chúng sống quá ngắn ngày đến nỗi chúng ta

không nghĩ rằng đáng để bỏ ra nhiều công sức. Nhưng với Chúa thì ngược lại. Vậy chẳng lẽ Chúa không chu cấp quần áo và trang sức cho chúng ta (vì Ngài không chỉ ban vẻ đẹp lộng lẫy cho vua Sa-lô-môn và loài hoa hê) trong khi chúng ta tồn tại lâu ngày hơn sao?

Vậy đoạn 12:22-31 giải đáp câu hỏi về cơm ăn áo mặc; bây giờ đoạn 12:32-34 giải đáp câu hỏi chúng ta nên làm gì khi có của cải: “Hãy bán chúng và bố thí” (12:33). Để hiểu mạng lệnh này theo tỉ lệ đúng chúng ta cần chú ý vào mạch văn. Chúa không khẳng định rằng không một Cơ Đốc Nhân nào nên sở hữu bất cứ thứ gì, Ma-thê không phạm tội khi có một ngôi nhà (cũng xem trong Công vụ 5:3-4) mà chính Chúa cũng vui lòng vào trọ. Chúa cũng không nói rằng một Cơ Đốc Nhân có của cải là sai. Hoàn toàn ngược lại. Một người nên ước ao có được càng nhiều càng tốt. Tuy nhiên, điều đó có nghĩa là hãy chuyển chúng lên thiên đàng càng nhiều càng tốt, nơi chúng sẽ được an toàn khỏi bị mất mát, mất giá, cướp giết hoặc mục nát. Có nghĩa là ban cho người nghèo càng nhiều càng tốt (bất cứ loại người nào).

Cản trở lớn cho sự vâng lời Chúa là nỗi sợ hãi (12:32). Gia sản nhỏ bé của chúng ta dường như quá quan trọng và giá trị đối với chúng ta đến nỗi chúng ta cho rằng cho đi là mất mát. Để chống lại điều đó, Chúa đã đặt tài sản của chúng ta trong cái nhìn đúng đắn: “Hỡi bầy chiên bé nhỏ, đừng sợ vì Cha anh em đã vui lòng ban nước của Người cho anh em.” Hãy lưu ý thì quá khứ ở đây. Ngài đã vui lòng, Ngài đã quyết định. Thật ra, của thừa kế đã được xác quyết và bảo đảm bởi giao ước không thể bị rút lại (xem Ga-la-ti 3:15-29). Là người thừa kế của vương quốc đời đời, tại sao chúng ta lại sợ cho đi một ít tài sản tạm bợ này? Thật ra, tại sao nắm giữ quá nhiều của cải chúng ta không sợ, mà lại sợ hãi khi chuyển của cải ấy vào trong kho tàng đời đời (xem 12:33). Hãy cầu nguyện để chúng ta không rơi vào sai lầm của người Pha-ri-si trong 11:39-41: chỉ là hình thức và thói quen tôn giáo bề ngoài nhưng thực tế thì keo kiệt và thủ đoạn.

Trong đoạn 12:35-48, Chúa chuyển sang một nhận thức khác sẽ đặt việc sở hữu vật chất trong quan điểm đúng đắn cho một môn đồ: sự tái lâm của Chúa. Đây là bài học gấp đôi. Trước hết (xem 12:35-40), chúng ta không được để cho thái độ của mình đối với tài sản vật chất khiến chúng ta không sẵn sàng cho sự trở lại của Chúa.



Thứ hai (xem 12:41-48), khi Ngài đến, tất cả đầy tớ Ngài sẽ phải khai trình với Ngài cách họ đã sử dụng của cải mà họ sở hữu và với tất cả những tài năng và uy tín đã được ban cho họ.

Trước hết chúng ta không biết thời điểm Chúa tái lâm; nhưng dù là lúc nào đi nữa, Ngài muốn thấy chúng ta sẵn sàng phục vụ Ngài. Sự trông mong của Ngài là hợp lý. Để mượn ngôn ngữ trong câu chuyện ngụ ngôn Ngài kể và những nét tương đồng, nếu chúng ta mong Chúa sẵn sàng trả lời chúng ta khi chúng ta gõ cửa Ngài (11:9), vậy chúng ta cũng nên sẵn sàng và chuẩn bị cho bất cứ điều gì Chúa muốn chúng ta làm khi Ngài đến và gõ vào cửa chúng ta (xem 12:36).

Một mối nguy hiểm đối với của cải vật chất đó là chúng ta quá bận rộn với chúng đến nỗi chúng ta quên mất Chúa; có rất ít thời gian để thông công với Ngài hoặc phục vụ công việc Ngài. Trong trường hợp đó, nếu Ngài đến thành linh, làm sao chúng ta có thể ngay lập tức được Ngài thừa nhận là có chuẩn bị và có mức độ thân mật với Ngài, là điều Ngài hứa với những đầy tớ trung tín của Ngài (xem 12:37)? Hơn thế nữa, cuộc sống hằng ngày với những vấn đề thực tế về việc làm, cơm ăn áo mặc như chúng ta vừa thấy, là một nơi huấn luyện để chúng ta học tập đưa vào thực hành những luật lệ của vương quốc Chúa. Nếu sống giống như người thế gian (xem 12:20) chúng ta sẽ dùng cuộc đời đơn giản là để dự trữ kho báu cho bản thân trên đất; còn như người Pha-ri-si trong 11:48 thì chúng ta đã rất ít cố gắng đem tình yêu thương và công lý của Chúa vào thực hành trong đời sống hằng ngày; làm sao chúng ta chắc rằng khi Chúa đến Ngài sẽ thấy chúng ta trong tư thế sẵn sàng tích cực đồng cai trị với Ngài (xem 2Tim 2:12) để thực hành và nhấn mạnh về tình yêu và công lý như một chấp sự có trách nhiệm trong vương quốc Ngài?

Bài học thứ hai, cho chúng ta sự so sánh về người quản gia trong một đại gia đình, là người được giao gia tài của chủ để chi tiêu cho nhu cầu cần thiết của những người cùng hầu việc chủ với ông trong khi chủ đi vắng. Để có thể hiểu và áp dụng sự so sánh này một cách đúng đắn, trước hết chúng ta cần đặt câu hỏi mà bài học thứ nhất nhắc nhở trong tâm trí của Phi-e-ro: “Thưa Chúa, có phải Ngài kể chuyện này cho chúng con (đó là, cho những người thật sự cải đạo, những môn đồ tin Chúa) hay cho bất cứ ai khác (bao gồm người

chưa biến đổi, người không tin Chúa) nữa? (12:41). Câu trả lời mà cả phần còn lại của Tân Ước dành cho câu hỏi này là, chắc chắn là cho những môn đồ thật của Chúa là những người quản gia những ân tứ thuộc linh (xem 1Cô-rinh-tô 4:1-5; Tít 1:7; 1Phi-e-rơ 4:10-11), khi nói về những của cải vật chất và những ân tứ tự nhiên thì không ai được toàn quyền sở hữu: tất cả chúng ta chỉ là những quản gia. Chúng ta không mang gì vào trong thế gian này và như lão nông dại dột kia (xem 12:20), khi lìa khỏi thế gian cũng không mang gì đi cả. Của cải và những ân tứ tự nhiên chỉ là sự ủy thác tạm thời của Chúa cho con người, để họ có thể dùng chúng cho những mục đích tốt lành của đồng loại mình.

Tín hữu thật trong Đấng Christ sẽ luôn chứng minh mình là người quản gia trung tín; rồi khi Chúa tái lâm, người ấy sẽ được Chúa ban thưởng vì trung tín trong các việc của đời này, bằng cách Ngài giao cho họ cai quản với quyền hạn lớn lao vượt trời (xem 12:42-44). Tuy nhiên, nếu một người cư xử như một đầy tớ bất trung và thất tín, sử dụng của cải vật chất của mình và những ân tứ tự nhiên để hưởng thụ, lừa anh em, đàn áp người nghèo hoặc bắt bớ những đầy tớ thật của Chúa giống như người Pha-ri-si và những luật gia của đoạn 11:47-51, thì sự bất trung trong vai trò quản gia của họ bày tỏ rằng họ là người vô tín.

Khi Chúa trở lại, Ngài sẽ công bố rằng họ là người vô tín và sẽ xử họ một cách xứng đáng (xem 12:45-46). Thật ra có những mức độ khác nhau của sự trung tín và không trung tín, và những người tin kính tốt nhất sẽ phải phủ phục mà thừa nhận rằng mình là đầy tớ vô dụng (xem 17:10). Nhưng trong 12:45-46, Chúa chúng ta đang mô tả một trường hợp ở mức độ tuyệt đối và rõ ràng. Hãy để một người tự công bố điều anh ta muốn: nếu anh ta cứ liên tục và nhất quán trong hành xử của mình theo lối không tin kính thì anh ta không phải là người tin Chúa thật (xem Ê-phê-sô 5:5; 1 Giăng 3:10), trong lần trở lại thứ hai, Chúa sẽ phơi bày con người thật của họ. Vậy, chúng ta hãy chắc chắn rằng khi Đấng Christ trở lại chúng ta đủ tiêu chuẩn để được phước (xem 12:37-38) và được ban thưởng (xem 12:44) dành cho một người đầy tớ thật của Đấng Christ.

Sự đoán phạt sẽ lan rộng ra cho tất cả những người không tin

khi Chúa đến lần thứ hai, đã khiến Chúa đề cập đến hai nguyên tắc về sự đoán phạt. Trước hết, một người càng có nhiều kiến thức về ý muốn Chúa mà không làm theo thì hình phạt càng nặng (xem 12:47-48). Thứ hai, một người càng được ủy thác nhiều thì trách nhiệm càng lớn (xem 12:48).

*c. Quả trách sự chống đối (12:49-53).* Ngay từ đầu của hoạt động này, chúng ta thấy Chúa từ chối trở thành “quan án và người chia của” cho con người (12:14) trong suốt thời gian Ngài sống trên đất. Trong đoạn 12:41-48, Ngài đã chỉ ra rằng khi tái lâm, chắc chắn Ngài sẽ hành xử như một quan án và người chia của cho tất cả mọi người. Giờ đây trong phần cuối của hoạt động này, Ngài cho thấy có một sự nhận biết rằng Ngài là Đấng tối cao thực hiện việc chia của cho chính thời đại này: ngược lại với quan điểm thông thường, Ngài không đến để đem bình an trên đất nhưng đem lửa và chia rẽ (xem 12:49, 51).

Câu nói này cũng giống với những câu nói khác, phải được đọc trong văn mạch. Câu này không trái ngược với những câu nói khác trong Tân Ước: “và Ngài đến và giảng dạy hòa bình cho các người là những kẻ ở xa, và bình an cho những ai ở gần” (Ê-phê-sô 2:17). Nhưng con người là tội lỗi và ở dưới quyền lực của Sa-tan. Để có thể vào trong sự bình an với Chúa, họ phải được đánh thức ra khỏi sự tự mãn, phải ăn năn, tin cậy để được cứu.

Cố gắng cảnh tỉnh con người về tình trạng thật của họ sẽ gợi lên sự chống nghịch của cả con người lẫn Sa-tan như chúng ta đã thấy trong 11:15 và 11:53-54, và chúng ta sẽ lại thấy trong 13:14-17. Vì không phải tất cả đều ăn năn, cũng không mong muốn được cứu, thì sự phân rẽ phải xảy ra, và phải có những hậu quả tạm thời và đời đời. Chúa không đùa cợt với sự cứu rỗi của loài người; sự giảng dạy của Ngài không phải một trò đùa. Ngài không đến để nói với con người rằng họ tin gì không quan trọng, rằng thiện và ác cũng là một, cả bây giờ lẫn cõi đời đời, cho dù họ có tin Phúc Âm hay không, cho dù họ tin nhận Đấng Cứu thế hay chối bỏ Ngài cũng không quan trọng. Ngài đã đến để đem sự chia rẽ và ép buộc sự chia rẽ. Phải quyết định: ủng hộ Chúa hay chống nghịch Chúa (xem 12:23), ủng hộ Chúa hay ma quỷ (xem 11:15-20), ủng hộ sự cứu rỗi hay sự diệt vong, ủng hộ thiên đàng hay địa ngục. Nếu như quyết định của một

người đem đến sự chia rẽ dù là trong gia đình cũng đành phải chấp nhận (xem 12:52-53).

Trong khoảng hai năm hoặc hơn, Ngài đã rao giảng cho thế hệ của mình và sớm hay muộn thì thời khắc buộc phải có sự chia rẽ cũng phải đến. Dường như Chúa đã thiếu kiên nhẫn khi chờ đợi thời điểm ấy: “Ta đến để mang lửa đến trên đất, và Ta ước ao lửa đã được nhóm lên biết bao!” (12:49 NIV). Hậu quả của quyết định của dân Y-sơ-ra-ên sẽ rất nghiêm trọng, đến nỗi trong sự thương xót lớn của Chúa và giá trị vô lượng của Đấng Christ, dân Y-sơ-ra-ên vẫn không bị buộc đi đến quyết định cuối cùng về Chúa Jêsus cho đến khi họ được bày tỏ những bằng chứng đầy đủ về phép báp-tem của Ngài: sự chịu khổ, sự chết, sự chôn và sống lại của Ngài (xem 12:50). Chắc chắn rằng một phần của mục đích Ngài đến là “để làm sạch sân lúa mình” (xem 3:17); nhưng trong sự thương xót thiên thượng, Ngài sẽ không “đốt rơm bằng ngọn lửa không hề tắt” cho đến khi bởi chính sự chịu khổ vì cơn thịnh nộ của Chúa, Ngài đã làm cho tất cả mọi người tin Ngài đều được cứu khỏi lửa hủy diệt ấy.

#### **4. Đánh giá thời gian và thời kỳ cách chính xác (12:54-13:21)**

*a. Dân chúng và các dấu lạ (12:54-59).* Chủ đề của sự đoán phạt là điều đáng chú ý ngay từ những hoạt động trước của giai đoạn này tiếp tục không giảm sút cho đến hoạt động sau cùng này. Tại đây tính nghiêm túc vốn có được thêm vào tính khẩn trương bởi sự lưu ý về thời gian, về sự ngăn ngừa của khoảng thời gian giữa các sự kiện chia thời điểm hiện tại và sắp đến và những sự đoán phạt đời đời, về độ dài của các án phạt mà Tòa Án Tối Cao sẽ tuyên bố. Những bài học được dạy trong hoạt động sau cùng này tự nhiên sẽ trở thành những bài học dạy cho những người đồng thời với Ngài trong tình huống lịch sử đặc biệt của họ; nhưng các nguyên tắc ngầm của các bài học này vẫn thích hợp với chúng ta ngày nay.

Bài học đầu tiên đó là sự đoán xét đã gần rồi; và Đấng Christ quả trách thái độ giả hình của con người khi họ làm bộ như không thấy điều đó. Họ có thể giải nghĩa những dấu hiệu thuộc thể trong tự nhiên về một cơn bão sắp đến hay một đợt nóng cháy da. Vậy tại sao họ lại không thể đọc được các dấu hiệu của đạo đức và cơn bão thuộc

linh đang thổi lên xung quanh họ (xem 12:54-56)?

Ngay từ đầu chắc chắn người ta cảm nhận được sự oán hận của các thầy ký lục hàng đầu, những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê nghịch cùng Ngài. Trong một đất nước có lịch sử dài về việc bắt bớ các tiên tri thì sự oán hận đó báo trước điều gì? Sự buộc tội mà họ đã gán vào Ngài không phải là chuyện nhỏ: một vài tội đã đi quá xa như việc cáo buộc Ngài thuộc liên minh với Sa-tan (xem 11:15). Sự buộc tội là vô lý nhưng nó thể hiện quyết tâm khước từ Ngài thuộc về Đức Chúa Trời. Điều đó sẽ sớm trở thành một vụ án tôn giáo với một kết án đã được định trước: Một phán quyết về sự lộng ngôn và một bản án tử. Tại sao người ta không thể thấy điều đó cơ chứ?

Rốt cuộc, khi chính quyền đạt được điều mình muốn và xử tử Ngài, thì điều đó có nghĩa gì? Chắc chắn như thể theo sau trận gió nam sẽ là cái nóng cháy da, sau án chết của Đấng được xúc dầu của Chúa (xem 4:18) là cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên. Cả đạo đức lẫn lịch sử đều cảnh báo rằng đó là điều tất nhiên. Sự khước từ và bắt bớ của dân Y-sơ-ra-ên đối với các tiên tri của họ trong các thế kỷ luôn theo sau bởi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời theo hình thức lưu đày. Đấng Christ lớn hơn Sa-lô-môn, Giô-na và tất cả các tiên tri. Thực ra Ngài là Đấng Sẽ Đến mà các tiên tri đã nói (xem 4:17-21). Những người Pha-ri-si và luật gia đã chống đối mạnh mẽ lời công bố của Ngài. Nếu họ tiếp tục chống đối đến mức xử tử Ngài thì vụ án sẽ vượt ra khỏi tay họ mà vào tay tòa án thiên thượng và bản án được tuyên bố trên Y-sơ-ra-ên sẽ thật dài và nghiêm trọng (xem 12:57-58). Dân Y-sơ-ra-ên phải suy nghĩ thật nhanh và nghiêm túc để xem trường hợp họ chống lại Ngài là rỗng tuếch đến mức nào và trường hợp Đức Chúa Trời chống nghịch lại tội lỗi họ là mạnh mẽ dường bao; họ cần đến giảng hòa với Chúa Jê-sus trước khi quá muộn.

Đương nhiên chúng ta biết điều gì đã xảy ra. Y-sơ-ra-ên đã chính thức tiếp tục trong sự chống đối và trong vòng vài tháng ngắn ngủi đã xử tử Chúa. Chúa đã không chống lại cũng không trả đũa nhưng “phó mình cho Đấng phán xét công chính” (xem 1 Phi-e-rô 2:23).

Quan Án ấy đã công bố ủng hộ Chúa Jê-sus bằng cách vực Ngài

dậy từ kẻ chết và ban Đức Thánh Linh trong danh Ngài (xem Giăng 16:8-11, Công Vụ 2:36). Lúc bấy giờ Y-sơ-ra-ên mới chừa chỗ cho sự ăn năn. Nhưng với tư cách là một đất nước mà từ chối ăn năn, “con thành nộ đến trên họ ở mức độ cao nhất” (1Tê-sa-lô-ni-ca 2:16). Dân Y-sơ-ra-ên đã bị tản lạc giữa vòng Dân Ngoại và thành Giê-ru-sa-lem đã bị rơi vào tay Dân Ngoại để giày đạp cho đến thời kỳ của Dân Ngoại đã trọn (xem 21:24). Dân Y-sơ-ra-ên sẽ phải mất một thời gian dài để trả hết nợ tội của mình.

Quốc gia Y-sơ-ra-ên kinh nghiệm sự đoán phạt tạm thời của Chúa, tuy nhiên, đó chỉ là một phần của câu chuyện. Vẫn còn thêm phần còn lại đó là trường hợp của từng cá nhân Do Thái và Đấng Christ, và khả năng của trường hợp đó một ngày kia sẽ vào trong tòa án chung thẩm tối cao và nhận lấy án phạt đời đời. Ngay lập tức chúng ta nghĩ về những điều này, chúng ta hẳn phải nhận thức rằng không chỉ người Do Thái mà cả dân ngoại cũng ở trong cùng một vị trí. Cuộc sống là một hành trình sẽ sớm kết thúc, và sau cái chết là sự đoán phạt (xem Ê-phê-sô 9:27). Tất cả chúng ta nên cố gắng dàn xếp tốt những vấn đề giữa chúng ta và Đấng Christ trước khi chúng ta đi đến cuối đường, để vụ án của chúng ta sẽ không bao giờ bị đưa vào tòa án đó.

Đấng Christ không phải là địch thủ chính thức của bất cứ ai (ý nghĩa của từ Hi-lạp, *antidikos*, nằm sau bản dịch AV và RV là “kẻ thù” trong 12:58). Đấng Christ cũng không lên án ai, người Do Thái hay Dân Ngoại, trước mặt Cha (xem Giăng 5:45) như việc ma quỷ vẫn thường làm (xem Khải 12:10). Mặt khác Đấng Christ đã làm chứng cho chúng ta rằng có một bản án nghịch cùng chúng ta: công việc của chúng ta là gian ác (xem Giăng 7:7); và Ngài thúc giục chúng ta bước vào sự cứu rỗi của Ngài. Nếu chúng ta tranh cãi với Ngài về những điều này, hoặc làm ngơ và bản án của chúng ta bị đưa đến cuộc xét xử cuối cùng, thì Ngài cảnh báo chúng ta rằng phán quyết vẫn là phạm tội, và hình phạt cũng không gì khác ngoài hình phạt đời đời (Giăng 3:18, 19-36). Vì thế Ngài thúc giục chúng ta hãy tự xem xét bản án của mình và giải quyết nó trong đời này để nó không bao giờ phải bị chuyển vào tòa án của sự đoán phạt cuối cùng.

Phần khác trong Tân Ước Ngài phán rõ và thẳng với chúng ta

việc này sẽ được thực hiện như thế nào: “Ai nghe theo lời Ta mà tin Đấng đã sai Ta sẽ được sự sống vĩnh phúc, và khỏi phải bị đoán phạt, nhưng vượt khỏi sự chết để đến sự sống.” (Giăng 5:24) Trong tiếng Hi-lạp, câu này rõ ràng cách dứt khoát. Nó không chỉ xác nhận rằng người tin Chúa sẽ không bị xét đoán dù đúng là vậy. Nó xác nhận rằng bản án của người đó sẽ không bị trình lên tòa vì nó đã được giải quyết, và người tin Chúa đã vượt qua sự chết mà đến sự sống (Rô-ma 8:1).

Ngày nay, người ta không chịu cố gắng gì trong việc giải quyết các vấn đề như thế với Đấng Christ bởi vì họ không nhận biết rằng đó là điều có thể giải quyết được. Bằng cách này hay cách khác, họ đã để trong tâm trí mình rằng không thể can dự vào quyết định của phán quyết cuối cùng. Họ cần phải để Chúa Jêsus là Quan tòa trong vụ xét xử đó (Giăng 5:22) bảo đảm với họ đó là điều có thể giải quyết được.

Những người khác thì không thấy nhu cầu cấp bách phải giảng hòa với Chúa Jêsus. Họ chưa khám phá ra rằng bản án của họ nguy hiểm đến mức tuyệt vọng và Chúa đã tuyên phán như thế (xem Rô-ma 2:1, 3:19-23). Họ trôi đi trong cuộc đời này về hướng của phán quyết cuối cùng dưới một ảo tưởng đầy an ủi nhưng hoàn toàn sai trật rằng, họ không cần phải hoàn hảo, họ không tệ quá đến nỗi đáng bị đày địa ngục. Nếu họ cứ tiếp tục trong chủ nghĩa vô thực này, bị đày đi địa ngục là nơi họ sẽ đến. Họ cần được chỉ cho thấy tình trạng thực của mình là thế nào. Bài học tiếp theo của Chúa chính là dành cho họ và những người giống như họ vậy.

*b. Những bài học về sự ăn năn (13:1-9).* Bài học đầu tiên ở đây là chúng ta nên giải thích thế nào về những sự tàn ác, như Phi-lát đã vi phạm với một vài người Ga-li-lê (13:1-2), những tai nạn, như việc xảy đến cho vài người nam ở Si-lô-ê (13:4). Những người đồng thời với Chúa Jêsus, cũng như nhiều người trước đó và cả về sau này, tin rằng trong sự tế trị thần hựu của Chúa, các nạn nhân của những sự tàn ác và những thảm họa đổ xuống trên họ hẳn phải là những tội nhân phạm tội trọng, mà đã giấu kín, nay bị phơi bày qua những khổ nạn đặc biệt do Chúa cho phép xảy ra để trừng phạt tội lỗi họ. Chúa Jêsus bảo rằng sự giải nghĩa của họ đã sai.

Con người thời nay thì cho rằng sự tàn ác và thiên tai thường xảy ra cho người lương thiện trong khi những kẻ gian ác cực kỳ thì thoát được nên kết luận cách đầy khăng định rằng sự bất công đó chứng minh cho việc không có Đức Chúa Trời. Cách giải thích của họ cũng sai.

Một số tai nạn và thiên tai có thể do Chúa cho phép xảy ra trên một số người hoặc quốc gia như là sự trừng phạt tạm thời cho tội lỗi tàn khốc nào đó. Nhưng không phải tất cả sự hung ác và thiên tai đều có thể xem như là cuộc thanh tra của Chúa về những tội lỗi đặc biệt của những nạn nhân. Để suy luận bài học chính xác từ những sự việc đang diễn ra chúng ta phải bắt đầu theo một đường lối hoàn toàn khác.

Tất cả chúng ta đều là tội nhân. Nếu so sánh mình với những người khác, đôi khi chúng ta sẽ thấy có những khác biệt rất thật và rất lớn. Tuy nhiên, đó chỉ là những khác biệt về mức độ mà thôi. Những khác biệt ấy cũng không thể thay đổi một thực trạng rằng tất cả chúng ta đều thiếu hụt những yêu cầu của Đức Chúa Trời một cách đáng tiếc. Tất cả chúng ta đều phạm tội và không có lý do biện hộ nào cả. Tất cả chúng ta đều đứng trước cơn thịnh nộ của Chúa. Tất cả cuộc đời của chúng ta đều bị hư mất (xem Rô-ma 1:18-20, 2:1; 3:19). Điều lạ lùng không phải là một số người bị cho phép chịu đau khổ vì những sự tàn nhẫn và thiên tai, mà là có những người được tha bổng. Đó là điều đúng vì Chúa Jêsus đã khăng định một cách chắc chắn tới hai lần (xem 13:3,5), rằng trừ phi các ngươi ăn năn, nếu không tất cả đều bị hư mất, không nhất thiết do một số thảm họa hay thiên tai trên đất, mà dưới cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời toàn năng đời đời. Hơn nữa, thực tế chúng ta chưa bị hư mất không phải vì chúng ta trong khía cạnh nào đó tốt hơn những người đã bị quét vào nơi vĩnh cửu bởi thảm họa hoặc tai nạn. Đó là vì một nguyên do hoàn toàn khác, bài học thứ hai trong phần này sẽ làm rõ điều đó.

Bài học thứ hai (13:6-9) trong hình thức một dụ ngôn nói về một cây vả mà chủ đã ghé qua ba năm liên tục để tìm trái. Ông ta không tìm thấy trái nào nên đòi chặt bỏ nó nhưng người làm vườn nài xin lưu lại trong thời hạn một năm nữa để ông có thêm cơ hội làm tất cả những gì có thể để khiến cây ra trái. Nếu sau đó mà cây



vẫn không sanh trái, chủ có thể chặt bỏ nó. Ông sẽ không phải chờ thêm một năm nào nữa. Có thể không chắc chắn là có bao nhiêu chi tiết trong ẩn dụ này có nghĩa tượng trưng, nhưng có ba bài học chính nổi bật. Trước hết, Đấng Christ đang nói với những người đồng thời với Ngài rằng nếu họ không kết quả như Chúa mong muốn, họ sẽ không được lưu lại vô thời hạn. Dĩ nhiên, đối với những người khác cũng vậy.

Thứ hai, chúng ta để ý điều khác biệt giữa điều Chúa Jêsus nói ở đây và điều Giăng Báp-tít nói trong thời của ông (xem 3:9). Cũng dùng cùng một ngôn ngữ tượng hình mà Giăng Báp-tít đã cảnh tỉnh người ta rằng cái búa đã kề gốc cây. Chỉ chờ lệnh từ Chủ thì người làm vườn sẽ cầm nó lên và chặt xuống hết tất cả những cây mà Chủ không hài lòng. Nhưng lúc Chúa kể câu chuyện ẩn dụ này thì Chủ đã ra lệnh rồi. Ngài đã chờ ba năm (thời gian Chúa Jêsus đã thi hành chức vụ trên đất?) cho bằng chứng của sự ăn năn nhưng không tìm thấy loại trái đó nên Ngài đã ra lệnh chặt cây vả ấy. Lẽ ra cây đã bị chặt bỏ rồi nếu người trồng vườn không cầu thay cùng Chủ và đã được gia hạn thêm một khoảng thời gian ngắn để người có thể gắng sức lần cuối ưu tiên công tác trên cây để giúp cây sanh trái như đáng phải có. Vậy những người đồng thời với Chúa đang sống trong thời gian được vay mượn. Chúng ta cũng vậy (xem 2 Phi-e-rơ 3:9-12). Chúng ta tự lừa dối mình nếu nghĩ rằng sẽ không có phán quyết nghịch cùng sự không ăn năn và bất tín. Phán quyết đã được đưa ra (xem Rô-ma 3:19). Chúng ta phải ăn năn hoặc sẽ bị hư mất.

Thứ ba, những người đồng thời với Chúa không được gia hạn dài hơn chúng ta vì bản chất tốt hay công đức riêng của họ, chắc chắn họ không có đạo đức siêu phàm hơn những người mà họ qui gán là cực kỳ xấu xa. Nếu chúng ta hiểu câu chuyện ẩn dụ này, thì biết rằng họ được gia thêm thời hạn đó là nhờ lời cầu thay của Chúa. Thật vậy, trong 12:49-53, chúng ta thấy Ngài đã không kiên nhẫn nữa mà đem lửa xuống trên đất và đem vấn đề đến quyết định cuối cùng. Tại đây chúng ta thấy khía cạnh khác của tâm tánh Ngài: cũng cùng một Chúa Jêsus ấy trong sự thương xót thiên thượng nài xin tạm hoãn thi hành án tử để con người được kéo dài cơ hội ăn năn và được cứu.

*c. Đắc thắng sự chống đối (13:10-21).* Giờ đây chúng ta đang tiến vào

phần cuối của hoạt động 4. Cũng giống với hai phần đầu, phần này cũng lưu tâm đến câu hỏi về sự ngăn ngại của thời gian. Trong khi hai phần đầu cảnh báo chúng ta rằng con người có rất ít thời gian để ăn năn và được cứu thì phần cuối này bày ra mặt phải của vấn đề một cách hân hỉ: dù một người có bị Satan ràng buộc trong bao lâu đi nữa thì người đó cũng có thể được cứu tức thì vì sự cứu mang của Chúa, không ai cần phải chờ đợi dù chỉ năm phút đi nữa. Tuy nhiên, Chúa đã phải dạy bài học này trong cái nghiền răng phản đối của quan cai nhà Hội, là người tôn sùng luật pháp Chúa đến mức đòi buộc một người đàn bà muốn được cứu phải chờ cho qua hết ngày Sa-bát. Vì thế chúng ta cần nhận thấy tình trạng của người đàn bà và đặc tánh của phép lạ mà Chúa đã làm trên bà, và ý nghĩa thật của ngày Sa-bát.

Từ trước đó chúng ta đã thấy (trang 222) việc xảy ra thành linh với người câm và sự chữa lành cho ông ta trong 11:14-26 không chỉ là một phép lạ mà còn là một ẩn dụ. Câu chuyện đó rất giống và xảy ra cách rất tự nhiên như phép lạ chữa lành người đàn bà trong câu chuyện này. Dù chúng ta gọi tình trạng thuộc thể của bà như thế nào đi nữa thì chắc chắn nó cũng đã cướp đi một phần đáng kể của nhân phẩm bà: bà đã vĩnh viễn khò người xuống và không thể đứng thẳng lên được. Theo một quan điểm thì đó chỉ đơn giản là tình trạng sức khỏe. Theo quan điểm ngược lại thì thể đứng thẳng của một người chẳng qua chỉ là một dạng cấu trúc của cơ thể mà thôi.

Cũng như việc ma quỷ đã đánh cắp khả năng nói của người đàn ông trong 11:14-26, là điều đặc trưng của con người, một cách bày tỏ thuộc thể thích hợp về đạo đức, tâm linh và phẩm giá chính thức như là sự trao phó của Chúa, được tạo dựng theo hình ảnh Ngài để cai quản trên mọi vật thọ tạo (xem Sáng 1:26-27). Cũng vậy lưng còng là dấu hiệu của một tư thế điển hình mang vác nặng và đang ở dưới ách nô lệ, và như thế nó trở thành một ẩn dụ sinh động về ảnh hưởng của sự đàn áp và nô lệ. Hơn nữa tình trạng thuộc thể của người đàn bà không đơn giản vì lý do thể trạng. Chúa tuyên bố đó là do sự cột trói của Sa-tan là kẻ luôn có ác ý ngay từ ban đầu, tìm cách cướp đi quyền cai trị và nhân phẩm của con người và hạ con người xuống trở thành nô lệ. Có một số người nam, nữ bị còng lưng thuộc thể, nhưng về mặt đạo đức và thuộc linh thì tất cả người nam, nữ

sớm muộn gì cũng nhận ra rằng họ đang cúi đầu và chịu thua trước những nhược điểm mà họ không đủ sức để tự giải phóng mình.

Tuy nhiên, một ngày nọ như câu chuyện kể, người đàn bà này đã lê mình đến nhà hội để nghe lời Chúa vì đó là ngày Sa-bát. Lời Chúa nói gì về bà và tình trạng của bà? Thánh Kinh đã trình bày quá rõ ràng, không bị phức tạp hóa như cách giải nghĩa của phái Pha-ri-si. Giả sử như câu này: “Ngày thứ bảy là ngày nghỉ của Thiên Chúa người: người chớ làm một công việc nào hết... Hãy nhớ rằng người đã làm tôi mọi nơi xứ Ê-díp-tô, và Thiên Chúa Tự Hữu Hằng Hữu người dùng tay quyền năng giơ thẳng ra đem người ra khỏi đó.” (Phục truyền 5:14-15). Thậm chí là câu này: “Ta là Đấng Tự Hữu Hằng Hữu, Thiên Chúa của các người, Đấng đã đem các người ra khỏi xứ Ê-díp-tô, để cho khỏi làm tôi mọi. Ta đã bẻ gãy cái ách của các người, làm cho các người đi ngược đầu lên.” (Lê-viký 26:13). Tuy nhiên, quan cai nhà hội là người Pha-ri-si, và ông muốn nói với bà rằng nếu có lúc nào Chúa phán với bà, Ngài muốn giải phóng để bà có thể đứng thẳng lên thì chắc chắn đó không phải ngày này: đây là ngày Sa-bát và sẽ không vinh hiển danh Chúa nếu Ngài giải phóng bà khỏi sự cột trói trong ngày Sa-bát. Nhưng trước khi ông kịp nói bất cứ lời nào thì cánh tay quyền năng đã giơ thẳng ra và đặt trên bà và có tiếng phán với bà rằng: “Hỡi bà, bà đã được cứu khỏi bệnh.”; ngay lập tức bà đứng thẳng lên và tôn vinh Chúa. (13:12-13).

Quan cai nhà hội rất tức giận và mệt mỏi để thuyết giảng cho người ta về sự sai trái khi đến để được chữa lành trong ngày Sa-bát, nhưng Chúa đã phơi bày sự giả hình của ông và khiến ông phải ngậm miệng lại. Ông và những người cùng phe với ông đã không ngại thả bò và lừa của họ và dẫn đi uống nước trong ngày Sa-bát vì cho rằng đó là hành động của lòng thương xót. Nhưng đây không phải là một con vật mà là một con người, mà không chỉ là một con người mà là một con gái của Áp-ra-ham (xem 13:16) – là bạn của Chúa, bà cũng được kêu gọi như Áp-ra-ham để bước đi trước mặt Chúa (Sáng 17:1), và trong mười tám năm Sa-tan đã bẻ cong bà và cột trói bà tới hai vòng để bà không thể ngóc đầu lên, không thể nhliên trời hoặc nhìn thẳng mặt người khác mà chỉ vật lộn với thân phận khổ sở. Chỉ có lòng thương xót đối với con vật mà không có cho bà ư? Chỉ có tôn

giáo hợp pháp được cho phép thôi ư, thay vì giải phóng cho bà, để chất thêm lên tấm lưng đã gãy những gánh nặng không ai gánh nổi (xem 11:46)? Đấng Christ sẽ không can dự vào những việc như thế, nhưng Ngài đòi hỏi việc giải phóng một người ra khỏi xiềng xích của Sa-tan phải là việc cần thiết và không thể bị trì hoãn: thực ra sự giải phóng đã được thực hiện cách rất thích đáng trong ngày Sa-bát.

Bấy giờ, quan cai nhà hội và những người đồng tín ngưỡng đầy bối rối, còn cả hội chúng thì vui mừng về việc vinh hiển mà Chúa Jê-sus đã làm (xem 13:17). Đấng Christ đã đắc thắng. Thật vậy, sự giải thoát và phục hồi của người đàn bà vô danh trong một nhà hội không tên tại Pa-lét-tin theo cách nào đó chỉ là một thắng lợi rất nhỏ. Nhưng từ hạt giống rất nhỏ bé của thắng lợi đó sẽ mọc lên một cây lớn hơn và oai nghiêm hơn cây của Nê-bu-cát-nết-sa (xem Đa-ni-ên 4:10-22). Một ngày kia nhánh của nó sẽ vươn ra tận giới hạn của cả vũ trụ, đến nỗi cả cõi tạo vật sẽ nhận được sự giải cứu khỏi sự cột trói của mục nát mà vào trong sự tự do vinh hiển của Con Đức Chúa Trời, và tất cả mọi loài trên trời dưới đất sẽ tìm thấy an ninh, thỏa mãn, và vui mừng trong sự thống trị uy nghi của Ngài. Công việc của Ngài trên đất này là rõ ràng: chỉ có ít người trên đất nghe về Ngài. Nhưng cũng giống như men được ủ trong đồng bột, danh Ngài sẽ được loan ra cho đến khi sẽ không còn nơi nào trên trời, dưới đất và cả âm phủ mà không cảm nhận được sức mạnh trong quyền uy đắc thắng của Ngài (xem 13:18-21).

Trong khi đó Đấng Christ phục sinh sẽ tiếp tục cuộc chiến đấu chống lại sự biến dạng của Phúc Âm đã giam cầm người ta trong sự trói buộc, hoặc lại trói buộc người ta sau khi đã được giải phóng. Hãy nghe lời Ngài phản kháng qua môi miệng của Phi-e-rơ: "Tại sao anh em lại thử Chúa bằng cách đặt cái ách trên cổ các môn đồ mà tổ phụ và cả chúng ta cũng không mang nổi? (Công 15:10). Hãy đọc những gì Ngài viết qua ngòi viết của Phao-lô: "Đấng Christ đã giải phóng để chúng ta được tự do. Vậy hãy đứng vững, đừng đặt mình dưới cái ách nô lệ một lần nữa." (Galati 5:1). Nguyên xin Ngài khiến chúng ta nên những người đồng công với Ngài để "mở mắt họ, chuyển họ từ tối tăm qua sáng láng, từ quyền lực Sa-tan trở về cùng Đức Chúa Trời." (Công-vụ 26:18), cho đến khi người nam được giải thoát khỏi

tình trạng câm và người nữ khỏi tình trạng bệnh tật đang cai trị trên đời sống đến sự vinh hiển của Đấng Sáng Tạo qua Chúa Jêsus Christ Chúa chúng ta. (Rô-ma 5:17).

## **Đích Đến Đang Chờ Chúng Ta**

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

#### **Các Hoạt Động**

- 1 Sự họp mặt vinh hiển của các thánh đồ (13:22-14:6)
- 2 Sự thỏa mãn trong bữa tiệc với Đấng Mê-si-a (14:7-15:2)
  - 3 Niềm vui của sự cứu rỗi (15:3-16:18)
  - 4 Sự an ủi trên thiên đàng (16:19-17:10)

---

## *Giai đoạn 3*

---

# Đích đến đang chờ chúng ta

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

Giai đoạn ba nằm giữa cột mốc của hai cuộc hành trình đánh dấu trong đoạn 13:22 và 17:10. Phần đầu nhất (xem 13:22-30) lập nên chủ đề chính của đoạn. Để mô tả vương quốc sẽ đến, Chúa phán: “Rời từ Đông, Tây, Nam, Bắc, người ta sẽ đến ngồi dự tiệc trong vương quốc Đức Chúa Trời.” (13:29). Trong 14:15-24, ẩn dụ này được mở rộng thành một câu chuyện ẩn dụ mà Chúa Jêsus ví sự đến của nước Thiên Đàng như một bữa tiệc lớn. Cả hai phần đoạn này có đoạn giống với Ma-thi-ơ (7:21-23, 8:11-12, 22:1-14); nhưng trong đoạn 15:11-32 Lu-ca ghi lại câu chuyện ẩn dụ về người con trai hoang đàng mà không nhà truyền đạo nào khác ghi lại. Trong câu chuyện này, niềm vui vì người con trai hoang đàng trở về được bày tỏ qua buổi tiệc với âm nhạc và nhảy múa (15:23-25) và kết hợp với niềm vui trong những câu trước (15:7-10) nói về sự vui mừng vỡ òa giữa vòng các thiên sứ trước sự ăn năn của tội nhân. Rồi trong 16:19-31, Lu-ca có một câu chuyện lớn khác mà không nhà truyền giáo nào ghi lại. Câu chuyện kể về một người giàu mà ngày nào cũng ăn những bữa tiệc thịnh soạn (xem 16:19) nhưng trong đời sau lại phải chịu khổ trong cái khát đời đời. (16:24); nhưng câu chuyện cũng kể cho chúng ta về La-xa-rơ là kẻ ăn mày, người này trong đời này luôn mong có được những mảnh vụn rơi rớt để đỡ đói, nhưng trên trời thì được yên nghỉ trong lòng Áp-ra-ham và được yên ủi (xem 16:21,23,25).

Sự suy giảm về những niềm vui sẽ đến là việc vui thích, nhưng vì chính lý do đó mà giai đoạn này cũng được đánh dấu bởi một nỗi buồn không thốt nên lời. Đáng chú ý trong bốn phần đầu mà chúng ta vừa nhắc đến, đó là những con người vì một lý do nào đó đã đánh mất những niềm vui này. Hai nhóm người mà chúng ta thấy bỏ

lỡ một cách vô tình dù mỗi người vì một lý do khác nhau, và sự thất bại cuối cùng của họ thật thảm bại. Hai nhóm người khác bỏ lỡ một cách cố ý dù mỗi người cũng vì những lý do khác nhau. Việc khước từ sự cứu rỗi cách cố ý của họ thật đáng sợ.

Dĩ nhiên, khi hành trình của Chúa đem Ngài càng tiến gần đến đích của sự vinh hiển, một cách rất tự nhiên là Ngài càng phải nhắc nhở người ta một cách thường xuyên hơn nữa về hai điểm đến đang chờ họ ở cuối cuộc hành trình của cuộc sống: một là trong nhà Cha với bữa tiệc của sự vui mừng và thỏa mãn, hai là bên ngoài nhà Cha với những sự thất vọng và đau đớn đời đời. Vì người ta có thể bị lạc khỏi nhà Cha nên cũng dễ hiểu khi Chúa bỏ ra rất nhiều thời gian để phân tích cho chúng ta rất nhiều lý do khác nhau tại sao hành trình đi qua đời này của nhiều người lại kết thúc một cách quá thảm hại. Mục tiêu của Ngài là rõ ràng để cảnh báo chúng ta đừng đi theo thái độ ngưng đại chết người của họ.

Theo một quan điểm thì tư tưởng trong giai đoạn này trôi theo một dòng chảy xuyên suốt, phân đoạn cuối của một hoạt động cũng giúp giới thiệu về chủ đề của hoạt động tiếp theo. Tuy nhiên, nếu chúng ta lập ra bảng nội dung sắp xếp thứ tự cho bốn phân đoạn mang chủ đề chính sẽ giúp chúng ta nhìn thấy cách dễ dàng hơn mỗi phần của giai đoạn này liên hệ với nhau và với toàn bộ giai đoạn như thế nào.

## **Các Hoạt Động:**

### **1. Sự họp mặt vinh hiển của các thánh đồ (13:22-14:6)**

*a. Lời nài xin của kẻ hư mất bị từ chối (13:22-30).* Hoạt động đầu tiên diễn ra ngay lập tức vì tính khẩn cấp và cực kỳ thực tế của câu hỏi bao quát toàn bộ chủ đề của cả giai đoạn: câu hỏi về sự cứu rỗi và vào vương quốc sẽ đến của Chúa vào lúc cuối cùng. Ai đó đã hỏi “Thưa Chúa, có phải chỉ có một số ít người được cứu thôi?”

Chúa không trả lời câu hỏi của anh ta một cách trực tiếp, nhưng cuối cùng Ngài trả lời anh một cách rất rõ ràng: khi cánh cửa vào vương quốc cuối cùng bị đóng lại – và chúng ta nên lưu ý thực tế nghiêm túc là một ngày kia nó sẽ bị đóng lại – sẽ có nhiều người



không được vào.

Không chỉ thế: nhiều người nghĩ mình sẽ được vào nhưng sẽ không được vào. Họ sẽ khám phá ra quá muộn rằng những gì họ trông chờ là vô căn cứ và sai lầm: họ đã lỡ mất sự cứu rỗi một cách hoàn toàn không ngờ và không cố ý.

Chúa lưu ý hai điều về những người này: trước hết là sự ngạc nhiên của họ vì không được vào và sau đó là nỗi thất vọng và giận dữ của họ. Sự ngạc nhiên của họ thể hiện qua thực tế khi họ gõ cửa để được vào, Chủ nhà trả lời phía sau cánh cửa đóng chặt rằng Chủ không biết họ là ai hoặc họ từ đâu đến, họ quả quyết chắc chắn là Ngài biết họ vì trước đây họ đã ăn uống trước mặt Ngài và Ngài đã dạy dỗ trên các đường phố của họ (13:25-26). Từ điều này chúng ta gom góp những gì mà Ma-thi-ơ đã làm cho rõ ràng (7:21-23) rằng Chủ nhà không ai khác chính là Chúa Jêsus, và những người này đang đề cập đến một sự kiện rằng khi Ngài còn trên đất thì họ là những khách quen của Ngài, thậm chí là những gia chủ đã tiếp đãi Ngài tại những bữa tiệc tối mà Ngài tham dự: họ biết Ngài rất sơ sài. Hơn thế nữa họ đã có mặt trong các buổi Ngài giảng đạo: họ biết quan điểm của Ngài và cũng nhận lấy một số ích lợi trong những bài giảng của Ngài. Rõ ràng họ đã nghĩ rằng bấy nhiêu đó đã đủ để họ vào trong vương quốc Chúa. Họ đã kinh ngạc khi nhận ra điều đó không đủ.

Vậy điều kiện cần thiết để vào đó là gì? Chủ đã nói rõ: bất cứ ai muốn vào thì Chúa phải biết người đó cách cá nhân (xem Giảng 10:14-15, 27-29) qua mối quan hệ trực tiếp với nhau. Những người đứng bên ngoài rõ ràng chưa bao giờ có mối quan hệ như thế với Chúa. Họ vẫn là những con người cũ: “kẻ làm ác”. Khi còn sống trên đất, họ chưa bao giờ ăn năn tội lỗi mình một cách triệt để, chưa bao giờ tìm kiếm và nhận được sự tha thứ của Đấng Christ và món quà sự sống đời đời. Họ chưa bao giờ trở thành “người thuộc về Ngài” (Giăng 13:1), họ chưa bao giờ được tái sinh qua việc tiếp nhận Đấng Christ cách cá nhân để làm Đấng cứu Thế và Chúa của cuộc đời họ (xem Giảng 1:12-13). Vì chưa bao giờ tiếp nhận Ngài, nên giờ đây họ phải lìa khỏi Ngài.

Nếu sự ngạc nhiên của họ là kinh hoàng, thì sự giận dữ của họ là cay đắng (13:28-29). Trong ngôn ngữ tượng hình mà Chúa dùng,

họ được tả là đứng ngoài cánh cửa đóng nhưng có thể thấy bên trong qua lỗ hở hoặc cửa sổ của cánh cửa dẫn vào sảnh của bữa đại tiệc trong vương quốc Chúa; thật ra họ có thể nhìn thấy những vị khách đang đến và đang ngồi vào chỗ của mình tại bữa tiệc. Những vị khách đó đến từ nhiều giai đoạn trong lịch sử: có Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp và tất cả các tiên tri.

Không chỉ có người Do Thái là những người có mối liên hệ quốc gia với những tổ phụ vĩ đại này, nhưng còn những người đến từ mọi quốc gia và mọi vùng miền của trái đất. Thật là một buổi hội họp đức tin vĩ đại, thật là một sự tụ họp kinh nghiệm phong phú. Những câu chuyện tán gẫu nào sẽ được chia sẻ tại bàn tiệc đời đời đó với mọi người từ các quốc gia, là những người nhận biết, thông hiểu và gây dựng lẫn nhau bởi, vì mỗi người trong hành trình của đời sống, đã nhận biết Vị Chủ nhà.

Nếu đến gần Chúa ở trên đất này mà không tiếp nhận Ngài và không nhận biết Ngài cách cá nhân, thì sẽ vĩnh viễn không được vào trong buổi họp mặt vinh hiển của các thánh đồ, trong khi những người khác sống trong một thời kỳ cách xa hơn và trong những nền văn hóa khác lại tìm được đường vào (13:30) – ai có thể đo lường được nỗi tuyệt vọng và giận dữ của những người này? Vậy nên sẽ có khóc lóc và nghiến răng (13:28). Điều đó nên là mối quan tâm hàng đầu của chúng ta để biết chắc chắn rằng chúng ta sẽ ở trong vòng những người bước vào cửa hẹp (13:24).

*b. Thái độ của Đấng Christ đối với người nhất định khước từ Ngài: (13:31-35).* Phần đầu kể cho chúng ta điều mà vừa mới nghe có vẻ lạ nếu không nói là sốc: sẽ đến kỳ đến chính Đấng Christ ngăn cấm người ta đến với phước hạnh thật, dầu họ có van nài Ngài ở mức độ nào. Nhưng chúng ta không thể đọc chỉ đoạn đầu mà không đọc đoạn kế tiếp là đoạn nói về mặt kia của câu chuyện.

Thế nên giờ đây chúng ta được biết những người Pha-ri-si đã làm theo ý muốn giết Ngài của Hê-rốt nếu Ngài ở trong địa phận của vua. Những hiểu biết mù mờ của Hê-rốt về điều Chúa ủng hộ (9:3-9) có lẽ đã khiến ông sợ rằng Chúa sẽ lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa của những người theo Đấng Cứu Thế, và ông không muốn có bất cứ sự quấy rối nào trên lãnh thổ của mình. Hê-rốt không có hứng thú

gì về buổi tiệc thiên thượng và sự hội họp vinh hiển của các thánh cả: ông đã giết Giăng Báp-tít tại một trong những bữa tiệc của mình (Ma-thi-ơ 14:3-11). Ông chỉ thích thú đối với quyền lực chính trị và khoái lạc cá nhân. Chúa xem thường phẩm giá, tư tưởng xảo quyệt nhỏ nhen và những đe dọa của ông, và nhấn cho ông một lời quở trách sắc bén (13:32). Đấng Christ đang đi qua thế gian này theo một hành trình thiên thượng đã được định trước, bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Cha dành cho nhân loại qua vô số hành động của lòng thương xót và sự cứu rỗi. Những mối đe dọa của Hê-rốt sẽ không thể khiến Ngài tăng tốc hoặc cắt ngắn mục vụ của mình. Những sự đe dọa đó cũng không thể khiến Ngài sợ hãi: Ngài sẵn lòng và sẵn sàng và thực ra là định ý để chết. Miễn không phải là bị phó cho một chính trị gia tầm thường như Hê-rốt để giết Ngài vì lợi ích của những hành động chính trị hủ bại vật vãnh. Khi Chúa chết, Ngài sẽ chết ở một nơi và trong tay của những người sẽ khiến sự chết của Ngài có ý nghĩa lớn nhất. Một khi chúng ta đã nắm bắt được ý nghĩa đó, chúng ta sẽ được giải thích tại sao cuối cùng Ngài phải khước từ những lời nài xin của những người lạc mất.

Thành Giê-ru-sa-lem có nhiều thế kỷ dài tai tiếng giết hại các vị tiên tri mà Chúa đã sai đến với họ (xem 13:34). Đấng Cứu Thế biết điều đó trước khi Ngài xuống thế gian. Dù sao Ngài vẫn đến. Thành Giê-ru-sa-lem đang đứng trong nguy cơ đón nhận cơn thịnh nộ của Chúa vì sự khước từ các tiên tri của Đức Chúa Trời. Vì thế, Đấng Christ ban chính Ngài như là Đấng Cứu Rỗi cho họ, và kêu gọi dân thành một cách khẩn trương giống như gà mái túc con mình tìm chỗ ẩn trú và sự cứu rỗi dưới sự bảo vệ của Ngài. Lúc đầu khi Ngài kêu gọi, họ khước từ, Ngài biết rằng họ sẽ làm như thế; nhưng việc biết họ sẽ từ chối cũng không ngăn cản Ngài kêu gọi họ hoặc giảm nhẹ đi sự chân thành trong lời kêu gọi hoặc ý muốn cứu rỗi của Ngài. Ngài lại tiếp tục kêu gọi và kêu gọi rất nhiều lần nữa (xem 13:34); nhưng họ sẽ không được cứu. Nếu có một ngày mà Ngài phải khước từ lời nài xin của họ thì cũng chỉ vì họ đã từ chối Ngài hết lần này đến lần khác.

Còn hơn thế nữa. Khi họ định ý khước từ Ngài, Ngài tôn trọng ý muốn của họ, và chấp nhận sự khước từ của họ. Giê-ru-sa-lem là

thủ đô của chính Đấng Mê-si-a, và Giê-ru-sa-lem chính là nhà Đức Chúa Trời. Đấng Christ không dấy lên một đạo quân cũng không dùng quyền năng phép lạ của Ngài để đuổi hết kẻ thù Ngài ra khỏi Giê-ru-sa-lem và ném những thầy tế lễ phản loạn của Y-sơ-ra-ên ra khỏi nhà Cha mình. Thay vào đó Ngài để cho họ ném Ngài ra khỏi thành và khỏi đền thờ; và những gì thuộc về Đức Chúa Cha và thuộc về Ngài, Ngài để lại trong tay họ: Ngài bảo: “nhà các ngươi bị bỏ” (13:35). Đây là điều thú vị để suy ngẫm: nếu nhân loại dùng ý chí tự do mà Chúa ban cho để từ chối Đấng Cứu Thế thì cả Đức Chúa Trời và Đấng Christ đều không cai trị trên ý chí riêng đó hoặc lấy nó đi. Dĩ nhiên, điều đó không có nghĩa là con người yếu đuối có năng quyền đánh bại ý muốn của Đấng Toàn Năng: Ý Chúa luôn muốn loài người thực sự được tự do, và loài người có thể nói không với Chúa nếu muốn. Nhưng khi họ đến ngôi nhà mà chắc chắn Ngài làm Chủ mà không ăn năn thì Ngài cũng không bị buộc phải cho họ vào.

Trên hết chúng ta hãy để ý xem Đấng Christ đã chấp nhận sự khước từ của Giê-ru-sa-lem như thế nào. Khi lời nài nỉ sau cuối trong tất cả bao nhiêu lời của Chúa gặp phải sự khước từ kiên quyết của họ, như chúng ta tưởng tượng, Ngài có thể từ bỏ chuyến đi cuối cùng lên Giê-ru-sa-lem, rồi giao phó quốc gia này cho sự đau khổ tuyệt vọng không dừng, như là hậu quả của quyết định chết người của họ. Nhưng Ngài đã làm ngược lại. Ngài vẫn tiến hành cuộc hành trình đã được định trước lên Giê-ru-sa-lem, quyết tâm chết trong tay họ. Một ngày kia, dầu là bao lâu chẳng nữa, sự chết đó sẽ trở thành phương tiện để đem Y-sơ-ra-ên đến với sự ăn năn (Ê-sai 53:3-5), và là phương tiện thanh tẩy họ (xem Xachari 12:10-13:1), để khi Ngài tái lâm, họ nhìn vào Đấng mà họ đã đâm, họ có thể nói trong nước mắt ăn năn rằng: “Đáng chúc phước thay là Đấng nhân danh Chúa mà đến” (13:35).

*c. Nhu cầu của con người và quyền của Chúa (14:1-6).* Những người đứng bên ngoài gõ cửa nài xin: “Lạy Chúa, xin hãy mở cho chúng tôi. Chúng tôi đã ăn uống trước mặt Ngài” (13:25-26). Nếu chúng ta tưởng rằng lời nài xin của họ là bằng chứng của sự ăn năn chân thành thì giờ đây Lu-ca liên hệ với một sự kiện sẽ cho thấy việc “ăn uống trước mặt Ngài” có nghĩa là vì lòng ham thích của những người

này khi họ và Chúa còn ở trên đất. Một trong số những lãnh đạo của nhóm Pha-ri-si đã mời Chúa vào nhà ông để dùng bữa. Lu-ca đã tả một cách kịch tính là “Ngay tại đó trước mặt Ngài có một người mắc bệnh phù thũng” (14:2). Đấng Christ không thể không nhìn thấy ông.

Câu hỏi được đặt ra ở đây là làm sao ông có thể có mặt trong căn nhà đó và trở thành nhân vật nổi bật. Như tất cả những nhà giải kinh đã chỉ ra rằng rõ ràng ông ta không phải khách mời: khi Chúa chữa lành ông, Ngài cho ông về. Dường như ông đã được những người Pha-ri-si sai đến đó một cách có chủ ý, là những người sau đó theo dõi (14:1) để xem Chúa sẽ làm gì. Họ cho rằng chữa lành trong ngày Sa-bát là phá luật. Họ biết điều Ngài tin và dạy, nhưng họ đã dàn cảnh để xem Ngài có dám thách thức trước mặt họ, chữa lành người đàn ông và tự gán cho mình cái mác “kẻ phá luật”. Ngài hỏi họ nếu chữa lành người bệnh trong ngày Sa-bát có phải việc làm đúng không. Họ đã lặng thinh (14:3-4). Vậy Ngài chữa lành người bệnh và hỏi tiếp một câu. Họ lại im lặng. Họ không có câu trả lời nào để bào chữa chính mình (14:5-6). Nhưng điều đó không có nghĩa là họ đã sẵn sàng ăn năn hay thậm chí suy nghĩ lại về những ý tưởng của mình. Họ buộc tội Chúa đã sai, và cả sự việc tình cờ đã được sắp đặt để chứng minh rằng Ngài đã sai như thế nào. Dĩ nhiên họ hi vọng một ngày nào đó mình sẽ được thừa nhận trong bữa tiệc Đấng Mê-si-a; nhưng họ đã không thể ngờ rằng Chúa Jê-sus chính là Chủ nhà.

Nội chuyện họ không đồng tình với Chúa đã là một vấn đề nghiêm trọng. Vấn đề mà họ không đồng ý với Ngài cũng nghiêm trọng nữa. Điều đó thể hiện không gì hơn là thái độ của Chúa đối với nhu cầu của con người và sự cứu rỗi của loài người. Về phía họ, tôn kính Chúa và tôn kính luật lệ Ngài nghĩa là không được làm gì hết trong ngày Sa-bát. Trong điều đó thì ai cũng đồng tình vì đó là lời Chúa. Tuy nhiên, họ thêm vào rằng chữa lành một người trong ngày Sa-bát là công việc và vì thế sự tôn kính Chúa và sự vâng phục luật Ngài đòi hỏi rằng nhu cầu của con người dù lớn đến đâu cũng không thể được đáp ứng trong ngày Sa-bát. Họ phải đợi.

Đối với một số người, nghiêm túc đến thế là bằng chứng của sự thánh thiện cao cả, từ bỏ chính mình và tận hiến cho Chúa. Đấng Christ chỉ ra rằng đó là giả hình và sai trật. Ngay từ đầu, Chúa chỉ ra

rằng nếu con trai hoặc bò của họ bị té xuống giếng trong ngày Sa-bát, thì bất cứ ai trong số họ cũng sẽ chạy tới và kéo lên ngay lập tức. Nếu để thằng bé hoặc con vật ở dưới đó một chút thôi thì có thể bị chết đuối. Còn đây là một người đàn ông mà thân thể cứ căng lên vì nước và bệnh tật, sẽ rất sớm thôi, không ai trong số họ biết sẽ sớm tới mức nào, gây ra tử vong. Tại sao lại bắt ông ta phải chờ để được cứu trong khi họ không dám để cho con vật của mình chờ?

Câu trả lời không có gì liên quan đến sự tôn kính dành cho Chúa cả, nhưng tất cả chỉ vì sự kiêu ngạo và tư lợi của họ. Họ cho rằng bởi tuân giữ luật pháp Chúa mà họ đạt được công đức, và Đức Chúa Trời chấp nhận họ dựa trên công đức đó thì đương nhiên họ được vào trong vương quốc Ngài. Vậy nên họ thêm vào ngày Sa-bát những luật lệ khác khiến không còn là một ngày nghỉ và vui mừng trước mặt Chúa nữa mà là một bài kiểm tra nghiêm ngặt về khả năng giữ những luật lệ hà khắc và bất tận. Động cơ của họ đó là luật càng nhiều và càng nghiêm khắc thì họ càng chất thêm nhiều công đức cho bản thân. Sự giải thích của họ cho phép họ kéo con bò mình lên trong ngày Sa-bát vì nếu nó chết họ sẽ mất tiền. Nhưng họ buộc luật của mình chống lại việc một người được chữa lành trong ngày Sa-bát vì nếu người đó chết, họ không mất gì cả. Đó không phải là sự tin kính Chúa, cũng không phải là lòng tốt của con người nhưng là tư lợi cá nhân của chính họ và sự kiêu ngạo về thành quả mà họ quan tâm.

Theo Đấng Christ – và đây chính là điều gây bức tức cho những người Pha-ri-si – công đức của họ là vô ích. Sự thổi phồng về những thành tựu tôn giáo của họ chính là tình trạng bệnh lý tâm linh còn nguy hiểm hơn cả tình trạng phù thủng của thân thể đe dọa mạng sống bệnh nhân. Ngay từ ban đầu, sự chấp nhận của Đức Chúa Trời và việc bước vào vương quốc Ngài, không bao giờ, không thể và sẽ không hề cậy vào công bình riêng của con người. Hơn nữa, Chúa không bao giờ ủy quyền hay phê duyệt những thêm thắt hà khắc của họ vào luật ngày lễ Sa-bát của Ngài; thế nên việc họ giữ những luật đó không đem lại bất cứ công đức nào cho họ trong mắt Chúa. Tệ hại hơn nữa, những luật lệ của họ đã chất chồng thêm lên đến nỗi danh tiếng Chúa bị phỉ báng. Sự tôn vinh và quyền lợi của Chúa không bao giờ đòi buộc sự cứu chuộc của một người lại phải chờ đợi cả. Nếu

một người đang có một nhu cầu cấp thiết và nguy nan, Chúa luôn dành ưu tiên cho nhu cầu đó: Đồi Gô-gô-tha sau đó đã cho chúng ta thấy Chúa đã sẵn sàng làm như thế đến mức tối đa.

Tuy nhiên, những người Pha-ri-si chưa sẵn sàng từ bỏ thứ công đức hoang tưởng của mình. Theo họ thì Chúa Jê-sus đã sai, khái niệm của Ngài về Đức Chúa Trời và sự cứu rỗi cũng sai nữa. Cuối cùng khi họ đến trước cổng vương quốc, họ sẽ khó mà được vào chỉ nhờ đưa ra bằng chứng rằng dù sao họ đã từng mời Chúa ăn tối và tham dự vài buổi giảng dạy của Ngài, dù họ có bất đồng ý kiến với Ngài. Đấng Christ không phải là vị chủ tịch được bầu chọn dân chủ của một câu lạc bộ tôn giáo, trong đó mọi người dù quan điểm như thế nào, có đồng tình với vị chủ tịch hay không cũng vẫn có quyền vào đó. Ngài là Con của Cha và là Chủ nhà. Bữa tiệc là sự bày tỏ của Ngài về Đức Chúa Trời. Khước từ sự giảng dạy của Ngài chính là khước từ bữa tiệc.

## **2. Sự thỏa lòng của bữa tiệc của Đấng Mê-si-a (14:7-15:2)**

*a. Lời mời của Chúa bị từ chối (14:7-24).* Trong đoạn 14:1-6, Chúa Jê-sus đang ăn tối trong nhà một người Pha-ri-si. Ba ẩn dụ mà giờ đây Lu-ca ghi lại được kể khi Chúa đang ngồi chung bàn với những người khách trong nhà của một người. Chúng ta không cần phải dừng lại để suy xét xem đó có phải nhà của cùng một người Pha-ri-si và cùng trong một dịp đó hay không: chúng ta có thể để điều đó cho những nhà chú giải. Đối với các mục tiêu của chúng ta, chỉ cần lưu ý đến dòng chảy tư tưởng xuyên suốt không ngừng từ hoạt động 1 đến giờ là đủ.

Hai ẩn dụ đầu tiên trả lời câu hỏi về thái độ của khách và chủ nhà đối với những thú tiêu khiển trong thế gian đáng phải như thế nào; ẩn dụ thứ ba trả lời câu hỏi về thái độ của con người đối với bữa tiệc của Đấng Mê-si-a. Hai câu hỏi này có liên quan với nhau: thái độ sai trật đối với vui thú thế gian có thể cản trở người ta nghĩ về bữa tiệc thiên đàng.

Vậy, trước hết, Đấng Christ nhận xét một thực trạng đó là, đối với một số người thì điều thỏa mãn nhất trong một bữa tiệc cưới là cơ hội để quảng bá công đức ảo tưởng và sự ưu việt của họ. Họ

không thể chỉ thưởng thức bữa tiệc và tham dự một cách khiêm tốn như là một món quà đầy ân điển được ban cho họ, hoàn toàn không liên quan đến tầm quan trọng của họ, và cứ để cho chủ nhà dành cho họ ưu đãi bất ngờ đó là mời họ ngồi vào chỗ tốt nhất để mọi người có thể thấy họ nổi bật như thế nào; nếu không, họ không thể thực sự thưởng thức bữa tiệc.

Thứ hai, Chúa nhận xét về xu hướng chủ nhà không muốn mời những người nghèo là những người không có khả năng đáp trả lòng hiếu khách của họ. Bữa tiệc tối của họ đơn thuần chỉ là sự đối chác có tính toán. Khách mời sẽ cảm tạ chủ nhà như thể bữa ăn tối là cho không, nhưng trong lòng thì khách mời hiểu rằng người ta mong đợi mình đãi lại. Điều đó thể hiện sự thừa nhận của khách về mức độ thịnh soạn và sự vui hưởng của khách đối với bữa tiệc.

Những lời phê bình của Chúa về những thái độ không đủ tiêu chuẩn này đã khiến một trong những vị khách nhận xét rằng: “Phước cho người nào được dự tiệc trong nước Đức Chúa Trời” (14:15). Ý đó rất đúng: không ai được mời dự tiệc ấy dựa trên công đức riêng và ưu việt của họ, vì thế sẽ không có vị khách nào cướp lấy cơ hội để “diễn hành” những sự xứng đáng ảo của mình. Cũng không có vị khách nào được mong đợi sẽ đáp trả lại Chủ tiệc bằng những cư xử đúng đắn, từ bỏ chính mình, hay bằng việc giữ lễ tôn giáo; cũng sẽ không bao giờ có vị khách nào có thể đáp ơn Chủ nhà. Bữa tiệc thật sự là món quà miễn phí được ban cho bởi sự hào phóng thật của người Chủ tiệc. Tuy nhiên, lời nhận xét đã dẫn dắt Chúa nói xa hơn về bữa tiệc của Đấng Mê-si-a, nhưng lần này thì với một số điểm khác biệt bằng những mô tả trong đoạn 13:25-30.

Trước hết, Ngài mời gọi chúng ta chú ý đến sự ban cho hào phóng: đó sẽ là một bữa tiệc thịnh soạn với rất nhiều khách mời và nhiều món ăn được chuẩn bị kỹ lưỡng (14:16-17). Chắc chắn những sự thỏa mãn mà họ hưởng trong cõi đời đời sẽ ở một đẳng cấp cao hơn là sự thỏa mãn thuộc thể đơn thuần. Nhưng thậm chí ở dưới đất này thì một bữa tiệc cũng không chỉ đơn thuần để thỏa mãn cơn đói thuộc thể. Ấn dụ về một bữa tiệc khác với một bữa ăn bình thường; đảm bảo với chúng ta rằng không có thèm muốn nào, khao khát, hay ao ước nào được ban cho bởi Đức Chúa Trời là giả dối cả mà tất cả sẽ



được ban cho sự phong phú và trọn vẹn tuyệt vời.

Thứ hai, sự mô tả của Ngài về những người khách, là những người cuối cùng được thưởng thức bữa tiệc, không hề cập đến những vị thánh danh tiếng như Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và tất cả các vị tiên tri như trong đoạn 13:28 có nói đến, nhưng đề cập đến những người nghèo nàn, què quặt, đui mù, bại xuội (14:21). Đây là những người mà kinh nghiệm của họ trong đời này đã chế giễu họ, vì để lại trong họ những khái niệm trừu tượng về cuộc sống tưởng chừng như trọn vẹn, nhưng rồi khiến họ thất vọng về khả năng của mình, đánh lừa thềm khát của họ và bỏ mặc họ với đói khát sâu xa không bao giờ được thỏa mãn. Sự cứu rỗi ban cho họ còn vượt quá sự thỏa mãn mà họ khao khát.

Thứ ba, như trong đoạn 13:25-30 đã đề cập đến, có một số người bị lỡ mất bữa tiệc, tại đây cũng vậy, nhưng có điều khác biệt này: những người bỏ lỡ một cách không cố ý đã năn nỉ để được vào nhưng không được, những người đã bỏ lỡ cách cố ý thì lại được mời đến, được triệu tập vào giờ ấn định để ngồi vào chỗ, nhưng dần dần từ chối lời mời. Họ viện ra những nguyên cớ lịch sự nhưng rõ ràng là không vững vàng. Họ có thể đến nếu họ muốn: họ không hề muốn đến. Rõ ràng là bữa tiệc không đủ ngon đối với họ.

Câu chuyện ẩn dụ nhắc chúng ta nhớ rằng có vô số người khước từ sự cứu rỗi vì chính lý do này. Họ hưởng thụ những tặng phẩm của tạo hóa: còn chính Đấng tạo hóa thì họ cho là đáng chán. Họ khước từ sự cứu rỗi một cách có cân nhắc. Họ thừa nhận cuộc sống đời này không tốt như đáng phải có nhưng nó thỏa mãn họ; còn sự sống đời đời thì họ không cần nếm qua cũng biết là sẽ không thỏa mãn họ. Họ có quyết định của mình, họ sẽ không cần nếm xem vị ngon của bữa tiệc là gì (xem 14:24).

*b. Cái giá của môn đồ hóa (14:25-35).* Bữa tiệc thiên đàng là miễn phí. Nó đáp ứng mọi điều kiện của Đấng Christ về lòng hiếu khách thật: không cần trả tiền hay lập công đức, không ai có thể đáp trả lại cho Chủ nhà cả. Nhưng miễn phí không có nghĩa là rẻ. Hoàn toàn ngược lại. Đoạn này sẽ nói cho chúng ta biết rằng sự cứu rỗi là quý báu đến nỗi nếu được nhận như một món quà thì cũng đồng nghĩa với việc chúng ta phải bỏ hết mọi thứ khác. Chúng ta sẽ thật đại dột

nếu không chấp nhận sự mất mát. Hàng ngàn người đã và đang đối mặt với chọn lựa này tại điểm khởi đầu của đời sống Cơ Đốc. Họ thấy, rõ như Sau-lơ của thành Tạt-xơ đã thấy, đó là sự cứu rỗi là món quà miễn phí. Cùng lúc đó họ cũng thấy rõ rằng công bố đức tin nơi Đấng Christ sẽ phải trả giá bằng công việc, bạn bè, gia đình, có thể ngay chính mạng sống mình, và họ phải quyết định một bên là Đấng Christ và sự cứu rỗi, một bên và tất cả những điều khác. Tất cả những môn đồ của Đấng Christ phải sẵn sàng cho sự lựa chọn đó bất cứ lúc nào. Họ phải sẵn sàng “ghét”, có nghĩa là đặt vào hàng thứ nhì hoặc nếu cần phải từ bỏ tất cả mọi thứ khác (xem 14:26).

Thứ hai, Đấng Christ nhấn mạnh rằng không ai có thể trở thành môn đồ Ngài mà không vác thập tự giá mình và theo ngài (xem 14:27). Người đó phải sẵn sàng chấp nhận sự thù địch tương tự của thế gian như Đấng Christ đã chịu khổ. Nhưng còn hơn thế nữa. Một người đàn ông vác thập giá của mình đi trên đường một thành phố cổ thường là bị kết án hình sự hoặc một tên nổi loạn bị bại trận và kết án tử, bị tước hết quyền và tài sản và đang trên đường đến nơi thi hành án. Bất cứ ai công bố sự tha thứ vì có Đấng Christ đã chết thế chỗ anh ta, bằng cách ấy thú nhận rằng chính mình là một tội nhân đã bị tịch thu mọi quyền lợi và mọi thứ ngoại trừ những gì nhận được nhờ ân điển của Đấng Christ.

Không ai phủ nhận môn đồ hóa là tốn kém từ khi khởi đầu cho đến suốt hành trình. Chúa không che đậy sự thật này. Các môn đồ đang đối mặt với một dự án cực kỳ to lớn.

Cũng như tất cả những dự án xây dựng lớn hay cuộc xâm chiếm vĩ đại khác, cái giá của việc cru mang cho đến khi hoàn tất cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng và tiên liệu (14:28-33). Một hướng dẫn viên tình nguyện dẫn cả đoàn du khách không chuyên thực hiện một chuyến đi đầy nguy hiểm. Anh ta bảo đảm rằng sẽ dẫn mọi người đến nơi an toàn. Anh ta có thể làm việc vô lợi nhuận, và từ chối mọi phần thưởng. Nhưng anh ta cũng có thể đặt ra điều kiện rất hợp lý, đó là suốt hành trình mọi người sẽ phải giao phó chính mình, tài sản và đồ đạc dưới sự điều khiển của anh và vâng phục uy quyền anh ta mà không thắc mắc. Đấng Christ đảm bảo rằng Ngài sẽ đưa mọi môn đồ thật xuyên suốt hành trình cuộc đời đến bữa tiệc thiên thượng.

Trên đường đi Ngài sẽ dạy thái độ họ đáng phải có khi dự tiệc. Bữa tiệc là miễn phí, và Chúa cũng không đòi hỏi tiền công dẫn đường. Nhưng Ngài đặt ra một điều kiện bắt buộc đó là mỗi môn đồ phải khước từ mọi quyền hạn trên tài sản của mình (xem 14:33). Điều đó không có nghĩa là họ phải cho người khác mọi thứ. Như nhiều người vẫn lo lắng (bao gồm cả Hội Thánh), quyền hạn của họ trên tài sản của họ vẫn còn đầy (xem Công vụ 5:4) “Mọi thứ một người sở hữu” bao gồm không chỉ tiền bạc và vật chất, thời gian và năng lượng, tài năng, thân thể và tâm hồn, mà còn cả vợ con nữa. Rõ ràng, một môn đồ không bị đòi buộc phải giao vợ con mình cho người khác. Nhưng họ phải đầu phục những điều đó và tất cả những lãnh vực khác nữa cho Đấng Christ và phải sẵn sàng chấp nhận quyền của Đấng Christ trên mọi sự không nghi vấn gì cả. Muối là tốt; nhưng nếu muối mất mặn thì trở nên vô dụng. Liệu còn đáng được gọi là muối không? Một du khách không sẵn sàng mở bản đồ ra để nghiên cứu thì không phải một du khách. Một môn đồ không sẵn sàng để đi theo Chủ hoặc làm theo điều Chủ dạy bảo thì không phải là môn đồ thật (14:34-35).

*c. Những người Pha-ri-si chỉ trích Chúa (15:1-2).* Trong đoạn 14:1-6, người Pha-ri-si đã đặt để một người bệnh tại bữa ăn tối mà Đấng Christ được mời đến để buộc một cuộc thách đố: hoặc là phục tòng dưới luật giáo đoàn của họ đối với ngày Sa-bát và cứ để người mặc người bệnh, hoặc là chữa lành người bệnh trong ngày Sa-bát và tự bày tỏ mình là tội nhân vô tôn giáo trong mắt họ, vì đã bất chấp lễ nghi.

Giờ đây, họ lại chỉ trích Chúa lần nữa, lần này là về tình trạng suy đồi đạo đức: Ngài tiếp đón những người thu thuế và người sống buông thả, và chuẩn bị dùng bữa với họ. Đối với những người Pha-ri-si thì ăn uống chung có nghĩa là tha thứ cho tình trạng đạo đức tệ hại của những người này. Lời chỉ trích này rõ ràng là không công bằng. Họ đã bỏ qua lời dạy dỗ rõ ràng của Chúa Jêsus chống lại sự vô luân, lời dạy dỗ đó nghiêm khắc hơn nhiều so với sự dạy dỗ của chính những người Pha-ri-si (xem 16:18; Ma-thi-ơ 5:27-32); và cũng bỏ qua luôn cả mục đích mà những người thu thuế và những con người tội lỗi đó tìm cách được gần gũi với Ngài và bỏ qua cả động cơ của Chúa trong việc dùng bữa với họ. Họ đến để nghe Ngài giảng

(xem 15:1) và họ biết chính xác tiêu chuẩn đạo đức mà Ngài ủng hộ. Nhưng cũng giống như người con trai hoang đàng không thỏa lòng với vỏ đậu (xem 15:16-17), buồn bã tìm kiếm điều gì có thể thỏa lòng hơn, họ đã thử đi những bước đầu tiên trở về nhà Cha. Dĩ nhiên là Đấng Christ hoan nghênh họ, không chỉ là dự buổi truyền giảng chính thức nơi công cộng mà thôi. Ngài đã có lời mời dành cho họ đến dự một buổi tiệc sẽ có thể thỏa mãn ước ao chân thật nhất với sự bổ dưỡng và niềm vui tuyệt vời thay cho vỏ đậu mà họ đã ăn thử để cố thỏa mãn ham muốn xấu xa của mình. Ngài có thể giải thích lời mời với họ và chỉ cho họ thấy điều đó là thật và cách để nhận lời mời đó, vậy thì nơi đâu và cách nào thì tốt hơn là dùng bữa với họ và trò chuyện trên bàn ăn? Người Pha-ri-si tìm kiếm sự thỏa lòng bằng cách tuân giữ những luật lệ tôn giáo của họ một cách thành công, nhưng họ rất ít hứng thú trong niềm vui đem về cho Chúa những người đã vi phạm luật của Ngài. Điều đó là nghiêm trọng như hoạt động 3 sắp cho chúng ta biết, một trong những niềm vui chính mà Chủ Nhà mời chúng ta cùng chia sẻ tại bữa tiệc với Ngài, là niềm vui Ngài là Đấng Cứu Rỗi của loài người.

### 3. Niềm vui của sự cứu rỗi (15:3-16:18)

*a. Lời khẩn nài của cha bị khước từ: (15:3-32)* Cũng giống như đoạn đầu của hoạt động 2, phân đoạn này bao gồm ba ẩn dụ, trong đó ẩn dụ thứ ba mô tả về bữa tiệc. Dường như Lu-ca muốn chúng ta thấy được sự giống nhau giữa hai phân đoạn này, nhưng đặc biệt hơn nữa là thấy sự khác biệt. Giống như những nhân vật trong đoạn 14:16-20 đã từ chối lời mời đến dự bữa tiệc hoành tráng, người anh trai trong 15:25-32 từ chối bước vào nhà và tham dự buổi tiệc chào mừng em trai mình trở về; chỉ khác với những người trong đoạn 14:16-20, người anh cả từ chối bước vào không phải vì bữa tiệc không ngon mà theo dự tính của anh ta là nó quá ngon. Quá ngon không đáng dành cho người em trai phung phí của mình. Người cha bước ra và kêu nài anh ta cùng đi vào, nhưng anh ta đã giận dữ và từ chối (xem 15:28). Anh ta phản đối mạnh mẽ tất cả sự đó. Nếu em trai có thể bỏ đi, sống một đời phóng dăng, làm xấu hổ cả nhà, phung phí hết tiền của và cơ hội, và rồi trở về, bày tỏ sự ăn năn và ngay lập tức được chấp nhận, được tiếp đón long trọng, được đối đãi như thể chưa có

chuyện gì xảy ra, thậm chí được đối đãi tốt hơn bất cứ giai đoạn nào trong cuộc đời anh cả, vậy đó là phần thưởng cho tội lỗi và đời sống gian ác. Điều đó đã đem đến một sự nhạo báng đối với những năm dài anh cả làm lụng cực nhọc, đầu tư vào nông trại phục vụ cha như một tên đầy tớ. Nếu đó là ý tưởng của cha về sự tha thứ, về “sự cứu kẻ bị lạc mất”, thì anh ta không muốn can hệ vào.

Chúng ta đã được kể rất rõ ràng (xem 15:1-3) là ẩn dụ này nhắm vào người Pha-ri-si. Họ đã phản đối việc Đấng Christ tiếp nhận những người thu thuế và những nhân vật tai tiếng, và không khó để nhận ra là ẩn dụ này có ý áp dụng cho họ. Có lẽ điểm đầu tiên là hai ẩn dụ ngắn mở đầu chuẩn bị để chúng ta chú ý ẩn dụ lớn thứ ba: có một sự vui mừng tốt độ mà một người sẽ trải nghiệm trong việc tìm kiếm người bị lạc mất. Trong mọi công việc hằng ngày chúng ta đều nhận biết điều đó. Chính những người Pha-ri-si (xem 15:4,8) sẽ kinh nghiệm một niềm vui rất tự nhiên trong việc tìm kiếm một con chiên lạc, một miếng bạc bị mất, và bạn hữu của họ sẽ nhận biết giá trị tự nhiên của niềm vui đó nếu họ được kêu gọi để chia sẻ. Thực ra khi một tội nhân trở lại với Chúa thì tại thế gian này đã kinh nghiệm niềm vui là điều tương tự với thiên sứ nhưng thiên sứ kinh nghiệm ở một mức cao hơn. Vì thế, thật dễ hiểu khi người cha trong ẩn dụ thứ ba đã phản đối người con trai cả rằng ông (là cha) mở tiệc với nhạc và vui mừng khi tìm lại được đứa con đã lạc mất là một hành động hoàn toàn đúng đắn và hợp lý, và cũng hoàn toàn đúng đắn và hợp lý khi ông trông mong người con trai cả tham gia vào (xem 15:32). Nhưng người con cả không vào dự tiệc, đối với anh ta thì cha đã quá mềm yếu, nhu nhược và rõ ràng là không công bằng. Sự vui mừng này là vô luân.

Câu chuyện ẩn dụ muốn nhắc nhở người Pha-ri-si rằng họ đã không thông cảm với Cha và với các thiên sứ, và họ đã ở trong mối nguy hiểm của việc tự loại mình ra khỏi một trong những niềm vui chính của bữa tiệc thiên thượng. Ẩn dụ đó còn hiệu quả hơn nữa: nó diễn đạt giúp cho những người Pha-ri-si lý do tại sao họ không cảm thấy sự vui mừng trong sự cứu chuộc của những người thu thuế và tội nhân. Lời trách cứ của người anh cả đó là anh ta đã phải làm lụng như một đầy tớ cho cha mình trong nhiều năm, không bao giờ

vi phạm bất cứ ý muốn nào của cha và anh không bao giờ lấy bất cứ thứ gì để vui vẻ với bạn hữu, ngay cả một con dê con đi nữa. Vậy mà em trai chưa làm được gì, lại lãng phí hết của cải của cha trong sự phóng đãng đàng xấu hổ, chỉ cần quay trở về để được ban cho bò con mà gia đình đã nuôi cho mập để dành cho một dịp ăn mừng đặc biệt nào đó. Đó chính là ban thưởng cho tội lỗi và sự ích kỷ, mà hình phạt cho sự hết lòng nỗ lực của một người.

Những người Pha-ri-si cũng cảm nhận như thế đối với Phúc Âm của Đấng Christ về sự tha thứ và cứu rỗi nhờ ân điển. Họ đã thật sự làm việc cực nhọc để giữ các điều răn của Chúa. Giống như người anh cả, họ rất tự hào về thành tích của mình; nhưng điều đó chưa bao giờ đem đến cho họ bất cứ niềm vui nào, và không cảm nhận được Chúa chấp nhận, hay được đảm bảo về sự cứu rỗi. Sao lại có thể như thế? Một người không bao giờ có thể vui hưởng sự cứu rỗi và sự chấp nhận của Chúa theo những điều kiện đó (Rô-ma 4:4-7, Ê-phê-sô 2:4-10). Những người thu thuế và những tội nhân này đã phạm hầu hết mọi điều răn và sống đời sống đàng xấu hổ, nhưng bây giờ chỉ với sự ăn năn đơn sơ và đức tin họ đã được vui hưởng sự hoan nghênh của Chúa và trong lòng họ cảm nhận được Chúa hôn và chấp nhận; có vẻ như vì họ mà bữa tiệc hoành tráng đã được bắt đầu. Điều đó khiến những người Pha-ri-si tức giận và dĩ nhiên họ phải xem sự kiện này là giả tạo.

Tuy nhiên, ẩn dụ này còn chuyển tải một câu trả lời khác cho sự chỉ trích của những người Pha-ri-si. Bị kinh ngạc trước lời trách móc của người con cả, người cha đã chỉ ra rằng trong việc hoan nghênh người con trai hoang đàng, ông không hề hình phạt người con cả, cũng không cướp đi bất cứ điều gì thuộc về anh. "Tất cả những gì cha có, là của con", người cha nói. Nhưng điều này không làm cho anh nguôi ngoai. "Con đã làm nô lệ cho cha trong suốt những năm qua", anh ta nói, và anh ta có một tâm trí của một tên nô lệ. Anh ta không hề có một chút cảm nhận của một người thừa kế những gì cha mình có, đơn giản chỉ vì chẳng bởi công trạng mà anh lại được làm con của cha mình. Giống như một tên nô lệ anh ta nghĩ chỉ nhờ công khó của chính mình mới đạt được gia sản. Việc rộng lượng đối với một đứa con hoang đàng phá sản nhưng nay đã ăn năn, đối với anh không

phải là cách bày tỏ về sự giàu có mà anh chẳng đáng nhận lãnh, vì anh sẽ là người thừa kế tất cả những gì của cha, mà anh cho rằng sự rộng lượng ấy chính là sự lãng phí những thành quả của công khó mà anh ta không thể chia sẻ. Anh ta sẽ không tham gia vào sự vui mừng của bữa tiệc tốn kém đến thế.

Vì vậy, cũng vì những lý do tương tự, nhiều người vẫn cố ý tự đóng mình lại không chia sẻ với Đức Chúa Trời niềm vui trong sự cứu chuộc những người xấu xa bây giờ và về sau.

*b. Tính toán về công tác quản lý (16:1-3)* Ẩn dụ về người con trai hoang đàng giới thiệu về một người trai trẻ đã lãng phí hết của cải mình trong cuộc sống phóng đãng (xem 15:13). Ẩn dụ trong phân đoạn thứ hai này nói về một người quản gia đã phung phí hết của cải của Chủ, hay theo như chuyện kể (xem 16:1). Ẩn dụ đầu tiên trong hai ẩn dụ dạy dỗ rằng, nếu chúng ta đã lãng phí cuộc đời mình trong tội lỗi, và rồi trong giờ thứ mười một, trở về với Chúa trong ăn năn thật và đức tin; thì sự kiện mà chúng ta đã lãng phí cuộc đời mình không ảnh hưởng gì đến ân điển mà chúng ta sẽ nhận hoặc được Cha chấp nhận. Ẩn dụ thứ hai vén lên mặt trái của câu chuyện: nếu chúng ta lãng phí cuộc đời mình thì trong một ý nghĩa khác sẽ tạo nên ảnh hưởng đời đời.

Những phương pháp của người quản gia có thể không phải lúc nào cũng đúng: chúng ta đừng bắt chước những phương pháp ấy. Nhưng chúng ta phải bắt chước ông ta trong việc tiên đoán. Nhận biết rằng ông sẽ phải sớm rời bỏ địa vị của mình, và ông ta sẽ không nắm quyền kiểm soát trên gia tài của chủ được bao lâu nữa, ông đã dùng quyền quản lý tạm thời của mình trên những gia sản đó để kết bằng hữu cho chính mình, để khi ông phải từ bỏ công việc, họ sẽ tiếp ông vào nhà.

Chúng ta cũng ở trong vị trí tương tự. Không gì ta có trên đời này thuộc về ta cả. Chúng ta không đem gì vào trong đời này và chúng ta cũng sẽ không mang gì ra khỏi (xem 1Ti-mô-thê 6:7). Đơn giản chúng ta chỉ là những quản gia. Một ngày nào đó chúng ta sẽ phải ra đi và rời bỏ tất cả. Vì vậy, trong khi những của cải ấy còn ở dưới sự kiểm soát của chúng ta, ở đây Chúa gọi là “tiền của bất chính” (gọi vậy có lẽ bởi vì trong thế giới hỗn độn này, nó không

được phân chia cách công bằng?), chúng ta phải sử dụng chúng, không phải để đạt được sự cứu rỗi vì không gì có thể mua sự cứu rỗi: đó là một món quà; nhưng là để kết bạn. Không phải những người bạn hay thay đổi như loại bạn mà người con trai hoang đàng đã kết, mà là những người bạn sẽ hoan nghênh chúng ta vào trong thế giới vĩnh hằng và sẽ mãi mãi là bạn của chúng ta. “Hãy dùng tiền của bất nghĩa mà kết bạn, để khi tiền của ấy hết đi, họ sẽ tiếp các con vào nhà đời đời.” (16:9).

Chúng ta cần thực dụng một chút trong việc đoán trước về nước thiên đàng sẽ như thế nào. Ở một vài khía cạnh thì thiên đàng không nhất thiết phải hoàn toàn khác biệt với đời sống hiện tại. Chúng ta cần nhận biết là mặc dầu tất cả tín hữu đều được tiếp đón ở thiên đàng như nhau và được yêu thương như nhau, nhưng không phải tất cả đều có số bạn bằng nhau. Nếu khi các tài khoản được hiển thị, và thiên đàng nhận biết rằng bởi sự dâng hiến của bạn đã cung cấp những bản sao Phúc Âm Giảng để đưa cả một bộ tộc ra khỏi ngoại giáo đến đức tin nơi Đấng Christ, thì chẳng phải cả bộ tộc đó sẽ bày tỏ lòng biết ơn đời đời đến bạn, mà họ không bày tỏ lòng biết ơn với tôi là người đã chi tiêu xa xỉ toàn bộ số tiền dành dụm cho sự hưởng thụ cá nhân sao? Hơn nữa, khi câu hỏi liên quan đến mối quan hệ giữa chúng ta và Chúa như là Đấng Cứu Thế, dĩ nhiên đó là một tiến trình một phía mà Ngài thực hiện hết mọi điều trong sự cứu rỗi. Nhưng khi nói đến mối quan hệ của chúng ta với Ngài như một Người Bạn, thì mối quan hệ ấy là một tiến trình hai chiều: “con là bạn Ta”, Ngài nói (Giăng 15:14) “nếu người làm điều Ta truyền lệnh”. Nếu chiều của chúng ta trong tình bạn này bị thiếu, thì sẽ không tạo nên sự khác biệt sao?

Trong các câu theo sau của ẩn dụ, Chúa Jêsus tiếp tục để liệt kê một vài sự khác biệt đời đời mà quản lý không trung tín sẽ tạo nên (16:10-13). So với sự giàu có thật và đời đời, tiền của bất chính là một vấn đề rất nhỏ (xem 16:10-11). Nhưng cách chúng ta sử dụng nó tạo ra đủ cơ hội để chứng minh xem chúng ta có trung tín hay bất chính. Chúa nói nếu chúng ta không trung tín trong tiền của bất nghĩa, thì ai sẽ tin cậy mà trao cho chúng ta sự giàu có thật? Hơn nữa, không gì mà ta có trong thế giới tạm bợ này là của chúng ta cả. Nó chỉ



được giao cho chúng ta mượn vì được tin cậy trong thời điểm hiện tại. Trong cõi đời đời thì sẽ khác. Ở đó có phần thừa kế đời đời đang chờ chúng ta, giao ước với chúng ta trong và qua Đấng Christ (xem Ga 3:15-29). Nhưng sở hữu nó là một điều, đưa vào hoạt động, quản lý nó một cách thực tiễn lại là điều khác. Nếu trong đời này, chúng ta chưa trung tín với những gì thuộc về người khác thì ai sẽ đặt chúng ta trong hoạt động điều hành những gì thuộc về chúng ta trong đời sắp đến (xem 16:12)? Cuối cùng thì trong cách chúng ta dùng tiền của bất nghĩa trong cõi đời này có một vấn đề vô cùng quan trọng đang bị đe dọa. Chúng ta có thể dùng tiền bạc trong khuôn khổ và mục đích phục vụ Chúa; hoặc chúng ta có thể phục dịch nó như một dấu chấm hết cho bản thân. Nếu chúng ta làm theo điều sau, có nghĩa là chúng ta khinh thường Ngài và đặt Ngài lên hàng thứ hai (xem 16:13). Không ai có thể giả thiết rằng một cuộc sống khinh thường Chúa sẽ không tạo ra bất cứ khác biệt nào khi chúng ta về cõi vĩnh hằng.

*c. Người Pha-ri-si nhạo báng Chúa (16:14-18).* Trong đoạn 15:1-2, người Pha-ri-si chỉ trích Chúa là quá mềm yếu. Bây giờ trong đoạn 16:14, khi đã nghe Ngài dạy trong việc sử dụng tiền bạc cách đúng đắn, họ cười nhạo cho rằng điều đó quá khắt khe. Lu-ca nói rằng họ là những kẻ yêu tiền bạc; và điều đó giải thích sự cười nhạo của họ. Họ đã được bảo cho biết rằng tiêu chuẩn mà họ đã tự đặt ra cho chính mình và tự hào là đang quá thấp để được Chúa chấp nhận. Không chỉ là trong vấn đề tiền bạc. Đấng Christ thật đã ăn uống với những người mai dâm và kẻ thu thuế với mong muốn họ sẽ hoán cải; nhưng sự dạy dỗ của Ngài về dâm dục, hôn nhân và li dị thì khẳng định tư tưởng thiên thượng mà một số nhà phê bình Phúc Âm, thỏa mãn với chủ nghĩa luật pháp đơn thuần, đã không sẵn sàng để tăng lên tới mức đó, thậm chí không dám liên tưởng đến (16:18).

Ngày nay, chỉ có tôn giáo mà thôi thì vẫn thường làm thối chí người ta trong việc nhận sự cứu rỗi bởi đức tin, vì nó sẽ dẫn người ta đến lối sống cầu thả; trong khuôn khổ đó sẽ khiến một người cố gắng hết sức để giữ luật của Chúa. Rồi khi “cố gắng hết sức để giữ luật Chúa” mà không sản sinh ra được những điều như, sự thánh khiết trong đời sống, thì tôn giáo sẽ an ủi người ấy rằng dù sao Chúa cũng

rất hợp lý: chỉ một người cuồng tín mới nghĩ rằng Ngài muốn chúng ta giữ luật Ngài đến mức hà khắc như thế. Nhưng tôn giáo đơn thuần loại đó là giả tạo: không có danh nghĩa của tôn giáo nào được xây dựng dựa trên điều đó mà có giá trị thiên thượng. Thực ra kẻ tự an ủi mình với cái nhìn không nghiêm túc như thế về luật của Chúa đang ở trong mỗi nguy hiểm chết người như trong đoạn kể tiếp sẽ chỉ ra.

#### 4. Sự yên ủi trên thiên đàng (16:19-17:10)

a. *Lời nài xin của kẻ hư mất bị khước từ (16:19-31)*. Những người Pha-ri-si cười nhạo lời dạy của Chúa về thái độ đúng đắn đối với tiền bạc, họ không được xem là giàu có nhưng là những kẻ ham mê tiền bạc (16:14); và đó là hai vấn đề khác nhau. Những mối nguy hiểm vốn có của lòng ham mê tiền bạc giờ đây được nêu ra một cách nghiêm túc qua câu chuyện Chúa kể về một người giàu ăn mặc sang trọng và những bữa tiệc hoành tráng mỗi ngày, nhưng khi ông chết, ông bị xuống địa ngục.

Cũng giống những người trong đoạn 13:25-30, người giàu này đã hụt mất thiên đàng một cách không cố ý. Ông ta ước gì vô tình mình đang ở bên bờ kia của bờ vực (16:26) giống như những người kia mong vô tình mình được ở bên trong của cánh cửa đóng chặt. Ông ta van nài giảm bớt khổ hình cũng giống như họ van nài để cửa được mở ra; nhưng lời nài xin của ông đã bị khước từ giống như của họ vậy. Vậy tại sao ông bị mất sự cứu rỗi?

Đến đây chúng ta cần tiến hành một cách thận trọng, vì rất dễ để vội vàng kết luận rằng ông mất sự cứu rỗi bởi vì ông không đủ rộng rãi trong chuyện tiền bạc và không có lòng thương xót đối với người nghèo. Kết luận như thế cũng đúng nhưng chỉ là một nửa; và cũng như vô số những điều thật chỉ một nửa có thể dẫn đến những hiểu nhầm nguy hiểm. Có thể một số người nghĩ rằng nếu họ làm ngược lại với người giàu, họ đóng góp một phần lớn cho những người nghèo đói trong thế giới một cách đầy lòng thương xót, họ sẽ nhờ đó mà được bảo đảm quyền vào thiên đàng của Chúa. Dĩ nhiên không phải vậy. Lời Chúa xác nhận một cách rõ ràng rằng sự cứu rỗi không phải bởi việc làm, nhưng bởi đức tin (xem Êph 2:8-9, Tít 3:5).

Mặt khác, sự cứu rỗi không phải đạt được bởi tình yêu

thương và việc lành, nhưng nó luôn dẫn đến tình yêu thương và việc lành. Một lời tuyên xưng đức tin mà không bày tỏ thực tế bằng việc lành là không chân thật (xem Gia-cơ 2:14-24).

Đó là đối với người giàu: ông chưa bao giờ tin vào điều mà ông xưng ra trên môi miệng mình. Ông ta không phải là kẻ vô thần. Chúng ta cũng đừng bao giờ đoán rằng ông là một người Sa-đu-sê, là người không tin có sự sống đời sau. Giống như những người Phari-si mà Chúa đang kể chuyện, có lẽ ông đã công bố tin rằng Thánh Kinh là Lời Chúa và sau cái chết là sự đoán xét. Sai lầm của ông đó là chưa một giây phút nào ông xem trọng điều đó. Chúng ta có thể thấy được điều đó từ thái độ của ông. Điều răn lớn thứ hai trong Cựu Ước như thế này: “Người hãy yêu kẻ lân cận như chính mình”. Ngay tại cửa nhà ông, gần đến nỗi ông suýt vấp phải mỗi khi ra vào là người ăn xin nằm đó bị nhiễm khuẩn đau đớn và đói khát. Một vài miếng bánh nhỏ và vụn rơi xuống từ bàn ăn của ông có thể đã rơi đến tay người ăn xin nhưng cá nhân ông chưa bao giờ có ý định bày tỏ chút tình yêu và lòng thương xót đối với người ăn mày đó. Ông cho rằng vâng theo luật của Chúa hay không cũng không thành vấn đề - ít nhất ông nghĩ rằng điều đó không đủ để Chúa bỏ ông vào địa ngục vì ông không vâng theo. Chỉ có những tâm trí hẹp hòi và những hạng vô lòng mới tuân giữ kinh luật một cách khắc khe và nguyên văn đến thế. Ý nghĩ rằng Chúa sẽ bỏ ông hoặc bất cứ ai trong số những người bạn có tri thức, sành điệu, hay pha trò và bóng bẩy của ông xuống địa ngục là vô lý đối với ông. Không ai trong bọn ông tin điều đó. Chắc chắn ông cũng không tin. Sự vô tín mà đã khiến ông thụ động cuối cùng đã trở nên dứt khoát rõ ràng trong đoạn đối thoại giữa ông và Áp-ra-ham (16:27-31). Khi ông nài xin cho La-xa-rô đến để cảnh báo anh em mình, Áp-ra-ham đáp rằng điều đó là không cần thiết, vì anh em ông có Thánh Kinh để đọc. Lúc đó ông kháng cự rằng không ích gì vì có thể anh em ông sẽ không thấy những gì Thánh Kinh nói là đủ nghiêm trọng để phải ăn năn, trừ phi có sự hiện hình đặc biệt đến với họ. Người giàu đã rất chắc chắn về điều đó: chính bản thân ông đã không tin những gì Thánh Kinh nói và đó là lý do vì sao nay ông ở trong địa ngục.

Áp-ra-ham đã rất cứng rắn trong sự khước từ gửi La-xa-rô

đến cảnh tỉnh anh em của người giàu, và chúng ta phải nhận thấy lý do vì sao. Đó không phải do Áp-ra-ham hay thậm chí chính Chúa, quyết tâm ban cho người ta những bằng chứng ở mức tối thiểu. Nếu thấy và nghe về một sự hiện ra mà có thể khiến các anh em ông ăn năn thì mọi căn phòng họ ngồi, mọi con đường mà họ đi hẳn đã đầy những người sống lại. Nhưng những người sống lại không giúp gì họ được. Họ không cần được thuyết phục rằng sự sống đời sau là có thật, hay là sau cái chết là sự xét đoán, hay là có địa ngục. Họ cần phải được thuyết phục rằng việc họ bỏ bê luật lệ Chúa là đủ nghiêm trọng để khiến họ phải xuống địa ngục. Đó là vấn đề luân lý, và cuối cùng là một câu hỏi về đạo đức của Chúa. Vậy bằng chứng cao nhất trong vấn đề này chính là nguyên văn trong lời Ngài phán hướng dẫn lương tâm đạo đức của các anh em và sự suy xét. Đối với chúng ta cũng vậy. Nếu sự xét đoán đạo đức của chúng ta quá thiếu trách nhiệm đến nỗi làm nhẹ đi lời cảnh báo trong lời Chúa về tội lỗi của chúng ta trước mặt Chúa (xem Giăng 3:18, Rô-ma 1:18,20, 2:1-3:20), thì dù có thấy bao nhiêu người sống lại cũng không đủ thuyết phục chúng ta rằng cá nhân chúng ta đang ở trong mối nguy của sự đoán phạt trừ phi chúng ta ăn năn.

Câu chuyện người giàu và La-xa-rô không phải là một ẩn dụ, và rõ ràng là không phải. Nhưng ngôn từ được dùng trong câu chuyện để mô tả tình trạng cuối cùng của họ thì rõ ràng là nghĩa bóng. Chúng ta sẽ được hướng dẫn để so sánh nghĩa bóng được dùng ở đây và những nghĩa bóng mà Chúa dùng trong đoạn 13:22-30. Ở đó kể hư mất hiện diện để thấy Áp-ra-ham và những vị khách khác đến trong bữa đại tiệc và nài xin để họ được vào, nhưng bị bỏ ở ngoài vì cánh cửa đóng. Dĩ nhiên, không có ý tưởng nào về cánh cửa bị đóng để những người khách không đi ra. Trong phân đoạn này của chúng ta, người giàu cũng tương tự có thể thấy Áp-ra-ham và La-xa-rô nhưng lần này thì họ ở cách xa (16:23). Ở giữa họ không có cánh cửa đóng, nhưng có một cái vức, mà không chỉ ngăn không cho người giàu qua bên La-xa-rô mà còn ngăn không cho La-xa-rô qua bên ông nữa (16:26).

Trên thế gian không có vức sâu nào ngăn giữa người giàu và La-xa-rô: người ăn mày nằm ngoài cổng vườn nhà ông. Không khó

cho người giàu để thấy được nhu cầu của La-xa-rơ: bệnh tật của ông ta là một bằng chứng lớn. Bài học mà Chúa đặt ra cho người giàu là rất rõ ràng, và cơ hội để yêu thương người lân cận như chính mình thật gần và dễ biết bao. Có bao giờ ông muốn mang La-xa-rơ vào nhà mình, chữa lành bệnh tật, và mời anh ta ăn một bữa. La-xa-rơ mà được đối đãi như thế hẳn đã trở thành người không chỉ mang đến niềm vui mới và sự thỏa lòng cho cuộc đời người giàu mà còn phát triển tâm tánh của ông nữa. Nhưng người giàu đã đặt một vực sâu không thể vượt qua được của sự thiếu lòng thương xót ích kỷ giữa mình và kẻ ăn mày bệnh tật.

Giờ đây trong cõi đời đời, một loại vực sâu khác phân cách họ vĩnh viễn. Người giàu không thể qua bên La-xa-rơ để làm bất cứ việc tốt nào cho anh ta: dù sao La-xa-rơ cũng không cần. La-xa-rơ cũng không thể qua bên người giàu để giải phóng ông ra khỏi hoàn cảnh của ông và cải thiện tình trạng của ông. Người giàu phải lìa bỏ lại đằng sau tất cả sự giàu có và những món ăn xa xỉ của mình: nhưng ông phải mang theo tâm tánh của mình. Tâm tánh của ông như thế nào thì vẫn cứ như thế ấy. Thậm chí trong mối quan tâm của ông về anh em mình, ông đã vĩnh viễn mất bất cứ cơ hội nào để giúp đỡ họ trong điều mà bây giờ ông mới thấy là quan trọng nhất. Và điều đó hành hạ ông.

Hãy dành suy nghĩ cuối cùng của chúng ta hướng về La-xa-rơ. Sau sự đau khổ của cuộc sống, giờ đây ông ta được an ủi (xem 16:25). Ông ta được mô tả là “ở trong lòng của Áp-ra-ham”. Khi sống trên đất, rõ ràng ông ta là con cháu thật của Áp-ra-ham, là ông tổ của những người có đức tin. Thực ra, chắc chắn phải có một đức tin rất mạnh để có thể chịu đựng vai trò mà ông đã được kêu gọi để làm trọn mà không từ bỏ đức tin nơi Chúa một cách hoàn toàn. Vấn đề về sự chịu khổ vẫn là một bí ẩn lớn. Nhưng đây là phần rõ ràng: sự chịu khổ của một số người tạo cho họ những cơ hội, dù họ có nắm lấy những cơ hội ấy hay không, vì sự phát triển phẩm hạnh trong một số người sẽ hiếm có được nếu họ không trải qua khổ nạn. Một giáo sĩ y tế có lòng tin cậy Chúa để gieo ra đức tin thực tế bằng sự phục vụ tận tâm đối với những người bị phung, đã phát triển một tâm tánh rất giá trị thật và còn lại mãi mãi, và chắc chắn Chúa sẽ ban thưởng

cho ông trong đời sau. Nhưng đây là cơ hội, bởi phải có những người bệnh phung để ông phục vụ; và làm người phung thì khó hơn nhiều so với làm giáo sĩ y tế được hoan nghênh. Vậy sự chịu khổ của người phung là để làm gì? Có lẽ chúng ta không cho rằng chỉ vì sự đau khổ của họ đã cho phép họ vào thiên đàng, còn quý hơn sự giàu có của người giàu đã tự động gửi ông xuống địa ngục. Nhưng nếu những bệnh nhân phung là con cái thật của Áp-ra-ham thì đức tin của họ đã được tinh lọc qua sự khổ nạn, “sẽ đem lại sự ca ngợi, vinh quang và tôn trọng khi Đức Chúa Jê-sus Christ hiện đến.” (1Phi-e-rơ 1:7). Chúa sẽ yên ủi họ vì Chúa dùng tất cả những đau khổ như phương tiện trong tay Ngài để khiến tâm tánh con người nên trọn vẹn. Đây là sự thật, một số người nhạo báng tín lý rằng những La-xa-rơ của đời này sẽ được yên ủi trong đời sau. Họ nói thế để khích lệ cách suy nghĩ rằng sẽ không vấn đề gì quá lớn nếu bỏ mặc những người như La-xa-rơ. Dường như họ quên điều Chúa Jê-sus kể đã xảy ra với người giàu vì bỏ mặc La-xa-rơ.

*b. Thái độ của các môn đồ trước một dịp vấp phạm không thể tránh được (17:1-4).* Nếu đức tin thật, chân thành và năng động là luôn quan trọng như chúng ta vừa thấy, thì không có tội lỗi nào nghịch lại một anh em có thể nghiêm trọng cho bằng việc làm cho anh ta vấp ngã trong đức tin, hoặc bẻ gãy đức tin đó trong Đức Chúa Trời, trong thần tánh của Đấng Christ, trong năng quyền của lời Ngài, trong giá trị của sự cứu chuộc Ngài và sự thật về sự cứu rỗi của Ngài. Trong thế giới không hoàn hảo này, Đấng Christ phán rằng không thể không gặp phải những hòn đá vấp chân, nhưng hậu quả trách nhiệm của những người gây ra thì thật là nghiêm trọng, đến nỗi tốt hơn là cột hòn đá vào cổ họ và ném xuống biển trước khi họ làm tổn hại đến đức tin của một người nữa, để không làm vấp chân thêm một người nữa.

Vậy, một môn đồ thật có hai nhiệm vụ đặc biệt trong mối liên hệ này. Anh ta phải quở trách anh em mình khi người đó phạm tội (17:3). Một số người có vẻ thích làm điều đó; và nếu họ làm, rõ ràng là họ không làm theo thái độ đúng đắn. Hầu hết chúng ta không cảm thấy vui thích và bởi sai lầm của tính nhút nhát chúng ta chọn không làm điều đó. Nhưng nếu sự im lặng của chúng ta khiến người khác

nghĩ rằng sai lầm của họ không thành vấn đề thì số phận của họ sẽ đi về đâu? Trong vấn đề này cũng như trong tất cả những vấn đề khác, Đấng Christ là tấm gương của chúng ta. Ví dụ như Ngài quở trách “con cáo Hê-rốt”, dù nói như thế là Ngài đang liều cả mạng sống, nói theo cách của loài người (xem 13:31-33).

Thứ hai, một môn đồ thật phải tha thứ cho người anh em đã ăn năn, dù cho anh ta có phạm lỗi và xin tha thứ bảy lần trong một ngày (xem 17:4). Chính Chúa không bao giờ khước từ sự tha thứ đối với người ăn năn thật. Nhưng thật là một thảm kịch nếu một người tuyên xưng rằng mình biết Đấng Christ mà lại từ chối tha thứ cho anh em mình, khi người đó ăn năn và người anh em bị ấn tượng rằng sự ăn năn là vô hiệu, vì thế sau này họ không ăn năn tội lỗi nữa dù là đối với con người hay đối với Chúa. Vậy nếu bảy lần trong một ngày dường như là một con số bất khả thi khi phải tha thứ cho một người anh em phạm tội, thì hãy để người môn đồ nhớ đến Đấng Christ. Ngài đã kêu gọi Giê-ru-sa-lem chấp nhận sự bảo vệ của Ngài. Họ đã khước từ Ngài biết bao nhiêu lần. Bất chấp điều đó, bao lần Ngài đã làm mới lại sự thương xót của Ngài trên họ (xem 13:34).

*c. Quyền lợi của Chúa và nhu cầu của các môn đồ (17:5-10).* Đối mặt với những trách nhiệm đòi buộc như thế được nêu ra trong phân đoạn hai, các môn đồ cầu xin Chúa ban thêm đức tin cho họ.

Họ đã nhận một câu trả lời đầy khích lệ rằng dù cho đức tin nhỏ bằng hạt cải cũng có thể nhổ được một cái cây và đem trồng dưới biển. Dù đối với đức tin mạnh thì một số nhiệm vụ vẫn khó khăn. Nhưng đức tin có năng quyền như thế cũng có khả năng sẽ tạo nên trong chúng ta thái độ sai trật: chính thành công đạt được khiến chúng ta hống hách và kiêu ngạo thuộc linh. Vì thế Chúa tiếp tục dạy chúng ta phải có thái độ nào đối với Chúa nếu là đầy tớ Ngài.

Chúa hỏi: “Ai trong các ngươi có đầy tớ đi cày hoặc đi chăn chiên, khi nó vừa ở ngoài đồng về mà bảo: “Hãy đến đây ngồi xuống ăn ngay đi!” Trái lại chẳng phải các ngươi bảo nó rằng: “Hãy dọn cho ta ăn, thắt lưng phục vụ cho ta cho đến khi ta ăn uống xong thì ngươi mới ăn uống” sao?” (17:7-10). Lời nói của Ngài và điểm nhấn quan trọng nằm trong từ “ngay” có thể giúp ích trong việc nhắc nhở chúng ta về sự so sánh với phân đoạn 14:1-6 và bài học mà phân

đoạn đó dạy chúng ta (trang 265). Nếu Chúa luôn đặt sự cứu rỗi của con người lên trước những nghi thức và sự chúc tụng ngợi khen Ngài, thì chúng ta là những người đã được cứu phải luôn đặt công việc Chúa lên trước lợi ích cá nhân. Chắc chắn chúng ta không được để trong tâm trí mình rằng chúng ta đã phục sự Ngài cực kì tốt nên bây giờ chúng ta có quyền đặt nhu cầu và sự thỏa mãn cá nhân lên trước nhu cầu của Ngài. Chúng ta không bao giờ có thể ghi nợ Chúa vì chúng ta đã phục vụ Ngài. Nếu sau khi chúng ta đã phục vụ Ngài tốt, như chúng ta nghĩ, mà Chúa có vẻ như không cảm ơn chúng ta hoặc biết ơn chúng ta (17:9), nhưng tại sao chúng ta lại trông chờ Ngài làm điều đó? Khi chúng ta đã làm hết mọi điều mà Ngài yêu cầu, dù sao đó cũng chỉ là bốn phận mà chúng ta buộc phải làm. Tại buổi đại tiệc, chính Chủ sẽ phục vụ chúng ta (12:37). Chẳng lẽ điều đó không khiến chúng ta được thôi thúc để bắt lấy ngay từng cơ hội phục vụ Ngài trước hay sao?



## **Chuẩn bị đồng trị với Đấng Christ**

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

#### **Các hoạt động**

- 1 Trên đường đến vương quốc Chúa (17:11-18:14)
- 2 Trên đường bước vào vương quốc (18:15-19:28)

---

## *Giai đoạn 4*

---

# Chuẩn bị đồng trị với Đấng Christ

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

Giai đoạn bốn nằm giữa hai cột mốc của hành trình tại đoạn 17:11 và 19:28. Hầu hết những tài liệu này chỉ tìm thấy trong sách Lu-ca cả về nội dung lẫn vị trí.

Trong đoạn 17:22-37 cả một phân đoạn dài nói về Con Người Đến. Đường như hầu hết bài học được lập lại suốt Tuần Thánh (xem Mat 24:26-28, 37-41); chỉ có Lu-ca nói với chúng ta rằng Đấng Christ đã dạy bài học đó trên đường đi lên Giê-ru-sa-lem.

Ấn dụ về người đàn bà góa và quan tòa bất chính trong đoạn 18:1-8 chỉ có trong Lu-ca. Ấn dụ này đề cập rõ ràng về sự đến của Con Người (18:8).

Chủ đề của ấn dụ về nén bạc trong đoạn 19:11-27 là phần thưởng cho đầy tớ Đấng Christ trong lần thứ hai Ngài đến. Chỉ có Lu-ca tường thuật Chúa chúng ta kể ấn dụ này trong chuyến Ngài đi lên Giê-ru-sa-lem.

Vậy sự đến của Đấng Christ và sự cai trị của Ngài trên khắp đất sẽ là những chủ đề chính của của giai đoạn này. Lúc này thì Chúa đã đi khá xa trong hành trình của mình, và theo lẽ tự nhiên, Ngài càng gần đến thủ đô thì những câu hỏi khi nào nước Chúa được đến càng hỏi thường xuyên hơn. Một số người tưởng tượng rằng nước Chúa sắp đến trong bất cứ thời điểm nào (xem 19:11) và thật là hứng thú cao độ đối với họ khi nghĩ rằng họ đang hộ tống Con vua Đa-vít trên đoạn đường mà chỉ còn vài bước nữa thôi là hướng về ngai vàng và sự cai trị hoàn vũ của Ngài.

Vậy, theo Lu-ca, bài học nào Đấng Christ nghĩ là phù hợp và cần thiết cho nhân loại trong giai đoạn này của cuộc hành trình? Hẳn nhiên là Ngài cần chỉnh đốn quan điểm của họ đúng thời điểm. Hai lần Ngài phải thốt ra rằng những sự kiện nằm ngay phía trước họ

là Ngài sẽ bị chối bỏ, bị đóng đinh, bị chôn, và Ngài sẽ sống lại (xem 17:25; 18:31-34). Sau đó Ngài kể ẩn dụ về người đàn bà góa và quan án không công bình (xem 18:1-8) để cảnh báo họ trước rằng đức tin họ sẽ bị thử thách lớn bởi một sự trì hoãn rõ ràng trong sự xác minh của Đức Chúa Trời về con dân của Ngài và trì hoãn trong sự đến của Con Người (18:1,8) dù trong sự tính toán của Chúa thì những sự kiện này sẽ sớm đến. Trong ẩn dụ về nén bạc, chúng ta được thông báo một cách rõ ràng (19:11) nó được kể ra để chống lại suy nghĩ phổ biến rằng vương quốc Chúa sắp đến, và để dạy môn đồ rằng họ sẽ có được một thời kỳ giữa sự thăng thiên và tái lâm của Ngài để phục vụ cách có trách nhiệm.

Dù Chúa nói về những vấn đề cần chỉnh sửa và giải thích, nhưng mục tiêu chính của sự dạy dỗ Ngài trong giai đoạn này là tập trung sự chú ý của các môn đồ vào vương quốc sẽ đến. Tại thành Giê-ru-sa-lem sẽ có đau đớn. Nhưng Ngài đang trên đường đi “đến một xứ xa để được phong vương rồi trở về” (19:12); và nếu môn đồ Ngài không thể hộ tống Ngài suốt chặng đường đến xứ xa trong lúc này, thì họ cũng cần biết phải trông chờ điều gì khi Ngài trở lại và chuẩn bị mình như thế nào cho điều đó.

Vậy trước hết chúng ta không chỉ lưu ý đến điều quan trọng mà còn chú ý về sự cân xứng mà Lu-ca đã tạo ra trong việc truyền tải những sự dạy dỗ của Chúa khi Con Người trở lại. Phân đoạn dài trong đoạn 17:22-37 cho biết khi Ngài trở lại là một thời kỳ đoán phạt thảm khốc có thể so sánh với Con nước lụt và sự hủy hoại của thành Sô-dôm. Các phân đoạn dài trong 18:18-30 và 19:11-27 thì nhìn về những khía cạnh khác: các phân đoạn này không chỉ lưu ý đến sự đến của vương quốc Chúa mà còn việc vào trong vương quốc đó, và chủ yếu là nói về sự đến của Đấng Christ, dù không loại trừ thời điểm Chúa sẽ ban thưởng cho các đầy tớ Ngài (đặc biệt trong 18:28-30).

Tiếp theo chúng ta nên lưu ý các phương cách mà Lu-ca dùng để nối kết chủ đề chính và phụ với nhau để cả giai đoạn sẽ trình bày một sứ điệp mạch lạc. Trước hết trong số những điểm này là sự đơn giản trong ngôn từ ông dùng. Xuyên suốt giai đoạn, ông liên tục trình bày hai ý tưởng song song của “hiện ra” và “thấy” cả về vật

lý lẫn các mức độ ẩn dụ. Trong lần đến thứ hai, chúng ta được kể rằng Con Người sẽ “giống như sấm sét” mà sẽ thành linh nổ ra và sẽ được thấy cách rõ ràng và không tránh khỏi ở khắp mọi nơi (17:24). Con Người sẽ được “bày tỏ” (17:30). Vương quốc của Chúa sẽ “hiện ra” (19:11). Sẽ có lúc các môn đồ của Đấng Christ muốn “thấy” một trong những ngày của Con Người mà không “thấy” được (17:12). Hơn nữa họ được cảnh báo để không bị lừa dối tìm kiếm Đấng Mê-si-a ở đây đó (xem 17:23). Tư tưởng ở đây là Con Người và vương quốc Ngài sẽ được che giấu và không thể nhìn thấy được trong một thời kỳ đã được định trước, rồi thành linh, bức màn sẽ được vén lên và Vị Vua và vương quốc Ngài sẽ có thể được nhìn thấy.

Nhưng đây là điểm mấu chốt của Lu-ca, lúc ấy Con Người sẽ được bày tỏ và được cả vũ trụ nhận biết, sẽ chứng minh Ngài không phải là ai khác mà chính là Đấng đã từng thăm viếng trái đất và đi lại trên con đường từ Ga-li-lê đến Giê-ru-sa-lem. Trước đây rất ít người thấy được Ngài là ai. Nhưng một số đã nhận biết Ngài và đức tin ấy đã cứu họ. Một trong mười người phụng nhận biết rằng ông không chỉ được chữa lành về thuộc thể (17:15), nhưng thấy được ý nghĩa của sự chữa lành và quay trở lại với Chúa là Đấng đã ban cho ông một phần quà nữa là sự cứu rỗi thuộc linh (17:19). Tương tự, người mù ở gần thành Giê-ri-cô hiểu được rằng Đấng mà đám đông thấy là Jê-sus người Na-xa-rét, thực ra là Chúa Cứu Thế Con vua Đa-vít; và sự nhận thức của ông đã mang đến cho ông không chỉ thị lực thuộc thể mà còn sự cứu rỗi và một lối sống hoàn toàn khác (18:35-43). Còn nữa, Xa-chê, một người đứng đầu bọn thu thuế, ấp ủ một mong ước “để được thấy Chúa Jê-sus là ai”; và những gì ông thấy đã dẫn đến một sự cải đạo hoàn toàn: “sự cứu rỗi đã vào nhà này” (19:1-10).

Mặt khác, viên quan giàu có đã không thật sự nhận biết Đấng Christ là ai, bất chấp cách xưng hô đầy dục vọng của ông dành cho Chúa Jê-sus (xem 18:18-19). Kết quả là ông từ chối lời Chúa và vì vậy đã ném đi cơ hội để vào vương quốc Chúa khi cơ hội ấy đến (18:23-24). Cũng vậy trong ẩn dụ về nén bạc, một trong số mười đầy tớ đã ném đi tất cả khả năng để được tham gia tích cực với Chúa trong hệ thống cai trị vương quốc sẽ đến; việc ông làm là hậu quả của cái nhìn sai lầm về Chúa (xem 19:21).

Một phương cách khác mà Lu-ca dùng để nối kết nhiều chủ đề khác nhau trong giai đoạn này như ông vẫn thường làm, là cho phép một trong những điểm đặc trưng của câu chuyện sau nhắc lại một điểm đặc trưng của câu chuyện trước đó. Chỉ cần một ví dụ đơn giản thôi cũng đủ. Qua ẩn dụ về người đàn bà góa và quan tòa bất chính, bài học Chúa dạy là nhu cầu kiên trì cầu nguyện bất chấp những lúc bị nản lòng (18:1). Và Chúa có sự đảm bảo cho những người “kêu cầu với Chúa ngày và đêm” (18:7) rằng những lời kêu cầu của họ sẽ được nghe thấy và cuối cùng sẽ được ban thưởng. Chữ Hi-lạp mà Lu-ca dùng cho từ “kêu cầu” là *boaō*. Trong khoảng hai mươi lăm câu sau đó ông bắt đầu kể một câu chuyện khác (xem 18:35-43). Câu chuyện về người ăn mày đã “kêu lên: Lạy Jêsus, Con Vua Đa-vít, xin thương xót con.” (18:38). Chữ Hi-lạp mà Lu-ca dùng lại là *boaō*. Đám đông cố gắng bắt ông yên lặng nhưng ông cứ kiên trì cho đến khi ông nhận được điều mình kêu cầu. Tiếng vọng lại giữa phần đoạn và câu chuyện là không thể nhầm lẫn, còn điểm chính của câu chuyện là gì thì lát nữa chúng ta sẽ suy xét.

Còn một phương pháp nữa mà Lu-ca đã sử dụng khá thường xuyên trong giai đoạn này là đặt hai phân đoạn cùng nói về một chủ đề đối lập nhau nhưng bổ sung về quan điểm. Nhưng điểm đặc trưng này và những điểm đặc trưng khác có thể dễ dàng thấy được nếu bây giờ chúng ta tự lập ra một biểu đồ nội dung như chúng ta vẫn thường làm.

## Các Hoạt Động

### 1. Vương quốc Ngài đến (17:11-18:14)

*a. Một người phung trở lại (17:11-19).* Điều đầu tiên cần chú ý về câu chuyện này đó là phần cốt lõi được trình bày qua những chi tiết địa lý và không gian trong sự phát triển câu chuyện. Lu-ca không thỏa lòng khi kể cho chúng ta rằng sự việc này xảy ra tại một làng ở đâu đó dọc đường trong chuyến đi lên Giê-ru-sa-lem, như ông đã ghi lại trong đoạn 10:38. Ông kể cụ thể rằng chuyện xảy ra khi Chúa đang đi dọc theo ranh giới giữa Sa-ma-ri và Ga-li-lê. Người Ga-li-lê là dân Do Thái, nhưng người Sa-ma-ri là người Ngoại Bang như sau này Chúa đã chỉ ra (17:18). Việc nhắc đến ranh giới giữa hai vùng đã cung cấp

### Giai Đoạn 3

#### I. Sự thông công vinh hiển của các thánh đồ 13:22-14:6

##### 1. Lời kêu nài của người hư mất bị từ chối 13:22-30

- a. Khi ấy, các người sẽ thấy Áp-ra-ham... cùng tất cả các nhà tiên tri đều ở trong vương quốc Đức Chúa Trời, còn các người sẽ bị ném ra ngoài là nơi có khóc lóc và...
- b. ... và đóng cửa lại
- c. Các người ở ngoài gõ cửa kêu rằng: 'Lạy Chúa, xin mở cho chúng tôi!' Chủ sẽ trả lời: 'Ta không biết các người... , hãy lui ra khỏi Ta.'

##### 2. Thái độ của Cơ Đốc Nhân trước những chống đối 13:31-35

- a. vì một đấng tiên tri không thể chết bên ngoài Giê-ru-sa-lem.'
- b. Hãy đi và nói với con cáo ấy rằng...
- c. ... đã bao lần Ta muốn tụ họp con cái người... mà các người không muốn!

##### 3. Nhu cầu của con người và thái độ của Đức Chúa Trời 14:1-6

Đức Chúa Jêsus vào nhà... để dùng bữa; người ta chăm chú theo dõi Ngài. Lúc ấy, trước mặt Ngài có một người mắc bệnh phù thũng... và Ngài phán với họ: "Ai trong các người có đứa con hay là con bò ngựa xuống giếng trong ngày sa-bát mà không lập tức kéo lên sao?"

#### II. Thỏa mãn khi dự tiệc với Chúa 14:7-15:2

##### 1. Lời mời gọi của Chúa bị khước từ 14:7-24

###### *Ba ẩn dụ*

- a. Đối với những vị khách mời: vinh dự vì được tôn trọng
- b. Đối với những chủ tiệc: phần thưởng đời đời vì lòng hiếu khách chân thành
- c. Bữa tiệc của Đấng Mê-si-a.  
... tất cả đều xin cáo lỗi... Chủ tiệc bèn nổi giận...

##### 2. Giá phải trả cho công tác môn đồ hóa 14:25-35

- a. Ai trong các người... trước hết không ngồi tính phí tổn...
- b. Ai trong các người không bỏ mọi sự mình có, thì không thể làm môn đồ Ta.

##### 3. Người Pha-ri-si chỉ trích Đấng Christ: 15:1-2

Lời phàn nàn là Ngài quá dễ dãi: Những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo phàn nàn rằng: "Người này tiếp những kẻ tội lỗi và ăn uống với chúng."

**Ngài Đi 13:22-17:10**

**III. Niềm vui của sự cứu chuộc 15:3-16:18**

**1. Lời khuyên dỗ của người cha bị khước từ 15:3-32**

*Ba ẩn dụ*

- a. Niềm vui vì tìm được con chiến lạc mất
- b. Niềm vui vì tìm được đồng bạc bị lạc mất
- c. Bữa tiệc chào đón con trở về  
... người con cả liền nổi giận và không chịu vào nhà. Và Người cha đi ra và khuyên dỗ chàng.

**2. Tính toán về chức vụ quản lý 16:1-13**

- a. 'Anh mắc nợ... bao nhiêu?' 'Một trăm...'  
ngồi xuống đó viết mau: Năm chục.'
- b. Vậy nếu các con không trung tín về của cải thuộc về người khác, ai sẽ giao cho các con của cải thuộc về các con?

**3. Người Pha-ri-si chế nhạo Đấng Christ 16:14-18**

Lời phàn nàn đó là Ngài quá nghiêm khắc, Người Pha-ri-si là những kẻ ham tiền bạc... chế nhạo Ngài. Trời đất qua đi còn dễ hơn xóa một nét trong luật pháp.

**IV. Sự an ủi của thiên đàng**

**1. Lời kêu nài của kẻ hư mất bị từ chối 16:19-31**

- a. nơi âm phủ bị đau đớn, ngược mắt lên thấy Áp-ra-ham ở xa xa và La-xa-rơ ở trong lòng người.
- b. ... có một vực sâu lớn được phân định giữa chúng ta.
- c. Người giàu kêu lên: 'Tổ phụ Áp-ra-ham ơi, ... xin sai La-xa-rơ đến nhà cha của con, Nhưng Áp-ra-ham từ chối cả hai lời kêu nài.'

**2. Thái độ của các môn đồ đối với sự vấp phạm không thể tránh khỏi 17:1-4**

- a. "Không thể không có những điều gây vấp phạm..."
- b. Nếu anh em con phạm tội, hãy quả trách!
- c. Dù trong một ngày, anh em con phạm lỗi với con bảy lần, và bảy lần trở lại cùng con thì con cũng phải tha thứ."

**3. Thái độ của Chúa và nhu cầu của đầy tớ Ngài 17:5-10**

Ai trong các con có đầy tớ đi cày... , khi nó vừa ở ngoài đồng về mà bảo: 'Hãy đến đây ngồi xuống ăn ngay đi!' Trái lại, chẳng phải các con bảo nó rằng: 'Hãy dọn cho ta ăn trước, rồi anh mới ăn uống sao?'

cho câu chuyện gợi ý đầu tiên về sự phân rẽ, khoảng cách, và sự xa lạ. Đoạn 17:12 cho chúng ta gợi ý thứ hai: ở đó có mười người phong hủi gặp Ngài. Họ “đứng ở đằng xa” và phải hét lên mới có thể vượt qua sự ngăn trở của không gian. Luật pháp không cho phép những người phong hủi đến gần những người lành. Sau đó chúng ta cũng lưu ý rằng Đấng Christ đã không đến gần họ, chạm vào và chữa lành họ như Ngài từng làm với những người phong hủi khác (5:12-13). Ngài giữ khoảng cách và đơn giản bảo họ hãy đi và trình diện với các thầy tế lễ. Chỉ khi họ đi họ mới được lành. Nhưng bây giờ dĩ nhiên là khoảng cách giữa họ và Chúa càng xa hơn.

Lúc này, một trong số những người phong hủi nhận ra rằng ông ta được sạch. Dĩ nhiên là ông biết ơn Chúa; nhưng chính cách ông bày tỏ lòng biết ơn của mình với Chúa là bài học cốt lõi mà câu chuyện muốn dạy. Chúng ta nghĩ rằng ông ta có thể đến thẳng với thầy tế lễ với lòng biết ơn Chúa mà không cần phải quay lại nơi Đấng Christ. Nhưng không! Điều Chúa trông chờ ông ta và những người khác làm đó là “quay lại, quay lại với Chúa Jêsus, để tôn vinh Đức Chúa Trời” (17:18). Chúa Jêsus không chỉ muốn họ cảm ơn Ngài cách cá nhân cũng như cảm tạ Đức Chúa Trời cách riêng tư, dù người phung trở lại đã làm như thế, Ngài trông chờ họ quay trở lại; lời kể trong 17:18 gợi ý rằng để có thể thật sự tôn vinh Đức Chúa Trời thì trong việc này họ phải quay lại với Đấng Christ.

Một người phung đã trở lại, điều đáng mừng là khi tất cả khoảng cách, sự xa lạ giữa ông và Đấng Christ, giữa ông và Đức Chúa Trời đã bị dẹp bỏ hết khi ông quay lại. Sự phân cách với xã hội dĩ nhiên cũng không còn. Ông không còn phải đứng ở đằng xa nữa: ông đã đến và quỳ dưới chân Chúa. Ông là một người Sa-ma-ri, Chúa Jêsus là một người Do Thái; hàng rào quốc tịch và tôn giáo giờ đây không còn ý nghĩa gì nữa. Thật vậy, bệnh phong hủi từ lâu đã đem ông và chín người Do Thái khác trong sự phân cách với cả người Do Thái và người Sa-ma-ri, nhưng sự làm sạch đã đem ông đến chỗ nhận biết năng quyền thiên thượng của Jêsus người Do Thái và để nhận lấy tác dụng của năng quyền đó. Nhưng điều quan trọng trên hết đó là biết ơn trong sự hiểu biết năng quyền của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã đem ông trở về với Đấng mà bởi chính Ngài



năng quyền đó được bày tỏ, Đấng có thể ban cho ông sự cứu rỗi (xem 17:19): không chỉ là sự chữa lành thuộc thể như chín người kia đã nhận, mà là sự tha thứ, giải hòa và sự sống đời đời, và dẹp bỏ tất cả những sự xa lạ và khoảng cách giữa ông với Chúa bởi tội lỗi và phẩm hạnh không tinh sạch của ông.

Vậy còn chín người kia thì ra sao? Câu chuyện không kể cho chúng ta biết điều xảy ra với họ. Chúng ta không nên đoán rằng họ đã đến với thầy tế lễ như một nhóm người vô thần miễn cưỡng phục tùng dưới nghi lễ tôn giáo mà họ không tin. Vì tất cả những gì chúng ta biết là họ có thể đã đến với thầy tế lễ như những người Do Thái chính thống mẫu mực hát với lòng biết ơn ngợi khen Chúa. Điều đó đối với Chúa Jêsus là không đủ. Lòng biết ơn mơ hồ chung chung đối với Chúa không phải là đáp ứng đầy đủ đối với những gì Ngài đã làm. Năng quyền siêu nhiên của Chúa đã tỏ ra cho họ qua Đấng Christ. Trong Đấng Christ, mượn một lời kể trước đó (xem 11:20), chính vương quốc của Chúa đã đến trên họ. Họ được mong đợi sẽ đáp ứng lại bằng việc trở lại với Đấng Christ để có thể tôn vinh Đức Chúa Trời (17:18).

Không biết ơn về các ơn nói chung của Đấng Tạo Hóa đã đủ ác ròi (Rô-ma 1:21); rất nhiều người ở trong những nan đề thảm khốc đã kêu cầu Chúa để được giải cứu đặc biệt, họ đã được đáp lời nhưng đã đi xa Chúa hơn trước đây một cách vô ơn. Nhưng câu chuyện này nói về một điều còn đáng buồn và nghiêm trọng hơn nữa. Sự chữa lành người phung không phải là một ơn bình thường của Đấng Tạo Hóa ban cho vật thọ tạo của Ngài, cũng không chỉ đơn giản là món quà đặc biệt của sự phù hộ. Đó là dấu kỳ với ý định hướng họ đến Đấng Christ, để qua đức tin nơi Đấng Christ họ có thể nhận lấy sự cứu rỗi và sự sống đời đời. Điều này đã rất hiệu quả đối với người Sa-ma-ri xa lạ: nói cho cùng thì dấu kỳ không phải là khó thấy và hướng mà dấu kỳ ấy chỉ đến cũng vậy. Nhưng những người Do Thái trong nhóm thì cũng giống như đám đông khi Chúa cho năm ngàn người ăn. Đám đông này thấy phép lạ nhưng họ không hứng thú để nhìn biết phép lạ này để làm gì, và cũng không tìm kiếm Đấng mà phép lạ này hướng đến, ngoại trừ hi vọng nhận được nhiều bánh và cá hơn (Giăng 6:26). Vậy chín người phung này cũng vậy. Sự cứu rỗi

và sự sống đời đời và nước Đức Chúa Trời đã đến trong tầm tay họ; nhưng thậm chí lòng biết ơn cũng không đem đến cho họ nhiều lợi ích hơn là sự chữa lành thân thể. Đang khi bị bệnh phung thì ít nhất họ còn đến gần Chúa; khi Ngài ban cho họ sự chữa lành thân thể, họ bước ra khỏi cuộc sống Ngài, xa như chúng ta biết, là mãi mãi. Tất cả ơn của Chúa là để dẫn chúng ta đến với Đấng mà chính Ngài là món quà cao quý nhất được ban cho loài người. Đó là một thái độ kỳ quặc nếu chúng ta chỉ nhận lấy ơn mà làm ơn với Ngài.

*b. Không thể thấy khi Vương quốc Chúa đến (17:20-21).* Tiếp theo là hai phân đoạn khác biệt, một nói về người Pha-ri-si, phân đoạn khác về các môn đồ. Cả hai đều nói về sự đến của nước thiên đàng nhưng mỗi phân đoạn có cái nhìn khác nhau.

Trong phân đoạn đầu này, khi người Pha-ri-si hỏi: “Khi nào vương quốc Đức Chúa Trời mới đến?”, Chúa chúng ta đã trả lời rằng “Vương quốc Đức Chúa Trời không đến một cách rõ ràng để có thể quan sát được”, có nghĩa là người có thể chăm chú nhìn xem một cách cẩn thận nhưng người sẽ không bao giờ thấy nó đến. Ngài nói thêm: “Người ta sẽ không nói: Kia nó ở đây hay ở đó!”. Lý do là vì nó không đến trong bất kỳ hình thể thấy được nào cả, vì thế tìm kiếm để thấy nó đến là vô ích.

Khi nói như vậy, rõ ràng là Chúa không định chối bỏ trước những gì Ngài sẽ dạy các môn đồ về việc cả vũ trụ có thể nhìn thấy sự đến của vương quốc trong tương lai dưới vẻ bề ngoài (xem 17:24). Những gì Ngài đang nói với người Pha-ri-si là về một ý nghĩa khác và trước hết sự đến của vương quốc phải được nghĩ theo cách đó. Theo ý nghĩa đó thì vương quốc Chúa đã ở giữa họ (xem 17:21). Trong chính thời điểm đó họ đã đang nhìn thấy chính vị Vua, dù là họ không nhận ra điều đó. Hơn nữa, việc họ không có khả năng để nhìn thấy Ngài là ai không phải vì có thiếu dấu hiệu. Ngài đã làm rất nhiều dấu kỳ. Nhưng dấu kỳ chỉ là vật chỉ điểm; sự nhận biết thật về Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời vẫn luôn là vấn đề của khả thi bên trong và của cái nhìn thuộc linh (xem 10:21) Tương tự, việc vào nước thiên đàng trong cách nói thuộc linh thì bản chất là một quá trình bên trong của sự ăn năn, đức tin và tái sinh thuộc linh được diễn ra bởi Thánh Linh mà hoạt động của Ngài là không thấy

được như gió vậy (Giăng 3:3-8). Nhưng nó vẫn hiện diện.

Vậy điều khẩn cấp mà người Pha-ri-si cần làm đó là tập trung ít hơn vào hình thức bên ngoài của vương quốc Chúa trong tương lai và tập trung nhiều hơn vào mặt thuộc linh; để nhận biết vị Vua và bước vào trong vương quốc. Nếu không tập trung vào mặt thuộc linh, họ sẽ không được chuẩn bị để nhìn thấy vương quốc Chúa đến trong hình thức của tương lai dù họ có nhìn chẳng nữa.

*c. Có thể nhìn thấy khi Ngài đến (17:22-37).* Mặt khác, sẽ là điều sai trật không kém nếu rơi vào sai lầm ngược lại của người Pha-ri-si và tập trung vào mặt thuộc linh của vương quốc mà bỏ quên hoặc khước từ sự thật rằng một ngày nào đó vương quốc sẽ đến trong vẻ ngoài của năng quyền và vinh hiển lớn. Không những chúng ta có thể thấy, nhưng khi Ngài đến, cả vũ trụ ngay tức thì sẽ nhìn thấy (xem 17:24).

Về sự Chúa đến, Ngài đưa ra hai cảnh báo. Trước tiên, theo lẽ tự nhiên các môn đồ sẽ trông đợi sự xuất hiện của Ngài nhưng sự trông mong đó có thể khiến họ ước ao rằng Ngài đã đến nhưng thực ra thì Ngài chưa đến. Nên Ngài chỉ ra sự đại dột của những người nói rằng “Ngài ở đây” hay “Ngài ở đó” (17:23); chỉ có lần này sự đại dột là khác với trước đây. Trước đây (17:21), thật ngu đại để nói rằng “ Nó ở đây” khi mà điều người ta đang chỉ ra là không thể nhìn thấy được. Ở đây (17:23) sự đại dột nằm ở lời gợi ý về điều đó cần được chỉ ra trong khi thực tế thì ai cũng có thể thấy được. Vậy nên, các môn đồ phải cẩn thận về tất cả những lời nói thiếu cơ sở rằng Đấng Mê-si-a đã thực sự được nhìn thấy ở đây đó hoặc rằng vương quốc đã đến. Khi Con Người xuất hiện thì không ai cần phải loan báo cho ai cả.

Lời cảnh báo thứ hai là (xem 17:25-30) trước sự xuất hiện vinh quang của Ngài thì trước hết Ngài “phải bị khước từ bởi thế hệ này”. Cuối cùng khi các môn đồ thấy Ngài bị đau đớn, lời tiên phán này sẽ giúp đức tin họ được vững vàng. (24:6-8). Nhưng trong nội dung của cuộc trò chuyện còn mang một mục đích khác. Câu chuyện giải thích tại sao, dù việc giảng đạo của nhiều người qua nhiều thế hệ nhưng sự tái lâm sẽ bắt lấy thế giới này một cách bất ngờ. Câu nói “bị khước từ bởi thế hệ này” chỉ cụ thể về thực tế thế hệ của Ngài sẽ xem xét lời tuyên bố của Ngài rằng Ngài là Đấng Mê-si-a và cự tuyệt

những lời đó. Thế nên, chừng nào Y-sơ-ra-ên hoặc các dân tộc khác còn giữ quan điểm như thế về vấn đề đó thì họ sẽ khước từ chính khả năng Ngài sẽ tái lâm. Thế nên họ ngạc nhiên và không sẵn sàng khi điều đó xảy ra.

Hai phép loại suy được dùng để đưa đến kết luận bài học. Trong “suốt thời kỳ của Nô-ê”, người ta không tin lời ông rao truyền (xem 2Phi-e-rơ 2:5), ngày cơn lụt đến khiến họ sững sờ và bị hủy diệt. Vào “thời của Lót”, dân Sô-đôm đã nhạo báng những lời chứng của ông; khi Lót dời đi, trong sự kinh hãi, cơn đoán phạt của Chúa thật đã giáng xuống và hủy diệt họ.

Cũng vậy, sau một thời gian dài cảnh báo mà phần lớn bị thế gian làm ngơ, sẽ có một ngày, khi Con Người sẽ được bày tỏ một cách thành linh không mong đợi (xem 17:30, 1Tê-sa 5:3). Đó sẽ là ngày đoán phạt tận thế (xem 2Tê-sa 1:7-9, 2:8-12).

Những người đồng thời với Nô-ê và dân thành Sô-đôm trong thời của Lót là những người đặc biệt gian ác (xem Sáng 6:11-13, 19:1-11); nhưng không phải sự đắm mình trong tội lỗi khủng khiếp khiến họ không sẵn sàng cho sự đoán phạt của Chúa khi Ngài đến. Theo Đấng Christ thì đó là tại vì họ đã hoàn toàn bị xâm chiếm bởi những sinh hoạt thường nhật của cuộc sống, tất cả đều có những đường lối riêng, đến nỗi hoàn toàn loại trừ bất cứ mối quan tâm nào về lời cảnh báo của Chúa và Phúc Âm Ngài (xem 17:27-28). Thực ra, khi thành Sô-đôm bị thiêu hủy dưới cơn đoán phạt của Đức Chúa Trời tối cao, vợ của Lót vẫn còn nhìn lại một cách tiếc nuối cho những của cải và những sinh hoạt mà bà phải bỏ lại đằng sau cách miễn cưỡng; và vì làm như thế nên bà đã bị diệt vong (xem 17:32). Bản chất con người rất ít thay đổi. Có người bị chiếm hữu bởi những của cải vật chất, nên Chúa nghĩ cần thiết phải cảnh báo họ trong chính ngày mà Ngài được tỏ ra để thực thi cơn thanh nộ của Đức Chúa Trời trên các trung tâm của sự ác và tổng kết tội lỗi loài người, họ sẽ bị cám dỗ để trở lại nơi ngôi nhà hoặc thành để lấy những tài sản mà họ ưa thích, bởi vì họ không thể tưởng tượng cuộc sống không có những thứ ấy sẽ ra sao. Chỉ vì những đồ vật mà họ sẽ đánh mất chính sự sống đời đời (xem 17:31-33).

Giờ đây khi cơn nước lụt đến trên thế giới bất kính, nó “cuốn

đi tất cả”, (Tiếng Hi-lạp *airō*), Mathiơ 24:39 nói; “nó hủy diệt tất cả”, Lu-ca 17:27 nói. Nó sẽ đem đi sự bại hoại khổng lồ đầy dẫy trái đất (Sáng 6:13). Những người tin kính công bình, được an toàn trong chiếc tàu, không bị chạm đến. Vậy khi Con Người đến cũng sẽ như thế: những kẻ ác sẽ bị cuốn đi hết. Trong đêm đó hai người ngủ trên một giường, một người sẽ bị cất đi (Hi-lạp *paralambanō*), người kia sẽ bị bỏ lại. Có hai người nữ xay cối cùng nhau, một người được đem đi, một người bị bỏ lại (Ma-thi-ơ 13:41-43). Các môn đồ hỏi sự phân xử này sẽ xảy ra ở đâu. Đường như lời Chúa cảnh báo mọi người đừng trở vào trong thành hoặc về nhà mình đã khiến họ nghĩ rằng sự đoán phạt sẽ tập trung tại một chỗ nhất định hoặc một vài nơi nào đó. Chúa trả lời hơi khó hiểu: “Xác chết ở đâu, kên kên sẽ bâu lại đó.” (17:37). Loài kên kên ăn xác chết là một hình ảnh đáng ghét, nhưng chúng làm một công việc rất cần thiết. Chúng là phương pháp tự nhiên trong việc thu dọn những đồng thối rửa khỏi mặt đất. Con đoán phạt không phải là một chủ đề vui thích; nhưng một ngày nào đó để dừng tội ác hủy hoại trái đất vượt quá sự cứu chuộc, Đấng Christ sẽ đến và “hủy diệt những kẻ hủy diệt quả đất” (Khải Huyền 11:18).

d. Người đàn bà góa và viên quan tòa bất chính (18:1-8). Đối với những người không tin kính thì sự đến của Con Người sẽ là một sự kiện thảm họa không dứt, nhưng phân đoạn theo sau đây lại nhìn về sự đến đó theo một quan điểm hoàn toàn khác. Đối với những người được chọn lựa của Chúa thì sự đảm bảo của sự đến đó là một Phúc Âm thật. Vì những sự sai trật mà họ phải chịu đau đớn sẽ được làm cho ra lẽ. Qua các thời đại, những người được chọn của Chúa hết lần này tới lần khác chịu khổ vì những sự bất công và bắt bớ, và những sự khổ nạn mà họ sẽ được kêu gọi để chịu đựng vào thời kỳ cuối cùng trước sự xuất hiện của Đấng Christ sẽ là sự khắc nghiệt không thể so sánh được (xem Mathiơ 24:21-22). Lẽ tự nhiên là họ sẽ kêu khóc với Chúa, không phải để trả thù kẻ thù nghịch, nhưng xin Chúa can thiệp và dừng lại tất cả những gian ác gây ra trên họ bởi những con người và chính quyền bất lương. Sau hết, không lẽ Chúa không quan tâm đến công lý và muốn thấy công lý được thực thi hay sao?

Thật vậy, một số người xem sự kêu khóc vì bất công là một thái

độ Cơ Đốc nhân hạng thứ, có lẽ nó phù hợp với người Do Thái trong kỷ nguyên trước Cơ Đốc Giáo, nhưng thật ít có trong tính cách của Cơ Đốc nhân. Cơ Đốc Nhân nên theo gương Chúa Jêsus là người cầu xin tha thứ cho những người đóng đinh Ngài. Nhưng lời Chúa cũng cho chúng ta biết rằng Chúa Jêsus “phó thác chính mình cho Đấng phán xét công minh” (1Phi-e-rơ 2:23); và lời khen ngợi dành cho Cơ Đốc Nhân không phải là trả thù cho chính mình mà là tin cậy vào lời đảm bảo của chính Chúa “Sự trả thù thuộc về Ta, Ta sẽ báo oán, Chúa phán vậy” (Rô-ma 12:19).

Vậy nan đề không phải Cơ Đốc Nhân nên kêu cầu Chúa để được báo thù mà là khi họ kêu cầu Ngài vẫn im lặng và có vẻ như không làm gì cả cho đến khi những người được chọn lựa của Chúa bị cám dỗ để nghĩ rằng kêu cầu Chúa cũng vô ích. Hoặc là Ngài không nghe họ, hoặc là Ngài không thật sự quan tâm. Nhưng Chúa Jêsus nhấn mạnh, đó là điều bắt buộc người được chọn của Chúa phải bền lòng trong sự cầu nguyện và không bỏ cuộc (18:1); vì nếu ngưng cầu nguyện sẽ bị vướng vào việc thắc mắc chính đặc tánh của Đức Chúa Trời. Viên quan trong ẩn dụ là đủ vô lương tâm và bất công, không quan tâm đến cả Chúa lẫn con người. Nhưng ngay chính ông cuối cùng cũng chịu thua trước lời thỉnh cầu bền bỉ của bà góa. Chúng ta có nên ngưng kêu cầu với Chúa và rồi khiến Ngài có vẻ như vô cảm, thiếu công chính hơn cả viên quan tòa bất chính? Từ bỏ cầu nguyện là một thảm họa: nó có ẩn ý là nếu có một Đức Chúa Trời đi nữa, thì Ngài chẳng quan tâm đối với sự công chính đến nỗi chúng ta không có hi vọng hợp lý nào cho sự trị vì sắp đến của sự công chính trên đất cũng như của một thiên đàng sẽ đến.

Một ngày nào đó, Chúa sẽ trả thù thế cho những người được chọn của Ngài. Đấng Christ hỗ trợ cho tính trung thực của điều đó (18:8). Chúa sẽ can thiệp: Con Người sẽ đến. Công chính sẽ được thực thi. Nhưng liệu Ngài sẽ tìm thấy chúng ta còn niềm tin nơi sự công chính của Đức Chúa Trời chẳng (18:8)? Nếu lúc đó chúng ta đã ngưng cầu nguyện, thì làm thế nào chúng ta có thể giải thích một cách thỏa đáng với Ngài lý do mà chúng ta nghi vấn đặc tánh Ngài?

*e. Người Pha-ri-si và người thu thuế (18:9-14).* Ý nghĩ về việc Chúa sẽ đến để thực thi công chính của Đức Chúa Trời trên mọi kẻ gian

ác và bất chính tự nhiên sẽ dẫn đến câu hỏi được khơi lên qua phân đoạn tiếp sau đây: ai là người bất chính, và ai là người công chính? Đến đây chúng ta cần phải rất cẩn thận. Rất dễ để con người, đặc biệt là những người đã từng chịu khổ vì những sự bất công hay điều khác – và dù nếu họ chưa từng chịu khổ - xem mình là vô tội và tốt và xem như đương nhiên những người khác là tội lỗi. Vậy nên chúng ta cần xem xét lập trường của mình trước Chúa trong lời cầu nguyện; vì nếu sự bèn lòng của chúng ta trong lời cầu nguyện bày tỏ điều chúng ta nghĩ về đặc tánh của Đức Chúa Trời thì lời cầu nguyện của chúng ta cũng sẽ bày tỏ những gì chúng ta nghĩ về chính mình mà nhiều khi chúng ta không nhận thấy. Và đó có thể là một sai lầm thảm hại.

Người Pha-ri-si trong phân đoạn này là người rất sùng đạo, không nghi ngờ gì ông và các bạn ông đã nhiều lần bị đối đãi bất công bởi những người thu thuế. Thế nên điều này khiến ông đứng trước Chúa trên cơ sở việc lành cá nhân và chỉ ra với Chúa ông là tốt hơn những người sống buông thả xung quanh ông và dĩ nhiên là hơn người thu thuế đang đứng ở đằng xa. Thật ra đây là điều sai lầm. So với tiêu chuẩn công chính tương đối của con người thì có lẽ ông tốt hơn người thu thuế; nhưng ông quên rằng xét theo tiêu chuẩn công chính tuyệt đối của Đức Chúa Trời thì ông cũng giống như tất cả mọi người khác, sùng đạo hay không sùng đạo cũng vậy, người bị lừa cũng như kẻ lừa đảo, người bị bắt bớ cũng như kẻ bắt bớ, đều đứng dưới sự định tội của Chúa như một tội nhân thiếu mất sự vinh hiển của Ngài. Giữ lập trường dựa trên công đức riêng, người Pha-ri-si từ đền thờ trở về nhà mình, không được công nhận, không được xưng công chính và vẫn không được Chúa hài lòng về ông.

Người thu thuế thì có một lập trường khác: ông đứng ở đằng xa (xem 18:13), giống như người phung của đoạn 17:12, đang có một cái vực mà tội lỗi của ông đã đặt giữa ông và Đức Chúa Trời, và ông không ráng sức để lập cầu nối bởi lời nói mình về bất cứ một công việc lành nào mà ông đã ghi điểm. Cảm thấy mình không xứng đáng dù chỉ nhìn lên bầu trời của Chúa, ông xưng nhận Chúa công chính hoàn toàn khi định tội ông. Trong sự phá sản thuộc linh hoàn toàn, ông chỉ đơn giản ném mình vào trong sự thương xót của Chúa. Trên các cơ sở đó, Chúa chấp nhận ông. Ông không cần phải chờ cho

đến sự tái lâm để biết chắc điều đó: ông từ đền thờ trở về nhà được xưng công chính (18:14). Tất cả khoảng cách giữa ông và Chúa đã vĩnh viễn bị dẹp bỏ. Ông có thể trông chờ Chúa đến trong sự tự tin và an bình.

## **2. Bước vào vương quốc Chúa (18:15-19:28)**

Nếu hoạt động 1 phần lớn nói về sự đến của Vua và vương quốc tương lai của Ngài thì hoạt động 2 sẽ giải quyết thắc mắc về việc bước vào vương quốc đó. Một lần nữa, ở đây cũng như ở đoạn 17:20-37, chúng ta sẽ phải suy nghĩ về cách nói thuộc linh hiện tại về vương quốc Đấng Christ và về sự bày tỏ bên ngoài của vương quốc ấy trong tương lai, vì nếu chúng ta muốn vào cái sau thì chúng ta phải chắc mình vào cái trước đã. Nên trước hết có hai câu chuyện giải thích một cách rõ ràng điều kiện để bước vào vương quốc.

*a. Ban phước cho con trẻ (18:15-17).* Trong đoạn 17:20-21, những người Pha-ri-si có ý định tìm kiếm vinh quang và năng quyền của vương quốc sẽ đến đã thất bại trong việc nhận ra chính vị Vua đang đứng trước mặt họ. Rõ ràng là Ngài không đủ nổi bật đối với họ. Bây giờ thì những môn đồ đã phạm một sai lầm ngược lại. Một vài bà mẹ đem con nhỏ của mình đến để được Chúa ban phước, và các môn đồ quở trách họ. Rõ ràng họ nghĩ rằng con trẻ là không quan trọng hoặc đủ lớn để Đấng Christ phải mất thời gian và công sức vì chúng; và Chúa đã phải chỉnh sửa họ; Chúa nói: “vương quốc Đức Chúa Trời thuộc về những kẻ như con trẻ ấy”. Một đứa bé cần ăn, cần tình yêu thương và bảo vệ của cha mẹ, bởi vì nó được ban cho mà không cần phải suy nghĩ rằng nó có xứng đáng với những điều đó hay không, hay nó có đủ quan trọng để đáng được hưởng sự quan tâm như thế. Tất cả chúng ta cũng phải nhận vương quốc của Chúa và bước vào đó theo cách ấy (18:17).

Chắc chắn hầu hết Cơ Đốc Nhân không khó để tiếp nhận thái độ con trẻ trong phần đoạn này; giống như các môn đồ, đó là khi chúng ta bắt đầu tham gia vào “công việc Cơ Đốc” mà chúng ta dễ bị rơi vào cám dỗ để nghĩ rằng thu hút những “lãnh đạo” và “người có ảnh hưởng” cho Chúa là quan trọng hơn những bà lao công của thế gian này. Theo Gia-cơ (xem 2:1-13) đó là vi phạm cả luật pháp. Sự



thật là khi vào trong vương quốc của Chúa thì không ai quan trọng hơn ai cả.

*b. Viên quan giàu có (18:18-34).* Mặt khác, phân đoạn tiếp theo sẽ dạy chúng ta rằng vị Vua và vương quốc Ngài là quan trọng hơn hết, nếu chúng ta không tin rằng những điều đó là quan trọng hơn hết thì chúng ta sẽ rất hiếm vào vương quốc. Viên quan giàu có là một ví dụ điển hình cho nguyên tắc này. Vì là giàu có nên đoán chừng là ông đã hưởng thụ cuộc sống thời đại này và ông nghĩ mình cần phải có sự sống đời đời trong thời đại sẽ đến nữa. Ông luôn đủ khả năng để chi trả cho những gì mình muốn trong đời này, nên ông nghĩ ông cũng rất sẵn sàng để chi trả cho sự sống đời đời trong vương quốc: ông hỏi, “Tôi phải làm gì để hưởng sự sống đời đời?” (18:18). Thật ra, ông đã đánh giá quá thấp một cách đáng buồn về Vua và vương quốc của Ngài.

Ông tiếp cận Chúa một cách lễ phép “Thưa Thầy nhân lành”, nhưng Đấng Christ đã dựng ông dậy một cách thành linh. Ông có thực sự hiểu và thật lòng với những gì mình nói không? Không ai là nhân lành cả ngoại trừ Chúa.

Đó không phải là sự phân minh thần học. Nếu thực sự Chúa Jêsus là Đức Chúa Trời nhập thể và viên quan đã đến để thấy sự thật này, thì dĩ nhiên ông sẽ sẵn sàng để làm tất cả những gì Ngài phán mà không thắc mắc. Thật vô nghĩa nếu đến hỏi về cách đi vào vương quốc mà ngay từ đầu đã từ chối làm những gì chính vị Vua phán bảo. Lời gọi “Thầy nhân lành” của ông thành ra chỉ là một lời nói lễ phép.

Chúng ta nhắc lại, ông đã đến hỏi Chúa phải làm gì để hưởng sự sống đời đời. Đấng Christ nói với ông cách mà ông không chỉ có sự sống đời đời còn có kho báu trên thiên đàng (18:22). Nhưng khi ông khám phá ra rằng ông sẽ phải chọn giữa kho báu trên trời và kho báu đáng kể của mình trên đất, ông quyết định rằng cái sau là đáng giá nhất trong hai kho báu. Đó là cái khó đối với những người giàu có. Không những bị gia tài chiếm hữu khiến họ không sẵn sàng cho những sự xét đoán sẽ đi kèm theo khi vương quốc Ngài đến (17:26-33), mà tài sản hiện tại của họ còn khiến cho vương quốc của Chúa có vẻ nhỏ hơn rất nhiều so với tài sản mà họ xem là quý nhất nữa. Cùng lắm thì vương quốc chỉ là thứ mà họ vui lòng thêm vào trong

sự giàu có của mình nếu thuận tiện, nhưng đó không phải là điều được chọn nếu đòi hỏi phải loại trừ tất cả những thứ khác. Chừng nào họ còn suy nghĩ như thế về nước thiên đàng thì việc có bao giờ họ sẽ vào vương quốc hay không là một điều đáng ngờ.

Giờ đây, khi Phi-e-rơ thấy người giàu này bị vướng vào lưới của sự giàu có, ông cảm thấy được thúc giục để chỉ ra với Chúa rằng ông và các bạn hữu của ông đã từ bỏ mọi thứ để đi theo Chúa (18:28). Điều lưu ý của ông dường như là chuyển tải đề nghị không may rằng sự hi sinh của họ so với thái độ của viên quan trẻ giàu có là thật sự đáng khen. Chúa chỉnh sửa điều đó ngay lập tức bằng một sự quan sát (18:29-30) và sau đó bằng một cái khác nữa (18:31-34). Đầu tiên Ngài chỉ ra rằng mỗi một môn đồ sẽ được bồi thường dư dật cho tất cả những mất mát mà người đó đã chịu vì có vương quốc Chúa. Người đó không chỉ nhận sự sống đời đời trong thời kỳ sắp đến mà ngay bây giờ và ở đây trong thế giới này người đó nhận rất nhiều bạn hữu, nhà cửa và “gia đình” hơn tất cả những gì người đó đã từ bỏ. Hi sinh vì Đấng Christ không phải là mất: đó là một sự đầu tư đem lại cả vốn lẫn lời.

Thứ hai, sau đó một lúc, sau bao lâu thì Lu-ca không cho chúng ta biết, Chúa đem các môn đồ riêng ra và nói thêm với họ (17:25) về chi tiết của sự chịu khổ đang chờ Ngài nơi cuối đường và sau những khổ nạn đó thì sự sống lại sẽ đến như thế nào. Nếu họ hiểu ngay những gì Ngài nói thì có lẽ Phi-e-rơ đã thấy xấu hổ vì vừa nhắc nhở Chúa về những gì ông và các bạn hữu mình đã từ bỏ vì có Đấng Christ. Nhưng họ không hiểu; và Lu-ca dùng ba mệnh đề (18:34) để nhấn mạnh sự kiện đó và giải nghĩa: “những lời đó còn bị giấu kín đối với họ”. Dĩ nhiên một ngày nào đó mắt họ sẽ được mở ra.

*c. Một người ăn xin bị mù (18:35-43).* Hai câu chuyện tiếp theo sẽ vang vọng trong tâm trí chúng ta. Trước hết chúng sẽ nhắc lại lời cảnh báo của Chúa nghịch lại với sự giàu có: “Người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời thật khó biết bao” (18:25), và thánh giá của Ngài trả lời: “Vậy thì ai có thể được cứu?” (18:26). Hai câu chuyện của chúng ta sẽ cho câu giải đáp. Một câu chuyện nói về người ăn xin bị mù (18:35-43), câu chuyện khác thì về người thu thuế giàu có (19:1-10). Người nghèo được cứu (18:42); phải, người giàu cũng

vậy (19:9-10), chứng minh lẽ thật về lời Chúa nói trước đây: “Điều loài người không làm được thì Đức Chúa Trời làm được” (18:27). Dĩ nhiên người giàu cũng cần được cứu. Cách ông kiếm sống là bằng những sự lừa lọc ở mức độ lớn; giữa vòng những điều khác nữa thì sự cứu rỗi cần cứu anh ta ra khỏi cách kiếm sống này. Nhưng trong trường hợp chúng ta suy nghĩ rằng người nghèo đương nhiên tốt hơn người giàu thì Lu-ca chỉ ra rằng người nghèo cũng cần được cứu. Việc ăn xin của ông cũng là hèn hạ không kém, ông cũng cần được cứu khỏi cách kiếm sống không thích đáng.

Chìa khóa cứu rỗi của người nghèo sẽ làm trỗi dậy những tiếng vang trong tâm trí chúng ta. Cặp mắt lòng của ông đã được soi sáng như thế nào (Ê-phê-sô 1:18) chúng ta không được kể; nhưng từ lâu trước khi ông nhận được thị lực thuộc thể thì ông đã nhìn thấy Chúa Jêsus xa hơn những người khác nhận thấy. Họ đơn thuần chỉ thấy Chúa Jêsus là người Na-xa-rét (18:37). Ông ta thì Đấng Mê-si-a của Hoàng tộc Vua Đa-vít (xem 18:37-38) với tất cả nguồn lực của vương quốc Chúa trong mạng lịnh mình. Ông đã kêu cầu Chúa một cách mạnh mẽ để được sáng mắt và Vua đã ban cho ông điều ông yêu cầu. Ông không bao giờ ăn xin nữa, lời cầu nguyện của ông đã đem lại cho ông đời sống độc lập thật sự. Thậm chí ngày nay ai đó phải đau khổ vì khuyết tật khiến hoàn toàn phụ thuộc vào người khác theo một ý nghĩa nào đó, có thể tìm trong lời cầu nguyện một phương cách có những ích lợi lớn hơn để trao nan đề cho Chúa hơn là trao cho những người khác.

Tuy nhiên khi người ăn mày vừa kêu cầu Chúa, đám đông đã ra sức khiến ông im lặng (18:39). Sự kiên trì của ông trong việc kêu la lên cho đến khi ông nhận được điều ông muốn không thể không nhắc lại câu chuyện người đàn bà góa bất chấp tất cả những sự nản lòng, kiên trì trong sự nài xin với viên quan bất chính cho đến khi bà cũng nhận được điều bà muốn (xem 18:1-8). Họ có cùng một chiến thuật: nhưng cần nhận biết sự khác biệt trong điều họ nhận. Người đàn bà góa cố gắng để cuối cùng được viên quan ban cho bà công lý trước kẻ thù bà; và chúng ta nhớ Chúa dùng ẩn dụ đó để hướng đức tin chúng ta về thời kỳ Con Người sẽ đến (18:8) trong năng quyền thiên thượng và uy nghi của Ngài để thực thi công lý của Đức Chúa

Trời và làm cho những sai trật của thế gian nên ngay thẳng. Khải tượng đó về sự đến của Đấng Christ là thật, và sẽ duy trì chúng ta trong thời kỳ mà chúng ta được kêu gọi để chịu đựng sự bất công.

Nhưng khải tượng đầy trong cặp mắt của người mù khi sự kiên trì của ông được ban thưởng là hoàn toàn khác: dĩ nhiên không phải Con Người hiện ra trong sự vinh hiển của Cha Ngài và của các thiên sứ thánh; nhưng thậm chí không phải là một hình hài trong y phục hoàng gia với đoàn tùy tùng cao quý, đang hướng về ngai vàng của mình. Đơn giản chỉ là một khách bộ hành bụi bặm đang trên đường lên Giê-ru-sa-lem, và, như chúng ta vừa được nhắc nhở (18:31-33), Ngài đang trên đường đi đến nơi bị nhạo báng, lãnh nhục, nhổ vào mặt, bị đánh đòn và bị giết. Thụ lực mới của người mù không lừa dối ông: đây chính là Con vua Đa-vít, đây là hình dáng của Ngài, hình ảnh của một vị Vua đối với ông phải là như thế. Người mù đi theo Ngài trên đường (18:43), biết ơn Chúa vì Con vua Đa-vít đã đi ngang qua ông. Khi cuối cùng ông thấy những gì xảy ra với vị Vua tại Giê-ru-sa-lem, có lẽ ông nghĩ rằng nếu vị Vua không đến gần đủ để người ta có thể nhổ vào mặt Ngài thì Ngài cũng không đến gần đủ để nghe tiếng kêu cầu của một người mù. Cứ như thế, đặc tính của vị Vua không bao giờ thay đổi. Vị Vua phục vụ và chịu đau đớn cho con người trên đất cũng sẽ phục vụ họ trong sự vinh hiển (12:37, 22:27). Đó là niềm vui được ở trong vương quốc Ngài.

Trong khi nhận biết chắc chắn rằng lời cầu nguyện của chúng ta một ngày nào đó sẽ được đáp lời và Con Người sẽ đến và sửa ngay lại những sự sai trật của chúng ta, chúng ta cũng được kêu gọi, như Phi-e-rơ nói (xem 1Phi-e-rơ 2:18-24), để đi theo vị Vua trên con đường của Ngài đến sự chịu khổ vô tội vì có sự cứu rỗi của loài người. Phao-lô nói (Công 14:22): “Chúng ta phải trải qua nhiều nổi gian lao mới vào được vương quốc Đức Chúa Trời”. Thực ra nếu mắt chúng ta đã được mở ra để thấy và hiểu điều đã bị kín giấu đối với các môn đồ (18:34) rằng sự chịu khổ của vị Vua là sự vinh hiển chính yếu nhất của Ngài. Nếu chúng ta đã thấy vị Vua giàu có trở nên nghèo hèn vì có chúng ta là những kẻ ăn mày bị đánh gục bởi nghèo đói để qua sự nghèo khó của Ngài chúng ta có thể trở nên giàu có thì chúng ta nên sẵn lòng nhanh chóng chịu khổ với Ngài ngay bây giờ để sau

này chúng ta cũng có thể cùng chia sự vinh hiển với Ngài (Rô-ma 8:17).

*d. Một người thu thuế giàu có (19:1-10).* Xa-chê giàu có cũng được cứu, và đó là chủ đích của Chúa Jêsus để ông cũng được cứu nữa. Ông ta là một người thấp (19:3), có lẽ sự thôi thúc bên trong của một người thấp bé muốn chứng tỏ mình và muốn được thừa nhận. Nếu vậy sự giàu có của ông đã không mang đến cho ông cảm giác được chấp nhận dù là của Chúa hay của con người. Nhà Hội không công nhận ông, và người ta thì xa lánh ông: họ khinh thường ông vì sự giàu có bất chính của ông; có thể ông đã nhận ra một nan đề, đó là tiền bạc không thể bù cho việc không được chấp nhận. Ông đã bị lạc mất. Vậy làm sao để một người lạc mất tìm đường vào trong vương quốc? Ông không thể tìm được, dĩ nhiên rồi, nhưng ông có thể được tìm thấy và được đem vào nếu có ai đó được sắm sẵn để đến tìm ông và đem sự cứu rỗi đến với nhà ông (19:9-10).

Giờ đây Lu-ca nói với chúng ta, thậm chí thường xuyên hơn mức bình thường, rằng Đấng Christ đang trong một cuộc hành trình (18:31,35; 19:1,4,5,7,9,10). Ngài đã ở trong hành trình này lâu lắm rồi, nhưng khi Ngài đi ngang qua thành Giê-ri-cô, một số điều nhanh chóng được nối kết vào nhau. Xa-chê ấp ủ một khao khát- ai mà biết khao khát ấy từ đâu đến? – để thấy Chúa Jêsus là ai và trèo lên cây để có tầm nhìn bao quát; Chúa Jêsus với độ chính xác của một mục đích đời đời mà Ngài đã tạo nên cây sung ấy, Ngài dừng lại, nhìn lên thẳng vào mặt Xa-chê đang ló ra nhìn xuống, gọi ông xuống bởi vì Ngài phải ở lại nhà ông. Lúc đó Xa-chê không chỉ thấy Chúa Jêsus là ai, ông còn khám phá ra bản chất đã đánh mất từ lâu của mình. Ông là người được Chúa yêu với một tình yêu đời đời, và được mong đợi rất nhiều đến nỗi Đức Chúa Trời sai Con Ngài cố tình để tìm kiếm ông và để cứu chuộc ông khỏi sự hư mất bằng cách đến nhà riêng của ông, và mang lại cho ông cảm giác được chấp nhận bởi Chúa đã vào trong chính tấm lòng ông.

Ngay lúc đó Xa-chê khám phá ra điều khác nữa. Sự chấp nhận từ Chúa đã ban cho ông điều mà ông đã tìm kiếm vô vọng trong nhiều năm từ sự giàu có. Áp lực kiếm tiền không còn nữa. Thực ra, ông cảm thấy mình không cần một nửa gia tài và ông đã cho đi. Thêm

vào đó, ông nghĩ rằng làm vui lòng Chúa bằng một bữa ăn mà ông trả bằng tiền gian lận giờ đây trở nên ghê tởm và không thể làm như thế được. Ông xưng ra những hành vi tội lỗi của mình và hứa sẽ trả lại và đền bù đầy đủ cho các nạn nhân. Đó là một kế hoạch quan tâm đến xã hội còn rộng rãi hơn nhiều so với những gì chính người Pha-ri-si đã công bố khi đứng trong đền thờ (18:11-12). Không phải sự chỉ trích của đám đông đã khiến ông hành động như thế (19:7); sự chỉ trích của họ chưa bao giờ đem đến kết quả như thế. Chắc chắn Đấng Christ đã không đặt điều đó như là điều kiện để ông được Ngài chấp nhận. Nhưng qua việc được chấp nhận, Xa-chê đã phục hồi bản chất thật của mình: một người con thật của Áp-ra-ham (19:9) vị tổ phụ giàu có của ông đã được xưng công chính trước nhất vì đức tin của ông (Sáng 15:6) và sống để chứng minh lời tuyên xưng đức tin của mình bằng hành động (Sáng 22; Gia-cơ 2:21-23).

Đến đây một lần nữa chúng ta nhận thức được mối quan tâm của Lu-ca khi ông chọn lựa và sắp xếp những tư liệu của mình. Người thu thuế trong ẩn dụ trong đoạn 18:9-14 đã được xưng công chính bởi ơn Chúa dù ông không có việc lành nào để tự hào như người Pha-ri-si. Xa-chê cũng được chấp nhận và xưng công chính trên cơ sở đó. Nhưng sự cứu rỗi của ông đã dẫn đến một thái độ được thay đổi hoàn toàn đối với trách nhiệm của ông với cộng đồng. Điều đó là quan trọng và nên như thế vì: nếu Xa-chê sẽ trị vì với Đấng Christ trong chính quyền sẽ đến thì ông cần phải học và thực hành thái độ Cơ Đốc đối với sự giàu có trong đời này. Nếu tiếp nhận Chúa mà tiếp tục xử sự như viên quan giàu có là mâu thuẫn.

*e. Sự trở lại của Chúa (19:11-27).* Xuyên suốt sự chuyển biến thứ hai này chúng ta đã suy nghĩ về ý nghĩa và điều kiện cần có để vào nước thiên đàng. Phần lớn chúng ta nghĩ về việc vào đó trong giai đoạn thuộc linh hiện thời bởi đức tin cá nhân vào Đấng Cứu Thế. Giờ đây trong phần đoạn sau cùng này chúng ta cần phải suy nghĩ xem, bước vào vương quốc trong hình thức bên ngoài của tương lai khi Chúa Jêsus Christ tái lâm có nghĩa là gì.

Đối với mọi người tin Chúa thật thì đó có nghĩa là sự sống đời đời (18:30). Nó có ý nghĩa hơn thế nữa. Phần lớn câu chuyện ẩn dụ này là một sự thật hiển nhiên về sự thắng thiên của Đấng Christ và

sự tái lâm của Ngài cùng với các vương quyền đời này cuối cùng cũng bị giao nộp dưới quyền của Ngài một cách hoàn toàn (xem Khải 11:15-18). Thậm chí nếu chúng ta tránh sai lầm của những rối rắm về câu chuyện và những hình ảnh ẩn dụ, thì ẩn dụ này vẫn dạy một cách rõ ràng rằng khi Chúa trở lại để cai trị, dân sự Ngài sẽ cùng cai trị với Ngài (xem 2Ti 2:12; Khải 3:26-27).

Vậy thì cai trị có nghĩa là gì? Có nghĩa là chia sẻ sự vinh hiển của nhà cai trị (xem Rô-ma 8:17; Hê 2:5-10). Đối với một số người hoặc có lẽ là hầu hết, có nghĩa là sự tham gia tích cực vào trong chính quyền (xem Mathiơ 19:28; 25:31; 1Cô 6: 2-3). Nhưng ở đây ẩn dụ này dạy chúng ta một số nguyên tắc cực kỳ quan trọng.

Trước hết, số lượng của những trách nhiệm thực tiễn được ban cho mỗi cá nhân tín hữu trong vương quốc sẽ phần nào phụ thuộc vào sự trung tín của tín hữu trong việc sử dụng và phát triển của nguồn tài nguyên được ban cho vì tín nhiệm của người đó với Chủ suốt thời gian Chủ đi vắng. Trong sự liên hệ này, chúng ta nhớ đến sự nhận biết của sứ đồ Phi-e-rơ (2Phi-e-rơ 1:10-11): vào trong vương quốc đời đời là một việc, và tất cả những người tin Chúa đều vào. Được ban cho con đường vào vương quốc rộng mở là một điều khác. Điều đó là ban cho những người bởi quyền năng trong đức tin mình đã làm lợi ra gia sản của Chúa và thêm những ơn và phẩm chất vào đức tính của mình (2Phi-e-rơ 1:3-8).

Thứ hai, Chúa đã ủy thác một số gia sản vào mỗi người đầy tớ của Ngài: con số mười trong ẩn dụ có lẽ chỉ là một con số tượng trưng.

Thứ ba, khi Ngài trở lại, Ngài sẽ gọi tất cả đầy tớ mình lại để tính sổ những gì họ đã làm với những gì họ được trao phó. Người trung tín sẽ được ban thưởng; và phần thưởng sẽ là thêm trách nhiệm, thêm sự tín nhiệm, và công việc cũng như sự vui hưởng của việc tham gia với Đấng Mê-si-a trong hội lớn không thể tưởng tượng nổi của Ngài. Nhưng còn người không trung tín thì sao?

Có một người như thế trong ẩn dụ của chúng ta và ông cho chúng ta thấy một vấn đề. Bản sao của ông trong ẩn dụ về các ta-lăng (xem Math 25:24-30) bị ném ra nơi tối tăm có khóc lóc và nguyền

rằng. Dường như ông là đại diện cho đầy tớ gian ác cuối cùng bị phơi bày ra là kẻ chẳng tin. Nhưng ẩn dụ của chúng ta là khác; và trong ẩn dụ này thì người đầy tớ bị đối xử một cách khác. Tiền của ông bị lấy mất; nhưng ông không được kể là bị ném ra ngoài trong nơi tối tăm mà dường như ông được phân biệt với “những kẻ thù nghịch với ta” là những kẻ bị mang đến trước Vua để bị giết (19:27).

Vậy điều gì khiến chúng ta nghĩ rằng người đầy tớ không trung tín trong ẩn dụ là người tin Chúa thật? Đó là khái niệm toàn diện của ông về vị Vua. Khi ông được hỏi để báo cáo về thất bại trong việc làm cho chủ, ông trả lời rằng đó là lỗi của chủ vì là người luôn trông chờ nhận lãnh không, nhận từ nơi chủ không đầu tư vào (19:21). Ông thêm vào vì nỗi sợ chủ, nỗi sợ làm sai đã khiến ông bị tê liệt.

Vậy, câu hỏi của chúng ta giải quyết thế này: có thể nào một người tin cậy hoàn toàn vào Đấng Christ giao phó cuộc đời mình cho Chúa, quay ngược lại và nói với Chúa rằng ‘khi Chúa kêu tôi làm việc cho Ngài là Chúa đang đòi hỏi nơi tôi điều Ngài không ban cho tôi?’ Con người có thể không biết ơn, bằng chứng chín người phung. Nhưng một người tin Chúa có thể vô ơn đến thế không? Có ai tin rằng sự chết của Đấng Christ đã bảo đảm cho sự tha thứ tất cả tội lỗi của một người, mà họ vẫn có thể nói với Ngài rằng không dám hầu việc Chúa vì sợ vi phạm lỗi lầm?

Có lẽ câu hỏi của chúng ta quá lý thuyết hoặc quá văn chương. Có lẽ chúng ta nên tự hỏi chính mình rằng chúng ta tưởng tượng thái độ của chúng ta sẽ như thế nào, thậm chí là ngay lúc này nói với Chúa về bản thân mình và suy nghĩ của mình về Ngài nếu như chúng ta cũng không trung tín tham gia trong công tác mà Ngài tin cậy và giao cho chúng ta chăm sóc.

Dù có tin Chúa hay không, thì người đầy tớ bất trung cũng đã bị lấy mất ta-lâng. Không hầu việc Chúa sẽ không khiến một người tin Chúa phải trả giá bằng sự cứu rỗi của người đó, nhưng chắc chắn anh ta sẽ phải trả giá bằng phần thưởng của mình (1Cô 3:15).

Tuy nhiên, chúng ta hãy kết thúc với một ghi chú vui vẻ hơn. Người phung biết ơn Chúa vì những gì Ngài đã làm cho ông và quay lại để cảm ơn Chúa nhận biết rằng thái độ của ông đã dẫn đến một



điều gì đó cao hơn: thêm vào sự chữa lành ông còn nhận món quà cứu rỗi. Vậy người đầy tớ trong ẩn dụ làm việc trung tín cho chủ nhận thấy rằng sự trung tín của mình có một hiệu ứng quả cầu tuyết. Một nén bạc sinh lợi ra được mười nén; mười nén bạc này đã mang đến cho ông quyền lực trên mười thành (19:16-17); và hơn nữa trên hết là ông đã được ban cho nén bạc của người đầy tớ không trung tín nữa. Con đường phía trước của ông mở ra vì những nén bạc, nén bạc thêm vào này sẽ sớm chuyển thành một cái thành nữa. Đó là luật của vương quốc, rõ ràng là người đã có sẽ được cho thêm (19:26).

## **Vua vào trong sự vinh quang Ngài**

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

#### **Các Hoạt Động: Phần đầu**

- 1 Giê-ru-sa-lem và lần đến thứ nhất của Vua (19:29-48)
- 2 Vua và câu hỏi của lãnh đạo tôn giáo (20:1-19)
- 3 Vua và câu hỏi của lãnh đạo chính trị (20:20-21:4)
- 4 Giê-ru-sa-lem và lần đến thứ hai của Vua (21:5-38)

#### **Các hoạt động: Phần hai**

- 5 Vua dùng bữa tại Giê-ru-sa-lem:  
biểu tượng của sự khổ nạn của Ngài (21:1-22:38)
- 6 Vua bị bắt và xét xử bởi những lãnh đạo tôn giáo (22:39-71)
- 7 Vua bị định tội và đóng đinh bởi các lãnh đạo chính trị (23:1-56a)
- 8 Vua dùng bữa tại Giê-ru-sa-lem:  
bằng chứng của sự tái sinh (23:56b-24:53)

---

## *Giai đoạn 5*

---

# Vua Bước Vào Sự Vinh Hiển

### **Nghiên Cứu Tổng Quát**

Chúng ta đã đến giai đoạn cuối của phần Ngài Đi. Đây là giai đoạn dài nhất, như vậy là phù hợp vì nó hình thành cao trào của hành trình lớn từ đoạn 9:51 và cứ thế tiếp diễn. Chủ đề chính rất rõ ràng nên những gì chúng ta cần làm trong phần sơ lược là xem xét cách mà Lu-ca sắp xếp những tài liệu ông lựa chọn. Sự sắp xếp đó sẽ tạo nên cái khung và tập trung vào những sự kiện trong giai đoạn cuối này mà Lu-ca muốn chúng ta nhìn thấy.

Khi cuộc hành trình bắt đầu trong đoạn 9:51 chúng ta được kể một cách chi tiết rằng khi mục đích của cuộc hành trình không gì khác hơn là Đấng Christ được tiếp lên trời, đoạn cuối của chặng đường sẽ là Giê-ru-sa-lem. Phải như thế. Là Con của Đấng chí cao mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho ngôi của tổ phụ Ngài là Đa-vít (1:32), Chúa chúng ta đã thừa hưởng tất cả những lời hứa mà Đức Chúa Trời đã hứa với Đa-vít, và Giê-ru-sa-lem là thủ đô của ông. Vì thế khi Ngài trình bày lời tuyên xưng chính thức và hợp pháp của mình cho cả dân tộc thì lời ấy phải được công bố tại Giê-ru-sa-lem. Thật ra, xuyên suốt chuyến thăm đầy cao trào này, Lu-ca sẽ liên tục mô tả các hoạt động của Đấng Christ trong mối liên hệ với thành phố này. Chúng ta sẽ thấy Ngài tiến đến thành và khóc than cho nó (19:29-44). Chúng ta sẽ được chỉ ra rằng mỗi đêm để tránh bị bắt trước hạn định, Ngài buộc phải rời thành phố và giấu mình trong bóng tối của núi Ô-li-ve. (19:47-48; 21:37-38). Chúng ta sẽ nghe Ngài tuyên phán trước thành sẽ bị sự hủy phá và bị chế ngự hàng nhiều thế kỷ (21:20-24). Lu-ca sẽ cho chúng ta biết sự chua chát của những sự sắp xếp bí mật mà Vua đã phải làm để có thể dự lễ Vượt Qua trong chính thủ đô của mình (22:7-15). Chúng ta sẽ thấy Ngài bị dẫn ra khỏi thành lần cuối để bị đóng đinh; và trên đường đi Ngài cảnh báo “các con gái của Giê-ru-sa-lem” (23:26-31). Sau sự sống lại

của Ngài, chúng ta sẽ thấy Ngài tập hợp các môn đồ đang chán nản đến Giê-ru-sa-lem (24:13,33), hướng dẫn họ cứ chờ ở trong thành để được ban cho năng quyền bởi Đức Thánh Linh, và chỉ dẫn họ để biến Giê-ru-sa-lem thành điểm xuất phát mục vụ đến các quốc gia trên thế giới (xem 24:46-49).

Dĩ nhiên còn có nhiều điều xảy ra ở đây hơn là chỉ đơn thuần nói về địa hình; nhưng trong giai đoạn này ý nghĩa ở những mức độ cao hơn được thiết lập trên nền tảng địa hình. Chính giai đoạn này (19:28-46) bắt đầu với việc Đấng Christ đến làng Bê-pha-giê và Bê-tha-ni, và từ Bê-tha-ni cùng với các môn đồ Ngài đi lên núi Ô-li-ve và vào thành Giê-ru-sa-lem. Hành trình kết thúc (24:33, 50-51) khi Ngài dẫn các môn đồ ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem trở về núi Ô-li-ve cho đến khi họ lại về Bê-tha-ni và tại đó Ngài lìa khỏi họ.

Trong tiến trình của giai đoạn này, Đấng Christ đã có hai sự chuẩn bị rất kỹ lưỡng cho việc vào thành, và Lu-ca mời gọi chúng ta lưu ý về sự kiện đó bằng sự mô tả tương tự của ông. Tại 19:29-35, ông kể cho chúng ta rằng Chúa phái hai môn đồ đến làng lân cận để mượn một con lừa với hướng dẫn cẩn thận những gì phải nói với người chủ lừa (19:31-34). Khi đi, hai môn đồ “đã gặp điều đúng như Ngài đã phán” (19:32). Rồi họ mang con lừa về cho Chúa cưỡi vào thành. Những ngày tiếp theo sau, Ngài ra vào nhanh chóng nhiều lần trong ngày, nhưng dĩ nhiên, chỉ có lần vào đầu tiên mang phong cách nghi thức trên một con lừa. Các ngày đó đầy những sự dạy dỗ và thảo luận; rồi Lu-ca đem phần này của giai đoạn đến chỗ kết với một lời kết chung: “Ban ngày Đức Chúa Jêsus dạy dỗ trong đền thờ ... cả dân chúng đến với Ngài trong đền thờ...” (21:37-38).

Rồi đến lần vào đã được chuẩn bị kỹ lưỡng thứ hai (22:7-13). Một lần nữa Chúa sai hai môn đồ vào trong thành, lần này là để mượn một căn phòng, với lời hướng dẫn điều phải nói với người chủ nhà. Khi đi, hai môn đồ “gặp những điều đúng như Ngài đã phán với họ” (22:13). Có những sự kiện quan trọng theo sau lần vào thành đó; nhưng khi cuối cùng tất cả đã qua đi thì Lu-ca kết thúc phần hai này với một câu kết tương tự: “Và họ ... trở về Giê-ru-sa-lem ... và lại tiếp tục ở trong đền thờ” (24:53).

Vậy hai lần Ngài vào thành này rõ ràng là giống nhau về hình

thức căn bản, nhưng sự khác biệt là nổi bật và chúng ta cần thấy ý nghĩa của chúng. Vào thời điểm Chúa vào thành Giê-ru-sa-lem tại thời kỳ đầu của giai đoạn này, chúng ta đã được chuẩn bị kỹ lưỡng và biết phải trông chờ điều gì: Ngài sẽ bị chối bỏ và bị đóng đinh (9:22, 31; 17:25; 18:31-33). Đồng thời, chúng ta không nghi ngờ gì rằng Ngài là Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời (9:20, 35) và là Con hoàng tộc của vua Đa-vít (18:38-39); thế nên, điều đó cũng đã được giải thích khi thì rõ ràng, khi thì bằng ngôn ngữ ẩn dụ về việc làm thế nào sự chịu khổ của Ngài thích hợp với chương trình đem Con vua Đa-vít vào trong vương quốc. Sau khi bị đóng đinh Ngài sẽ sống lại từ trong kẻ chết (9:22; 18:33), và thăng thiên (19:11) và cuối cùng thì Ngài sẽ trở lại để cai trị (9:26; 17:22-37; 19:15). Vậy, câu hỏi đặt ra là sự chịu khổ liên hệ một cách chi tiết với sự cai trị như thế nào. Có phải những sự chịu khổ đơn thuần chỉ là những chướng ngại tạm thời giữa sự Ngài tuyên xưng là Vua và sự thiết lập vương quốc thật của Ngài? Hoặc là, có lẽ lời tiên tri thiên thượng về khoảng lặng để những đầy tớ Chúa đi khắp thế gian và dành nhiều thế kỷ chuẩn bị các dân tộc cho sự cai trị sắp đến của Vua? Hay những sự chịu khổ của Ngài còn hơn là một vật cản, thậm chí là hơn cả một khoảng lặng hữu ích?

Dường như Lu-ca dùng việc giải đáp những câu hỏi này để lôi kéo sự chú ý của chúng ta đến với sự kiện có ý nghĩa cao hơn, khi cuối cùng Chúa chúng ta chính thức đến với đế đô Ngài như là Vị Vua của Si-ôn, không chỉ một lần mà là hai lần Ngài sắp xếp cẩn thận cho việc vào thành. Trong lần vào đầu tiên, Ngài sắp xếp để có được sự công khai tối đa; trong lần thứ hai với cùng mối quan tâm, Ngài sắp xếp để đảm bảo sự bí mật tối đa. Trong lần đầu, Ngài mượn một con lừa từ chủ nó, và trong lần thứ hai, là một phòng cao từ chủ nhà. Trong cả hai lần những sự sắp xếp tức thì này đã được đưa ra để tạo điều kiện hoàn tất một kế hoạch có tính lâu dài. Trong lần đầu, Chúa mượn một con lừa, Ngài làm thế để ứng nghiệm lời tiên tri đã được ban nhiều thế kỷ trước qua tiên tri Xa-cha-ri (9:9) rằng một ngày kia Đấng Mê-si-a Vua của Giê-ru-sa-lem sẽ đến cưỡi một con lừa mà vào thành. Trong lần thứ hai, Ngài mượn một phòng cao trong thành Giê-ru-sa-lem để tại đó Ngài có thể ăn bữa ăn cuối cùng của lễ Vượt Qua trước khi lời hứa tiên tri vốn có trong các biểu tượng của thông

lệ lịch sử đó được ứng nghiệm bởi sự chịu khổ của chính Ngài tại Đồi Sọ (xem 22:16). Trong lần đầu tiên, Ngài tuyên xưng vai trò là Vua của Si-ôn; trong lần thứ hai, thì trong vai trò là Chiên Con thật của lễ vượt qua trong dân Y-sơ-ra-ên. Vai trò thứ hai không phải là một sự ngẫu hứng để tận dụng sự khước từ không ngờ của Y-sơ-ra-ên đối với Vua mình.

Trong lịch sử Y-sơ-ra-ên, thông lệ của Lễ Vượt Qua đã được các vua thực hành trong nhiều thế kỷ; những lời hứa trong lễ kỉ niệm đó đã tuyên bố trước sự ứng nghiệm. Nhưng có lẽ điều ý nghĩa hơn hết đó là trong lần đầu khi Ngài tuyên xưng là vua thì đã bị khước từ công khai, Ngài phán tiên tri rằng Ngài sẽ bị “ném ra khỏi vườn nho” và bị giết, và trong khi vắng mặt Ngài, thành sẽ bị tàn phá bởi dân ngoại cho đến thời kỳ của lần đến thứ hai của Ngài (21:20-36). Tuy nhiên, khi Ngài vào thành cách bí mật trong lần hai, Ngài đến đó và thiết lập vương quốc Ngài bằng việc thiết lập giao ước mới mà từ đó công dân Ngài sẽ được cai trị dưới giao ước đó. Trước tiên, Ngài làm điều đó trên phòng cao bằng những phương tiện biểu tượng (22:20), và không lâu sau đó tại Đồi Sọ bằng sự đau đớn thật và huyết.

Vậy, những sự đau đớn của Đấng Christ không đơn thuần là vật cản tạm thời cũng không phải chỉ là một khoảng lặng may mắn; chúng là nền tảng để thiết lập vương quốc Ngài. Nhưng sự nhấn mạnh thận trọng của Lu-ca vào sự kiện là có hai lần vào thành, một là công khai và một bí mật củng cố bài học mà chúng ta đã học trong Phúc Âm, cụ thể là có hai sự phán đoán mà chúng ta phải suy nghĩ về sự thành lập của vương quốc. Tại lần vào đầu tiên, Đấng Christ đã công khai bày tỏ mình là Vua, rồi cả Ngài và vương quốc Ngài đã bị chối bỏ. Trong sự phán đoán cởi mở và công khai thì vương quốc sẽ không được thành lập cho đến lần đến thứ hai của Ngài. Lần vào thành thứ hai, vương quốc đã được thiết lập một cách bí mật. Giao ước của vương quốc đã được lưu tâm bằng việc viết luật pháp Chúa vào lòng người (22:20; Giê 31:33-34). Cả thế giới rộng lớn cuối cùng đã thấy những sự chịu khổ của Ngài, huyết và sự chết, nhưng họ không có khái niệm nào rằng chính huyết đó mà Ngài đang phê chuẩn giao ước Ngài, cũng như thành lập vương quốc Ngài. Ý nghĩa của sự chết Ngài và thông lệ của giao ước đã được thông báo và giải

thích tại nơi bí mật của phòng cao, vương quốc đó sẽ tồn tại chỉ trong hình thức thuộc linh cho đến khi Ngài tái lâm là điều phù hợp.

Chúng ta nên thấy rằng Lu-ca đã sắp xếp các hoạt động của giai đoạn cuối này thành hai nhóm, dẫn đầu bởi hai lần Vua vào để đô của mình. Một lần nữa một bảng nội dung sẽ giúp chúng ta nắm được những chủ đề chính của những hoạt động và những dòng tư tưởng chạy giữa các sự kiện này.

## Các hoạt động: phần đầu

### 1. Giê-ru-sa-lem và lần đến đầu tiên của Vua (19:29-48)

*a. Vua đến (19:29-40).* Sau một hành trình dài, cuối cùng Chúa cũng đến được Giê-ru-sa-lem, Ngài đã gạt qua một bên tất cả những nghi vấn về khả năng Ngài có thể đến thành này. Xa-cha-ri đã tiên tri (9:9) rằng Vua của Si-ôn sẽ đến với với Giê-ru-sa-lem “công chính và ban sự cứu rỗi, khiêm tốn và cưỡi lừa, một con lừa con là con của lừa cái”. Vậy nên khi Chúa đến Bết-pha-giê và Bê-tha-ni, Ngài đã sai môn đồ đi tìm lừa và cả Giê-ru-sa-lem đều thấy Ngài cỡi trên con lừa, trong cuộc diễu hành đón tiếp hoàng gia một cách long trọng được vây quanh bởi các môn đồ đi xuống con dốc của núi Ô-li-ve, trong một đoạn đường ngắn trước khi Ngài đến thành phố.

Thậm chí trước khi cuộc diễu hành bắt đầu, Chúa đã khẳng định quyền chủ tể của mình. Hai môn đồ của Ngài đã được sai đến làng gần bên nơi mà Chúa bảo rằng họ sẽ thấy một con lừa bị cột. Họ sẽ thả nó ra và đem nó về cho Ngài. Chúa bảo thêm: “Nếu có ai hỏi con tại sao lại thả nó ra thì con sẽ trả lời như vầy: Chúa cần nó” (19:31). Hai môn đồ đi và Lu-ca cho biết “họ thấy y như điều Ngài đã phán” (19:32). Rõ ràng đây không phải là điều tình cờ: Chúa có quyền tể trị trên tất cả mọi thứ có lẽ qua sự việc đã được sắp đặt trước. Vậy thì đến đây, tất cả những gì Lu-ca cần nói để hoàn tất câu chuyện là các môn đồ đi và nói chính xác những điều Ngài bảo. Nhưng thay vào đó, ông chọn lập lại những chi tiết: “Và khi họ đang cỡi con lừa, người chủ con lừa nói với họ rằng tại sao các anh lại tháo con lừa ra? Họ nói rằng Chúa cần nó” (19:32-34). Vậy chúng ta nghe câu hỏi được đưa ra tới hai lần: Chúa có quyền gì mà lấy lừa người

### Giai đoạn 4 NGÀI ĐI 17:11-19:28

#### 1. Vương quốc Ngài Đến 17:11-18:14

**(A) 1 Người phung quay lại** 17:11-19  
Mười người phung được sạch; chỉ có một người trở lại để cảm ơn, nhưng điều đó đã khiến ông ta nhận được sự cứu rỗi và sự chữa lành.

**(B) 2 (i) Không thể thấy Vương quốc Chúa đến** 17:20-21

Đó là câu hỏi về thái độ của tấm lòng đối với vương quốc đang ở giữa mọi người.

**(ii) Con Người có thể thấy Chúa đến** 17:22-37

Một cảnh báo dựa trên việc chống đối lời công bố của Đấng Christ, được minh họa bằng thời kỳ của Nô-ê và Lót khi mỗi bạn tâm về của cải vật chất và những hoạt động trần tục sẽ khiến người ta không chuẩn bị cho việc Chúa đến.

**(C) (i) Người đàn bà góa và quan tòa bất chính** 18:1-8

Một ẩn dụ về sự kiên trì trong lời cầu nguyện: người đàn bà góa thay vì nản lòng bởi một quan tòa bất chính cứ tiếp tục nài xin cho đến khi ông báo thù cho bà.

**(ii) Người Pha-ri-si và người thu thuế** 18:9-14

Một ẩn dụ về hai người đang cầu nguyện: người Pha-ri-si tự hào về những việc lành của mình và chỉ trích người thu thuế là người không được xưng công chính; người thu thuế chỉ đơn giản xin Chúa thương xót thì được xưng công chính.

#### 2. Bước vào vương quốc 18:15-19:28

**(B') 1 (i) Phước hạnh của con trẻ** 18:15-17

Bước vào vương quốc được quyết định bởi thái độ của tấm lòng: bất cứ ai không nhận lấy vương quốc như một đứa trẻ thì sẽ không bao giờ vào đó.

**(ii) Viên quan giàu có** 19:18-34

Một lời cảnh báo dựa trên ví dụ về viên quan mà sự giàu có khiến cho việc vào vương quốc trở nên khó khăn. Hi sinh cho vương quốc sẽ được ban thưởng, nhưng nó phải được nhìn thấy trong ánh sáng của sự bị chối bỏ và đau đớn của Đấng Christ.

**(C') 2 (i) Người ăn mày mù lòa** 18:35-43

Ông kêu lên: "Lạy Chúa Jêsus...xin thương xót con". Đám đông cố gắng buộc ông im lặng, nhưng ông cứ kiên trì cho đến khi Chúa Jêsus ban cho điều ông cầu xin bằng câu nói: "Đức tin con đã cứu con".

**(A') 3 Chúa trở lại** 19:11-38

Mười người đẩy tứ được ban cho mỗi người một nén bạc để buôn bán cho đến khi chủ trở về. Khi chủ trở về sẽ ban thưởng cho đầy tớ trung tín. Có một đầy tớ chưa sử dụng nén bạc của mình và nói xấu chủ. Nén bạc bị chủ lấy lại và ban cho người đầy tớ đã có mười nén bạc.



ta? Hai lần câu trả lời được đưa ra: “Chúa cần nó”. Nhu cầu của Ngài là tối quan trọng.

Thật ra, nếu việc Ngài cưỡi lừa vào thành vẫn còn chưa thật chắc chắn rằng Ngài là Vua của Si-ôn thì các môn đồ đã xua tan nghi ngờ đi. Trong sự bày tỏ lòng tôn kính cá nhân, “họ trải áo trên con lừa và nâng Ngài lên cưỡi.” Trong khi Ngài đang tiến lên phía trước, “họ trải áo trên đường đi” để Ngài đi lên chúng. Khi cuộc diễu hành đã đến nơi con dốc lồi của núi Ô-li-ve và bắt đầu dốc xuống hướng về thành phố, tự nhiên họ vỡ òa trong tiếng vui mừng cảm tạ Chúa về phép lạ mà họ đã thấy Chúa làm, và công khai công bố Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a: “Chúc tụng Vua nhân danh Chúa mà đến: bình an ở trên trời và vinh quang trong nơi chí cao” (19:35-38).

Giữa vòng những người đứng xem có vài người Pha-ri-si. Họ nhắc rằng Chúa không được thừa nhận những lời tuyên xưng phóng đại mà các môn đồ đang hô hoán và họ đề nghị Ngài chế ngự sự nhiệt tình quá mức của họ. Hơn cả điều đó, Chúa khẳng định trong ngôn từ tích cực nhất rằng lời tuyên xưng của các môn đồ là thật và không thể bị bắt nín lặng. Nếu các môn đồ không hô lên, thì chính những hòn đá của thành sẽ hô lên trong sự nhận biết Vua của mình và khiến dân cư nín lặng phải xấu hổ. Trong các tháng trước, Chúa đã cấm không cho các môn đồ công bố sự thật rằng Ngài là Đấng Mê-si-a (9:21); nhưng giờ đây thời điểm đã đến để Ngài bày tỏ chính Ngài một cách chính thức với cả quốc gia: với sự rõ ràng và công khai hết mức Ngài thông báo rằng chính Ngài là Đấng Mê-si-a và là Vua đã được hứa từ lâu của Si-ôn.

*b. Sự tàn phá thành Giê-ru-sa-lem (19:41-44).* Nhưng đối với tất cả những người không rõ ràng và chắc chắn về sự đến của Vua nơi đế đô của Ngài, thì Vua không hề ảo tưởng thành sẽ nhận biết hay tiếp nhận Ngài. Vậy nên, hai phân đoạn tiếp sau, trong đoạn đầu khi Ngài than khóc về hậu quả theo sau việc Giê-ru-sa-lem đã không tiếp nhận Ngài, trong khi đoạn hai thì Ngài chẩn đoán nguyên nhân của điều đó. Vì hậu quả của thành mà Ngài khóc; vì nguyên nhân không gì khác hơn sự phẫn nộ thiên thượng.

Không hề có sự tự thương hại hay lòng tự cao bị tổn thương trong việc Ngài khóc than cho Giê-ru-sa-lem, cũng không có mối đe

dọa trả thù nào cả. Đối với Ngài thì thành như một người mẹ mà mối quan tâm bản năng là bảo vệ con của mình; và Ngài không chỉ đến như là Vua của thành mà là Đấng “có sự cứu rỗi” (Xa-cha-ri 9:9). Chắc chắn rằng người mẹ đó cần Ngài. Kinh nghiệm dài lâu cho thấy rằng chỉ có vách thành và bờ lũy mà không có sự bảo vệ trong sự hiện diện của Chúa thì không đủ để ngăn kẻ thù ở ngoài (Thi 48; Ê-sai 26). Nếu giờ đây thành khước từ vị Vua và Đấng Cứu Thế mà Đức Chúa Trời đã ban, thì tường thành sẽ trở nên ngục tù mà những kẻ thù gian ác sẽ nhốt và giết cả mẹ lẫn con. Sự đổ nát là điều chắc chắn xảy ra.

Thậm chí Chúa không hề quở trách Giê-ru-sa-lem. Là một người mẹ, thành phải làm những gì mình cảm thấy là tốt nhất cho con cái mình. Nhưng người mẹ đó bị mù lòa: “điều thuộc về sự bình an đã bị che khỏi mắt người” (19:42), và “người mẹ đó đã không nhận biết thời điểm mình được thăm viếng” (19:44). Sự mù lòa có thể là không đáng trách, nhưng nó cũng không làm dịu bớt hậu quả bị thương vì đã khước từ Vua là Đấng Cứu Thế. Sự dự đoán về những hậu quả đó khiến Ngài khóc; sự kiện lịch sử về sau cho thấy rằng nước mắt Ngài không phải là không có cơ sở.

*c. Đấng Christ vào đền thờ (19:45-48).* Sau khi vào thành Chúa đi thẳng đến đền thờ, như Ma-la-chi (3:1) nói rằng Ngài sẽ làm thế. Đó không chỉ vì là Con của Cha nên Ngài muốn trước hết bày tỏ lòng tôn trọng đối với nhà Cha. Chính vì là Vua Si-ôn Đấng sắp bị chối bỏ bởi chính Si-ôn, nên Ngài đi đến ngay nguồn của những nan đề và phơi bày nguyên nhân khiến Si-ôn bị mù, đối với tuyên bố đúng đắn về chính Vua của mình: những kẻ cướp đã tràn ngập đền thờ Chúa. Bằng chứng bên ngoài của sự cướp giựt đó là sự buôn bán huyền áo của các giao dịch trong đền thờ; tệ hại hơn, đó chính đó là triệu chứng của một tình trạng bất ổn sâu xa hơn.

Dĩ nhiên phải có người buôn bán những con chiên và bò cừu cho những người đến thờ phượng; nhưng những việc buôn bán này lẽ ra phải giao hẳn cho việc thương mại ngoài đời, không được liên quan đến nơi thánh và những hoạt động của đền thờ. Vì những lãnh đạo đền thờ, không những cho phép việc mua bán này tiếp diễn nơi hành lang đền thờ mà còn vì muốn hưởng lợi bất chính từ những sự

mua bán này, việc cho phép này không chỉ là không thích đáng mà là ô nhục. Thay vì trở thành thầy tế lễ trung gian để giúp đỡ con người tìm sự thờ phượng và được Chúa ban phước, họ đã trở thành những người môi giới, biến chức tế lễ của họ thành độc quyền thương mại để kiếm lợi tài chánh từ sự tìm kiếm Chúa của con người.

Như vậy, họ ăn cướp của người ta, vì vậy thật khó để kinh nghiệm ân điển của Chúa và món quà miễn phí của sự cứu rỗi Ngài, thông qua các dịch vụ kiếm tiền từ nhu cầu tâm linh của con người. Họ cũng cướp của Chúa nữa, họ đối đãi với lời Ngài và các thánh lễ như thể đó là các cổ phiếu trong kinh doanh, và đối đãi với con dân Chúa như thể họ không phải là gia sản của Ngài, được phát triển vì có sự vui hưởng của Ngài, nhưng xem con dân Chúa như một thị trường mà họ là những chuyên gia có độc quyền.

Trong sự phẫn nộ cao, Chúa đuổi những kẻ buôn bán ra, và bắt đầu giảng dạy dân chúng mỗi ngày trong hành lang đền thờ. Đó là bắt đầu một chiến trận cho đến cho đến khi Ngài chịu chết. Một bên là lãnh đạo đền thờ quyết tâm duy trì tình trạng này, quyền lực và thu nhập. Bên kia là Đấng Mê-si-a, “nhân danh Chúa mà đến” để đảm bảo các quyền thiên thượng. Đức tin, tình yêu thương, sự vâng phục và tận hiến của dân sự đang bị đe dọa; và từ đây một trong những mối lo ngại chính của Lu-ca sẽ là cuộc tranh đấu cho tấm lòng của dân sự (xem 20:1,6,19,26,45; 21:38; 22:2,6;23:2-5,14,35; 24:19-20). Lãnh đạo đền thờ hẳn đã muốn tiêu diệt ngay “đối thủ”! nhưng sự tín nhiệm rộng lớn của Ngài trong dân chúng khiến cho bất cứ ý định tức thời để bắt và giết Ngài trở nên bất khả thi và không khôn ngoan về chiến thuật. Chọc giận dân chúng hẳn sẽ mạo hiểm với ngay chính nguồn lợi mà vì đó họ tranh đấu (19:47-48). Phải sử dụng chiến thuật tinh vi và xảo trá hơn.

## **2. Vua và sự chất vấn của lãnh đạo tôn giáo (20:1-19)**

*a. Vua bị chất vấn (20:1-8).* Cuộc tấn công mong đợi đã đến nhanh chóng. Một ngày kia khi Chúa đang “dạy dân chúng trong đền thờ và rao giảng Tin Lành”, các lãnh đạo tôn giáo ập đến với Ngài và trước mặt dân sự, đòi được biết bởi quyền nào mà Ngài có để làm những việc này, và ai ban cho Ngài quyền đó (20:1-2).

Quan trọng hơn hết trong tâm trí họ không phải sự dạy dỗ của Ngài mà đối với họ là hành vi quá bất thường và quá sốc của Ngài trong việc đuổi những người mua bán ra khỏi đền thờ (Ngài làm những điều này dựa vào quyền gì?); và hình thức của câu hỏi – “ai đã cho Ngài quyền ấy?” – bày tỏ rằng những gì họ đang suy nghĩ về thẩm quyền chính thức. Theo cách nghĩ của họ, Chúa Jêsus không thể có uy quyền hợp pháp, và họ không nghi ngờ mà cho rằng nếu họ có thể ép Ngài thừa nhận điều đó trước mặt dân chúng, thì dù không làm mất uy tín Ngài đi nữa, ít nhất cũng bào chữa cho họ trước mặt dân chúng về việc bắt Ngài.

Họ đã phạm một sai lầm mà mọi người “có quyền hành” về tôn giáo dễ mắc phải. Câu hỏi đầu tiên nên hỏi một giáo sư hoặc giảng sư đó là, sứ điệp của ông ta có đem đến sự gây dựng hay không, chứ không phải ông có bằng để giảng hay không. Tương tự như vậy, câu hỏi đầu tiên và quan trọng nhất để hỏi về việc Đấng Christ làm sạch đền thờ đó là liệu việc làm của Ngài có giá trị đạo đức và tâm linh, và liệu lời Chúa mà Ngài dẫn chứng (19:46; Ê-sai 56:7) có biện minh cho hành động của Ngài không; còn việc Ngài có được phép chính thức từ viện trưởng và giáo hội để hành động như thế đều là vấn đề thứ yếu. Thực ra, là Đấng Mê-si-a, Ngài có toàn bộ thẩm quyền chính thức mà Ngài cần, mà không cần phải nộp đơn lên các thầy tế lễ thượng phẩm và quan cai đền thờ để được họ cho phép. Nhưng câu hỏi quan trọng nhất, và luôn phải như thế, đó là phải thắc mắc về vấn đề đạo đức và tâm linh chứ không phải về vấn đề hợp pháp và uy quyền. Dĩ nhiên, có lẽ họ cảm nhận rằng đưa ra câu hỏi về đạo đức và uy quyền thuộc linh của việc Chúa dẹp sạch đền thờ trước mặt người ta sẽ là xấu hổ và nguy hiểm: dân chúng sẽ khó mà thấy rằng những lãnh đạo đền thờ kiếm được quá nhiều tiền từ những của lễ hi sinh của họ là đúng đạo đức và thuộc linh. Dầu sao đi nữa thì điều mà họ thách thức là thẩm quyền chính thức của Ngài.

Chúa không trả lời họ trực tiếp; thay vào đó Ngài hỏi họ một câu hỏi chi tiết cẩn thận về Giảng Báp-tít (20:3-4). Giảng không trao quyền nào trên Chúa Jêsus; nhưng ông đã được tiên tri Ê-sai tiên đoán là người đi trước mở đường (40:3-4), và ông đã công bố rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a. Vậy, Đấng Christ có thể hỏi các thầy tế lễ

một câu đơn giản: “Các ông có nhớ Giăng Báp-tít đã nói Ta là Đấng Mê-si-a không?” Nhưng câu hỏi đó cũng sẽ dẫn lên thêm câu hỏi khác: “Nhưng làm sao chúng tôi biết được Giăng là một tiên tri thật và có quyền để nói những điều này?” Vậy điều Chúa đã hỏi là: “Phép báp-tem của Giăng là từ trời hay từ con người?”; vì vậy câu hỏi ngay lập tức tập trung sự chú ý vào thẩm quyền đạo đức và thuộc linh trong mục vụ của Giăng. Giăng đã công bố trong uy quyền của Ê-sai rằng, để đất nước được chuẩn bị nhận biết và tiếp nhận Đấng Mê-si-a, đòi hỏi phải có sự ăn năn tận gốc và xuyên suốt của mỗi người dân; và Giăng đòi hỏi rằng sự ăn năn phải được biểu thị bằng phép báp-tem. Thực ra, đó là năng quyền đạo đức và thuộc linh phi thường trong lời giảng của Giăng về phép báp-tem, về sự ăn năn đã thuyết phục dân chúng rằng Giăng là một tiên tri do Chúa sai đến.

Rất nhiều người Pha-ri-si, Sa-đu-sê, thầy thông giáo, và nhà thần học đã từ chối để Giăng báp-tem cho họ (7:30, Math 3:7); có lẽ họ đã thầm quyết định rằng họ không cần loại báp-tem của sự ăn năn tội này. Nhưng khi bị hỏi trước công chúng rằng phép báp-tem của Giăng có phải từ Đức Chúa Trời hay không là một điều thật gây lung túng. Từ chối năng quyền đạo đức và thuộc linh trong lời giảng của Giăng sẽ hủy phá hết sự tôn trọng của dân chúng dành cho họ. Mà nói rằng con người nói chung cần lời kêu gọi ăn năn của Giăng, còn họ thì không cũng không xong: lãnh đạo tôn giáo không thể che giấu hoàn toàn nhược điểm đạo đức trước dân sự. Nhưng để thừa nhận rằng phép báp-tem của Giăng là từ Chúa, và bắt buộc đối với mọi người, thì họ đã thú nhận trước mặt mọi người rằng họ đang nghịch lại Chúa bằng cách khước từ được báp-tem và chấp nhận Đấng Mê-si-a mà Giăng đã làm chứng. Vậy nên họ cố lẩn tránh vào một câu trả lời không chắc chắn: “chúng tôi không biết phép báp-tem ấy đến từ đâu”.

Nếu thật đúng là họ không có đủ đạo đức và sự nhận biết thuộc linh để quyết định về một vấn đề quan trọng như thế thì họ không thích hợp làm lãnh đạo tôn giáo của dân chúng. Tuy nhiên, sự dốt nát của họ chỉ là giả vờ và bởi đó phủ nhận trách nhiệm thánh của chức tể lễ mình. Nếu họ thật sự tin rằng Giăng không phải đến từ Chúa thì họ có trách nhiệm để nói với dân sự về điều đó; và nếu dân sự ném

đá họ thì họ có nhiệm vụ để chịu khổ vì lẽ thật và sự trung thành. Cố tình làm mờ sự thật và lừa gạt để giữ vị trí vững chắc trên dân sự là họ đã tự hạ thấp mình, xuống tới mức chỉ là những nhà chính trị làm tôn giáo, quan tâm về địa vị và quyền lực hơn là lẽ thật.

*b. Tội giết người và lời biện hộ của Đấng Mê-si-a (20:9-18).* Sau đó các lãnh đạo tôn giáo cố gắng làm mất uy tín của Chúa trước mặt dân sự bằng cách hỏi về thẩm quyền của Ngài trước những công việc Ngài đang làm. Chúa phơi bày sự không trung thực của họ và từ chối trả lời. Thay vào đó, Ngài quay lại dân chúng (20:9) và trước mặt các lãnh đạo của họ, kể cho họ một câu chuyện được soạn thảo để chỉ chính xác về thẩm quyền của Ngài là gì và minh oan cho Ngài như thế nào, và đồng thời cảnh báo dân sự rằng những lãnh đạo của họ đang phạm tội lạm dụng nghiêm trọng nhất đối với chức vụ tôn giáo của mình.

Câu chuyện bao gồm một ẩn dụ (metaphor) nổi tiếng trong Cựu Ước (xem Ê-sai 5) và biến nó thành một ẩn dụ (parable) trong đó dân sự đóng vai trò là một vườn nho, Đức Chúa Trời là Chủ vườn, và những người lãnh đạo là những lao động hợp tác có trách nhiệm trồng vườn theo mong muốn của Chủ. Trên cơ sở này, Chúa định một mức phạt gấp đôi đối với những người có thẩm quyền tôn giáo của Y-sơ-ra-ên. Trước hết là trong quá khứ, họ đã thường phá ngang những mong ước và điều làm Chủ thỏa lòng; và thứ hai là trong hiện tại họ sắp phạm vào tội lạm dụng chức quyền mà những người có thẩm quyền tôn giáo thường làm, để chiếm lấy vườn nho như thể họ là những chủ vườn trong sự nổi loạn công khai chống lại Chủ vườn.

Trong quá khứ khi Đức Chúa Trời sai phái các đầy tớ Ngài là các tiên tri để kêu gọi dân chúng ăn năn, cải cách và sự thờ phượng thật từ dân sự thì các tiên tri bị đàn áp, bắt bớ và đôi khi giết chết, vì thế đã ngăn sự đáp ứng mà Đức Chúa Trời tìm kiếm từ dân sự Ngài, sự thỏa mãn của những người Pha-ri-si là chức vụ của họ trong thẩm quyền tôn giáo mà họ quảng bá.

Hiện tại, họ sắp làm những điều tệ hại hơn nữa. Bằng ngôn từ của một ẩn dụ, Chúa Jêsus tuyên bố rằng Chủ vườn đã sai “con yêu dấu” của mình, không còn nghi ngờ gì nữa, Ngài đang chỉ về chính mình và phán quyết cách rõ ràng nhất rằng “thẩm quyền mà Ngài có

để làm những việc này và Đấng ban cho Ngài thẩm quyền ấy” (20:2). Con Người đã đến với cùng một mục đích của các tiên tri, nhưng vì là Con của Chủ nên Ngài đứng ở một cương vị rất khác trong mối liên hệ với vườn nho so với các tiên tri cũng như với các lãnh đạo tôn giáo. Họ chỉ đơn thuần là những đầy tớ; Ngài là Người thừa kế, người cùng làm chủ với Cha, với các quyền lợi không chỉ với quả mà với chính vườn nho. Nói cách khác, dân sự chính là tài sản của Ngài; họ tuyên xưng đức tin, lấy tình yêu thương, sự vâng phục và hầu việc Ngài một cách cá nhân, và trách nhiệm của các lãnh đạo tôn giáo chính là hướng dẫn họ đặt đức tin nơi Con và nhường sự vâng phục của họ cho Ngài. Thay vào đó Chúa báo trước rằng họ sẽ giết Ngài là Con của Chủ, không phải vì họ nghĩ rằng điều Ngài tuyên xưng là sai nhưng vì trong thâm tâm họ biết Ngài thật sự là Con của Chủ và họ đã quyết tâm không đầu phục quyền kiểm soát dân sự cho Ngài mà giữ nó trong tay mình. Con Chủ đã phải đến để phơi bày sự thật, rằng họ đã biến địa vị của mình từ một sự phục vụ khiêm nhường cho Chúa và dân sự Ngài thành chiếm đoạt quyền của Chúa trên dân sự, tương tự, chúng ta có thể thêm vào, đó là mọi loại hình thức của các tổ chức thêm vào lời Chúa sau đó chiếm đoạt quyền của Đấng Christ trên dân sự, ngăn chặn lời Ngài và bắt bớ các nhà truyền đạo.

Tiếp theo ẩn dụ tiên phán hậu quả của họ trong việc chiếm đoạt quyền của Chủ. Chúa Jêsus nói rằng Chủ sẽ phản ứng lại cái chết của Con bằng cách tiêu diệt những lao công hợp tác và giao vườn nho cho những người khác. Những lợi ích thuộc linh của Chúa trên đất này và sự chăm sóc dành cho những người tin và phục sự Đức Chúa Trời chân thật của Y-sơ-ra-ên sẽ lọt ra khỏi tay của giới thầy tế lễ của đạo Do Thái và cuối cùng thì trên một phương diện rộng hơn là lọt ra khỏi tay của cả Y-sơ-ra-ên.

Khi đám đông nghe điều này, họ đã bị sốc (20:16). Một người bất chấp đạo lý có lẽ sẽ nói rằng Ngài nghiêm khắc trong lời buộc tội chống lại các lãnh đạo tôn giáo nguyên nhân là do sự thật Ngài muốn làm chính việc mà Ngài đang buộc tội các thầy tế lễ, đó là kiểm soát dân sự của Chúa. Câu trả lời cho sự buộc tội này nằm trong cách Chúa Jêsus phán rằng lời công bố và dự đoán của Ngài sẽ được làm trọn. Trước hết, Ngài báo trước với dân sự rằng những nhà lãnh đạo

tôn giáo sẽ thành công trong việc giết Ngài, và Ngài sẽ không hề cố gắng tập trung lực lượng để phòng thủ. Ngài bằng lòng để Chủ vườn nho xác nhận cho Ngài sau khi Ngài chết.

Thứ hai, Ngài chỉ ra rằng cả sự tiên đoán của Ngài về tình hình và sự minh bạch trong lời tuyên xưng của Ngài được báo trước trong Lời Chúa. Thi thiên 118 thường được xem như nói về Đấng Mê-si-a, là lý do tại sao những người Pha-ri-si lại chống cự mạnh mẽ khi các môn đồ Chúa dùng lời trong thi thiên này để nói về Ngài, trong khi Ngài cưỡi lừa vào thành Giê-ru-sa-lem tuyên bố là Vua Si-ôn (xem 19:38 = Thi thiên 118:26) Nhưng Thi Thiên ấy đang trong văn mạch nói về nhà của Đức Chúa Trời và các cửa tế lễ trên bàn thờ chỉ về “những người thợ xây” trong cách nói bóng. Những người thợ đó còn ai khác ngoài các thầy tế lễ và các lãnh đạo tôn giáo? Cũng ám chỉ rằng những lãnh đạo này sẽ loại bỏ hòn đá mà cuối cùng Chúa đã đặt là đá góc nhà trong sự thờ phượng của dân sự Ngài. Hòn đá góc nhà ấy còn ai khác ngoài Đấng Mê-si-a? Bởi vì Ngài biết một cách chính xác mình là Đấng Mê-si-a ấy nên Chúa Jê-sus không hề ra sức chống lại các thầy tế lễ, hoặc để tập trung lực lượng và chiếm lại vườn nho với sự hỗ trợ của họ. Ngài có thể để Đức Chúa Trời chứng minh cho lời Ngài tuyên bố và đặt Ngài làm đá góc nhà trong vị trí chủ chốt giữa dân sự.

Tuy nhiên, cuối cùng thì Ngài cảnh báo cả dân sự và những lãnh đạo tôn giáo về hậu quả sẽ ra sao nếu họ tiếp tục chối bỏ Ngài. Trên hết Ngài là Con của Chủ và là người thừa kế vườn nho (thực ra là cả cõi vũ trụ, xem Hê 1:2). Một ngày nào đó, Ngài sẽ được đặt là đá góc nhà trong đền thờ thuộc linh đời đời trong sự ngợi khen của toàn vũ trụ của Đức Chúa Trời. Loại bỏ Hòn Đá ấy và cố gắng xây cuộc đời mình trên những nền tảng khác sẽ bị tan vỡ và hư hoại, còn kháng cự mạnh mẽ thì cuối cùng sẽ bị đập nát và loại bỏ. (20:18).

Khi đọc về những lời nghiêm trọng này chúng ta không được quên rằng trong đoạn 19:41-44, Ngài khốc khi Ngài nghĩ về sự khước từ cách mù lòa của Y-sơ-ra-ên đối với sự cứu rỗi của Ngài, sẽ đưa thành đến chỗ bị hủy diệt trong tay kẻ thù. Nhưng sự thương xót của Ngài đối với những người mù và làm ngơ không thể khiến chúng ta quên những gì Ngài sẽ làm trên những kẻ chiếm lấy quyền của Chúa



một cách ý thức và rõ ràng, đặc biệt đối với những người che đậy sự chiếm đoạt của mình dưới địa vị tôn giáo. Không có vườn nho nào trên cả cõi vũ trụ mà những vật thọ tạo chiếm đoạt quyền của Chủ và của Con Ngài mà có thể tiếp tục hưởng trái mãi mãi.

*c. Phản ứng trong đền thờ (20:19).* Trong 19:47-48, Lu-ca kể lại, các lãnh đạo tôn giáo muốn giết Chúa Jêsus nhưng đã không thể làm bởi vì dân chúng. Giờ đây trong 20:19, sự việc trở nên tệ hơn, Lu-ca kể với chúng ta là các lãnh đạo muốn bắt Ngài ngay lập tức “và họ sợ dân chúng”. Nỗi sợ dân chúng không còn là lý do tại sao họ không thể bắt Chúa, nhưng có một lý do tại sao họ cảm thấy phải bắt và tiêu diệt Ngài càng sớm càng tốt. Đó là bởi vì, như Lu-ca giải thích, “họ (đoán là cả dân sự lẫn lãnh đạo) nhận thấy rằng Ngài kể ẩn dụ này là để chống lại họ (đó là chống lại lãnh đạo tôn giáo)”. Dân sự đã bắt đầu mở mắt thấy cách của các lãnh đạo tôn giáo đã từng và vẫn cứ lạm dụng quyền hạn của mình. Hơn thế nữa, qua Đấng Christ, họ đã khám phá ra rằng có người không sợ đứng lên để chống lại những người có thẩm quyền tôn giáo và lên án họ ra mặt. Kinh Thánh không thuật lại cho chúng ta về điều dân chúng sẽ làm nếu sự việc cứ tiếp tục. Trong nỗi sợ dân chúng, các lãnh đạo quyết định rằng họ phải tiến hành chống lại Đấng Christ ngay lập tức.

### **3. Vua và câu hỏi của nhà lãnh đạo chính trị (20:20 - 21:4)**

*a. Vua bị chất vấn (20:20-26).* Trong hoạt động 2, Lu-ca cho chúng ta thấy lời tuyên xưng của Đấng Christ là Vua nghĩa là trong mối liên hệ với lãnh đạo tôn giáo đã được thiết lập trong Do Thái giáo, và tại sao những lãnh đạo đó chống lại lời tuyên bố của Ngài. Giờ đây ông sẽ trình bày phần lớn của hoạt động 3 để cho chúng ta thấy những tuyên bố của Chúa là Vua nghĩa là trong mối liên hệ với lãnh đạo chính quyền thời bấy giờ. Lu-ca làm điều đó bằng cách liên hệ những gì các lãnh đạo Do Thái làm khi họ biết rằng mình không thể phá vỡ sự ưa chuộng của dân chúng đối với Đấng Christ bằng cách làm suy yếu thẩm quyền tôn giáo và thuộc linh của Ngài: họ quyết định gài bẫy và thủ tiêu Ngài theo lối chính trị.

Sự bắt buộc đóng thuế cho người La-mã được xem là khó chịu đối với nhiều người Do Thái. Đối với một số người thì mối thù này

nổi lên từ những lợi ích kinh tế đơn thuần, còn với một số khác thì từ tình cảm dân tộc. Cánh hữu tôn giáo trong Do Thái giáo còn đi xa hơn: họ xem việc nạp của dâng cho người La-mã là một sự xúc phạm chính thức chống lại Đức Chúa Trời, và hướng thu nhập mà đúng ra phải được dâng cho Đấng tế trị thiên thượng đã đi sai trật. Hơn nữa, những vị tiên tri vĩ đại đã tuyên bố một cách rõ ràng là khi Đấng Mê-si-a đến, Đức Chúa Trời sẽ ban cho Y-sơ-ra-ên sự giải cứu hoàn toàn khỏi sự cai trị của người Ngoại bang. Kết quả là bất cứ nhân vật mê-si-a nào được sửa soạn để dạy dân chúng rằng khước từ việc nộp thuế cho La-mã là một trách nhiệm tôn giáo thì sẽ ngay lập tức có cả đám đông đi theo. Giữa vòng những lãnh đạo tôn giáo của quốc gia thì dĩ nhiên càng được chú ý hơn. Đặc biệt là tầng lớp thầy tế lễ cao cấp, là những người nắm giữ địa vị hầu như bởi ân điển và đặc ân của người La-mã thì cảm thấy bị đe dọa và không ưa bất cứ phong trào mê-si-a nào (xem Giăng 11:47-50) vì có thể làm cho người La-mã nổi giận và hậu quả là bị đe dọa hay thậm chí phá hủy đền thờ (như cuối cùng đã xảy ra), ảnh hưởng đến quyền lực, thu nhập của chức tế lễ. Thế nên họ chờ đợi một cơ hội thích hợp khi có một đám đông thánh giả và sử dụng một số lời dùa nịnh khôn ngoan để hỏi về suy nghĩ của Ngài đối với công lý và sự công bình (xem 20:20-21) họ hỏi Ngài về việc nộp thuế cho người La-mã. Nộp là đúng hay không nộp là đúng? Câu hỏi này đã được đặt ra để đưa Ngài vào thế tiến thoái lưỡng nan. Nếu Ngài nói nộp thuế là đúng thì ngay lập tức Ngài sẽ bị đám đông ghét và đối với một lãnh đạo tôn giáo thì như thế là hết thời. Mặt khác nếu Ngài nói rằng từ chối nộp thuế cho La-mã là đúng thì họ sẽ báo cáo lại cho chính quyền La-mã và họ có thể xử tử Ngài vì phá hoại chính trị. Đó cũng sẽ là hồi kết của Ngài. Câu trả lời của Đấng Christ đã trở thành câu tục ngữ. Ngài bảo đem một đơ-ni-ê đến, rồi bảo những người đang hỏi Ngài nhận biết hình và hiệu trên đồng bạc đó là của Sê-sa, sau đó Ngài đặt ra nguyên tắc: "Hãy trả cho Sê-sa những gì của Sê-sa, hãy trả cho Đức Chúa Trời những gì của Đức Chúa Trời" (20:25).

Chúng ta để ý ngay rằng nguyên tắc được lập ra bởi Đấng Christ dẫn đến câu hỏi về "quyền sở hữu", và điều này chắc chắn nhắc lại sự chẩn đoán về tình hình tôn giáo mà Chúa vừa ban ra trong ẩn dụ về vườn nho. Điểm chính của ẩn dụ đó là lãnh đạo tôn giáo của Y-sơ-ra-

ên, các thầy tế lễ, các nhà thần học đã chiếm lấy quyền của Đức Chúa Trời là Chủ và của Con Ngài là Đấng kế tự trên tình yêu, sự trung thành và vâng phục của dân sự Ngài. Trong sự biện luận tương phản, ở đây Đấng Christ không nói rằng trong việc đòi nộp thuế từ người Y-sơ-ra-ên, Sê-sa đã chiếm lấy quyền của Đức Chúa Trời. Ngài cũng không nói rằng bây giờ Đấng Mê-si-a là người thừa kế ngai vàng đã đến, Sê-sa phải từ bỏ quyền của mình trên tiền thuế, hay là quyền hành của vua trên Y-sơ-ra-ên. Ngược lại, Ngài khẳng định rằng Sê-sa đang điều hành trong những quyền lợi hợp pháp của mình về quyền sở hữu: hãy trả cho Sê-sa những gì thuộc về Sê-sa. Đó là những phạm trù khó hiểu khi nghĩ về đức tin nơi lễ thật và sự công chính của Chúa (20:21) nghĩa là tạo ra nước bước chính trị để lật đổ chính quyền của Ti-be-ri-át Sê-sa dù là độc ác, tham nhũng là thế. Như lát nữa chúng ta sẽ được biết một cách chi tiết, rằng có sự nhầm lẫn trong cách họ đọc về thời điểm lời tiên tri và đã hiểu nhầm về phương cách và chiến lược của Đấng Mê-si-a, nên họ cho rằng đức tin nơi Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a phải dẫn những người theo Ngài đến việc cố gắng khôi phục lý tưởng của cha ông về chính trị thần quyền bằng cách làm gia tăng những chương trình bất tuân nội bộ hoặc chiến tranh thẳng thừng chống nghịch lại đế quốc Ngoại bang.

Vậy, thời điểm của Đấng Christ cho việc thành lập vương quốc Ngài là gì? Và phương cách của Ngài ra sao? Bản chất của vương quốc đó là gì? Những đoạn và những hoạt động tiếp theo sau sẽ trả lời những câu hỏi này.

*b. Sự phục sinh và lên ngai của Đấng Mê-si-a (20:27-44).* Cũng khoảng thời gian này có một số người Sa-đu-sê, và hầu hết các thầy tế lễ cấp cao là những người đã tranh luận với Chúa là những người Sa-đu-sê, tham dự trong cuộc tranh luận công khai với Chúa về chủ đề sống lại. Không giống như những người Pha-ri-si, những người theo phái Sa-đu-sê không tin vào sự sống lại (xem Công 23:8) và họ cố gắng bày tỏ rằng trong sự sáng của những mạng lệnh chuẩn mực và thực tiễn của lời Chúa thì ý tưởng về sự sống lại là không rõ ràng. Vì có sự tranh luận, họ nghĩ ra trường hợp của một người nữ mà người chồng đầu tiên qua đời mà không có con nối dõi. Luật pháp (Phục 25:5-10) đòi buộc em trai của người quá cố phải cưới bà góa đó và sinh một con

traì là người sẽ được coi như là con của người chết để nối dõi. Điều đó đã được thực hiện. Nhưng người chồng thứ hai cũng chết mà không có con, và tất cả những người sau đó cũng vậy, cả bảy là bảy người, là những người cố gắng để hoàn thành bốn phận của mình dưới luật pháp. “Vậy thì trong sự sống lại, người phụ nữ đó sẽ là vợ của ai, vì cả bảy người đều đã cưới nàng làm vợ?”, những người Sa-đu-sê hỏi để tiếp tục bày tỏ rằng, suy nghĩ của họ là quá vững vàng không thể tranh cãi được đối với quan điểm về sự sống lại.

Chúng ta không có cơ sở để nói rằng có phải những người Sa-đu-sê đã nhận lấy quan điểm này từ ẩn dụ về vườn nho và trong lời trích dẫn Thi Thiên 118 mà Đấng Christ hàm ý, rằng sau khi Ngài bị tử hình bởi những nhà cầm quyền thì Ngài sẽ sống lại, và vì thế họ muốn chặn đứng quan niệm đó trước khi nó trở nên điều phổ biến mà họ cho rằng sự sống lại chỉ là tưởng tượng (Ma-thi-ơ 27:62-66), hoặc họ chỉ lo cho việc thắng cuộc tranh luận với vị tiên tri Ga-li-lê này về một tín lý chính trong trường thần học của họ. Nhưng đây là điều chúng ta biết chắc: các nhà truyền giáo cộng quan sẽ thấy được tầm quan trọng cốt yếu và sự xác đáng của câu hỏi này đối với lời tuyên xưng của Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a và Chúa Cứu Thế của thế gian. Nếu không có sự sống lại, thì Chúa Jê-sus không phải là Đấng Mê-si-a, cũng không phải Đấng Cứu Thế và Cơ Đốc Giáo sẽ nhận được rất ít hoặc có thể nói là không có gì cả (1 Cô 15:12-19). Vì thế cả ba Tin Lành cộng quan đều ghi lại cùng độ dài của câu hỏi và câu trả lời của Đấng Christ.

Theo Đấng Christ (xem 20:34-40), sự chống đối của người Sa-đu-sê dựa vào hai sự phán đoán sai trật. Thứ nhất, thế giới này thừa nhận tình trạng sự sống lại của một người đơn giản chỉ là tiếp tục sự sống đã có ở trên đất, vì thế họ cho rằng mối quan hệ hôn nhân mà người ta đã kí kết với nhau ở dưới đất sẽ tiếp tục ở trên trời. Nhưng không phải vậy. Trong sự sống lại, những người đã được cứu chuộc sẽ giống các thiên sứ trên hai phương diện: họ sẽ không bao giờ chết và họ sẽ không lập gia đình.

Thứ hai, sự phán đoán sai trật nằm trên một khía cạnh cực đoan khác. Hàm ý rằng mối quan hệ giữa Đức Chúa Trời và loài được hình thành trên cuộc đời này chỉ là tạm bợ. Nhưng không phải vậy.

Đức Chúa Trời là vĩnh hằng, mối quan hệ mà Ngài đã kết hiệp là vĩnh viễn. Nhiều thế kỷ sau thời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, Đức Chúa Trời bày tỏ chính mình Ngài với Môi-se, vậy Đấng Christ chỉ ra rằng Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp (20:37). Sự đời đời không thể được đặc trưng bằng điều không còn tồn tại. Vậy thì sự sống lại không phải là một ảo tưởng mơ mộng bởi một tư tưởng đầy mơ ước của những nhà thần học thiếu nghiêm túc; sự phục sinh là một kết quả cần thiết của đặc tánh và bản chất của Đức Chúa Trời.

Tuy nhiên, Đấng Christ không thỏa lòng mà dừng vấn đề tại đó, mà tiếp tục tiến đến cuộc đả kích và đến lượt Ngài trích một phân đoạn từ trong Cựu Ước. Trong Thi Thiên 110:1, Chúa để ý rằng, Đa-vít gọi Đấng Mê-si-a là Đức Chúa Trời của ông. Điều đó làm sao có ý nghĩa nếu (1) như Đấng Mê-si-a chưa hiện hữu trong thời của Đa-vít và (2) nếu trong thời Đấng Mê-si-a được sinh ra, thì Đa-vít đã hoàn toàn không còn hiện hữu nữa? Làm sao Đa-vít xưng một Đấng Mê-si-a không hiện hữu là Chúa của ông? Và làm sao Đấng Christ là Chúa của một vua Đa-vít không hiện hữu? Hơn thế nữa, không có một người cha Đông phương nào, hay một vị vua Đông phương nào lại gọi một trong các con trai mình là Chúa cả. Các anh của Giô-sép cuối cùng đã gọi ông là Chúa, nhưng Gia-cốp thì chưa bao giờ! Nhưng Vua Đa-vít gọi Đấng Mê-si-a là Chúa mình: làm sao Ngài có thể là con của ông?

Phần còn lại của Tân Ước cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi này: Đấng Mê-si-a không chỉ là Con vua Đa-vít. Ngài vừa là Cội Rễ vừa là Dòng Dõi của vua Đa-vít (Khải 22:16). Ngài có thể nhắc đến Đa-vít như cách Ngài nhắc đến Áp-ra-ham trong câu nói của mình: “Trước Áp-ra-ham Ta đã hiện hữu” (Giăng 8:58). Thế nên, Ngài không thể bị xử tử và không còn hiện hữu. Ngài là Con yêu dấu của Chủ trong ý nghĩa đầy trọn nhất. Sự chết của Ngài chắc chắn phải theo sau bởi sự sống lại của Ngài.

Nếu chúng ta đi xa hơn nữa để hỏi về chương trình thiết lập vương quốc của Ngài là gì thì phần còn lại của Thi Thiên 110:1 sẽ cho chúng ta biết. Mệnh lệnh của Đức Chúa Trời cho Đấng Mê-si-a là “Hãy ngồi bên hữu Ta” sẽ vô nghĩa nếu thực tế việc Đấng Mê-si-a

ngồi tại vị trí đó chưa bao giờ bị ngắt quãng. Câu mệnh lệnh này gợi ý một thời kỳ mà Đấng Mê-si-a đến từ Cha (xem Giăng 16:28), và không ngồi bên hữu của Đức Chúa Trời; và cũng gợi ý về sự sống lại, thăng thiên và ngồi bên hữu Đức Chúa Trời theo sau đó. Câu Kinh Thánh cũng chỉ ra rằng có một khoảng cách giữa sự thăng thiên và thời kỳ khi những kẻ thù nghịch Ngài bị đặt dưới bệ chân Ngài (xem Hê 10:13). Những hoạt động này sẽ được trình bày như thế nào và khi nào thì hoạt động 4 sẽ trình bày những điều đó.

*c. Của lễ dâng nơi đền thờ (20:45-21:4).* Trong đoạn 19:45-46, Đấng Christ phản đối những thầy tế lễ vì họ đã biến đền thờ thành hang trộm cướp. Bây giờ Ngài phản đối sự lạm dụng tương tự về phía những thầy thông giáo là những chuyên gia thông giải lời Thánh Kinh (20:46-47). Điều Ngài lên án họ là đã dùng quyền hạn thông thái về Kinh luật, rồi tự cho phép mình có quyền đòi hỏi người khác nịnh nọt mình cách công khai quá đáng mà không phải lúc nào cũng do lòng tự nguyện; thứ hai là lời cầu nguyện chuyên nghiệp của họ thường chỉ ngụ ý trên sự vô lương tâm và cứng lòng trong việc tống tiền, không chỉ từ tay của những người khá giả mà từ những người góa bụa không thể tự vệ được. Chúng ta cần lưu ý (21:1-4) rằng những sự lạm dụng ghê gớm này trong hệ thống lãnh đạo tôn giáo của Y-sơ-ra-ên không thể che mắt Đấng Christ trước những tấm lòng mộ đạo chân thành, thực ra, những sự tận hiến tuyệt vời kín đáo của rất nhiều cá nhân như người đàn bà góa hi sinh hai đồng tiền, Ngài ban cho họ lời khen ngợi đời đời và tiếng tăm của họ lan khắp nơi. Đồng thời đó là bằng chứng về sự phản đối kịch liệt của Ngài rằng Do Thái Giáo trong thời của Ngài đã biến dạng khủng khiếp bởi sự tham nhũng, như những thế kỷ sau đó đã chứng minh bằng một vụ bê bối quá lớn trong Cơ Đốc Giáo (1 Ti-mô-thê 6:5). Chính những sự tham nhũng không ăn năn này một ngày kia sẽ phá hủy đền thờ.

Thế nên, chúng ta lưu ý tính xác đáng trong lời chỉ trích của Đấng Christ về sự thờ phượng trong đền thờ Y-sơ-ra-ên cho đến câu hỏi về chính trị đã khởi đầu cho hoạt động 3 này. Trong thời của Giê-rê-mi, có nhiều người nghĩ rằng dù cho tình trạng tôn giáo, xã hội và kinh tế của họ có thối nát đến đâu, thì Đức Chúa Trời cũng sẽ

không bao giờ cho phép đế chế ngoại bang hùng mạnh của thời đó lạm quyền trên đền thờ Y-sơ-ra-ên và phá hủy nó. Thế nên Giê-rê-mi đã được Chúa hướng dẫn, đứng tại cổng nhà Chúa để cảnh báo những người đi vào thờ phượng rằng đó chính là điều Chúa sẽ cho phép người Ngoại Bang đem đến sự hủy diệt (xem Giê 7). Đền thờ sẽ không đem lại cho họ sự bảo vệ nào cả. Trong thời của Chúa Jê-sus, những lãnh đạo tôn giáo, những thầy tế lễ cấp cao nói riêng bày tỏ sự sợ hãi rằng nếu họ cho phép Chúa Jê-sus tiếp tục lan truyền lời tuyên bố Ngài là Đấng Cứu Thế, thì có thể dẫn đến một cuộc nổi dậy chính trị rộng khắp và người La-mã sẽ trả đũa bằng cách phá hủy cả Giê-ru-sa-lem và đền thờ (Giăng 11:47-53). Thực ra, như trong hoạt động 3 đã chỉ ra, lời xưng nhận Ngài là Đấng Cứu Thế của Đấng Christ không đem đến một sự đe dọa nào đối với cả Hoàng Đế La-mã và đền thờ Do Thái Giáo. Lý do khiến việc phá hủy đền thờ trở thành điều không thể tránh khỏi, trước hết là do sự suy đồi trong thờ phượng của Y-sơ-ra-ên trong tay các nhà lãnh đạo tôn giáo và thứ hai là cách họ đang lên kế hoạch đối đãi với Đấng Mê-si-a. Thực ra họ đã thành công trong việc dùng người La-mã để giết Ngài; một thế hệ sau cũng chính những người La-mã đó đã tàn phá đền thờ của họ cách tàn nhẫn.

#### **4. Giê-ru-sa-lem và lần đến thứ hai của Vua (21:5-38).**

Hoạt động 1 đã làm rõ, rằng ngay từ đầu khi Đấng Christ chính thức đến thành Giê-ru-sa-lem cuời một cách long trọng trên một con lừa với tư cách là Vua của Si-ôn đã được tiên tri từ lâu, Ngài không ở dưới một ảo tưởng nào về điều sẽ xảy đến. Ngài đã biết trước rằng Giê-ru-sa-lem sẽ từ chối cả Ngài lẫn sự cứu rỗi của Ngài (19:41-44). Ngay sau khi vào thành, Ngài đi thẳng đến trung tâm chính của mọi nan đề, đền thờ và sự đồi trụy trong sự thờ phượng Đức Chúa Trời (19:45-46); từ đó hoạt động 2 và 3 đã mở rộng ra về quyết tâm giết Ngài của các lãnh đạo tôn giáo Y-Sơ-ra-ên. Trong những tình huống đó, không ai nghĩ rằng Đấng Christ sẽ chứng tỏ chính mình là Đấng Cứu Thế của Si-ôn bằng cách giải phóng Giê-ru-sa-lem khỏi ách thống trị của dân Ngoại. Tất cả những vị tiên tri vĩ đại đã tuyên bố rằng chính Đức Chúa Trời lấy đi nền độc lập về chính trị và cơ cấu chính trị thần quyền của Y-sơ-ra-ên bởi vì tội lỗi của thành. Chắc

chấn Đấng Christ sẽ không vấy cây đũa thần và giải phóng Y-sơ-ra-ên khỏi sự thống trị của Dân Ngoại bất chấp sự thật là thành vẫn chưa ăn năn, và ngay trong chính thời điểm này họ lại đang có ý định giết Con của Chủ vườn nho. Lời tiên tri trong Đa-ni-ên đoạn 9 đã ghi lại bài học quan trọng mà Đức Chúa Trời hứa phục hồi Giê-ru-sa-lem, lời hứa đó sẽ không bao giờ được ứng nghiệm nếu Y-sơ-ra-ên vẫn cứ sất đá trong tội lỗi và khước từ Đấng Mê-si-a của mình; trong hoạt động 3, chúng ta đã nghe chính Vua Si-ôn bảo Y-sơ-ra-ên tiếp tục trả thuế cho dân Ngoại vì sự trị vì của dân Ngoại vẫn còn lâu dài.

Giờ đây, chúng ta đến với hoạt động 4, chúng ta sẽ còn nghe nhiều điều quan trọng. Y-sơ-ra-ên không chỉ tiếp tục ở dưới ách Ngoại Bang, nhưng sau cái chết của Đấng Mê-si-a, đền thờ là trung tâm đầu não của sự phản loạn của Y-sơ-ra-ên nghịch cùng Đấng Mê-si-a và Đức Chúa Trời của mình, sẽ bị quét sạch và thành sẽ bị thống trị bởi người Ngoại.

Nhưng không phải mọi thứ đều u ám. Đa-ni-ên trong chương thứ bảy có tiên tri về thời điểm dân Y-sơ-ra-ên cuối cùng được giải phóng khỏi sự thống trị của vua Ngoại bang, và ông đã kết hiệp sự giải phóng đó với sự đến của Con Người trong các đám mây trên trời (Đa 7:13). Trong hoạt động 4, Chúa chúng ta sẽ khẳng định lời tiên tri của Đa-ni-ên: cuối cùng sẽ có sự cứu rỗi cho thành Y-sơ-ra-ên, khi Con Người đến trong đám mây với năng quyền và vinh hiển lớn (21:27-28).

*a. Sự xuất hiện của các Mê-si-a giả (21:5-19).* Sau khi đã trình bày sự thật quan trọng về sự sụp đổ trước mắt của đền thờ và triển vọng vinh hiển của sự cứu chuộc trong tương lai trên Y-sơ-ra-ên, khi Đấng Christ đến lần thứ hai, câu hỏi chính mà các chi tiết trong hoạt động 4 này sẽ đề cập đó là thứ tự của các sự kiện dẫn đến hai việc quan trọng sẽ xảy ra.

Các môn đồ được cảnh báo ngay từ đầu để chống lại các mê-si-a giả là những người sẽ đến giảng dạy về sự sẽ đến vào thời kỳ cuối (21:8) trên cơ sở của những chứng cứ khá giả tạo. Để có thể bảo vệ họ khỏi những sự lừa dối đó, Đấng Christ cho các môn đồ biết các dấu hiệu của sự sẽ đến trong thời kỳ cuối là kết hợp của chiến tranh, động đất, đói kém, dịch lệ, cùng với những việc khủng khiếp và dấu



lạ lớn ở trên trời (21:11).

Thứ hai, các môn đồ không phải chỉ biết sự tàn phá của thành Giê-ru-sa-lem sẽ xảy ra rất lâu trước sự đến lần thứ hai và trước sự cuối cùng (21:24-27) nhưng cũng phải biết rằng sẽ có một thời kỳ sau khi Đấng Christ thăng thiên và trước khi Giê-ru-sa-lem và đền thờ bị tàn phá (21:12-19). Lý do cho điều đó là vì trước khi sự tàn phá xảy ra, cả nước sẽ có một cơ hội để cùng ăn năn, với những bằng chứng mới và ngoại lệ được ban cho để dẫn dắt cả đất nước đến sự ăn năn. Bằng chứng mới đó sẽ có dạng của lời chứng được hà hơi cách siêu nhiên của các Cơ Đốc Nhân đầu tiên trong tất cả các tầng lớp của xã hội, và sự duy trì và phát triển của lời chứng đó bởi quyền năng thiên thượng, bất chấp sự bắt bớ khắc nghiệt thường xuyên và bất thường. Y-sơ-ra-ên nên có bằng chứng đầy quyền năng, rằng họ đã sai lầm trong việc đóng đinh Chúa Jê-sus, cùng với những sự tha thứ và giảng hòa đầy thuyết phục, để họ sẽ không còn có gì tiếp tục chống đối Ngài, cũng không còn cơ sở nào để phàn nàn khi cuối cùng Đức Chúa Trời cho phép cả thành phố lẫn đền thờ đều bị phá hủy.

*b. Sự tàn phá và phục hồi thành Giê-ru-sa-lem (21:20-33).* Chúng ta đã biết trong Công vụ các sứ đồ là hàng ngàn cá nhân Do Thái đã tận dụng thời kỳ mà họ được ban cho để ăn năn; nhưng với tư cách là một dân tộc, đất nước họ đã chính thức bị hủy diệt vì khước từ Đấng Christ. Dĩ nhiên Đấng Christ đã thấy trước điều đó, tiên tri Đa-ni-ên cũng vậy. Trong chương nổi bật của ông về thành Giê-ru-sa-lem, Đa-ni-ên đã dự báo trước rằng: "... Đấng chịu xúc dầu sẽ bị trừ đi và sẽ không có gì hết. Quân đội của một thủ lĩnh sắp đến sẽ hủy phá thành và đền thánh. Sự cuối cùng sẽ đến như nước lụt. Chung cuộc chiến tranh sẽ xảy ra, cảnh hoang tàn đã được ấn định" (9:26).

Vậy, giờ đây Đấng Christ cho biết thời gian ban cho thành Giê-ru-sa-lem để họ ăn năn đang đến hồi kết thúc và trong thành sẽ có sự hoang vu (21:20) và "ngày báo thù để mọi lời đã chép được ứng nghiệm" (21:22). Khi các môn đồ thấy các đạo binh Ngoại Bang tiến đến, họ sẽ phải bỏ thành. Họ không có hi vọng nào về phép lạ giải cứu từ thiên thượng cả. Thời kỳ để thực thi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời đã đến: họ sẽ không thể cố gắng chống cự được (21:20-22). Trong sự thương xót của Ngài, Ngài than khóc một lần nữa như Ngài

đã từng than khóc trước đây (19:41-44), sự đau đớn kinh khủng của con người sẽ bị giáng trên thành, trên đàn bà và con trẻ nói riêng, khi dân cư của thành hoặc bị giết hoặc bị lưu đày (21:23-24). Nhưng với mức độ chính xác của sự công chính thiên thượng Ngài chỉ ra hình thức chính của cơn thịnh nộ thiên thượng trên thành Giê-ru-sa-lem là: "... họ sẽ bị lưu đày đến các dân tộc Ngoại Bang, thành Giê-ru-sa-lem sẽ bị chà đạp cho đến khi các thời kỳ của Dân Ngoại được trọn." (21:24). Người ta không thể chạy trốn khỏi những điều quan trọng mà Chúa đã lặp đi lặp lại. Thành Giê-ru-sa-lem đã từng là đại diện cho một lối sống rất khác với dân Ngoại cùng với hệ thống giá trị của họ. Nhưng bây giờ quốc giáo của thành đã suy đồi, về mặt tâm linh họ cũng giống như bất kỳ một tôn giáo Ngoại Bang nào. Các lãnh đạo tôn giáo của thành Giê-ru-sa-lem sắp đem Đấng Mê-si-a của họ và buộc những người Ngoại Bang đi ngược lại ý muốn của họ (23:1-25) mà xử tử Ngài. Vì thế, thật xứng đáng để những con đường của thành sẽ phải chịu đau đớn về những giá trị mà thành đã đồng tình. Đức Chúa Trời sẽ cho phép thành bị Dân Ngoại thống trị và chà đạp chứ không hẳn là bị hủy diệt. Giê-ru-sa-lem, thành thánh, sẽ trở nên một thành Ngoại Bang, bị điều hành bởi Dân Ngoại và theo các giá trị của Dân Ngoại.

Dĩ nhiên đền thờ sẽ bị phá hủy, lời chứng qua nhiều đời của đền thờ sẽ bị xóa bỏ (21:5-6). Nhưng khi các thầy tế lễ thượng phẩm của đền thờ đem Con yêu dấu của Cha và giết Ngài, thì Đức Chúa Trời không sẵn sàng cho phép đền thờ tiếp tục được xem là nơi Ngài chọn lựa để làm lời chứng về Đức Chúa Trời chân thật. Một tôn giáo mà chính thức chối bỏ rằng Đức Chúa Jê-sus là Con Đức Chúa Trời "thì không có Cha", sứ đồ Giăng tuyên bố (1Giăng 2:23).

Đến đây chúng ta nên nêu ra điểm rõ ràng và đơn giản rằng sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem không phải là việc Đức Chúa Trời giao cho Cơ Đốc Nhân làm: Ngài trao công việc đó cho Người Ngoại, như các thế kỷ trước Ngài giao cho người A-si-ri (Ê-sai 10:5-15). Chủ nghĩa bài Do Thái của các nước được gọi là Cơ Đốc trong Thời Trung Cổ và Hiện Đại chẳng là gì, nguồn gốc của họ chẳng qua chỉ là gian ác và thuộc phe ma quỷ.

Nhưng tiếp theo chúng ta nên lưu ý rằng sự thương xót thiên

thương đã hạn chế cơn thịnh nộ thiên thượng trên Giê-ru-sa-lem, thậm chí trước khi nó nổ ra: Đấng Christ nói rằng, Giê-ru-sa-lem sẽ bị giẫm đạp bởi Dân Ngoại nhưng chỉ “đến khi thời điểm của Dân Ngoại được đầy trọn” (21:24). Thời điểm của Dân Ngoại sẽ được đánh dấu bằng thế kỷ cơ hội cho Dân Ngoại nghe về Đấng Cứu Thế và về Tin Lành mà Do Thái Giáo đã chính thức khước từ; như giờ đây chúng ta được biết, hàng triệu người đã đáp ứng. Nhưng bên trong, chính các nước Ngoại Bang đã chứng tỏ mình không tốt hơn, hay ít tội lỗi hơn Y-sơ-ra-ên; cơ hội để họ tiếp nhận Tin Lành cũng không tồn tại mãi mãi, và uy lực của họ trên Giê-ru-sa-lem cũng vậy. Ngoài ra, như sau đó Phao-lô đã nhắc nhở những anh em Cơ Đốc Ngoại Bang của mình, sự bội đạo cuối cùng sẽ cướp đi vai trò dẫn đầu trong việc làm chứng về Đức Chúa Trời của Cơ Đốc giáo, cũng chắc chắn như nó đã cướp đi vai trò đó từ Do Thái Giáo; Y-sơ-ra-ên là nước cuối cùng cải đạo sẽ được khôi phục lại vị trí trong việc làm chứng về Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 11:13-32). Vậy, một ngày nào đó, sự hoang vu của Giê-ru-sa-lem sẽ bị chấm dứt. Con người sẽ đến trong đại quyền đại vinh (21:27) báo trước một sự rúng động khắp vũ trụ; sự cứu chuộc sẽ được hoàn tất (21:28); vương quốc Đức Chúa Trời sẽ đến (21:31). Sự chờ đợi lâu dài sẽ qua đi.

Trong đoạn 19:29,37,41, Lu-ca ghi lại cẩn thận việc Chúa tiến đến Giê-ru-sa-lem càng lúc càng gần trong nghi thức Ngài chính thức “Đến” Giê-ru-sa-lem lần đầu tiên. Ở đây trong đoạn 21:28, 30-31 ông cũng ghi lại các dấu hiệu mà Đấng Christ ban cho về sự Chúa đến lần hai đã gần. Cũng chắc chắn như những người đứng tại Giê-ru-sa-lem chứng kiến Ngài từ từ ngự xuống trên núi Ô-li-ve và rồi cất lên từ ngọn đồi phía đối diện với thành, chắc chắn cả thế giới một ngày kia sẽ thấy Con Người ngự xuống từ trời. Bấy giờ Ngài sẽ không đến trong phong cách khiêm nhu và hạ mình nữa: Ngài sẽ đến với đại quyền đại vinh. Bấy giờ Ngài sẽ không đến cuời trên một con lừa: Ngài sẽ đến trên một đám mây, phương tiện đi lại biểu trưng của Đấng Thánh. Bấy giờ Ngài sẽ không cần phải mượn con lừa: nhưng sự chuẩn bị trước của Ngài sẽ là tiếng biển gầm thét và sự rung chuyển của các thế lực trên các tầng trời.

*c. Lời khuyên bảo cuối cùng trong đền thờ (21:34-38). Có một sự kiện*

được các nhà giải kinh ghi chú rất nhiều rằng bối cảnh của cuộc đàm luận có tính chất tiên tri của Chúa trong sách Lu-ca là khác so với sách Mác và Ma-thi-ơ. Mác (13:1-2) và Ma-thi-ơ (24:1-2) đều nói đến việc Chúa Jêsus bước ra khỏi đền thờ và các môn đồ bảo Ngài hãy chú ý vào những tảng đá khối được dùng để xây nên đền thờ. Lu-ca không kể cho chúng ta rằng Chúa Jêsus ra khỏi đền thờ. Trong đoạn 21:5, Đấng Christ vẫn còn ở trong đền thờ, và điều người ta bảo Ngài chú ý không chỉ là những khối đá của đền thờ, mà còn là những lễ vật của sự hứa nguyện là những món dĩ nhiên là được treo bên trong đền thờ. Hơn nữa, cuối cuộc đàm luận, Lu-ca ghi hai câu tóm tắt (21:37-38) dường như là để chỉ rằng những điều giảng dạy mà ông đã ghi lại từ 20:1- 21:36 tất cả đều được dạy trong những phần dạy dỗ mỗi ngày của Ngài trong đền thờ. Dường như Đấng Christ bắt đầu cuộc đàm luận mang tính tiên tri của Ngài bên trong đền thờ để mọi người đều nghe và sau đó Ngài đi ra ngoài và ngồi trên núi Ô-live, các môn đồ đến riêng với Ngài, cũng như Ma-thi-ơ và Mác đã nói, để đáp ứng cho yêu cầu của họ muốn được giải thích minh bạch hơn, Đấng Christ tiếp tục dạy trong cùng vấn đề nhưng với những phần thêm vào cách phù hợp và nhấn mạnh những điểm khác nhau. Đó là điều vẫn còn được các diễn giả và sinh viên thảo luận trong các kỳ hội nghị ngày nay.

Thật vậy, người ta không thể tránh né điều được Lu-ca nhấn mạnh về đền thờ xuyên suốt các đoạn Kinh Thánh này. Cho tới bây giờ mỗi hoạt động đã được kết thúc với lời mô tả về một sự bại hoại nào đó trong đền thờ (xem 19:45-48; 20:19; 20:45-21:4); giờ đây hoạt động 4 chấm dứt cách phù hợp với một cảnh báo chống lại một sự bại hoại khác. Hoạt động này bắt đầu (21:5) như chúng ta lưu ý, bằng việc người ta bảo Chúa hãy chú ý đến các cửa của lễ hứa nguyện trong đền thờ. Thật dễ hiểu khi những món đồ đẹp đẽ, bày tỏ sự tận hiến tuyệt vời đối với tín ngưỡng khiến khuấy động lòng ngưỡng mộ của con người. Nhưng rất có khả năng, sự ngưỡng mộ này chỉ là đánh giá cao về thẩm mỹ bởi vì nó đem lại cảm giác kinh ngạc và vui thích, nhưng bị hiểu lầm là sản phẩm thuộc linh, trong khi tình trạng sa ngã và phạm tục của người dâng hiến vẫn không được biến đổi, và người đó không được chuẩn bị về mặt tâm linh lẫn đạo đức khi Đấng Christ (21:34-36). Hơn nữa những vinh quang của đền thờ

ru ngủ những tấm lòng chưa được tái sinh trong sự tự mãn không chuẩn bị cho sự tái lâm của Đấng Christ, vậy thì đền thờ nên bị dẹp bỏ đi thì hơn.

## Các hoạt động: phần hai

### 1. Vua dùng bữa tại Giê-ru-sa-lem: biểu tượng của sự chịu khổ (21:1-22:38)

*a. Chuẩn bị cho ngày lễ (21:1-13).* Phần đầu của các hoạt động này hướng tâm trí chúng ta từ việc Vua chính thức vào thành Giê-ru-sa-lem đến xuyên suốt câu chuyện Ngài bị chối bỏ, lời tiên tri về cái chết của Ngài, sự bào chữa và tiếp đến là sự tàn phá đền thờ, thành Giê-ru-sa-lem bị thống trị và cuối cùng là Chúa tái lâm trong vinh hiển.

Giờ đây khi phần hai mở ra, Lu-ca hướng tâm trí chúng ta về bối cảnh tại Giê-ru-sa-lem ngay trước lễ Vượt Qua trong giai đoạn cuối của tuần lễ Thánh. Các lãnh đạo tôn giáo đương nhiên chuẩn bị cho việc kỉ niệm quốc lễ. Tuy nhiên, điều khẩn cấp hơn ghi ẩn trong tâm trí họ đó là phải tách biệt Chúa khỏi đám đông để họ có thể thủ tiêu Ngài. Mới đây, Giu-đa đã cho họ một cơ hội mà họ khó kiếm, và họ cứ tiếp tục tiến hành chuẩn bị cho cuộc trừ khử đó.

Bây giờ chúng ta sẽ chứng kiến cuộc trình diễn ngoạn mục nhất trong cách Chúa cai trị một vũ trụ bội nghịch. Sự phản loạn của loài người, gây ra bởi Sa-tan trước tiên là trong vườn Ê-đen, nhưng trong giai đoạn này của lịch sử cũng bị chính Sa-tan xúi giục (22:3) cương quyết rằng Chúa Jêsus phải chết. Về phần Chúa Jêsus, để đối mặt với sự phản loạn đó, và để thiết lập vương quốc của Đức Chúa Trời trên đất trong chính cái nghịch rằng phản nghịch đó đã được ấn định, là Ngài phải chết! Để đi đến phần kết ấy, một lần nữa Ngài chuẩn bị bước vào thành Giê-ru-sa-lem và sai hai môn đồ, lần này không phải để đi mượn lừa để cưỡi trong cuộc diễu hành mừng Vua Si-ôn, nhưng mượn một cái phòng để ăn lễ Vượt Qua. Dĩ nhiên lễ Vượt Qua phải được ăn vào ban đêm; nhưng trong cách nói của loài người, Chúa ở trong thành vào ban đêm mà không có sự bảo vệ của đám đông xung quanh Ngài là một điều nguy hiểm, đó là lý do vì sao suốt tuần qua khi đêm về, đám đông phân tán, Chúa phải rời thành và ấn

trong bóng tối của núi Ô-li-ve để tránh bị bắt quá sớm (19:47-48; 21:37-38). Việc Ngài vào thành vào ban đêm và nơi mà Ngài sẽ ăn lễ Vượt Qua phải được giữ bí mật. Vậy nên hai môn đồ đã được ban cho những dấu hiệu được sắp đặt trước sẽ dẫn họ đến với một người đàn ông vô danh đã được chuẩn bị sẵn, để cho Chúa mượn một căn phòng trong nhà ông, để tổ chức lễ Vượt Qua trong thành Giê-ru-sa-lem. Đó chính là kinh đô của Vua, nhưng những người quyền hành đã trả một giá cho cái đầu của Ngài mà bấy giờ Giê-ru-sa-lem là cơ quan đầu não trên đất của sự bội nghịch chống lại Vua ấy.

*b. Dùng bữa với các môn đồ (22:14-38).* “Đến giờ, Ngài ngồi vào bàn và các sứ đồ cùng ngồi với Ngài” (22:14). Chúng ta lưu ý sự chính xác của thời điểm. Đấng Mê-si-a sắp chịu đau đớn (22:15); nhưng đó không phải là điều tình cờ hay không được biết trước. Con người sắp ra đi (22:22) nhưng sự ra đi này đã được định trước khi lập nền của thế giới (Phi-e-rơ 1:20) Cho nên trong quá trình lịch sử khi Y-sơ-ra-ên cần đến sự giải cứu khỏi Ai-cập, Chúa đã định rằng sự cứu chuộc đó phải có hiệu lực bởi huyết của Chiên Con thật của Lễ Vượt Qua. Về sau, lễ kỉ niệm hằng năm của Lễ Vượt Qua có hai chức năng. Đó là một kỉ niệm về sự giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa, đúng nghĩa là một sự kiện lịch sử thật với ý nghĩa rộng lớn trong chính sự kiện đó. Đồng thời cũng được lập ra như là một kiểu mẫu đầu tiên và lời hứa về một sự giải cứu mang ý nghĩa rộng lớn hơn mà Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ làm cho có hiệu lực qua sự hi sinh và huyết của Con Ngài.

Giờ đây, trong tiến trình cai trị của Chúa (22:16) thời điểm cho việc nhận lấy lời hứa đã đến. Những sự chuẩn bị cuối cùng đã được làm một cách rất cẩn thận, và vị Vua đã đến với một khát khao mạnh mẽ để ăn lễ Vượt Qua cuối cùng trước khi lời hứa của Lễ Vượt Qua được ứng nghiệm. Sự lường trước về sự đau đớn của Ngài từ lâu đã đè nặng trên Ngài (12:50) và triển vọng giờ đây điều đó sắp kết thúc không thêm gì vào trong nỗi khát khao đó. Nhưng thêm vào đó, việc ăn lễ Vượt Qua trong đêm trước cái chết của Ngài sẽ cho phép Ngài đặt dấu ấn trong tâm trí các môn đồ, và trong tâm trí của tất cả những người theo Ngài về sau, rằng sự chết của Ngài không phải là một thảm họa, cũng không phải là thành quả đáng buồn của sự ganh

ty của loài người, hay sự thèm muốn của thế lực ma quỷ hay sự bại hoại tôn giáo. Mà là sinh tể thiên định cho sự cứu chuộc loài người khỏi những trói buộc của họ từ chính những tham muốn và bại hoại đó, và cho sự giảng hòa của họ với Đức Chúa Trời. Thực ra, sinh tể đó thật có hiệu lực dù cho có mất bao lâu trước khi vương quốc Đức Chúa Trời đến đi nữa (22:18), Ngài sẽ không bao giờ cần phải uống từ trái nho dù là như một bữa ăn thông thường hay một biểu tượng của lễ Vượt Qua: sinh tể chuộc tội vĩ đại nhất đã được trọn, công tác của Ngài trên đất đã được hoàn tất.

Hơn thế nữa, thêm vào phần kỉ niệm lễ Vượt Qua tại Giê-ru-sa-lem, Đấng Christ cũng ban hành một lệ định mới hoàn toàn là Lễ Tiệc Thánh (1Cô 11:20). Tiệc đó để giúp các môn đồ cho đến khi Ngài đến, như là một sự thiết lập những biểu tượng chói sáng để nhắc nhở họ về thân và huyết Ngài ban cho họ và sự cứu chuộc trên họ; tiệc thánh cũng như một dấu hiệu của giao ước mới mà Ngài sẽ thi hành trong huyết Ngài (22:19-20).

Điều khoản của giao ước mới được thiết lập bởi Chúa qua tiên tri Giê-rê-mi (31:33-34) từ lâu đã làm sáng tỏ bản chất và mục đích của giao ước mới. Cũng giống như giao ước cũ mà giao ước mới thay thế, giao ước mới sẽ là một công cụ để cai trị: "Ta sẽ đặt luật pháp Ta vào lòng dạ chúng và khắc ghi lên tâm khảm chúng: Ta sẽ là Đức Chúa Trời của chúng và chúng sẽ làm dân Ta: và... tất cả đều sẽ biết Ta, từ người nhỏ nhất cho đến người lớn nhất. Vì Ta sẽ tha thứ gian ác chúng và không nhớ đến tội lỗi chúng nữa." Khi trao cho các môn đồ tách của giao ước mới trong huyết của Ngài, Đấng Christ đang thông báo lễ khánh thành vương quốc Ngài trong những người tiếp nhận sự cứu chuộc qua huyết Ngài thì sẽ được thừa nhận, và bởi sự tái sanh, dạy dỗ và năng quyền của Đức Thánh Linh thì sẽ được huấn luyện trong sự vâng phục Chúa và Vua của mình. Sự thiết lập về mặt thuộc linh của vương quốc Ngài sẽ không cần phải chờ cho đến khi Ngài tái lâm: mà có thể bắt đầu ngay khi huyết của sinh tể giao ước đóng dấu trên giao ước.

Tuy nhiên, vừa thông báo sự thiết lập vương quốc Ngài xong, Đấng Christ kêu gọi chúng ta hãy chú ý đến điều cực kỳ mỉa mai. Satan đã nhập vào tay chân của hắn là Giu-đa chính trong phòng cao

và đang ngồi để tay lên bàn (22:21) để đánh dấu từng cử động của Đấng Christ, để lên kế hoạch bắt Ngài, để sắp đặt việc đóng đinh và cái chết của Ngài; và chính cái bàn mà kẻ phản bội đang đặt tay lên đó, mang biểu tượng được vị Vua giải mã và được thông báo rằng đó là mục đích đời đời của Đức Chúa Trời, từ buổi ban đầu rằng Vua sẽ chết, bằng sự chết đó bẻ gãy quyền lực của Sa-tan và khánh thành vương quốc riêng của mình. Tội lỗi của Giu-đa là không thể bào chữa; được nhưng bàn tay phản bội của hắn đã phục vụ cho kế hoạch của Đức Chúa Trời trong sự phá hủy quyền lực của tên chủ quỷ quỵt của hắn.

Vị Vua tiến xa hơn nữa. Thêm vào trong thông báo về việc đặt luật pháp Ngài trong lòng của các môn đồ, Ngài mở ra kế hoạch để huấn luyện họ để góp phần trong bộ máy cai trị của Ngài trong đời này lẫn đời sau. Họ sẽ được dạy để không thừa nhận tư tưởng Ngoại Bang về lãnh đạo là cai trị trên người khác, và theo sự lãnh đạo tư tưởng mà Ngài đã làm gương cho họ, đó là Ngài là Vua, là Người Phục Vụ (22:24-27). Việc học của họ được hoàn tất và lòng trung thành của họ đối với Vua được thử nghiệm bằng việc chia sẻ sự đau đớn với Ngài, họ sẽ được phần thưởng trong đời sau với niềm vui về mối thông công mật thiết với Ngài trong sự vinh hiển và đóng góp tích cực với Ngài trong sự tể trị (22:28-30). Trong khi đó các môn đồ không được bảo vệ khỏi sự tấn công của Sa-tan, và họ sẽ phải chịu khổ tạm thời, bị đánh bại phần nào đó, nhưng sợi dây cứu sinh quan trọng của đức tin cá nhân của họ trong Đấng Cứu Thế sẽ được bảo trì, bởi những lời cầu thay của Vị Vua-Thầy Tế Lễ như trong trường hợp của Phi-e-rơ; và những bài học trong thất bại sẽ góp phần gây dựng cho cả nhóm mạnh mẽ (22:31-34). Vị Vua không chỉ đánh bại Kẻ Thù của mình: Ngài sẽ dùng sự chống đối của Sa-tan để làm nên sự trọn vẹn của các môn đồ Ngài.

*c. Chu cấp cho mục vụ (22:35-38).* Nếu sự khước từ của đất nước đối với vị Vua, nghĩa là Ngài phải thông báo khánh thành vương quốc một cách bí mật trên phòng cao, thì điều này cũng không có nghĩa là những mục vụ mạnh mẽ trong những năm qua bây giờ phải dừng lại. Hơn thế nữa. Thay vì bị đồng hóa với Y-sơ-ra-ên, các mục vụ Cơ Đốc giờ đây được mở rộng trên khắp thế giới (24:47). Nhưng sự kiện Vua



sắp bị định tội và tử hình bởi dân mình, cho thấy những giáo sĩ của Ngài không nên trông chờ dân mình chu cấp cho những phí tổn để nuôi họ như những lần trước (xem 9:1-6; 10:1-16); họ phải tự trả cho những chi phí của mình và tự đấu tranh mà không có sự tiếp trợ về tài chánh từ dân tộc hay những người chưa cải đạo.

Vì hiểu lầm ý của Chúa về hình ảnh ẩn dụ về nhu cầu cần gươm, các môn đồ đi tìm hai thanh gươm và đem đến cho Ngài. Ngài bỏ hai thanh gươm qua một bên mà không giải thích gì thêm: trong vài giờ tiếp theo họ sẽ thấy khá rõ là Ngài không nói về những thanh gươm thực thể, hay chủ trương bạo lực dù là trong sự truyền bá hay tự vệ đức tin (22:49-51). Nhưng tình huống và mối liên hệ mới đòi hỏi phải có giữa mục vụ Cơ Đốc và thế giới, Ngài chỉ ra, không phải là không thấy trước, đó là khó khăn tạm thời. Đây cũng là một sự ứng nghiệm lời Chúa đã nhắc từ lâu là sẽ xảy ra (22:37). Sự kiện mà tại thập tự giá “Đấng Christ đã bị kể vào hàng phạm pháp” là điều rất căn bản của phúc âm của sự tha thứ và bình an; cũng chính thập tự giá đó là cần thiết để thiết lập lại mối quan hệ giữa Vua và những người theo Ngài theo một phương diện, vì thế mặt khác đối với thế gian, là phần căn bản của Phúc Âm của Đấng chịu đóng đinh. Mối quan hệ ấy không thể bị thỏa hiệp nếu không có sự thỏa hiệp với Tin Lành (xem 1 Cô 1:1-2:5; Ga-la-ti 6:14).

Đến đây, Đấng Christ kết thúc thông báo về kế hoạch của mình và những chiến lược cho việc thiết lập vương quốc Ngài. Nhưng những biểu tượng, kế hoạch và những lời tiên tri sẽ là vô dụng nếu chúng không được chuyển thành hành động và ứng nghiệm. Đấng Christ nói: “Vì Ta bảo các con, lời Kinh Thánh này phải được ứng nghiệm trong Ta...và những lời chép về Ta đang được ứng nghiệm” (22:37). Khi Ngài đã nói những lời ấy thì Vua ra đi để thiết lập vương quốc của Ngài.

## **6. Vua bị những nhà lãnh đạo tôn giáo bắt và xét xử (22:39-71).**

*a. Bắt người: Các thầy tế lễ và quyền lực tối tăm (22:39-53).* Khi Vua bước ra khỏi phòng cao, chúng ta được biết (22:34) là Ngài đi “đến một nơi như thường lệ” (22:40) nơi mà mỗi ngày trong suốt tuần qua Ngài đã đi đến khi Ngài rời khỏi đền thờ vào ban đêm, là nơi mà

Giu-đa biết rõ lắm và là nơi hấn sấp đến với đội ngũ bắt người. Ngài không hề có ý chạy trốn. Nếu vương quốc của Chúa sẽ được thiết lập, thì trận chiến với thế lực tối tăm phải xảy ra và xảy ra càng sớm càng tốt.

Đấng Christ nói với các môn đồ mình rằng: “Hãy cầu nguyện, để các con không sa vào chước cám dỗ”. Chính địa ngục đang liên hiệp các thế lực của chúng và kết hợp với sự ác của con người để có thể ngăn trở ý muốn Đức Chúa Trời được thành. Đây có thể là cám dỗ cho các môn đồ: tránh đối mặt với trận chiến, bỏ cuộc, chạy trốn, thất bại trong việc làm theo ý Chúa.

Thế rồi, như để làm cho cho rõ vào thời khắc định mệnh, vô cùng quan trọng trong lịch sử của cả cõi vũ trụ sẽ diễn ra là trung tâm của trận chiến, Ngài đi khỏi các môn đồ khoảng chừng ném một cục đá (22:41) Trận chiến và kết quả của nó phụ thuộc vào chỉ một mình Ngài. Nếu Ngài thua thì tất cả sẽ bị mất vĩnh viễn: nếu Ngài thắng, Ngài sẽ đảm bảo một chiến thắng không thể thay đổi được.

Ngài quỳ xuống. Một hình ảnh ấn tượng biết bao! Đúng là một sự chiến thắng! Vị Vua quỳ trên núi Ô-li-ve! Chỉ mới vài ngày trước thôi Ngài đã đến cưới lẽa xuống từ núi này trong cuộc diễu hành chính thức như một vị Vua (19:35-38). Nhưng Ngài nhận thấy Giê-ru-sa-lem để đô của Ngài nằm trong tay của những kẻ phản nghịch, đền thờ thì bị những kẻ trộm cướp chiếm đóng. Làm sao để vượt qua được sự chống đối này? Làm sao những kẻ phản nghịch này có thể được cứu khỏi sự đoán phạt của Đức Chúa Trời và án phạt cho sự bội nghịch của họ, và được khôi phục sự vâng lời và thờ phượng Đức Chúa Trời? Chỉ cưới trên con vật của hoàng gia và đi ngang qua các con phố của thành sẽ không đủ để thực hiện sự cứu rỗi. Sự phô trương và nghi lễ chưa bao giờ biến một kẻ phản loạn thành một thánh nhân. Nếu có bao giờ Giê-ru-sa-lem, Y-sơ-ra-ên, và cả thế giới được đem trở về với sự vâng phục Đức Chúa Trời thì tất cả phải bắt đầu từ đây: Chính Đấng Mê-si-a phải thiết lập ý muốn của Đức Chúa Trời trên đất bằng chính sự vâng lời của mình.

Thế nên vị Vua quỳ xuống. Ngài thay mặt chính mình mà vâng phục như thường lệ, nhưng cũng thay mặt cả Y-sơ-ra-ên nữa, và thay mặt cả nhân loại. “Vì bởi sự không vâng phục của một người mà

những người trở thành tội nhân, thì cũng vậy, bởi sự vâng phục của một người mà nhiều người sẽ trở nên công chính.” (Rô-ma 5:19). Trong lời cầu nguyện vâng phục của Ngài không có sự giả vờ rằng chén ấy là ngọt. Sự vâng phục trong một thế giới không sa ngã thì có thể không gì hơn niềm vui ngây ngất. Nhưng khi phải đối mặt với sự vâng phục trong thế giới của chúng ta, với mục đích của Đức Chúa Trời vì sự cứu chuộc của loài người sa ngã thì chén đó phải là một chén đắng không thể lường được. Với cả sự chân thành, Chúa Jê-sus cầu xin để chén đó được cất đi để Ngài không phải uống. Đây không phải một sự nhiệt tình thiếu suy nghĩ thẩu đáo hay sự tận hiến ngoài mặt như của Phi-e-rơ (22:33) công bố sẵn sàng để chịu khổ và chết, đó là sản phẩm của chủ nghĩa vô thực thiếu trách nhiệm. Bất kỳ ai nghĩ về việc bị làm nên tội bởi Đức Chúa Trời là một sự ngốc nghếch, hoặc là sự chống nghịch của Pô-mê-thia đối với Đấng thánh (Thần thoại Hi-lạp). Chúa nhập thể không bao giờ có ý định như thế. Ngài cầu nguyện khẩn thiết xin chén này lìa khỏi Ngài, nếu đó là ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng nếu không, thì dù cho mỗi cảm xúc trong lòng Ngài, mỗi tế bào trong thịt Ngài dấy lên chống lại viễn cảnh đó, và thân thể Ngài đổ mồ hôi như giọt máu trong sự đau đớn cùng cực, Ngài vẫn cầu nguyện “Nhưng không theo ý con mà theo ý Cha”.

Khi trở lại với các môn đồ, Ngài thấy họ ngủ thay vì đau buồn, Ngài nhẹ nhàng rầy la họ. Tuy nhiên chính sự thất bại của họ sẽ giúp chúng ta thấy một nét đặc thù quan trọng. Dưới sức nặng của những hoàn cảnh gian ác và đau đớn, họ đã nhường cho sự yếu đuối tự nhiên và sự thoải mái của giấc ngủ. Điều đó dĩ nhiên không khiến cho sự ác bỏ đi, mà chỉ khiến cho họ quên đi và không sẵn sàng cho sự công kích dữ dội của điều ác. Đấng Christ không nhường bộ cho bất cứ điều ác nào: chắc chắn Ngài giữ ý muốn của Đức Chúa Trời trước tất cả mọi điều gian ác. Lời cầu nguyện khi Ngài quỳ trên đất là: “Ý Cha được nên”, đó là tiếng kêu cầu của Đấng đắc thắng: vì “ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời thì còn lại đời đời” (1Giăng2:17).

Bấy giờ, đội ngũ bắt người đã đến, và cú sốc bắt ngờ khi thấy sự giả vờ đáng ghê tởm nơi Giu-đa và vì nhận thấy điều sắp xảy ra khiến cho các môn đồ phản ứng tức thời: “Thưa thầy chúng con có nên dùng dao đối với họ không?” Một trong số họ thật ra đã không

chờ được phép, mà vung dao và vói cánh tay lóng ngóng nhưng ý định kiên quyết nên đã cắt rớt một tai phải của thầy tế lễ thượng phẩm. Phản ứng này là tự nhiên, mọi cái đều là phản ứng quá tự nhiên của con người tự nhiên, không có sự chuẩn bị bằng lời cầu nguyện. Không được tế trị bởi ý định và sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, và hoàn toàn không phù hợp và tương xứng với bản chất của mâu thuẫn đang ở trên họ. Những gì họ đang tiến lên chống lại không phải chỉ đơn thuần là thịt và huyết nhưng là chủ quyền và thế lực, những kẻ cầm quyền trên thế gian mờ tối này (22:53) là kẻ dùng quyền lực của mình để tấn công vào những bản chất rất thật của con người, biến sự đơn sơ thành sự lừa dối ranh mãnh. Đó không phải là thế lực mà người ta có thể được giải thoát bằng vũ khí hữu hình. Đấng Christ ngăn cản các môn đồ Ngài và chữa lành tai cho người thầy tế lễ. Ít nhất có một người có thể nghe tiếng lớn và rõ ràng, chính xác điều Chúa Jêsus bình vực, bắt chấp những lộn xộn trong vườn tối hôm đó khi mà Ngài phơi bày sự lừa gạt của các thầy tế lễ cả, quan cai nhà hội và các trưởng lão là những người đang lãnh đạo hoạt động này. Họ đứng đó xưng là những người hầu việc Chúa, những người bảo vệ đền thờ của Ngài, những người ủng hộ sự thánh khiết và chân thật của Chúa, làm ra vẻ họ đang trong một cuộc viễn chinh chống lại một số nhà hoạt động tôn giáo. Tất cả chỉ là một sự giả tạo rõ ràng; giờ đây chúng ta có thể thấy Phi-e-rơ đã rất thiếu suy nghĩ mà bị họ chuộc lợi rất dễ dàng, nếu ông được phép tiếp tục dùng tay mà chống cự họ. Sau đó họ có thể nói với công chúng rằng họ đã bắt Chúa Jêsus giữa đêm, Ngài đứng đầu một nhóm người có vũ trang, tham dự vào hoạt động du kích đảo chính, và rằng khi bị thách thức, Ngài và các môn đồ Ngài đã tấn công các lãnh đạo bằng vũ khí. Sa-tan sẽ cười cợt biết bao khi thấy Đấng Cứu Thế của cả thế gian bị xem như là đại diện cho chiến sĩ du kích, cho rằng những nan đề của cái ác có thể được giải quyết bằng việc lật đổ chính trị và xung đột vũ trang.

Thật ra là tại nơi công cộng giữa ban ngày, họ không tìm được một điều căn bản nào để chống phá Ngài về mặt chính trị và họ buộc phải bịa đặt ra một điều để gán ép Ngài trong bóng tối. Chính những thủ đoạn và thời điểm họ bắt Ngài cho thấy nguồn quyền lực của họ: “Đây là giờ của các người và của quyền lực tối tăm” (22:53).

b. *Đấng Christ được đưa đến nhà thầy tế lễ Thượng Phẩm (22:54-65).* Lúc này hầu hết các môn đồ đều chạy trốn và bỏ Chúa. Có thể nói nếu Phi-e-rơ được kể công trạng đời đời thì ít nhất là ông vẫn cứ đi theo Ngài; nhưng tình linh ông nhận ra rằng mình đang ở nhằm phe trong trận chiến. Ông không cố tình làm vậy; nhưng ông chưa nhận thức được bản chất của cuộc chiến cũng như vũ khí và nguồn lực để có được thắng lợi sau cùng. Đây là trận chiến giữa Lẽ Thật và sự dối trá. Lẽ Thật sau hết là một Thân Vị. Trận chiến sẽ được lắng xuống không phải bởi lực lượng thuộc thể, vì làm sao có thể thắng được? Nhưng bởi năng lực thuộc linh (xem 2Cô-rinh-tô 10:4). Điều đòi hỏi ở một người đó là đứng về phía Lẽ Thật. Không cứ hậu quả là gì, người đó sẽ được đắc thắng nếu cứ đứng với Lẽ Thật; nếu thành công đồng nghĩa với từ bỏ Lẽ Thật thì người đó đã bị thiệt hại.

Tại sân nhà Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, các đày tớ đốt lên một bếp lửa và ngồi xung quanh đó. Phi-e-rơ cũng ngồi với họ. Trong bóng tối lò mờ, ngọn lửa bùng lên, ánh sáng chiếu rọi vào mặt Phi-e-rơ, và gương mặt ông đã phoi bầy ông (22:56). Chúng khiến ông phải mở miệng và cái giọng Ga-li-lê của ông đã phản bội ông (22:59). “Chắc chắn”, người đày tớ cuối cùng nói, khẳng định một cách tự tin điều mà họ biết là sự thật (22:59); và khiến Phi-e-rơ chỉ còn cơ hội cuối cùng để thắng trận là đứng về phía Lẽ Thật. Nhưng ông đã khước từ Lẽ Thật, tìm chỗ ẩn nấp lúc này là giả vờ ngây thơ: “Tôi không biết ông ấy đâu”, “Tôi không phải một trong số họ”. “Này anh, tôi không biết anh đang nói gì” (22:57-58,60). Chỉ đến lúc này, khi ông đã khước từ Lẽ Thật tới lần thứ ba và dường như là đã cắt đứt hết mọi liên hệ với Đấng Christ, ở đâu đó trong bóng tối một con gà trống gáy, và Chúa quay qua nhìn Phi-e-rơ. “Phi-e-rơ nhớ tới lời của Chúa, những gì Ngài đã nói với ông, hôm nay trước khi gà gáy, con sẽ chối Ta ba lần” (22:61).

Phi-e-rơ đứng dậy, rất buồn phiền lẫn ra ngoài trong sự bao phủ của bóng đêm. Nhưng giờ đây bóng tối không thể nào nuốt chửng ông hoàn toàn: sợi dây liên lạc giữa ông và Chúa đã được duy trì và đức tin của Phi-e-rơ nơi lẽ thật của lời Chúa thật ra trong lúc này mạnh mẽ hơn hết. Ông đã chứng minh lời Chúa là thật. Nếu Đấng Christ đã nói đúng về sự chối Chúa, đúng đến cả chi tiết về

con gà gáy, thì Ngài sẽ phải đứng trong phần còn lại trong lời tiên tri (22:31-32): Phi-e-rơ sẽ trở lại và làm mạnh mẽ anh em mình. Ký ức về câu nói đó đã cứu Phi-e-rơ khỏi tuyệt vọng thảm hại. Những lời cầu thay của vị Vua - Thầy Tế Lễ đã bảo đảm cho Phi-e-rơ để đức tin ông không bị thất bại (22:32). Những lời cầu thay đó cũng sẽ hiệu lực tương tự đối với mỗi tín hữu trong mỗi mặt trận của cuộc đời.

Nhưng giờ đây, với khoảng thời gian còn lại trong đêm thì Chúa Jêsus phải đứng một mình. Những lính canh Ngài là những kẻ độc ác và thô lỗ rất ít quan tâm đến lẽ thật. Đối với họ tôn giáo chỉ để đùa cợt, đặc biệt là những nhà tiên tri luôn cố gắng làm bạn sợ bằng những lời cảnh báo về một Đức Chúa Trời là Đấng có thể thấy mọi điều bạn làm, và một ngày nào đó sẽ đoán phạt tội nhân. Vì vậy, họ bịt mắt Chúa Jêsus và nói rằng: “Bây giờ hãy nói tiên tri cho chúng ta xem ai đã đánh người”, và vui hưởng sự tự do mới khi khám phá ra đánh Ngài mà Ngài không thể thấy được ai đã đánh. Đó là một suy nghĩ thô thiển; nhưng làm sao họ biết được rằng trong khi Phi-e-rơ chối Chúa, thì một lời tiên tri mới vừa được ứng nghiệm ngay trước mắt họ?

*c. Quyết định của tòa công luận (22:66-71).* Trời vừa sáng (22:66) những lãnh đạo tôn giáo liền mở ra cái có vẻ như là hội đồng thẩm vấn. Họ nói với Chúa rằng: “Nếu người là Đấng Mê-si-a thì hãy nói cho chúng ta biết”. Trong thực tế thì họ không hứng thú gì trong việc tìm ra sự thật. Họ cũng không sẵn sàng để tin những gì Ngài nói hay thậm chí thảo luận vấn đề với Ngài. Thật không có lý do gì để mà giải thích chi tiết các sự việc, hay đưa ra bất cứ lời bào chữa nào. Họ đã quyết chí tìm chỗ để định tội Ngài phải chết. Thấy trước quyết định của họ nên Đấng Christ bày tỏ bản chất của Ngài trong tình trạng của sự sống lại và thăng thiên. “Nhưng từ nay về sau, Con người sẽ ngồi bên phải của Đức Chúa Trời quyền năng” (22:69).

Họ hiểu ý Ngài đang tuyên bố rằng Ngài thật sự ngang hàng với Đức Chúa Trời, cả về địa vị lẫn năng quyền, họ đã vui mừng với câu nói đó bởi vì đối với họ đó là đỉnh cao của sự lộng ngôn và tạo cho họ nhiều lợi thế mà tử hình Ngài. Tuy nhiên, họ chỉ kiểm tra cho chắc rằng Ngài có công bố mình là Con Đức Chúa Trời trong ý nghĩa chính xác nhất của câu nói đó; và khám phá ra rằng Ngài đã nói, nên

họ kết luận phần điều tra của mình. Bây giờ thì họ có thể xử tử Ngài. Trớ trêu thay, việc họ xử tử Ngài chỉ là bước đầu tiên trong tiến trình chuyển chỗ Ngài từ tù nhân của họ đến chỗ ngồi của Ngài tại bên hữu của Đức Chúa Trời về mặt năng quyền.

## **7. Vị Vua bị xét xử, định tội, và đóng đinh bởi những lãnh đạo chính quyền (23:1-56a).**

*a. Phiên tòa dân sự: Phi-lát và thế lực vua Hê-rốt (23:1-25).* Các nhà lãnh đạo tôn giáo thấy rõ rằng một bản án về tội lộng ngôn sẽ không thể bảo đảm cái án mà họ muốn từ tòa án dân sự, cho nên khi họ đem Chúa đến trước mặt Phi-lát, thay vào đó, họ kết tội Ngài về âm mưu lật đổ chính trị trong cương vị của Đấng Cứu Thế (23:2). Dĩ nhiên, đó là một lời nói dối, một lời nói dối quá rõ ràng đến nỗi Luca không ngại chỉ ra sự thật. Phi-lát xem xét lời buộc tội và sớm đưa ra kết luận rằng sự kết tội là vô căn cứ. Tuy nhiên, vì biết rằng người tù thuộc dưới quyền của Hê-rốt nên Phi-lát chuyển Ngài qua cho Hê-rốt. Ý tưởng cho rằng Chúa Jêsus là một đối thủ của chính vua Hê-rốt thật là buồn cười nên ông và thuộc hạ của mình nhạo báng toàn bộ sự việc, bằng cách mặc cho Chúa một trang phục giả mạo hoàng gia, rồi cuối cùng chuyển Ngài về cho Phi-lát sau một hồi giỡn cợt. Không có gì trong phần kết tội cả. Phi-lát lại triệu tập phiên tòa và tuyên bố phán quyết sau khi đã thẩm tra hai lần, nhưng ông nhận ra rằng các thầy tế lễ không sẵn lòng phục dưới thẩm quyền của ông cũng như của Hê-rốt. Họ kiên quyết rằng Chúa Jêsus phải bị đóng đinh và một Ba-ra-ba nào đó được tha ra.

Tình hình bắt đầu trở nên căng thẳng. Một bên là các thầy tế lễ đòi phải tử hình Chúa Jêsus trên cơ sở là Ngài có ý lật đổ chính quyền. Nhưng chính những thầy tế lễ này lại không phục dưới chính quyền, và còn gì nữa, họ còn đòi tha cho một kẻ hoạt động chính trị nổi danh là kẻ vừa gây rối nội bộ trong thành vì giết người. Phi-lát quyết định rằng đã đến lúc ông xác nhận ý riêng của mình. “Muốn (Hi-lạp: *thelōn*) tha cho Jêsus”, một lần nữa ông ta nói với những nguyên cáo (23:20). Nhưng họ la lên, “Hãy đóng đinh nó.” Phi-lát cố gắng lần thứ ba để làm theo ý mình; nhưng một lần nữa họ la hét lấn áp ông và ông đã nhượng bộ (23:22-23).

Trong giây phút quan trọng này, trong mạch văn chúng ta không thể không lưu ý đến sự lặp lại liên tục của Lu-ca: ‘nhưng họ chống lại bằng tiếng la lớn rằng hãy đóng đinh Ngài và họ đã thắng thế. Rồi Phi-lát ban lời phán quyết rằng điều họ đòi sẽ được thực thi. Ông tha cho một tên vì nổi loạn và giết người mà bị bỏ tù là kẻ mà họ đòi tha; nhưng còn Chúa Jêsus thì ông giao cho ý muốn của họ’ (Hi-lạp: thelema). Chỉ cách nhau có một vài câu thôi, khi chúng ta nghe những lời cầu nguyện của một người trước một thẩm quyền khác: “Nếu Ngài muốn, xin cho chén này lìa khỏi con, nhưng không theo ý con mà ý Cha được nên.” (22:42). Đó chính là lời cầu nguyện của Vua, và một ngày kia, nhờ kết quả của lời cầu nguyện đó, Ngài sẽ ngồi bên hữu trong năng quyền của Đức Chúa Trời và sẽ được tín nhiệm cai trị cả cõi vũ trụ. Các thầy tế lễ và dân sự mới khác thường làm sao. Đứng trước lãnh đạo chính quyền được thiết lập đàng hoàng (Rô-ma 13:1-7) mà nhiệm vụ thiêng liêng Chúa ban cho là để bảo vệ người vô tội và định tội những phạm nhân, những thầy tế lễ này lại cứ khăng khăng vượt qua ý định của chính quyền và làm theo ý mình. Ý riêng của họ đó là người vô tội bị định tội và kẻ bạo loạn giết người được tha bổng. Nhưng những người cứ khăng khăng theo ý mình như thế thì sẽ ra sao?

*b. Bị giải đi và bị đóng đinh (23:26-49).* Nếu Chúa Jêsus thật sự là Con Đức Chúa Trời, thì sự đóng đinh Ngài trên đất này rõ ràng là dấy lên những câu hỏi sâu sắc về sự cai trị về đạo đức của Đức Chúa Trời trên cõi vũ trụ. Như chúng ta đã được cho biết (22:20), Đấng Christ bởi sự chết Ngài sẽ thiết lập giao ước mới như là nền tảng của chính phủ Ngài, không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng mạch văn của Lu-ca về cái chết của Đấng Christ thu hút sự chú ý của chúng ta đến với một số nguyên tắc căn bản trong sự vận hành của chính quyền thiên thượng.

Vấn đề đầu tiên cần lưu ý đó là cách Chúa thực thi ý muốn của Ngài trong một thế giới nổi loạn. Khi Đấng Christ đã bị giải đi để bị đóng đinh (23:26), lính La-mã bắt ép một người qua đường vác thập tự giá của Chúa Jêsus. Người đó không có sự lựa chọn: lính La-mã muốn cho xong việc và chúng buộc ông phải làm điều đó. Sự việc diễn ra như thế. Phương cách của Chúa thật khác biệt biết bao. Đó



là ý muốn thiên thượng và tiên định rằng Con Đức Chúa Trời sẽ chết như một sự chuộc tội cho tội nhân (22:22). Thầy tế lễ thượng phẩm và thầy tế lễ cả, Giu-đa, Sa-tan và dân sự tất cả đều góp một phần vào trong cái chết của Con Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không ép ai trong số họ làm điều đó cả. Tất cả đều có lý do riêng và tất cả hành động của họ đều là tự nguyện. Tuy vậy, rốt lại thì họ đã làm những gì mà quyền năng và ý muốn của Đức Chúa Trời đã định trước phải xảy ra (Công-vụ 4:28).

Vấn đề thứ hai là luật của hậu quả không thể tránh khỏi. Trong đám đông theo Chúa đến nơi hành hình một số đông là phụ nữ ta thán và khóc thương Ngài. Dường như đó là một phản ứng tâm lý đối với hình ảnh “một người trẻ tuổi tốt bụng” bị giải đi một cách tàn nhẫn đến cái chết kinh khủng độc ác đến thế. Sự kiện này không liên quan gì đến lương tâm đạo đức hay sự ăn năn cả. Trong khoảng một tháng thôi có lẽ họ sẽ quên đi. Đấng Christ không thích sự thương hại như thế. Ngài nói với họ hãy nên khóc cho chính mình và con cái mình thì hơn, vì trước mắt họ là một sự khổ nạn sẽ ngược lại với mọi khát khao và giá trị tự nhiên: dường như không có con cái là điều hạnh phúc nhất, và sự chết được ưa chuộng hơn sự sống (23:29-30).

Đây là điều kinh khủng, nhưng nó ra từ luật của hành động và hậu quả không thể tránh khỏi, của việc gieo và gặt. Dân thành Giê-ru-sa-lem, được dẫn dắt bởi các thầy tế lễ, các trưởng lão và quan cai của họ vừa mới kêu cầu Phi-lát định tội một người vô tội phải chết và tha bổng cho một tên giết người hoạt động chính trị thay cho người đó. Trong khi Phi-lát, dưới danh nghĩa của chính quyền công chính, cố gắng khước từ một đề nghị vô nhân đạo như thế, thì họ la hét, phẫn nộ, và khăng khăng làm theo ý mình chống lại mọi công lý và sự ngăn trở của chính quyền. Họ đã có được điều mình muốn. Chao ôi, họ đã thực hiện được. Như là một hậu quả trực tiếp từ xa trong việc đòi điều bất chính này, một ngày kia họ sẽ lại kêu la, nhưng lần này là kêu la để các ngọn núi ngã lấp họ, để cứu họ khỏi hậu quả của điều mà trước đây họ đã khăng khăng đòi hỏi.

Chúa nói: “Nếu như cây xanh mà người ta còn đối xử như thế thì cây khô sẽ ra sao?” (23:31). Nếu những công dân sống trong một xã hội văn minh dưới một chính quyền khá ổn định, công bằng và

hợp lý, có thể bị thắng thế chính quyền và khăng khăng đòi xử tử một người vô tội, chưa kể đến thực tế Ngài là Con Đức Chúa Trời và là Đấng Mê-si-a của họ nữa; nếu các thầy tế lễ trong một tôn giáo được cả nước biết đến là ủng hộ cho luật pháp thiên thượng, đạo đức và cách hành xử hợp với luân thường đạo lý, có thể dùng lời nói dối để buộc thẩm quyền nội bộ phạm vào tội giết người bất công, vậy thái độ nào sẽ thắng thế trong một xã hội đã đánh mất tất cả sự tôn trọng đối với công lý, luật pháp, đạo đức, tín ngưỡng và Đức Chúa Trời? Sẽ mất thời gian để biến một cây xanh thành một cây khô, một thiên đàng thành đồng vắng. Nhưng làm chầy nhựa sống luân lý của một quốc gia thì hậu quả dù chậm đến nhưng sẽ không thể tránh khỏi.

Vậy những điều này sẽ là hậu quả của việc giết Đấng Mê-si-a của dân tộc này. Nhưng tội lỗi còn mang đến nhiều điều khác hơn là hậu quả: nó mang lại sự trừng phạt thiên thượng. Đấng Christ cảnh báo rằng Chủ vườn nho sẽ không đứng yên sau khi những công nhân hợp tác đã bắt lấy Con yếu đuối của Ngài, ném ra vườn và giết đi. Chủ vườn sẽ “đến và tiêu diệt những công nhân này” (20:15-16). Dù sự trừng phạt thiên thượng cũng nghiêm trọng như thế, nhưng nó cũng cho phép con người có thể nhận được sự tha thứ thiên thượng, và mạch văn giờ đây cho thấy điều kiện cho sự tha thứ là gì và nó ảnh hưởng trên câu hỏi về hậu quả của tội lỗi ra sao.

Trước tiên là những người lính, là người không hiểu hết ý nghĩa của việc mình làm là đóng đinh Chúa cùng với hai kẻ bất lương khác như thế Ngài cũng là một kẻ bất lương, và đóng đinh qua da thịt đang run lên của Ngài. Chúng ta nên chú ý những nguyên nhân Chúa cầu nguyện cho sự tha thứ trên họ: “Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết điều mình làm” (23:34). Lời cầu nguyện này, phát ra trong khoảnh khắc của nỗi đau đáng sợ, vì có những người đang gây ra nỗi đau, đã đụng chạm trái tim của hàng triệu người và trở thành tư tưởng dạy dỗ cho vô số những người chịu khổ để không nhường bước cho sự trả đũa mù quáng, nhưng để tìm điều thiện thậm chí cho kẻ thù của mình (Ma-thi-ơ 5:43-48). Tuy nhiên, việc chỉ ra rằng Ngài đang cầu thay cho những người lính là những người thật sự không biết điều mình đang làm cũng không làm giảm đi sự vinh hiển trong lời cầu nguyện của Đấng Christ. Cảm tính sai lầm không nên

dẫn chúng ta đến việc mở rộng lãnh vực của lời cầu nguyện vượt hơn ý định của Ngài. Cầu nguyện cho sự tha thứ của một người biết khá rõ về điều người đó làm và không hề có ý định dừng lại hoặc ăn năn là vô luân lý: nó sẽ như là phớt lờ hay chừa chấp tội lỗi của người đó. Đấng Christ sẽ không bao giờ làm thế.

Tiếp theo là nguyên tắc mà Đấng Christ khiến cho người ta có thể được cứu khỏi cơn thịnh nộ và đoán phạt của Đức Chúa Trời. Trước hết chúng ta nghe điều đó bị bóp méo như một lời chế nhạo trên môi của những lãnh đạo nhạo báng sự bất lực của Ngài để tự cứu chính mình: “Nó đã cứu người khác; nếu nó thật là Đấng Christ, người được chọn của Đức Chúa Trời, thì hãy để nó tự cứu mình đi” (23:35). Họ đang nghĩ theo ý nghĩa thuộc thế. Họ thừa nhận ở mức độ này thì Ngài đã chữa lành nhiều người khỏi bệnh tật trong cả nước. Nhưng giờ đây, Ngài đang bị đóng đinh chính thân mình trên cây thập tự và rõ ràng là không tài nào giải phóng chính mình. Vậy thì làm sao Ngài có thể là Đấng Mê-si-a được Đức Chúa Trời chọn lựa và sai phái? Nếu Ngài không thể ngăn cản kẻ thù đóng đinh Ngài hay xuống khỏi thập tự một cách kỳ diệu và giải cứu đất nước khỏi kẻ thù chính trị của mình thì Ngài là Đấng Mê-si-a có ích lợi gì đâu?

Các binh lính La-mã cũng can dự vào điều này. Họ không biết gì về câu nói: “Đấng Mê-si-a của Đức Chúa Trời, Người được chọn của Chúa.” (23:35) và ý nghĩa của những lời này là dành cho người Do Thái biết Cựu Ước. Nhưng theo lối suy nghĩ đơn giản của họ thì một vị Vua không tự cứu mình được thì không thể nào khởi xướng những rắc rối cho quyền lực chính trị. Nếu Jêsus là tất cả những gì người Do Thái có thể đề xuất để tranh cãi về luật của xứ Giu-đê với Sê-sa, thì toàn bộ lời công bố về quyền làm vua thật là buồn cười.

Trong sự khinh thường, họ đóng trên thập tự giá của Ngài một bảng mô tả: “Đây là Vua dân Giu-đá”. Thật buồn cười; cho đến khi Đấng Christ trở lại với đại quyền đại vinh, thì tất cả mọi cố gắng đại diện cho Chúa và Cơ Đốc Giáo chân thật như là một vương quốc chính trị trong sự cạnh tranh với các vương quốc chính trị khác cuối cùng sẽ chuốc lấy sự nhạo báng tương tự trong mắt của các thế lực ngoại đạo.

Nhưng chúng ta biết điều mà cả những người lãnh đạo lẫn

những binh lính đều không biết. Khi Đấng Christ bước vào thành trong đoạn 19: 29-48 chắc chắn Ngài tuyên bố mình là Vua; nhưng khi Ngài vào thành trong 22:7-38, Ngài đến để làm trọn lễ Vượt Qua và làm cho sự giải cứu đó được hiệu quả theo kiểu mẫu của Lễ Vượt Qua. Dĩ nhiên là Lễ Vượt Qua đầu tiên là sự giải cứu khỏi sự đàn áp chính trị của Pha-ra-ôn; dù rõ ràng như thế, sự giải cứu chính trị cũng cần chỉ ra hai giai đoạn của thành quả. Trong giai đoạn thứ hai dân Y-sơ-ra-ên đã được giải phóng khỏi thế lực của Ai-cập khi Chúa tiêu diệt quân đội Ai-cập trong biển Đỏ. Nhưng trong giai đoạn một, là giai đoạn rõ ràng quan trọng hơn nhiều trong hai giai đoạn, dân Y-sơ-ra-ên cần được giải cứu không phải khỏi thế lực của Ai-cập mà là khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời. Đem của Lễ Vượt Qua đầu tiên là một đê mê của sự giết chóc trong sự đoán phạt của Chúa (12:12-13); và sách Xuất Ai-cập ký đã làm rõ ràng khi Chúa trở dậy để thi hành án trên xứ Ai-cập, thì dân Y-sơ-ra-ên cũng đáng bị phạt như người Ai-cập vậy. Sự khác biệt giữa kẻ đàn áp và kẻ bị đàn áp là rất nhỏ. Tất cả đều là tội nhân. Thế nên lẽ ra con đầu lòng của dân Y-sơ-ra-ên chắc chắn bị tiêu diệt cũng như con đầu lòng của người Ai-cập, nếu như Chúa không ban huyết của chiên con của Lễ Vượt Qua như là một sự bảo vệ khỏi thiên sứ hủy diệt (Xuất 12:21-23).

Vậy, là Chiên Con thật của Lễ Vượt Qua, Đấng Christ đến trên Đồi Sọ một cách có kế hoạch để giải cứu loài người tội lỗi khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời bằng chính huyết của Ngài. Nếu không có sự giải cứu đó, thì tất cả những sự giải cứu khác cuối cùng đều vô nghĩa. Nhạo báng Chúa, giống như những nhà lãnh đạo và những binh lính đã làm, là một sự hiểu lầm tuyệt đối: họ cũng đã nhạo báng một con chiên thật của lễ Vượt Qua vì nó cứu mạng người khác mà không tự cứu mình được.

Vậy chắc chắn sự chết của Đấng Christ khiến cho sự tha thứ thiên thượng trở nên có ý nghĩa, vậy một người có thể nhận lấy sự tha thứ đó với những điều kiện nào? Chắc chắn rằng sự tha thứ đó giải phóng một người khỏi cơn đoán phạt thiên thượng, là hình phạt đời đời của tội lỗi, thì sự tha thứ đó có ảnh hưởng gì nếu họ vẫn phải nhận lấy hậu quả của tội lỗi? Câu trả lời cho những câu hỏi này được đưa ra qua lời thoại của hai phạm nhân.

Phạm nhân đầu tiên đang đau đớn vì hậu quả của hành động sai trái của mình trong hình thức của hình phạt tạm thời thực thi bởi chính quyền đương đại. Trong tất cả những đau đớn của ông rõ ràng là không có sự kính sợ Chúa, không có lời thú tội trước Chúa, không có sự bày tỏ ăn năn, không lời cầu xin được thiên thượng tha thứ. Ông sẵn sàng tin rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a nếu như Ngài làm một phép lạ và giải phóng ông khỏi hình phạt tạm thời là hậu quả của tội ác ông đã phạm. Khi Chúa không hề cố gắng để làm điều đó ông rửa sả Ngài và tôn giáo của Ngài là một sự lừa đảo. Nhưng để cứu người ta khỏi hậu quả tạm thời của tội lỗi, mà trước hết không đem họ đến sự ăn năn và phục hòa với Đức Chúa Cha thì không phải là sự cứu rỗi thật. Việc đó sẽ khuyến khích người ta tái phạm dưới một ấn tượng rằng bất cứ một hậu quả xấu và không thoải mái nào cũng sẽ được đem đi một cách diệu kỳ bởi một vị thần. Không có thiên đàng nào được xây dựng trên một thái độ thiếu trách nhiệm với tội lỗi như thế cả. Còn đối với phạm nhân thứ hai thì khác. Suy gẫm về sự kiện rằng Đấng Christ là một người vô tội, nhưng phải chịu đau đớn cùng với tội nhân, đã thuyết phục lương tâm của ông rằng trên đời này phải có một sự đoán phạt, trong đó những bất công trong đời này phải được giải quyết đúng đắn. Điều đó đánh thức trong lòng ông một sự kính sợ Chúa lành mạnh, dẫn đến ăn năn và một nhận thức rõ ràng về tội lỗi của mình. Thậm chí sự đoán phạt tạm thời được chính quyền ban ra mà ông phải chịu là xứng đáng, và ông không đòi hỏi gì về một phép lạ phải được thực hiện để cứu ông khỏi hậu quả của tội lỗi mình (23:40-41). Một lần nữa khi suy gẫm về sự kiện rằng Đấng Christ chịu đau đớn một cách vô lý đã đưa ông đến chỗ tin rằng Ngài thực sự chính là Đấng Mê-si-a, là Vua. Nếu Ngài là Đấng Mê-si-a và có một Đức Chúa Trời quan tâm đến công lý thì tất cả những gì ông nghe về sự sống lại phải là thật: Đấng Mê-si-a phải sống lại từ kẻ chết và “đến trong vương quốc Ngài”. Có lẽ vì nghe lời cầu nguyện của Chúa với Cha xin tha thứ cho những binh lính đã đóng đinh Ngài; có lẽ đó là một linh cảm đến từ Đức Thánh Linh; nhưng dù là bất cứ điều gì gây nên những suy nghĩ trong ông đi nữa, thì trong lòng ông cũng đã dấy lên một đức tin để nhận thấy rằng, trong khi không có thắc mắc gì về việc ông được cứu khỏi hậu quả tạm thời của tội lỗi mình, thì khả năng ông được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Đức Chúa

Trời và hình phạt tội lỗi là hoàn toàn có thể. Cùng với suy nghĩ đó cũng đã đem đến một sự thay đổi sâu xa trong lòng ông. Ông không còn muốn là một tên phản loạn nữa; ông không muốn gì hơn ngoài việc trở nên một công cụ cho Vua trong vương quốc đời đời của Ngài nếu Vua muốn. Ông nói: “Lạy Chúa Jêsus, xin hãy nhớ đến con khi Ngài vào trong vương quốc Ngài” (23:42).

Sự đáp lời của Vua không chỉ ban cho sự tha thứ tức thời mà còn nói rõ ra cho phạm nhân đang chết, và cho tất cả những người ăn năn và tin, rằng điều đi kèm theo sự tha thứ: đó là được Đức Chúa Trời chấp nhận hoàn toàn ngay lập tức; Ngài đảm bảo rằng sau cái chết ông sẽ được tiếp đón trực tiếp vào trong sự hiện diện của Vua mà không có bất cứ trì hoãn nào, ông sẽ được ở với “Đấng Christ”; và được vào trong thiên đàng là nơi không còn đau đớn, khóc lóc, tội lỗi hay lời nguyện rửa (22:43). Đấng Christ nói rằng: “Hôm nay, con sẽ ở với Ta trong thiên đàng.” Một tên phản loạn đã cải đạo: chẳng phải đó là công việc thật của một vị Vua sao?

Cuối cùng Lu-ca cho chúng ta thấy trong sự tế trị của Đức Chúa Trời, Ngài sắp xếp để phải có sự biện hộ cho Đấng Christ dù trong sự đau đớn và trong sự chết của Ngài. Sự sống lại của Ngài dĩ nhiên là sẽ đem lại sự bênh vực xa hơn và lớn hơn nữa; nhưng tại sự chết Ngài có hai sự can thiệp: một là trong lãnh vực tự nhiên, hai là trong lãnh vực tôn giáo (23:44-45).

Bóng tối bao trùm không thể được giải thích như là một hiện tượng nhật thực, nhưng nó ảnh hưởng tất cả những người chứng kiến cảnh tượng Chúa bị đóng đinh (23:48) giờ đây chứng kiến điều xáo trộn quả là mãnh liệt trong thiên nhiên. Hãy để cho tiến trình bình thường của thiên nhiên không bị xem là rối loạn, và cảm giác bất an của con người sẽ khiến họ hồi tỉnh, nếu con người đã từng thừa nhận về sự nhỏ bé của mình và sự vĩ đại lạ lùng của Đức Chúa Trời, thì sẽ khiến họ tỉnh thức về tội lỗi và sự chân thật, ít nhất là với chính mình về những vấn đề đạo đức.

Giờ đây, viên đội trưởng chịu trách nhiệm đội ngũ thi hành án đơn giản chỉ đang làm nhiệm vụ của mình, mới đầu có lẽ rất ít quan tâm đến vấn đề nghiêm trọng giữa các lãnh đạo Do Thái và Chúa Jêsus, càng không lưu ý rằng nó liên quan đến một số câu hỏi về tôn

giáo. Bóng tối rõ ràng đã khiến mỗi quan tâm trong ông trở nên sâu sắc hơn và khiến cho sự đóng đinh này có một ý nghĩa sâu sắc đối với ông. Lu-ca không kể cho chúng ta về tiếng khóc của Chúa khi Ngài bị từ bỏ; ông chỉ đơn giản ghi lại rằng Đấng Christ đi về gặp Đức Chúa Cha với đức tin và sự bình thản, như con về với Cha (23:46). Chính điều này cuối cùng đã tạo ra những quyết định trong viên đội trưởng. Ông nói: “Quả thật đây là một người công chính”; công chính không chỉ trong cuộc tranh cãi với những lãnh đạo Do Thái Giáo mà còn công chính trong quan hệ với Đức Chúa Trời. Một người phải chết trong những hoàn cảnh và điều kiện như thế thì hẳn phải là người đúng. Sự ảnh hưởng trên đám đông là những hệ luận này: sự đau đớn vô tội của Đấng Christ, cách thức Ngài chết thừa nhận một sự xáo trộn không tự nhiên của thiên nhiên trên họ vì trái với hiểu biết và sự tự định tội cho tình trạng tội lỗi của họ: họ đấm ngực mà trở về (23:48).

Một số người đứng quanh cây thập tự có lẽ đã lưu ý rằng cái màn trong đền thờ đã bị xé đôi; cần phải biết rằng sự việc không những chỉ xảy ra mà còn xảy ra ngay lúc Chúa chết, hiện tượng này mang một ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Không còn bức màn che sự hiện diện của Chúa nữa, không có một thầy tế lễ Do Thái nào dám bước vào nơi chí thánh của đền thờ nữa. Sự xé màn ra làm đôi khiến cho hệ thống thờ phượng của người Do Thái tạm thời không hoạt động được. Sau đó khi người ta thấy rằng mình có thể có được sự tha thứ qua sự chết và sinh tế của Đấng Christ, được sự chấp nhận tức thì của Đức Chúa Trời và phương cách thuộc linh để vào trong sự hiện diện của Ngài (Hê 10:19-22) thì niềm vui của họ về những lễ thật thuộc linh đó khiến họ cảm thấy rằng những sinh tế biểu tượng và đền thờ của đạo Do Thái giờ đây trở nên cổ xưa. Cũng với bằng chứng đó, họ cảm thấy thập tự giá của Đấng Christ và những gì Ngài đã đạt được qua thập tự là phần chính yếu của vinh quang Ngài.

*c. Quyết định của một thành viên tòa công luận (23:50:56a).* Bước tiếp theo trong việc bênh vực cho Chúa chính là việc chôn Ngài trong một ngôi mộ riêng. Nếu như thi thể Ngài bị ném vào trong một ngôi mộ tập thể cùng với những thi thể khác, thì sau đó sẽ không thể chỉ ra ngôi mộ trống như một chứng cứ rõ ràng của sự phục sinh. Vì thế,

Lu-ca trình bày một cách cẩn thận về thi thể được đặt ở đâu và như thế nào (23:53) và nhấn mạnh hơn nữa rằng những người nữ đã theo Chúa Jêsus từ Ga-li-lê đã thấy cả ngôi mộ và thi thể Ngài được đặt như thế nào một cách chính xác (23:55). Khi họ trở lại thì thấy ngôi mộ trống, không phải họ đã đến nhầm mộ, hay lúc đầu họ đã không biết chính xác thi thể đã được đặt ở đâu và như thế nào ở bên trong mộ.

Tuy nhiên trong giờ phút này, điều trọng tâm nhất là cách Đức Chúa Trời hoàn thành phần quan trọng này trong sự bênh vực cho Con Ngài. Ngài hoàn thành điều này qua ảnh hưởng từ sự chết của Đấng Christ trên hiều biết thông thường của một trong các thành viên của tòa công luận là Giô-sép người A-ri-ma-thê.

Lu-ca kể rằng ông (23:50-51), là “một người tốt và công chính” và ông bất đồng ý kiến với hội đồng và những việc họ làm, rõ ràng là trên cơ sở ông cho rằng những hành động của hội đồng là hoàn toàn bất công. Nhưng hội đồng là thân thể quốc gia, họ hành động cho cộng đồng; và Giô-sép là một thành viên của hội đồng. Ông đã nhận thấy rằng bất đồng một cách âm thầm là không đủ: nếu ông muốn giải phóng chính mình khỏi tình trạng liên lụy đến việc giết Chúa Jêsus thì ông cần phải tách rời chính mình khỏi những hành động của hội đồng.

Nhưng Giô-sép còn hơn “một người tốt và công bình”, Lu-ca giải thích (23:51): ông cũng “đang tìm kiếm vương quốc Đức Chúa Trời”, có nghĩa là ông đang đứng trên Cự Ước trông chờ sự đến của Đấng Mê-si-a để mở ra vương quốc Đức Chúa Trời. Có nhiều người muốn tin rằng Chúa Jêsus đã bị đóng đinh cách bất công, nhiều người ngày nay cũng vậy, nhưng họ không muốn tiến xa hơn nữa để xác nhận rằng Ngài là Đấng Mê-si-a. Hơn thế nữa tại tòa công luận, Chúa Jêsus đã tuyên bố một mối quan hệ hoàn toàn độc nhất với Đức Chúa Trời, là “Con Đức Chúa Trời”, được định trước để chia sẻ ngai vàng với Đức Chúa Trời. Nếu đây không phải là sự thật mà Ngài đã phạm tội lộng ngôn, theo luật của Do Thái là đáng chết, thì Giô-sép nên đồng ý với bản án đó.

Mặt khác nếu Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a thì không đủ chứng cứ để biện minh rằng xử tử Ngài là không công bằng. Giô-sép nhận



thấy rằng cả tính logic và lòng trung thành, đều đòi buộc ông xưng nhận đức tin vào chân lý trong lời công bố của Chúa Jê-sus, và công khai kết giao với Chúa Jê-sus ngay trong lúc này, trong sự hạ mình hết sức của ông, nếu ông muốn Chúa sở hữu ông khi Ngài được tôn cao, dù sự tôn cao đó xảy ra ở bất cứ nơi đâu và như thế nào. Vậy nên ông đến với Phi-lát, và ông xin được chôn Chúa Jê-sus, không nghi ngờ gì, không lâu sau cả tòa công luận đều biết tất cả và không chỉ nhìn thấy mặt đạo đức, nhưng còn yếu tố thần học và hàm ý về tôn giáo trong hành động của Giô-sép.

Người được gọi là tên cướp sắp chết đã được về Pa-ra-di trong chốc lát khi tuyên xưng đức tin nơi Chúa Jê-sus, vì thế ông ta không được kêu gọi phải chứng minh sự chân thành của đức tin mình qua lối sống hằng ngày. Còn chúng ta giống như Giô-sép, được để lại để tiếp tục sống trên đời này là nơi Con Đức Chúa Trời đã bị đóng đinh, có thể tự hỏi rằng chúng ta đã làm gì và đang làm gì để có thể công khai rõ ràng về quan điểm của mình trong mối liên hệ với những điều Đấng Christ công bố.

## **8. Vị Vua dùng bữa tại Giê-ru-sa-lem: bằng chứng về sự sống lại của Ngài (23:56b-24:53)**

Một cách tự nhiên, cả bốn nhà truyền đạo đều ghi chép lại sự đắc thắng trong ngày thứ ba của Chúa Jê-sus - Chúa chúng ta sống lại từ cõi chết. Điểm đặc biệt trong ghi chép của Lu-ca là không nghi ngờ gì về câu chuyện ông kể trên đường đến Em-ma-út. Ngoại trừ một phần nhắc đến cách sơ lược về chuyến đi này trong Mác 16:12-13 thì không có một phần nào trong các sách Phúc Âm khác giống như câu chuyện này cả.

Câu chuyện này chiếm phần trọng tâm trong câu chuyện phục sinh của Lu-ca và đóng vai trò chủ chốt trong việc xây dựng ý tưởng. Nó nằm giữa sự hỗn loạn, vô tín và nan đề bất ngờ của nhóm môn đồ trong 24:4, 11-12 và sự phân tán cuối cùng của sự vô tín về sự xuất hiện của Chúa với nhóm môn đồ trong 24:36f (24:41). Câu chuyện bắt đầu với hai môn đồ trong sự tuyệt vọng sâu sắc, chúng ta có thể đoán được sự vô tín của họ trong sự sống lại cùng những nguyên nhân giống như những người còn lại. Sau đó câu chuyện bày tỏ rằng

Chúa mô tả nguyên nhân của sự vô tín, trục xuất chúng và thể chỗ chúng bằng đức tin vui mừng không lay chuyển được. Sau cùng câu chuyện ghi lại rằng trong khi họ đang điếm lại kinh nghiệm của mình giữa các môn đồ thì Chúa thành linh xuất hiện ở giữa họ, chứng minh bản chất của thân thể tái sinh của Ngài và sơ lược mục vụ toàn cầu cho họ. (24:44-49).

Dĩ nhiên không phải tình cờ mà câu chuyện Lu-ca chọn để lấp đầy trọng tâm của câu chuyện phục sinh lại là câu chuyện về một chuyến đi; nhưng Lu-ca muốn chúng ta lưu ý rằng đó không chỉ là một hành trình đến Em-ma-út. Đó là hành trình từ Giê-ru-sa-lem đến Em-ma-út và trở về lại Giê-ru-sa-lem. Vì hai môn đồ ra đi từ Giê-ru-sa-lem, ông cho chúng ta biết rằng khoảng cách đến Em-ma-út là khoảng bảy dặm (24:13); và cuối câu chuyện ông kể, rằng ngay sau khi Chúa biến mất, họ trở dậy và trở về Giê-ru-sa-lem bất chấp đường xa và thực ra trời đã tối (24:29-33). Trong tính tức thì và trong văn mạch rộng hơn của Phúc Âm thì cả việc họ rời Giê-ru-sa-lem và trở lại đều có ý nghĩa lớn lao.

Ngay phần đầu câu chuyện về hành trình của Chúa từ đất lên trời, Lu-ca cho chúng ta biết rằng Đấng Christ “quyết định đi đến thành Giê-ru-sa-lem” (9:51); sau đó ông cứ nhắc nhở chúng ta rằng Đấng Christ và những môn đồ Ngài đang trên đường lên thành Giê-ru-sa-lem (13:22; 17:11; 18:31; 19:11). Chúa có mặt tại đó cho chúng ta thấy tại sao việc Ngài lên thành lại quan trọng như thế: Ngài đến Giê-ru-sa-lem như là vị Vua của Si-ôn, và công khai thừa nhận rằng Ngài có cả một đám đông môn đồ hộ tống Ngài vào thành Giê-ru-sa-lem với vinh hiển hoàng gia cùng lời tung hô.

Giờ đây hai môn đồ rời khỏi Giê-ru-sa-lem và đi về nhà với những nguyên do mang hàm ý nghiêm túc nhất. Trước đây, họ đã thật sự đã quyết định rằng việc các nhà cầm quyền đóng đinh Chúa Jêsus trên thập tự giá đã chứng minh rằng Ngài không phải là Vua (24:19-21) và họ đang đối mặt với nguy cơ từ bỏ không chỉ Giê-ru-sa-lem mà tất cả những hi vọng mà họ đã từng bày tỏ qua việc hộ tống Chúa vào thành. Rõ ràng Đấng Christ không để cho hành trình đi ngược đó kết thúc tại Em-ma-út; Ngài phải đem họ trở về Giê-ru-sa-lem. Là Vua của Si-ôn nên Ngài chưa xong việc với thành Giê-ru-

sa-lem. Thật vậy, các nhà cầm quyền đã “ném Ngài ra ngoài vườn và giết Ngài” (20:14-15); nhưng câu chuyện còn có một mặt khác. Cái chết của Ngài tại Giê-ru-sa-lem đã trở thành chiến lược có kế hoạch của Ngài cho sự thiết lập một giao ước mới và lập nên vương quốc Ngài. Giờ đây của lễ hi sinh Lễ Vượt Qua của Ngài đã hoàn tất, Ngài phải hoàn tất việc “xuất hành” (9:31). Ngài sẽ không rút lui khỏi Giê-ru-sa-lem như một vị Vua bại trận và hoàn tất hành trình lên trời ở một điểm nào đó trong xứ Pa-let-tin. Cuộc xuất hành của Ngài phải được hoàn tất như đã được báo trước bởi Môi-se và Ê-li là tại Giê-ru-sa-lem. Ngài đã đến Giê-ru-sa-lem với tư cách một vị Vua, Ngài phải rời Giê-ru-sa-lem với tư cách Chúa đắc thắng. Thế nên, đó là tại Giê-ru-sa-lem Ngài hiện ra với mười một môn đồ và tóm tắt sứ mạng toàn cầu của họ (24:36-39). Ngài hướng dẫn rằng Giê-ru-sa-lem phải là điểm khởi đầu để chia sẻ Phúc Âm (24:47). Đó là tại Giê-ru-sa-lem mà Đức Thánh Linh sẽ đến và ban năng quyền cho họ để thực hiện sứ mạng của mình và họ phải chờ trong thành cho đến khi Ngài đến (24:49). Đó là tại Giê-ru-sa-lem mà chính Đấng Christ sẽ dẫn họ ra ngoài để chứng kiến sự thắng thiên của Ngài (24:50); và họ sẽ trở lại Giê-ru-sa-lem (24:52) và trong đền thờ của thành họ thường xuyên hội họp trong sự vui mừng ngợi khen từ sự thắng thiên cho đến ngày lễ Ngũ Tuần.

Tuy nhiên, trước hết phải tập hợp những môn đồ thối chí và thuyết phục họ rằng Ngài đã sống lại và đó là nội dung của hai đoạn đầu trong hoạt động để giải thích tại sao điều đó lại là cần thiết và khó làm khi mới khởi đầu.

*a. Sự chuẩn bị không cần thiết (23:56b-24:12).* Khi những người nữ đến nơi phần mộ của Chúa Jêsus trong ngày đầu tuần, họ mang theo hương liệu để ướp xác Chúa. Rõ ràng là họ không trông mong Ngài sống lại; và vì thế ngay khi họ nhận thấy hòn đá đã bị lăn ra và không có xác trong mộ thì họ rối loạn. Ngay lúc đó hai thiên sứ hiện ra và chỉ ra nguyên nhân gây sự rối loạn: họ đã không nhớ những gì mà Đấng Christ đã giải thích rõ ràng với họ khi Ngài ở Ga-li-lê – và những người nữ này đến từ Ga-li-lê (23:55) – về sự chết gần đến và sự sống lại của Ngài (24:5-8).

Chúng ta nên lưu ý Lu-ca đã cẩn thận hành văn như thế nào

để nhấn mạnh sự thật này để chúng ta lưu tâm. Trong sự hướng dẫn của Đấng Christ, khi hai môn đồ đi mượn một con lừa thì “họ gặp điều như Ngài nói” (19:32). Cũng theo lời Ngài nói, hai môn đồ đi tìm một phòng cao và “họ gặp như điều Ngài dặn và tại phòng cao đó họ chuẩn bị cho lễ Vượt Qua” (22:13). Nếu các môn đồ và sứ đồ nghe lời Ngài tại Ga-li-lê thì những người nữ đã không cần phải chuẩn bị một chút hương liệu nào để đem đến mộ; và nếu họ vẫn đến mộ thì có lẽ họ đã không bị ngạc nhiên khi thấy mộ trống như Ngài đã phán.

Khi mười một môn đồ nhớ lại về lời tiên tri của Chúa tại Ga-li-lê về sự chết và sống lại của Ngài và bây giờ họ nghe những lời tường trình của những người nữ về Đấng Christ phục sinh, thì rõ ràng hai lời này không có sự khác biệt. Họ từ chối tin rằng những người nữ đã thấy thiên sứ hay những thiên sứ đã thông báo rằng lời tiên phán của người Ga-li-lê đó đã ứng nghiệm (24:11). Phi-e-rơ đã đến mộ và thấy đúng như những người nữ đã nói, trống rỗng và chỉ có mà thôi (24:12). Điều đó khiến ông ngạc nhiên và bối rối; nhưng điều đó vẫn không khiến ông tin lời tiên tri của Đấng Christ rằng sự sống lại của Ngài đã thành sự thật.

Tại sao các môn đồ lại thấy lời Chúa phán về sự sống lại của Ngài là khó tin đến vậy, câu chuyện tiếp theo sẽ giải thích cho chúng ta. Trong lúc này chúng ta nên nắm lấy ý nghĩa của lễ thật mà phân đoạn đầu trình bày. Bây giờ Lu-ca sẽ cho chúng ta biết rằng phúc âm được ủy thác để đem đến toàn thế gian là ban cho sự tha thứ cho những người ăn năn trước sự chết và sự sống lại của Đấng Christ (24:46-47). Trong phân đoạn đầu này ông đang nhấn mạnh lễ thật rằng phúc âm này có nguồn gốc từ Đấng Christ. Nói như cách một số người rằng sứ điệp mà Chúa Jêsus giảng là bài học đơn giản về tình yêu của Đức Chúa Trời cho con người và tình yêu của con người cho Chúa và người lân cận, rồi chính các sứ đồ của Ngài là người nối tiếp, đã “phát minh” ra Phúc Âm rằng Đấng Christ chết vì tội lỗi chúng ta và sống lại vào ngày thứ ba (1 Cô 15:3-4). Chúa Jêsus có thể giảng về tình yêu của Đức Chúa Trời và con người mà không cần đi đến gần thành Giê-ru-sa-lem. Nhưng đó là điều kiện quan trọng tiên quyết của Phúc Âm mà Ngài sắp truyền bá khắp đất, đó là Ngài phải đi lên Giê-ru-sa-lem, bị đóng đinh ở đó và sống lại; và vì vậy nên mục tiêu

của cuộc hành trình như Lu-ca long trọng khẳng định, đã được Đấng Christ phán trước tại Ga-li-lê trước khi bắt đầu chuyến đi. Các môn đồ không phát minh ra điều đó: thực ra đôi lúc họ còn không hiểu cũng không tin điều đó nữa. Điều đó bắt nguồn từ Đấng Christ.

*b. Dùng bữa với các môn đồ (24:13-43).* Đó là cách của Chúa, đi từ Ga-li-lê và vào thành Giê-ru-sa-lem với tư cách một vị Vua, rồi đi ngược lại với hai môn đồ trên con đường gác ngọ và lắng nghe tất cả những lý do tại sao giờ đây họ nghi ngờ, rằng tóm lại thì Chúa Jêsus có phải là Vua? Trước khi ra đi, họ đã nghe lời kể của những người nữ về ngôi mộ trống và sứ điệp của các thiên sứ, và họ đã có thể kể lại với Người Lạ này rằng một vài người trong nhóm sứ đồ đã kiểm tra mộ Chúa Jêsus và thấy mộ trống, thêm một điều mỉa mai vô thức to lớn nữa là khi họ nhìn thẳng vào mặt Người Lạ và nói: “Nhưng mà họ không thấy Ngài” (24:24). Thậm chí họ còn chỉ ra cho Người Lạ rằng đây là ngày thứ ba kể từ khi Chúa Jêsus bị đóng đinh (24:21), và dường như ý tưởng về sự sống lại đã xảy ra ấy không hề ở trong họ như là điều thật sự nghiêm túc. Tại sao không?

Trước hết, có một sự kiện đó là đối với những người dân bình thường thì các thầy tế lễ và các lãnh đạo tôn giáo vẫn mang ảnh hưởng to lớn. Việc họ cố tình hủy chứng cứ mà các môn đồ đã xây dựng niềm hi vọng, và việc họ giết Chúa rõ ràng là một ngọn gió mãnh liệt làm lung lay đức tin của các môn đồ rằng Chúa Jêsus là Đấng Mê-si-a (24:19-20).

Quan trọng hơn nữa vẫn là sự kiện về sự chết và sống lại không nằm trong khái niệm của họ về địa vị và chương trình của Đấng Mê-si-a, cũng là lý do mà họ không tiếp nhận những gì Chúa Jêsus nói về sự chết đang đến của Ngài. Họ đang hi vọng một Đấng Mê-si-a sẽ bẻ gãy sự thống trị của những người theo chủ nghĩa đế quốc của La-mã bằng lực lượng vũ trang. Một Đấng Mê-si-a bằng lòng bị những lãnh đạo Do Thái Giáo bắt, giao nộp cho người La-mã và đóng đinh trước khi Ngài bắt đầu tổ chức bất kỳ một hoạt động du kích nào, cuộc tổng nổi dậy hoặc chiến tranh- thì có ích gì? Nếu Cựu Ước có tiên tri về một nhà giải phóng không chết mà đắc thắng thì Chúa Jêsus đã không đạt tiêu chuẩn: Ngài đã chết. Sau đó, nói về sự sống lại dường như là chẳng thích đáng.

Vì vậy, điều đầu tiên Chúa phục sinh phải làm để có thể củng cố cho Cơ-lê-ô-pa và những người đồng thời với Ngài về sự thật của sự phục sinh là chứng minh rằng theo Cựu Ước thì Đấng Mê-si-a phải chết; và thứ hai là sự cứu chuộc mà Đấng Christ đem lại chỉ có thể hiệu nghiệm qua sự chết của Ngài. Những trông mong của họ về Đấng Mê-si-a đắc thắng dĩ nhiên là không sai, nhưng trông mong ấy được xây dựng trên những phần hết sức chọn lựa của Cựu Ước. Họ đã gắn chặt vào với những phân đoạn nói về thắng lợi trên kẻ thù của Y-sơ-ra-ên và sự khôi phục lãnh thổ Y-sơ-ra-ên, nhà vua và nền độc lập. Những đoạn Thánh Kinh nói về sự chịu khổ của Đấng Christ và sự chết đối với họ là vô nghĩa – giả sử họ có từng đọc những phân đoạn ấy đi nữa; và họ có chia sẻ lại điều đó: nhưng họ vẫn không hình thành kỳ vọng của mình về Đấng Mê-si-a như thế. Họ tin những gì các tiên tri phán: nhưng họ chỉ không tin hết những gì các tiên tri đã phán (24:25).

Thế là Người Lạ phải chứng minh xuyên suốt và chi tiết rằng chương trình dành cho Đấng Mê-si-a là Ngài phải “chịu thương khó như thế rồi mới bước vào vinh quang của mình” (24:26-27): có nghĩa là sự thương khó của Ngài là phương tiện chính để Ngài vào trong vinh quang Ngài. Sự chết của Ngài không phải là điều cản trở trên đường cứu chuộc Y-sơ-ra-ên, nhưng chính là phương cách mà sự cứu chuộc đó được hoàn tất. Trên phòng cao (22:14-20) Đấng Christ có nhắc đến kiểu mẫu của lễ Vượt Qua và lời tiên tri của Giê-rê-mi về giao ước mới. Bây giờ Ngài dẫn hai sứ đồ của chúng ta lược qua đủ các loại lời tiên tri nói về sự cứu chuộc trong ý nghĩa tha tội và giải hòa với Đức Chúa Trời qua cái chết hi sinh của Đấng Mê-si-a.

Tuy nhiên suốt cuộc nói chuyện cho tới lúc này, hai môn đồ vẫn bị che mắt và không nhận biết Người Lạ này là ai. Những gì mà Người Lạ trình bày đơn giản chỉ là sự chết của Chúa Jê-sus không phải là điều cản trở Ngài là Đấng Mê-si-a: hơn thế điều đó khiến lời công bố của Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si-a thuyết phục hơn và lời kể về sự sống lại của Ngài càng đáng tin cậy hơn. Nhưng nếu Chúa Giê-xu sống lại, thì Ngài ở đâu? Làm sao người ta có thể nhận ra Ngài và bảo đảm đó là Ngài nếu như họ thấy Ngài.

Câu hỏi sau có lẽ thú vị đối với chúng ta hơn là đối với hai vị

sứ đồ. Nếu việc Đấng Mê-si-a phải chịu chết và rồi phục sinh theo như Cựu Ước là điều được biết đến rộng rãi thì điều gì có thể cản trở những kẻ cơ hội tôn giáo cải trang thành Chúa Jê-sus và lừa gạt những Cơ Đốc Nhân đầu tiên, khiến họ nghĩ rằng đó chính là Chúa Jê-sus sống lại từ cõi chết? Thật ra, chúng ta phải hỏi rằng làm thế nào Người Lạ đã thuyết phục được hai sứ đồ rằng Ngài là Chúa Jê-sus?

Chắc chắn Ngài không phải chỉ đơn giản nói: “Ta là Jê-sus”. Bất cứ người mạo danh nào cũng có thể nói như vậy. Ngài làm điều đó bằng một hành động mà không có kẻ giả mạo nào có thể nghĩ ra, và theo phong cách rất đặc trưng của Chúa Jê-sus, lại rất thuyết phục về cốt lõi của vấn đề Ngài đã chia sẻ cách kín giấu với các môn đồ về chính Ngài, mà không kẻ mạo danh nào có thể biết điều đó, hành động đó đã thuyết phục họ.

Ngồi vào bàn, Ngài cầm bánh trên tay, chúc phước, bẻ ra và trao cho họ. Điều đó chắc chắn thu hút sự chú ý của họ đến đôi tay Ngài, và có lẽ khi nhìn như thế họ đã phát hiện ra dấu đinh nơi cổ tay Ngài. Nhưng không phải dấu đinh theo như dẫn chứng sau này là cách các môn đồ nhận biết Ngài mà là hành động bẻ bánh: “họ liên hệ ... cách Ngài được họ nhận ra trong việc bẻ bánh”.

Trong hai dịp vô cùng ý nghĩa, Chúa bẻ bánh trong tay và phân phát cho các môn đồ. Lần đầu tiên là khi Ngài cho năm ngàn người ăn (9:16). Những môn đồ đứng đủ gần để thấy điều xảy ra, sẽ không bao giờ quên hình ảnh đáng kinh ngạc khi mà bánh tự hoá ra nhiều trên hai bàn tay ấy. Còn gì nữa, phép lạ này sau đó đã được Chúa dùng như ẩn dụ về việc ban cho thịt và huyết Ngài cho sự sống của thế gian (6:32-59). Giờ đây Người Lạ vừa hoàn tất phần lược khảo dài về Cựu Ước, để chỉ ra rằng kế hoạch thiên thượng là Đấng Mê-si-a phải ban thân thể Ngài vì tội lỗi của con người, cầm bánh trong tay, chúc phước, bẻ ra và phân phát cho họ. Ngay lập tức họ nhận biết Ngài: một cử chỉ không thể bắt chước được về sự tự mặc khải.

Lần thứ hai là trên phòng cao khi kỉ niệm lễ Vượt Qua cuối cùng và thiết lập Lễ Tiệc Thánh. Cơ-lê-ô-pa không có mặt trong dịp đó; như những gì chúng ta biết là có thể ông cũng không có mặt lúc Ngài cho năm ngàn người ăn. Có lẽ ông đã nghe về cả hai sự việc. Cuộc nói chuyện bí ẩn về cả hai trường hợp đó, về sự ban cho thân

<b>Giai Đoạn 5 Ngài Đê 19:29 - 24 :53</b>		
<p><b>1 Giê-ru-sa-lem và lần đến thứ nhất của Vua</b> 19:29-48</p> <p><b>1 Vua đến</b> 19:29-40</p> <p>a “Đấng chúc phước thay là Đấng nhân danh Chúa mà đến.”</p> <p>b ...người Pha-ri-si... nói: “Hãy quở các môn đồ Ngài!...; Ngài đáp... “nếu những người này im lặng thì đã sẽ kêu lên.”</p>	<p><b>2. Vua và sự chất vấn của lãnh đạo tôn giáo</b> 20:1-19</p> <p><b>1 Vua bị chất vấn</b> 20:1-8</p> <p>a “Bởi thẩm quyền nào Ngài làm những việc này? Ai đã cho Ngài thẩm quyền ấy?”</p> <p>b “Phép báp-tem của Giăng là từ trời hay từ loài người?”</p>	<p><b>4 Giê-ru-sa-lem và lần đến thứ hai của Vua</b> 21:5-21:38</p> <p><b>1 Sự đến của các mê-si-a giả</b> 21:5-19</p> <p>a “Nhiều kẻ sẽ lấy nhiều danh xưng mà đến...”</p> <p>b “Ta sẽ ban cho các con lời lẽ... mà tất cả kẻ thù nghịch các con không thể chống cự...”</p>
<p><b>1 Giê-ru-sa-lem và lần đến thứ nhất của Vua</b> 19:29-48</p> <p><b>1 Vua đến</b> 19:29-40</p> <p>a “Đấng chúc phước thay là Đấng nhân danh Chúa mà đến.”</p> <p>b ...người Pha-ri-si... nói: “Hãy quở các môn đồ Ngài!...; Ngài đáp... “nếu những người này im lặng thì đã sẽ kêu lên.”</p>	<p><b>2. Vua và sự chất vấn của lãnh đạo chính quyền</b> 20:20-21:4</p> <p><b>1 Vua bị chất vấn</b> 20:20-26</p> <p>a Họ theo dõi Ngài... để... họ có thể... giao nộp Ngài cho... nhà cầm quyền.</p> <p>b “Chúng tôi nộp thuế cho Sê-sa có đúng luật không? ... Hãy trả cho Sê-sa những gì thuộc về Sê-sa và cho Đức Chúa Trời những gì thuộc về Ngài.</p>	<p><b>2 Sự tàn phá và lần đến của Đấng Mê-si-a</b> 20:27-44</p> <p>“... họ cũng sẽ không chết nữa vì họ... là con của Chúa, tức là con của sự sống lại...”</p> <p>“Tại sao lại nói Đấng Christ là con vua Đa-vít?...”</p> <p>“Hãy ngồi bên hữu Ta cho đến khi Ta đặt các kẻ thù của con làm bệ chân cho con.”</p>
<p><b>2 Sự tàn phá thành Giê-ru-sa-lem</b> 19:41-44</p> <p>a... kẻ thù người sẽ... bao vây người bôn bề... và đập người xuống đất và giết con cái người ở giữa người.”</p>	<p><b>2 Bị giết và sự biến hộ của Đấng Mê-si-a</b> 20:9-18</p> <p>“... Ta sẽ sai con trai yếu đuối của ta... Họ... giết nó...”</p> <p>“Hòn đá bị người thợ xây nhà loại ra đã trở nên đá góc nhà...”</p> <p>nếu nó rơi trúng ai đó, nó sẽ nghiền nát người đó như bụi.”</p>	<p><b>2 Sự tàn phá và cứu chuộc Giê-ru-sa-lem</b> 21:20-33</p> <p>a “...Giê-ru-sa-lem bị quân đội bao vây... khôn thay cho những phụ nữ mang thai... họ sẽ bị ngã bởi gươm...”</p>



b "...nhưng bây giờ những điều ấy bị che khuất khỏi mắt người... bởi vì người không nhận biết thời điểm mình được thăm viếng..."

b "... rồi họ sẽ thấy Con người đến ... khi các con thấy những điều này ... thì biết rằng vương quốc Đức Chúa Trời đã đến gần ..."

**3 Đấng Christ vào đến thờ**  
19:45-48

"... Nhà Ta sẽ là nhà cầu nguyện: nhưng các người đã biến nơi này thành hang trộm cướp". Ngài đã dạy dỗ mỗi ngày trong đến thờ. Nhưng thấy tế lễ thượng phẩm... tìm cách để giết Ngài, và họ không biết phải làm thế nào vì dân chúng đều say mê nghe Ngài.

**3 Phản ứng tại đến thờ**  
20:19

... Các thầy thông giáo và thầy tế lễ thượng phẩm tìm cách bắt Ngài trong chính giờ đó, và họ sợ dân chúng, vì họ biết Ngài dùng ẩn dụ để chống lại họ.

**3 Đánh giá về sự dâng hiến**  
trong đến thờ 20:45-21:4

"... Hãy cẩn trọng đối với các thầy thông giáo ... là kẻ ăn nuốt nhà của người góa bụa, và làm bộ đọc lời cầu nguyện dài ..." Một người đàn bà góa dâng hết tất cả những gì bà ấy có vào kho đến thờ.

**3 Lời khuyên bảo cuối cùng**  
trong đến thờ 21:34-38

"... Hãy thận trọng, e rằng vì sự ăn uống quá độ, say sưa, và sự lo lắng đời nầy làm cho lòng các con mê mẩn chẳng ..." Và mỗi ngày Ngài đều dạy dỗ tại đến thờ... và dân chúng đến... để nghe Ngài."

**Giai Đoạn 5 Ngài Đì 19:29 - 24 :53 (Tiếp theo)**

**5 Vua dùng bữa tại Giê-ru-sa-lem: biểu tượng của sự chết** Ngài 21:1-38

**6 Vua bị bắt và bị xử tử vì các lãnh đạo tôn giáo** 22:39-71

**7 Vua bị xét xử, định tội và đóng đinh bởi lãnh đạo chính quyền** 23:1-56a

**8 Vua dùng bữa tại Giê-ru-sa-lem: chứng cứ về sự sống lại của Ngài** 23:56b-24:53

**1 Những chuẩn bị cần thiết** 22:1-13

“Hãy đi sửa soạn lễ Vượt Qua để chúng ta cùng ăn ... Thầy muốn chúng con sửa soạn lễ ấy tại đâu...?” Và họ...thấy như điều Ngài dặn và họ sửa soạn lễ Vượt Qua.

**1 Bị bắt: các thầy tế lễ và thế lực tối tăm** 22:39-53

“Lạy Cha, nếu Cha muốn xin cắt chèn này khỏi con. Dù vậy xin ý Cha được nên ...” Và trong cơn rất đau thương Ngài cầu nguyện rất khẩn thiết...

**1 Vụ án dân sự:** Phi-lát và chính quyền Hê-rốt: 23:1-25

Phi-lát nói, sẵn lòng tha cho Chúa Jê-sus ... nhưng họ la lớn tiếng ... và tiếng gào thét của họ đã thắng thế ... Phi-lát quyết theo lời đòi hỏi của họ ... Ông giao Chúa Jê-sus cho họ.

**1 Sự chuẩn bị không cần thiết** 23:56b – 24:12

Họ đến ... mang theo hương liệu mà họ đã chuẩn bị sẵn và phát hiện ra rằng hòn đá đã bị lăn ra ... và họ không tìm thấy xác của Chúa Jê-sus ... “Hãy nhớ điều Ngài đã phán với các người...”

**2 Đấng Christ bị bắt đến nhà thấy cả thượng phẩm** 22:54-65

a Và một người tớ gái ... nói: “Ông này cũng ở với người ấy”. Nhưng ông từ chối mà nói rằng ...: “Tôi không biết ông ta ...” Và Phi-e-rơ nhớ lời Chúa đã phán với ông ...

**2 Đấng Christ bị bắt đến nhà thấy cả thượng phẩm** 22:54-65

a Và anh ta nói: “Chúa Jê-sus xin nhớ đến con!” ... và Ngài nói: “Hôm nay con sẽ ở với Ta trong Pa-ra-đi.”

**2 Dùng bữa cùng các môn đồ** 22:14-38

a “Ta rất muốn ăn lễ Vượt Qua này với các con ... trước khi Ta chịu đau đớn, vì ... Ta sẽ không ăn lễ này nữa cho đến khi lễ được ứng nghiệm (22:15-16) ... Con Người ra đi như đã định (22:22) ... và Ta chỉ định cho người một vương quốc

**2 Bị dẫn đi và đóng đinh** 23:26-49

a “Ô, các con thật dại dột và có lòng chậm tin lời những nhà tiên tri đã nói. Chẳng phải Đấng Christ phải chịu đau đớn rồi mới bước vào sự vinh quang Ngài sao?” rồi Ngài giải thích mọi ghi chép về Ngài (24:25-27) ... “Các con không có gì để ăn sao?” ...

**2 Dùng bữa với các môn đồ** 24:13-43

a “Ô, các con thật dại dột và có lòng chậm tin lời những nhà tiên tri đã nói. Chẳng phải Đấng Christ phải chịu đau đớn rồi mới bước vào sự vinh quang Ngài sao?” rồi Ngài giải thích mọi ghi chép về Ngài (24:25-27) ... “Các con không có gì để ăn sao?” ...

th và huyết của Đấng Christ rõ ràng là không rõ nghĩa đối với các

... để người có thể ăn ... trên bàn trong vương quốc của Ta" (22:24-30) ...  
b Rồi Ngài lấy bánh, bẻ ra đưa cho các môn đồ và nói: "Này là thân thể Ta ... hãy làm điều này để nhớ Ta ..." (22:19)

b Những người nam ... chế nhạo và đánh Ngài ... nói rằng: "Hãy nói tiên tri đi, ai đã đánh người?"

b Và những nhà lãnh đạo chế giễu Ngài ... quân lính cũng chế giễu Ngài và một trong hai người làm điều ác ... cũng phỉ báng Ngài ...

Ngài lấy bánh và ăn trước mặt họ (24:41-43).  
b Và Ngài lấy bánh ... bẻ ra và trao cho họ ... và họ đã nhận ra Ngài khi Ngài bẻ bánh (24:30,35).

**3 Sự chu cấp cho mục vụ**  
22:35-38

"Khi Ta sai các con đi không đem túi tiền ... các con có bị thiếu gì không ... Nhưng bây giờ ai có túi bạc, hãy đem theo ... hãy bán áo mà mua gươm, vì ... lời Kinh Thánh này phải được ứng nghiệm trong Ta ..."

**3 Quyết định của tòa công luận**  
22:66-71

Hội đồng trưởng lão ... giải Ngài đến hội đồng ... Ngài nói ... "Con người sẽ ngồi bên phải Đức Chúa Trời quyền năng..."  
Và họ nói: "Chúng ta đấu cần thêm chứng cớ gì nữa?"

**3 Quyết định của một nghị viên hội đồng công luận:**  
23:50-56a

Và một người ... tên là Giô-sép là thành viên của hội đồng công luận ... ông ta không tán thành về quyết định và hành động của họ ... là người đang tìm kiếm vương quốc Chúa ... đến với Phi-lát ... để xin xác của Chúa ... và đặt nằm trong một cái mộ...

**3 Tóm lược sứ mạng**  
24:44-53

"Mọi việc đã được chép ... về Ta phải được ứng nghiệm ... và Ta ban cho các con điều Cha đã hứa nhưng hãy đợi ... cho đến khi các con được mặc lấy năng quyền từ trên cao."

môn đồ nói chi đến Cơ-lê-ô-pa, thậm chí sau khi Ngài chết, cho đến bây giờ Người Lạ đã chứng minh rằng Cựu Ước đầy đầy những lời tiên tri, lễ nghi, kiểu mẫu và mô hình về của lễ tự hiến được định trước của Đấng Mê-si-a. Giờ đây khi Người Lạ một lần nữa bẻ bánh và trao cho họ, thì mọi sự cùng trở lại và trở nên rõ ràng với họ. “Mắt họ đã mở ra và nhận biết Ngài.”

Ngày nay vẫn vậy, ở một mức độ sâu hơn, chúng ta nhận biết Đấng Cứu Thế thật của thế gian cũng theo một cách đó: vì không ai trên thế giới này trong lịch sử loài người tự hiến thân thể mình cho sự cứu chuộc cho từng người trong nhân loại.

Cũng trong đêm đó hai môn đồ quay lại Giê-ru-sa-lem. Lần trước khi họ đi lên Giê-ru-sa-lem, họ hi vọng rằng Chúa Jê-sus sẽ chứng tỏ mình là Vua và cứu chuộc Y-sơ-ra-ên (24:21). Lần này thì khác. Giờ đây họ biết rằng Ngài là Vua. Giờ đây họ đã tỉnh thức về sự cứu chuộc vô cùng to lớn hơn sự giải phóng chính trị hạn hẹp mà trước đây họ trông mong. Bây giờ đức tin và những hi vọng của họ dựa vào một nền tảng mà không sự chống đối hay sự chết nào có thể lật đổ được.

Tại Giê-ru-sa-lem họ tìm thấy mười một môn đồ và những người khác tập trung lại và kể rằng Chúa thật đã sống lại và hiện ra với Si-môn. Sau đó Ngài lại hiện ra, lần này thì họ có sợ hãi một chút. Trên đường đến Em-ma-út, Ngài đã cùng đi với họ như một khách đồng hành; nhưng lần này Ngài xuất hiện thành linh ở giữa họ. Đương nhiên họ nghĩ rằng đây phải là linh hồn của Ngài chứ không phải con người của Chúa Jê-sus tại Na-xa-rét mà họ biết; và họ cảm nhận nỗi sợ mà người ta cảm nhận trong sự xuất hiện của một linh hồn không thể xác.

Để trấn an họ, Ngài chứng tỏ, trong chừng mực mà họ có thể nắm bắt được, về “sự sống lại” có nghĩa là gì. Trước hết, Ngài xác nhận bản chất quan trọng của Ngài với Chúa Jê-sus mà họ biết: “chính Ta đây”, Ngài nói (24:39). Hơn nữa, bản chất của Ngài không đơn thuần là linh hồn của một con người, mà còn ở trạng thân thể của một con người. Ngài nói: “Hãy nhìn xem tay và chân Ta”. Giăng kể rằng chúng vẫn còn dấu đinh (Giăng 20:27); nhưng điều Lu-ca ghi lại là Đấng Christ kêu gọi các môn đồ dùng các giác quan của họ để

chạm vào Ngài để thấy rằng trong sự phục sinh Ngài vẫn có một cơ thể bằng xương thịt. Họ vẫn thấy rằng việc Ngài sống lại là quá tuyệt vời đến nỗi thật khó tin; nên Ngài hỏi có gì ăn không, rồi Ngài ăn cá mà họ cho để chứng tỏ xa hơn nữa rằng trong một ý nghĩa, thì dù Ngài đang đứng giữa vòng họ nhưng Ngài không còn ở với họ nữa (24:44), nhưng Ngài đã ở trong một thế giới khác rồi, dưới một quy luật thể chất khác với họ, nhưng Ngài vẫn là Chúa Jêsus như khi Ngài ở với họ.

Trước khi Ngài chịu đau đớn (22:15-16), Ngài đã cùng họ ăn con chiên thật của lễ Vượt Qua ám chỉ về sự chết của Ngài. Giờ đây Ngài ăn (24:43) một con cá thật để chứng minh tình trạng thân thể thật của sự phục sinh. Thế nên khi chúng ta nghe Vua hứa rằng (22:30) chúng ta sẽ ăn và uống cùng bàn với Ngài trong vương quốc Ngài, chúng ta sẽ không khôn ngoan khi cho rằng rằng “ăn uống” là hoàn toàn không đáng giá gì ngoài biểu tượng thông công thuộc linh. Chắc chắn ăn uống ở trên thiên đàng là rất khác với ăn uống ở đây. Khác với thế gian có lẽ ở điểm này, nhưng vẫn không hoàn toàn khác: việc ăn uống cho thấy thân thể của Chúa chúng ta là rất thật, đã được vinh hiển, nhưng vẫn là con người.

*c. Tóm lược sứ mạng (24:44-53).* Trong 22:35-38 tại cuối bữa ăn tối của lễ Vượt Qua, Chúa Jêsus đã tóm lược sứ mạng của các sứ đồ cho mục vụ toàn cầu của họ. Giờ đây khi gần kết thúc bữa ăn Ngài lại tóm lược lần nữa. Trong lần trước, Ngài tập trung phần lớn vào câu hỏi về nguồn cung ứng tiền bạc và những vật chất khác cần thiết cho công tác truyền giáo của họ. Trước hết là căn bản và nội dung của Phúc âm mà họ rao giảng. Sứ điệp của họ không phải là xây dựng trên triết học, bởi trình tự trên căn bản của những định lý chung. Sứ điệp đó dựa vào Phúc Âm trên một số sự kiện lịch sử được tiên tri trong Cựu Ước và được ứng nghiệm trong lịch sử bởi Chúa Jêsus, được gọi là sự chịu khổ, sự chết, sự chôn và sự sống lại của Đấng Mê-si-a; và sự thật về sự sống, sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài làm ứng nghiệm những lời tiên tri trong Thánh Kinh là một phần của Phúc âm (24:44-46).

Thứ hai, Phúc Âm ban cho tất cả mọi người ăn năn sự tha thứ trong danh Chúa Jêsus: không nói về sự nhân từ và tình yêu thương

tổng quát của Đức Chúa Trời nhưng nói chi tiết về một nhân vật lịch sử là Chúa Jêsus, là người chịu đau đớn, chịu chết, và sống lại (24:47).

Thứ ba, Phúc Âm về sự tha thứ này phải được rao ra khắp thế gian cho cả nhân loại mà không phân biệt gì hết. Đồng thời, việc rao giảng phúc âm phải được bắt đầu từ Giê-ru-sa-lem (24:47). Phúc Âm không mọc lên đồng loạt trong những vùng khác nhau của thế giới, như thế nó dựa trên một số lẽ thật hiển nhiên chung chung hoặc toàn cầu có thể xảy ra đồng loạt với những dân tộc khác nhau, trong những thời điểm khác nhau và tại những nơi khác nhau. Việc rao giảng sẽ khởi đầu từ Giê-ru-sa-lem bởi vì sự tha thứ mà Phúc âm đem lại khởi đầu và luôn nên khởi đầu trên những điều xảy ra khi Con nhập thể của Đức Chúa Trời chịu đau đớn, chết và sống lại ngay bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem. Lời công bố của sự kiện cứu chuộc duy nhất này phải trước hết được rao ra bởi những con người có thể làm nhân chứng cho chân lý lịch sử của Phúc âm ấy (24:48).

Thứ tư, là câu hỏi về việc ban năng quyền cho mục vụ (24:49). Cũng quan trọng như nền tảng lịch sử của lời công bố, vương quốc của Vua sẽ không được tấn tới đơn giản bởi sự lặp lại một số sự kiện lịch sử. Sứ giả phải được ban năng quyền trong lời chứng của mình bởi Đức Thánh Linh trên họ bởi Đấng Cứu Thế đã thăng thiên; và sự trở lại với Đấng Christ sẽ có ảnh hưởng trên những người nghe bởi công tác siêu nhiên của sự tái sinh.

Đó là sự tóm lược mà Đấng Christ ban cho các sứ đồ và môn đồ của Ngài sau khi Ngài đã sống lại tại Giê-ru-sa-lem.

Giờ đây giai đoạn cuối, hành trình của Vua trên đất đã hoàn tất và Ngài phải tiến về đích, là điều mà Ngài luôn nhắm đến từ khi hành trình bắt đầu: “Vị Vua “đã chịu đau thương giờ đây sẽ đi vào nơi vinh quang của Ngài”. Hôm nay Ngài phải đi một mình, và để lại các môn đồ để thực hiện công việc của Ngài, rao giảng phúc âm của Ngài và lan ra vương quốc Ngài trên đất; một ngày kia Ngài sẽ trở lại và cũng sẽ đem họ vào trong sự vinh quang của Ngài. Từ đó Lu-ca đi đến việc mô tả sự kiện ẩn tượng không thể tả: sự thăng thiên của Vua.

“Và Ngài dẫn các môn đồ đến gần làng Bê-tha-ni: giơ tay lên

và ban phước cho họ”: Ngài không phải là thầy tế lễ câm giống như Xa-cha-ri câm nín trước dân sự hoang mang (1:22), Ngài là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm thật, khi Ngài thăng thiên thì kéo dân sự đến trong sự đáp ứng bằng lời ngợi khen Đức Chúa Trời dường như không bao giờ ngắt.

“Đang khi ban phước, Ngài lia các môn đồ và được đem lên trời. Các môn đồ thờ phượng Ngài rồi trở về thành Giê-ru-sa-lem với niềm vui tràn ngập. Họ tiếp tục ở trong đền thờ, chúc tụng Đức Chúa Trời”.

Không cần phải nói thêm gì nữa trong giây phút này. Chúng ta hãy tham gia với họ và cả đám đông những người được cứu chuộc trong niềm vui và sự ngợi khen Vua.

## Phụ Lục

### **1. Giá trị của việc áp dụng kinh điển việc phê bình văn học của Aristotle vào tác phẩm của Lu-ca.**

Sự chống đối trong trang 15 chắc chắn sẽ rất giá trị nếu chúng ta đề xuất việc áp dụng toàn bộ thuyết phê bình của Aristotle tout court vào trong tác phẩm của Lu-ca. Không cần phải nói, chúng ta không đề xuất một điều nào như thế nhưng chỉ đề nghị rằng một số quan sát của Aristotle như tầm quan trọng của việc chọn lựa cẩn thận, cân đối và sắp xếp tài liệu, và trong sự ao ước rằng một tác phẩm cần có một sự gắn kết nhất định, phần mở đầu, phần thân và phần kết hay nói cách khác là dòng tư tưởng của những suy nghĩ hợp lý, đều có thể áp dụng được đối với những tác phẩm nghiêm túc dù là thuộc văn chương hay thuộc lịch sử, được viết ra trong bất cứ thời kỳ nào. Chúng ta không hàm ý rằng Lu-ca đã đúc kết nguồn tài liệu với sự tự do tương tự như các nhà viết kịch Hi-lạp định hình các huyền thoại mà họ tạo nên những bi kịch. Đánh giá theo sự phân biệt của riêng Aristotle rằng sử gia thì nói về những việc thật sự đã xảy ra; trong khi nhà thơ nói về những việc đại loại như sẽ hoặc có thể xảy ra. Không cần phải ngần ngại mà xếp Lu-ca vào hàng sử gia. Mặt khác, chính Aristotle chỉ ra rằng trong cái nhìn chung thì thơ ca liên quan đến những chân lý phổ quát, còn lịch sử liên quan đến sự kiện mà một cá nhân hoặc một nhóm người đã hành động, nhưng một số việc thật đã xảy ra trong lịch sử trở thành chân lý phổ quát. Bây giờ thì một lần nữa sự quan sát này không thể được áp dụng mà không có sửa đổi trong tác phẩm của Lu-ca; nhưng nó có thể góp phần nhắc nhở chúng ta nhớ về một đặc tính quan trọng về văn tường thuật của Phúc Âm. Các câu chuyện của các nhà truyền đạo về phép lạ của Đấng Christ trước hết là ghi chép về những việc thật sự xảy ra; nhưng độc giả Cơ Đốc qua hàng thế kỷ đã đọc chúng như những câu chuyện ngụ ngôn và mô hình truyền tải lẽ thật ứng dụng đại trà. Sự hiểu biết này về những phép lạ của Đấng Christ là rất minh bạch trong Phúc Âm Thứ Tư, giả sử như cách Phúc Âm đó thuật lại về câu chuyện cho năm ngàn người ăn (đoạn 6) và chuyện ban ánh sáng cho người mù (đặc biệt trong đoạn 9:39-41). Vì thế, sẽ khó nếu nghĩ rằng khi Lu-ca ghi



lại, ví dụ như câu chuyện ban ánh sáng cho người mù thành Giê-ri-cô (18:38-43) thì ông không thấy gì trong câu chuyện đó hơn là một sự kiện lịch sử. Vậy thì cần thừa nhận rằng Lu-ca đã thấy trong những phép lạ như thế những lẽ thật và những bài học có thể ứng dụng đại trà, và một người sẽ tự động hỏi rằng liệu trong việc chọn lựa và sắp xếp những tư liệu về những phép lạ này, Lu-ca dự định để những bài học lịch sử đứng tách biệt và là những đơn vị khép kín, hay ông có ý để những bài học này hòa điệu với các vấn đề được thảo luận trong văn mạch mà ông sắp xếp chúng vào. Chúng ta trở lại với vấn đề về dòng tư tưởng.

## **2. Về câu hỏi liệu việc dùng phương pháp đối xứng văn học trong tác phẩm lịch sử có thích hợp với lịch sử nghiêm ngặt.**

Nếu đó là nhiệm vụ của sử gia để ghi chép lại mọi thứ mà các chủ đề lịch sử của ông viết và nói về trong mỗi ngày của đời sống họ, vậy không nghi ngờ rằng ông không thể chân thật với lịch sử nếu ông cố gắng trình bày sự thật theo lối đối xứng: những điều xảy ra trong cuộc sống là quá nhiều và không liên quan đến việc đối xứng. Tuy nhiên, không ai tưởng tượng rằng một sử gia hoặc cả người chép sử có thể hay nên cố gắng để ghi lại mọi thứ. Người đó phải chọn lựa, và vì có sự chọn lọc là liên quan mật thiết đến việc giải nghĩa, vì thế câu hỏi cơ bản để hỏi bất cứ sử gia hoặc người viết tiểu sử là, liệu những lẽ thật người ấy trình bày có thật không và lời giải nghĩa có đúng đắn không. Thế nên, chúng ta nên nhận biết rằng, việc sử dụng cấu trúc đối xứng của một sử gia cổ hoặc người viết tiểu sử, đơn giản là cách ông dùng để có thể đạt được việc giải nghĩa, đó cũng là điều mà một sử gia hiện đại muốn đạt được bằng những phương pháp khác nhau. Vì thế, tự bản thân của phương pháp cấu trúc đối xứng không làm cho lịch sử bị sai trật nhiều hơn là phương pháp của sử gia hiện đại.

Hãy tưởng tượng về trường hợp một người nam là một đại tướng nổi tiếng, sau đó trở thành một chính trị gia, sau cùng là tổng thống của nước mình. Một nhà viết tiểu sử muốn công bằng với người nam đó và muốn trình bày nhiều khía cạnh và tính cách đa dạng có thể chọn để ghi vào hồ sơ lý lịch hai chiến dịch tranh cử và hai cuộc nổi loạn mà ông đã dẹp yên, và sắp xếp chúng hoặc là gần nhau hoặc là với những tư liệu xen kẽ để tạo nên cấu trúc đối xứng:

một chiến dịch đắc thắng nhờ dùng những cuộc đình công thành linh, và một chuỗi các trận đấu lớn; một cuộc nổi loạn được dập tắt qua việc sử dụng những chính sách khoan hồng hà khắc; một chiến dịch khác được thắng qua việc cố tình tránh chiến đốc và áp dụng chiến thuật trì hoãn và âm mưu. Người ghi tiểu sử thời xưa có thể để cho phần chọn lựa và cấu trúc đối xứng truyền tải phần thuyết minh mà không thêm thắt hay bất cứ lời bình nào của mình. Người ghi tiểu sử hiện đại về phần mình có thể cũng muốn có phần thuyết minh về đặc tính của người đại tướng, và người đó cũng minh họa bằng hai trận chiến giống như thế và dùng hai cuộc nổi dậy giống nhau. Nhưng người này sẽ làm theo một cách khác. Có lẽ ông sẽ đặt những trận chiến và cuộc nổi dậy cùng nhau trong một chương cố gắng cho việc nghiên cứu của ông về vị đại tướng; xuyên suốt tiến trình ông sẽ thêm vào những bình luận rõ ràng và quan sát về tài năng của vị đại tướng để đưa ra và củng cố phần thuyết minh của mình. Những độc giả hiện đại có thể cảm thấy dễ hiểu hơn với sử gia hiện đại vì ông chỉ ra rõ ràng phần nào ông thêm vào phần bình luận của mình trong các sự kiện lịch sử, nhưng thật khó mà cho rằng cách dùng cấu trúc đối xứng của người viết tiểu sử thời xưa không có lời bình luận dứt khoát là vì ông thiếu chính xác về các sự kiện lịch sử.

Một lần nữa, với một sử gia khác, dù là xưa hay hiện đại, đều thấy thú vị về ông đại tướng ấy, nhưng một chính trị gia thì chủ yếu sẽ chọn một trong số các chiến dịch và bỏ qua ba câu chuyện khác, và đặt nó trong một trình tự hoàn toàn khác về mặt xã hội, kinh tế, và diễn tiến chính trị, ông sắp đặt như thế để chỉ ra thành công của viên đại tướng đã góp phần đưa ông vào quyền lực chính trị. Không ai lại nghĩ rằng việc ông chọn chỉ một trận chiến và cách sắp đặt theo trình tự khác với các sự kiện là hình thức bóp méo các sự kiện lịch sử.

Câu hỏi đặt ra là liệu sự chọn lựa tư liệu của Lu-ca, hay việc ông lia bỏ thứ tự thời gian nghiêm ngặt, hay cách ông sử dụng cấu trúc đối xứng có khiến ông rơi vào việc thuyết minh sai những nguồn tư liệu hay bóp méo các sự kiện lịch sử, đó là một câu hỏi mà chỉ có thể được giải quyết bằng những điều tra chi tiết cho mỗi trường hợp, để chứng minh rằng trong chín mươi chín trường hợp, thì câu trả lời là không, nên không cần thiết phải chứng minh trường hợp thứ

một trăm. Một sự điều tra như thế rõ ràng là vượt quá phạm vi của sách này. Tuy nhiên, điều chúng tôi muốn công bố ở đây là cấu trúc đối xứng không nhất thiết tương phản với tính chính xác của lịch sử.

### **3. Về câu hỏi dấy lên bởi những phân tích khác biệt và loại suy trong cấu trúc văn chương Thánh Kinh.**

Có rất nhiều cấu trúc văn chương được qui gán cho sách Lu-ca bởi nhiều học giả khác nhau.<sup>1</sup> Lời đề nghị của các học giả này là để tác phẩm được hỗ trợ cách tự nhiên bởi những phân tích văn chương chi tiết và tranh luận, và rõ ràng là không thể đưa ra một bài phê bình công bằng về tác phẩm và không điều nào trong số đó có thể sẵn sàng trong phút chốc đối với tác giả hiện tại ở đây. Nên điều ông đề xuất để làm ở đây đơn giản là đưa ra thái độ sơ lược của ông đối với các cấu trúc văn chương và những gì ông trông đợi từ các cấu trúc đó và đưa ra một ví dụ nhỏ về loại câu hỏi mà ông muốn hỏi về bất cứ cấu trúc nào được đề nghị.

Điều quan tâm chính về tác phẩm hiện tại đó là tìm ra ý nghĩa và dòng tư tưởng hơn là thiết lập cấu trúc cân đối. Thậm chí là mối quan tâm hạn chế hơn có thể liên quan đến rất nhiều giải thích chủ quan, xem những đề nghị của người Do Thái xưa “lời giải thích kề nhau” và những cố gắng của họ để tìm dòng tư tưởng giữa một đoạn này với đoạn khác trong kinh Tô-ra (xem Ta-mut người Ba-by-lôn, Berakoth, 216 và ví dụ, lời bình trong Midrash Rabbah, Nu. 20:14-29). Thế nên tác giả hiện tại sẽ xem xét cấu trúc văn chương để kiểm soát sự giải nghĩa trong hai cách. Trước hết, nếu tác giả đặt hai câu chuyện đối lập nhau trong một cấu trúc cân đối, nó sẽ buộc người giải nghĩa nhận biết những điểm giống và khác nhau giữa hai câu chuyện và để nhận biết đặc tính của các câu chuyện lẽ ra ông có thể bỏ qua hoặc thiếu mất ý nghĩa. Thứ nhì, bất cứ đề nghị giải thích nào về câu chuyện có thể được kiểm chứng bằng cách hỏi liệu nó có rõ nghĩa trong cấu trúc mà tác giả đặt vào không.

Mặt khác, trong khi tác giả hiện tại sẽ xem xét cấu trúc văn chương để thuận tiện và kiểm soát sự giải nghĩa, có thể ông không quan tâm đến nó như một chiếc bó. Trong phần thân bài của tác phẩm này ở một trường hợp nào đó ông đã chỉ ra rằng cấu trúc cân

đối đòi hỏi rằng cả hai câu chuyện của người nữ trong nhà Si-môn và người nữ bị rong huyết nên được giải thích dưới ánh sáng của nhau. Nếu thiếu mất những điểm tương đồng và tương phản sẽ có thể thiếu mất điều mà Lu-ca muốn chúng ta suy nghĩ đến. Nói như thế có nghĩa là tác giả hiện tại chắc chắn không muốn công bố rằng không chính đáng để lấy câu chuyện người nữ trong nhà Si-môn để so sánh và tương phản, nói rằng việc bà xúc thuốc mỡ trên Chúa với ý định thiếu sáng suốt của các người nữ trong 24:1-9 để tôn kính thi thể của Chúa bằng hương liệu. Có thể việc các độc giả so sánh hai câu chuyện này với nhau không nằm trong suy nghĩ của Lu-ca, nhưng vì tác phẩm của ông là chép lại những sự kiện lịch sử nên cởi mở để cho các độc giả so sánh hay tương phản hai hay nhiều câu chuyện của ông tùy họ muốn.

Hơn nữa, tác giả hiện tại không yêu cầu cấu trúc mà ông đề xuất là cấu trúc duy nhất mà có thể được phát hiện trong sách Lu-ca. Một thiết kế nghệ thuật phức tạp thường chỉ trình bày một sự cân đối khi nhìn từ một góc cạnh hay một khởi điểm, và một sự cân đối khác với cái khác. Tác giả hiện tại đã chỉ ra rằng tùy thuộc vào chủ đề hay các chủ đề mà một người đang đi theo suốt Phúc Âm Ma-thi-ơ, trong trường hợp nào đó, người đó có thể tạo ra một trường hợp mạnh mẽ cho sự tồn tại của hai hoặc ba lối chính chạy xuyên suốt sách. 1

### **Dưới đây là cấu trúc cân đối được đề xuất bởi Giáo sư C. H. Talbert<sup>2</sup> cho một phần Phúc âm Lu-ca.**

4:31-41 Chúa Giê-xu ở trong cuộc đụng độ với ma quỷ. Một con quỷ kêu lên: "Hỡi Chúa Giê-xu của Na-xa-rét, chúng tôi có can hệ gì với Ngài mà Ngài đến để tiêu diệt chúng tôi? Tôi biết Ngài là ai, Ngài là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời."

8:26-39 Chúa Giê-xu đụng độ với ma quỷ. Chúng nói: "Hỡi Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời, tôi có can hệ gì với Ngài đâu? Tôi xin Ngài đừng làm khổ tôi."

5:1-11 Chúa Giê-xu đang ở trên thuyền với Si-môn. Một phép lạ tự nhiên xảy ra.

8:22-25 Chúa Giê-xu đang ở trên một chiếc thuyền với các môn đồ Ngài. Một phép lạ tự nhiên đã xảy ra.

5:17-26 Khi Chúa Giê-xu đang ở với nhóm người Pha-ri-si thì nổi lên câu hỏi về việc Ngài tha thứ tội lỗi. Ngài nói với một người nam rằng: "Hỡi anh, tội anh đã được tha".

7:36-50 Khi Chúa đang ăn với một người Pha-ri-si thì câu hỏi về sự tha thứ tội nổi lên. Chúa

## *Phụ Lục*

Giê-xu nói với người nữ: "Tội con đã được tha."

5:27-6:5 Chúa Giê-xu và các môn đồ được biết là đang ăn và uống trái với các môn đồ của Giảng Báp-tít kiêng ăn thường xuyên.

7:31-35 Giảng đến không ăn cũng không uống. Con người đến ăn và uống.

6:12-16 Mười hai sứ đồ được chọn. Điều này ngay lập tức mở đường cho sự giảng dạy của Chúa đến đám đông.

8:1-3 Mười hai sứ đồ được chọn. Điều này ngay lập tức mở đường cho sự giảng dạy của Chúa đến đám đông.

6:17-49 Chúa Giê-xu dạy dỗ đám đông. Kết luận về việc "nghe" và "làm" theo sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu.

8:4-8, 16-21 Chúa Giê-xu dạy dỗ đám đông. Kết luận về việc "nghe" và "làm" theo sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu.

Hãy nói lại lần nữa cách rõ ràng rằng chúng ta không được ban cho đầy đủ quy mô của lời bình trong tác phẩm của Giáo Sư Talbert như nó vốn rất chi tiết và phân tích học thuật. Chúng ta chỉ đơn giản trích phần nhỏ này trong tác phẩm câu ông để đưa ra một ví dụ về loại câu hỏi mà tác giả hiện thời muốn đặt ra cho rất nhiều cấu trúc văn chương được đề xuất bởi rất nhiều học giả khác nhau.

Trước hết, chúng ta có thể suy nghĩ về tác phẩm gốc được viết theo cách cân đối nếu để có được sự cân đối trong thứ tự tường thuật của Lu-ca phải được sắp xếp lại một cách cương quyết như cột bên tay phải không? Thứ hai là, có thể nào một cấu trúc được đề xuất sẽ được hiểu như cân đối nếu nó phải bỏ sót những phân đoạn như việc chữa lành người phung (5:12-16) và sự chữa lành người đàn ông bị teo tay (6:6-11) cũng như những câu chuyện khác? Nhưng còn quan trọng hơn hai câu hỏi này là hai câu hỏi: điểm mấu chốt củ sự cân xứng trong toàn tác phẩm là gì? Và cấu trúc giúp chúng ta thấy ý nghĩa của từng thành phần cá nhân?

Hãy xem trường hợp sự tương ứng được đề xuất giữa đoạn 5:1-11 và 8:22-25. Chắc chắn là cả hai đoạn đều chép về một phép lạ tự nhiên, vậy bài học được dạy d632 trong phân đoạn thứ hai giúp chúng ta hiểu biết đầy đủ hơn bài học được dạy trong phép lạ thứ nhất? Chi tiết trong câu chuyện thứ nhất rất đầy đủ và về sự vâng lời của Ph-e-rơ đối với mạng lệnh của Chúa, niềm tin của ông trước

khi phạm tội và sự vận hành của ông trong mục vụ sứ đồ. Làm sao những chi tiết trong câu chuyện thứ hai chiếu sáng hơn hay nhấn mạnh hơn vào chi tiết của câu chuyện thứ nhất?

Cuối cùng, làm sao sự hiện hữu của cấu trúc đề xuất này giúp chúng ta thấy cách câu chuyện trong đoạn 5:1-11 liên quan đến nội dung trực tiếp của nó? Đoạn 5:1-11 như chúng ta vừa nhắc đến, đạt đến cao trào bằng lời thú tội của Phi-e-rơ. Về phương diện đó thì có nhiều điểm tương đồng trong hai câu chuyện trong đoạn 5:17-26 và 7:36-50 hơn là với câu chuyện trong đoạn 8: 22-25. Nhưng làm sao cấu trúc có thể giúp chúng ta thấy được liên kết tư tưởng khiến Lu-ca đặt câu chuyện về người phung (5:12-16) ngay sau đoạn 5:1-11?

Nói cách khác tác giả hiện tại sẽ xem cấu trúc văn chương đơn giản chỉ là một thiết bị thực tế (và rất phụ) trong việc giúp đỡ độc giả nắm bắt đầy đủ ý nghĩa chi tiết và dòng chảy tư tưởng của tác phẩm tường thuật. Miễn là nó làm tròn chức năng đó thì nên cho qua; và nếu nó không làm tròn chức năng đó thì không ích lợi.